

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG

MỘT KHOẢNH
VIỆT NAM
CỘNG HÒA
NỒI DÀI



THANH VĂN

Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nổi Dài

Tác giả: Tạ Chí Đại Trường

Kể Lại Chuyện Trước Năm 2000

Viết như trên không phải để lan la làm quen với một tác giả nổi tiếng trong ngoài nước về quyển sách ghi lại kinh nghiệm tù đầy của ông ta ở các trại Miền Bắc (Chuyện kể năm 2000, Bùi Ngọc Tấn, Hà Nội.) Tác giả nổi tiếng vì là con dân của chế độ hiện hành nên sách dù sao cũng đã được in ra cho 80 triệu người với chuyện lạ dễ gọi tò mò, lại vì hành động “phản động” đó đã gây ra phản ứng với cơ quan công quyền trong nước và sự hưởng ứng nồng nhiệt bốc cao của những người chống Cộng thường dễ dàng ca tụng những xuất hiện như thế. Tuy nhiên dù sao thì mượn một chuyện kể tương tự để nói chuyện mình, chuyện của những chuẩn công dân hạng nhì trong giai đoạn đổi thay quyền lực, nghĩ cũng là một cơ hội làm sáng tỏ thêm một thời đại từ nhiều phía, có hại gì đâu!

Nguyên, cũng giống như người viết bài bạt đăng trên bìa 4 quyển sách in năm 1993, chúng tôi đã có ý nghĩ dùng những kinh nghiệm tù đầy như một tài liệu lịch sử, thói quen của những người muốn viết sử mà không muốn chép lại lời người khác khi có dịp, như dịp này: biến động sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa và tác động đến một thành phần của nó, trong đó có chúng tôi. Trong thư viết cho Giáo sư Nguyễn Thế Anh khi ra tù, nói về việc đang làm, có câu “Biến động lớn quá, không ghi cũng uổng.” Trong trại, không thể ghi chép và lưu giữ được chút gì, chỉ còn lại ý định ngay từ đầu làm khởi điểm nên trí nhớ là chỗ cất chứa duy nhất. Và vì thế không xa khi về nhà, chúng tôi bắt đầu làm việc ngay, cứ sợ để lâu ngày quên mất! Chính vì thế mà không cần câu cái, văn từ, cứ viết theo những gì mình cho là còn nhớ.

Lại cũng không nghĩ rằng có thể xuất bản, cần xuất bản. Trong cuộc sống co rút của mình, chúng tôi không hề biết có những hồi kí cải tạo làm xôn xao bên kia bờ đại dương. Chưa kể những điều viết ra, vì mục đích ghi sự kiện, có thể đụng chạm đến những người còn sống, bạn bè quen thuộc đã đành mà còn có những người có danh vọng trong thời đại cũ, nổi bật so với đời sống ẩn khuất của chúng tôi. Lại còn về phía chính quyền đương đại, cách thức nhận xét của chúng tôi hẳn không thể làm họ bằng lòng nhất là khi họ đang được tung hô, những lời tung hô chưa bị những biến động tiếp sau 1975 làm

họ nhứt ý thức kiên cường mà chiến thắng, mà quyền bính thì còn thừa đủ để trút lên đầu những cá nhân “tội phạm” lẻ tẻ vừa tạm thoát khỏi vòng tay của nhà tù. Một đời người thì ngắn so với biến chuyển lịch sử cho nên đã có ý nghĩ để những điều ghi lại là một *Mémoires d'outretombe*, mượn ý của ông văn sĩ Tây, chưa đọc! Xin những người cùng “phe” theo với sự tình cờ của lịch sử chớ coi đó là một biểu hiện bi quan. ? Kravchenko, người đầu tiên tố cáo chế độ xôviết Nga trong những ghi chép, kiện tụng lấy lưng trước Thế chiến II vẫn không ngăn được phong trào cộng sản thế giới hàng hàng lớp lớp, cuối cùng phải tự tử (1946) khi Liên Xô mang sức mạnh chiến thắng quân sự phù trợ cho chính nghĩa diệt trừ phát xít nổi bật lên như một chứng minh hùng hồn ngược lại. Ông không thể đợi sống đến nửa thế kỉ sau. Trong tình hình suy nghĩ và hiểu biết cá nhân như thế thì tập hồi kí tuy có được đánh máy cho thoát khỏi tình trạng giấy rom đen đui cũng không được chú tâm nhiều. Gởi qua Mĩ trong lúc biết mình sắp ra đi cũng không ngờ người quen biết đem ra phổ biến. Không có gì phải trách để phụ các tấm lòng ưu ái đó. Không có gì hối hận vì sợ hãi khi nó được in.

Chuyện kí tên thật trên các chữ nghĩa viết ra đã được xác định từ lâu. Có điều vì sự lạo thảo đã kể mà bản in có quá nhiều điều không được ưng ý.

Bây giờ ngồi chép lại, chắc vẫn không khỏi thiếu sót, nhưng hãy cứ coi như thêm một giai đoạn sửa chữa. Sửa chữa không đánh mất những suy nghĩ cũ, dù đến bây giờ thấy có sai sót, thấy vụng về. Chuyện của một tập thể nhìn từ một cá nhân, tính chất của một hồi kí đã đủ phân trần về sự thiếu sót kia trong khi vẫn giữ được tính cách nhân chứng lịch sử dành cho người khác, cho người sau nhận xét. Chúng tôi chỉ sửa chữ, kể cả những chữ sai sót vì người in không hiểu ý, nhưng như đã nói, không để sai lạc ý tưởng ban đầu. Lúc viết vì ngại ngùng đã ghi tắt các tên người, nay được chỉ thẳng ra, trừ một vài tên thấy không cần thiết, không nhớ được. Các cá nhân được đề cập nay có người vẫn còn sống, lại thêm danh vọng ở hải ngoại nữa, hẳn có chút ngượng mắt không bằng lòng tuy người viết rõ ràng đã ráng chỉ làm việc ghi chép, không thiên lệch. Nên, xin thưa: Lịch sử nay đã định hình, ân oán giang hồ tuy vẫn còn đấy nhưng ba mươi năm trôi qua rồi, tập sách dự định làm một tài liệu lịch sử nay đã có vị trí đúng của nó, ít ra là trong tính cách một

vật nằm ở góc tủ nào đó chờ người đến phủi bụi đi tìm thời gian đã mất. Nên, xin chó giện hồn làm chi. Chép lại sách cũ, co hứng cũng ghi thêm vài dòng nhỏ mới, đã cẩn thận không bỏ qua thời điểm “2004” để khỏi lẫn lộn.

Việc làm, nhìn kĩ lại thì cũng chỉ vì mình, vì chút ý thích cá nhân, thấy cũng hơi ích kỉ. Nên, để đỡ ân hận, trong lời đề tặng có thêm một chứng tích về tình trạng nghĩ là post-traumatic syndrome của người đồng cảnh cùng chia xẻ với mình trong những cơn mơ nơi xứ cho đến bây giờ vẫn còn không biết là lạ hay quen mà vẫn phải chấp nhận nó. Hãy cứ coi là xong lúc 8:06 ngày 8-1-2005 ở Westminster, California, USA.

Ngày 21-9-2004, bắt đầu chép lại trên bản in 1993 của Thanh Vân xuất bản. Ngày 8 tháng Mười hai 2004: dự định làm đề từ cho bản chép lại này.

Ngày 14-3-2005, về Sài Gòn tìm lại bản thảo cũ, không thấy bản đánh máy, chỉ có bản viết tay, nửa phần trên giấy rom đen, nửa phần trên mặt trái giấy pelure đã đánh máy bản Luận án Tiến sĩ dở dang (thiếu giấy quá mà!), định so sánh xem có gì thiếu sót để chấn chỉnh lại, cũng vẫn giữ ý định không làm sai ý nghĩ ban đầu. Chắc cũng không làm việc so sánh đầy đủ vì hơi làm biếng, vả lại cũng không cần thiết phải chi li đến như thế. Thấy tiêu đề sách, ghi tháng 8-81 là “Mémoires d’outre-tombe... nổi dài”, Prélude – chắc cho chương đầu. Lúc đánh máy đã khác với lúc viết tay vì thấy bản viết tay dư nhiều đoạn không chắc người biên tập ở Mỹ có thì giờ sửa gọn như đã xuất hiện. Dòng chữ Một khoảnh VNCH nổi dài có mặt bên trong bản thảo, không biết đã nghĩ ra để dùng làm tên sách từ lúc ấy không. Nhan đề có lẽ gọi từ tên lạ lùng của những con đường Sài Gòn lúc mới đến năm 1955 như: Rue Richau Prolongée (Phan Đình Phùng / Nguyễn Đình Chiểu). Đùa bỡn cũng có cái hay là khiến người ta nhớ dai nên thấy trên một tờ báo ở Úc có một tên khác: “Một khoảnh Liên Xô nổi dài”, hay “Một khoảnh VNCH nổi dài” dùng cho loại văn nghệ hải ngoại, cả những thứ “nổi dài” mơ hồ nào đó chắc có bà con thân thuộc...

Những Ngày Đầu Và Những Ngày Cuối

Nên bắt đầu vào lúc nào? – Cái bắt đầu của một lúc nào mà sau này trong trại mà người ta gọi bằng những từ ngữ “lúc đứt phim”, “hồi trời sụp”, “khi sụp tiệm”...? Các tên gọi đó kể cũng hay: “đứt phim” chỉ rõ một quan điểm sống bàng quan, cứ tưởng là vô chính trị của thời kì tiền-đứt-phim, thái độ tự cho mình đứng ngoài biến chuyển, coi người đóng trò, không phải là hồ hững, nhưng có bị lôi cuốn, xúc động chẳng nữa thì khi tỉnh lại cũng cho là chẳng phải chuyện của ta, cho đến lúc đèn bật sáng, thấy con nít ăn quà, người gác chân trên ghế mất dòng khoái cảm, trở về với thực tế để thốt lên: “Ồ hé!”... Mà các tên gọi cũng không bao trọn được những gì cảm thấy, có thực, triền miên của những ngày đón nhận hậu quả, một mình, bóng đối bóng, dù là giữa ban ngày ồn ào như vỡ chợ, hay lúc “tập trung vận dụng tư tưởng” ở hội trường, nơi mặt đối mặt! Và có lẽ sự đối trá tìm quên cũng tạo được chút hiệu quả để các tên gọi đó có lúc chỉ còn mang ý nghĩa một biểu hiện vui đùa dửng dưng, hay một sự cam chịu không có dấu hiệu ảm ức: “Này, trước hồi đứt phim mà làm gì?”

Nhưng cái “lúc”, cái “hồi” này là thời gian của bao nhiêu lâu? Có một hồi nào đó tôi đã bày tỏ ý muốn thấy một quyển sử biểu hiện được cả cái cảm thấy của cá nhân như một hiện hữu trong biến chuyển, đồng thời mang tính bao quát – động và tĩnh – của xã hội đã bị mài giũa, gọt xén những riêng tư. Trần Dạ Từ giữa buổi nọ gốc le đã đùa với tôi về cái “chóp mắt của lịch sử” – ám chỉ nhạo cợt đến lối diễn tả biến cố của sử gia thường mang tính cách ép uổng trừu tượng hoá con người cụ thể. “Cái chóp mắt” đối với người đang nói chuyện với nhau lúc đó – rách từ thể xác đến tâm hồn – là khoảng thời gian năm, sáu lần 365 thời gian thiên thu tại ngoại, cộng với quảng mơ hồ về phía trước mà không dám nghĩ tới. Chẳng phải đâu anh bạn. Tôi vẫn cảm thấy mình có trong biến cố và ý thức được kích thước giới hạn của mình trong tập thể nên không phàn nàn về tầm mức nhận lãnh hậu quả biến động. Cho nên ngày “đứt phim” đối với tôi tuy cũng là ngày 30-4-1975, nhưng cái khoảng vạch trắng ngoằn ngoèo rối loạn trên màn ảnh có làm mất hứng, khó chịu mà chưa đến nỗi phải bàng hoàng.

Nếu không có một biến cố xảy ra ngay trước cửa nhà thì ngày mất Ban Mê Thuật, ngày 11-3 chắc cũng chưa lôi cuốn tôi suy nghĩ đến thời sự nhiều hơn mức độ bình thường. Vì tôi đã được biệt phái về dạy lại ở trường Trung học Tân An. Cái đích trở về sau mười một năm xa cách cũng có chút lưu luyến tình cảm đáng ghi nhận: Ông cai trường nhận ra, ôm lấy, kể lể... Dấu vết hàng cây trước cửa, thời khoá biểu ba ngày trong một tuần với những bữa cơm ngoài quán... nhưng cầu Bình Điền, Bến Lức, Tân An thông xe mau hơn, thời gian sử dụng thúc bách hơn với các giờ kiểm thêm ở Đại học Vạn Hạnh, Cửu Long, thời gian cuống quýt với luận án, tất cả ngợp trong nỗi vật vờ đổi thay từ sinh hoạt quân sự mệnh lệnh, mặc kệ tháng ngày qua sinh hoạt dân sự ít ràng buộc hơn nhưng như có kèm một cái gì đó trống, hụt. Sự bận rộn cá nhân đã xua cả quá khứ dính líu khá sâu vào chính trị của gia đình và những kinh nghiệm đắng cay thời niên thiếu.

Cho nên không lấy làm lạ rằng tôi không chú ý đến sự kiện mất Phước Long. Báo hàng ngày mướn trong nhà cũng vẫn hai, ba tờ nhưng tin tức chiến trường mờ nhạt trong trí tôi. Hình như không hơn gì những cột tin khác. Tôi chẳng hơn gì những người Sài Gòn Miền Nam khác mà còn thêm cái ý thức phủ nhận quân đội vừa mới thành để lao vào cuộc sống mới – chẳng tốt đẹp gì hơn so với tính toán của những ngày kaki cũ. Ngày 11-3 chắc không dễ dàng bị gạt qua vì những biến động sau đó, nhưng chắc cũng có thể lãng đi vài bữa nếu không có câu chuyện trước cửa. Ngay trước cửa nhà là cổng chính Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia.

Lúc đó vào khoảng 7 giờ tối (?). Cả nhà ăn cơm tối vừa xong, kẻ đứng người ngồi. Khoảng đường thường bị chặn cả ba đầu (phía đường Cộng Hoà, phía rạp Quốc Thanh trên đường Võ Tánh, ngã tư Nguyễn Cư Trinh Phát Diệm) nên ít xe qua lại tuy mấy hôm nay cổng Bộ Tư lệnh rộn rịp hơn với tầng linh gác dày hơn. Nhưng, co tiếng xe hơi xả máy mạnh.Ồ lên. Tiếng người hỗn độn. Một loạt súng nhỏ, tiếp theo, vài tiếng rì rào. Viên đạn xuyên qua mái tôn. Tiếng bánh xe rít lao đảo. Người cháu rể lăn vào góc tường. Lặng đi một lúc rồi thấy có người lấp ló nấp từ vách tường nhà nhìn ra. Một chiếc se màu sẫm hướng từ cổng chạy ra quẹo trái, đã đâm vào vách nhà bên cạnh, cách mấy căn, làm trụ cổng đổ sang bên. Một hai chiếc honda hai bánh

dừng phía sau. Đám Cảnh sát ủa vây quanh. Có người đàn bà nào rì rầm – mà tiếng nòng lên dễ sợ: “Người chết trong xe...” Căn nhà lầu bên phía xa đậm bóng đè xuống cho thấy mập mờ bên trong một dáng người gục đầu trên vô lăng.

Chuyện sau đó là những thủ tục thường lệ của việc lập biên bản. Nhưng có điều lạ là có một hai xe có vẻ của quan chức lớn đến quan sát rồi đi; từ trong cổng có người ra tước súng đám cảnh sát gác. Được biết nạn nhân là một phóng viên người Pháp trốn chạy, bên trong là ó đuôi bắt, bên ngoài tưởng là biệt kích phá hoại liền thẳng tay nổ súng. Một chức quyền lâm bầm với đám đông quen biết: “Vừa mới lạy sói trán để Pháp nó nổi lai bang giao, bây giờ lại có vụ này!”

Hôm sau thì báo chí cho biết nạn nhân là viên Phó Giám đốc phòng Thông tin Pháp đến trả lời về vụ loan tin thất thủ Ban Mê Thuật. Quan điểm gọi là “loan tin trung thực” quả cũng có điều tàn nhẫn đối với tình cảnh bối rối của chủ nhà. Báo chí đổ lỗi cho thái độ hách dịch của người phóng viên, nhưng cung cách phóng xe hấp tấp chứng tỏ rằng ông ta cũng sợ. Và không biết rằng chủ nhà còn sợ hơn, bối rối hơn. Ở vụ đó tôi thấy lộ ra một tâm trạng hoảng hốt đến nỗi không còn kiểm soát hành động được nữa. Do tình cờ bị đẩy vào bên trong cơn lốc biến cố Ban Mê Thuật qua vụ nổ súng, tôi chợt thấy như báo hiệu cảnh “trời sụp”. Ấm ảnh đó tôi có dịp tỏ bày trong tuần tiếp theo với các bạn đồng nghiệp cùng trường nhưng bị gạt đi vì trọng tâm bàn tới chỉ là chi tiết vụ án mạng. Những ngày ồn ào về sau với báo chí đủ hình ảnh, đủ tường thuật các vụ thất thủ trên Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng... nhưng tất cả chỉ thêm chi tiết thực tế của chiến tranh mà dấu ấn thâm họa đã in trong tôi từ cái đêm nổ súng ấy.

Tôi đã làm gì trong những ngày còn lại? Chuyện thật tức cười: tôi viết luận án, viết gấp vì sợ không còn kịp nữa. Ở phòng Văn khố, tôi đã thấy các Châu bản ùn về từ Đà Lạt – lần đầu thấy châu bản tận mặt! Tội nghiệp cho con người mang tiếng nghiên cứu sử học! Nhớ lại hình như cũng chẳng có ai tới thư viện vào những ngày đó – Sau này mới thấy có họa là điên! Nhân viên loay hoay bận rộn với các tài liệu dồn tới. “Biến cố ở ngoài tầm tay của mình, quan tâm vô ích, hãy cứ làm việc của mình đã!” Tôi đã nói như vậy với ông

Đỗ Văn Anh, thư viện Viện Khảo cổ. Nhưng điều đó có diễn tả đúng lí do thực kích động tôi làm việc hay không? Hay ý đó chỉ là bao che cho một thói quen làm việc đã thành trì trệ, không nhích ra được lối hần đã định, chứng tỏ một tinh thần thiếu ứng biến, thiếu thích ứng là nhược điểm có lẽ to lớn nhất của chính mình?

Nhưng viết luận án để làm gì? Có chút ảo tưởng mơ hồ nào rằng còn đủ thời gian để trình không? Có cách nào, tâm trí ngoan cố nào cưỡng chống lại sự thực đã đập vào mắt, chui vào tai của cả một tình thế sôi bỏng đang lôi cuốn tất cả mọi người? Cái “có” đó chỉ là cái trốn của bánh xe noạ tính cá nhân đang quay. Vào khoảng gần cuối tháng Ba, tôi tới thăm – mang cả vài chương bản thảo! tới phòng Sử Văn khoa. Mọi người đang rộn ràng chuyện bàn tính di tản của đám trí thức ở đây. Ông Anh nói một cách khinh bỉ: “Họ bảo rằng đi ra ngoài có đạp xích lô cũng phải đi!” Có phải đó là lời thành thực trong phúc chốc hay là bởi đối tượng đang bàn tới là đám người đang găm gù với nhau thật nhiều ở Đại học Văn Khoa, xung đột quyền lợi thì chẳng đáng gì lắm nhưng tự ái vật về kiến thức thì thật là to, trùm lấp tất cả mà kết quả cũng biến tôi tình cờ thành một nạn nhân trong chuyện thi cử 1974 vừa qua? Tôi đã nói với ông Anh, hình như vẫn cái giọng dè dặt, rề rề vốn có: “Thầy coi chừng chuyện này họ tính làm lớn, ăn gọn đó. Nếu phải bị chặn đứng lại thì họ sẽ củng cố phần đất chiếm được, chọc phá rồi đánh cú chót vào thời kì bầu Tổng thống Mĩ 1976, nhưng với tình thế hỗn độn như thế này thì họ sẽ ào ạt tiến quân nhắm thẳng vào Sài Gòn, lật đổ quyền hành trung ương cái đã rồi thanh toán lẻ tẻ sau. Coi chừng không kịp cuốn gói mà chạy đâu!”

Tôi đã tự đặt mình vào vị trí nào trong khi khuyến cáo người khác chọn lựa như thế? Không có sự chọn lựa nào ngoài sự chọn lựa có thể nói là thụ động. Tôi không lúc nào có ý nghĩ ra đi. Sau này, mới vào trại tập trung ít ngày, những người biết tôi không có gia đình đã lấy cái tình tù-quen-biết-tù máng thẳng vào mặt: “Mày thì chỉ có một tay nắm khúc bánh mì, một tay nắm còng trực thăng, sao lại không đi?” Có nhiều kẻ thông thường khi gặp trở ngại thì cứ đổ thừa cho người khác, lấy vợ con trói buộc làm cái mịch che đỡ, bào chữa cho quyết định lằm lặc, hay quyết định không kịp lúc của mình. Trong nếp sống phè phỡn cũ của họ, có ai chỉ ra, có lúc nào tạo được cho họ ý

nghĩ về quyết định bỏ tất cả để mà sống không. Hình như tôi cũng có một chút chướng mắt trước cảnh trốn chạy tệ hại, về sự sa đoạ tàn tệ đang diễn ra, cộng thêm sự bất mãn riêng che lấp mất ý thức về sự phân biệt chính thể và chế độ, chút nhỏ đó đã giữ chân tôi lại. Cũng có thể là sự ngại ngùng phiêu lưu để quan niệm bảo thủ về đất nước dân tộc nổi lên bào chữa giùm hành động của mình. Chỉ biết rằng rốt lại ý định trốn chạy thật là xa lạ đối với tôi lúc đó.

Nhưng không phải là không có dằn vặt lo âu. Kỉ niệm cũ ở Liên khu V nào đâu có xoá mờ? Kinh nghiệm cũ nào có cho phép quên đâu! Đời sống trước mắt rõ ràng là rất bấp bênh, rất thúc bách ở trường hợp tôi. Chuyên môn của tôi chẳng hi vọng gì sử dụng được, điều đó lúc này còn là linh cảm nhưng có phần chắc vì thực tế va chạm lúc nhỏ được kiến thức lúc lớn làm rõ ra. Sử học, ở mức độ nào đó là cách nhìn vào cuộc sống, có lẫn lộn hiện tại với quá khứ, tình cảm cá nhân với ý thức tập thể, có sự nhân danh quan điểm tập thể bao chiếm quan điểm toàn thể, đâu cũng vậy thôi. Nhưng ở một xã hội có mầm chính trị đa cực thì còn có chỗ cho cá nhân tỏ bày – có thể là cá nhân uơon ngành cũng được! Nhưng với một quan điểm chuyên chính thì còn nói gì chuyện phân vân chọn lựa?

Vào ngày 8-4 tôi thấy được tận mắt người lính Giải phóng chính quy Miền Bắc. Trước kia, hồi Tết Mậu thân, tải thương ở bên rạch Thị Nghè, chỉ cách họ một con hẻm nhưng chỉ nghe tiếng súng. Ở Quân y viện Phan Thiết có nhận những tù binh bị thương, tôi cũng từng đưa quan khách vào uỷ lạo, cho tiền như đối với những thương binh khác. Nhưng họ là quân du kích, địa phương với áo quần nông dân lam lũ. Nhìn họ trong một bệnh viện của Quân lực Việt Nam Cộng hoà thật nổi bật dấu vết giai cấp đấu tranh như họ thường được nhồi nhét vào đầu óc. Nhưng ở cảnh thất trận, ốm o gầy mòn, quần áo rách nát, chịu xiềng xích ngay trên giường bệnh, tôi cũng không thể thấy được ở họ sự thù hằn mà chữ nghĩa khích động đã tô vẽ nên.

Cảnh chiến trường thì lại khác.

Sáng 8-4-75 thuộc vào ngày tôi có giờ dạy ở Tân An. Nhà trọ bên trường chỉ có mình tôi ở – các thầy cô khác ở trong tỉnh lị. Từ mờ sáng đã có tiếng

súng nổ. Sáng rõ, chị chủ nhà trấn an tôi: “Các lần trước họ đánh phía trước mặt kia – phía đông thị xã, ở đó có ruộng rạch rậm rạp để ẩn mình, không có chuyện tấn công từ phía Mĩ Tho lại đâu, đồng gặt xong trồng trọt, rút vào chỗ nào cho được?” Nhưng súng vẫn nổ phía đó! Tôi qua trường, người lính Địa phương quân xua: “Thầy về nhà đi, nó tấn công bao vây rồi đó.” Quả thực súng nổ ran đều một vòng rộng lớn. Lúc chạy về đã có những lần sáng loang loáng bay qua Quốc lộ 4. Tối hôm sau về Sài Gòn coi tivi thấy chiếu hình một dãy xác lính bộ đội nằm rải dọc theo một bờ ruộng. Họ đã chọn một tuyến tấn công bất ngờ vào lúc gần sáng, lúc toán phục kích đêm của địa phương quân lui về như thường lệ. Nhưng họ cũng không tính được một bất ngờ khác hướng về phía họ: Một toán kích đêm rề rề đến sáng rõ mới thu dọn mìn chiếu kịp đón tiếp họ. Và số người nằm xuống trận tuyến tấn công đêm được trên tivi chắc cũng gần bằng toán vượt được vào ranh thị xã, ở bên kia đường, ngay trước nhà trọ của tôi.

Đạn súng nhỏ nhiều, M79 cũng nhiều, có trái nổ ngay sau nhà bếp, mảnh đạn xé rách cửa thông lên nhà trên. Trên dãy lầu trường phía đông ồn ào vắng xuống tiếng la hét của Địa phương quân, hình như họ tập trung bộ chỉ huy ở phía đó. Bên kia đường là giọng la hét nổi nhiều hơn các tràng AK: “Địt mẹ... Mị Nguy... Mĩ Thiệu...” Ở giữa là tôi, một mình, nằm mọp sát sàn xi măng, không run nhưng ruột rỗng, đầu nặng, bực mình, bực người. Tiếng chửi thề có lúc nổi lên rồi lặng đi, thúc giục. Hình như họ bị chặn lại không qua được cái đồn Địa phương quân nằm trên cửa ngõ thị xã mà cũng không lui về lối cũ được vì toán lính canh chừng trên lầu trường tôi.

Một lúc lặng yên lâu cả tiếng đồng hồ. Chị Hai chủ nhà ở đâu về kêu cửa sau, quơ vội mở quần áo, bảo: “Họ vô rồi, họ nằm ngay trước cửa nhà mình, bên kia đường, đông lắm. Thầy theo tôi qua bên kia rồi mình né lần lần ra ngoài, chạy về phía đồng thì thoát chớ ở đây thì kẹt rồi”. “Bên kia” là cách khoảng mười lăm thước, cùng một mép đường. Nhưng phía đối diện có con đường đất đỏ nện, từ quốc lộ đi sâu vào trong xóm xa, có mười gốc dừa ngâm chân trong rạch nước vừa một bước nhảy. Phía bên nhà mới tới, các con chị Hai và những đứa trẻ trong nhà dồn hết vào buồng. Một người đàn ông ngồi nép vào tường phòng trước. Có lúc anh ta đứng dậy ghé mắt vào cửa tò vò

quay về hướng Mĩ Tho nhưng nhìn lệch ngang có thể thấy được trước cửa. Tôi cũng lấy hết can đảm tò mò nhìn ra. Có độ mười lăm người lính mặc quân phục xanh lá cây rộng thùng thình, bám quanh các gốc dừa, có người ngâm mình dưới nước, có người chỉ nhúng chân ướt, súng chĩa thẳng, miệng tọt nước trái dừa cầm ở tay kia. Một người đứng thẳng, áo quần cũng rộng thùng thình, vai mang xà-cột thông xuống hông. Anh chủ nhà – chắc vậy – thì thầm: “Họ mới rút về bên kia đường, lúc này có hai người nằm ngay trước hè. Họ vừa mới bắn cháy chiếc xe lam bánh mì của xã Khánh Hậu.

Tài xế tuôn chạy, bỏ xe, họ định ào ra lấy nhưng bị bên kia trường bắn rất quá đành chịu.” Chiếc xe vẫn còn cháy, ngún thì đúng hơn, các ổ bánh mì nứt nẻ, tua tủa, nhìn xuyên qua thành xe trông như những cái đầu, tay chân bị đốt. Thỉnh thoảng vẫn có những viên đạn M79 nổ bên kia đường nhưng không sát vào các gốc dừa có lẽ vì dây nhà và vườn cây chúng tôi đang ở đã cản trở tầm mắt của những người lính trên lầu nhà trường.

Một chiếc trực thăng bay trên cao đầu đó. Họ đã di chuyển sâu vào trong xóm phía kia. Chúng tôi ăn vài miếng cơm. Lúc này không ai tính chuyện bỏ nhà vì thấy đã xa khu giáp chiến. Chiếc trực thăng xấp gần lại, bay ngay trên đỉnh đầu, ban rốc két dữ dội.

Một chú bé bộ đội – đúng là chú bé vào khoảng 16, 17 tuổi, mặt mày tái xanh nổi bật lên trên màu sẫm hơn của áo quần, tay khuỳnh một cách thừa thãi, quỳnh quýu, chân mất cả dép, định vượt qua đường đất rồi lại thụt vào, thoát một cái đã đến gần chúng tôi, đứng ngơ ngẩn, sững sờ ngay giữa đường đất đỏ. Một tràng M16 ở đâu làm tung toé sỏi đất trước mặt, chú tung mình chạy biến về phía đồng. Hi vọng chú thoát khỏi. Lúc bấy giờ đã thấy bóng những người lính Cộng hòa nơi góc tường, giữa bụi chuối im lặng tiến ra với M16, M79, đạn quàng đầy ngực bụng. Một người y tá vượt nhanh qua quốc lộ với bộ đồ nghề. Trưa. Vắng lặng một lúc. Rồi một chiếc xe Jeep lăn bánh từ từ trên mặt đường, lách qua chiếc lambro còn bốc khói, hướng về phía Mĩ Tho, trên xe mấy sĩ quan ngồi bên mép, thông chân bên ngoài. Thông đường.

Từ đó Tân An bị pháo kích ban ngày. Tàn quân Sư đoàn 22 đóng dọc quốc lộ 4 hình như có mang được cả gia đình. Không có dấu hiệu gì phòng

thủ, người ở lan trên mấy đám ruộng khô nứt nẻ, buổi chiều về Sài Gòn muộn, tôi thấy họ lảng quăng ở mấy xe nước ngọt, bia đèn dầu chập chờn. Đầu tháng 4 họ bị đánh úp, tôi vẫn còn xuống Tân An lần nữa để kẹt cả ngày vì vụ Nguyễn Thành Trung ném bom dinh Độc lập. Đường đã dựng chướng ngại vật, cả hàng dãy trụ đèn ở Bình Chánh đổ chổng cho. Rồi đồn dập ông Thiệu xuống, ông Hương lên.

Dừng lại ở ông này một chút. Chẳng biết Ba tôi quen ông vào lúc nào. Có lẽ với tính cách “nhân sĩ”, mà đậm hơn có lẽ bởi tính đồng-tù ở Tổng nha Cảnh sát sau vụ đảo chính 1960. Ông có bài thơ sau này báo chí hay nhắc đến câu: “Ngồi rù gãi háng dái tăng tăng”, trong đó lời đề từ có nhắc đến Ba tôi, người gọi hứng. Chuyện văn học nghệ thuật cũng có chỗ hợp nhau: Hai ông cùng nói chuyện hát bội. Ba tôi hồi ở quê cũng từng đóng vai Hoàng Phi Hồ (*Phong thần*), Tào Tháo, Tạ Ôn Đình, và tất nhiên quen gia đình Đào Tấn. Ông Hương có cho Ba tôi một sổ bản tuồng hát bội, đã in rồi cũng có (*Kim Thạch kỳ duyên* của Bùi Hữu Nghĩa), thứ còn trong trang đánh máy cũng có. Điều đáng ghi riêng biệt là ông có giúp đỡ vật chất cho ông bạn già lão thời, thất thế. Đầu năm 1981, ông còn nhờ người chị đến nhà, hỏi: “Ông cụ mạnh giỏi không, sao lâu quá không thấy lại chơi?” Ông già ung thư đó đúng là “gân”, sống dai quá. Ông không biết rằng “Ông Cụ” không có thì giờ đến thăm vì đã mất từ 1977 rồi.

Tôi chẳng có dịp gặp ông lần nào tuy có sách đề tặng ông, thay chút cái ơn đối với Ba tôi, với tôi – trong kì xin biệt phái năm 1974, bị giữ lại, không phải vì quân đội cần người trong tình thế giải ngũ nhiều sau Hiệp định Paris, mà vì ai đó không muốn kẻ thuộc hạ tiến đến chỗ được nghĩ là tốt hơn. Tôi chẳng có ý phẩm bình về tư cách chính trị của ông, nhưng nhìn ông lụm chụp bước lên diễn đàn làm Tonton mà phải có người đỡ trong lúc ông Thiệu bước xuống không giấu được một vẻ gì nơi anh mắt, dáng mặt, một vẻ gì hân hoan ranh ma, nhẹ nhõm như trút được gánh nặng – nhìn cảnh đó dễ thấy thương hại ông, qua phương tiện truyền thông hiện đại mà thấu hiểu được một khía cạnh “thâm cung bí sử” của một triều đại suy tàn, hơn cả khi đọc *Hoàng Lê nhất thống chí* thuật chuyện Nguyễn Hữu Chỉnh chạy về cung than khóc: “Trời ơi, nhà Lê đã mất rồi!”

Chuyện thay bậc đổi ngôi sau đó nữa thì khỏi nói thêm. Chỉ biết ngày 26, 27 gì đó đến Văn khoa thì thấy những người quen đã ra đi. Đi là phải. Không đi mới là chuyện lạ. [*Bản thảo*: Tháng 8/9-72 gì đó, có ghé lại trường rồi nhà riêng ông Anh để xin gặp nói chuyện ghi danh học Tiến sĩ. Ông Anh đang ở thời kì lánh né vì đang chấm thi sợ gặp khách vãng lai xin điểm. May gặp bà Anh. Đọc danh thiếp, bà vỗ trán: “À tên anh, coi nào, tôi nhớ ở đâu?” Tôi chưa từng gặp bà lần nào, chỉ biết cái bữa ông Anh diễn thuyết với đề tài sư học ở Hội Việt Mỹ, bị bọn nhóc chờ giờ học ở ngoài sân, vào ngồi làm thính giả bất đắc dĩ, có tên lên chất vấn vặn vẹo – không phải cố ý nhạo báng quấy phá gì đâu, nhưng nói năng loay hoay, có đượm hơi rượu. Bà Anh đứng dậy xô ghế bước ra với một câu quát ngắn, cắt đứt trò đùa không hợp lúc, cũng như rút ngắn buổi diễn thuyết không hợp chỗ. “À, phải rồi, anh là người nhà tôi nhiều lần xin cho về Văn khoa mà không được đây. Mời vào, mời vào!”

Tôi nói tiếng Pháp lạng quạng. Bà làm đạo diễn chính cả buổi họp mặt, có lúc chen vào một bình phẩm lối sống nào đó ở Huế: “Khó chịu lắm, ông Chương ôi!” Dân Phi Luật Tân, cha Tây Ban Nha, quốc tịch Mỹ, chỉ riêng mình giữ quốc tịch Mỹ là để phòng hờ, đã ở phái đoàn HTTự săn sóc dân di cư 1954, thời Nguyễn Ngọc Linh còn làm thông dịch viên. “Anh biết lịch sử bằng sách vở, còn tôi tham dự vào lịch sử.” Cũng nên để người đàn bà tốt bụng nói vui một cách kẻ cả. Mà cũng rõ là Bà tiếp xúc với giới trong cuộc nhiều hơn: “Này, sắp kí kết rồi, nguồn tin đáng tin cậy của những người có thẩm quyền đó.” *Hết*]

Sau này nghe thuật lại, có kẻ ham he: “Lão Anh mà ở lại thì khó sống với tôi!” Và cũng có người đến tiếp thu tiếc cho người này, người nọ không chịu ở lại. Rõ ràng đó chỉ là chuyện cá nhân, cái cá nhân chẳng có nghĩa lí gì trong quyền hành tập thể, chỉ là cái bầy ngọt ngào chiêu dụ cho những người sẽ có lúc “Ờ hé!” Họ tiếc ông Đỗ Bá Khê chẳng hạn. Nhưng ông này ở lại chịu đựng nổi cái dư luận hăm he là có bằng có làm CIA của ông không? Cũng nghe nói sử gia Miền Bắc vào Nam có vẻ nể nang Nguyễn Thế Anh, Phạm Cao Dương lắm. Nhưng những người này ít động chạm trên phương diện chính trị vì tính chất académique trên giảng đường của họ, hay bởi họ đã đi rồi, mà nhân dịp đó người ta de chín bỏ làm mười, làm lơ đi để tỏ lòng trọng

đãi hiên tài không mất gì lắm? Sự khoan dung của người ta có nguồn gốc là cái không-biết nên thấy không bị động chạm đến. Chúng có là trong các đề tài mà những nhà chính trị móm cho, nếu thấy ở Miền Nam có kẻ nói khác đi là họ găm lên, trút bỏ cái lối học giả, xằng tay áo đảng đàn nói dài, nói dai... Nghĩ rằng với trường hợp của tôi thì chỉ có một lối giải thích đó mà thôi.

Tình hình càng xấu tệ. Vấn đề bàn bạc còn lại là thời điểm tấn công Sài Gòn. Người ta hi vọng – mà cũng lo sợ nữa – về một cuộc chống đỡ bao vây kéo dài để có điều đình.

Nam Vang ăn mắm bò hóc mà còn cù cưa cả mấy tháng hưởng chi Sài Gòn chống chọi trong bao nhiêu năm! Tôi đã trả lời một đồng nghiệp trẻ tuổi: “Mình bàn chuyện chơi trong phạm vi hiểu biết của mình. Loại trừ các biến số không nắm được thì tôi đoán là họ phải gấp rút thanh toán Sài Gòn trong cuối tháng Tư. Lí do chiến thuật là cuộc tiến công cần đến xe tăng mà đường đã dựng chướng ngại vật, cầu có thể bị phá thì phải áp sát gấp trước mùa mưa để sử dụng trong một mức độ nào các cánh đồng còn khô nẻ. Lí do chính trị là trong tháng 5 có rất nhiều ngày kỉ niệm: 1-5 lễ Lao động, 7-5 chiến thắng Điện Biên Phủ, 19-5 kỉ niệm sinh nhật chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là ngày 1-5, vào Sài Gòn được dịp kỉ niệm những ngày này thì chiến thắng hoàn hảo hơn nhiều.” Rõ là với 20 năm sống ở đây, tôi cũng có đủ phong thái Sài Gòn ngồi chồm hồm trên ghế húp cá phê tán dóc thiên hạ sự với bàn dân thiên hạ rồi!

Nhưng còn thật nhiều những kẻ hi vọng vào “áp lực quốc tế” và vai trò lực lượng thứ Ba... Chắc trong đó cũng có những kẻ giống như thứ đi đêm sợ ma hát hò ông ổng mà cứ dợm mình quay cổ ra đằng sau! Có kẻ gắng gượng vót vát theo tờ *Chính luận* tung tin các sư đoàn tấn công Sài Gòn đang gấp rút quay về Bắc để chống trả một cuộc đảo chính trong tương tượng. Kẻ lớn danh thì nghe nói Nguyễn Xuân Phong bay về Sài Gòn trong giờ phút chót để tham gia chính phủ Ba thành phần thi hành hiệp định Paris có tay ông thò đặt vào. Nhỏ nhỏ, vô danh thì có một nhóm trung lập thất nghiệp lâu nay, chạy xuống Miền Tây xin một đồng chí gái lỡ thời ở đấy đánh canh bạc chót, bán sự sản cho anh em mua cà vạt, áo vét, giày da để đóng vai trò bộ trưởng trong chính phủ Dương Văn Minh thành lập để điều đình với Mặt trận.

Chuyện của quán cà phê thì nói bao nhiêu cũng không hết. Từ sáng 28 tôi đã ra quán cà phê ở góc rào can Nguyễn Cư Trinh – Phát Diệm ngồi, lối đi không men theo các đường lớn mà luồn trong các hẻm khuất khúc của cái chợ xả-rác sau lưng dãy nhà mặt tiền. Chẳng có gì lạ. Người ta vẫn đi lại rộn rịp. Nhưng giữa Sài Gòn muôn mặt thật khó mà đoán rằng những người ngồi honda kia đang đi kiếm ăn như thường lệ mặc kệ chiến tranh, không phải vì không sợ bom đạn nhưng vì một lẽ rất thường là nghỉ một ngày thì đói một ngày? Hay đó chỉ là người đang chạy tìm tuy-ô di tản, hăm hờ ra đi, thất vọng trở về? Hay chỉ là người lãng quăng di tản nội địa, chạy từ nhà riêng về nhà cha mẹ, quay sang nhà ông nhạc rồi rốt cục không biết ở đâu là yên? Trước mặt tôi là một đồng gạch hoang tàn, kết quả của hai trái hỏa tiễn đêm trước phóng vào vị trí đầu não của quân thù. Người ta di chuyển đồ đạc, khiêng vác ra đi, kể cả những người không bị sập nhà vẫn xa lánh – đi xa nơi xúi quẩy. Những người lui cui bươi móc, tìm cái gì có thể tìm được, cái gì còn sót lại của một cơ nghiệp tan tành. Và cả những người tò mò, có khác là không có đáng hăm hờ như những lần tò mò khác lúc có các cuộc đảo chánh, hồi Tết Mậu Thân. Họ chỉ e dè đứng lại rồi từ từ rời đi.

Tôi nghĩ gì? Đầu óc trống rỗng. Không phải xuống Tân An nữa. Trang luận án cuối đã xong, không còn có gì để bận rộn ngoài cái điều không thể nghĩ tới. Để cho quên. Bây giờ là sự hụt hẫng. Tôi đã chia các bản thảo đi gửi các nơi khác. Các xấp còn lại cột bỏ vào tủ. Để làm gì? Không ngu dại gì mà nghĩ rằng có thể sử dụng chúng. Tội phạm có lẽ là đầu óc tư hữu – nói theo lối bây giờ, mà cái đầu óc tư hữu trong trường hợp này dân tư bản đế quốc chắc cũng còn chê! Cũng chẳng phải là cảm giác rã rời chán ngán. Không, chỉ là sự tê liệt đầu óc theo tôi về nhà sau một buổi cà phê như vậy.

Sáng 29 cũng vẫn góc đường bán cà phê ấy. Người ta lãng xăng nhiều hơn. Có những chuyến xe chất đầy người hình như ở ngoại thành dồn về. Có toán lính dù đổ xuống phía trường Đức Trí. Tiếng trực thăng quần thật là nhiều, lớp ở trên cao, lớp sà xuống nhưc óc. Tiếng ồn ào gần như ngưng lại trong phút chốc thì tiếng vi vu ở xa nổi lên gọi một cái gì như là nhớ thương, nuối tiếc. Hoàn toàn tách với ý nghĩ di tản, tôi chỉ cảm thấy cái ranh giới đứt tuyệt của quá khứ ấy mà không biết rằng đó là ngày di tản cao độ, căng thẳng

nhất. Một người cháu còn học tốc tới nhà, thúc giục một lối đi với lời hứa hẹn bảo đảm cuộc sống ở bên kia đại dương. Tại sao tôi từ chối? Người ấy rất cuộc đi một mình, cũng xong, chỉ mất có cái đồng hồ qua một nút chặn của du kích. Sáng 30 cũng vẫn chỗ uống cà phê ấy nhưng thật yên tĩnh lạ thường. Báo chí đã nói đến ngày tổng di tản hôm qua. Cũng không phải không có máy bay, dưới đường vẫn có xe chạy. Nhưng đường vắng hơn. Và xe chạy có vẻ dè dặt hơn. Lác đác có những chiếc xe nhà tập vào lề, chủ nó xuống khoá trái cửa lại rồi đi bộ, đi đâu không biết.

Dưới long đường chỗ tôi ngồi đã có vài chiếc Peugeot, LaDalat như vậy. Lính cảnh sát đổ thêm ra các nút chặn, sửa soạn khẩu đại liên trong lô cốt. Một GMC lính dù chạy trên đường Võ Tánh gặp rào cản, bị từ chối đi ngang qua, co cứng một lúc – không ồn ào như lúc thường đâu! – rồi lặng lẽ lui ra quẹo vào hướng nào mất hút. Radio từng chập loãn báo dân chúng chờ tin quan trọng. Một sĩ quan Hải quân ghé chiếc xe Jeep vào sát lề, đi bộ về nhà trong hẻm. Tôi cũng bỏ về. Giờ cuối cùng đã điểm rồi còn gì!

Vậy mà lúc radio loan tin Tổng thống Dương Văn Minh loan báo “chờ bàn giao chính quyền”, tôi vẫn bật dậy: “Đầu hàng rồi!” Cả hẻm ồ lên: “Hết chiến tranh!” Giản dị quá. Tôi quay ra chỗ quán cà phê. Độ mười người lính cảnh sát còn lẫn quẩn ở đấy, hình như cũng chưa biết phải làm thế nào. Thế rồi một cái mobylette từ trong chạy ra, lượn qua rào cản, một, hai cái honda nữa chạy ra, hấp tấp muốn xô vào rào cản. Vài cảnh sát viên gác bước vội về phía cổng, một hai người đi luôn không quay trở lại. Tôi lên nhanh về nhà trong lúc dòng xe máy tuôn ra từ cổng, ào ào trên đường. Vài người chạy ra lăm lăm khẩu súng. Tiếng từng loạt đạn. À, không phải họ bắn nhau, không phải họ bắn ai. Họ bắn vào các khoá xe để mở vì trong lúc hoảng hốt không biết để chìa khoá nơi đâu.

Rồi cũng chỉ mười phút là vắng tanh vắng ngắt. Giấy tờ rải ngoài đường, áo quần chất đống bên lề, trong hẻm. Một vài người đàn bà lấp ló rồi bạo dạn tiến ra đường, tò mò nhìn xuống đống áo quần, giày dép, bước vào cổng thập thò dòm vào rồi men tới nữa. Có người thoáng chốc đã chạy vụt ra, ôm chiếc bàn máy chữ. Hai đứa bé chui vào lô cốt đùa với cây đại liên còn gắn bằng đạn, quay tròn nòng súng trên trục, chìa vào dây nhà đối diện. Mọi người

trong nhà nín thở. Một loạt đạn nhỏ. Hai đứa bé tụt xuống bỏ chạy mất. Bọn đàn bà xâm nhập ủa ra, quăng tung toé của hôi được.

Và bắt đầu tiếng súng nổ vang lên. Súng của Nhân dân tự vệ, Phòng vệ dân sự. Súng tự vệ của trường Tân An thì được bôi dầu mỡ, đánh bóng kĩ bỏ vào tủ khoá lại chỉ sợ mất, vì được phát vào tay bọn người lớn an phận thủ thường, sợ đến cả cái dáng súng sợ đi. Nhưng súng vào tay đám trẻ hiếu động, chưa có gì để phô bày với thiên hạ thì đó là biểu hiện của quyền uy cao độ. Ngày thường “chuyện dài Nhân dân tự vệ” trên cột báo là tập hợp những rối rắm phát xuất từ đó: Người dân thường phản ứng khó chịu mà cam phận, có khi cũng chẳng có ý thức về sự sai lầm của mình; anh có chút quyền hành trong xã hội thay tự ái bị tổn thương vì phải khuất phục mũi súng. Các chú bé huênh hoang sử dụng phương tiện đàn áp tối thượng có trong tay đó để đùa bỡn với người, với mình, với đồng bọn, tưởng lầm cái bóng gỗ giá trị là thứ cũng giống như trong phim trường, đem quất vào nhau để rồi hoảng hốt, ngần ngại thấy đầu bạn như cái sọ dừa chảy ra nước, nước đỏ sền sệt. Ngày thường đã vậy thì lúc không còn ai trên đầu sao không lấy ra bắn chơi cho hả, cho thang đang chạy honda bỏ xe để mình leo lên, bắn dọa lũ có trúng thiệt cũng chẳng sao, chẳng sợ đồng bào vây quanh, cảnh sát tới làm ăng kết. Lúc này ai mà chú ý tới ai.

Người ta chạy vội vào nhà đóng cửa lại, nép vào tường, chui xuống gầm giường rồi lại lấp ló nghe ngóng. Đường vẫn vắng tanh vắng ngắt. Có hai thanh niên đi vào hẻm dòm ngó rồi lảng ra. Chẳng làm ăn gì được đâu.

Nhưng giữa giàn nhạc đơn điệu đó của chiến tranh bỗng nổi lên tiếng xe lê dầm càng lúc càng rõ rồi dồn ép như một buổi kẹt xe ngày trước, nhưng không có tiếng còi – còi miệng cũng như kèn hơi. Người ta nói chuyện vào trong hẻm: “Quân giải phóng tới!” Lại lấp ló rồi đứng hẳn giữa trời. Những chiếc xe Jeep còn bảng số vàng trắng cũ từ hai đầu đường dồn ứ trước cổng Tổng nha. Người trên xe nón tai bèo, áo quần đen mặc chèn, giày bata thể thao hay dép râu. Cờ. Biểu ngữ. Hình ảnh mới: Những người phụ nữ áo ngắn, khô cần hay sồ sề, lẳng xẵng nhưng đầy tự tin. Xe vẫn nhích từng bước. Một thanh niên rắn gọn có vẻ chỉ huy, đang ngồi buông thông chân trên đầu xe, nóng ruột nhảy xuống, bước vài bước nghiêng ngó vào trong. Xe vẫn

nhích từng bước. Nhưng hai bên đường dân chúng đã đông hơn.

Hai đầu đường đã thông nhưng có người gác. Một thanh niên chạy mobylette ngang qua, áo thun trắng, quần dài da beo biệt kích, bị chặn lại nhưng rồi cũng được đi. Láng vẳng đã có vài người đi sâu vào trong xóm, nghiêng ngó dò la. Mọi người đứng nhìn dè dặt. Buổi tối tivi mở ra, một vài người bộ đội lân la đứng ngoài song gỗ, ghé mắt dòm vào rồi được mời ngồi ghế xem “chiếu bóng trong tử”, không phải lật đật như hồi Tết Mậu thân.

Sáng 1-5. Tôi nhập vào đoàn xe, đoàn người, thoát tiên chẳng định hướng, cứ đến chỗ nào có người ùn lại là quay sang lối khác. Đi ngang qua khu bộ Nội vụ cũ, trong đám người chồm lên tường ngắm kẻ qua đường có một thiếu úy còn mang nguyên bộ quân phục với cặp hoa mai trên cổ áo và huy hiệu hình như là Hành chánh Tài chánh. Nếu không vì một nguyên có tự tin nào khác thì anh chàng hoặc là bướng hoặc là ngu ngốc nên cứ đứng đưng bình thản như thế trong lúc người ta cuống cuồng đốt quần áo treillis, đốt giấy tờ cá nhân liên quan đến quân đội, chính quyền vừa qua và lửa huy hiệu, huy chương vào thùng rác. Trên đường Gia Long, trong một thùng rác dưới gốc cây, tôi thấy cả một bộ mặc chược ngà óng ánh.

Những nghề kiếm ăn mới xuất hiện. Từng chặng đường có những đứa bé, những người phụ nữ đứng cầm bó cờ Mặt trận chặn xe nài mua và dễ dàng có khách. Cờ đỏ sao vàng ít hơn: Buôn bán với ý thức tự phát thì cần gì đến suy luận chính trị. Sao lấy từ màu vàng nền cờ ba sọc cũ, sọc đỏ cũ làm nền mới cho cờ nhỏ cầm tay, hay cờ treo nhà cho những người hà tiện. Cờ 5 sao vàng nhiều hơn; cờ búa liềm rời rạc. Chợ Lớn như rừng cờ 5 sao, có nhà cắm đủ thứ cờ Trung Quốc, cờ sao vàng, cờ Mặt trận – cho chắc ăn mà! Ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy bán ngoài đường Lê Lợi. Các chú nhay cảm về việc làm ăn thật. Chỉ tội nghiệp cho một hình ảnh thần thánh bị đem ra buôn bán, dầm mưa dãi nắng, hứng chịu bụi đường lem luốc. Từ xưa người ta ghét cay ghét đắng thương buôn kẻ cũng phải. Và ngoài lề đường đã thấy bày bán tivi, chén bát...

Người ta đổ xô về phía đường Thống Nhất, kể cả những đoàn người biểu tình. Chiến xa đủ loại, xe tăng T54, PT76... thiết giáp xa M113, 114 đậu

trên các bồn cỏ công viên. Bếp núc dàn bày ra cũng như gà còn đậu trên xe với rau muống héo – con gà mà dưới ống kính của phóng viên ngoại quốc chụp phía đoàn quân thất trận thì đích danh là gà quơ được trong xóm làng. Người lớn san vào những người lính hỏi thăm, dè dặt, chỉ có bọn con nít là bạo dạn thích ứng.

Người nhiều nhưng chẳng đông nghìn nghịt như mấy bữa Noel, Tết. Các đoàn biểu tình cũng cò, cũng biểu ngữ nhưng cũng chỉ có một nhóm vài mươi người, loạc choạc, tiếng hô khẩu hiệu không đủ át tiếng ồn ào của người đi xem. Họ dồn vào cổng dinh Độc Lập rồi tụ tập trên bệ cỏ. Người ở ngoài nhón gót, ngóng cổ nhìn vào một lúc rồi lảng di xem nơi khác. Nơi le đài 1-5, người đi lại lộn xộn, chẳng biết ai là chủ, ai là khách, ai là người tổ chức, ai tham gia. Loa có bắc tiếng ra đây nhưng thật cũng giống như một buổi hát làng chưa diễn. Chủ tịch đoàn đã lên ngời mà trước mặt vẫn có người qua lại lộn xộn. Tiếng Chủ tịch Tôn Đức Thắng hụt hơi, rời rạc. Có người đứng bên cạnh chỉ vào trang giấy cho ông già đọc khỏi lạc chữ.

Mối giao tiếp giữa người chiến thắng và đám dân chiến bại thật bình thường. Sự kiện không có cuộc “tắm máu” sau chiến thắng là một đề tài sẽ được nhắc đi nhắc lại trên phương tiện truyền thông, trong những cuộc học tập như là bằng cớ tố cáo sự gian ngoan của bọn đế quốc thúc đẩy người di tản để có quân quay trở lại sau này. Mặt khác đó cũng là chứng tỏ tinh thần khoan dung đại độ của Đảng và Nhà nước thể hiện trong chính sách hoà hợp “trước sau như một”. Vấn đề thực ra cũng có nhiều ngoắt ngoéo, nhưng trong buổi đầu, sự bình thường đã diễn ra như ý muốn cầu sống của con người bình thường.

Ngày sáng 1-5 đã có những bộ đồ xanh đội nón cối, mang dép râu lủng lờ trên các hè phố, mắt nai ngơ ngác, đánh rơi nón khi nhìn trên các tầng lầu. Nơi các đường nhỏ có khi họ được mời vào nhà uống nước. Họ ngồi thật nhẹ trên nệm xalông, nhưng sự tiếp đãi lúc đầu trở nên tế nhị hơn cho đến khi họ bước ra. Họ ăn uống, và cả người bán lẫn kẻ mua cũng không biết bao nhiêu là phải để tính tiền li nước mía, nước ngọt, chai bia. Những người thực tế đã sán bên họ năn nỉ xin coi tờ bạc Giải phóng, tờ bạc Miền Bắc. Có người cầm tờ bạc xem xong rồi ngần ngừ xin lam kỉ niệm. Anh bộ đội ngô ngàng rồi

thấy người kia rút túi tờ bạc bèn lí nhí “vâng”. Nếu con người sung sướng kia biết rằng anh bộ đội ăn rau muống chấm nước muối cả tháng chỉ được lãnh vài tờ giấy như vậy, chẳng biết anh ta có ân hận không. Nhưng có biết và có lấy cũng chẳng sao, phải không? Một đồng có được đồng bạc mới, một đồng với tư cách là người đại diện cho chế độ ưu việt, chiến thắng, sau gian khổ rau rừng, nước ruộng lại còn phải nhin trà, thuốc để cứu giúp đồng bào Miền Nam đau khổ, đói rách dưới ách Mĩ Ngụy thì phải lấy làm sung sướng hãnh diện chứ! Đã có người móc cả tiền lương 55 ngày chiến dịch thần tốc đem chia cho các đồng bào khốn khổ của mình như vậy một cách vui vẻ rồi sau đó không biết có ngán ngơ hối tiếc tên tờ hay không – cũng một chứng mực giống như anh cán bộ tập kết ở quê tôi mang về vài chục chén sành định phát cho bà con làng xóm không có chén ăn phải dùng gạo dừa đựng cơm! Anh bộ đội có thể đem ra đổi tiền Sài Gòn với giá hời – nhiều hay ít là tùy lúc, tùy chỗ. Lại cũng các tay áp phe nhà nghề đánh hơi thấy có việc làm đem lại hạnh phúc cho đồng bào thừa tiền của của mình đang luống cuống đau khổ vì lo mấy bao tải bạc sắp trở thành giấy lộn. Một đồng Giải phóng 500 đồng Sài Gòn, một đồng Miền Bắc 1000 đồng. Các tay buôn tinh thật: Họ đánh hơi trên tờ giấy bạc thấy có mùi vị chủ nghĩa đậm nhạt, vị thế chủ tớ, và từ đó phán đoán chiều gió để xoay trở theo sát được sách lược lẫn chiến lược!

Chợ trời khắp nơi, nhưng nhộn nhịp nhất có lẽ là món hàng đồng hồ, trên cả cái “đài” – radio. Không biết dân Sài Gòn đọc sách Thế chiến thứ II có chú ý đến việc Hồng quân vét đồng hồ khi tiến quân qua vùng Đức hay không, nhưng bây giờ họ đã có thực câu chuyện trước mắt, tại đây. Những tiếng lóng moi xuất hiện từ món hàng này: đồng hồ không người lái, một cửa sổ, hai cửa sổ... Sau này trong trại tập trung Trảng Lớn, khi ghi vật dụng phải gọi, có tên cái tạo viết: “Một cái đồng hồ ba cánh quạt không người lái” liền bị người thủ trưởng gầm lên: “Nếu có ảnh hưởng gì đến quá trình cái tạo thì đừng có trách!” Nhưng bọn cái tạo chỉ biết núp bóng dân chúng có bằng có để tự kiêu về cái thế văn minh của mình chứ đâu có dám vuốt rau hùm. Mà bằng có kiêu ngạo lại ở chính nơi nổi giận dữ của người cán bộ đó!

Ăn chơi thật hết mình. Cà phê ghế xuất hiện trái ngoài vỉa hè. Cà phê ôm thay cho bia ôm. Với dân chạy hàng vật cò con, mỗi kiếm ăn được là thuốc lá.

Một hai ngày đầu, quán ăn hết hàng thật mau, chưa kịp tàn buổi, tàn ngày. Tiêu cho hết cái tiền vô dụng. Tiêu vì không có ngày mai. Một người sáng 30-4 đi vào sù quán Mĩ đập lên trên từng xấp tiền 1000 đồng phẳng phiu tung toé đầy sân mà không buồn cúi xuống nhặt lên để khi vào trại tập trung lại gật gù tiếc rẻ.

Bộ máy cảnh sát tan rã thì nạn cướp giật tăng lên. An ninh chính trị tạm thời có bề vững chãi vì sự tan rã của cả một hệ thống chính quyền. Vấn đề đăng kí được tiến hành ngay, tỏ ra nhà nước mới đã củng cố thành quả quân sự bằng hình thức pháp lí xác nhận quyền uy sở hữu toàn vẹn trên của cải, con người, đất đai chiếm được. Có vụ lộn xộn về chức quyền của vị Khâm sứ Công giáo nhưng ngay trong nội bộ của họ cũng có mâu thuẫn để đỡ gánh nặng cho người chiến thắng. Còn lại cái khe hở là an ninh xã hội.

Có điều cũng nên minh oan chút cho “lính nguy”. Những ngày di tản, chuyện bạo tàn của lính kể không hết từ những người quen thuộc cuộc sống ấm êm sát bên lửa đạn bao nhiêu năm, từ phương tiện truyền thông quá thừa chỗ trống. Sau khi Đà Nẵng thất thủ, một người lính Biệt động quân vào chi nhánh tiết kiệm Việt Nam Thương Tín Ga Sài Gòn gói một số tiền tròn giản dị: một triệu đồng. Nhưng có ai thấy họ đói khát thất thế lê bước, có ai thấy nỗi tủi nhục của họ khi đội ngũ còn mà phải bỏ chạy một cuộc phục kích của du kích địa phương? Sức căng chiến đấu đẩy mũi súng trở về phía trước mà quay đầu lại thì cò súng ấn vào viên đạn tắt chĩa về hậu phương. Nhưng khi đã quăng súng, lột áo quan giày mũ, rời rã về với cá nhân thì chỉ còn mong trốn chạy cho yên thân, núp vào đám đông mà trốn, chui vào sinh hoạt bình thường mà trốn, ở nơi người phố ki bưng tô hủ tiếu cho khách, người chủ cà phê ghé, cả cái anh đang mon mon anh bộ đội gạ bán cái đồng hồ không người lái gốc Chợ Lớn kia nữa.

Cũng có nghe báo chí mới thuật chuyện người sĩ quan cướp giật nuôi vợ con được đồng bào khoan thứ. Nhưng lại cũng thấy các bút kí về sau ghi nhận trong vụ đập phá Đà Nẵng bọn sĩ quan không có mặt. Và chuyện ba người lính Biệt động quân mang lựu đạn ra một công trường nói lời từ biệt với đồng bào: tủi nhục thua trận, đói khát dầy vò nhưng danh dự sắc áo không thể để bị hoen ố, đành phải xin tự xử cho vẹn kiếp sống. Cũng như nền

văn chương kiếm ăn và báo chí quen la ó phối hợp với các bậc làm cha mẹ để con thả rông, thường hay ồn ào về tai họa “ngựa chứng trên sân trường”, “bầy thú trước bảng đen” chép sách bên Tây trước khi lũ trẻ xem phim, người thầy giáo vẫn thấy còn rất lớn đám học trò lớn bé của mình mỗi đứa một tính nết mà vẫn dễ thương, thật là dễ thương, không cần đến luận cứ nguy hiểm bao che nào hết.

Và cũng không cần đến một nền văn học, giáo dục tô hồng cho sân trường để tô đỏ cho chế độ xã hội.

Cướp bắt đầu từ những nhà đã di tản. Dân chuyên nghiệp đủ loại từ lính tới dân, tù sống từ các trại giam. Cướp tài tử khi đi ngang qua thấy cướp chuyên nghiệp khiêng tủ mà quăng sách vung vãi, vội ôm lấy một vài quyển đem về cho tủ sách của mình, không tính được rằng chẳng bao lâu nữa lại phải đem ra đốt, bán tổng bán tháo, làm bao giấy gói xôi bấp... Có nhà đã tan hoang. Có nhà đang bị dòm ngó thì chủ nhân tìm đường không xong, lủi thủi đi về cứu được cơ nghiệp.

Cướp lượm tay từ các kho công. Giá bán tính từng chặng như giá miếng tôn nơi các trại Mỹ chuyên giao trước kia: bao gạo, bao đường ra khỏi cổng 500 đồng, ở một ngã tư nào đó 1000 đồng và 2000 khi chui vào một hẻm xa hơn. Và có thể nói đùa rằng dấu hiệu ái mộ kiến thức vẫn còn trong những ngày đầu sôi lửa bỏng: Sách vung từ thư viện đế quốc A. Lincoln được lựa chọn những tựa thật là hiếm đem thách bán với giá khá cao đến rất cao. Có những bản độc nhất từ thư viện Quốc gia tuồn ra. Hợp với sách của nhà xuất bản, tư nhân đem bán xôn tha hồ mà chọn về đọc, chuyện tình yêu, chuyện dịch danh tác cổ điển, chuyện đủ thư hàm bà lằng mà chạy nhất vẫn là tiểu thuyết kiếm hiệp. Quyển sách vô duyên của tôi cũng chường mặt ra, lộn xộn trong đồng từ xe lam mới đổ xuống thì 25, 50 đồng, vài ngày sau xếp hàng ngay ngắn thì 100, 150 nhưng cũng có thể tìm đâu đấy bên cạnh “chắc giá” 50, lại cũng có thể xuống chút ít. Cũng phải ráng mà tự thương: Giá như còn đủ 3000 bản đem ra bán đôi phở để dự trữ sau này đương đầu với các phê bình gia quyền uy lớn hơn khả năng, nhưng chắc không còn gì trong dạ dày cho đến hồi kết cuộc.

Cướp bạo dạn hơn sử dụng cả súng. Gần nhà tôi, một người đi vào lúc xâm tối bị hai tên đi honda giựt cái cặp, theo phản ứng giằng lại liền bị tương cho một phát đạn vào đầu, xác nằm cả mấy tiếng đồng hồ. Còn nói chi đến cảnh la oai oái ngoài đường phố, chỗ đông người dễ lẫn. Vài ngày sau có những toán nhỏ bộ đội mang băng đỏ “Tuần tra” rải rác dọc đường. Và cách xử sự cũng giản dị như tính cách thời chiến: bắn phơi xác làm gương. Phố phường lại lác đác loạt súng bất thần. Và để có tính cách quần chúng, những toà án nhân dân đột xuất lập ra. Công tố viên chĩa súng vào một tội phạm: “Tha hay giết?” Hội thẩm nhân dân bao vòng quanh la hét: “Gi..ết!” Đoàn! Một xác gục xuống. Các tội phạm còn lại mặt xanh như chàm đồ, thất thần. Một vài hội thẩm giật mình. Mũi súng công tố chỉ vào tội phạm thứ hai. “Giết!” Vài tiếng “thôi” nho nhỏ. Súng lại nổ. Đám đàn bà con gái bỏ chạy. Đến tên thứ ba. “Tha hay giết?” – “Tha! Tha!” Quần chúng khó mà hưởng trò chơi máu lâu được nhưng cũng thoả mãn trong phút chốc về quyền làm chủ được hưởng lần đầu.

Thật là thoải mái, thoải mái như trong ý kiến nồng nhiệt của thiếu úy Sơn, anh chàng luật sư tập sự. Uống chặc được li cà phê, anh ta lên giọng: “Cái thua của bọn Mĩ là hiển nhiên, không chỉ thua trong chiến tranh mà thua cả sau chiến tranh. Câu chuyện hoang đường ‘tắm máu’ theo lối suy bụng ta ra bụng người rõ ràng là hạ thấp giá trị của kẻ vu cáo...” Chẳng biết có thể lấy cái gì đo được mức độ thành thực của lời phát biểu ấy như tôi sẽ phải phân vân thật nhiều lần nữa, sau này.

Đi Vào Quyền Sở Hữu Mới

Không hiểu tôi đã được nghe chữ “đăng kí” lần đầu tiên vào lúc nào trong các ngày 1, 2-5. Có lẽ vì nhiệm sở tôi ở tận Tân An, không dính tới những cơ cấu ở Sài Gòn nên không có những tin tức kịp thời bắt buộc. Theo thường lệ và cũng dựa theo đó để biện minh cho sự ngần ngại, bần dùn của mình, đến thứ hai 7-5, tôi mới xuống Tân An trình diện. Những ngày còn lại chỉ là lang thang nghe ngóng và dòm ngó người ta đăng kí. Cũng chẳng có gì nhiều: Kí ức mỏng manh còn lại là thấy người ta báo đám báo chí, xuất bản

đăng kí ở Phủ Quốc vụ khanh, đường Trương Định.

Các từ ngữ cũng gây nên những bỡ ngỡ lúc ban đầu. Có người ngần ngợ trước danh từ mới, và qua cơn khiếp sợ ban đầu, lại nhạo báng, ghép cùng loại với các tiếng lóng *cái đồng, cái dài...* Thật nhiều những từ ngữ mới đem ra sử dụng khiến dân Miền Nam bỡ ngỡ rất nhiều. Có những từ không phải là mới lạ nhưng chính vì những nét gần gần giống ấy mà có khi dẫn đến những lầm lẫn tai hại. Ví dụ chức vụ *thanh toán viên* của sở Hành chánh Tài chánh nghe như chuyên viên của một tổ ám sát! Tai hại tác động nhiều nhất đến với bọn người vô phúc, nên chúng tôi có lần đùa với nhau không phải là không có chút cay chua: “Có lẽ nên có một quyển từ điển Bắc – Nam...”

Có những chữ khác xuất phát từ ý thức dân tộc hoá quá đà mà người ta hùa theo lãnh tụ đê xướng “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. “Lính thủy đánh bộ”, “máy bay lên thẳng”... là những giao tiếp buổi đầu, sau đó là những từ ngô nghê thuộc loại “xưởng đẻ” (nhà hộ sinh). Nhưng có sự tính chất hán hoá làm tiếng Việt mất trong sáng thì chiều hướng tiến hoá mới dựa vào một tỉ dân tiếp tế cả rau muống để cái tiền đồn anh hùng chống đế quốc cũng bắt buộc người ta phải sử dụng ngôn ngữ của nước bạn vĩ đại. Sửa lại “đảm bao”, “giản đơn”, điều chỉnh “phản ánh” cho sát với hán tự, đi ngược lại con đường phản ánh sai, nhưng là dấu vết của một thời gian dài đổi thay bởi người Việt. (Tây nó đâu có thắc mắc về những chữ Pháp gốc La tinh sao không giống tiếng La Tinh?) Thay vì viết như những văn sĩ Pháp muốn tác phẩm mang tính cách annamitisant “Vite! Vite! Mao lên! Mao lên!” thì người vệ binh bộ đội lại thúc hối “Khẩn trương! Khẩn trương lên!” Cứ giờ một quyển sách mang tính cách chuyên môn thì thấy tha hồ mà nhức đầu với cú pháp, từ ngữ Hán Việt mới cũ, cái nhức đầu được biện hộ rằng Ta đã đem lại trình độ cao cho tiếng Việt, trái với trình độ thấp kém của Miền Nam còn nằm trong nô lệ – có nói rõ ràng trình độ thấp ấy tỏ lộ trên ngôn ngữ, báo chí Sài Gòn! Cái tinh thần nô lệ sâu kín đã đổi lốt thực thi trong một chính sách thực dân văn hoá gốc gác từ quan niệm vương hoá ngày xưa! Cái nguy hiểm của sự hẹp hòi là khi nó được khoác áo lí tưởng.

Có điều thực tội nghiệp là loại tiếng “lính thủy đánh bộ”, “máy bay lên thẳng” sinh ra vào thời kì phe-ta chưa có cơ sở vật chất để xuất hiện thể chế,

vật dụng đó, thành thử chỉ dùng nhắm vào đối phương – vốn có thật nhiều điều xấu xa, chữ dùng hàm ý khinh bỉ, miệt thị, đến lúc cần để chỉ của mình thì lại thấy ngượng ngùng phải ráng xài thật tỉnh: thủy quân lục chiến, trực thăng... “Vô tuyến truyền hình / tivi” rõ ràng trên chân máy phát hình, rồi những tên ngoại quốc dịch âm ngớ ngẩn được thay bằng tên nguyên gốc một cách rụt rè (rồi lại quay về một cũ theo phản ứng co rút)... Chuyện như thế nhưng có ai dám vắn vẹo người chiến thắng? Đành chỉ cười, cười nhỏ, cười lén, xàm xì...

Nhưng thực ra sự phân biệt không phải chỉ là thuần túy hình thức: Chữ và nghĩa (của xã hội) vẫn đi đôi với nhau nên mới có vấn đề lôi kéo, co cưỡng. Gọi radio thay cho đài là làm việc lằm lặc táo bạo vì sự sử dụng radio mang tính cách cá nhân trong khi đài còn mang ýnghĩa sử dụng với cả hệ thống loa, mang quan niệm tổ chức cho tập thể cùng nghe, cùng học. Vì thế cái đài-cá-nhân mới phải bị đăng kí. Phải đợi sau này dân Miền Nam mệt mỏi với tiếng loa đặt ở góc phố chuyên vắn tin tức từ đài trung ương, địa phương, từ phường xã, họ mới hiểu được gần hết nghĩa chữ đài. Nhưng chắc không có chữ nào khi diễn giải ra khiến cho dân Miền Nam phải giật mình cho thân phận hơn là chữ “đăng kí”. Cũng may là thường thường người ta chỉ hiểu được lần lần để khi gặp trường hợp vấp vấp cụ thể thì không giật mình tuyệt vọng.

Có người quả quyết rằng mình chỉ mới nghe chữ đăng kí lần đầu sau ngày 1-5. Họ chỉ nghe đến “ghi danh”, “ghi tên”, “khai báo”... Cũng phải. Có ai ngồi chồm hồm trên ghế quán nhậu, tiệm hủ tiếu, tản mẩn cho lăm thì cũng chỉ ngắm các nhãn hiệu “cầu chứng tại toà” của các chai Ông già chống gậy, tàu vị yếu 1, 2, 3 con chuột, lá bồ đề thôi chứ đâu đến mức đọc hàng chữ nhỏ: “Đăng kí ngày... số...”? Chữ đăng kí là từ pháp lí, ngày trước chỉ liên quan đến một vài giới, bên ngoài các dân người phây phây như cây như cỏ. Thế mà nhà nước Xã hội Chủ nghĩa thì lại có bốn phận phải quản lí, quản lí con người, quản lí tài sản. Hai tầng lí do quản lí: quản lí thêm về tài sản, con người trên phần đất chiến thắng – gọi là “giải phóng” cho hợp thời trang. Nhưng người chiến bại cầm tờ giấy chấp nhận một chủ quyền sở hữu trên thân xác, tài sản của mình chỉ thấy được một mối lo sợ vẩn vơ, chắc chưa có ý

thức hãi hùng.

Bởi vì có ý thức trước được thì người ta đã tự giải quyết rồi. Những người lính dù chĩa súng vào nhau bắn cò. Các viên tướng tự tử mặc lễ phục, mang đủ huy chương. Một viên trung tá cảnh sát cho các con uống thuốc độc rồi hai vợ chồng tự giải quyết, xác sinh thúi lối xóm mới hay vì cứ tưởng ông ta đã di tản. Một tay nhà binh có máu văn nghệ (2004: *Trung tá Nguyễn Văn Nhỏ / Phạm Việt Châu*), nặng tình bạn, lỡ chuyến bay, để lại cho đời câu nói tự an ủi mà nhuộm mùi vị thiền đạo một thời: “Đại sự thành tiểu sự, tiểu sự hoá vô sự.” Có khoả lấp gọi đó là “những kẻ tội phạm trốn chạy sự phân xử của “quần chúng nhân dân”, “những kẻ tránh phải trả lời về tội ác của mình trước toà án của nhân dân”, thì cũng chỉ chứng tỏ là những người chết kia đã đúng, thứ chân lí mà những người vì lẽ này hay lẽ khác còn sống đã dần dần hiểu ra, và thế nào cũng có một lần thấy những người kia quả đã tìm được lẽ “vô sự”.

Lần đầu tiên một thành phố cực đô vài triệu dân như Sài Gòn tiếp xúc với người cách mạng chiến thắng đã phải ngạc nhiên trước những hình thức làm việc quá giản dị mà ý nghĩa, giá trị thì tha hồ cho người ta suy đoán, giải thích: Cách mạng rõ là có tinh thần khoan dung, đại độ, đừng thấy xuề xòa mà chê – Đó là nguyên nhân đưa đến chiến thắng... Một cái bảng viết phấn dựng lên chỉ loại người đăng kí trình diện, cho người đến nhận một miếng giấy có chữ kí nguyệt ngoạc không biết của ai, không có cái “mộc” bằng có quyền uy thường lệ. Cho nên để có chắc ăn hơn, có người đăng kí trình diện hai ba nơi, lấy hai ba miếng giấy như vậy, người nào có sở làm thì lại thêm miếng giấy của người tiếp thu sở mình nữa. Và bắt đầu thấy những rắc rối từ sự giản dị đó. Đã thấy có dấu vết sóng Cách mạng xô đuổi nhận chìm nhau: Có nhóm tranh đấu dựng cờ nhận đăng kí, làm xong nhóm khác gọi đăng kí lại. Khác hơn năm 45 là ông cộng sản sau không cửa cổ ông cộng sản trước. Có vẻ mang dấu hiệu hành chánh quyền uy nhất là tờ đăng kí có tên ông Cao Đăng Chiếm. Chẳng sao, đổi thì đổi, ngày tháng thất nghiệp còn dài, thôi thì chen lấn xin cho được ông Cao Đăng Chiếm cho chắc ăn! Thế mà có tên liều vẫn chỉ cầm tờ giấy nguyệt ngoạc bỏ túi với lí lẽ “Mệt quá!” Chẳng biết sau đó hắn có đổi ý không.

Sáng 7-5, tôi mới xuống Tân An. Mới vào văn phòng, chẳng nhớ người nào chỉ mặt lên giọng: “Sao bữa nay mới tới?” Hơi khựng một chút, nhưng cũng thấy cái cảm giác mệt mỏi đầu tiên trong mùa mê sảng tiếp theo khi vẫn phải sống với những kẻ tưởng mình lạnh chân đạp lên kẻ khác thì sống. Đến rồi về. Đợi.

Ở Đại học Cửu Long thấy Trần Phong Giao, thư kí Đại học, báo ngày 22-5 nhận đăng kí nhân viên nhà trường. Tôi dự một buổi họp của nhân viên cũ và người tiếp quản: Huỳnh Văn Tông, nhân viên cũ, tác giả luận án *Lịch sử báo chí Việt Nam*. Giọng nói có vẻ cố kìm hãm nhưng cũng lộ một chút huênh hoang. Anh ta cho biết là ông Nguyễn Ngọc Bích trước khi đi, biết anh ta là người có liên lạc với Mặt trận nên đã uỷ thác tài sản và ân cần dặn dò anh ta giúp đỡ cho nhân viên đã từng cộng tác với Nhà trường. Nơi đăng kí là Nhà văn hoá Đức.

Cuối tháng lại nhận lời nhả xuống Tân An đăng kí. Xe đi đường từng khúc lại phải dừng lại để kiểm soát hành khách. Có tiếng than phiền: “Sao giải phóng rồi mà còn phải chặn xét?” À thì ra người ta cứ tưởng giải phóng rồi thì đi xe sẽ không bị chặn xét, là khỏi phải đi lính, là khỏi đóng thuế... (Ước mong cũng có phần được thoả mãn như một bà già Sài Gòn nói trong buổi họp dân phố đầu tiên: “Giải phóng rồi, mừng quá, khỏi sợ Việt Cộng pháo kích nữa!”) Không phải chỉ tầng lớp thiếu hiểu biết mới nghĩ như vậy mà bào chữa rằng sai lầm sẽ bị xoá bỏ khi được giáo dục rõ ràng. Có điều người ta không giáo dục về những điều ràng buộc phải có trong chế độ sẽ xây dựng nên đó, mà cứ để dân chúng tha hồ tưởng tượng về một thiên đường có hương vị của sự ngây thơ lẫn mùi vị cay đắng khi vỡ mộng. Với tất cả mọi người, mức độ sai lầm tuy có khác nhưng ảo tưởng chung vẫn là một:

Con cá trong lò giương đôi mắt đỏ; Con cá ngoài mương lấp ló muốn vô!

Không nhớ ai đã đọc câu hát ru em Đà Nẵng ấy trong trại giam, nhưng rõ ràng không phải nó chỉ nêu lên nỗi ê chề của người thuộc phe thất bại mà còn là sự dằn vặt của mối mâu thuẫn sống giữa lí tưởng và thực tế, giữa con người mẫu và con người xương thịt. Người đón chờ ở Hà Nội năm 55 thất vọng và một số người di cư mong ngóng trước 75. Người dân Miền Nam rất

thành thực và rất “thần thánh” chống cự lại “Quốc gia”. Người tả phái Quốc gia và những người di tản ân hận – hay muộn hơn, là đám con cháu lớn lên. Người cộng sản và những cảm tình viên của họ, ít nhiều gì cũng mang mầm mống vô chính phủ thúc đẩy họ hành động nhưng lại tìm được lí lẽ biện hộ cho sự cần thiết phải bám giữ chính quyền – tạm thời, rồi từ từ, lâu dài. Văn chương chính trị từ 1917 đẻ ra một lô danh từ và con dê tế thần “giai cấp tiểu tư sản” với bệnh ấu trĩ, tả khuynh – cơ hội – tính thiếu kiện định – thiếu lập trường giai cấp... Nhà nước là cần thiết trong giai đoạn quá độ, nhưng nhà nước sẽ tiêu vong. Có điều chớ bước vào cái se ấy mà hụt chân. Từ ông Mác, cứ qua một ông lãnh tụ chiếm được chính quyền là nó cứ kéo dài ra, đến gần đây mượn từ thời thượng của Thế giới thứ Ba, nó có các tên: giai đoạn Xã hội chủ nghĩa bước đầu và bước tiếp – bước phát triển, còn để lửng lơ bước tiếp nữa cho con cháu thêm phần sáng kiến. Còn con cá trong lò thì cứ căng mắt ra chờ đợi những ân sủng hay búa rìu của tạo hoá mới qua những nghị quyết.

Người xét giấy tờ ở quá cầu Bến Lức là một sĩ quan trẻ – hình như là thượng úy, xem tờ đăng kí của tôi rồi ngần ngừ hỏi: “Đại úy?” Tôi lật đật: “Tôi xuống Tân An để họp việc nhà trường...” Ở Sài Gòn trong một buổi họp Phường, tôi đã nghe đến quan niệm biệt phái là CIA, nhưng bây giờ chống chế được chút nào hay chút nấy: “Anh có em, cháu đi học chắc biết được việc này...” Qua. Cảm ơn.

Cuộc họp ở trường vẫn dưới sự chủ tọa của ban Giám đốc cũ. Nhưng có một “anh Sáu” ngồi bên mà hiệu trưởng T. vẫn quay sang hỏi ý, và có vấn đề phải đi ý kiến của “trên”. Chẳng nhớ cuộc họp bàn những gì.

Đêm, tôi thần thò vào thành phố. Tivi chiếu phim màu 1-5-73 và ca vũ nhạc của đoàn Văn công Giải phóng. Các tối ở Sài Gòn đã có các màn ca vũ này. Tôi không chú ý nhiều như thói quen từ xưa đối với vô tuyến truyền hình, nhưng đã nghe lọt được từ “ba lê” và nghe chê giọng hát soprano của opéra không-nghe-được-gì-hết. Cái giọng này trên một tờ *Nhân Dân* đọc được ở Trảng Lớn, ông nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương khẳng định là giọng mạnh, hùng, thể hiện được bản chất cách mạng, không như cái giọng rên rỉ, yếu đuối của Sài Gòn cũ. Thời gian sẽ điều chỉnh lại ý thức tự phụ đó. (Và cũng không đợi đến sự trỗi dậy của nhạc vàng từ những năm 85, 86... đẩy lùi nhạc

cách mạng rút vào bí mật trên khắp cả nước.) Cũng trên tờ *Nhân Dân* (1978), một “bạn đọc viết” từ Hà Nội rằng “hát không phải là hét và hãy để cho thính giả nghe rõ chữ, rõ lời mà hiểu bài ca”. Giọng hát ngất người đó hình như một phần có gốc gác của thời chưa có micro?

Chuyện ngõ ngang quái đản nhất là sự khoe khoang các màn vũ ba lê xa lạ, thượng lưu trên một xứ mà tiêu chuẩn là gốc “nông dân, thị dân nghèo”, “ở mướn”... Ba lê học được ở một nước Liên Xô công nông cắt đứt với các trào lưu nghệ thuật mới như ý kiến của lãnh tụ Lenin về hội hoạ tư sản. Ba lê đã được ông tổ Marx có những liên hệ quý tộc dù được coi là người của Giai cấp, khen ngợi và được đơm đẽ từ nhắc nhở nhiều đến sự thiên ái đó để khoá lấp mặc cảm tầng lớp thấp của họ. Ba lê xa lạ, thượng lưu để chứng tỏ chế độ mới cũng có thể đạt đến tinh hoa nghệ thuật của thế giới. Cũng như chuyện tác giả Sechxpia mà ngày xưa ông tổ đã khoái đi xem trình diễn. Trong một bút kí ở Miền Bắc được dịch ra Anh văn – một thứ Anh, văn Việt – để giới thiệu với người ngoại quốc, có đoạn tác giả Vũ Cận khoe đã gặp nơi học tử một cán bộ trong vùng máu lửa Vĩnh Linh các tác phẩm *Mặc biệt* hay *Vua Lia* gì đó – trong nguyên văn! (Thật đáng nghi ngờ vì thời gian đã chứng tỏ có những chuyện tương tự thế này: Một anh chàng cán bộ lớn tuổi, chắc có học tiếng Tây đâu thời Tây, cầm quyển *Vol de nuit* của St. Ex. ném xuống bàn hậm hực: “Bọn thực dân và tay sai cố động cho những trò ăn cắp đêm!”) Sự cương cường trong chống đối không đủ biện minh cho thói bắt chước nô lệ như chuyện cái đài Hà Nội một thời trời nhạc kèn đám ma Tàu. Giao lưu văn hoá cụ thể bao giờ cũng chứa đựng mặt trái xù xì hơn giao lưu văn hoá lí thuyết hô hào.

Nhưng sự mới lạ ban đầu cũng đem lại hấp dẫn cho đám người ham vui. Cuộc diễu binh dài 1-5-73 hình như không hấp dẫn lắm vì người ta đã thấy sức mạnh vũ khí trước mắt rồi. Chỉ có một đoạn quan trọng: cảnh trượt nước trên hồ Tây. Cảnh thuyền trong hình không chứng tỏ được đó là sinh hoạt thường xuyên nhưng thật dễ cho người ta có cảm giác như vậy – mà ai nói trái lại thật cũng phải ngại ngùng. Vậy thì rõ ràng là phe XHCN, cụ thể là Miền Bắc cũng có ăn chơi tân tiến. Rõ ràng hơn nữa là các vũ công Giải phóng cũng áo quần bó sát, vêu dít, lồi ngực như ai! An tâm đi, những cô gái lo cắt

cụt móng tay, chùi son đỏ, đổi áo dài khoác bộ đồ cũ rách, mặc trong nhà sang hơn ngoài đường, khỏi sợ Giải phóng vào rút móng, lột quần jean. An tâm đi, những cô gái vội vã lấy chồng, sợ phải ẵm bầu ẵm bí – những thương binh cụt tay, cụt chân. Và đám com trai, đàn ông đã vứt cắt đầu tóc ngắn không cần đến cảnh sát can thiệp và không nhớ đến sự ủng hộ của báo-chí-có-quá-nhiều-“tự do”. Nhưng không có lửa làm sao có khói?

Cảnh trượt nước làm tôi nhớ đến một anh bạn. Chắc anh đã coi khúc phim này ở Mỹ trong những ngày lấy MA bên đó. Anh bảo: “Ở ngoại quốc người ta thấy như thế đó, và tất nhiên sụp đổ những tuyên truyền về cộng sản sứt máu thế này, thế nọ...” Anh quên nói, hay là tôi chậm hiểu, anh đã là cảm tình viên từ nhận định gán cho người ngoại quốc đó. Cũng như tôi không có dịp nào, không có cách nào hỏi xem tại sao anh không nhìn vào thực tế ở quê nhà mà lại dựa vào phim ảnh có dụng ý rõ rệt, sao lại dựa vào ý kiến một người ngoại quốc? (2004: *Anh đã vượt biên, nay sống ở Texas, còn chuyện trượt nước, theo ông Tô Hoài tiết lộ thời “mở cửa”, thì đó là sinh hoạt lén lút, bất chợt từ trước của đám con ông cháu cha du học và những người Hoa thời ưu đãi vì cần phải nhờ cậy.*)

Chỉ có Thủ tướng Phạm Văn Đồng là xui xẻo trong lần đầu xuất hiện ở Miền Nam. Trên màn ảnh nhỏ, thủ tướng có đôi môi dày, vêu lên – đôi môi mà có tên cải tạo liên tưởng để cười xoà khi nghe lần đi thăm Philippine, Tổng thống Marcos nói: “Người Việt rất giống với chúng tôi...” Và một giọng đọc diễn văn ngai ngái khiến cho một bà phải thốt lên “nói y như Mọi”, lời thoáng nghe khi tôi bước qua cửa tivi. Bà không cần biết rằng ông ta là người Quảng, phải nói giọng Bắc, nhưng tôi thì nhớ đến ông thầy người Huế, giảng dạy ở Sài Gòn, cứ muốn nói giọng Nam, đánh mất dấu giọng khiến sinh viên phải la lên: “Thôi thầy ơi, bọn con là dân tứ xứ, thầy nói tiếng Huế cho chúng con nhờ!”

Đăng kí ở một khu trường tiểu học ngoại thành. Tôi thoát vì đã có ông Cao Đăng Chiếm rồi, nhưng cũng mò đến đó vì có biết bao điều phải học. Tìm học trước khi người ta bắt học có lẽ hay hơn, có dáng trên chân hơn tuy điều học này không chắc là thay cho điều học nọ. Xe đạp bắt đầu chật đường, chật sân. Hay thật, tìm đâu ra cái xe đạp đã quên lâu rồi? Cách thế đăng kí ở

đây có vẻ chặt chĩa, có thứ lớp hơn những nơi tôi đã trải qua. Nhận giấy một nơi, ngồi viết một phòng, đem trình cho người vặn hỏi về những lời khai báo của mình, chưa được vừa ý thì phải về chỗ bổ túc, xong mới được đem nộp ở phòng cuối cùng.

Tất cả những thầy giáo bỗng trở lại thành thí sinh vào vấn đáp. Có khác là ai cũng đậu cả sau khi làm thoả mãn yêu cầu của giám khảo mới. Có khác là cuộc thi đánh giá đời mình theo tiêu chuẩn của người khác, với những chi tiết lời khai làm chứng có tự buộc tội, và nhất là phải có lời thú tội. Quan trọng nhất là ở chỗ đó. Bởi vì ở đây không phải là một công việc hành chánh hay cho dù đặt trong thời đại mới đi nữa, cũng không phải là một công tác chính trị bình thường. Đây là nơi người ta nhận kẻ đầu hàng.

Ngày xưa người ta làm lễ hiến phù ở Thái miếu. Sau này người ta sẽ bắt một bọn quý trước Lăng Bác để sám hối. Nhưng bây giờ có rộng rãi mấy đi nữa cũng phải có một lời thú tội. Giấy đăng kí cũng như ở các nơi khác không có khoản đó. Nhưng hãy chen vào đoạn nói về hoạt động trong quá khứ của mình một lời đấm ngực kiểu đại khái: “Tôi đã theo chân đế quốc tàn hại đồng bào...” Tự nguyện như thế đó thôi.

Nếu đừng có cái sợ thì phần khá lớn chẳng ai biết mình đã làm hại đồng bào như thế nào. Nhưng đã biết sợ rồi thì văn chương chữ nghĩa tuôn trào. Đừng tưởng là dễ.

Người ta đã dạy là nhận tội, ý thức được tội lỗi của mình, cả một quá trình gian khổ đấy. Ủ, tội gì nhi? Anh lính sợ nhiều nhất, không trốn được thì phải ra, tuy “đi lính vì bắt buộc” nhưng bây giờ đã thấy có tội “chống đối Cách mạng, làm tay sai cho đế quốc”. À, “làm tay sai cho đế quốc”, bài học đã nắm được rồi! Anh công chức lằng nhằng chộp lấy viết thông vào lời khai, sung sướng thoát được lối bí, thoát những giây phút ngần ngơ nhớ lại cái quá khứ tới sờ rề rề, về quán nhậu hiên ngang hay âm thầm hơn, về nhà ẵm vợ ẵm con. Nhận tội rồi không phải “lội xuống sông hết tội”. Phải có lời hối hận. Một dòng ngắn cũng đủ. Lúc đầu tiếp xúc “đừng làm em nó sợ...”

Khó khăn chật vật hơn chút ít là đối với đám thầy giáo. Chẳng biết bởi giới này còn có óc tự tôn “làm thầy” hay bởi cái thứ kiến thức có dáng chuyên

môn hoá làm đầu óc dễ cứ đinh ninh rằng “văn hoá là trung lập” mà họ cứ tiếp nối cái gàn “thầy đồ” cu khiến xảy ra những tranh luận – phần lớn chỉ là một hai câu yếu ớt, trước khi họ tiu nghỉu lấy giấy ra hàng hiên ghi thêm lời thú tội. “Tôi chỉ dạy học trò thôi, có làm gì đâu! Thời nào chẳng phải có thầy giáo?” – Nhưng học trò anh có đi lính chống phá Cách mạng không? Anh có dạy (môn) công dân khuyên nhủ thi hành quân dịch không? “Không, tôi dạy cổ văn, tôi dạy sinh ngữ.” – Anh lồng vào giờ dạy những đoạn văn ca tụng đế quốc, tư bản. “Tôi dạy toán...” Chà, hơi khó đây, lại trở lại trách nhiệm. – Học trò anh đi pháo binh... không quân... hải quân chống phá Cách mạng. Nghe ngóng được vài màn đối đáp toát mồ hôi lạnh như vậy, vài anh hí hửng khoe rằng mình đã “hên” nhận tội trước, tránh khỏi bị lục vấn lằng nhằng. Ấy cũng là bước đầu học hỏi được cách sống dưới chế độ mới.

Màn bi hài kịch lên đến đỉnh cao với vai trò đơn độc của một tên giáo gàn nổi tiếng từ xưa. Hấn hung hăng: “Tôi dạy học trò là dạy chữ nghĩa, học trò nó làm cái gì là việc của nó. Học trò tôi có đưa làm lính Cộng hoà, có đưa là Cách mạng. Còn nói tôi đã phục vụ cho một chính quyền bán nước thì có gì la đâu, tôi ở đâu phải làm theo đó chứ! Cụ Hồ lập chiến khu ở ngoài Bắc thì các anh là Cách mạng, chúng tôi là phản động, còn nếu Cụ Hồ ở Miền Nam thì vai trò đảo ngược lại, tôi thành người cách mạng rồi.” Phát biểu bộp chộp nhưng luận cứ thật khó bài bác vì nó bám vào thực tế sống chỉ có thể xô đổ bằng một thứ lí tưởng trên mức con người bình thường. Nhưng người chiến thắng vững tin ở sự thành công của mình, không thềm chấp kẻ lai hàng. Câu chuyện ồn ào làm mọi người trong phòng quay lại nhìn về phía anh. Người ở phòng bên cũng đổ xô qua. Một tiếng hỏi của ai đấy: “Anh ta tên gì?” Một tiếng trả lời: “Nguyễn Văn Thiệu.” Đúng tên của anh ta. Mọi người cười ồ giải toả được sự căng thẳng của căn phòng. Còn anh thì im lặng. Có lẽ bây giờ bỗng nhiên anh ta tìm ra câu trả lời của vấn đề rồi.

Chiến thắng cũng tạo nên phân hoá mới. Giải phóng “bung” ra vươn cánh tay dài lên những vùng mới chiếm, kiếm thêm kẻ hợp tác theo sách lược. “Anh Sáu” chủ toạ cuộc họp của trường Tân An chỉ là một hiệu trưởng trường tư – nhờ thế mà có dáng không dính với chế độ cũ. Anh ta là thầy của người tiếp quản Ti giáo dục Tân An. Và cũng chẳng thiếu gì những kẻ hợp tác

nồng nhiệt, những kẻ mà sau này với thời gian làm cho bớt sợ, người ta gọi là *dân Cách mạng* 304 (30-4). Cũng Nguyễn Văn Thiệu trên đã chỉ vào một người đội nón tai bèo, nói ông ổng ngoài đường phố: “Ủa, thằng X., mày làm cách mạng hồi nào vậy? Sao hồi ông Tư, ông Năm (các tỉnh trưởng Tân An cũ) mày cũng bà con với mấy ông, rồi tới bây giờ mày cũng thân với Cách mạng. Sao lạ quá vậy hả mày?”

Chỉ khoảng nửa tháng, Anh Sáu được thay thế và hôm đăng kí trình diện chung, chúng tôi thấy mặt anh trong bọn “hàng thần lơ lảo”. Người thay anh là một giáo sư cũ trong trường, lại nghe nói đã giác ngộ từ lâu. Nghe nói vậy thì cũng hay vậy thôi. Chỉ biết rằng khi bắt tay chúng tôi anh không giấu được vẻ ngượng ngùng. A, thì ra lương tâm cũng là một vấn đề phức tạp. Trái, mặt nào đâu phải chỉ là một phép quay!

Đám trẻ vẫn thành thực hơn. Theo hay chống, ông thầy đối với họ còn là người cố vấn để hé lời tâm sự. Người ta đã móm lời cho họ – dưới một khía cạnh hữu lí, rằng nhân danh tổ quốc, dân tộc, người học trò có thể xử án thầy làm tay sai cho đế quốc mà không trái ngược với đạo lí chút nào. Hiệu quả của lời dẫn dụ ấy về lâu mới có tác động, nhưng trong hiện tại mỗi tình thầy-trò tự nhiên chưa bị lí luận làm đảo lộn. Người học trò hoang mang trước tương lai thẳm thì hỏi thầy tuy thầy cũng chẳng biết phải làm sao. Người học trò đội nón cối ngả mũ chào thầy, cung kính như một thuở nào từ bên kia đường nhảy qua bên này đường để được chào tận mặt thầy. Người học trò bị du kích chặn lấy mất chiếc xe đạp cũng gầm gừ riêng với thầy: “Con sẽ theo Hoà Hảo...” [*Bản thảo*: Có vẻ như cậu học trò mười mấy tuổi đó sống quá quen thuộc với cảnh tranh tối tranh sáng ở thôn quê nên không loá mắt trước “chiến thắng vĩ đại”. Radio, tivi nói quân ta làm chủ Sài Gòn, thành phố chỗ này chỗ nọ nhưng ở một xóm, một làng vẫn có những người làm chủ khác. Đã nghe tiếng xâm xì về các đám người chiêu hồi bỏ Trung tâm đi, trước khi quân Giải phóng tới. Họ làm một cuộc hoán vị vòng quanh với các lực lượng này: Họ lên vào các chiến khu bỏ trống, giờ lại kinh nghiệm cũ, gài lựu đạn, mìn bẫy, co lại trong thế tự tồn tuyệt vọng vì hơn ai hết họ đã biết số phận dành cho họ. Còn những đơn vị quân đội lạc lõng nữa. Nên cũng có tiếng xâm xì về một đường dây vòng vèo qua kênh, bùng đang thành hình. Dù thế

nào đi nữa thì kẻ thất bại cũng đang trốn chạy, còn người chiến thắng thì quá bận rộn không thể quay lại đằng sau. *Hết]*

Rồi đến một buổi họp toàn tỉnh của ngành giáo dục để nói rõ chính sách mới, về việc mở lại các trường với một vài môn hạn chế để chứng tỏ học đường sau giải phóng vẫn bình thường, như điện vẫn sáng, nước vẫn mở, xe vẫn chạy... Và bất ngờ lúc đọc tên, tôi thấy mình được ở trong ban Điều hành tạm thời của nhà trường. Chẳng có gì đáng nói về việc đề cử này nếu không có lời xầm xì cần ghi lại: “Chà! Y móc nối hồi nào mà hay quá vậy ta!” Nhưng cũng nhờ đó tôi tiếp xúc được một phần với những người mới. Người tiếp thu Sở giáo dục tỉnh nguyên là một giáo viên tiểu học, và người thứ hai cũng chẳng hơn gì. Nhưng cũng như các đồng chí của họ, họ tất bật ngợp người trong nhiệm vụ mới. Và quanh họ là đám giáo viên, giáo sư, chức việc cũ lóng ngóng. Phần lớn là những ban điều hành mới vừa được đề cử, đến để hỏi về đường lối làm việc, về việc mở lại trường. Cũng có những kẻ xin gặp vì lí do riêng tư: “Hồi ấy tôi vào đảng Dân chủ là vì bắt buộc... Anh hỏi lại những người ở đây mà xét lại cho tôi nhờ...” Chẳng biết vì lập trường không vững hay vì nhu cầu giai đoạn mà anh ... tiếp thu đã trả lời câu hỏi của tôi một cách riêng tư không ngờ: “Hãy cứ làm việc đi, bây giờ là lúc bung ra, có khó khăn nhưng ráng khắc phục...” Sau này tôi mới hiểu là vì không có khả năng (ngay từ tầng lớp trên) mà người ta chỉ đưa ra đường lối chung, và “vừa chạy vừa sắp hàng” người ta sử dụng bọn hàng thần vẽ vôi bên trong cái khung trắng đó.

Nhưng chúng tôi chẳng biết vẽ sao cho đúng ý người mới. Cố trình bày chi tiết làm việc dưới dạng gợi ý để dành vinh dự có sáng kiến cho người trên, nhưng tôi cũng không thể nào cho anh ... hiểu để quyết định được, đành phải ra về. Chẳng biết nếu không đi cải tạo, tôi còn phải loay hoay trong bao lâu nữa.

Giữa tháng Sáu, Tân An mở lớp “học tập” chính trị cho giáo viên toàn tỉnh. Một danh từ phải giải thích và giải thích cho mấy cũng không hết được nội dung, và chỉ hiểu được cái kính vạn hoa này là mỗi người hiểu theo cách của mình, ở trong một trường hợp tham dự – một con cá trong cái lò hay cái mương của mình. Cái đề nghị lập từ điển Bắc Nam nào đó thật vô ích: Chữ

không nói được hết nghĩa và chỉ có cuộc sống mới bóc hết nội dung của nó thôi. “Sống trầy vi tróc vảy” như ông bà mình đã dạy.

Lần đầu nghe nói đến chữ “thu hoạch”, đầu óc chỉ có thể mừng tượng được ý nghĩa vật chất của nó thôi, qua đó anh thầy giáo thấy dân ruộng rẫy chất lúa, gom đậu, thấy chủ vườn hỉ hả đếm bạc bán trái cây. Người cũ đã có chữ để tách rời hoạt động chủ yếu trí thức và hoạt động chủ yếu chân tay, và chữ dùng cũ còn giản dị hơn: bài học, bài làm, chẳng có gì là học tập, thu hoạch cả! Họ chưa biết đến cái chủ trương “vô sản hoá” có từ những năm đầu thành lập Đảng và sự cưỡng ép nông dân hoá – bần cố nông hoá từ những năm 50, đề cao lao động chân tay – hiểu là lao động thô sơ, đến mức tuyệt đối, và canh chừng trí thức dù là có những lời cải chính.

Hình như chẳng ai thắc mắc nhiều về những chữ không biết – cái khôn ngoan bẩm sinh đã dạy họ đến lúc nào cần biết thì sẽ biết. Sống lỗi đó sẽ tránh được tai hoạ cả khi chưa đáng có tai hoạ: Khi giảng viên nói trong bài học mới về “chiến thắng vĩ đại” có chữ “lên lớp” thì nên hiểu đó là để truyền đạt kiến thức, trao đổi với học viên một cách đứng đắn, nghiêm chỉnh, chớ tưởng lầm giáo viên lên-lớp “cho một bài học tối tăm mặt mũi”!

Vâng, thì hãy xúm lại học tập 10 ngày, nghe giáo viên lên lớp giảng, xong về tổ thảo luận, làm thu hoạch đem nộp, cuối cùng dự tổng kết lấy cái “bằng” đi về làm ăn. Trưa không kịp nấu ăn thì bấm bụng ghé vào quán cóc làm đĩa com nước tương, dưa leo. Mới đó mà đã xa, quá xa rồi, cái quán Anh Đào với canh chua, thịt kho, dưa giá. Thảo luận tổ dựa trên các câu hỏi của giáo viên cho – có gợi ý, thảo luận thoải mái, trọng sự tự do tư tưởng theo bài học. Có giấy phát cho thư kí ghi ý kiến phát biểu của mỗi người rồi sẽ cô đọng lại làm ý kiến chung cho toàn tổ.

Bài học là một bài Lịch sử chống Mĩ, lịch sử thất bại của việc Mĩ can thiệp vào Việt Nam làm khuôn mẫu cho tất cả những ấn loát chính trị, lịch sử sau này thấy in hàng chục, hàng trăm lần từ tờ báo địa phương, báo đơn vị, hội đoàn, đến những ấn phẩm gọi là nghiêm túc cũng không vượt qua được. Lúng túng, lúng túng từ học viên đến tổ trưởng, tổ phó vốn cũng là dân nguy. Cán bộ giáo dục đến dự thỉnh lại càng làm cho không khí trầm lặng hơn. Một

vài người gượng gạo lặp theo bài học – vì câu hỏi đã chứa sẵn câu trả lời. Cứ kể cũng là lanh trí, thích ứng kịp thời. Chỉ có một bà giáo cứ cho là Dương Văn Minh có công trong việc chấm dứt chiến tranh – đúng là nữ nhân nan hoá! Duy có điều không ai hưởng ứng để tranh luận. Một vài phút trống ngượng ngùng.

Mới được bảy ngày thì có lệnh tập trung học tập riêng cho các sĩ quan. Thành phần sĩ quan giáo chức biệt phái được tách ra, bỏ cuộc thảo luận, đón dác ra đường xem thông cáo. “Đi học” phải nộp khoảng 6.000 đồng làm chi phí. Thật cũng dễ có ảo tưởng về một thời gian học, tuy có thể dài hơn 10 ngày nhưng cũng không đến nỗi nào. Đi học phải nộp tiền là đúng rồi. Cuối tháng Năm đã có mở lớp học tập cho hạ sĩ quan, binh lính, cảnh sát viên. Người đi về từng tốp vui vẻ cười nói ồn ào, tay cắp vở như một thời thơ ấu cũ – có khác là thuốc lá cầm tay và rẽ ngang vào quán cóc. Đầu tháng Sáu, Sài Gòn có lệnh tập trung học tập các sĩ quan cấp tá – mang nộp tiền ăn một tháng. Rồi bây giờ tập trung cấp úy, mang tiền ăn 10 ngày. Nơi tập trung là các trường có rào cản ngay từ ngoài lộ, có lính gác, nhưng chút bất thường ấy không gây ra chút xáo động nào trong sự khờ khạo chung. Sau này ngay những nạn nhân cũng phải thầm phục trong cay đắng về sự lừa gạt đến độ tinh vi đó của người cộng sản Việt Nam. Nhưng đâu có phải sự thành công nào cũng đi theo với sự nâng cao tư cách làm người?

Những Ngày Đầu Lên Tiên Của Các Chàng Từ Thức Ngụy

Khoảng nửa tháng sau khi vô-hộp, khoảng thời gian đủ cho 10 ngày trôi qua cộng thêm một chút thời gian chờ đợi tự an ủi, để rồi bắt đầu khắc khoải đánh dấu hỏi ngày về, không biết ai đã gọi lại câu chuyện Từ Thức lên tiên để đùa bốn nhạo báng về cái kì hạn 10 ngày học tập của chính quyền mới. Câu chuyện thần tiên thơ mộng xưa không vẽ lại hình ảnh hỡi hùng của cảnh Từ Thức về trần biết được mình đã đi bao lâu, khiến phút chốc từng sợi, từng sợi trắng dần phủ lên lớp da mặt nhăn nheo, co rúm, đè còng tấm thân vừa mới còn thanh xuân, cường tráng kia. Những người trông coi các trại chịu đựng sự

nhạo báng chính sách lâu rồi cũng tìm ra được một luận cứ biện hộ: “Người ta chỉ bảo đem đồ ăn 10 ngày chứ ai bảo đi học 10 ngày đâu!” Chẳng ai có tờ thông báo trong tay lúc ấy để kê vach phản bác. Nhưng nội một sự đình ninh “đi học 10 ngày” của toàn thể sĩ quan cấp úy cũng đủ chứng tỏ sự thực nếu không nằm trên văn bản thì cũng nằm trong mưu mô tính toán có ý thức lường gạt của người chiến thắng. Nay nhé! Mở đầu cho hạ sĩ quan và binh sĩ học 3 ngày cấp giấy cho về làm ăn, không còn nghi ngờ gì cả. Việc gọi các chức quyền cấp cao và tướng tá đi học “mang tiền ăn một tháng”, chưa hết thời gian ấy để nghi ngờ thì có lệnh “mười ngày” tiếp theo lập lò giữa cái thực và cái giả, cái giả nấp sau cái thực để giả toàn vẹn. Người cộng sản đã dạy cho người Việt Miền Nam bài học thấm thía bằng hoàng về cách làm chính trị. Vẫn có tên cải tạo gặt gù vô tư: “Đặt vấn đề nếu không lừa gạt như vậy thì có thể gom trọn trăm vạn người trong một lúc không? Có thể khởi đổ máu nữa không? Chưa kể chính quyền có nắm chắc được hay không?” Ừ thì dù sao cái hiệu quả cũng là điều cần thiết, là cứu cánh. Nhưng đó là lí luận của anh chàng trí thức không-biết-đến cộng- sản, suy nghĩ theo lối “trung lập” của cuộc đời anh vẫn sống, theo lối “không có lập trường” như anh sẽ biết. Người ta không cần sự bào chữa đó. Không, trăm lần không, ngàn lần không! Luận cứ của anh có sự xác nhận không được chấp nhận: có lường gạt. Người chiến thắng nói họ quá thừa kiêu hãnh để không cần lừa gạt kẻ chiến bại họ nắm trong tay. Nhận như thế thì làm sao có thể nói về chính sách “khoan hồng đại độ, trước sau như một” được? Trăm điều chỉ tại mi u tối! Ờ hé!

“Có ai bắt bó gì các anh đâu? Các anh tự động mang giỏ xách đi trình diện đấy thôi!” Trong lời nói ấy có chút đều cang hả hê của con mèo vờn con chuột. Một chút sai lầm trong chi tiết là có người bị bộ đội lưng sục cả trước khi hết hạn trình diện. Nhưng cũng thật đúng là hầu hết đều bình thản đến cổng, xin vào. Có người cùng con gái đi theo đỡ đàn cho con rể. Có người thuộc diện “ba ngày” tiễn đưa bạn, ngồi quán nhậu ngà ngà cũng theo luôn bạn vào cổng cho vui. Có người giải ngũ nằn nì xin “đi học để có cái giấy về dễ làm ăn”. Nhưng qua con ngựa sắt là “dòng sông không trở lại”. Nhìn lại, có ai ngạc nhiên về cái thua ngày 30-4 vừa qua không?

Ừ thì vào cho yên thân. Sáng 23-6, tôi đi vòng vòng già từ phố phường

rồi cầm khúc bánh mì đến cổng trường Taberd. 10 giờ 30. Hai viên sĩ quan cầm súng lặng lẽ chỉ lối vào. Ngoài đường vắng, cổng trường kín chỉ chờ chỗ lách, không thể biết bên trong có gì.

Không có ai chỉ dẫn cả nhưng cứ thấy người ta lam thế nào là bắt chước làm theo.

Đến guichet nộp tiền ăn 10 ngày, hơn 1000 đồng thì phải. Có biên lai đang hoàng. Xong rồi xách cái xác ngồi dựa tường. Hành lang hơi tối. Có độ mười người ngồi đó rồi. Không có tiếng nói. Cứ nhìn nhau. Có cái gì rờn rợn. Khoảng nửa giờ sau thì Trần Anh Tuấn đến. Hành lang đã chật người. Đang ngồi nhìn nhau thì một người cán bộ tới ra lệnh bỏ đồ kim khí ra ngoài. Vẫn có một cái gì nặng nề lắng vắng tuy rang con người đã loay hoay cử động, tiếng sột soạt của đồ vật cọ xát, tiếng loảng xoảng của muỗng nĩa, dao inox ném xuống sàn gạch bông. Chúng tôi được chỉ qua sân vào căn phòng đối diện. Cũng lại ngồi nhìn nhau trong cảnh ban ngày của Sài Gòn không điện. Lại có người vào tiếp.

Giữa trưa, một cán bộ bước vào mặt lạnh lùng, ngồi trên ghế nói dần từng tiếng: “Đảng và Nhà nước lúc nào cũng tỏ lượng khoan hồng đối với các anh, nhưng đưa vào đây là để các anh có dịp ăn năn về các tội lỗi đã làm... Các anh phải cải tạo cho tốt...” Thôi rõ lắm rồi!

Nhưng ra ngồi ngoài chái phía phải của trường để sắp thành đội thì ánh sáng và cây cối cũng làm cho đầu óc bớt bi quan một chút. Chỉ còn là nỗi ngu ngơ lặng lẽ. Ngóng rồi chờ đợi. Một cán bộ đến, ồn ào cười mở. Lớp trung úy được sắp riêng.

Tuấn tách khỏi tôi. Mãi đến xế chiều mới có đủ số đại úy thành một đội. Chẳng nhớ có bao nhiêu người. Tất cả được dẫn lên một căn phòng trên lầu.

Bàn ghế học trò còn đầy đủ. Trên bảng đen còn ghi lại bản chương trình sinh hoạt hàng ngày, có ai vụt nghĩ ra được là của đám cấp tá trình diện trước kia. Vội vã, ngần ngại nên không nhớ chi tiết của chương trình nhưng cũng thoáng nhận được tính cách ổn định lâu dài của nó. Và không nghĩ thêm để nhìn chung quanh. Có một dáng mặt quen quen không nhớ ra đến khi hấn hỏi: “Ở Tân An có còn ai trình diện nơi đây nữa không?” Hấn nhìn vào tấm

phiếu khai của tôi, hỏi, à thì ra đó là Can, gặp vào lúc tôi trình diện ở Trung tâm tuyển mộ III khi hắn là chuẩn úy ở đấy, gốc giáo viên. Tôi thu xếp chỗ ngủ, mạnh ai nấy tìm chỗ nằm. Một hiệu trưởng nằm cong queo trên estrade trước bảng đen, sau này làm đề tài cho chuyện cười được coi là trớ trêu liên quan đến nhà giáo.

Trời càng về khuya càng mưa tầm tã. Tôi mang mũng giăng trên tầng gác hội trường nhưng không ngủ được. Từ trên gác nhìn ra bóng tối nhiều hơn ánh sáng. Trường vốn là một tư thực Công giáo, cấu trúc mang tính cách nhà tu nên càng thấy âm u hơn với bốn bức tường kín mít vươn cao trên nền trời đen. Ánh đèn pha trải dài trên sân nước. Một vài người lính đi lại mang B40 lắp đầu đạn khiến cái bóng càng dài ra nhão nhẹt. Nhưng không nghe tiếng vũ khí va chạm mà chỉ có tiếng dép lẹp xẹp nổi bật hơn cả tiếng mưa rào và giọt tranh lách tách. Tôi bỗng thấy rùng mình. Không giống hẳn một cảnh nào trên màn bạc, nhưng dường tượng là hình ảnh của ngục tù tăm tối trong một chuyện phim chiến tranh, nơi một lâu đài trung cổ châu Âu.

Lúc nửa đêm có tiếng ồn ào dưới sân. Xe đổ, cổng mở, người ùn về từ các trường Gia Long, Petrus Kí quá chật. Họ sắp hàng đôi dưới mưa, xác mang theo mình, ngoòng ngoèo như con rắn. Những người gác lượn lò chung quanh, nắm tay đặt lên đầu súng chĩa về phía họ. Có tiếng quát nạt nhưng cũng không ngăn nổi ồn ào. Không phải ồn ào phản kháng mà là tập hợp từ tiếng nói, cử động không ý thức cầm giữ của cá nhân., Nhưng rồi trật tự cũng trở lại. Chung quanh tôi mọi người đã ngủ. Bầu trời tối đen. Mưa còn nặng hạt rơi qua vùng sáng đèn, tủa xuống đám người nhích dần, nhích dần vào phía trong, mình ướt đầm. Có cái gì nghẹn ngào dâng trong tôi, tôi cúi nhìn đồng hồ.

Đúng 12 giờ. Tôi vào làm bài thơ đầu tiên trong đời của tuổi lớn, tuổi tưởng chừng không còn xúc động để làm thơ.

Buổi sáng dậy thấy náo nhiệt hơn hẳn hôm trước. Người vào đông. Có loa bắc truyền tin đến các phòng. Lúc đầu chỉ có những lệnh kêu người lên hỏi về một chi tiết trong lời khai đêm trước. Dần dà các đề tài càng phức tạp hơn, có khi buồn cười: lên nhận chiếc vali (sao không là chiếc samsonite?),

nhận món tiền của người nhà gọi, trả cho vợ chùm chìa khoá lỗ mang đi... Ít ai chú ý nên phải gọi nhiều lần. Có khi người gọi loa mất kiên nhẫn: “NVX lên nhận ngay gói thịt kho vợ gửi, kéo thối đấy!”

Có một xe mang bảng hiệu Continental chạy ra chạy vào đảm nhận việc tiếp tế, ăn uống. Sang thật. Dân cải tạo quả là cái đích cho nhân nghĩa, mỹ ý tự về. Nhà nước mới được dân chúng bên ngoài xầm xì khen ngợi tính nhân đạo đối với những tên tội phạm mà có tên cả đời chỉ bước đi dưới lẽ đường nhà hàng này – còn nhà tư bản kênh kiệu trước kia thì lại được dịp có công tác phục vụ cách mạng. Có điều lực bất tòng tâm: Nấu ăn cho cả ngàn con người mà bằng mười cái nồi 50 kê ông tảo trên nền gạch bông, chụm lửa đực cái chen với than. Và cũng là dấu vết quá gần: Chỉ có củ cải, cà rốt, thu đủ hầm bà lằng mà cắt đủ cạnh khía này nọ, búp nở... Cho nên cơm trưa ăn vào lúc bảy giờ tối, cơm chiều vào lúc nửa đêm. Đã khuya mà còn đông người xúm xít nơi “bếp”. Nồi cơm vừa chín tới, có khi chưa chín hẳn đã lôi ra xới cho đám người châu chực rồi thoáng cái, lại lôi nổi đuôi phía sau nấu lượt tiếp!

Chiếc xe chạy ra chạy vào lại được lại được dịp mang hàng đem bán. Vèo cái là hết. Bánh mì, bánh ngọt cho lúc chờ đợi cơm. Xì dầu, nước tương, đường... cho những người tuy mới qua một ngày nhưng đã thấy rằng những nhu dụng cần thiết cho cuộc đời thật khác hẳn những thứ của cuộc đời cái-gì-cũng-có-sẵn bên kia bức tường, rất gần mà đã thật xa. Ống loa lại có đề tài: “Anh em ráng tằn tiện để có còn tiền mà tiêu...” Chắc chắn không ai chú ý đến lời khuyên thành thật đầy ẩn ý đó. Thoi quen tiêu pha không dễ gì xóa bỏ ngay được. Người ta lách các cánh cửa ngó mông ra đường, nối dây thông từ trên lầu xuống cột vài đồng bạc, nói to: “Một, hai li cà phê đá, phế nại, paxiu...” Buôn bán cũng sòng phẳng lắm, tiền thối lại đeo theo hàng trở về chủ. Có khi đầu dây là một phong thư kèm tiền công để gọi về nhà rồi chồng trên cao, vợ dưới thấp tiếng được tiếng mất như cặp vợ chồng Ngâu tân thời qua mặt Thượng đế, không cần ngày Trùng thất.

Việc giải quyết vệ sinh cũng là điều gay go. Cống không kịp thoát nước tiểu. “Phồn vinh giả tạo” có thể là tính chất của sản xuất, tiêu thụ nhưng không thể nào là của bài tiết. Bốn khung cầu đầy tràn lan ra ngoài hiên, trên bực lên xuống. Người ta giải quyết ngay ở các góc tường hơi kín. Thế rồi

không biết ai xướng suất, một công việc chung đầu tiên được đưa ra: dọn cầu. Người ta kiểm không biết ở đâu được cái xe rác nhỏ, vài cái xẻng, xúc phân chất lên xe rồi hè bám vào lăn từ từ ra, đổ vào hai thùng phuy bên trong cống có lẽ ngày thường chỉ dùng chứa lá cây hay giấy vụn. Người bộ đội gác không nói gì, đứng lên kéo cái ghế xê chỗ khác, mặt hơi nhú xuống. Đám dọn cầu vẫn hò nhau, đi đi lại lại, có người ở trần, có người còn giữ cái quần dài, chỉ cuộn lên trên mắt cá. Tha hồ cứt đá văng lên nhưng cầu sạch bong. Đám “ăn trên ngồi trốc” nhậu lade, húp cà phê của chế độ cũ trong bước đầu bỏ ngõ đã làm được việc ngày thường họ không làm, chứng tỏ khả năng tiềm tàng như họ sẽ chứng tỏ dài dài sau này để cải chính những lời võ đoán của đối phương. – và tất nhiên người chiến thắng có bị thuyết phục trong giao tiếp riêng đi nữa, trên diễn đàn buổi họp họ vẫn không thể nói khác giáo điều để mắng mỏ những kẻ “ngồi không ăn bám”, “ngồi mát ăn bát vàng”... Cái riêng, cái chung của cuộc đời thường vẫn có khác nhưng không ở đâu, với thời đại này, với những con người này mà mặt trái, phải khác biệt nhau đến thế. Nhưng đây chỉ là mới tiếp xúc buổi đầu.

Tối 15-6 có lệnh di chuyển. Tập trung ồn ào dưới sân. Gần 11 giờ loa gọi tên từng đội. Chẳng nhớ mình đội mấy. Có người dẫn ra đường. Vắng ngắt. Xe đậu dài ngút. Trên nắp xe có hàng chữ Hán của hai, ba loại hình như là của nơi sản xuất. Bên hông xe có hàng chữ phản nguệch ngoạc, phải suy nghĩ một lúc mới hiểu: Ta be, Ta pe, Bơ rút Ki – các nơi đến đón người. Chờ đợi dài như đêm nhưng rồi quá nửa đêm xe cũng chuyển bánh.

Có hai người vệ binh ngồi phía sau. Bình thường, nhưng ở xe khác những chuyện bất thường là dấu hiệu đối kháng nằm trong ý thức mà về sau đám chúng tôi sẽ tập làm quen chịu đựng dài dài. Hai vệ binh gườm gườm bắt mọi người ngồi im, “không thì bắn”. Cái thói loay hoay vô ý thức cũng như kết quả của việc chèn cá-người khiến ai nấy nghe tiếng cơ bấm lên xuống phải bay hồn rớt gáy. Một xe đi lạc, qua tiếng càu nhàu của lái xe, tên ngồi sát phía trước biết xe đi Hóc Môn mà cứ vòng vòng mãi không ra khỏi thành phố, bèn vụt miệng nhắc. Lái xe ban đầu không nghe nhưng lúng túng rồi cũng đành nghe một nửa: nghe bảo quẹo phải, anh qua trái. Tên ngồi ma lanh bèn chỉ ngược lại con đường đúng, phút chốc chiếc xe ra khỏi nội thành!

Những chuyện ngây thơ cũng không hiếm trong cuộc đời cũng như của con người: Ngay lên trước thấy Cách mạng lên sau đáng lúng túng bèn gio tay định nín lên. Cách mạng đưa luôn một cách tự nhiên cả khẩu súng vương vúi rồi tự mình đu cả hai tay lên sau, cầm lấy khẩu súng của tên nguy ngỡ ngàng, xong thân nhiên ngồi xuống hình như cũng chẳng thắc mắc gì về cử chỉ vô ý của mình bên kẻ thù.

Xe đi rất chậm. Bóng nhà, bóng cây đổ trùm lên bịt kín cả hàng khe hở nơi giáp mí tấm vải phủ xe. Ngõ ngang rồi cũng có kẻ ngồi phía trước thọc ngón tay qua khe hở hé nhìn để theo dõi đoạn đường. Đi đâu? Từ lúc ở ngoài đời đã nghe xầm xì về chuyện thăm sát ở Miền. Hay bây giờ đến lượt mình đây? Cái bầu vúi tuyệt vọng là từ câu chuyện các ông tá bị đưa lên chiến khu “tham quan” để được nhìn tận mắt tội ác của mình. Nhưng chúng tôi được đưa đi đâu đây?

Xe đang trên đường Lê Văn Duyệt. Một người báo, để rồi xầm xì với nhau “Chắc vào Quang Trung”. Bầu trời ửng sáng, ánh sao lọt qua khe vải, nhưng xe cứ lầm lì lăn qua cửa Trung tâm Tuyển mộ nhập ngũ rồi lúi lúi đi qua làng mạc ngủ mê. Chút ánh đèn neon sáng lên ở Củ Chi và xe tiếp tục về hướng Tây Ninh. Ý kiến lại nổi lên: “Chắc vào Chiến khu C, mật khu Bời Lời.” Nhưng một người quả quyết một cách dè dặt: “Có thể đi Trảng Lớn, khu ấy của SĐ25, của Mĩ trước kia, rộng lắm, chứa bao nhiêu người cũng được” – anh ta nói tiếp – “tôi đã ở đó mà!”

Nhưng đến giữa đồng đoàn xe dừng lại. Những phút lạnh mình, lạnh hơn cả hơi gió núi lửa vào. Hai tấm bạt phía sau vén lên, vệ binh đi đi lại lại cho giãn gân cốt. Tài xế cũng đã ngồi xồm bên cạnh đường. Một vài tên nguy rụt rè xin đi tiểu, bị nạt. Nhưng xe cũng vẫn chưa chịu đi. Người ta chờ các xe bị lạc. Và hình như có xe lật, có người chết. Một người từ đầu vẫn ôm bụng – bị tháo dạ vì cơm sống lạnh hồi khuya ăn với đồ xào thiêu. Anh ta bạo dạn năn nỉ xin đi cầu, được chấp thuận. Để hấn ta trút bầu tâm sự xuống ruộng còn hơn xuống sà xe cho cả cái tạo với vệ binh cùng ngủ. Rốt cuộc lại lên đường.

Vẫn ánh sáng mờ mờ của đêm nhưng hơi rạng lên một chút. Đoàn xe đến gần Tây Ninh bỗng quặt ngang. Anh bạn lúc nãy bật lên, quên cả giữ gìn:

“A, Trảng Lớn rồi, đường vô Trảng Lớn đây mà! Tôi đã ở đấy, tôi biết!” Xe gập ghềnh trên đường đất đỏ, thỉnh thoảng qua những vũng nước, đẩy lùi về sau những hàng cao su lứa thưa. Trời sáng dần lên.

Xe vòng vào trong trại rộng mênh mông rồi đổ một toán xuống sân quân xa cũ. Đất nện còn tro trắng những giấy tờ sổ sách kĩ thuật, lộ trình vương vãi đầy một góc. Và cỏ mọc ngập tràn chung quanh vươn ra hàng rào kẽm gai còn lủng lẳng các lon sứ màu sét xám. Một vài cái balô bề bộn quần áo lẫn lóc bên chiếc lô cốt sập.

Chúng tôi được phân tán phía dãy trại gia binh mái tôn nghiêng ngả, không vách. Các giao thông hào chống chọi những trái đạn đại bác, lấp ló những trái lựu đạn trời lên trên bùn nước, giữa về cỏ chỉ lứa thưa xen lẫn các dây bìm bìm rau muống chắc mọc từ rác của một bữa ăn nào đó. Có các đường nhựa bao quanh khu chúng tôi, ngăn cách hay dẫn tới các “lán” khác thuộc những ban đông hành đêm trước. Bên phải là một khu cháy đen, của một kho đạn cũ. Đường nhựa thuộc loại để xe đi tuần nên chỉ cách hàng rào trại khoảng mười thước. Tình cờ thú vị là chính ở đây, trên đoạn đường này, anh bạn “đã-từng-ở” bị một trái đạn pháo kích, bị thương nên giải ngũ để hôm nay quay trở lại đây với vai trò khác. Bên ngoài hàng rào là cỏ tranh không dày lắm, là mấy đám đất cày vỡ không bờ và ngôi nhà đơn độc núp dưới tàn cây có con bò lang thấp thoáng.Ồn ào và mệt mỏi, mọi người lăn ra đánh một giấc trưa thật dài. Chưa ai biết làm gì và cũng chưa ai quan tâm đến các đội trưởng, khối trưởng làm gì, giao tiếp với bên trên ra sao. Bắt đầu nghe được chữ “giao ban”, được hiểu là thông lệ vào buổi chiều khối, đội trưởng lên họp nghe bộ chỉ huy cho biết công việc để về phổ biến cho anh em phải làm. Không biết từ đâu mà có các phiên chế chúng tôi với các danh tư đại đội, trung đội, tiểu đội và các bí số A, B, C... y như của bộ đội. Người cộng sản đã có các kinh nghiệm cải tạo tập trung từ các nước xã hội “anh em”, từ hai mươi năm nắm quyền ở Bắc, nhưng có vẻ lần này việc quản chế thuộc về quân đội nên mới có các phiên hiệu tương tự kia. Nhưng phần lớn, nhất là đám dân sự (nhà giáo, viên chức) không ai nghĩ đến tính cách chiến tù của mình và cứ giải thích theo hướng tự lừa dối đã được người chiến thắng vạch sẵn.

Lệnh đầu tiên đưa ra là “ổn định chỗ ăn chỗ ở”. Nói nôm na là dọn chỗ

nấu nướng, ăn ngủ, ỉa đái. Mái tôn sà thấp xuống thì chẳng cần làm vách. Chỉ có nền đất phải lót thì thu dọn các tấm gỗ vương vãi, hè nhau qua khu pháo binh kéo thùng về xếp khít lại làm chỗ nằm. Tính tò mò được dịp phát triển. Người ta xúm xít quanh các ống đựng thuốc bồi, lúc đầu tháo ra rất khó khăn nhưng khi có kẻ tìm cách lấy đá đục xoay vòng thì họ thi nhau xem ai mở nhanh nhất. Thoáng vèo một ngày là các bao vải thuốc bồi được lấy ra hết. Để làm gì chẳng cần biết. Có kẻ la lên: “Nguy hiểm lắm!” Nhưng chẳng ai nghe.

Lúc đầu chẳng thấy bóng người bộ đội nào lảng vảng xuống trại. Tha hồ ồn ào la hét đục đẽo. Lệnh qua khối, đội trưởng là nên kê chỗ nằm cách mặt đất 5, 6 tấc để tránh ẩm thấp nhưng có kẻ chỉ kiếm tấm ván che lưng, vài người mang thùng gỗ đựng đạn xếp chồng lại. Tạm chút rồi còn về mà! Có ăn đờ ở kiếp ở đây đâu! Đội trưởng trong phẫn sự của mình bắt người dưới quyền kê cho bằng nhau nhưng không được đồng loạt với các đội khác, cùng một dãy nhà.Ồn ào, co cứng rồi lại phải dỡ ra xếp cao như nhau. Hì hục, càu nhàu, những người lính cũ lần đầu biết đến lẽ lối làm việc “rút kinh nghiệm” của Cách mạng. Làm không đúng, làm chưa đúng làm lại. Làm xong nảy ý kiến cho là đúng hơn, làm lại. Phá hết ra làm lại cũng không hề gì. Những người như chúng tôi hoặc do kiến thức mà có, hoặc bởi cuộc sống coi thì giờ là tiền bạc của xã hội kỹ nghệ, thành phố xô đẩy nhau nên thắc mắc, chán ghét lối làm việc này, nhưng về sau thấy những người bộ đội ngồi kiệu nước lút, buồn thiu hay tán gẫu với nước trà, thuốc Lào, có xông xáo hoạt động thì với ý niệm nông dân là thời gian được tính bằng tháng, bằng năm không phải bang ngày, giờ, phút, giây, chúng tôi mới không lấy làm lạ. Thì giờ không cần, công sức không kể, cái họa da vàng hời còn tàn mạn đối với người Tây Phương còn làm cho họ hoảng sợ đến thế huống hồ là khi được những người lãnh đạo lái cho hướng vào một mục đích. Mục đích đó họ đã đạt, đến 30 năm. Không tính rằng trong 30 năm đó ta sẽ đi đến đâu! Và bây giờ họ đem sức lẫn ý ạch đó đem huấn luyện trên cả nước.

Khoảng mười ngày đầu an gạo Trung Quốc. Những bao gạo với hàng chữ Hán in “CHND TQ Đại mễ” cải chính chuyện “hạt gạo miền Bắc cần làm tư, để chia cho Nam, Bắc, Miên, Lào”. Nhưng lúc này thì chúng tôi không bị sốc lắm để phải lưu ý đến chi tiết này, còn về sau thì lại có quá nhiều chuyện

cười chính trị để không phải nhắc tới nữa. Gạo mọt, sâu lổn nhổn quần từng cục không ăn được. Lại có thêm công việc làm: Cả bọn xúm nhau nhặt thóc, bắt sâu, gạn sạn. Com nấu trên từng chảo gang to do các công tử, quan viên quen dùng nồi bấm nút National hay ngoắc tay gọi bồi nên tha hồ sống, nhão, khô khét. Có đầu bếp được sĩ vốn là assistant Dược nấu com sáng trong bóng tối mờ mờ thấy không có cách gì làm chín được bèn xách cả thùng nước đổ vào cho anh em ăn cháo sáng. Ban đầu chẳng có ai phàn nàn gì. Gạo phát 700 gam một ngày cho mỗi đầu người. Trừ một nhóm nhỏ – trong đó có khoảng mười người chúng tôi – còn thì ăn rất ít. Anh bác sĩ con ông cựu Bộ trưởng thời ông Diệm – anh này, vị thế con-nhà, lai (Đức), nai vàng ngơ ngác cho thấy cái ngây thơ ngớ ngẩn trong thực tế cuộc đời, thực tế đất nước – anh chỉ ăn được lưng chén kèm cái lắt đầu nhẹ nhẹ như để xin lỗi chúng tôi. Ngoài sức lực dự trữ của thân xác ra, nhiều người còn có gạo, đồ ăn mang theo (10 ngày) nên có thể đổ ra nấu nướng, lấy thịt kho, đường của mình thay thế muối hột phát. Sự rộng rãi do đó cũng còn được phát triển tự nhiên hơn: Com các chỗ dư được chuyển qua các nhóm ăn mạnh ăn hơn – phần lớn là đám thanh niên thân nhiên nhai com sống, com sâu một cách tỉnh táo như sinh hoạt của họ.

Từ việc sửa soạn chỗ ăn chỗ ở đến việc làm các đồ lặt vặt không mấy chốc. Nồi, song, chén, đĩa của trại gia binh vứt bừa bãi được gom lại. Chén đĩa nhu dụng hàng ngày chẳng có gì là quý nhưng tôi vẫn thấy tần ngần trước hai câu thơ trên nước men: *Sự phùng đắc ý tuyên hưu ý, Phú quý trường trung dị bạch đầu.*

Âm thanh hai câu thơ lôi tôi từ hiện tại trở về quá khứ với kỉ niệm những ngày lang bang đầy ý tưởng bi quan, chui ngòl trong quán cà phê dò nhìn các đĩa qua làn nước mỏng nâu bạc.

Hình như anh dược sĩ nấu com thành cháo đã đeo đôi guốc gỗ đầu tiên. Anh rất khéo tay và chịu khó. Dao đeo lấy từ đồ dùng của trại gia binh cũ. Quai cắt ở các dây nịt, túi xách. Đôi guốc hình chữ nhật ấy đóng kèm theo để, đi khắp khiêng trông rất tức cười nhưng tiếng vang lộp cộp trên nền nhựa cũng lôi cuốn kẻ khác sáng tạo theo. (Trong năm 2004, báo Người Việt Cali đăng tin anh đã thành người chơi đàn guitare nổi tiếng, từng đi biểu diễn khắp nơi.)

Nhưng đồ mang dưới chân chưa cần lắm nên phong trào bùng ra là một thứ đồ chơi: con dao. Gọi đồ chơi là đúng ý của đoàn người có trong tay một thứ để cắt gọt, làm thứ này thứ nọ chứ không phải là bởi dụng ý làm vũ khí nổi loạn như chỉ huy trại se nghĩ theo đúng vị thế của họ. Lưỡi dao khỏi cần phải đàn ra vì lấy từ các miếng thép của lưới không vận.. Bẻ ra một khúc, mài miết một cạnh là thành con dao giản dị để cắt rau muống nhà bếp. Lấy dao nhà bếp chặt nhọn một đầu miếng thép, chặt đầu kia làm cái chuôi lắp vào một khúc tre là thành con dao đúng nghĩa, tiện và mỹ thuật nữa. Rồi tiếp theo là dao cong lưỡi gươm, lưỡi kiếm mài thật bóng loáng, có vài đường vạch rứt rề. Đục, đẽo cụp các, mài soàn soạt... Quá lắm rồi. Tịch thu. Có một chút lạng yên sững sờ khi đội trưởng, khối trưởng ném loảng xoảng các thứ dao vào bao đem đi nạp để lại cả một lớp người lớn - trẻ con ngơ ngác theo kiểu CIA tuyệt vời. Chẳng sao, rồi cũng qua. Còn quá nhiều điều để bận rộn. Còn quá nhiều điều thử thách để bọn chưa từng gặp bất an lâu dài này phải chịu đựng.

Buổi chiều sau lúc ăn cơm xong là cả một cuộc đổ xô ra đường. Chang ai chỉ cho biết giới hạn dạo mát là ở đâu nhưng hàng rào kẽm gai có sẵn, bờ cỏ mịn mù là thực tế ngăn cấm. Tôi đã biết giới hạn ấy vào lúc ban ngày. Cùng với vài ba người bạn mới quen, men theo đường tìm hái rau dai, chợt thấy một bụi huệ nở hoa trước mặt, chúng tôi chạy ồ tới nhưng khựng ngay lại vì tiếng quát của hai người vệ binh trong cái chòi tạm ở góc rào mà chúng tôi không lưu ý: “Đi đâu?” Không kịp để hiểu, chúng tôi lung túng chỉ về phía trước. “Đi về!” Xịu mặt. Thất thần. Cay đắng. Chẳng có lời nào để thức tỉnh mình hơn.

Sau đó có lời nhắc nhở lúc giao ban về giới hạn “du ngoạn” phải theo. Như vậy phần còn lại cũng khá rộng. Trên đường thường có một tụ đánh boule bằng đá cục thấy có cựu Thống đốc ngân hàng Lê Quang Uyên tham gia. Người đi chen chúc nhưng vẫn còn có kẻ nhàn du. Mỗi chân thì ghé bên bờ cỏ ngồi nhìn bóng đêm, nghe ếch nhái kêu, tâm sự vặt. Các câu chuyện được chuyền đi, xầm xì. Nhưng trong đám đông lặng lẽ qua lại, thụ động, ị ạch vẫn noi lên những bộ mặt chạy vạy lanh lợi. Đ. lách mình qua đám đông ghé lại bụi rậm bên đường làm dáng đi tiểu. Một bóng người quân phục xanh hiện ra, xầm xì. Nghe nói Đ. móc túi để lấy quà từ Sài Gòn lên và nhận luôn

cả tin tức của anh bộ đội chế biến cho vừa lòng anh chàng cải tạo tuy gian ngoan cũng chẳng thua gì ai nhưng gặp hoàn cảnh phải cả tin nên trở thành khờ khạo. Một số người tràn ra ngoài con ngựa sắt, lững lờ bên phía giáp với sân bay để bắt chuyện với anh bộ đội. Một người chỉ huy đi qua lôi anh ta, và chúng tôi nghe tiếng cãi nhau vang lên trong bóng sẫm im vắng. “Đồng chí làm gì thế? Đồng chí có biết tội giao thiệp với địch không?” – “Tôi tiếp xúc với họ để giáo dục họ.” – “Giáo dục họ đã có người, có chính sách, không phải phận sự của đồng chí!” Im lặng.

Không phải chúng tôi không ai biết phận mình. Cảnh tiếp xúc lần đầu ở Taberd không phải riêng cho nhóm ở đây. (Sau này nghe chuyện các tỉnh còn giạt mình hơn.) Vừa mới bước xuống đất Trảng Lớn, một anh vốn là tù binh được trao đổi năm 1973 sau khi nhìn quanh gọi nhớ đã mếu máo: “Thôi đúng rồi!” Bữa đi lấy gỗ làm sàn nhà chúng tôi nghe một tiếng nổ, cũng chỉ tưởng là một tai nạn có thể xảy đến cho mình thôi, đến chiều tối – chắc là qua tiếp xúc của buổi đi dạo ở rìa các khu – mới hay rằng một anh được sĩ đã tự tử bằng trái lựu đạn anh lượm được. Trong một buổi họp ngoài trời để nghe thủ trưởng trung đoàn nói chuyện đã nghe chính miệng người cao cấp nhất đối với chúng tôi lúc đó một câu rành rẽ một cách lững lơ: “Các anh đừng có ý nghĩ rằng mình sẽ ở mãi không về...” Cái đuôi của câu này sẽ được làm đề tài chế riều của chúng tôi trong một thời gian rất lâu. Vũ khí của kẻ yếu chỉ là sự chế nhạo.

Xôn xao một chút rồi tất cả chúng tôi lại trở về tình trạng hi vọng lững lơ. Những người quản lý chúng tôi có lợi với tình trạng ấy nên cố tình nuôi dưỡng nó, làm yếu tố phân tán sức phản ứng chắc chắn là phải có – dù rằng họ đánh giá điều này quá cao. Chắc không phải là sự ngu ngốc ghìem chúng tôi ở trong tình trạng mê muội tức cười như vậy.

Mà là phối hợp của người chiến thắng – dùng mãi cái từ “học tập” rồi thỉnh thoảng “học tập cải tạo” với ánh sáng mù mờ bao quanh nó, theo cách hiểu của một từ “dễ thương”, cùng với sự sợ hãi chưa dẫn đến tuyệt vọng, chúng tôi nhận sự lừa dối đến với mình để rồi tự dối mình thành một thói quen sống, ngày lại ngày. Chưa gặp những con người đặc biệt của một chế độ đặc biệt trong lịch sử thì có ngu ngơ đến khờ khạo cũng là điều dĩ nhiên.

Trên nền tảng của sự lừa dối lúc này đã trở thành bản thân của mình đó, là cả một sự đu đưa giữa hi vọng mong chờ và thất vọng để tự an ủi chờ đợi... Trong khi chờ đợi “ổn định chỗ ăn chỗ ở cho việc học tập” thì anh em thường xúm lại hỏi đội trưởng giao ban về: “Chừng nào học?” Một cái lắc đầu là đủ. Không có lời giải đáp chính thức thì có lời đồn chuyền nhau xầm xì. Một lời đồn khôì hài nhất tung ra khi 10 ngày trôi qua: “Sẽ có xe đưa về lại Sài Gòn học trong các trường.” Hỏi tại sao không học ngay lúc trình diện mà để đưa đi đưa lại lời thôi, thì được trả lời: “Hồi đó chuẩn bị chưa kịp nên phải đưa đi để dọn trường, xếp đặt lại cho chu đáo...” Chấp nhận lời giải thích đó cũng chẳng làm sao. Khát thì nước gì chẳng được, chê chi nước ruộng!

Trong tình trạng mất tự chủ như vậy thì những quyết định từ cấp thẩm quyền cao mới có tác động lớn lao, tuy sau đó cũng dụi đi nhanh chóng – bởi sự cam chịu thụ động. Trong việc ổn định có chuyện sai đi nhất nhạnh các dây có thể gọi là dây dẫn điện, bắc loa truyền thanh đến tận lán để “học tập”. Tiếng loa ề ề, tặc tặc, vì vu lúc có lúc không nhưng cũng tụ tập được người sáng, chiều – nhất là buổi chiều – để tìm sự tiếp xúc với bên ngoài, thật hiếm hoi, thật giới hạn nhưng cũng là phương tiện độc nhất lúc này để số đông chúng tôi thấy mình với được ra ngoài hàng rào, tưởng rằng đến được với xã hội văn minh, rộng rãi. Một tin về người khác nhưng xác định số phận trầm trọng của chúng tôi: “Gọi học tập các thành phần tâm lí chiến, tình báo từ hạ sĩ trở lên...” Từng mẻ lưới quăng ra, cái nút cứ từ từ thắt chặt, lạnh lùng. Một tin khác làm xịu mặt hầu hết: “Các người học tập cải tạo *mỗi tháng* được viết thư về nhà một lần...” Lúc bấy giờ chỉ mới được nửa tháng! Con đường cải tạo thênh thang ngút ngàn.

Nhưng không có thì giờ ở nề lâu dài để mà thắc mắc nhiều. Có công việc để tâm trí tay chân bận rộn, đó là chủ đích của ban quản lí trại và cũng là hướng tự giác của chúng tôi. Không có việc thì bày ra làm. Vả lại lúc đầu thì việc vẫn còn dài dài. Che thêm mái, sửa lại phòng đột. Làm nhà bếp, Lắp các hầm núp đầy đạn đại bác, súng đạn nhỏ. Kéo dây làm “đài”, bắt điện sáng xuống lán cho sinh hoạt ban đêm. Đào hầm tiêu, chỗ này không hợp thì dù đang đào dở cũng qua chỗ khác. Thu xếp trong nhà xong thì trang trí mặt tiền. Hoạ sĩ tài tử lẫn hoạ sĩ chuyên nghiệp tha hồ vung vẩy tro tài... Có cả

một panneau to tướng trưng ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh do một giáo sư trường Mỹ thuật Gia Định vẽ. Nhưng sau đó có lệnh không được vẽ ảnh chủ tịch và tấm panneau được khiêng về trung đoàn. Phai biết phận mình. Lãnh tụ là của riêng không thể để cho bọn nguy lập lò thoát xác làm con cháu được. Hình ảnh lãnh tụ là một cái gì thiêng liêng, được tiêu chuẩn hoá ngay từ lúc xuất hiện trước ống kính. Mỗi một thế đứng, dáng đi, nụ cười... của lãnh tụ là cả một sự cân nhắc góp phần vào việc huyền thoại hoá một nhân vật lịch sử: Bác với chòm râu bạc phất phơ tiên phong đạo cốt – chòm râu khi vẽ lại phải lệch đúng một phần bao nhiêu; Bác đứng tưới cây vú sữa để nhớ Miền Nam... Cho nên từ đầu tháng năm ở Sài Gòn đã có lệnh cấm bán hình lãnh tụ ngoài đường.

Một nhân viên đồn điền Michelin thấy hương án, bàn thờ khói hương nghi ngút quanh hình lãnh tụ đã thốt ra: “Ils Le considèrent comme un Bouddha.” Đồng hoá lãnh tụ với Phật, đó là cách nhìn “lạc hậu”, người ta không chịu đâu! Tuy nhiên nếu bởi dân chúng còn có lòng tin, còn cảm theo một dạng như thế thì có thể dễ chấp nhận để phục vụ Cách mạng. Cũng như tính chất thần quyền, vương quyền ấy đã từng có ích trong thời tranh chiến khi người nông dân Nam Bộ bảo nhau: “Đảng xuống lệnh phá ấp chiến lược, phá bình định ác ôn...”

Nhưng quan niệm xưa cũ dễ mòn trong sự thay đổi quá nhiều, quá nhanh này nên phải tìm đủ cách để hồi sinh lãnh tụ. Phương tiện truyền thông dồi dào đem sức mạnh cho tuyên truyền chậm chạp xưa cũ. Lãnh tụ không phải chỉ là một thần tượng khô chết mà là một hình ảnh sinh động, vừa gần gũi thân mật, vừa lãng đãng xa vời cuốn hút những con người đang sống nối tiếp: “Bác Hồ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”. Không dễ gì trong một khoảng thời gian dài của lịch sử người ta tìm được một thứ văn chương phục vụ cao độ đến như thế. Còn phần quá khứ đã trôi dạt dưới nhãn hiệu mới đè nặng lên người sống, cản trở tương lai như thế nào thì không cần biết.

Văn chương phục vụ ở Việt Nam đã được dọn đường từ những năm trước Thế chiến theo khuôn mẫu – cũng từ chương, đầy tính chất tôn giáo từ nước Nga đến, thứ lí thuyết đó chỉ cần đợi thêm có khẩu súng hỗ trợ là trở thành thông soái, khó bài bác. Khoan nói đến những toan tính ích kỉ, cuộc

sống hướng về quá khứ khiến cho người ta khó chấp nhận rằng một vĩ nhân – dù là vĩ nhân thực, chết đi cũng là điều đáng mừng cho những người còn lại, cho đám hậu sinh, cho dân tộc, một cách thể thoát khỏi sự kèm kẹp họ không làm được hay không muốn làm mà Tự nhiên đã ra tay thay.

Có lệnh buổi sáng phải tập thể dục. Chẳng có lệnh thì lác đác cũng có người vươn thở một mình. Anh Nhân dạy toán trường P. Kí, ngay ngày thứ hai đã chống hông, khòm lưng hít thở theo yoga. Nhưng vấn đề là phải theo lối tập thể kia! Một người được cử ra hô cho cả đội cùng tập. Chưa có bài vở đồng nhất nào cả. Mạnh sáng kiến và trí nhớ của cá nhân điều khiển theo động tác cũ. Có đội loạc choạc xong trước, có chỗ nhiệt tình nhảy nhót, vung vẩy mạnh bạo.

Và chính trong buổi tập tôi đã phát giác ra tại sao mình vẫn thấy bình thường mà lại đi không muốn nổi. Hai bắp vế không chống đỡ nổi cái thân hình giò xương từ lâu. Và đến lúc này mới chợt nhận thấy không lúc nào mình sẵn có bác sĩ – mà bác sĩ thật dễ thương, thật nhiều như lúc này. Bệnh thiếu dinh dưỡng, thiếu B1. Cũng chẳng có gì lạ.

Gạo mục, đầy sâu như đã nói, đổ nước vào vo, gạo nổi lênh bênh dày mặt. Rau muống và nhất là những ngày đầu, muối hột là chủ yếu. Muối sống, dơ, tanh. có kẻ đem gạo nước nấu lên, cho một món ăn trắng tinh ra đời: ruốc cá voi. Tôi phải len vào những người khác lên quân y lãnh mấy viên B1. Từng dãy dọc sắp hàng đứng chờ để lần đầu chúng tôi biết thêm được một đặc tính của các nước xa hội chủ nghĩa: Xếp Hàng Cả Ngày. “Thuốc chẳng có gì.” Chẳng có nhưng cũng có kẻ chịu khó chờ lãnh vài viên thuốc cảm, B1 cất để dành. Thói quen dự trữ cho mình càng nổi mạnh hơn vào những lúc cùng quẫn và mạnh nhất, tiên khởi nhất là ở những kẻ quen tính toán cho riêng mình, thật lạnh, làm sao cho được trước những người khác, trước cả mọi người. Kinh tế gia Keynes mà còn sống, đến thăm cái xó hóc này tất vừa hãnh diện vì lí thuyết của mình, vừa cảm ơn dân cải tạo cho thấy ông còn thiếu sót để về chấn chỉnh thêm.

Việc làm chung chẳng có gì ngoài vài buổi dọn cỏ quanh lán. Lại cũng nổi lên vấn đề “sáng tạo”. Chẳng có xẻng, chẳng có cuốc. Chỉ lấy tay mà nhổ

rồi ném vào một góc. Chỉ vì không có dụng cụ mà một bác sĩ đã nổi nóng nhảy lại loi khối trưởng. Một hiểu lầm tai hại và một “bản chất” nổi lên. Khối trưởng vốn là dân nhà binh văn phòng, cày cục chuyển ngành làm ở ngân hàng – một phong trào en vogue các năm 73-74. Thói quen làm việc của người tự lập thân đến Cao học khiến anh dễ dàng xông xáo trước công việc đồng thời lại có chút rụt rè trước mệnh lệnh. Chắc một chút vương vịu “bà con với cách mạng” (chuyện trên trời rơi xuống) khiến anh tự nhiên hơn với thời mới. Vì thế có người nhìn anh bằng cặp mắt căm ghét và đối kháng, rõ rệt nhất là bởi tầng lớp ưu đãi, kênh kiệu của chế độ cũ: giới y dược.

Sống chung với đám quân y bao lâu, tôi đã quen với tính chất kênh kiệu của họ – tất nhiên là ta không nói chuyện riêng tư. Hà Thúc Nhơn là ví dụ của một con người riêng biệt, chết và nổi danh một thời vì cá tính nhưng cũng là từ hoàn cảnh của giới người “bác” sĩ được bốc cao lên. Tôi đã đọc các thèse của họ và được nghe họ nhạo cợt nhau về các thứ luận án “cám ơn cha mẹ, thầy giáo, thân hữu, ông Hypocrate, Hypocrite...” Tôi cũng được thấy quân y sĩ gặm bánh mì sáng, ước ao người xích lô chở khách sụp ổ gà trước phòng mạch để có thân chủ cho đỡ buồn và biết đâu lại là mối chiêu hàng may mắn. Nhưng tôi cũng thấy họ tự đặt mình lên trên cấp bậc quân đội gấn cho, cấp bậc gấn liền với chuyên môn mà cũng do chính công quỹ nuôi dưỡng, đào tạo nên: “Anh gọi tôi là đại úy hả, về bảo đại úy anh chữa bệnh cho!” Làm sao được, có súng trong tay thì vung múa, uống rượu say lúy túy kêu khóc thân phận rồi cũng “kéo màn”, nhưng thấy máu cũng hoảng, thấy bệnh cũng sợ cho nên cũng vẫn thấy cần thầy thuốc. Huống nữa các tướng tá đánh đấm không tin nổi, không tìm nổi chiến hữu ở đám trí thức động viên co rút ở các văn phòng, nên thấy ở đám quân y sĩ những người có thể chia xẻ quyền hành ở những phần việc đòi hỏi kiến thức mà họ không có, cả những phần việc chẳng thuộc chuyên môn tí nào. Thành kiến chung của xã hội vẫn coi các ông “bác” sĩ có thể làm đủ mọi việc. Giới dược sĩ thất thế hơn, nha sĩ im lìm hơn nhưng cũng hưởng được một phần sự ưu đãi kính trọng đó. Cho nên bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ làm chính trị, là thủ tướng, làm tỉnh trưởng, đô trưởng, bộ trưởng (kể cả bộ Giáo dục), làm cố vấn cho các ông tướng...

Sự kênh kiệu và mức sống cao cũ khiến họ khó thích ứng với cuộc sống

tù đầy, và càng về sau, khi suy sụp mà không có sức chịu đựng thì họ càng sa đoạ hơn ai hết. Thành kiến tôn trọng giới họ cũng góp phần vào việc đẩy họ xuống bùn khi người ta trực tiếp biết họ với những tính xấu mà phải như ở giới khác thì cũng bình thường thôi: “Bác sĩ, trí thức mà thế này, thế nọ...” Không chịu đựng được, dù là buổi đầu sự chịu đựng còn rất nhỏ so với những ngày sau – nhưng chênh lệch cảm thấy so với trước thì rất lớn, họ nổi khùng không dám bày tỏ với người chiến thắng được thì hãy cứ trút vào đám khối, đội trưởng trung gian dưới mắt họ là những “tà lọt”, “ăng ten” của cán bộ, mà dưới mắt cán bộ thì những người này dù có nhận được những lời ngọt ngào – có thể vì sự tiếp xúc lâu ngày, cần thiết nhưng vẫn còn nguyên là những tên nguy cần phải đề phòng. Cứ với thời gian cùng với những sự việc xảy ra, mọi ngộ nhận rồi sẽ rõ toàn là chuyện khôi hài không biết nên buồn hay nên giận.

Tất nhiên như đã nói, không phải tất cả mọi người trong giới quân y đều như vậy, và khả năng chuyên môn của họ rồi cũng còn chứng tỏ vững chắc trước một đối phương chiến thắng nhưng khả năng hiểu biết chỉ ở mức độ thuộc dân tộc và bàn mỗ bụng mừng chận ruồi thôi. Người chiến thắng anh hùng cũng sợ chết, cũng bệnh tật nên giới y sĩ sẽ là kẻ dễ chen vào chế độ mới hơn lớp người nào khác, tuy cũng phải chịu đựng nhưng kì thị không tránh khỏi. Với một chút may mắn, với kiên nhẫn thì tuy chữa bệnh cho cán bộ vừa hãnh diện (với chuyên môn), vừa run (“lỡ nó chết thì chạy lên trời mà trốn” như sau này có người bỏ tỉnh chạy lên Sài Gòn vậy) nhưng cũng được o bế, được bầu làm chiến sĩ thi đua và có công tác đặc biệt thì cũng có thể làm thầy thuốc nửa nhân dân đấy.

Chúng tôi ở chung với nhau đều là những người biệt phái – biệt phái ngoại ngạch (dân sự). Chỉ hôm đầu có một nữ quân nhân ở đội tôi – không biết chị từ xe nào xuống, lúc nào, có lẽ vì dáng cần cỗi của chị, co rúm trong bộ đồ bà ba nâu đen khuất lấp giữa đám đàn ông vung vẩy. Chị được chúng tôi nhường một góc rộng hơn người thường, nhưng hôm sau được dời về ở với nhóm Nữ quân nhân phía bên trong. Còn lại phần đông là bọn lớn tuổi, bệ vệ, lạng lẽ, dấu vết của những ngày sung mãn bàn giấy dân sự uể oải cũ. Cuộc sống vô chính trị mà họ đã trải qua khiến họ không đủ tinh thần chuẩn

bị đón nhận cơn dông tố. Những người bạn họ đã ra đi như rác dừa theo cơn lốc. Và họ ở lại như rác không theo kịp gió, hay quá ì như hòn đá sợ nơi khác không có rêu nên không dám lăn. Một bác sĩ mở phòng mạch cho tới những ngày cuối, đã trả lời câu hỏi của người bạn: “Đi đâu mà đi anh, họ đến làm gì thì làm, tôi vẫn mở phòng mạch kiếm ăn chữa bệnh cho mọi người chớ có làm gì đâu!” Thật y như ông thầy giáo: “Tôi vẫn dạy học trò thôi chớ có làm gì đâu. Ở chỗ nào mà người ta lại không mở trường học?”

Ờ, tôi có làm gì đâu? Ở vài ngày thì chúng tôi được biết công việc làm vô vị nhất nhưng cứ mỗi lần làm lại là một lần bàn tán sôi nổi: khai báo làm danh sách trích ngang. Trích ngang trích dọc gì gây lộn xộn mãi đến về sau, vốn chỉ là danh sách tù binh cho những người quản lý nắm, sờ dĩ cứ làm đi làm lại mãi vì người ta không có thói quen làm việc hành chính, lưu trữ văn thư. Lúc đầu không ai ngờ được điều đó vì cứ đinh ninh rằng kẻ chiến thắng phải làm việc nhất nhiệm, giỏi quản lý hơn mình, chớ ai lại làm việc “lâu bầu” như thế bao giờ! Không tin cũng phải tin theo nhận định lúc đó cho nên dám tù cứ lấy cái đầu óc duy lý chưa có thực tế để cố sức dò xem trong chi tiết khai minh có sơ hở thêm bớt gì không, sự thay đổi chi tiết do trên đưa xuống có hé mở cho thấy chút ý định nào của cán bộ không. Thực ra trong lúc phía trên cứ im lìm bất khai thì đối với dân cải tạo, các tờ khai trích ngang cũng là một dịp gọi là may mắn được tiếp xúc với cán bộ trại – một dịp để khẩn cầu. Tờ khai về sức khoẻ thì tha hồ liệt kê: gãy tay chân (có thể vì té xe), tê thấp, viêm mũi, nhức đầu kinh niên... bệnh *mạn tính* – lại một chữ nghe lần đầu để ồ lên cãi nhau xem là *mạn* hay *mãn*. Tờ khai về tình trạng biệt phái thì đầy cả cột. Dân biệt phái ngoại ngạch cố giữ độc quyền chữ biệt phái trong khi những người làm việc ở các cơ quan quân sự mà khác ngành của mình lại cũng cố len vào hưởng chút biệt phái. Lí lẽ đám này có vẻ yếu thế, nhưng bon chen để được sống thì cố một chút có chết gì ai? Lúc nào tờ trích ngang không có cột biệt phái thì nằn nì xin kê vào cột cước chú. Mãi đến sau đó vài ngày không hiểu ai tung ra điều khẳng định làm cụt cái hứng “đua nhau biệt phái”: “Bọn biệt phái là bọn CIA!”

Chuyện chắc cũng từ tên cải tạo nào ngứa mắt suy ra một điều hẩn ta đã nghe từ bên ngoài mà tôi thì biết được trong một buổi họp phường khóm. Sôi

nổi có xệp đi thì cũng đỡ khổ trước hết cho các đội, khối trưởng. Thế mà về sau rất lâu trong những cuộc tiếp xúc riêng tư vẫn còn có kẻ xun xoe: “Tôi, biệt phái!”

Có lẽ trong những người biệt phái không biết đến súng đạn nhất là đám dân y. Thứ đến là thầy giáo: Có người nhằm đợt các năm 1961 biệt phái ngay sau lúc ra khỏi Thủ Đức, rồi cứ đến tháng đến ngày đổi lon từ chuẩn uý đến trung uý mà chẳng còn nhớ bo máy cò ra sao nữa. Nhưng họ có vẻ chịu đựng và dễ thích ứng hơn đám Y. Thầy giáo rụt rè, ít xông xáo nhưng mức sống chẳng cao nên lúc sa hố không thấy đau lắm. Cũng ngỡ ngáo trong đám này tôi nhận ra ông thầy hồi học đệ nhất Chu Văn An, nghe nói thuộc dòng ông Trường Chinh.

Thích ứng dễ dàng hơn cả là đám Nông Lâm Súc. Tình cờ tôi được ghép với 5, 6 người thuộc nhóm Nông lâm súc Blao và vài ba thầy giáo. Sự cố kết đàn anh - đàn em của Blao hợp với chúng tôi thành một tập thể khá chặt chĩa có sự thân mật mà chúng tôi cố kéo dài được nhiều năm sau. Trước cả sự nổi kết tình cờ là được ở chung một đội, tôi đã bị họ thu hút bởi tính chất xông xáo, tháo vát và sau này nói ra, họ cho biết đã lưu ý ở hành động hôm đầu tiên tôi ngắt rau muống mọc dại nơi các hào nước. Tôi nhớ chuyện đó để gợi được chuyện S. thuộc nhóm Blao kho lông bông trong một cái trả lượm được, vài con ốc, một con nhái, một con cào cào lênh bênh trên mặt nước sóng sánh. Lúc đó tôi vẫn còn lợm giọng nhớ hồi nhỏ đi học ở Bồng Sơn thấy thằng bé trạc tuổi mình đào dế xỏ xâu đem về ăn! Đã có những cặp mắt từ bên ngoài nhìn vào nhóm chúng tôi ăn chung – có lẽ là nhóm ăn chung đông nhất trong lán, vừa ăn vừa mời mọc, nhường nhịn.

Trong lúc san lấp các nơi, chúng tôi đã vét rãnh nước trước nhà, vơ gốc rau muống hoang về trồng. Một bữa có phát đậu phộng, H. đã đem ương giống. Đầu óc họ thực tế hơn tôi. Những buổi dọn cỏ – trong đó có buổi quá chân bị nạt – tôi đã ôm về các bụi huệ và những loại hoa gì không biết tên. Tôi đã đùa với các bạn: Có một nhân vật hình như của A. Dumas-père nhấn bạn trồng một chậu lan đặt bên cửa sổ để từ cachot anh ta có thể nhìn ngắm như một dấu hiệu níu kéo với cuộc đời bên ngoài. Chẳng biết hình ảnh bi quan tôi đưa ra có gây chút xáo động nào nơi họ không.

Buổi chiều, sau những ngày đi dạo trên đường bên trong, thì dần dần, chúng tôi bắt đầu leo lên lô cốt ngó mông ra ngoài. Vị trí tập trung thay đổi vì đã có chuyển hướng tâm tư. Người ta không đi rảo để đánh dấu hỏi về tình trạng của mình nữa – tình trạng tuy đã thấy rõ mà còn tự đánh lừa được chừng nào hay chừng nấy. Vẫn còn có người đi rảo, nhưng phần lớn xúm xít nhìn ra hàng rào dây kẽm gai, tức là đã nhận ra sự tuyệt vọng, và ngồi đó là để mượn tầm mắt thể hiện ước muốn mà đôi chân không dẫn tới được. Ngồi đấy nhưng chẳng thấy gì ngoài cảnh vắng lặng: đất khô trắng, cây chồi lẻ loi, con bò lang bên đồng rơm – nhưng mãi cũng chỉ con bò ấy, một bóng người thấp thoáng trước cửa căn nhà không khói, dấu hiệu hiếm hoi chỉ làm trầm thêm cảnh chìm lắng của buổi chiều buồn.

Người ta trở về phòng với bóng trắng nhợt nhạt bên ngoài để thăm hỏi: “Trăng tròn rồi, anh Bi ơi!” Bi là tên một người bị tai nạn chết đầu tiên mà chúng tôi chứng kiến. Đã nói, chúng tôi tháo ông thuốc bồi đạn pháo binh lúc đầu chỉ để làm vật kê, làm hàng rào, có khi tháo xong lại bỏ đó. Bao thuốc bồi trắng tinh ngồn ngang cũng dễ đập vào mắt mọi người, thuốc bồi xanh lục thấy cũng vui vui. Có kẻ lười nguyên gói về làm gối nằm, có người ném một nhúm vào bếp thấy cháy bùng lên vội lấy làm mời nhóm lửa. Tiện lợi biết bao cho những anh chàng chưa hề vào bếp mà nay phải nhóm lửa với củi lớn bằng cả bắp chân trong lúc còn lóng nhóng với các lẻ củi nhỏ. Đồ thuốc giữa lòng bếp, đốt lửa bùng lên, cư ngồi ngoài chấp chấp ném vào từng nhúm khói cần quạt, khói cần thổi cho cay mắt, việc làm bếp nếu biết làm vẫn có cái nhàn của nó! Và như vậy thì anh nuôi phải lo dự trữ. Ngay trong bếp. Cho gần. Chẳng có gì xảy ra cho đến một buổi sáng, chúng tôi thấy một bếp bùng lên dữ dội, lửa tung cả mái. Một ngọn đuốc vụt ra ngoài, hai ba người phúi lửa tấp vào áo, vào quần. Anh Bi bắt đầu chết như thế đó. Tôi chỉ còn nhớ cảnh anh nằm rên rỉ trong tấm mùng buông xuống dưới mái tôn hấp nóng. “Giá có phòng lạnh...” một quân y sĩ nói như vậy. Cầm cục xin chuyển lên ban quân y. Rồi hỏi dò. “Có thuốc gì mà chữa đâu!” Kết quả đã rõ. Chôn lúc nào tôi chẳng nhớ. Trong một tấm poncho. Mả san bằng. Người khối trưởng thăm thì thốt lên lời xúc động, ý thức rõ ràng thân phận mình.

Đã có một người bạn nổi kết với thế giới linh thiêng thì có những hi

vọng hé mở để tìm hiểu số phận mình. Cơ của ai đấy bỗng ứng qua lời anh Bi hiện lên bảo rằng: “Đến trăng tròn thì về.” Câu chuyện rôm rả hàng đêm bỗng chấm dứt giữa các bạn anh Đ. một đại đội trưởng Sư đoàn 21(?), khoe rằng đã từng là đại đội trưởng kháng chiến hồi Chín năm, hiện có vợ cá ở Sài Gòn. Họ hẹn nhau “học tập xong” sẽ họp ở số... bến Chương Dương, làm ít cái lẩu hay ngã một con chó... Không khí phấn khởi giả dối bị một bóng ma đè nặng – hình ảnh cụ thể, trần trụi nhất của tương lai dành cho mỗi người, không khí đó bị cắt ngang độc địa. Nhưng lúc trăng tròn nào, anh Bi ơi?

Dù có trăng lọt lọt bên ngoài nhưng trong nhà vẫn tối om. Có lẽ đối với người thành phố, trong bao nhiêu năm dưới ánh đèn màu rực rỡ bao quanh rộn ràng, cái cảnh vắng lặng mù mịt hun hút này đã gây nên xúc động mãnh liệt nhất, tiêu biểu cho một cái gì sụp đổ tan tành, hỗn loạn, đến tận cả tâm hồn để từ đó ý thức rõ cái tương lai mù mịt ghê rợn mình phải dấn thân vào mà không biết ngày nào thoát ra. Một vài ngày đầu người ta đem nến mang theo thắp lên để thấy ánh lửa yếu ớt bập bùng nhảy múa trên những khuôn mặt thần thờ càng thấy bất lực hơn trước bóng đêm. Nhưng lệnh buộc sinh hoạt không cho họ bất động. Ca hát. Ca hát... át bóng đêm mà! Thật là giỏi cho những người phải thích ứng. Đâu đấy đã có anh chàng mang được tập nhạc Giải phong ra dạy cho anh em. Hát cho to lên. Cho to lên. Cho đỡ sợ. Cái tự ái vật của vị thế đầu đàn trong phúc chốc, hơn là sự sợ hãi tăng công đã khiến anh chàng dạy hát cứ nhìn vào miệng của mỗi người mà bắt bẻ, hạnh hoẻ những người lí nhí hòa theo, lí nhí vì theo thói quen không ca hát, không hát chung được, - “già đầu rồi mà...”, hay vì chán nản, hận thù. Hát một chút rồi tắt đèn để dành nến cho đêm sau.

Trong bóng tối là những nhóm riêng thì thầm, chưa có gì kết thành phản ứng tích cực với hiện tại. Các người cũ nhắc chuyện thời quen biết, hỏi thăm các bạn bè vắng mặt. Người mới thuật chuyện mình – chuyện gì có thể noi được. Và chưa được rôm rả lắm như sau này nhưng đã có chuyện nhậu nhẹt, ăn uống để mở rộng số người tham gia. Trong sự gọi nhớ luyện tiếc ấy, ca hát cũng kêu gọi lại những bài nhạc cũ. Hình như cũng có loan báo lệnh cấm nhạc nguy nhưng chưa ai rõ mối liên hệ giữa “cách mạng văn hoá” và “cách mạng chính trị”, vả lại lời răn đe cũng chỉ phớt qua nên tha hồ hát ông ổng. Họ

tranh nhau tìm các bản tình ca thật xưa để nổi bật mình lên. Hát mệt rồi ngủ thiếp đi.

Sinh hoạt thường ngày đôi khi cũng có những xáo trộn nho nhỏ. Đó là những lúc lãnh gạo, vác củi, lãnh “nhu yếu phẩm”. Ăn gạo mục khoảng gần tháng thì có gạo Mĩ thay. Củi xe chở đến đầu đường rồi hè nhau khiêng vác lôi kéo như một trò chơi không phải lúc. Một chút tiếp xúc như thế cũng gây ra những loại ngạc nhiên nho nhỏ: Người bộ đội không chịu nhận tiếng cảm ơn của dân nguy, thốt ra không phải vì sợ hãi mà là vì thói quen – chữ cảm ơn đã biến mất trên sinh hoạt ở Miền Bắc mà mãi sau này chúng tôi mới biết.

Mỗi khi lãnh gạo bọn tù nhốn nháo dưới trại lại hỏi dò, hay xúi giục hỏi dò, quan sát xem gạo kho còn nhiều hay ít để độ chừng ăn hết thì chắc tới ngày về. Củi tới cũng thêm một lần thất vọng nhưng được an ủi nhau: “Củi chum chẳng bao lâu...” Một buổi chiều giao ban về, khối đội trưởng ôm vài gói Quân tiếp vụ và lưỡi lam cạo râu Suns of Araby. Mãi sau này mới chú ý tới số “nhu yếu phẩm hàng tháng” ấy (giá 1200 đồng tiền cũ, 2 đồng 4 tiền Mặt trận rồi 3 đồng tiền Miền Bắc), chứ lúc ấy chúng tôi chỉ nghĩ đó là cách giải quyết riêng của trại, bởi vì khi chuẩn bị cho chuyến đi “10 ngày” có kẻ dự tính để nguyên râu tóc về cho bà con biết như một chiến tích thời bình, có kẻ không chịu tắm, có người thay đồ không giặt “chờ về nhà bỏ giặt ủi luôn thể”. Không có lưỡi lam thì để cạo râu, tỉa tóc có thêm dịp cho vài kẻ lạnh lẽo trở nghề tài tử. Một chút ý thức nông cuồng muốn làm F. Castro cũng không được phép, vì đã “đi học tập” thì dù thế nào cũng phải giữ tư cách, cho Cách mạng khỏi mang tiếng! Có chuyện tức cười là những gói Ruby với hình người lính VNCH mang súng nhảy tung trong thế xung phong theo vạch cờ vàng ba sọc đỏ. Dấu hiệu cũ còn nhiều trên đồ dùng lượm được, phải dùng vì cần thiết nên người ta cố lấy lửa dí xóa trên bidon, mài dấu trên muỗng ăn.

Nhưng bây giờ thì cứ bình tĩnh mà hút và ngắm hình, chẳng biết có gọi tưởng nhớ hay không.

Thuốc Quân tiếp vụ ngày trước chẳng ai hút, chỉ giành nhau mua để bán lại với bên ngoài, hay để đổi Công An Phải Sợ Thằng An Ninh (CAPSTAN), nhưng bây giờ hít một hơi cũng khá gọi là thần tiên.

Lại cũng có phát lựa thừa những vật dụng cần thiết. Những tấm trải, sợi nilông của các cuộn dùng làm bao cát là nhiều nhất, nhưng cũng không đủ. Một hai tấm đắp vải dù.

Cái bidon đựng nước và ca uống nước của Trung Quốc. Và những kẻ kĩ-tính lại được dịp vỗ về mình để ưu tiên hưởng ân lộc của Cách mạng!

Loay mãi cũng có vẫn có lúc rảnh rỗi nên có những dấu vết tập hợp riêng rẽ theo quen biết, tập hợp cũ, theo với sự hợp nhau về cá tính dù chẳng gần nhau bao lâu nhưng cũng đã bộc lộ! Anh đội trưởng chúng tôi vốn là sĩ quan nội dịch của một tỉnh đường, có căn bản cục cung phục vụ người trên, dễ khuất phục, dễ chuyển hoá nên bình thản sống an phận bằng cách sửa sai đội viên quen tính đùa bỡn chỉ trích, hay vụt không kiểm soát được mình để tuon ra lời phản kháng. Cái thói quen cũ muốn sử dụng quyền uy được dịp bùng dậy khi anh trừng mắt nhìn anh đội viên cứ tưởng là còn ngang hàng với anh như trước. Quá khứ đã qua rồi, chưa ai dặn rõ điều ấy nhưng mà phải biết tự chế để quên; trật tự mới có rồi, anh cũng là đại diện của Cách mạng trong trại chớ chơi sao! Cái khôn ngoan của cuộc sống dạy bảo để phần lớn người ta biết né tránh, dè dặt với anh, nhưng bóng dáng của Cách mạng không phải chỉ đem lại cho anh tự ái được thoả mãn mà còn có cả quyền lợi cụ thể nữa: Một anh đại úy Cảnh sát lấy cơm để phần cho anh, giảng mừng thu xếp chỗ ngủ cho anh. Những nạn nhân lật vạt của anh đội trưởng đã “chíp” trong bụng các việc này.

Tách anh đội trưởng ra, anh em còn lại dễ nói chuyện đùa bỡn, thì thâm cả những điều riêng tư có tính nguy hiểm. Nói chuyện chờ đợi ngày về và rõ ràng ai cũng cảm thấy ngày về hun hút nên quay lại tự trách mình, trách nhau sao không đi, sao chậm bước...

H. nằm thêm thiếp dưới cái nóng hầm hập của mái tôn, hồi tưởng lại cái đêm gian truân chậm chân một chút vì loanh quanh giữa dòng xe rồi rít mà đến bến tàu thấy cửa sập xuống, bị người lính Biệt động quân nào đó ngăn lại, chờ đợi mỗi mòn rồi lui thủi quay về. Tưởng là anh sốt vì chưa quen cảnh khổ – cái thứ tôi đã từng trải – tôi lui cui nấu cháo cho anh, đâu có ngờ ca một mối dằn vặt phức tạp. Sự lựa chọn của anh trong hoàn cảnh vừa qua là dứt

khoát, càng không có sự phân vân nín kéo của quê hương vì cuộc sống ở lớp cao của một người dân Nam Kỳ như anh ít có ràng buộc với xứ sở theo quan niệm về làng xóm, lũy tre trong khi cuộc sống ở nước ngoài với hai lần đi Mỹ (?) quen thuộc làm anh không ngần ngại như nhiều người khác. Có lẽ sự ân hận là từ cảnh tù tội đưa lại và từ lòng tự ái bị tổn thương của một tay kinh doanh, chạy vạy từng đã có nhiều thành công.

Một buổi chiều đội trưởng về phổ biến: “Tối nay họp bầu cá nhân xuất sắc và phân loại học tập”. Hình như chẳng có ai quan tâm về những điều đội trưởng nói lúc đó. Nhưng dưới ánh đèn chập chờn còn lại thì không khí bỗng trở nên trầm trọng hơn. Chưa có những câu: “Học tập tốt mới được về nhà” nhưng ai nấy cũng thấy rằng những thái độ, hành động không vào khuôn khổ sẽ đem đến phiền nhiễu cho mình. Lời đe dọa của người thủ trưởng đối với anh bạn nghịch ngợm khai “cái đồng hồ không người lái” còn văng vẳng bên tai. Có ba hạng bầu theo thứ tự tốt xấu A, B, C. Phần lớn chẳng ai muốn vào hạng A, lại càng không muốn là C, chỉ B thôi. Và lại chẳng có việc gì làm chung nhiều để thấy ai nổi bật lên. Hạng A vào hai tay dạy hát ca, mấy tổ trưởng và đội khối trưởng. Hạng C chẳng có ai, tuy là bầu phiếu kín, có tranh luận sôi nổi về phiếu bầu, nhưng dù đã có những cá nhân bị găm gù vì lối sống kênh kiệu, riêng biệt nhưng thù hận chưa sâu lắm để đi đến chỗ bán nhau. Tình đồng cảnh và lối sống vầy vầy vẫn thắng thế.

Biện pháp bắt khai báo để gửi đồng hồ, quý kim... cho trại là dấu hiệu rõ rệt nhất của tội đồ. Tuy vậy vẫn có những bộ mặt ngơ ngác, đầy thắc mắc. Không có một lời giải thích – tuy chẳng cần điều ấy nữa. Tôi bộp chộp nói với một anh bạn: “Ờ tù gì mà mang đồng hồ nhôm nhảnh, vàng bạc đầy tay, tiền đầy túi. Để mua chuộc bộ đội hả?” Có những lời dậm dọa, răn đe không được giấu diếm, và lời hứa hẹn đồ sẽ không bị mất. Nhưng vẫn có kẻ không tin, tìm cách tránh né. Đồng hồ thì không giấu được rồi. Nhưng nhẫn cưới thì thừa rằng dính cứng vào tay, tuy bôi xà bông vẫn rút ra được.

Một người loay hoay nhét chiếc nhẫn bạch kim vào dép. Và chắc còn nhiều người tìm được cách hay hơn. Từng đoàn người lên khu bộ đội gởi đồ, đi theo toán, đội, khối. Chẳng có gì đáng nói hơn trừ những giây phút được thấy mình rộng chun càng hơn, vượt được qua khu vực dành riêng cho mình.

Cứ sống chờ đợi mãi rồi cũng có ngày đạt được “ước mơ”: học tập! Nhốn nháo hẳn lên. Tuy thông báo nói là “chuẩn bị cho vài bữa nữa...” nhưng dù sao thì chữ học tập cũng được nói đến rồi. Quả thực cũng có một toán trên ban chỉ huy xuống xem xét chỗ ăn chỗ nằm, bắt kê lại cho bằng phẳng, không gập ghềnh từ đầu tới cuối để làm chỗ ngồi học tập. Tạm thế đi, nhà nước ta còn nghèo mà! Người coi tù nói thế một cách hồn nhiên, cái mặc cảm sút kém bị trấn át bởi thói quen bào chữa đã biến con người trở thành không thắc mắc, đã trở thành nếp sống. Dù sao thì buổi đầu, các lời nói nhún nhường tương tự cũng có tác dụng xoa dịu, gây được cảm tình nơi những tù nhân dễ cảm xúc, có khuynh hướng tự nguyện cải tạo như anh đội trưởng của tôi, hay kiểu chung chung của những người thấy phải tìm cách thích ứng với hoàn cảnh. Bởi vậy chẳng ai để ý đến cái trường học kiểu thầy đồ có học tro ngồi xồm trên sạp này. Vấn đề là học cái gì? Một chút suy nghĩ vẫn vơ. Có người đem các đề tài người ta học ở ngoài hồi tháng 5 ra bàn, nhưng sự hưởng ứng không mấy nồng nhiệt lắm. Tù chắc học khác dân. Sĩ quan chắc học khác hạ sĩ quan, binh sĩ... Thôi chẳng cần bàn nữa.

Buổi sáng đã định, đồ đạc được xếp vào góc dành chỗ cho học viên ngồi theo đội, tổ dọc theo chiều dài dãy nhà, hướng về một phía. Có chút loạc choạc của những người “không ai bảo ai được” dù rằng khối trưởng, đội trưởng chắc có lời dặn “ở trên” đã hò hét, nhắc nhở để nhận được những cái bữu môi, chửi thề, hoặc rõ tiếng. Một phần nhà để trống kê cái bàn nhỏ, hai cái ghế xiêu vẹo. Vài ba người bộ đội nhếch nhác ôm chồng giấy đến. Không khí nghiêm trọng hẳn lên. Một người bộ đội ra lệnh chỉnh đốn chỗ ngồi, đích thân đứng vẩy tay bắt đầu người này nghiêng qua, thân người kia nhích lại sao cho thẳng đều, thẳng tắp. Chẳng ai dám hó hé.

Giờ học đã mở màn. Hơi một chút thất vọng. Lại cũng chỉ là tò khai. Nhưng không có dịp để chán nản tới. Đây không phải là tò khai lẻ tẻ, vụt ra cho mỗi người tự điền vào hay nhao nhao quanh anh đội trưởng hỏi cái này, đòi ghi thêm cái nọ. Đây là tò khai đầy đủ chi tiết về cả quá khứ của mình mà có người đã từng làm ở ngoài đời với một người tiếp quản khó khăn nào đó. Nhưng không phai với cái không khí buông thả của những ngày ít ra còn thấy mình được tự do. Ngồi xếp thành hàng ngũ qua những ngày giam hãm thành

bớt nông nhênh, nghe người bộ đội dặn dò kỹ vạch, chúng tôi đã “hiếu” những chi tiết thấu đáo hơn.

Phần giáo đầu là những lời phổ biến chính sách khoan hồng của Mặt trận, Chính phủ Cộng hoà Miền Nam Việt Nam. Chưa nghe đến chữ Đảng và Nhà nước mà bao trùm là chữ Cách mạng. Nhưng ý thức nhận định lúc này sao mà khác lúc đọc thông cáo dán trên tường phố: Một đảng còn thấy mình có vẻ được chọn lựa, một đảng là những kẻ xấu số, cho gì nhận nấy, không thể đòi hỏi gì hơn, không được gì cũng phải coi là được ơn còn sống để có thể chờ nhận ơn sẽ đến vào một lúc nào đó. Có những xoa vuốt để tù binh không lăm lăm về vị thế của mình nhưng cũng không hoang mang thái quá: “Người ta đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại...”, “Ông ba mình nói thế...” Tình tự dân tộc đậm đà thấm đượm qua lời nói khẩu hiệu, nhưng mức độ nào là ranh giới giữa tình cảm cá nhân thủ đắc qua giao tiếp và chính sách có toan tính theo nhu cầu của tình thế?

Kèm theo trấn an có lời răn đe: “Cách mạng đã toàn thắng, đừng có bẻ nạng chống trời. Hồ sơ các anh còn đầy đủ ở các nơi, trong giấy tờ cũ. Cách mạng biết hết, biết hết!” Tất nhiên hiệu quả của răn đe, dụ dỗ cũng đạt được mức độ cao. Ít người như một anh chàng sau này được thăm nuôi bị người anh la rầy: “Mầy ngu! Lũ nó không biết gì đâu. Tao đây là sĩ quan tình báo cao cấp còn chẳng biết gì nhiều huống hồ là lũ nó!” Cái lí cá nhân của một kẻ không đủ trung kiên để tình thân thuộc lấn át sự lạnh lùng của giáo dục chủ thuyết, thật bất ngờ và hiếm hoi. Nhưng sự đe dọa cũng có lí do đúng của nó nên các chi tiết khai báo có ẩn giấu đến mức độ nào chỉ là tùy thuộc ở nhận định xem lời khai đem nguy hiểm cho mình đến đâu thôi. Thường thì người ta hay nói quanh co trong chức vụ công tác, tìm ra các từ nhẹ, có bề ngoài hiền lành nhất để ghi vào. Và khi không tránh được thì xếp đặt sẵn lời bào chữa. Khi gặp nguy hiểm, sự lẩn trốn giai đoạn là điều cần thiết để sống còn. Hay là để sống đỡ cực hơn mà tính tới giai đoạn tiếp theo. Không phải những toan tính này không có hiệu quả như chúng tôi sẽ thấy trong những hồi tiếp cải tạo.

Không khí khai báo nghiêm cần kéo dài cả ngày hăm hập dưới mái tôn nóng. Giấy được xin thêm nhiều lần, để làm lại những chỗ viết hư, nhưng

phần lớn là để đầy đủ lời khai. Đến chiều toán bộ đôi ôm chồng tờ khai cao nghệu đem về, để lại một khoảng trống nặng nề trong đám cải tạo. Không ai nói một lời nào, bàn tán một điều gì. Chắc không phải cả ngày mệt mỏi mà còn là mối âu lo về chứng tích trên mấy tờ giấy vừa ra đi kia. Họ quên mất sự xôn xao hồi sáng. Thế chừng nào “học tập” đây?

Chẳng ai trả lời được. Khỏi, đội trưởng đem về một mớ hột rau muống phân cho anh em trồng. Chẳng cần phải đợi đến điều đó, họ đã khoanh vùng các trũng nước, bứt dây muống mọc hoang đem về trồng rồi. Giống xấu, đất sét dẻo lẫn đá dăm, nhựa đường nhưng vừa làm vừa chơi là để quên thì giờ. Mà thì giờ thì lại quá thừa. Cây cũng bị bắt buộc phải tốt.

Có một bữa giải trí không chờ đợi. Chúng tôi được coi chiếu phim. Sau giải phóng có những người vừa rảnh rỗi vừa tò mò đã ghé vào các rạp xi nê. Máy lạnh còn chạy, ghế còn tốt, người không chen lấn nhiều – nếu không noi là thừa thớt, nhưng phim chán phèo – chưa kể người làm phim ở Miền Bắc quay cảnh trong Nam theo kiểu truyền thần vẽ bóng, lời thuyết minh lụp chụp một giọng cho tất cả các nhân vật, mọi điều sơ sót, lạc hậu đến tệ hại đó khiến có kẻ nhồm dậy bỏ ra về. Đến cửa họ bị chặn lại một cách lễ phép, được mời vào coi cho hết phim. Họ được giải thích đó là dấu hiệu của nếp sống văn minh, lịch sự. Chẳng hiểu là bên Nga có vậy không. Thật đang nghi ngờ nếu có kẻ cả quyết rằng đó là nếp sống xã hội chủ nghĩa, nhưng có thể tin rằng đây là của Việt Nam XHCN hay mở rộng hơn, có gốc Trung Quốc. Bởi vì với quan niệm chính trị là thống soái trong khi tiến bộ kỹ nghệ chưa mang lại một lối sống phân hoá, đa dạng thì phương tiện truyền đạt văn hoá, tri thức nào cũng là dùng để huấn luyện chủ thuyết. Đọc báo là “học tập theo lời Báo dạy”, là điều chúng tôi thấy ngay trên tờ báo ở mục “Các điển hình tiên tiến”.

Nghe đài, xem phim là học tập, sau này chúng tôi sẽ nghe nhắc đi nhắc lại, nhưng đây không phải là sự bắt buộc dành riêng cho chúng tôi mà là một nếp sống, một tư tưởng cố định từ Miền Bắc đưa vào. Chỉ có khác là sự tuân lệnh đến mức độ nào còn tùy thuộc vào đối tượng nhận. Chúng tôi thì không kể làm gì, nhưng dân chúng Miền Nam cũng phải theo vì sợ hãi trong cái thế dưới tay, vì mặc cảm không theo thì không phải là văn minh. Nhưng chẳng có ai dám bảo cho người bắt buộc hiểu rằng có xứ gọi là văn minh coi xi nê là

một phương tiện giải trí mà tác dụng văn hoá cũng không giảm sút chút nào. Cho dù có ai dám nói cho họ biết điều đó, họ cũng không tin. Vì họ không được dạy bảo như vậy. Vì họ chưa từng được sống như vậy.

Bãi chiếu phim là chỗ đỗ xe lúc chúng tôi mới lên. Hai phim. Phim thời sự thu hình ngày diễn hành 1-5-73 tại Hà Nội. Phim đã được thấy trên tivi nhưng ở đây dấu phim màu còn giữ nguyên nên tác dụng lên người xem có lẽ cũng lớn hơn. Có điều thói quen cũ xem phim thời sự như là màn đầu cho buổi chiếu chính nên chẳng có mấy ai nao nức mà tất cả bồn chồn đều dồn cho phim truyện “Em bé Hà Nội”. Chuyện kể một em bé cha là sĩ quan tên lửa, mẹ là công nhân, sống đời sơ tán, đi tìm cha trong khi bom Mỹ trút xuống tàn phá Hà Nội.

Chuyện hình như cũng không tác động mấy với những người đã quen với những bộ phim vĩ đại trong phòng lạnh nay lại ngồi giữa trời sấm ù ù, không biết ngày mai ra sao. Chẳng có ai bàn tán về nội dung, chỉ có một hai ý kiến quanh giọng nói ồm ồm của “em bé” quá người lớn. Khán giả chưa sống ở Miền Bắc để biết mức độ cách biệt giữa thực tế và hình ảnh biểu hiện – dù tính chất nghệ thuật đã cho phép dung chứa một sự cách biệt rộng rãi mà người ta đã nhân đó lấy làm cơ sở cho một nền văn học nghệ thuật mệnh danh là hiện thực xã hội chủ nghĩa. Dù sao sự khoe khoang cũng lộ rõ ở dụng ý của người dàn dựng để trọng tâm hình ảnh dồn vào mấy cái dàn hoá tiền. Ở mức độ ít hơn đối với khán giả vì thuộc vào chi tiết kỹ thuật ẩn khuất hơn, là cái máy télétype của người mẹ sử dụng. Cứ gọi đó là nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa cũng được, nhưng không thể che giấu được tính chất tiểu tư sản – cái giai cấp đáng ghét! đầy ngập trong tác phẩm với phong thái của đứa bé, người mẹ, người cha – dù cho có cảnh nhà máy hoạt động rầm rập cùng một bà già đôn hậu, quê mùa để làm bằng chứng cho tính Giai cấp nhưng sự gượng gạo gánh gồng của người cha lại gây ra phản tác dụng. Nói khác đi, trừ các cảnh xe đạn hoá tiền lù lù gros plan, còn thì tất cả là phối hợp của Hà Nội và nhà quê thoa phấn hiện đại vụng về.

Cái vụng về đó chúng tôi cũng thấy ở tờ *Nhân Dân*, thỉnh thoảng có phát trong trại để “học tập”. Nhớ mấy năm trước, một bà già tình cờ mua ve chai được vài kilô báo *Nhân Dân* từ toà Đại sứ Pháp, đem ra gói hang, có anh văn

sĩ đi ngang qua nần nì mua trọn cả mớ và coi như có cả thành tích. Giải phóng xong tôi có mua hai tờ *Nhân Dân* và *Quân Đội Nhân Dân* nhưng đã thấy hơi ưỡng tiền: Hai tờ chỉ khác nhau ở trang 1 và 4, còn bên trong thì chỉ một khuôn in, nghĩa là chỉ một tờ rưỡi mà thôi. Đọc báo là theo thói quen nhưng cũng có người hi vọng tìm được trong những hàng chữ có gì liên can đến số phận của chúng tôi không. Cái khờ khạo tội nghiệp từ nep sống cũ là cứ tưởng báo chí phản ánh được cuộc sống bên ngoài, tuy qua nhãn quan của người viết nhưng dù sao cũng cho thấy một phần cuộc sống thực. Chúng tôi chưa quen với việc coi báo là một khuôn mẫu học tập, không những phản ánh sự thực có chọn lọc mà còn là sự thực được tô vẽ, thu xếp theo hướng phải có. Cho nên khi sự háo hức ban đầu qua đi, đã có người ngạc nhiên rồi khó chịu với loại báo “khô như một bà già”, “như một tờ công báo” đăng toàn diễn văn chúc tụng này nọ lê thê và không bỏ sót một protocole nào, đến nỗi không nệ lặp đi lặp lại, mở đầu với ông Tổng bí thư, ông số 2, ông Thủ tướng (nếu là số 3), ông... tiếp phái đoàn X. ở sân ga, đưa về nhà khách cũng kể thứ tự ông số Một, số Hai... hôm sau nếu có dẫn khách đi chơi thì cũng bầu đoàn thể từ chính trị đó choán hết cột báo, chỉ để lại cho độc giả một nội dung tin tức thật nghèo nàn. Trên báo chúng tôi bắt đầu làm quen với một cung cách quan liêu thật là gay gắt và thần thánh. Thật khác với hình ảnh những cán bộ, bộ đội quần áo xộc xệch trước mắt. Tôi nghĩ rằng có thể hiểu được mức độ giới hạn sinh hoạt của những người này với dáng điệu hiền hoà, hơi rụt rè, nhút nhát – *effémine* như một anh bạn nói, là bởi giáo dục của cấp trên dạy họ sử dụng những phương tiện hạn chế mà Đảng bòn rút được từ xứ sở họ cai trị, và từ những người bạn lớn thừa lí tưởng để hô hào – và được tâm thành chấp nhận – nhưng không đủ khả năng để ban phát rộng rãi. Mức độ sinh hoạt thấp đó cộng với chất men lí tưởng khiến người ta bám vào để hãnh diện với điều gọi là truyền thống – và không rời được, lệ thuộc vào nó mà không hay. Cái lối tôn trọng protocole đã kể thành thử mang đậm tính chất Đông Phương, thần thánh hoá Quyền bính, không những có tác dụng chặn lại sự thâm lòn quyền bính do quan niệm bình đẳng đem lại mà lại còn đẩy cao hơn sự tuân phục những người lãnh đạo: Ít ra là đối với sinh hoạt chính trị bình thường, công khai thời nay chẳng có ai ngạc nhiên về việc một ông Thủ tướng giữ chức vụ trong 35 năm.

Nhưng danh không đi đôi với thực thì cũng dễ gây khủng hoảng – thực, hiểu theo nghĩa vật chất, tiền bạc. Chiến thắng 1975 làm ngợp mặt người Cộng sản, những người vừa có sự trì nín của quá khứ và sự lồi cuồn của tương lai, sức nào cũng thật là mạnh đến nỗi không chấp nhận ai khác mình vào lúc quyết định tới hay lui. Sự biến chất nằm ở hai cực đó tạo ra hai mẫu người chậm lụt và xông xáo mà sự cách biệt nổi bật lên sau chiến thắng. Người nào chậm lụt, ở vị thế không thuận lợi thì rút rè mặc cảm – và bất mãn, đó là số đông. Người nào biết chớp thời cơ, ở vị thế mà mỗi lợi từ sự liều lĩnh đủ lấn át sự sợ hãi thì tha hồ buông tuồng, quên hết kinh kệ, và sử dụng sự thần bí của quyền bính làm bức màn che cho hành động tư lợi của mình, bù lúc thiếu thốn...

Trở lại chuyện tờ báo. “Chẳng có gì để đọc”, một người nói thế. Nhưng anh cũng chỉ cho chúng tôi thấy những thiếu sót về mặt hình thức, sự trình bày đều đều tẻ nhạt của các con chữ, những lỗi đặt tít câu thả, kiểu “Thủ tướng Phạm Văn Đồng đọc (*qua hàng*) diễn văn...”, “thủy lợi (*qua hàng*) hoá, hoá học hoá...” Anh phàn nàn rằng một tay làm báo ở Sài Gòn vào hạng kém nhất còn không thể có những lầm lỗi kỹ thuật tai hại đến như thế, huống chi đây là một cơ quan cao cấp tập trung biết bao nhân vật tài lực. Anh không biết – và cả tôi cũng vậy, rằng phương tiện của họ chẳng có gì to lớn như mình tưởng. Các máy in từ thời 1945, 1954 không thể làm được gì nhiều trong khi người điều khiển ở vào thế không có cạnh tranh cũng chẳng thấy cần phải cải tiến. Dày đặc trong các bài là câu nói lặp đi lặp lại “tiến hành ba cuộc cách mạng: Cách mạng xã hội, Cách mạng khoa học kỹ thuật, Cách mạng văn hoá tư tưởng mà Cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt...” Ngoài các tên của các cán bộ lớn nhỏ còn có phát biểu của các nhân vật Miền Nam cũ, như một bảng có đầu hàng, một bảng có chịu hồi đầu lập công, bảng có tiếp nhận chân lí – ánh sáng mới cũng được. Nhưng chút điểm ngập ngừng vụng dại trong câu văn tuy có trích lời lãnh tụ, cũng chứng tỏ tính cách tân tòng bất đắc dĩ của họ. Họ cũng thật tội nghiệp như chúng tôi trong các tờ khai vừa mới đây...

Một buổi chiều cả trại bỗng xôn xao hẳn lên. Một số người được lựa chọn, phải mang giấy bút lên ban chỉ huy. Có phái đoàn nào đến thăm? Một

cuộc “học tập thử”? Người ta cố nhìn trong các thành phần được chọn để phỏng đoán. Xâm tới những người kia mới về. Mọi người xúm quanh và được biết rằng họ phải làm bài viết để trả lời một số câu hỏi thường thức thuộc nhiều lãnh vực văn hoá: sinh ngữ, kinh tế, chính trị, sử, địa...

Càng mù mờ hơn. Thân phận tù tội khiến người ta quên một cách làm hản trong bọn có người đã từng làm là điều tra xã hội. Chỉ có ý kiến cho đó là cái test chuẩn bị cho các bài học hợp với trình độ của chúng tôi. Cái gì lúc này liên quan đến “học tập” thì được chấp nhận hết.

Thế rồi dùng một cái, được lệnh di chuyển. Đèn đã được bắt xuống chỗ chúng tôi. Một người bộ đội xuống thăm nhắm nhía, lắc đầu: “Không được” và nói lững lờ: “Chắc phải tìm một chỗ học tập thuận tiện cho các anh hơn”. Thức lâu mới biết đêm dài, chúng tôi phải được tiếp xúc với chế độ mới, con người mới thật lâu mới biết đến sự toan tính thật chi li của họ.

Trước đó chúng tôi đã thấy cuộc di chuyển của các nữ quân nhân. Chị đại úy ở chung phòng với chúng tôi đã được đưa qua trại bên ấy, chỉ cách một vạt đất trống vừa xa đủ để thấy dáng người chứ không rõ được mặt. Ấy thế mà cũng có kẻ lân la đến để về kháo nhau rang có khoảng năm, sáu chục người gồm một chị ho lao, một chị có mang hai tháng và có chị dắt cả con đi nữa. Họ biết cả mối bận tâm nhất của nhóm người này là vấn đề vệ sinh. Chẳng phải là một sự tò mò thô tục cố ý vì từ trại chúng tôi có thể thấy trắng xoá những cuộn bông băng... Độ 15 ngày sau thì có xe đến chở họ đi.

Chúng tôi ngoắc tay vẫy chào họ, chúc họ may mắn. Có người cho rằng họ được thả về, khỏi học tập vì phiền phức quá. Và phỏng đoán thì rõ ràng không bao giờ trúng. Người ta chưa được biết đến sự cương quyết của người cộng sản không muốn để một tí gì có thể đe dọa đến quyền hành cực nhọc phải qua mấy mươi năm mới chiếm được.

Bây giờ đến lượt chúng tôi. Lệnh được thông báo từ sáng sớm. Nhưng trong số mấy trăm người của chúng tôi có mười mấy người được gọi tên ở lại. Phần lớn là cảnh sát. Anh đại úy cảnh sát được biệt danh là “tà lệt” của đội trưởng cũng ở trong số ấy. Nét mặt họ ỉu xìu trông thật tội nghiệp. Có người nhìn họ thương hại coi sự phân biệt này là do bởi tính chất “ác ôn” của họ.

Thực ra điểm lạc quan của chúng tôi là do bởi số đông hơn là bởi ý thức tự cho là vô tội. Ông thầy cũ hồi Đệ nhất CVA hỏi tôi, không phải vì tin tưởng ở kiến thức người học trò mình mà vì cố tìm một lời giải đáp để bầu vịu: “Anh biết mình đi đâu không? Và bao giờ thì mình về?” Tôi cũng làm bộ hiểu biết mà trả lời lửng lơ: “Chẳng biết. Nhưng dù sao đây cũng là một giai đoạn đã qua...” Trong một lúc riêng tư tôi đã trả lời với H.: “Thường thì trong các cuộc lễ người ta hay thả tù. Nhưng ở tu hành chính thì đến ngày đến tháng mình không chịu ra người ta cũng đập tổng đi, còn tù chính trị thì tùy nhận định của người cầm quyền về tình hình an ninh đối với sự tồn vong cơ cấu của họ.” Tất nhiên tôi đã sai khi có ước vọng mơ hồ về ngày 19-8, 2-9 sắp tới, vì đánh giá quá cao về khả năng của người cộng sản.

Mới nghiêng bóng xế chúng tôi đã tập trung ngoài sân xe. Nắng dội xuống bốc rất mặt. Cũng có mây phủ bầu trời để dịu cái chói chan nhưng không khoả được cái nóng hầm hập vây quanh. Và chờ lâu thì cũng có người tự động bỏ hàng vào núp dưới các mái hiên hay chui vào các hầm gần đấy.

Lúc mặt trời lặn chúng tôi được chuyển đến một bãi rộng hơn. Lổ nhố trong bóng hoàng hôn sụp xuống, người ngồi đen kịt. Bộ đội đứng rải rác, không nhiều lắm. Nhưng cũng có một trung đội súng ống đầy đủ đi lướt qua, một lần thôi. Lát sau, đội trưởng đến phổ biến lời thủ trưởng: “Bộ đội chỉ đi quan sát thôi, anh em đừng ngại”. Ngại thì không ngại mà chỉ ngẩn ngơ. Bởi vì chẳng có ai để ý đến chuyện đó trong buổi chập choạng hỗn độn này. Và lại có ngại thì cũng chẳng làm gì được. Không ai cảm thấy sức nặng của lời trấn an ấy mà có người chỉ ngạc nhiên về cái tính bào chữa đã thành thói, bào chữa cả những điều người ta thừa biết: Sự biểu dương lực lượng lúc đó đâu phải là điều lạ? Có thể coi lời đó là một biểu hiện đối xử nhân đạo nhưng sự phô diễn đồng loạt hai khía cạnh nhân đạo và quyền uy quả thật là điều vụng về, nếu không nói là mĩa mai, giả dối: Đạo đức nơi đâu mũi súng lăm lăm chỉ làm chiến thắng thêm hoan hảo, tuyệt diệu hơn chứ đâu có mục đích nâng kẻ ngã dậy?

Bóng tối đổ xuống. Xe đến từng đoàn rầm rập đổ theo ánh đèn pin chỉ lối. Chúng tôi sửa soạn ra đi. Đi đâu chẳng biết.

Đường Về Long Khánh

Chúng tôi vẫn tưởng rằng sự vận chuyển về đêm là thói quen chưa bỏ được của những ngày ở trong rừng. Nhưng dần dà chúng tôi hiểu được rằng sự giữ bí mật về hành tung của chúng tôi trong thời kì đó cũng là điều cần thiết để tránh sự tò mò, sự xúc động của đám dân chúng còn tính chất rất là “nguy”, và không ngần ngại gì mà không lộ tính chất nguy hiểm ấy ra. Tất nhiên đi đêm cũng không tránh khỏi điều tiếng, nhưng đối với những người mà lí tưởng có thể biện hộ được cho tất cả và đang say sưa với lẽ phải về mình chúng tôi trong chiến thắng còn nóng hổi thì một dư luận nào đó – nhất là dư luận được coi là của kẻ thù đã thất bại nhục nhã – đâu phải là điều đáng quan tâm. Hồi ấy đã có tin đồn tung ra là phe giải phóng chở cả một đoàn tàu sĩ quan đem trút ngoài biển. Chuyện đó có thể phù hợp với toán được đưa ra Phú Quốc. Chuyển đi đó nghe kể lại thì không có gì đáng ghi nhận ngoài hai điều. Một là nỗi vui mừng khắp khởi của những người trên xe khi thấy mình “tiến về Sài Gòn”. Mừng hụt vì xe đổ xuống Tân Cảng. Điều ghi nhận thứ hai trong ba ngày lênh đênh ngoài biển là một điểm nhỏ nhưng cần yếu trùm lấp tất cả sinh hoạt vật vờ kinh hoàng và chua xót trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy: vấn đề giải quyết đệ tứ khoái. Người ta sắp hàng đợi nhau tới phiên vào cầu tiêu, có người mắc võng ngủ một giấc thấy candidat lúc trước ở phía chân thì bây giờ chỉ vừa nhích lên tới đầu võng. Và do đó thật nhiều kẻ tìm cách giải quyết gọn nhẹ hơn bằng cách tuôn vào bọc nilon rồi vứt ra đấy tha hồ mà giày đạp, tha hồ mà hít mùi nồng khai quặng trong luồng vị mặn của gió biển.

Chúng tôi sau này cũng biết được một phần của cảnh xếp hàng, nhưng trong chuyến di chuyển hồi trung tuần tháng 8-75 ấy, sự việc xảy ra suôn sẻ hơn nhiều. Xe cũng lèn chặt người – chừ dùng cũng chưa tỏ hết nghĩa, nhưng hai tấm bạt phía sau không bị khép kín lại. Nhờ thế trong bóng tối vùn vụt qua hai bên đường, chúng tôi đã nhận ra hướng đi về các nơi Bình Dương, Biên Hoà, Quốc lộ 1... Mệt quá. Có người đã thiếp đi trong chiếc xe lắc lư dần xóc...

Quốc lộ 1 sáng lên trong đêmมืด mù chung quanh với dãy đèn ống

thoáng sáng chói rồi mờ mờ soi từng khoảng khóm nhà rải rác. Chúng tôi nhóm cả dậy. Bồng H. vạch tấm bạt phía trước kêu lên một tiếng nhỏ và chỉ cho các bạn xem: Chiếc xe đi vòng vèo trên lòng đường thật rộng, thoáng cái rẽ về phía lề đường có ruộng, thoáng cái leo lên bờ có nhà. Tài xế đã không chống nổi cơn buồn ngủ qua đêm. “Nói chuyện đi! Nói chuyện với tài xế cho anh ta khỏi buồn ngủ!” Nói chuyện gì bây giờ? H. nhanh trí kêu lên: “Lấy thuốc lá đưa cho anh ta!” Hồi chiều chúng tôi vừa được phát mỗi người 10 điếu Ruby Quân tiếp vụ. Diêm bật, thuốc đốt sẵn luôn vòng vào cửa cabin cho tài xế – khoảng cách giữa tài xế và tù binh trong xe kín bưng. Không khí có vẻ cởi mở hơn.

Người đưa thuốc nói chuyện lại: “Tài xế nói buồn ngủ quá.” Nhưng chẳng có gì trao đổi nhiều hơn.

Xe tiến về phía bắc trong ánh sáng rõ dần của ban mai. Không khí ẩm ướt, nặng mùi. Những rừng cao su thấp thoáng, rõ dần rồi bị vượt qua. Xe bao quanh bởi rừng cao su rồi vòng nơi một phi trường đã chiến, cỏ mọc cao nhưng không lấp hết các tầng sắt thép kết bằng những tấm PSP rõ mặt hay liên lạc từng rãnh dài. Đến nơi rồi. Căn cứ cũ của Sư đoàn 18.

Xe chúng tôi đỗ ngay sân của tiểu đoàn quân y. Lại cũng cỏ mọc cao, đọng ươt nước mưa. Mái tôn xám ngoét, rữ buồn. Đất đỏ sập sình, nước đọng vũng, giấy lộn, giẻ rách, thuốc men vung vãi lẫn những túi cứu thương đứng trên xe còn thấy hàng chữ Hán không rõ. Một chiếc xe Jeep lún bẹp, bạt vải dầu Hồng thập tự loang lổ. Những người bộ đội quần xắn dưới đầu gối, rón rén bước trên các lối mòn. Một anh bạn chỉ vòng rào kẽm gai bao quanh kho xăng trống rỗng, thuật chuyện ghé vào xin nhiên liệu để đi tiếp đoạn đường ra Phan Thiết. Anh bạn nghĩ gì thêm nữa? Có cần nói thêm để bày tỏ một tâm trạng?

Rốt cục rồi cũng phải xuống xe thu dọn chỗ ở. Trước đó đã có những người bạo dạn nghiêng ngó, lẩn vào các kho. Không còn gì nhưng cũng lôi ra được một ít đồ cần dùng – ít ai để ý đến thuốc men nhãn hiệu đã úa màu bẩn. Nhóm chúng tôi lôi được vài cái băng ca để làm chỗ nằm, hai cái khung kết bằng cọc sắt, chắc là kệ chứa đồ. lấy ít tấm ván lót lên thì được cái giường ba

tầng cho sáu người nằm. Tôi hì hục đi tháo mũ vải xe HTT về căng nơi mái hiên che mưa tạt chỗ ngủ vì không muốn vào trong nhà nghìn nghịt người. Ở ngoài tuy cũng đông nhưng thoáng hơn một chút đôi lại, phải cái nạn mưa tạt!

Một người đi lấy nước về, lắc đầu. Trại chỉ có một cái giếng dùng chung cho cả trại kể cận. Không có gàu thì dùng bất cứ cái gì đem nước lên cũng được. Thùng thiếc dầu lửa con gà, chai nước biển... vét nước đổ vào thùng chứa phụ tùng vũ khí. Đất đỏ có chân người giẫm vào lại sủi bùn lên nhão nhoẹt, lầy nhầy văng tung toé, bày ra mảnh chai, đinh sắt, cuộn kềm gai lỏm chom... Thuốc đỏ được bôi đầy tay chân với cái an ủi là có thể trừ được tetanos.

Đêm đến trong cảnh mưa lất phất. Trời lạnh hắt trong không khí âm nặng nề vây quanh. Cảnh huyền ảo vẫn chưa chấm dứt nhưng dần lại trong các khu nhà, giữa lời tranh cãi ở bên trong, giữa những đối đáp trong nhà và ngoài hàng hiên. Câu chuyện lan man rời rạc trở thành có chủ điểm khi một người mang chiếc harmonica ra thổi.

Những bài tình ca. Hát đúng lời và chửa lời. “Em hỏi anh bao giờ trở lại? Xin trả lời, không biết bao giờ!” “Ngày về xa quá người ơi!” Tiếng cười đùa ào ạt tán thưởng. Nhưng tiếng cười vẫn cho cảm giác nắc nhen, âm thanh vang vang nỗi buồn cay đắng rã rời. Nguyễn Văn Nhơn, họa sĩ, ngâm bai Hồ trường. “Ta biết rót về đâu!” Không ai nghĩ mình là người anh hùng thất thế, cùng đường nhưng cũng như Nguyễn Bá Trác mượn bóng, người bây giờ mượn lời thơ, chúng tôi bị đẩy theo sự hoang mang lạc lõng để mà cảm khai, bi phần, đau thương... Đêm hôm đó tôi giờ sổ tay ghi những lời thơ không còn giữ được.

Những ngày sau lại tiếp tục dọn dẹp chung quanh, xếp chỗ bếp núc. Chưa có chỗ nấu ăn chung thì chia ra từng nhóm nhỏ độ mười người. Gạo Mĩ, đồ hộp Trung Quốc, su su hay bắp cải Đà Lạt phối hợp vừa đủ cái thời tân hôn hỗn độn phù du sau chiến tranh. Nhưng nước đục ngầu, để lắng rồi mà cơm vẫn ngả màu. Anh bạn Bắc Kỳ lấy đinh đục ống sặc đạn pháo binh, nhét vôi cao su vào làm cái lọc. Nhưng than không có, sạn lớn thì thừa mà cát lại là

bùn không mịn., nước đổ vào ống chảy cái ồ ra ngoài, chẳng thấy trong hơn. Anh lấy miếng bông buộc túm nơi đầu vòi, nước nhỏ giọt. Người khác có cái túi huyết thanh, lọc nước cho riêng mình dùng. Một người bộ đội ghé vào nhìn cái bình của anh bạn, tán thưởng và khuyến khích phổ biến cho các nơi. Không ai trong chúng tôi biết đó là một thói quen sinh hoạt xã hội chủ nghĩa về việc học tập điển hình.

Cũng vẫn lại những ngày dọn dẹp của chúng tôi, những ngày giao ban phía các khối, đội trưởng. Đèn trong nhà thì chưa nhưng đèn ngoài sân đã có với bóng neon, đèn pha. Giao ban đã truyền xuống những nhận xét nhắc chừng trường hợp đi tiểu ban đêm sát hàng rào, những trường hợp thần thờ ngoài hàng hiên. Trong lúc chúng tôi bó gọn trong các suy nghĩ, hành động cá nhân (đái ngoài hàng rào, không ở giữa sân cho kín đáo, đỡ khai) thì nhất cử nhất động đều được theo dõi, dòm ngó và không ngần ngại trong biện pháp trừng phạt.

Một hôm giữa buổi sáng chúng tôi được tập trung nghe đọc thông báo về việc người cải tạo được hưởng những quyền lợi: viết thư, tiêu chuẩn tiêu vật hàng tháng, được nâng gấp đôi vào những kì lễ Tết dương lịch, Tết âm lịch, 1-5, 2-9. Chỉ toàn là quyền lợi, sướng nhé! Nhưng thông báo lại làm tắt nổi xôn xao hi vọng về ngày 19-8, 2-9 gần kề. Vẫn có người ngược mắt nhìn trắng thăm kêu: “Anh Bi ơi!” Đã có người xúm lại cầu cơ, lời được một ông thần, con quỷ gì đó ở ngay trong trại nhưng chẳng có lời chỉ dẫn nào rõ rệt. Có những kẻ bám nhâm độn bảo cái công Tiểu đoàn Quân y ở vào cái hướng ngăn trở, và chỉ bịt nó đi thì mới có hi vọng. Có thêm lời xàm xì rằng trước 2-9 chúng tôi lại dời đi. Nhâm độn và lời đồn gặp nhau nhờ chúng tôi nghe thoáng từ phía bộ đội. Quả cổng sẽ đóng khi chúng tôi dọn xuống khu gia binh bên cạnh, phía trên một rãnh nước – gọi là con suối cũng được, con suối từ cống thị xã Xuân Lộc chảy ra. Một mối nhưng cũng chẳng dùng được. Đội trưởng nói giọng thành thạo: “Cái này không ảnh hưởng gì đến chuyện về của chúng mình (Đúng!). Cách mạng thường tới đâu là xếp chỗ ăn chỗ ở đảng hoàng ngăn nắp rồi vứt bỏ đi cũng được, chứ không phải thấy ở tạm bợ mà buông tuồng bỏ luống (Đúng một chút!). Như vậy chúng mình vẫn còn có hi vọng (Thì cứ hi vọng đi!)” Chúng tôi nhạo cợt lời anh, nhưng cũng chưa ai

biết được cung cách làm việc “rút kinh nghiệm” mới, làm rồi bỏ, hư lam lại, “bung” ra lần lần, theo các “sáng kiến” bất chợt, có khi tùy hứng...

Tự tìm lấy các phương tiện “ổn định chỗ ăn chỗ ở” thì tất nhiên có sự tranh giành, phá phách. Mái tôn của kho xăng lộ thiên chỉ nghe ồ lên một tiếng bửa đầu là đổ hết. Các vỏ ruột xe bị rọc một cách gọn ghẽ, máy móc tháo ra chỉ cần một thanh sắt khởi đầu. Tháo để dùng ngay, tháo để dành có lúc dùng. Sự lo xa có vẻ kì quặc nhưng rồi sẽ được chứng minh. Mỗi khi di chuyển chỗ nằm phải vét hết theo, đặt người trông coi khít nút. Có như vậy mới đủ chỗ hai dãy sạp nằm trên 10 người cho mỗi căn phòng gia binh trước kia.

Mệt, nhưng chỗ ở mới thoải mái hơn. Có chỗ nằm, có nhà bếp, có cầu tiêu. Tất cả là hai dãy trại gia binh cũ, mỗi dãy độ 15 căn xoay lưng vào nhau. Dãy tôi ở xoay mặt xuống suối, dãy thứ hai cách chỗ cũ hai cái hàng rào và một lối đi rộng hơn vài thước. Cả trại được gọi là T1, chiếm nửa Tiểu đoàn Quân y cũ, phần còn lại của ban chỉ huy bộ đội và của T3, kế tiếp với T5, cũng là một khu gia binh cũ. Bên kia đường có người dân đi lại, là trại pháo binh cũ, cũng là của một T, T4. Giữa T3, T5 là một kho đạn, kỉ niệm nhớ đời của chúng tôi.

Thu xếp tạm yên bên trong, bớt những bữa ăn lụp chụp thì đêm đến đã có tiếng thăm thì. Chẳng có gì quan trọng, hay nói đúng hơn chỉ quan trọng đối với chúng tôi: Có đường day để mua “đường”. T3 đã móc được những vệ binh để mua chất ngọt. Có lệnh cấm chuyện trò qua hàng rào nên lúc thuận tiện nhất là xâm tối, có người bạo dạn còn lách rào chui qua lại. Tất nhiên đây là một đường dây buôn bán với màu sắc đầu cơ thông thường: Một kí lô lòn qua hàng rào với một ít, đến cuối đường chúng tôi được hơn nửa kí. Đường dây quan trọng đối với chúng tôi được coi là nghiêm trọng dưới mắt cán bộ. Người quản giáo – người trông coi khối – rình trong bóng tối, chớp được một anh lòn qua hàng rào, lôi cái bọc thu lu trong mình anh ta ra: Cứ tưởng là tài liệu của một âm mưu! Nhưng “Con giết cha, tôi giết vua không phải một ngày mà có...”, cái lối đề phòng âm mưu ngay từ trong trứng nước không cho phép hình thành một đường dây dù là đường dây ăn nhậu.

Chúng tôi cũng bắt đầu có một vài lần được gọi mua đồ dùng qua trại. Bảng đăng kí – lại cũng đăng kí – theo với nhu cầu đủ thứ loại tam khoanh tứ đốm. Lẽ tất nhiên không được thoả mãn – người ta không thể hiểu được đời sống bọn này sao mà phức tạp quá. Chúng tôi còn gặp phản ứng bất ngờ nữa. Có người đã gọi mua giấy vệ sinh, vì thói quen, vì có người đau trĩ, vì chưa hề sử dụng giấy dán tập, giấy báo, nói gì đến lá cây, cành cây, đất đá cục! Đội trưởng chuyển lại lời mắng mỏ mà mặt anh phùng phùng như chính mình bị xúc phạm: “Người chiến thắng không đi mua giấy chùi đít cho kẻ chiến bại!” Như tiếng sét ngang trời! Giận mất khôn! mất đi giọng ngọt ngào, tiếng cười mon, lời khoả lấp!

Viên y sĩ tiểu đoàn lân la đến chơi, nghe chuyện đã mắng: “Sao các anh ngu thế? Người ta bảo anh không phải là tù nhưng mà là tù thật đấy! Tù sao mà đòi hỏi nhiều thế?” Đúng là chẳng ai nghĩ mình không phải là tù – chúng tôi đã bắt đầu làm quen với tính nói dối đến mức độ không ai tin mà vẫn nói dối – nhưng thói quen của cả một lớp người không được chuẩn bị để chịu đựng sa sút thì phải trải qua những vấp vấp nhọc nhãi thế thôi.

Viên y sĩ tự xưng người Hà Nội, dáng cao ráo nhưng có vết sẹo làm xấu đi một khuôn mặt cũng có những đường nét thanh thoát. Cử chỉ, lời nói cố làm vẻ phóng khoáng: “Tôi đến với các anh với tính cách con người với con người. Ta gạt sang bên các vấn đề chính trị...” Câu nói gây ấn tượng mạnh nơi đám người nghe. Nhưng nói chuyện gì để có thể cùng nghe nhau được? Chuyện chuyên môn thì anh ta tránh né – mãi sau này chúng tôi mới hiểu khả năng của họ – còn dân tù nhà y thì cũng lảng đi. Còn chuyện đời sống trong Nam thì biết lựa lời làm sao? Rốt cục chỉ có mình anh ta vung vẩy. Và rồi cũng đem lại mối lợi cho cả hai bên: Một tên nhà y nguy nhờ anh nhắc gia đình gọi đo ăn uống cho mình. Chuyện đồn ra, dân khối 5 ở sát tiểu đoàn đã tham dự thăm lạng một buổi phê bình kết tội anh y sĩ. Một lần anh mang quà xuống cho tù, bạo dạn hơn, lần thứ hai anh kêu người tù lên trao ngay trong phòng, về Sài Gòn anh lấy xế hộp của người tù giung giăng giung giẻ với vợ tù... Sau đó anh y sĩ khôn lanh biến mất khỏi tiểu đoàn.

Trong sinh hoạt người ta vẫn có tránh gọi chúng tôi là “tù”. Chúng tôi chỉ là những người “đi học tập”, và thỉnh thoảng thêm chữ “cải tạo”, “học tập

cải tạo”. Nơi khác, có người nói đến chữ “tù” đã bị kêu lên náo và bắt về làm bản kiểm điểm. Chúng tôi không gặp trường hợp như vậy nhưng quả tiếng “tù” chỉ là tiếng thăm thì mà thôi. Bởi vì sợ đội trưởng nghe được, có lần anh ta đã mắng: “Thế này mà là tù à? Chúng ta là những người phản bội tổ quốc, làm tay sai bán nước, nay được Cách mạng cho đi học tập để chuộc lỗi lầm...”

Tự do hiểu như thế thì cũng là giản dị và cũng có khía cạnh thật là đúng. Này nhé: Mình tự nguyện đi trình diện học tập (có ai lại tự nguyện đi ở tù bao giờ?), ăn, ngủ, chơi thông thả, hàng rào gọi là có với một hai đường kẽm gai mỏng manh. Nhưng chớ bước qua: Tự do nào cũng có giới hạn!

Đội trưởng chắc cũng có lúc thành thực tin ở lời mình nói. Nhưng đã được gọi là dân học tập thì anh cũng mong được về sớm, và học lần theo lối ăn nói mới cũng là để thích ứng như đã từng thích ứng bao nhiêu lần với các vị chỉ huy trước kia. Huống chi ngoài cái thoả mãn được phục vụ cho Cách mạng để chuộc tội, dần dà anh đã tự đặt mình vào thế người “tốt”, có lí tưởng, thêm được quyền uy nạt nộ dọa dẫm như trước kia: “Tôi được thay mặt Cách mạng trông coi các anh học tập cho tốt...” Đó là một mẫu người phục vụ, ít thắc mắc về tính chất, về sự đổi thay phục vụ. Hiệu quả của danh từ mới kèm theo một mô ý tưởng sơ đẳng đã có tác dụng nơi anh thì cũng thành công nơi những người khác với khía cạnh khác: tác dụng xoa dịu trong thế cùng đường.

Bùa chú, kinh kệ đã làm cho con người thấy mình tương thông với thần thánh những lúc xuất thần, và cũng là thứ để bám víu lúc bình thường. Cho nên chỉ có những kẻ ở khối 5 mới nghe tiểu đoàn trưởng bảo vệ binh: “Này, lên coi thử mấy thằng tù làm gì trên đó mà ồn ào dữ vậy?” còn thì hầu hết nghe được mình ở vị thế cải tạo – nhất định không phải là tù! – thì niệm chú không phải là tù để tự an ủi và cũng chấp nhận cái tự do có giới hạn trong vòng rào mà không nảy sinh ý đào thoát. Hiệu quả cho người canh giữ thật quá mức trông đợi.

Gọi là quá sự trông đợi vì quả thật chúng tôi quá ngoan. Tính chất lí tưởng không có. Mãi sau này khi những va chạm thông thường trong cuộc sống xảy ra để những người bộ đội lộ hẳn sự kém cỏi và trình độ sinh hoạt

quê mùa của họ – trong khi họ cứ vin vào một lí tưởng cao cả và thành tích chiến thắng mà khăng khăng với giá trị của mình – mãi đến lúc đó, đám tù binh mới từ những đắc thắng vun vọt mà lấy lại tự tin rồi chấp nối những ý tưởng rời rạc của các bài tuyên truyền trước kia để vẽ mờ nhạt cho mình một thứ lí tưởng kiêu căng. Còn lại thì chỉ là những bất mãn cá nhân, những cựa quậy riêng tư không có ý thức kết tập: Bất mãn với hoàn cảnh tù tội, nhưng cũng có thể găm gù đôi co với người bạn trong cảnh chật chội mà sao không để cho mình có được tiện nghi hơn. Sự thuần hoá đến mức độ mềm yếu đến ngạc nhiên là ở khối 2, T1 của chúng tôi, khối những người lớn tuổi, thứ biệt phái dân sự dềnh dàng, sống đời trưởng giả, hoặc chưa phải chịu đựng khó khăn, nhóm người có cái tên dài dòng do T3 đặt: Khối Những-ông-già-của-Tieu-đoàn-Hèn-nhát-trong-Vương-quốc-Lừa-dối”.

Một sự mềm yếu như vậy cũng được tưởng thưởng một phần: Việc kiểm soát người còn người mất được giao cho khối, đội trưởng báo cáo lên trên theo kết quả khối trưởng gặp đội trưởng, đội trưởng gặp tổ trưởng cười cười: “Sao đủ không?”, rồi nghiêm túc hơn một bậc là lúc điểm danh 7 giờ tối sắp hàng trước hiên, có người còn nằm thì đã có tiếng hô: “Tổ 1 đủ... tổ 7 đủ!” Chẳng sao! Người trông coi tù cũng không bỏ qua một trường hợp cứng rắn nào. Nửa đêm, gió lồng lạnh buốt, chúng tôi nghe vài tiếng súng nổ, tiếng chân chạy rầm rập rồi lệnh gọi tập họp giật giọng. Khu nhà xe tiểu đoàn quân y rộn rịp chập nhon những bóng người co ro run cầm cập dưới ánh đèn pin loang loáng. Họ bị điểm từng người một, từ tổ... Chẳng có ai thiếu cả. Ban chỉ huy thở phào. Không có gì, chuyện của muôn đời lính, vượt lên mọi sự ba hoa của chế độ: Một anh vệ binh đợi đêm khuya lên vạch hàng rào đi du hí ngoài phố...

Chẳng có gì để biết đến sinh hoạt bên ngoài. Những ngày đầu có vài chuyến xe hàng chở bắp cải, su su vào đổ trong sân. Trong lúc lằng xằng lộn xộn có người hỏi vài câu vớ vẩn, cụt ngùn về rau cải từ Đà Lạt xuống, về giá cả, thế thôi – những người làm ăn cũng phải biết bảo vệ nôi cơm của mình. Ít lâu sau, rau cá có bốn cô gái thầu mang vào. Vài anh chàng trẻ tuổi đến đùa vài câu cho đỡ thèm nhưng chỉ được đáp lại bằng sự lặng thinh.

Chẳng có gì để được biết. Có thể vì ở tỉnh nhỏ và trong thời kì nghèo nàn

về phương diện thông tin, chẳng có gì nổi bật để nói ra. Bởi vì khi có xáo trộn, chúng tôi cũng biết được vài tin hấp dẫn, đại khái như tin bà chủ nào đó ôm cả bao bạc từ trên lầu xuống mình xuống.

Người ta đã không giấu diếm mà nói rằng đổi bạc là biện pháp sử dụng đòn bẩy tài chính để kiểm kê và thực hiện chủ nghĩa xã hội. Chẳng có gì giản dị và lạnh lùng hơn. Nhưng đối với người dân Miền Nam, giới hạn số tiền đổi là cướp công mồ hôi nước mắt của họ. Mồ hôi nước mắt đó được giải thích là của nhân dân lao động, bây giờ là “lấy của kẻ cướp giật”, “của về chủ cũ”. Nhưng lí thuyết gặp thực tế cũng có điều tức cười. Việc đổi bạc bên trong trại cũng bất ngờ như bên ngoài – và gọn hơn: Chỉ có thu tiền cũ chứ không phát tiền mới. Người có tiền tìm cách dúm cho người không tiền nhận làm sở hữu chủ. Số tiền được lưu thông rồi lại vẫn cao hơn người ta muốn. Tiền 50 đồng cũ vẫn xài, đỡ sở phí cho nhà nước phải in, thêm cái lợi là số tiền tự huỷ dần, nhưng như thế là sự xoá bỏ dấu vết chế độ cũ lại dằng dai ngoài ý muốn của người mới. Cứ suy từ việc chúng tôi lấy về từng nhúm thuốc lá, muốn đường để thế cho tròn số tiền thì có thể hiểu tình trạng lúng túng tiền lẻ bên ngoài như thế nào. Đòn bẩy tài chính phục vụ sự phát triển kinh tế theo mục tiêu chính trị chỉ riêng trong vòng rào mà đã cho thấy có những giới hạn rồi.

Lại nổi lên sự va chạm của hai lối sống Nam, Bắc. Có anh kêu lên: “Tôi còn ba trăm ngàn đồng, một triệu bạc cất chỗ này, chỗ nọ, vợ tôi không biết. Cho tôi gọi thư về nhà...” Đề nghị được chuyển đạt, thư cho gửi cấp tốc, chẳng biết kết quả ra sao. Có điều chúng tôi lại được tập hợp nghe một lời trách mắng: “Giáo dục đế quốc nó làm hư hỏng các anh, đến vợ chồng cũng không tin tưởng nhau...” Làm sao giải thích được điều này – cũng như những điều khác nữa của những người sống trong một nền kinh tế tầm mức rộng, phức tạp cho những người của nền kinh tế tiểu nông, công chức thư lại có tiền bạc nằm trong lòng bàn tay cũng không tròn nói chỉ đến chuyện cất giữ?

May nhất trong đội, tôi là người đầu tiên được bước ra ngoài cổng trại. Chiều hôm ấy đội trưởng giao ban về báo tin sáng mai sẽ cử người đi theo xe lãnh gạo ở Trảng Bom. Công việc có đáng nặng nhọc, hồi ấy ai cũng bần độn, ngần ngại. Viễn ảnh một cuộc “du ngoạn” trên xe, giữa trời mây đồng ruộng, người đi lại tự do (hơn mình!) kích thích tôi nhận lời, gọi tiếng tốt là “xung

phong”. Xe không xuyên qua thành phố nhưng cũng đi ngang để tôi thay nhà cửa, phố xá núp dưới bóng cây hay phơi ra dưới ánh sáng qua mây mù đục. Đúng là trời cao hơn, đất rộng hơn, gió lộng nhiều đến hoa cả mắt.

Nhưng tốc độ xe có gây kích động mà cũng không ngăn tôi thấy cảnh đường vắng lặng, thỉnh thoảng một xe ngược chiều chẳng có gì hấp tấp, vội vã. Những người bộ đội lầm lũi đi bộ hay đạp xe cộc cạch sát mé đường.

Xe chúng tôi đỗ xuống một quán trống, vệ binh, tài xế ghé vào, chúng tôi không được phép xuống. Chẳng có gì để nhìn để ngắm. Lần đầu tiên tôi cảm thấy mình xa lạ với mọi người, thấy mình không còn sống trong nhân quần nữa. Thành thử không biết mình đứng trên xe này là điều bất hạnh, hay là xuống dưới kia để ngơ ngác nhìn, tìm một người kiểm điều thuốc để xin làm quen?

Xe lại lên đường, quá Trảng Bom, ngoặt bên trái vào một nhà trống, có vẻ như một nhà sửa xe. Gạo chứa ở đây không nhiều nhưng cũng đổ bừa bãi, văng tung toé và đã mục, dẫu mốc nổi lên trên các bao. Tuy thò ơ nhưng tôi cũng cảm thấy được sự phí phạm, cầu thả trong việc lưu trữ. Chẳng sao, phần hao hụt đã có chúng tôi lãnh.

Mệt, nhưng mục đích của chúng tôi không phải chỉ là khiêng gạo. Lúc xuất phát, anh em ở nhà đã vét túi gọi mua hàng bên ngoài. Chẳng có gì nhiều. Phần tôi được gọi bảy, tám đồng gì đó còn túi riêng thì rỗng không. Lúc chờ gạo lên xe, có người đã xin vệ binh cho mua hàng. “Ừ, thì lúc về ghé chợ X...” Chợ thưa thớt người chắc không phải vì trời chiều – các quán lều vẫn không có vẻ gì là sắp dọn về. Theo lời người gọi, tôi mua một kí đường tán và mấy hũ chao. “200 đồng một hũ.” Thấy tôi nhướng mắt ngạc nhiên, bà hàng vội giải thích: “Tiền cũ đó!” Sao lại là “tiền cũ”? À thì ra không phải là ai cũng ở cái thế bị ép buộc mau mắn đổi mới như mình. Và chúng tôi cũng nhận ra mình có điểm cải tạo tiến bộ, cho dù ai phủ nhận cũng thế thôi. Dù sao quá khứ cũng đã là sự thực rồi.

Một người sà vào hàng tạp hoá nốc vội một hơi bia không đá. Người khác cố tìm ra rượu để đổ vào bidon đem về, không có, đành tạm chứa bia vậy. Li nước mía 50 đồng cũ vẫn còn chất ngọt. Cô bé bán hàng độ 16, 17 tuổi

là học sinh cũ của Sài Gòn lên đây ngay hồi tháng 6 với cha mẹ vì bế tắc đời sống dưới đó. Tôi muốn hỏi cô có nhớ Sài Gòn không nhưng lại thôi. Lúc đứng trên xe chờ những người khác lẳng nhằng trong các sạp quán, người tài xế đột nhiên lên tiếng hỏi tôi: “Này anh, lúc này em thấy anh mua cái gì trong chai thế?” Tôi không kịp ngạc nhiên về người bộ đội trẻ tuổi không biết đến món chao mà chỉ khựng lại một chút trước khi trả lời vì chữ “em” xưng hô. Anh ta quên mất vị thế cách biệt giữa đôi bên trong một phút sôi nổi tò mò, hay bao nhiêu đông đảo lí thuyết đã không xoá nhoà được tình người lẳng đọng?

Việc sửa sang thu dọn trại đã lần lần lan ra bên ngoài vòng rào. Công cụ của tiểu đoàn đã rào kín (mà chưa thấy ai về!) Chúng tôi được chỉ những đồng gạch đỏ nát để khuân ra lót đường đi. Đã được cầm dao rựa để phạt gai, cỏ mọc choán lối đi. Một vài người còn ngượng ngùng, bẽn lẽn. Chẳng sao, rồi vài người trong bọn họ sẽ được ra về trước để chứng minh cho câu đỉnh giá văn minh thời thượng mới: “học tập tốt, lao động tốt”. Nhiều người làm việc khá nhiệt tình vì tính ưa hoạt động cố hữu, vì để tìm quên... Có điều họ đang dựng lên một chòi canh bên cạnh cây đèn pha quét sáng mặt suối ban đêm để đề phòng họ trốn chạy! Ngay bên cạnh đó chúng tôi phải phá bỏ một chòi canh ghép bằng các ống sạc đạn hàn dính cứng ngắc. Phải bửa, phải xeo, phải nạy đồ mồ hôi hột mới xô ngã nó xuống, tách ra từng mảng vừa đủ khiêng đi được. Có thể nghĩ là bộ đội không thích dùng các tiện nghi, cơ sở cũ mà chỉ dùng những gì họ làm nên – qua tay chúng tôi thì cũng là chính của họ nghĩ ra, của thời đại họ. Lí tưởng ở đây là để biện minh cho một nhu cầu thích ứng. Sự phủ nhận mang tính cách trì nín bởi thói quen, bởi một tinh thần bảo thủ ghìem giữ họ trong sự lạc hậu nhưng chính ở đó họ thấy thoải mái hơn, an tâm hơn. Cho nên có nơi họ phá các nhà gạch rồi hì hục xây lại một nhà mái tranh để ở và làm nơi làm việc. Còn ở đây, mỗi nhà gia binh đều có một cầu tiêu tự hoại, nhà trống rất nhiều, bộ đội chẳng đông bao nhiêu mà họ vẫn cố đào hố ngoài vườn, cắm ống sạc xuống để đi tiêu vào đấy, hưởng thú sau cái thú được chức quận công. Có điều giấy vứt bừa bãi, ruồi nhặng tứ tung khiến chúng tôi dọn vườn phải nôn ọe vì mùi tanh hôi...

Lại chẳng hiểu vì sao mà bộ đội cứ phải biện hộ, bào chữa: Họ bảo

chúng tôi phải dọn cút đài cho bộ đội vì bộ đội phải đi tuần tra canh gác cực nhọc trong khi chúng tôi nằm ngủ khì, không tiện nghỉ gì nhưng cũng là ngon giấc. Thật là lạ cho một thứ thói quen biến mình giành phần phai cho mình, dựa trên các danh từ, ý niệm tốt đẹp nhất. Cứ tưởng như là tù nhân và cai tù cũng đều có nhiệm vụ quan trọng như nhau, đều bình đẳng trong sự phân công. Vì thế người ở tù không phải chỉ là làm việc chuộc tội giản đơn mà còn phải biểu lộ một sự biết ơn đối với cai tù, tăng lớp thay mặt cho kẻ cứu vớt.

Cứ lần theo cách suy nghĩ bao dung kênh kiệu như thế mà dẫn đến những lời giải thích hành động thật là khôi hài bất ngờ, không tin rằng có người nghĩ ra được, không tin rằng có người chịu chấp nhận: “Vệ binh đi theo các anh ư? Không phải để trông chừng các anh đâu, họ đang bảo vệ các anh khỏi sự hành hung của quần chúng tức giận vì những tội ác của các anh gây ra trước kia đấy!”

Thế rồi cái gì trông chờ lúc đầu nay cũng phải tới. Có điều sự chờ đợi lâu dài khiến mọi việc trở thành bình thường, lảng động. Đã quen với đất cỏ, không khí ướt át, nhớp nhúa. Đã quen với khung trời như cái túi phần dưới bao quanh vòng rào gỏi trộn chịu đựng và phần trên toả rộng gọi nhớ thương, nuôi tiếc, hi vọng. Những buổi “học tập” làm đổi thay cái sinh hoạt hàng ngày nhưng đem lại sự chán nản mới, sự vắn vẹo thân xác vì ngồi mỗi mê, sự xáo trộn tinh thần vì với người này là những chấp nhận chân lý mới (có khi với sự thành thật chọn lựa một phần, ít ra là trong một giai đoạn), với người khác là một cách thể thích ứng, nói những điều mình không muốn nói, mình không tin tưởng mà vẫn nói, cho giống với mọi người, giống cả đồng bào Miền Bắc trong những kinh nghiệm họ đã trải qua, tóm lại cũng là một cách “học tập” thấy có tiến bộ.

Lớp học là hội trường vốn là cái gara cũ, có bục đứng do cải tạo đóng, có hai hàng ghế dài cho bộ đội của bộ chỉ huy tham dự – một lối trình diễn canh gác tuyệt vời! – với các vệ binh lảng vảng chung quanh. Chúng tôi mang mỗi người một cái ghế loại đòn ngò tự đóng lấy, giấy bút được phát trong tiêu chuẩn hai đồng tư hàng tháng, nhưng có người không dùng tới vì lúc đi họ đã lo đầy đủ lắm. Buổi đầu tiên cũng có cái ve rập ràng như của đám “ba ngày” ngoài đường phố, nhưng ở cả hai trường hợp chỉ giống nhau chừng đó

mà thôi.

Giai đoạn học tập này kéo dài độ một tháng rưỡi với 7 bài nhắm vào chiến thắng vừa qua. Đó là những bài học chính trị lịch sử để củng cố một thứ tinh thần dân tộc theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng bài cô đọng nhất, chứa nhiều sự kiện nhất là bài đầu tiên. Sau này chúng tôi mới thấy cái loại “Ba búa Trình Giảo Kim” này: “Đế quốc Mỹ, kẻ thù của dân tộc ta và của nhân dân toàn thế giới”. Đại khái đầu bài nào cũng dài lê thê như vậy. Chúng tôi phải bắt đầu làm quen với những tựa đề không phải mang tính cách tóm tắt đại ý mà là một khẩu hiệu đề ra, một nhiệm vụ phải làm tròn: “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng...”, “Phấn đấu xây dựng... để...”

Giáo viên thay đổi vài ba người và cố lấy một chừng mực khách quan. Giữa những giờ xả hơi, “giải lao” – lại cũng một chữ mới, giáo viên cũng chen vào đám đông đứng ngoài sân để “trao đổi”. Nhưng đã có lời dặn không được hỏi (chất vấn) trong giờ giảng – có thắc mắc thì về tổ khi thảo luận sẽ nêu sau, và không được thắc mắc về các từ ngữ. Lí lẽ ấy cũng là thông thường, có đáng theo kỉ luật hợp lí của một buổi học tập, nhưng đằng khác cũng làm một che đỡ cho các giáo viên. Thật ra thì cũng chẳng ai có đủ mức độ trang bị lí tưởng để đứng lên vận vẹo này nọ – phản ứng của họ chỉ là thụ động, nín lặng hoặc xàm xì với nhau. Sự vững chãi trong lí luận dựa một phần vào sự thụ động ấy, và phần lớn là từ những sự kiện đưa đến chiến thắng. Uy tín – lúc đó – của giáo viên là do sự khôn khéo của người nói không đi quá sát bài viết sẵn để cho có vẻ chủ động, nhưng cũng không tán rộng quá xa để tỏ mình biết nhiều mà thật ra là dễ sa hố. Bởi vì lạc ra ngoài lối mòn chung chung của các danh từ, sự kiện và ý niệm: đế quốc, thực dân, ba dòng thác cách mạng, tổng khởi nghĩa, tổng nổi dậy..., nếu giáo viên tấn công vào các chi tiết về sinh hoạt ở Sài Gòn, ở các nước tư bản theo các mô thức chính trị đã hướng dẫn 25 triệu dân Miền Bắc, cả hơn tỉ người ở các nước cùng phe, theo các luận cứ rập sẵn như vậy thì anh ta dễ trở thành khôi hài. Ban đầu có dấu cười mỉm, rồi có tiếng cười thực sự rải rác, sau dần là tiếng “ồ” ở một góc, phần nhiều thuộc về phía sau, cái “xóm nhà lá” của bất cứ buổi tập họp nào.

Nhưng phải công nhận buổi giảng đầu thật có hiệu quả, và điều này kéo

dài suốt cả thời kì học tập đầu với những thăng trầm của nó. Tất nhiên còn phải dè chừng với những nín lặng hay sự a dua tỏ dẫu thuần phục một cách lộ liễu. Mấy tháng loay hoay trong vòng rào làm yếu sức chống đối của những người vốn chẳng có ý chí gì mạnh lam, chẳng có một ý thức chính trị nào ngoài cuộc sống cá nhân. Sự đối xử khôn khéo không tạo ra phản ứng về phía tù nhân, căn bản đã là dễ bảo mà lại còn có thêm yếu tố nghiêng cảm tình có ý cầu cạnh về phía người chiến thắng. Khuynh hướng thiên cộng tiềm tàng trước kia được căn cứ lí luận và tình cảm phối hợp mà nảy nở thêm.

Có người nói ra lời trong giao tiếp riêng tư, nhiều người trầm ngâm, lẳng lặng xiêu xiêu.

Mỗi bài học có kèm theo những câu hỏi đem về thảo luận ở tổ. Câu hỏi có tính cách để cho thuộc bài, có thể trả lời ngay được. Nhưng đòi hỏi thảo luận cho mỗi câu thường dành cho đến hai tiếng đồng hồ, có khi cả buổi. Tính cách người lớn và thói quen suy nghĩ riêng tư khiến chúng tôi nhiều lúc ngưng ngừng khi thấy phải lặp lại câu trả lời y như của người khác. Và muốn chứng tỏ mình hăng say thảo luận, có kẻ tinh ranh lúc nào cũng giơ tay xin nói trước để rồi thích thú ngồi nhìn các bạn lúng túng. Nhưng có lệnh đưa tới đã cứu vớt một phần cho những người chậm lụt này: Ai cũng phải phát biểu, không sợ trùng lặp với người phát biểu trước. Để đạt mục đích đó không được đưa ra các câu mào đầu như: “Tôi xin bổ sung ý kiến của anh...”

Có lẽ đó là truyền thống huấn luyện chính trị cho quần chúng của làng xóm. Nói lặp lại để tạo phản xạ tự mình in trí, nói lặp lại để cho người khác nghe được nhiều lần, một cách học bài bởi người khác.

Nhưng thực ra trong buổi đầu sự lúng túng cũng chưa dẫn đến chỗ bế tắc. Còn có nhiều điều để nói mà không sợ lặp lại. Lời dặn thảo luận có chỗ đòi hỏi “đào sâu ý tưởng đề tài” và nhất là câu hỏi nào cũng có cái đuôi “liên hệ cá nhân” để mỗi người tự tố cáo vai trò tham gia của mình trong biến cố vừa qua – tố cáo mình và tố cáo người khác. Những điều “mắt thấy tai nghe” nay cũng đưa đến những kết quả tức cười. Sau buổi thảo luận chung có buổi “thảo luận” riêng với điều phát giác này: “Coi chừng liệt kê thành tích chống phá Cách mạng để tỏ lòng hối lỗi lại đưa đến chỗ nói xấu Cách mạng đó! Đây

nhé, một trận đụng độ nhỏ trong quận có vài chục Việt cộng bị giết, đến bây giờ thú tội thì có một ông cựu quận trưởng, ít ra là một sĩ quan ban 3, một đại đội trưởng, một đại đội phó, hai ba trung đội trưởng... nếu nhân lên thì số Việt cộng chết trở thành cả ngàn, hết thanh niên Miền Bắc rồi còn gì!” Những điều “mắt thấy tai nghe” cũng đưa đến các lời tố cáo sự tàn ác của quân Mĩ, nguy. Lời xưng tội nào dù là thành khẩn hay không cũng mang tính chất quá quắt, cho nên những chuyện lấy gan, ăn thịt người cũng rộ lên rất nhiều. Có điều tất cả chỉ là “nghe nói”, “nghe thuật lại”, rõ lắm là “thấy” chứ không ai nói “Chính tôi làm điều ấy!” ca. Có nhiều sự thật không nên nói. Sự thành khẩn có bằng bột đến đâu cũng biết lúc phải dừng lại, biết sợ mà dừng lại, hướng hồ là sự thành thật đi chông chênh trên bờ giả trá mong mỗi được nhẹ tội...

Bài học tập cũng khiến chúng tôi tự xác nhận một cách bất ngờ, theo chữ nhưng không theo nghĩa của người chiến thắng muốn. Danh từ “nguy” được nghe đã nhiều, dễ chấp nhận công khai trong hoàn cảnh của chúng tôi, nhưng không phải là trong thâm tâm không thấy khó chịu. Suy nghĩ đến điều đó để hiểu được cái tự ái về phía bên kia, của kẻ chiến thắng khi anh cán bộ giải phóng về thăm nhà gặp đứa cháu nhỏ hỏi: “Bác ơi bác, thế Việt cộng có giống mình không hả bác?” Cũng như có người trong chúng tôi bực tức với đồng bạn: “Mày nói cái gì mà nguy, Cách mạng?” Đành rằng chịu gọi phân biệt như thế là chấp nhận đầu hàng cả trong tư tưởng lập trường, nhưng đó là suy nghĩ theo chiều hướng quá khích – cũng không phải là xấu! Những tiếng chửi thề thông thường tuy vẫn còn được coi là xấu mà đâu có còn giữ được cái nghĩa đen của nó nữa? Một người quản giáo lớn tuổi trông coi một đội toàn người trẻ, cầm xấp thư đứng giữa sân kêu lớn: “Này, bọn nguy kia ra lãnh thư!” Đám trẻ ủa ra nhâu nhâu vây quanh cái đài đeo nơi vai anh: “Này, Cách mạng vắn đài cho nguy nghe chơi!” Mặc nhiên có một hợp đồng giải trừ ý thức hệ dù chỉ ở một nhóm nhỏ. Người quản giáo lớn tuổi chỉ lấy cái thể “y già” của mình thôi, còn đám trẻ cũng không tỏ vẻ xưng tụng một từ ngữ vốn mang đầy ý nghĩa thần thánh, kênh kiệu. Thế thì cần gì phải vun bồi mặc cảm để gây bức rứt, khó chịu. *Ai biểu thua làm chi?* Tất nhiên có lúc bực tức cần phải đổ dồn lên đầu chúng tôi, có lúc theo chính sách cần phải một lần khùng

bố đầu óc, người ta không ngần ngại mắng chửi “bọn tay sai bán nước”, “bọn phản bội tổ quốc” ... – mà anh bạn hóm hỉnh kia cũng không có lời công khai đối đáp. Vị thế sinh hoạt thường ngày ít dính dáng tới chuyện tranh luận và càng ngày, tuy dưới quyền lực, chúng tôi cũng dần thấy rõ những yếu kém của người ta nên chẳng thấy còn có chữ dùng nào có ý nghĩa trình trọng, nghiêm túc nữa hết. Một vài người lúc đầu còn thắc mắc với ngữ nguyên, sau khi loay hoay với các loại câu, chữ “tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, bèn quay về với chuyện Tam Quốc rồi à lên một tiếng: “Chúng ta có họ rồi, họ Ngụy!” Ai không chịu có họ Ngụy mà xưng xưng gì đi nữa thì cứ việc! Đã có một xã hội nguy tập thành thì hãy xem thử có lúc sự tự tin thuộc về ai: Một người trong tổ tình cờ làm rở một nhà Cách mạng, đến khi người tập kết về nhận gia đình, phản đối:

“Con nhà ngụy không thể lấy con nhà Cách mạng!” thì cả đám “con nhà Cách mạng” ấy nhao nhao: “Thì ngụy nó lấy ngụy, cần gì!”

Việc thảo luận được khuyến khích phát huy “tự do tư tưởng trong bài học” đôi khi cũng đi quá giới hạn của người chủ trương tính toán. Anh Quang (2004: *dân Sư phạm cũ đặt tên là Quang mù!*) dạy Sử Địa ở Võ Trường Toản khi bàn về nạn đói 1945 bị đổ tội cho đế quốc Pháp-Nhật, đã thuật lại kỷ niệm hồi nhỏ: “Trước Cách mạng tháng 8 có mấy tên Nhựt về làng Dục Nội (Cổ Loa) thu thóc bị dân làng vây bắt, có cả một cán bộ Việt Minh mang súng lục hô hào cổ vũ. Mấy tên chạy thoát chỉ có một tên chui vào đồng rom, bị đốt phải chui ra, bị dân làng đánh chết. Sợ Nhựt trên tỉnh ve báo thù, Việt Minh hô hào phá đê cho nước tràn vào ruộng. Nước trút xuống vùng trũng Thái Bình, Nam Định, đê tiếp tục vỡ nữa...” Thực ra chưa thấy có một nghiên cứu chuyên biệt nào trên các tài liệu căn bản đương thời và các người chứng còn lại về trận đói năm Ất Dậu, mà phần lớn chỉ có những kết luận chính trị phục vụ cho đường lối hơn là làm sáng tỏ quá khứ – điều đó đã trở thành cấm kỵ mang nhiều cảm tính hơn lí trí, nên với lời anh Quang chẳng có ai bàn xa hơn. Chuyện gần hơn để nhiều người có thể tham gia, nhưng cũng dễ bị tộp ngay, là vai trò tướng Dương Văn Minh đối với ngày chiến thắng: “Cho rằng thế thua là chắc chắn rồi nhưng nếu tướng Minh không chịu hàng thì cộng sản vào Sài Gòn có xảy vầy không?” Đến đây thì không phải là chuyện tảng lờ

như sau chuyện của anh Quang mà là cả một hồi *Ai can du* tập thể.

Ngoài những loại hồi ức, những lí luận đả phá đế quốc cũng như tán tụng khối xã hội chủ nghĩa của chúng tôi thật phong phú và có hệ thống, chắc làm ngạc nhiên những người cộng sản không ít. Nhưng đó không phải là điều lạ vì đều là luận cứ của phái tả Tây Phương mà người ta đã nghe nói hồi trước. Toàn bộ lí luận về sự khủng hoảng của đế quốc, về ba dòng thác cách mạng... thật là đúng nếu đặt lí thuyết cộng sản còn như một ước mơ – gọi là dự tri khoa học đi nữa cũng được. Và luận cứ còn có vẻ sắc nét hơn nếu cho cái chủ nghĩa tư bản ấy khoác bộ mặt hỗn độn vừa qua của Miền Nam. Chữ “phồn vinh giả tạo” lần đầu được nghe, và những con số – lấy từ số liệu của chính Sài Gòn, thật có tính cách thuyết phục: Nước xuất cảng gạo thứ nhì của châu Á nay hàng năm phải nhập hàng trăm tấn gạo; hàng hoá chế biến toàn nguyên liệu nhập từ nước ngoài... và viện trợ lấp khoảng trống ngân quỹ quốc gia làm cơ sở quyền lực cho chủ nghĩa thực dân mới... Đã nói, có bằng chứng hãn hoi mà. Nếu không biết đến thực trạng Miền Bắc như chúng tôi hồi còn ở trong trại. Không biết, hay biết ít về giá trị viện trợ của khối xã hội chủ nghĩa nuôi dân Miền Bắc, chi phí cho cuộc chiến ở Miền Nam. Không biết đến các nhà máy XYZ dùng đến 80, 90% nguyên liệu của nước ngoài như tờ *Nhân Dân* sau này tiết lộ, khi chiến tranh hết, khi nguồn viện trợ bị cắt đứt, phải hô hào dùng nguyên liệu nội địa!

Báo chí cứ làm việc thông tin nhiều quá, đi sâu vào chi tiết khiến cho những sự việc bình thường trở thành quan trọng khi những phán đoán chính trị phe phái chen vào. Giáo viên tán tụng chế độ mới đã nói rằng: “An ninh, trật tự lưu thông ở Sài Gòn đã đi vào quy củ rồi. Các ngã đường đều có đèn, có cảnh sát điều hoà lưu thông không còn cảnh hỗn độn kẹt xe như ngày xưa nữa. Tai nạn không còn vì mọi công dân bây giờ đều ý thức được bốn phận của mình, đều bình đẳng, không còn có cảnh người sắm được xe hơi tha hồ muốn cán ai thì cán”. Sừng sốt một hồi giữa đám khán giả tù tội.

Không sao. Cái gì không nói ra, ít nghe nói đến để khỏi lưu tâm thì đều không có, không xảy ra. Người cán bộ giáo viên có giờ tờ *Nhân Dân* – giả dụ rằng anh ta có đọc - cũng đâu có thấy mục “Xe cán chó, chó cán xe”. Hay có thấy cũng phớt qua chứ không như chúng tôi đọc bài kiểm điểm của một

nhân viên Bộ Giao thông mới, xác nhận rằng tai nạn xe cộ đã tăng lên nhiều sau chiến tranh – ở một tình trạng còn xa mới được như mật độ của Sài Gòn cũ! Trong lúc đó thì Sài Gòn cũ với vài chục tờ báo, một tin xe cán người bỗng trở thành tin vài chục người bị xe cán. Mà người có xe hơi tất là tư bản rồi – cán bộ, nhân dân đi bộ mòn chân, mỏi gối! Tư bản ác độc coi nhân dân lao động như cỏ rác, mắc chạy theo đuổi lợi nhuận không ngại đến cả việc giết người – ông tổ đã nói gần như vậy. Xã hội là của giai cấp cầm quyền, nên bênh vực tư bản để kẻ có xe tha hồ cán người!

Chẳng có ai giải thích để anh cán bộ giáo viên bình thường ấy chui đầu vào trong cái rối mù của Sài Gòn cũ còn lại, thấy thật là nhức đầu, không muốn tìm hiểu sâu hơn. Cuộc sống tư bản sao mà phiền phức đến mệt đuổi người. Phải loay hoay chọn lựa, phải lúng túng tìm tòi để phân biệt một nhu cầu chỉ chênh lệch chút ít theo hứng thú riêng tư. Chẳng bù với phía xã hội chủ nghĩa, chỉ com khoai rau, một chút thịt cá có người chia sẵn, áo quan vài bộ bỏ vào xác gọn ơ. Thì ra con đường tiến bộ phải qua lối mòn bảo thủ, và ước mơ văn minh sao mà phải bị trì nứu trong những tiếng hét huỳnh hoang!

Những cuộc “thảo luận ngoại khoá” lúc ban đêm, nơi góc nhà bắt đầu tuôn ra các câu chuyện về sự thấp kém kiến thức của người Miền Bắc. Chuyện về toán bộ đội thấy chủ nhà vắn quạt máy xoay tít, hoảng hồn lẫn ra, lên cò thủ thế: “Máy chém! Máy chém!” Chuyện về... Các chuyện kể ra do ý thức trả thù bằng miệng nhưng không phải hoàn toàn là bịa đặt. Dần dà trong cuộc sống chúng tôi sẽ có được nhiều kinh nghiệm khá cay đắng về cái lối nhận định “có lập trường” bắt nguồn từ sự kém cỏi kiến thức của người chiến thắng. Và điều đó, với riêng tôi, chỉ đau xót chứ không gây ngạc nhiên vì đã sống thực với họ: Khoảng 1950, lúc chương trình Hoàng Xuân Hãn có dạy về Quang, Điện, Máy nổ mà một anh bạn Đệ tứ vẫn ngần ngơ trước câu hỏi vắn. – Anh có thấy cái bóng đèn điện chưa? – Chưa. – Xe lửa? – Có nghe còi tàu huýt ban đêm. – Xe hơi? – Có, vào một buổi chiều, thấy nó vụt qua mau hơn là tôi bước qua đường. (20 04: *Nhớ rồi, anh ta người đen chắc, thấp, tên là Hon!*) Giáo dục ở nhà trường mà vượt quá trên thực trạng thì nhân danh cái gì đi nữa cũng vẫn là từ chương.

Nhưng cái từ chương khoa học ấy lại đem thêm tự tôn cho người chiến

thắng. Tự tôn không có can bản kiến thức chỉ có trùn lạp bằng ba hoa thì làm bằng có thêm cho lời truyền tụng “Bắc Kỳ nói dóc!” Những câu chuyện đại loại: “Ngoài Bắc *frigidaire* chạy đầy đường, kem ăn không hết phải phơi khô để dành...” đã làm trò cười cho không ít đám quần chúng chiến bại cứng đầu không chịu nhận cùng phe với người yêu nước chỉ vì lòng yêu chân lí tự nhiên còn cao hơn. Cái lối bịch “dốt nói chữ” còn xâm nhập đến cả tầng lớp *intelligentia* mới do giáo dục đưa lại, cứ đinh ninh mù quáng về sự ưu việt của chế độ mình phục vụ. Một anh bàn giao công ti điện lực xong, vào tù kể chuyện. “Chỉ cái máy điện nào cũng bị chê là nhỏ. – ‘Ngoài Bắc ta vĩ đại lắm!’ Lần đến nhà đèn Chợ Quán, anh ta reo lên ‘Ừ, có thế chứ! Thế này, này!’ Trời đất! Cái nhà máy cũ xì của Tây chạy rề-dọc để làm còi hự!” Một anh khác bàn giao một cơ quan điện toán, tiếp xúc với một người xưng là đã học ở Matxcova về. Mới vào thang máy, cửa sập vào, anh ta đã rút súng dí vào lưng, sợ bị ám sát! Vào phòng máy, anh gạt phăng lời-mào-đầu-cho-phải-phép của người kĩ sư nguy rồi tự mình mày mò máy móc ra vẻ “biết hết, biết hết!” “Bị cú trong thang máy”, người kĩ sư kể, “tôi bực mình thấy kệ hẩn làm gì thì làm. Nhưng khi thấy hẩn thọc tay vào ổ điện thì tôi sợ qua đăm hết sợ, ôm hẩn giật ra mà mắng: ‘Anh không biết thì để tôi chỉ cho chớ thọc bậy bạ điện giựt chết ở đây vợ con tôi làm sao sống được?’”

Nhạo báng vậy chớ chúng tôi cũng siêng năng học tập lắm. Có người sửa soạn cho mỗi câu hỏi tới mấy trang giấy dài. Có người xoay tròn ra học bài như cậu học sinh lớp nhỏ. Và đến khi làm bài thu hoạch thì cũng vắn vẹo mình mẩy, cắn bút suy nghĩ, viết rồi xoá, xoá rồi viết. Chẳng phải là bằng chứng học tập tốt đấy sao?

Có học tập, ban chỉ huy mới có dịp thanh toán việc nấu ăn riêng rẽ từng nhóm một để tập trung vào một bếp lớn, nấu bằng chảo gang to tương với các nhóm thay phiên nhau. Ngày nào lên-lớp toán anh nuôi mò dầy trong buổi sáng lạnh buốt, lục đục nhóm lửa, lên lò. Công việc diễn tiến dưới mắt người vệ binh nơi chòi gác để một giáo viên tưởng có thể chêm vào bài giảng của mình một lời khen về tinh thần chịu khó ấy cho bài thêm linh động. Nhưng những ngày thảo luận ở tổ thì không cần phải khốn khổ như vậy. Thảo luận nửa chừng thì xin phép nấu cơm, đỡ căng thẳng đầu óc, đỡ những phút ngồi

mỏi gối, đau lưng!

Lúc giải lao lên lớp cũng như giữa giờ thảo luận ở tổ có thêm một thú vui mới: Tự tập hút thuốc Lào. Khi bắt đầu phát tiền hàng tháng thì món hàng nhận thông thường nhất là diêm quẹt và thuốc lá, thuốc Lào. Chỉ có một vài người lớn tuổi, dân “tàu há mồm” là biết hút thuốc Lào thôi. Các ống điều bắt đầu ra đời. Trăm hoa đua nở. Anh bạn nằm bên cạnh lượm được mảnh cửa gãy đem cửa cái càng brancard rồi hì hục khoét lỗ, đeo nõ, làm cái ống điều cày. Người xung quanh xúm lại sử dụng nhờ. Và say. Và lão đảo. Và bắt đầu “chuyện dài thuốc Lào” muôn màu muôn vẻ, còn bắt tận hơn chuyện dài nhân dân tự vệ nữa. Buổi sáng còn mở đất, nghe cái-rầm: thuốc Lào. Trong bếp nghe tiếng la ó, rồi mọi người lôi ra một anh cứ dúi đầu vào đồng lửa: thuốc Lào. Một anh nói chuyện huyền thiên, mắt lạc hẳn đi: thuốc Lào. Một người ôm mặt, máu chảy ròng ròng, ôm vai từng đường sườn ngang dọc: thuốc Lào. Thuốc phát hút không đủ, đăng kí mua toàn thuốc Lào. Mấy người kĩ tính không biết hút đã gom lại để dành, nay được dịp tung ra bán bắt chẹt. Thiếu thuốc mà xin được một “bi” về chia nhau cho hai, ba bạn đã có người rề tới xin cái xái! Thiếu thuốc Lào lấy thuốc rê nhúng vô ống điều, hút té lên te xuống. Cái cảm giác rần rần ra đến đầu ngón tay, gật gù choáng váng run run, buông thả tất cả, cái ý chí trì níu bất lực mà vẫn cố cưỡng để nuôi tiếc, để ân hận, tất cả gói trọn trong một vài phút nhớ đời vào thời kì mới tập làm quen với ống điều.

Mọi người lại được dịp nhớ tới các cuộc trao trả tù binh trước kia, lính Pháp, lính Mỹ khư khư cái điều cày, nghênh ngang trước ống kính!

Lại có thêm những giải trí mới. Một cái bình ắc-quy bỏ lẫn lóc mang ra làm con cờ domino. Cửa thì chẳng có gì lâu nhưng nét sần sùi, bề dày không đều phải mài đi cho thành bộ cờ là cả một công trình kiên nhẫn. Chỗ khác, có ai đấy đề xướng làm bộ everato. Một phần hình cũ được nhớ lại, vẽ lên giấy, chuyền tay nhau sao ra. Sáng tác thêm hình mới để khoe tài, để chép lẫn nhau. Dân ghiền mạt chược lấy củi nhà bếp gọt, vẽ vôi, bày hàng ngồi lớp lớp cốp, nước trà thuốc Lào cũng phong lưu đáo để! Anh được sĩ ở tổ bên, một buổi chiều bỗng thăm thì và ghi địa chỉ những người quen. Anh quả quyết rằng mai sẽ về. Không hiểu lí do nào để anh được báo như vậy vì sau này

những cuộc ra về đều bất thần – đối với những người ở lại cũng như người về may mắn. Dù sao đi nữa thì ở chỗ chúng tôi cũng đã có người về. Đang một buổi sáng loay hoay thường ngày thì có tiếng gọi chuyên: “Lên lớp! lên lớp!” Lại ghế, lại vở, lại bút. Chẳng có bài gì phải học cả nhưng hình như có cái gì xáo động. Mọi người đang ngồi bỗng nghênh cổ lên: Bốn, năm anh bạn xách trên vai, xách theo tay nối đuôi nhau bước ra khỏi cổng. Người tổng quản giáo đứng tên bực chặn tiếng ồn: “Có gì mà xem, họ đổi trại ấy mà!” Mọi người cười, anh cũng cười phụ họa. – Mãi sau này chúng tôi mới quen được cái cách nói dối trong khi biết người khác đã biết mình nói dối. Người quản giáo bắt đầu đưa ra những nhận xét, phê bình sinh hoạt hàng ngày. Đã lên lớp thì phải có gì qua loa tí chút rồi mới về phòng chó!

Một người bạn ra bài toán lớp Ba: “Một trại giam có 1000 người, trung bình mỗi tháng được thả về một người, hỏi đến bao lâu thì mọi người về hết?” Có tiếng cười râm theo thói quen Nguyễn Văn Vĩnh “Gì cũng cười”. Nhưng sau đó thì y như có bước hụt. Ờ, đến bao giờ? Bài toán tưởng là dễ mà lại khó.

Kết thúc cho đợt học tập này là cái màn làm tờ khai lần nữa. Sự đòi hỏi chính xác lần này càng gay gắt hơn. Để chứng tỏ “chúng tôi biết hết, các anh đừng hòng giấu diếm”, họ đưa ra những chi tiết phải khai thuộc các công tác bí mật dạy cho những người lính cũ bao nhiêu năm nay mới biết được các danh số, ám số chỉ cơ quan tình báo! Và cũng lần đầu tiên đám người thuộc Chiến tranh Chính trị mới thấy mình được chiếu cố dữ dội, mất cái cười tự phụ ngăm ngăm hay thoả mãn khi chúng tôi gọi họ là dân “cục ta cục tác”, “cà tịch cà tang”, “cha thò chú thụt”... Anh bạn trong tổ thường ngày hay kể chuyện ăn chơi thời có trong tay các nữ ca sĩ công chức, thời kì véo đũa từ các buổi tổ chức show huy hoàng, bây giờ cũng bắt đầu kể qua các cuộc hành quân phối hợp lọc dân như thế nào, những số lượng truyền đơn tung ra trên chiến trường có tác dụng đến đâu... Đi vào đà say sưa với quá khứ, anh cũng thì thầm kể riêng một chuyến móc nối hụt một bộ chỉ huy Việt cộng khiến mất cơ hội chiêu hồi cả một tiểu đoàn, nhưng cũng đủ gây xáo trộn cho bên địch khiến mặt trận lắng dịu đi một lúc. Những người nghe không bị bắt buộc phải tin những tình tiết hấp dẫn – cả lâm li nữa, diễn tiến y như trong tiểu

thuyết J. Bond. Cái kết quả chuyện hậu-Trị Thiên của anh là chúng tôi có trón bàn tiếp, chuyển qua đề tài Z.28, không phải trong tính cách tiểu thuyết chống cộng mà là bàn tán thật nhiều về những đoạn văn dàn cảnh hưởng thụ dài hơn cả nguyên tác, của nhân vật chính mới thu hút hơn cả nguyên mẫu. Nhưng cũng lại anh bạn Chiến tranh Chính trị đó đã ngạc nhiên và cả quyết là chưa bao giờ thấy tờ truyền đơn vẽ cảnh 7 tên Việt cộng đu trên một nhánh đu đủ mà không gãy. Chẳng hề gì cái chuyện truyền đơn đó có thật hay không nhưng nó sẽ tác động đến anh bạn CTCT nay lại bị đòn tâm lý chiến. Nó dựng lên trong đầu óc anh bạn một khoảng trống hoang mang giữa cái giả và cái thật, cái giả có đẩy nhưng lập lòe sau cái thật đến khi đặt vào trong hoàn cảnh cưỡng ép thích hợp thì như miếng thịt dưới bóng nước lôi kéo con cho lao đến, anh sẽ chấp nhận cái giả trùm lên cái thật như một chân lý vừa tự mình khám phá ra... Riêng một mình dằn vặt với mình cũng đủ thấy mệt còn hơi sức đâu đối phó với bên ngoài. Trí óc cứ lịm dần đi, bất lực, xuoi chiều.

Có những cái giả thật trơ tráo nhưng không phải được nghe nói y như thật mà chính là sự thật qua công trình uốn nắn giáo dục lâu dài. Chúng tôi hiểu rõ được điều đó qua một nhân vật trẻ tuổi được cử làm phụ tá quản giáo đội chúng tôi, anh P. có lúc đã vỗ ngực xưng “từng học Đại học” để chứng minh thêm cho cái đáng nhanh nhẹn, cái lối ăn nói lưu loát của anh. Trong một buổi tham dự thảo luận tổ, anh đã góp ý kiến nhận xét phê bình với chi tiết về tinh thần tham gia học tập của chúng tôi, về những ưu khuyết điểm của cuộc thảo luận, đọc từ quyển sổ anh rút trong túi ra, không biết đã được hí hoáy ghi chép vào lúc nào. Trong buổi chúng tôi cần bút làm tờ khai, anh cũng bước vào, giật lấy một bản nháp nhìn qua rồi góp ý: “Này, anh nói thế này thì ai tin?”

Đến ngày đến tháng thì lên thiếu úy, đến ngày đến tháng thì lên trung úy, ai mà tin cho được? Anh giấu làm gì? Anh đã hiệp dâm bao nhiêu lần để lên đại úy?” Tội nghiệp cho anh chàng bác sĩ lai Đức, con một cựu tổng trưởng, thừa tiền ăn chơi, thừa đáng sắc và giáo dục để hấp dẫn người mà cũng đủ nhút nhát để sợ đàn bà con gái la lên! Câu chuyện đó được bàn tán sôi nổi vào buổi chiều, và người ta biết thêm không phải chỉ có một trường hợp bị vạch mặt như thế. Bực tức và khinh miệt. Làm sao giải thích được rằng

một xã hội đầy dẫy dĩ điểm như lời tố cáo mà lại không giải toả được những ham muốn nhục thể? Nếu còn có phần không kèm được thì những hành động bạo lực sao không bị trừng trị bởi một xã hội dù sao cũng phải có kỉ cương để sống còn – cũng theo lời tố cáo, là sống còn cho giai cấp nắm quyền? Lí trí bình thường, cái thứ lương tri đó, đã bị đàn áp như thế nào để không gượng nổi trước những lời tuyên truyền tinh vi, một thứ giáo dục quần chúng chỉ cần đạt mục đích chính trị? Mức độ tham gia sự phóng đại của anh chàng bộ đội tốt nghiệp phổ thông này, chắc là bắt nguồn theo đà chiến thắng nâng cao, nhưng giáo dục lâu dài hẳn phải cấu thành căn bản vững chắc cho suy nghĩ của anh. Về phần chúng tôi, có tức bực cũng chẳng làm gì ai, rồi cũng qua, nhưng với những người quen suy nghĩ cho một trí thì chợt nhận ra một chân lí thật giản dị: “À thì ra anh hơn chẳng qua là đã dám làm những điều mà chính đôi phương cũng phải chùn tay!”

Tờ khai không phải được nộp thẳng lên trên mà phải được “thông qua tổ”, nghĩa là đọc trước tổ, ghi những câu chất vấn của tổ viên và những sửa chữa của đương sự. Một phương pháp làm việc moi móc sự thật dưới hình thức “xây dựng cho nhau”. Kết quả ra sao? Giá trị lời khai xuất phát từ mức độ thành thực của cá nhân, tức là tùy ở cảm tình, mức độ tin tưởng nơi chế độ mới, tùy ở tác dụng của kĩ thuật mới khuôn nắn con người. Thành công cũng có nhiều, nhất là khi có sự hội tụ của các yếu tố: cảm tính cá nhân, khả năng thụ nhận và hoàn cảnh tiếp nhận. Mà thất bại cũng không hiếm bởi tính chất đề kháng của cá nhân tang lên. Người trưởng quản giáo đã đề phòng trước nên chặn lại: “Các anh đừng nói tự giác là tự sát...” Ở chúng tôi, phản ứng chưa cô đọng thành tôn chỉ như thế nhưng vô tình chúng tôi lại biết được một thái độ của người dân Miền Bắc! Cho nên, thêm với tính cách xuề xòa chưa rũ bỏ, công việc ở tổ cũng chỉ là qua loa, đại khái...

Cuộc thảo luận ở khối hình như chỉ nhằm mục đích lấy điển hình bởi vì thời gian là giới hạn đối với một số đông người như vậy. Tôi không hiểu những người xung phong đọc tờ khai là do động lực nào thúc đẩy? Có thể họ tự cho mình là quan trọng, không thể nào tránh khỏi bị mời lên. Có thể còn chút ngây thơ tin tưởng rằng thanh khẩn khai báo học tập tốt sẽ được về sớm. Có thể là ý thức ham muốn danh vọng, chơi trội – thật là khôi hài – đã thúc

đẩy họ chường mặt trước đám đông. Cũng có thể là ý muốn buông xuôi “làm sớm nghỉ sớm”... Nhưng câu chốt vấn đề nhất lúc đầu lại gây sôi nổi vì óc tò mò khơi dậy quanh công việc của anh sĩ quan tình báo, lãnh vực mà ngày thường ít ai trong chúng tôi được biết.

Từ các buổi học tập, khai báo đã hình thành một khuôn mẫu phát biểu. Về “diễn hình tư tưởng” thì bao giờ cũng đặt theo chiều thời gian, từ sai lầm của quá khứ nay được giác ngộ như thế nào dưới ánh sáng chân lý mới. Trong sự đổi thay đó phải nêu bật sự đối kháng tình cam, căm thù sâu sắc pha trộn với sự ân hận xót xa. Cả một cuộc đấu tranh mệt mỏi như vậy phải được mở ra, giải toả bằng một kết luận tin tưởng vào một tương lai xán lạn theo sự cứu rỗi, theo bàn tay dắt dẫn của Đảng và Nhà nước Cách mạng. Khuôn mẫu suy tư đó được thể hiện bằng một khuôn mẫu văn từ đại khái: “Đế quốc Mỹ gian ngoan tàn bạo, thất bại với chủ nghĩa thực dân cũ nên đã thi hành chính sách thực dân mới, nuôi dưỡng một chính quyền bán nước giả danh độc lập để nô lệ dân ta... Quân đội Quốc gia, Quân lực Việt Nam Cộng hoà là công cụ tay sai của đế quốc để đàn áp những người yêu nước. Tôi bán nước, làm tay sai cho đế quốc thật đáng chết nghìn lần, nay nhờ ơn Cách mạng, không những Đảng đã cho tôi mạng sống mà còn cho lẽ sống, tôi sẽ không quên lượng khoan hồng bao la trời biển của Cách mạng. Tôi căm thù đế quốc, chính quyền tay sai đã lôi kéo tôi vào con đường phản dân hại nước, và để chuộc lại lỗi lầm trong quá khứ, tôi xin hứa hoàn toàn tin tưởng nơi đường lối Cách mạng, học tập tốt, lao động tốt để sớm trở về với gia đình, phục vụ đất nước...” Khuôn mẫu đó khai triển ra đậm nhạt tùy từng người. Nhưng cũng có kẻ đã tỏ ra xuất sắc hơn đồng bạn. Lời văn kêu vang, tận dụng đủ loại tu từ chưa đủ, đọc ra lên bổng xuống trầm chưa đủ, còn phải thêm vẻ mặt nhăn nhó, đau đớn, ân hận, đôi mắt nẩy lửa, cánh tay đập xuống biểu lộ căm thù... Một anh nhà giáo có tài phát biểu hàng tiếng đồng hồ – nếu không có người cản thì anh có thể làm trọn buổi, và chúng tôi lúc đầu đã lảng lạng để anh vùng vẫy cho mình được rảnh rang, sau đó khuyến khích anh lấp khoảng trống thời gian, hoặc cao giọng khi có bóng quản giáo lò dò đến kiểm soát học tập... Rồi sau những giờ làm cách miệng căng phồng lời nồng nhiệt, anh lại trở về với chúng tôi đùa bỡn, dung dị, nháy mắt đồng lõa. Có sự giả trá thành

thật hay đó chỉ là những ngăn trí tuệ đóng mở theo nhu cầu?

Một tai nạn đến với anh bạn tôi cùng học ở trường X. Nghe nói là tội làm Sinh viên vụ, tội CIA, do sinh viên tố cáo. Chuyện đời: làm học sinh ghét giám thị, làm dân ghét cảnh sát, làm lính ghét quân cảnh. Và cái tội ba hoa hơn là thực tế mình có, ba hoa lấn lướt tính chất khôn ngoan anh vẫn thường có, nhất là trong một hoàn cảnh đang lẽ phải dè dặt hơn. Tôi thấy anh chép kiểm điểm, làm tự khai trên nhiều tập vở trăm trang, mặt mày xanh mướt, xương sườn lòi ra trên thân hình đầy đặn xưa kia.

Tai nạn cũng đến với ông cựu Thống đốc ngân hàng đánh boule bằng đá cục. Chuyện 16 tấn vàng mà báo chí, học giả mới và phương tiện truyền thông của Nhà nước thường hay nói về chiếc máy bay chở Tổng thống Thiệu ì ạch mang đi Đài Loan. Nghe nói cuối tháng Tư 1975, công nhân ngân hàng phải làm đêm để sắp vào thùng mà chưa kịp lãnh tiền phụ trội, nay họ làm đơn đòi ông Cựu phải trả. Lại cũng thấy thêm một bộ xương sườn và bộ mặt xanh lợt nữa tuy ông này gầy ốm sẵn. Chúng tôi lại có dịp bàn tán xôn xao. Anh bạn cũ làm việc với ông Hương đã xâm xì quả quyết rằng không có chuyện mang đi 16 tấn vàng vì ông Tổng thống này đã bảo: “Thôi đem ra ngoài thì nước khác giữ. Việt cộng cung là người Việt, để nó xài.” Sau này báo *Tuổi Trẻ* ở Sài Gòn (cơ quan Đoàn Thanh niên Cộng sản Thành phố) phỏng vấn ông Nguyễn Văn Hảo thì ông này khoe rằng chính ông đã cho giữ lại. Chắc là hồi lộn xộn thì chẳng ai có quyền dứt khoát. Tuy nhiên hình như đây là một dịp khoe công cuối cùng của một người thành thật muốn phục vụ chế độ mới mà phải khá lâu mới biết rằng cái học tư bản của ông – cũng như của các trí thức Miền Nam trước kia, “90% là phản động, 10% là vớt đi” như lời một nhà trí thức mới tuyên bố, diễn giải theo lời dạy dỗ của Đảng. Và tờ *Tuổi Trẻ* không phải bỗng dưng cả gan cùng mình mà nêu lại chuyện cũ còn mới (20 04: *xung đột nội bo, chia chác không đều?*), trong khi nói chuyện cụ Hồ có vợ (đăng lại của tờ *Nhân Dân*) đã làm bay chúc cô Tổng thư kí một thời vừa đốt xe Mĩ vừa rúc rích chạy trốn!

Dư âm của những ngày học tập còn lững lờ thì chúng tôi lại được dịp xem xi nê lần nữa. Phim Việt là phim *Cô gái Đất Đỏ* kể đời tranh đấu của liệt sĩ Võ Thị Sáu. Đó là một phim thu hình sân khấu cải lương. Cảnh xử tử cô gái

hồi kết cục là một cảnh “phụt đèn màu” xã hội chủ nghĩa: chớp sáng, cò búa liềm giương cao giật mạnh, âm thanh rộn rã, người người ngược mặt thúc giục, tất cả bày tỏ một cảnh tử vì đạo trung cổ châu Âu, cụ thể đối với tôi là hình ảnh bà thánh Jeanne d’Arc trong tờ truyền đơn - truyện hồi Thống chế Pétain. Nhà đạo diễn du học Liên Xô nối tiếp truyền thống mới, đã chối bỏ nghệ thuật dựng hình của Tây Phương hiện đại để quay trở về với cách xây dựng hình cổ điển đượm màu tôn giáo. Con đường phục cổ đi vòng vèo để phục vụ tương lai. Nhưng phần đông khán giả nhạy cảm với số phận mình thì chú ý nhất đến cảnh đối đáp giữa ông già và cô con gái: “Mày đi học tập gì mà lâu dữ vậy?” Câu nói trên tường được nhắc lại trong đêm khuya giữ những tiếng cười rúc rích.

Phim thứ hai là phim truyện Bungari kể câu chuyện cổ tích về anh chàng hoàng tử đi tìm người yêu ở xứ Trẻ mãi không già, nhưng lại không chịu ở lại cái xứ thần tiên lãng đãng mơ hồ ấy mà lại dặt nhau về trần thế dù với cái già, cái chết đe dọa. Đối với chúng tôi, phim không có chủ đích tuyên truyền như thế – hay đúng hơn, không lồng chính trị một cách lộ liễu – thì thật đáng cho một buổi giải trí nhẹ nhàng sau mấy tháng trời căng thẳng đầu óc. Nhưng rồi vẫn có những suy nghĩ móc mối với thực tại – áp dụng bài học chẳng cần ai nhắc. Phim có đoạn Hoàng tử đi tìm trái cây Sự thật do ông vua xứ Lừa dối giấu trong hang núi, và từ đó chữ “Vương quốc Lừa dối” trở thành thời danh. Khỏi chúng tôi, như đã nói, được đặt cho một cái tên dài lê thê: “Khỏi những ông già của Tiểu đoàn hèn nhát trong Vương quốc Lừa dối”. Tất cả chúng tôi hiện sống trong xứ Ở mãi không về, và khi có hai đội bóng chuyền đấu với nhau thì đó là các đội Ở mãi không về, Vương quốc Lừa dối không được ghi trên màu áo nhưng được cổ vũ oang oang trên san bãi.

Môn thể thao được chơi nhiều nhất là bóng chuyền vì đủ cho việc thực hiện: sân bóng loanh quanh trong trại, không tốn tiền nhiều, số cầu thủ và số người coi vừa cho tính cách tập thể mà không ngại rối rắm... Giải thưởng vào những ngày lễ là những gói thuốc Ruby còn lại, quyền vỗ xén trong phần phát hàng tháng của chúng tôi. Nhưng ở đây cũng lộ ra sự đối kháng sinh hoạt như ở bất cứ sinh hoạt nào có lẫn lộn tù và cai tù. Các đội ra sân với đủ thể thức, cũng chạy vòng vòng sắp hàng chào khán giả hai bên – nhất là phía

khán đài chính tường tượng, nơi có bộ đội đứng coi... Đổi lại với tính chất nghi thức phiền toái đó là cả một sự giản dị quê mùa của anh bộ đội trẻ không giấu được vẻ ngượng ngùng, cả những bộ đội lớn tuổi cũng lúng túng trong lúc trao giải thưởng cho người đại diện đội bóng đứng gập mình, thẳng lưng: Họ chỉ biết nói cụt ngủn khi đưa bao thuốc ra “Này” rồi lảng đi ngay.

Việc tập thể dục buổi sáng cũng phải đi vào quy củ. Chúng tôi được chỉ dẫn tập một bài trên 15 động tác theo hai lối khác chi tiết: tập lúc trời mưa và lúc trời nắng. Mưa hay nắng gì chẳng biết, việc tập luyện chỉ qua loa đại khái đối với người phải lùa như vịt, và chưa coi là đủ đối với những người còn vắn vẹo thêm sau buổi tập. Thành tích đáng kể lúc bấy giờ là đào giếng. Chỉ có một cái giếng như lúc chúng tôi tới thì không thể nào đủ. Khối chúng tôi ở tận bên suối thì dư nước ăn uống, nhưng để lấy nước tưới rau mà khối làm đục suối cũng phải đào ít cái giếng sát bờ, sâu độ hơn thước.

Các khối ở khu doanh trại cũng như ở T3 phải tự tay đào giếng để dùng. Lúc đào xong nhìn từ miệng giếng thấy sâu hun hút chóng mặt, chúng tôi không hiểu tại sao mình làm được như vậy mà không có cảm giác gì hết. Công việc không phải xong trong một ngày. Cứ đào mãi xuống, đến bực nơi thành giếng làm chỗ bám leo lên, lần xuống mỗi lúc một sâu hơn, cảm giác ngợp, sợ không kịp đến trong công việc để cuối cùng chúng tôi có thể hãnh diện với thành quả của mình. Một giếng, hai giếng rồi ba, bốn giếng, đào giếng trở thành một cái ghiền tự giác. Lại một kết quả học tập tốt – chúng tôi đã thuần hoá một lần mà không hay biết.

Công việc không phải là không nặng nhọc nhưng nhiều người không chịu đứng bên trên kéo đất mà cứ giành xuống giếng để được ấm hơn. Vì mùa đông 75 ấy trời rất lạnh, chẳng năm nào có thể lạnh hơn. Buổi tối xúm xít trong nhà nòng hơi ấm mà có lúc còn phải đốt củi lên. Một anh nhà giáo “luyện tiếc quá khứ” đã thổ lộ rằng ngày trước anh ngại lạnh nên để cả cái bộ dưới giường đặt trên gác. Buổi sáng tung mền ra tập thể dục cũng là điều thiên nan vạn nan. Sau đó ai có công tác ra đi thì lại quay vào nhà thu lu co quắp hay nhảy ra vùng bữa củi dù chưa tới phiên mình. Nắng lợt lạt có hé xuống nhưng gió lạnh càng nhiều, phải mang cả áo mưa che lạnh. Lạnh siết người. Lạnh cay đắng. Người lớn tuổi nhớ đến cơn lạnh 1955 hồi đó đã có tên

là “lạnh di cư”. Hoàn cảnh mới tâm tình cũ hiện về khoác tâm tình mới. Người trong trại bị ràng buộc chưa có phản ứng thì người ngoài đã nói thay. Thư từ ngoài gửi vào có lời bóng bẩy của người lớn “Năm nay thống nhất đất nước cả về phương diện khí hậu”. Và cũng có lời thẳng đuột không dè dặt của trẻ con: “Cha ơi! Cái lạnh tàn ác của Miền Bắc đổ xuống Miền Nam, chúng con chịu không nổi.”

Người lớn cũng chịu không nổi. Một vụ tự tử đầu tiên xảy ra. Đêm của những ngày trước Noel càng âm đạm hơn khi có hiện tượng sao chổi xuất hiện. Đêm về sáng đứng ở sân cát trong ánh mờ sao vầy phủ, nhướng mắt nhìn về một hướng để từ trong khoảng không bắt gặp một chùm bụi sáng lung linh, sao mà không lúc nào cảm thấy sự hư ảo, mong manh của kiếp người hơn những ngày cuối năm ấy. Chính cái cảm giác ngợp hư vô ấy chứ không phải sự sợ hãi mê tín đã khiến tôi bước vội vào nhà.

Trong mơ màng tôi nghe tiếng xì xào bàn tán về một người chết nào đó. Bước ra sân, còn cảm giác ngầy ngầy, tôi thấy từng nhóm tụ tập rầm rì giữa ánh chân trời rặng sáng. Người chết là một dược sĩ khủng hoảng tinh thần đã hơn nửa tháng và không giấu diếm ý định của mình. Anh em xúm lại khuyên can và có người nói dối: “Mày cứ chết đi, thiệt thân mày, khổ vợ con mày thôi chứ những thằng khác vẫn sống nhăn răng ra, chúng còn cười mày đại nữa, ngu lắm con ạ!” Tổ trưởng, đội trưởng báo cáo lên trên, hi vọng quàng xiên về một sự can ngăn nào có hiệu quả của quyền hành. Vô ích, sao lại cứ tưởng mình còn có một giá trị nào đó? Rồi cả tổ dạn nhau canh chừng. Đêm về sáng một người thức dậy, ngồi trong bóng tối gật gù, thoáng thấy một bóng đen lướt qua, tưởng mình hoa mắt lại tiếp tục gật gù, đầu óc lửng lơ. Một lúc sau anh mò xuống bếp, trong bong tối đụng phải một vật gì đu đưa. Cái gì thế này? Chết cha! Thằng G. Chuyện bàn quanh cũng nhiều, nào là họa sĩ Trịnh Cung trong bức họa đương sự đã thấy cái dáng sâu muộn tử khí phảng phất, nào là những dấu hiệu hiển linh ngay sau đó trong nỗi sợ hãi vẫn vơ của tôi: “Đến vô thần như thằng Trường mà cũng rùng mình kia mà!” Những khám xét tử thi, cái hòm gỗ chôn thì cũng là thường thôi. Nhưng quả thật tử khí đã tràn ngập cả trại. Không có tiếng cười đùa như thường ngày. Tôi đã đến đấy, liếc qua: Từ trong gian bếp vẫn còn cái xác thòng nhưng cặp chân co lên cho

khỏi chạm đất hàm một ý quyết định. Nghe nói bức thư để lại có câu: “Xin đừng bắt tội vợ con tôi...”

Chúng tôi được tập họp lên lớp. Bầu khí nặng nề ảm đạm vây phủ. Chẳng có tiếng rì rào nào mặc cho người trưởng quán giáo giải thích về cái chết, kể tội người chết, kết tội chúng tôi là bi quan, không tin tưởng ở chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước. Nhưng khung cảnh im lìm bỗng vỡ tan, người quán giáo vừa nói: “Anh H. (?) chết tức là trốn học tập...” Chúng tôi cười ồ lên. Người quán giáo ngơ ngác lặp lại. Vẫn cười ồ. Sau này có người xầm xì: “Trốn sao được mà trốn, còn gặp Bác kia mà...” Nhưng sự kiện ấy là một trong những lúc hiếm hoi gây xúc động ở tôi trong những ngày cùng khốn đó. Phải đặt mình vào cái buổi sáng âm u, người trĩu buồn, tuyệt vọng, không ai muốn hé môi của ngày hôm ấy. Phải nhớ lại cái xác còn treo tồn teng như hình ảnh có thể có của mỗi người trong chúng tôi. Thế mà có những tràng tiếng cười, tràng cười ồ không vươn dài ra biểu lộ một nỗi vui mà cắt đứt cụt ngủn, đột ngột, đã ngưng lại mà người cười còn ngơ ngác.

Đó là tiếng cười của một lũ điên, tiếng cười không còn dấu vết của lương tri. Nhưng ai đã đánh mất lương tri?

Lễ chôn cất làm vào lúc sập tối. Hình như người ta cố ý trùng trùng để chờ lúc thuận tiện tránh xáo động hơn. Chỉ có một số người khiêng quan tài qua bên kia suối. Chúng tôi bị đuổi hết vào nhà nhưng từ trên các mái chúng tôi vẫn theo dõi được con đường của ánh đuốc, ánh nến bập bùng trời lên trụt xuống của chiếc quan tài trên đường thung lũng vắng lặng. Đêm đổ xuống ôm lấy con người yếu đuối kia nhưng cũng ôm choàng tất cả chúng tôi, bất lực.

Nhưng cái gì rồi cũng qua. Chúng tôi đã trồng trọt chung quanh nhà. Hạt giống lấy từ những chỗ thật là tình cờ. Một cây dền tím mọc chĩa từ bụi chuối, ông thầy cũ của tôi ngắm nó lớn lên trở thành người sở hữu chủ. Hạt chưa héo đã có người xin. Những trái bắp đèo còn lại trên rẫy cho chúng tôi một mùa bắp mới. Có tức cười là những tay tốt nghiệp Nông Lâm Súc trồng bắp như gieo cái để cho cái thằng gốc nhà quê như tôi chỉ cho mà tiếc không chịu tĩa cây vứt đi, rồi cuộc các hàng cây ốm tong teo chỉ đậu trái ở ngoài rìa

vật bắp! Rau sống hiếm hoi nhín từ các bữa chợ mua về nấu nộm. Trái su, hột bầu bí... Những buổi lao động bắt buộc hàng ngày mở rộng dần ra các vùng rẫy chung quanh cũng đem về một hai loại gây giống. Thấy chúng tôi chỉ tướt lá ăn để cây ra trái mùa tới, anh L. cười: “Các anh định ở đây ăn thêm một mùa cải nữa sao?”

Chẳng ai muốn cả nhưng sự lạc quan của anh quản giáo này không hiểu là vì thành thật mong muốn tốt đẹp cho chúng tôi, hay để vỗ về chúng tôi đúng với chính sách? Một anh bạn Blao làm việc hùng hục. Đó là vì thói quen làm việc đã đành mà còn có dụng ý – ngây thơ. Viên tiểu đoàn trưởng sau một tháng nghỉ phép trở về, ghé xuống trại đạo quanh một vòng, gặp S. tưởng hỏi một câu cho có chuyện: “Sao, sinh hoạt tốt chớ?” S. mau mắn trả lời: “Thưa anh, tôi ráng lắm đấy anh ạ. Tôi đã cố sức lao động hết mình. nhưng sao không thấy được về?” Tiểu đoàn trưởng vừa cười vừa lắc đi để tránh câu hỏi tiếp: “Đó không phải là vấn đề...”

Trong giao tiếp với chúng tôi, anh tiểu đoàn trưởng này rất cởi mở, như tâm tính của người Nam Bộ chưa thấm nhuần giáo điều giai cấp lắm – và như chúng tôi dần dần hiểu được, dân nhà lính với nhau dễ thông cảm với cái thể cầm súng và vị thế tù binh. Những lời trao đổi tự nhiên dần dần đến chuyện riêng tư nên chúng tôi cũng hiểu rằng gia đình anh cũng có con em đi học tập. và vì thế chẳng có gì làm chúng tôi bức mình hơn khi anh lên lớp nhận xét về tình hình học tập trong tuần, trong tháng theo vị thế người lãnh đạo đơn vị. Những giờ lên lớp này lâu dần chúng tôi cũng quen với khuôn mẫu của nó: Mở đầu một vài lời khen “Đã hiểu rõ chính sách khoan hồng rộng lượng của Cách mạng, an tâm học tập... biết lấy lao động làm điều kiện cải tạo bản thân, sửa đổi lối nghĩ không ăn bám... Đa số điều tốt...”, rồi một đoạn dài dằng dặc là dành cho thiếu số “còn hoài nghi ở chính sách, nhớ tiếc chế độ cũ, mơ tưởng đế quốc Mỹ...” Khuôn mẫu ấy chúng tôi thuộc lòng, các quản giáo cũng thuộc lòng, nhưng tới phiên tiểu đoàn trưởng lên lớp thì sự song song thường ngày lại không còn nữa, anh nói năng lúng túng, bí hiểm: “Tôi nói vậy mà không phải vậy...” Ban đầu là sự ngơ ngác lặng yên của thánh giả bất đắc dĩ, tiếp đến những tràng cười khúc khích nổi lên từng lúc, từng chỗ, cuối cùng là tiếng cười ngả nghiêng chỉ im bặt khi nghe có tiếng quát nạt, rồi đâu lại vào

đấy. Đám nguy có dịp để làm đề tài nhạo cợt nhưng cũng có người thắc mắc với chút thương hại. Tôi nói với họ: “Hãy nhớ tới câu nói của Boileau. Ngày thường anh ta ăn nói gãy gọn vì phát biểu cho cuộc sống tự nhiên của anh ta, điều anh nói không khác với điều anh nghĩ. Trên hội trường anh nói những điều anh không thường nghĩ, hay đúng hơn, nói những điều mà giáo dục bắt anh có lúc phải nghĩ tới nhưng chưa được nhuần nhuyễn để hoà nhập vào ban tính, chưa kể có những điều anh chưa chấp nhận được nên phải chịu đựng một sự phủ nhận ngay từ bên trong. Cái ngập ngừng từ đó mà ra. Bản tính Nam Kỳ cũng góp phần cản trở, bắt anh phải loay quanh, vụng về không tìm được lời nói dối, nói dối một cách tự nhiên...” Nhưng cười thì cười, chúng tôi sẽ thấy sự thực ở ngay lời nói của anh: “Nói dậy mà không phải dậy”. Câu đó là trả lời thẳng cho S. đầu tiên, nhưng là gián tiếp cho chúng tôi nhiều lần sau này.

Chúng tôi bắt đầu ra làm ngoài vòng rào. Dãy nhà gia binh còn thừa không người ở được cho đập phá đem gạch ra lót đường. Nhiều người xuýt xoa: “Bao nhiêu là tiền của!” Chẳng hề gì. Vấn đề phải giải quyết ngay là cho chúng tôi có “công ăn việc làm”. Và có công ăn việc làm thì cũng thêm chuyện rắc rối. Đùa bỡn vẫn là thói quen của chúng tôi, bộc lộ bằng một cách thể phản kháng, trả thù tiêu cực. Trong những đà cười ồ ạt đó, chúng tôi vẫn thường nhại lối nói ngọng của đám cán bộ quê mùa xứ Bắc: “Đừng có bẻ *lạng* chống trời...”, “Dân đói cán bộ *no*...” Một hôm tuy không có chuyện nhạo cợt nhưng gặp vệ binh hắc ám, hắc phang luôn một câu: “Đừng có cười, các anh ở trong tay chúng tôi đấy, rồi mà còn cười...” Như một gáo nước lạnh tạt vào mặt.

Không phải chúng tôi không biết những gì người ta nghĩ phía sau các lối nói “anh, tôi” bình thường. Đi làm về có người đã kể cho các bạn biết chuyện mình tìm thấy thư nhà hay thư gửi đi đã đến địa chỉ sau cùng là cái cầu tiêu. “Còn bài thu hoạch dồi dào ý tưởng xót xa ân hận vì đã phục vụ kẻ cướp nước với lời hứa hẹn nồng nhiệt sẽ học tập tốt. lao động tốt để lập lại cuộc đời mới, các bài ấy ở đâu, biết không? – Trong thùng rác, vô khối!” Cũng bắt gặp thư bộ đội gửi về nhà. “Con đang coi bọn tù nguy. quân. Chúng toàn là đại úy – mà đứa nào cũng là bác sĩ, kĩ sư hết!” Có những lời than thở: “Tết này chắc

con không về được. Như vậy con của mẹ đã xa nhà bốn cái tết rồi... Nhớ mẹ!” Than ôi trong khi cả guồng máy động viên các tay viết lách lên dây cót bằng lối văn chương gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa thì trong riêng tư người ta mỗi mòn lên tiếng kêu than để trở về với hình người!

Những ngày cuối năm dài lê thê. Sự ngóng đợi thái quá biểu lộ bằng những cử chỉ khô hời. Mỗi chuyến xe muối lãnh về là người ta tính xem phải tiêu thụ bao lâu mới hết, và khi thấy ra rằng vài tháng có trước mặt, người ta lại thở dài. Làm như chỉ có một chuyến xe độc nhất cuối cùng! Một chiếc xe chở củi lù lù ở đầu đường bỗng dừng lại, ngần ngừ rồi lùi lại cũng tạo niềm hi vọng cho dù đó là xe đang tìm chỗ trú cho thuận tiện. Khi xe ì ì tiến đến nữa, người ta cuống quýt xua đuổi: “Đi, đi! Chẳng phải ở đây đâu!” Những suy đoán liên miên từ những biến cố lật vạt như vậy không qua khỏi mắt ban chỉ huy, những bậc thầy trong nghề cảnh giác. Một bữa lên lớp, người quản giáo cười cười mở đầu: “Nào, các nhà tham mưu thử đoán xem hôm nay làm cái gì nào!” Không phải chúng tôi không biết đến những thành phần khác lạ trong bọn. Ngoài anh đội trưởng nói thẳng về “nhiệm vụ báo cáo nhứt cử nhứt động của đội viên”, chúng tôi còn biết qua tờ khai rằng có những người sĩ quan cũ là nhân viên tình báo của Giải phóng, chuyên nghiệp chắc là ít mà phần đông là những người có một ít lí tưởng tả phái mơ hồ, chẳng biết cuối con đường tư tưởng ấy là cái gì ngoài nhưng vẽ vời tương lai khó ai tẩy xóa được, đó là những người “móc nối” theo từ ngữ thường dùng. Họ hoạt động trong trại ra sao chúng tôi không được biết, và có vẻ thờ ơ không cần biết vì hình như chẳng ai lo lắng về việc ấy cả. Nói bậy, nói “phản động” thì nhiều nhưng đó là thói quen để không thấy là tội, còn âm mưu thì chẳng có gì. Những người được về trước hình như chẳng thuộc thành phần móc nối mà là những người cần thiết cho guồng máy mới đồng thời có người thân tích cực kéo ra. Còn các anh “có công với Cách mạng” thì hãy chờ đấy để kiểm xét lại. Sau này chúng tôi mới biết, trở về ngoài đời họ cũng chẳng hơn gì chúng tôi. Giai đoạn cần đến họ đã qua rồi và ai thì cũng e dè với những kẻ hai mặt cả.

Phải kể thêm vào đây thành phần gọi là “hồi đầu lập công”. Chưa có những biệt danh như sau này đã chỉ họ. Chỉ có những tiểu danh để chỉ những trường hợp riêng biệt: “Anh Tư vườn chuối” thường gặp cán bộ ở gốc chuối,

anh Hai...” Người ta nghi ngờ dè dặt cả với những người hí hoáy ghi chép. Có thể đó là những người chép nhật ký, nhưng cũng có phần chắc là những tờ báo cáo của các chuyên viên tập sự. Tôi cũng từng nếm mùi “cách sơn đả ngư” đó. Song cũng như bất cứ ở đâu, những người đó vẫn thuộc thành phần thấp kém, xấu xa, làm việc vì thù oán cá nhân, vì mong lập công chuộc tội để mau về... bởi vậy về lâu về dài họ lộ nhược điểm ra, hoặc thừa cơ trốn trại hoặc phạm tội không ai có thể bao che được. Nhưng cấp thời, họ vẫn được việc, được sử dụng và chúng tôi, nhút nhát, không có phản ứng cụ thể mà chỉ khinh ghét, dè dặt tránh né.

Cuộc sống chờ đợi cũng gây ra những bức bối, xung đột cá nhân. Có người tiếp tục “truyền thống” từ Trảng Lớn nhất định không tắm hay tắm rất ít, trong đó có một bác sĩ nhất định nêu gương về mặt vệ sinh tắm giặt! Có người không chịu trồng trọt gì hết mà chủ trương “ngồi không ăn bám” bạn bè vốn đang lao động để quên thời gian nên cũng khá dễ dãi. Nhưng cũng có khi gặp nguy hiểm. Một buổi chiều anh đang lui cui “thu hoạch” thì bị phang một khúc cây vào mình, lăn ra giãy tê tê... Một anh bạn muốn ăn riêng không được phép, ăn chung lại không chịu làm bị anh em nói xỏ bèn trút giận lên đầu bọn đối lập trong một buổi họp sôi nổi khiến bộ đội phải vác súng chạy tới: “Tao không chơi với bọn hủi chúng mày! Hủi! hủi!”

Có đập lộn thì cũng còn quá nhiều thì giờ rảnh rang. Những người khéo tay đầu tiên tìm cách làm các đồ đựng nước. Tôn có sẵn. Phần tôi là cầm khúc cây vồ lên tấm kim khí cho phẳng ra, các bạn đem vuốt thêm, cuốn lại. gò thành các thứ thùng lớn nhỏ.

Thế là bắt đầu tiếng gõ tiếng đập sáng trưa chiều tối rền vang. Âm thầm hơn, bắt đầu từ chuyện kể về các món ăn, người ta xoay ra bàn đến các cách nấu ăn thuần lý thuyết. Anh bạn học cũ Chu Văn An 18 năm trước là một hiện tượng đặc biệt đối với tôi. Dân tàu há mồm, làm đến Chánh sự vụ một sở thật lớn, vợ cũng là dân khoa bảng, vậy mà anh rất ham mê cải lương. Anh chỉ dẫn con đi xinê là để chiều lòng vợ thôi, còn thì anh cứ loanh quanh ở Aristo, Olympic, Quốc Thanh... để coi cải lương đoàn Nam, đoàn Bắc, không phải chỉ một lan cho một tuồng mà bao nhiêu lần diễn là bấy nhiêu lần anh có mặt để xem những biến dạng của nó. Khởi nói là anh thuộc từng mặt đào kép với các

đặc tính diễn xuất cũng như đời tư của họ. Dáng đàn bà của anh cũng hợp với tài nấu nướng, bánh trái. Và mọi người chạy tới bà Quốc Việt này cũng thật là đông, phần lớn là các tay chuyên môn ngồi nhà hàng. Bài nấu ăn chuyên tay nhau chép dày cả mấy xấp vở trăm trang chắc đủ làm ghen cả bà Quốc Việt thật. Chép qua chép lại chẳng biết món ăn đã trở thành thuốc độc chưa mà anh dược sĩ Lân, trước giờ về còn ghé lại anh bạn tôi hỏi về một chi tiết nêm nếm chưa rõ!

Mấy anh họa sĩ lại được chiếu cố. Anh Nhơn mở lớp vẽ, lí thuyết trong phòng và thực hành ngoài trời. Cả toán trên chục người chạy ào theo anh với bút chì, giấy học trò làm ban chỉ huy hốt hoảng ra lệnh cấm – lệnh cấm rõ rệt, cương quyết đầu tiên đến với chúng tôi: “Đi học tập chỉ học những gì Tổ chức dạy, còn ngoài ra, tuyệt đối không được!” Cứ xách tờ giấy, bút chì hí hoáy rồi vẽ cả bản đồ doanh trại thì ai biết đâu đấy. Máy ảnh bị tịch thu, chẳng có anh họa sĩ nào dám làm việc ghi lại sinh hoạt trại như tôi thì thầm đề nghị, nhưng ban chỉ huy đã nghĩ tới điều cần đề phòng ấy rồi. Tai hại biết bao! Có anh bạn đã chỉ vào một tên ngồi bung chén cơm chiều ăn nơi góc hè, quần cụt lòi dái, ở trần, chồm hồm trên một khúc cây chưa bửa: “Có thằng nào vẽ ông tiến sĩ kia đăng báo ngoại quốc thì tha hồ có tiền!” Nhưng học âm thầm chẳng làm người ta lo sợ thì cũng có thể được lờ đi. Loáng thoáng một vài người học tiếng Anh, tiếng Pháp. Có người học Esperanto. Nhưng nổi lên là tiếng Hoa, tiếng Nga. Tiếng Nga từ quyển *Le Russe sans peine* với phiên âm tiếng Pháp. Tiếng Hoa và chữ Hán thì nhờ các anh Tàu. Dù sao thì cũng phải chuẩn bị cho tương lai!

Chỉ một vài người có chí và có phương tiện là theo đuổi được lâu dài. Một dược sĩ gởi mua sách từ Sài Gòn khá đủ loại, hàng ngày ngồi lì xì, lâm râm, chỉ rời chỗ khi đi lấy cơm, mọi công tác bắt buộc trong ngoài đã có người làm mượn thay. Còn phần lớn quăng quẩy một lúc rồi lảng ra chuyện khác ít tốn phí hơn. Có người học cách thở, cách luyện yoga suýt hại đến thân. Chẳng là phép tập luyện bắt phải tập thở nhẹ, đều, với tay vươn lên từ từ, rất chậm, ở chỗ tĩnh mịch, anh bèn đợi đến đêm khuya ra sân... và suýt bị ăn đạn, chỉ mới kịp nghe tiếng lên cò súng!

Rồi năm cùng tháng tận cũng tới. Giao ban về đã phổ biến việc làm báo

tường, báo liếp. Nội một danh từ cũng đủ làm ngán ngơ một số người. Đã lâu lắm rồi, chỉ những người lớn tuổi mới nghe đến kiểu làm báo tường mà họ có chữ riêng là bích báo. Còn đám trẻ, dù ở nhà trường, báo cuối năm cũng là góp tiền lại in – cả ộpxết màu rực rỡ, tẻ lắm cũng là quay roneo. Thời báo viết tay trên khổ rộng dán lên tường đã xa quá rồi. Ấy thế mà họ phải nghe cái danh từ lạ hoắc! Lại kèm thêm cái từ *báo liếp*. Đành rằng chẳng có sự phân biệt rạch ròi giữa hai loại báo nhưng sử dụng một từ ngữ dính liền với cơ cấu nhà tranh - liếp, phen tre thì quả thực dù muốn đưa tính chất bình dân ra để biện hộ cũng không che giấu được sự lạc hậu của sinh hoạt vật chất trì nín sinh hoạt tinh thần, trí thức. Nhưng chẳng cần tất cả chúng tôi phải lo, đã có các tay thần văn nghệ thừa sức mỗi ngày làm một tờ báo in, nói gì vài trang giấy cả năm một kì! Chúng tôi cũng có vài tờ báo Tết bên ngoài gói vào theo các gói quà, theo một vài cách mua đặc biệt mà những kẻ có tiền lạnh tay lẹ mắt nào cũng kiếm được. Báo tất cả đều xuất xứ từ Sài Gòn. Dù là của chế độ mới, báo chí Sài Gòn vẫn có một cái gì quen thuộc. Hẳn không phải chỉ vì là của những người cũ chuyển hướng – dù là dưới quyền lãnh đạo của Đảng. Báo chí, sách vở Giải phóng ở một mức độ nào đó có những người tiếp xúc với thực tế ở Miền Nam không thể viết một cách trắng trợn như của Miền Bắc. Cái lối viết “không có ai cãi lại”, bất kể đến lí luận sơ đẳng nhất, do một lẽ giản dị là người viết không cần biết đến những thực tế tầm thường nhất. Đường lối Đảng hướng dẫn ngòi bút họ chứ không phải là sự thực. Trong các trang feuilleton ở báo *Nhân Dân*, *Quân Đội Nhân Dân*, chúng tôi đọc vừa tức cười vừa bực mình với các đoạn tác giả cho lính, dân Miền Nam thưa với sĩ quan – có khi chỉ với thượng sĩ, là “Bẩm quan, bẩm ngài”, xưng là “con” ngon ơ! Còn xã hội Miền Bắc đúng là phát thèm đến chảy nước dãi: Trong một quyển bút kí dịch ra tiếng Anh mà tác giả đem tặng người cháu ngụ quân – ý hẳn để khoe cái thứ tiếng Anh nhà trường trong ấy, có đoạn nói một cán bộ học trong gian khổ, công tác dưới bom đạn mà vẫn giữ trong tủ sách các kịch bản nguyên tác Sếch-pia, đỉnh cao của văn học thế giới vì ông Mác đã khen!

Sự đối chiếu lộ ra rõ rệt nhất khi chúng tôi đọc trên một tờ *Sân Khấu* thấy có hai kịch bản, một tả sự dằn vặt chuyển đổi tâm tình hướng về cách mạng – trong một khung cảnh xã hội phức tạp nhập nhòa ranh giới thiện (Cách

mạng), ác (nguy) của một cô gái Miền Nam, và một của Lưu Trọng Lư với vai người thiếu úy lính tây, hiện thân gọi là của tầng lớp chúng tôi.

Năm ấy không hẹn mà những mọi người đều tìm trong các tờ báo *Tin Sáng. Giải Phóng...* các tác giả cũ, tất nhiên là các tác giả nổi danh khuynh tả, xuống đường, từng sừng sững hiên ngang tố cáo chế độ cũ. Tất nhiên là không đợi họ to mồm lớn tiếng lần nữa nhưng cũng thầm muon tốt cho họ, mong mỗi khối đọc ở họ các câu kinh “Tiến hành ba cuộc cách mạng...” Nhưng cũng thật là thất vọng cho chúng tôi. Ngoài các lời tố cáo chế độ cũ theo kiểu vệt tân tông, chúng tôi thấy một tác giả xuống đường đã tưởng dựng được bùa bằng cách tỏ ra sợ lo lắng bị đi cải tạo, và được một cán bộ (?) trả lời là cứ an tâm! Một tác giả vốn là chức sắc bộ Giáo dục cũ (2004: *Lí Chánh Trung*), uốn lười quá dẻo, bị bọn nhà giao cải tạo xúm lại kết tội: “Thử so sánh hẳn ta: Chiến tranh trước trốn lính qua Tây thành dân tả phái, hết chiến tranh không dám đến nơi mình hướng tới mà lại về Miền Nam hưởng khoảng trống người Pháp để lại, lấy danh vị trốn lính, lấy lời lẽ làm người yêu nước; bên khác: anh giáo viên tiểu học thay vì nhậu đế với ồi chấm muối ớt cùng mấy ông già phụ huynh học sinh ở nhà quê, lại cây cục kiểm bài vở về học, trầy vi tróc vảy với mấy cái bằng tú tài, bị động viên và trở thành tên bán nước!” Một nhà giáo tả phái khác (2004: *Nguyễn Ngọc Lan*) viết dưới dạng một bức thư cho người em gái có chồng đi học tập, hướng dẫn cô em cố vượt sự suy nghĩ hạn hẹp mà mở rộng tầm mắt ra ngoài xã hội, tìm ở đấy ý nghĩa cao đẹp để giải quyết nỗi khổ tâm cay đắng của mình. Cứ tin rằng anh ta nói với người em gái là nói thay cho mình để nủ một giấc mộng đẹp đang có chiều tan vỡ. Chúc anh giữ vững niềm lạc quan. Có điều chi tiết mà anh nêu ra quá đẹp nên niềm tin ấy đối với chúng tôi sao mà quá mong manh!

Ngày Tết, theo quy định, chúng tôi được hưởng gấp đôi tiêu chuẩn. Sự thò ơ của mọi người bỗng biến mất một lúc vì câu chuyện con bò đem đi xẻ thịt. Con bò anh bộ đội dắt về vừa đến chỗ khối 5 bỗng trở chứng không chịu đi nữa, cứ dụi mãi đầu vào hàng rào. Có mấy tên cải tạo ngồi gần đấy thấy anh bộ đội trì mãi không xong bèn xúm lại vừa hò hét vừa xô đẩy tiếp tay. Chỉ có thể mà câu chuyện tiểu lâm cũ gọi lại trở thành sống động trước thực tế. “Bồ biết tại sao con bò chịu đi không? Tại có tên cải tạo nói thầm vào tai

nó: ‘Mày không biết đây là trại cải tạo sao?’” Hôm sau người làm thịt vụng về đập một vồ không trúng chỗ hiểm, con bò chưa chết cứ rống lên mãi, không biết nó có ân hận về sự chọn lựa chiều hôm trước hay không.

Hồi 10 giờ 30 đêm Ba mươi, chúng tôi được gọi lên hội trường chờ giao thừa, đón nghe lời Chủ tịch Tôn Đức Thắng mừng năm mới. (Chẳng nghe Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ đâu cả.) Từ đầu hôm pháo đã nổ vang chung quanh, vài tiếng súng lẻ tẻ xen lẫn. Chúng tôi được xếp hàng ngay ngắn, và tình trạng ấy chắc được giữ mãi đến khi về nếu pháo súng không nổ dồn dập. Viên tiểu đoàn trưởng ban đầu còn gằm gù thuộc hạ, sau lảng đi. Hội trường trở thành nhốn nháo, lộn xộn. Tôi ngồi dựa vào cây cột, ôm đầu. Đạn nổ từng loạt vạch từng đường lửa trên bầu trời, rót xuống mái tôn loảng xoảng. Tiếng lựu đạn, đạn nổ mạnh càng lúc càng dồn dập như diễn biến của một trận tấn công. Trong khung cảnh ồn ào đó mọi người vẫn lừ đừ buồn ngủ, lời chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh đến trước, chủ tịch Tôn Đức Thắng theo sau, nghe như dấu vết suy tàn của những thần tượng lạc lõng. Đêm hôm đó tôi đốt từng lẻ củi nhỏ, đón giờ năm mới trôi qua, một mình...

Sáng mừng một đáng ghi nhớ, có những toán đi từ phòng này sang phòng nọ chúc tụng năm mới gặp may mắn, “sớm về” – có người ra tận vườn rau tìm những bạn trốn lánh ngoài đó để kéo nài chúc tụng. Chỉ khi gặp những nghịch cảnh như thế mới thấy được cái khôi hài của nghi lễ, phong tục và mới hiểu thấu sự mỉa mai cay đắng của ông Tú Xương. Lúc nửa buổi, chúng tôi phải đón lân đến “nhà”. Cái đầu lân làm thật đẹp và công phu. Tồn cả hàng kí bông gòn và hàng chai thuốc đỏ, kí ninh vàng của các tay nhà giàu mang theo. Lân vẫn hùng dũng và vẫn đề tiện như hồi nào.

Hết lân thì lại kéo nhau đi coi báo. Bài vở đã được duyệt sẵn thì khỏi phải lo phạm húy. Nhưng lưỡi gươm Damoclès đã hạ xuống đầu các tay trang hoàng. Giá màu còn rẻ, còn dễ mua nên tiền góp lại đủ dồn phương tiện cho họa sĩ múa bút. Chúng tôi có hai họa sĩ chính thức ngoài đời, một dạo đã nổi danh của nhóm họa sĩ Trẻ (bây giờ thì đã sồn sồn rồi!) Ngoài ra còn các họa sĩ tài tử nữa. Và tai họa đến với họ. Anh Trịnh Cung phải bỏ cả một makét vẽ hình Hồ Chủ tịch lập lá cờ bay phấp phới phía sau. Lại chẳng thể để lá cờ che khuất mặt Bác. Đành phải vẽ lá cờ một bên, Bác một bên. Cũng chưa

đủ. Hình vẽ Bác dẫn đầu đoàn người nồng nhiệt lớp lớp tiến lên mang một khuôn mặt gân guoc, khắc khổ. Bộ vẽ có ý nhạo báng Việt cộng ôm cảnh đu đủ sao? Cái khuôn mẫu rần rỏi đã quá thời rồi. Bây giờ phải là hình ảnh một cụ già phúc hậu hiền từ – tiên phong đạo cốt càng tốt, tuy không nên nói ra. Nghệ thuật nịnh cũng khó lắm chứ chẳng chơi. Việc lựa màu cũng gây nên phiền phức. Sau này trong một buổi vẽ bảng thành tích cho bộ đội, anh TC được khen: “Anh khéo lựa được màu tươi, nổi quá, sao mấy hồi vẽ báo anh lại cho mat lảnh tụt màu xám, ỉu xiu thế?” TC hoảng hồn phân trần mãi về cách chọn màu cho mỗi trường hợp theo quan niệm nghệ thuật. Cải tạo mới có sáu tháng hơn làm sao hiểu được rằng nghệ thuật phải phục vụ chính trị? Từ đó mới hiểu lí do phải “cải tạo lâu dài”. Trường hợp TC chẳng biết có may mắn hơn các bạn không.

Một buổi lên lớp sau đó, nêu nhận xét về báo, cán bộ đã chỉ trích một anh vẽ phần trang trí để các vạch vàng đen “chèn ép” một vạch đỏ ở giữa, còn anh khác làm tựa cho bài thơ của Hồ Chủ tịch bằng nét vẽ các ống tre khẳng khiu như các khúc xương khô. (Sau này hỏi ra mới biết anh họa sĩ số ngang số dọc cho chữ HCT bị trật tay không thẳng nét, nhân đấy mới nghĩ đến cái bụi tre quen thuộc, và mang “dân tộc tính” vào bức họa.) Chẳng sao, cứ cúi đầu nghe là được. Không hiểu điều này có ảnh hưởng gì đến thái độ của họa sĩ Nhơn khi anh trả lời anh phó quản giáo X “đã từng học Đại học chứ kém sao”: “Anh học vẽ không được đâu!” Vẽ nào đâu chỉ là bôi màu. Có khi nhận định của họ là từ phía chúng tôi lúc người đọc báo bàn tán, bộ đội nghe lỏm hoặc được báo cáo lên. Một tờ báo treo đến ba ngày mới có lệnh tịch thu: Bức vẽ toàn cảnh làm nền cho tờ báo ghi đủ thứ sinh hoạt ở chợ Bến Thành, con lộ xe chạy, cảnh làm ruộng và luôn cả cảnh... đào giếng, cuốc đất, bữa củi có vệ binh kèm. Cứ như một anh bạn Hóc Môn năm sau mà lại khôn: Anh giờ mấy tờ báo Tết bên ngoài năm ấy ra sao hình ảnh, chép bài viết lên khung báo tường của khối, cũng đầy đủ, cũng màu mè như ai! Tuy không phải là an toàn tuyệt đối như anh tưởng – anh cũng bị kêu lên vắn vẹo điều này điều nọ nhưng anh có “bùa” sẵn rồi.

Những ngày Tết trôi qua mau. Vườn rau khối tôi lần dần xuống bờ suối. Một hàng rào được dựng lên, có cổng đóng kĩ vào ban trưa, buổi tối. Lúc đầu

lệnh cấm cả trong giờ làm việc nhưng chúng tôi không có nước nấu ăn, rửa ráy, tưới nên lén lút xé rào – theo nghĩa đen, và người ta làm lơ nhất là vì thấy gà quen chuồng, chúng tôi không ai trốn chạy cả. Việc canh gác mở ra khu đất ngoài trại và bên kia suối. Lòng suối lúc nước cạn bày bờ có hai luống đất đủ cấy mười hàng lúa. Một gia đình che mái tôn sống giữa đồng trống với vài đứa con lem luốc. Chỗ khai khẩn của người chủ gia đình ấy và bờ đất phát cho chúng tôi có khi lẫn lên nhau. Đứng trong trại chúng tôi thấy có lúc anh quơ chân múa tay với viên tiểu đoàn trưởng. Một tay thành thạo cho chúng tôi biết anh ta là lính của SĐ18. Sau chuyển cãi nhau trở vào, viên tiểu đoàn trưởng cũng xác nhận: “Tay đó là lính thiết giáp SĐ18. Ghê lắm đấy!” Thì ra doanh trại cũ của anh ta ở về phía trái chúng tôi, bên kia đường. Vài hôm sau thấy anh ta giở nhà, dắt vợ con đi đâu mất. Ghê tới đâu thì cũng là dân bại trận.

Anh đi rồi chúng tôi phát cỏ lần đến nền nhà cũ của anh. Ở đó có một cái đập xi măng nhỏ chắn ngang con suối. Chúng tôi gọi nó là Cầu sông Kwai. Các tay đứng trên bờ đập nhìn ngang nhìn ngửa khiến lúc giao ban nghe mắng mỏ khá nặng. Cao trên bậc ruộng hai bên bờ suối vẫn còn những đám đậu mới lên luống. Giữa những người làm cỏ, có người đã tinh ý chỉ cho thấy một người đàn bà khoác áo vải dính bùn bên ngoài không che được cái áo màu bên trong, làm không chăm chỉ mà chỉ ngóng nhìn về phía chúng tôi. Bên cạnh, một đứa bé thần thơ chơi một mình. Chúng tôi còn nhận ra được thì người đàn bà trinh sát nghiệp dư chỉ có cái tình thúc đẩy lòng can đảm kia làm sao qua mắt được người canh giữ? Chỉ với cái kẹo là viên tiểu đoàn trưởng biết được cha đứa bé “ở trong kia”. Một buổi chiều có bóng người đàn bà trên sườn đồi bên kia suối đứng sững nhìn qua rồi lần đến gần. Các vệ binh xách súng chạy qua. Mọi người cống quýt xua tay rồi rít rồi quên cả giữ gìn la to lên: “Chạy đi! Chạy đi! Nó lên đó!” Người đàn bà biến mất. Vệ binh tiu nghỉu trở về, cầu nhau: “Địt mẹ, chúng ông mà chộp được thì...”

Từ đấy không thấy ai làm cỏ lúa cỏ đậu gì nữa. Chúng tôi được qua bên kia suối gỡ các tấm vỉ lót phi trường đem về. Chỉ có vài cái búa và cây sắt chúng tôi đã tháo dỡ cả một phi trường đã chiến dành cho trực thăng. Chẳng có cách gì lạ hơn là cứ đục đẽo, ban đầu phang bừa, sau biết tìm các mối nêm

đẩy ra, lấy sức mạnh số đông lắc, đẩy thét rồi bung hết từng mảng cho 8, 10, 12 người khiêng về. Tôi cứ nghĩ mãi đến kỉ niệm cũ khi đơn vị có cái máy điện, không có xe xúc đem từ ngoài sân vào trong nhà mà lính, quan thờ dài thất vọng than thở rồi xúm lại vừa làm vừa càu nhàu, càu nhàu... Chúng tôi lại đi xa hơn, dọn các gò đồng cây cối ngổn ngang từng mảnh nhỏ len lỏi trong các khu đất đã có dấu vết trồng trọt. Nhưng ngay trên các gò, số tre gai mà chúng tôi róc nhánh bó gọn đem về làm chái, làm giàn dưa mướp, các cây ấy cũng có dấu vết đốt cháy chứng tỏ các chủ đất chung quanh cũng đã dự tính trồng trọt nơi ấy. Vì thế công việc khai khẩn trở thành đầu voi đuôi chuột, chúng tôi lại trở về vùng đất sỏi mà người ta đã điều đình trực xuất đám người trồng trọt nơi ấy. Nghe nói vùng đất này vốn thuộc một đồn điền cũ – có lí, vì còn lại các cây cà phê cao nghệu chúng tôi tuốt lá nấu nước giải khát giữa buổi làm.

Đi làm bên ngoài có người canh nên chúng tôi tiếp xúc với bộ đội nhiều hơn. Nhớ cũng có điều tức cười là người ta bảo rằng vệ binh đi theo là để bảo vệ chúng tôi khỏi bị quần chúng trả oán đánh giết. Sau này khi có những vụ người đi đường lén lút hoặc công khai cho quà tù binh, một người trong bọn đã nói đùa rằng: “Ừ phải, để bảo vệ khỏi bị đồng bào ném chuối bể đầu!”

Thực ra có thể hiểu lời giải thích kia một cách công bằng hơn. Những người sống trong một xã hội mà ý thức “giai cấp” mờ nhạt thì thường lẫn chữ quần chúng với số đông. Cái thói quen của anh ứng cử viên ở villa, đi xe hơi tự vỗ ngực là người của quần chúng, và cuộc sống xô bồ không có ý thức chính trị không thể khiến người ta hiểu nổi chữ quần chúng với nghĩa giai cấp – và thường thì bông bột hơn, với nghĩa phe phái. “Quần chúng” đòi chém giết các sĩ quan nguy là những người ở rừng về mà những nỗi khổ sở chồng chất của chiến tranh phối hợp với vu cáo chính trị ẩn giấu dưới cái màn ái quốc đã thúc đẩy họ căm thù hơn, căm thù hữu lí để không thấy việc tàn sát là dã man – cái thói quen bắn giết được buông lỏng hơn vì không gặp kháng cự. “Quần chúng” cũng là những người mất của mất nhà trong chiến tranh được khuôn nắn về một thứ chiến tranh lí tưởng trút căm thù về một phía, căm thù có lí hơn khi phía đó đã thua – và sau rốt, quần chúng cũng là những thứ tân tòng 304 phải chứng tỏ một cái gì... Cái lynchage thời đại mới là như

thế đó. Ở một số tỉnh, sau khi đầu hàng, một số trung đội trưởng nghĩa quân, kể cả lính, đã bị đem ra xử bắn. Một sĩ quan không quân trên phi trường Tân Sơn Nhứt chạy bộ về, hoảng hốt quên cỏi bộ đồ bay đã bị lôi vào một căn nhà đập chết. Bên trong một trại tù binh bắt được ở mặt trận, nửa đêm người ta gọi đếm số, lôi ra bắn theo sự lựa chọn thích thú tình cờ “số 3, 5, 7, thôi!” Thù còn dai dẳng hơn khi một tỉnh cử người đi đến tỉnh khác xa vài trăm cây số để đòi một sĩ quan nào đó về nguyên quán “học tập”, và được trả lời: “Thôi, cứ để nó ở đây học tập cũng được. Các anh chôn sống bao nhiêu người dưới ấy chưa đủ sao?” (Biết hết!) Mười mấy năm sau chiến tranh, báo chí địa phương còn hãnh diện là đã truy tìm bắt về một tên ác ôn của tỉnh mình đang lẫn lút nơi một bìa rừng, bãi nước nào đó.

Người ta chẳng đã từng giáo dục quần chúng dưới hình thức ca dao:

Thù này ắt hẳn còn lâu,

Trồng tre thành gậy gập đầu đánh què. đó sao?

Một nhà nước muốn mang danh nghĩa chính thống thì phải biết kèm hãm cái đà sắt máu mình đã khuyến khích vì nhu cầu cướp chính quyền – câu chuyện đã xảy ra từ sau tháng 8-1945, chưa phải đợi tới Tây, Mĩ. Phải kèm hãm được một chừng mực nào đó để chứng tỏ mình làm chủ được tình hình, tức là có thực quyền. Lúc này, khi đã có tiếng la hét “tắm máu” thì phải chứng tỏ chúng toàn đồ láo khoét, phải chứng tỏ chúng đã thất bại ngay cả sau chiến tranh. (Có một tên nguỵ nói: “Không có tắm máu chỉ vì có tiếng la tắm máu rồi. Và lại cứ giết đi thì làm sao sống yên với 24 triệu người còn lại!”) Nói như thế chứ cái đà hăng say chiến thắng đã khiến người ta không thể có một tầm nhìn xa rộng hơn. Mãi sau này, mỗi khi kỉ niệm ngày 30-4, người ta vẫn cứ hãnh diện nhắc chuyện người sĩ quan vào Dinh Độc lập nói với tướng Dương Văn Minh: “Không bàn giao gì hết, các anh thua trận, bây giờ la tù binh!” Chúng ta có thể thấy cái ngớ ngẩn của mấy ông Tối cao Pháp viện thất cà-la-oách ngồi, cứ tưởng để chứng kiến thi hành một thủ tục pháp lí mà không hiểu tính chất cuộc chiến của những người phủ nhận cái pháp lí được coi là riêng của kẻ thù bị thất bại, và chỉ xử sự như là kẻ chiến thắng mà thôi. Lời nói vót vát của một lãnh tụ: “Chỉ có đế quốc thất bại, còn dân Việt là người chiến thắng” nồng nàn tình cảm dân tộc đam đà như thế, lại chỉ có ý

nghĩa với tiền đề “phe ta” là cả dân tộc, không tranh cãi. Một nền độc lập ghép với một chính kiến được theo đuổi với nhiệt tình – quá nhiều nhiệt tình, rồi lại đòi hỏi sự nô lệ của người trong nước! Nỗi đau nhức còn dài lâu...

Chúng tôi nhận ra nhiều mẫu người trong đám vệ binh. Giữa lúc đang bận rộn cuốc đất hay vun rác gần đến giờ về thì một vệ binh hỏi tên một người rồi giở sổ ra hí hoáy ghi chép. Trong lúc chúng tôi còn ngơ ngác thì anh ta ôn tồn trấn an – điều mà chúng tôi không ngờ tới vì chỉ mới ngạc nhiên về hành động kia chứ chưa kịp lo sợ: “Không hề gì đâu, tôi chỉ làm thủ tục thông thường thôi.” Sau đấy mới hieu rằng anh ta có bốn phen phải ghi nhận xét lao động hàng ngày, mà chỉ ghi những người xốc vác, năng nổ. Có vệ binh lân la hỏi thăm các dược sĩ, bác sĩ. Chẳng qua là anh ta đi chơi bởi mắc bệnh! Tuổi trẻ có biết bao nhiêu là nhu cầu, thế mà chỉ có vài ba đồng mỗi tháng diêm thuốc... làm sao anh ta nghĩ đến các thứ hàng ngoài phố, nghĩ đến chuyện “rước đèn”? Con gái Sài Gòn ngay bước đầu đã chê: “Chúng nó không *láng*...” Cái bộ ngơ ngơ đó đi dạo phố, thấy gì cũng nhìn, càng nhìn càng muốn mà túi rỗng không, đi không dứt, gặp các tay ôn dịch bạn hàng đánh đá không nề những cử chỉ, lời nói phũ phàng cay chua nào cả... Một mẫu chuyện nghe đột ngột giữa hai vệ binh, thăm thía với cả người nghe đang thất thế: “Chủ nhật mà không đi chơi à?” – “Đi làm gì, chúng nó khinh như chó...”

Có lúc họ xoay nghề buôn bán với cải tạo. Không phải với luật cung cầu của thị trường - tất nhiên, mà là theo một thứ luật lệ buôn bán không có nhà kinh tế nào nghĩ tới được, trừ phi họ đã ở tù! Vệ binh cần bán thì xưng em ngọt xớt nhưng bán không được thì quát nạt để bọn nguy tung tiền ra cúng ôn. Bán lén bán lút thì có chuyện tiền là giấy báo và đường là đất sét! Nhưng ở chỗ chúng tôi thì việc buôn bán không phát triển lắm có lẽ vì gần ban chỉ huy, sự cấm đoán có điều kiện thành công hơn. Từ đó có thể đoán được sự bực bõ của đám vệ binh trước cảnh quà cáp gia đình nguy gởi tới – lúc đầu tuy chẳng nhiều nhưng cũng đủ gây thêm thù, tức bực mà sợ dĩ không nổi bùng chỉ vì tính chất cừ non của “Khối những ông già...”

Tuy tiếp xúc ít oi như vậy nhưng chúng tôi cũng ngạc nhiên về sự lộn xộn không trên dưới gì cả của sinh hoạt bộ đội. Lúc ấy đã bắt đầu có lon trên cổ áo họ, chúng tôi tuy còn lẫn lộn một ít nhưng cũng phân biệt được đại khái

các cấp bậc.

Cấp đáng nhớ nhất là cấp binh vì hồi trước trong một trận đánh có tin giết được một tướng Việt cộng – có ngôi sao trên nền đỏ! Một anh bạn cười nói với tôi: “Mới vừa có một anh trung tá đi ngang qua, một thằng lính trong tiểu đoàn ra nắm tay đặc đặc: Có thư không? – rồi khoắc vào túi ông ta.” Người ta đã từng coi đó là dấu hiệu tốt của một quân đội nhân dân, từ quần chúng mà ra. Nhưng hình như người ta cũng thấy đó là một sự bào chữa nhất thời. Hàng ngũ chúng tôi, lính cũng kêu “trung uý, đại uý” chẳng bám lấy gì cả, và chúng tôi không như một vai kịch của đoàn Kịch nói Trung ương gọi “Bó lính” như trong tuồng hát bội, chúng tôi đã thành thị hoá đến mức trở thành thô lỗ, du côn, chỉ sai lính trống không “Ê, mày đi lại đằng kia...”, chỉ dành các danh từ hạ sĩ, trung sĩ khi gọi người vô-hộp mà thôi. Còn nhà nước mới cũng biết đến các thứ bậc là cần thiết nên các tờ báo lúc ấy chẳng mấy tờ không nói đến việc chính quy hoá, từ những xã luận nghiêm túc đến các bài phóng sự thô kệch nêu các ví dụ điển hình cứng nhắc về việc chào kính, gọi đáp... Điều đó chứng tỏ họ đã lưu ý đến tình trạng quân giai là cần thiết không phải chỉ vì phú quý sinh lễ nghĩa mà còn vì như một biện pháp chấn chỉnh sự lộn xộn sau chiến tranh, lúc sự hiểm nguy và lí tưởng đã hạ mức độ cố kết trong quân ngũ và bày ra muôn hình muôn vẻ sa đoạ trước mắt chúng tôi. Chẳng có ai nghe lệnh ai hết. Quản giáo là sĩ quan, vệ binh là lính mà lại nói: “ĐM. Tôi coi các anh chứ không phải chúng nó!” Sự xung đột vệ binh-quản giáo là một nỗi khổ tâm của chúng tôi. Quản giáo bảo làm cái này, vệ binh ngăn lại. Trở về báo cáo, quản giáo thúc hối, đến trước vệ binh lên cò súng, cải tạo rút lui. Quản giáo gắt: “Sao các anh không nghe lời tôi?” – “Chúng tôi sợ cây sung dài hơn.” (Kì thực sợ cả hai thứ súng.) Cứ giằng co như vậy để ông thần thời gian làm dịu tự ái đôi đảng, rồi cải tạo len lén qua mặt vệ binh về trại, hay qua mặt quản giáo làm ngo để về phòng.

Quyền hành toả ngang như vậy hẳn là tránh được sự tập trung quyền lực, khỏi những âm mưu nhen nhúm. Các trường hợp xung đột rốt cục đưa đến chính trị viên thu xếp với uy thế của Đảng có mặt khắp nơi. Và như thế là khỏi có chuyện quân đội làm đảo chính như thường thấy ở Thế giới thứ Ba.

Có điều là đối với phần lớn chúng tôi không biết được những diễn biến

sâu kín bên trong nên phải ngạc nhiên không ít. Trong đơn vị chỉ còn có thủ trưởng là được tuân theo, mà chỉ là tuân cho có lệ chứ thủ trưởng tới vệ binh chạy như vẹt, thủ trưởng đi thì đâu vẫn hoàn đấy. Vụ nổ kho đạn bên cạnh cho chúng tôi một ví dụ thêm một bằng chứng bất trị của lính. Câu hỏi đặt ra: “Thế sao họ lại chiến thắng?” là cả một kết tập phức tạp mà lời giải đáp giản dị dễ chấp nhận là “Nhờ có Đảng lãnh đạo.”

Ngày qua tháng lại rồi đến kì học tập nữa. Chẳng có gì hứng khởi nhưng thói quen bù được những ngày mệt nhọc lan trước. Đã thuộc cách thế suy nghĩ theo lối mới nên bớt khổ về suy nghĩ hơn. Lần này khoá học dài hơn và chủ đề thiên về lí thuyết xã hội chủ nghĩa, nhưng thật khó phân biệt với lần trước vì cũng bấy nhiêu lí lẽ được lặp đi lặp lại. Lí thuyết cách mạng xã hội chủ nghĩa đơn giản đến mức độ ông Marx còn sống đến ngày nay chắc phải kiểm ra câu phân trần nào khác hơn: “Je ne suis pas marxiste”.

Thực ra nếu bỏ qua vấn đề tranh giành chính thống thì thật tự nhiên là phải buộc lựa lấy một chủ nghĩa xã hội. (Chủ nghĩa xã hội nào?) Nhưng muốn khỏi mang tiếng đứng trên một nền tảng lung lay thì phải nói rằng chỉ có “phe ta” đối với “phe địch”, và khi phe ta bị vệt mòn hay vỡ ra thì phải coi phe ta là cái mảnh mình bám vào đó – một thứ phe ta của phe ta trước đây, giờ chính thức là phe ta. Nếu thấy thiếu thì có thể bắt quàng lãnh tụ PLO, lãnh tụ một nước Phi Châu nào đấy để gọi là “đồng chí” còn khi văn thư đi Nam Tư thì chúc mừng “Ngài”! Cho nên mới có chuyện nhà trí thức thời đại tướng Thụy Điển là nước xã hội chủ nghĩa, chỉ vì nước này mở hội nghị Stockholm và giúp nhiều cho phe ta, trong đó có nhà máy giấy Bãi Bằng mà các chuyên viên sống trong “làng Thụy Điển” là ước mơ của các cô gái Hà Nội! Cái quan niệm thực dụng tối đa đó đòi hỏi một sự bùng bít gắt gao và tàn nhẫn riêng biệt để dù muốn dù không cũng khôn nấn lên một thứ chủ nghĩa xã hội mà để biện minh phải thêm ý niệm “sáng tạo”. Chẳng ai có quyền được hỏi sáng tạo và xét lại, khuynh hữu hay khuynh tả khác nhau thế nào, chỉ biết rằng quyền sáng tạo thuộc về những lãnh tụ để nhằm xây dựng một chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà qua những điều đã được học tập, khởi đầu có thể đặt tên là “Xã hội chủ nghĩa Bắc Kỳ phong kiến hoá” không cần phải e ngại sự va chạm địa phương.

Hãy nhìn xem một vài hình ảnh họ truyền đạt cho chúng tôi về xã hội tư bản. Giá trị thặng dư được hiểu là giá trị dôi ra giữa tiền bán hàng và công thợ. Ôi! lời quá xá như ông chủ điền chỉ mất công đi một vòng thuê lúa ruộng. Tình trạng thất nghiệp được hiểu là mất công ăn việc làm không còn nguồn cung cấp nào khác – không biết đến quỹ An sinh xã hội, hình ảnh phản chiếu qua sinh hoạt một vùng trải qua năm đói Ất Dậu nên càng trở nên ghê rợn hơn. Lí tưởng đi học để làm quan, làm giàu đối chiếu với hình ảnh thất nghiệp thì chăn trâu ở độ cũng được dùng soi rọi vào con số thất học ở Mỹ để vẽ ra một xã hội bần cùng, đói rách thảm thương. Số liệu và sự kiện lấy từ nguồn tin tư bản không được sử dụng với quan niệm ở nơi xuất phát, liên kết với mức độ tiến bộ vật chất mà lại được dùng qua hình ảnh lạc hậu trước mắt, trong nước và còn được tô vẽ thêm với những hình ảnh ám đạm của những ngày qua. Tư bản bóc lột thì cũng như địa chủ bóc lột thôi – mà có lẽ còn tàn tệ hơn vì được lồng trong cảnh thực dân đế quốc. Suy luận bình thường không thể vượt quá cái biết do cuộc sống đưa lại. Một thi sĩ nổi danh (2004: *Hoàng Trung Thông*), trong một chuyến làm đuôi mua hàng ở Mạc Tư Khoa đã ghi cảm tưởng rồi thuật cho độc giả, tưởng như đây là một luận cứ vững chắc bài bác được bọn tư bản nói dối, khoác lác: “Bọn tư bản cứ nói rằng xã hội chủ nghĩa là Xếp Hàng Cả Ngày, chẳng lẽ không chịu sống có trật tự, tôn trọng lẽ phải như thế này mà lại nhảy lên cướp giật theo lối mạnh được yếu thua hay sao?” Chắc ông ta đã từng nghe bài bác quan niệm “xã hội tiêu thụ” nhưng lại không sống trong xã hội ấy nên không thấy được cái giải đáp tầm thường là có thể không phải xếp hàng, không phải giành giật mà vẫn có hàng để mua! Trách gì những đồng bào không được hưởng những ân huệ quá cao của nhà nước như ông ta nên coi những chuyện bên trời Tây (Nga) mà những người như ông mang về tô điểm thêm theo lối “đi xa về nhà...” là những huyền thoại có thật ở nơi xa ấy, rồi sẽ thành hiện thực ở nước ta. Tiếc rằng thi sĩ khi thuật chuyện trên một tờ báo ở Sài Gòn, hãnh diện về cái ưu việt của phe ta mà không biết – hay cố tình không biết, tỉnh bơ? rằng dân nguy ở đây có một công thức khác cho lí tưởng xã hội chủ nghĩa: Xấu Hơn Cả Nguy. Những “giáo viên” của chúng tôi dựa theo một lí thuyết quốc tế, để cho khỏi mang tiếng hẹp hòi, sách vở, đã cố đem vào trong luận cứ những sự kiện họ thấy được sau tháng 4-75, nhưng đường lối lí giải lại vẫn dựa theo thói quen

suy nghĩ có sẵn, uốn nắn theo một tiền đề không-phải-bàn-cãi, là tính ưu việt của chế độ mới có bằng chứng thu gọn trong sự tiến triển của riêng mình, và vượt cả ra ngoài tính chất khách quan là tình trạng mẹ hát con khen hay, lúc này đã trở thành bình thường. Nhà ngói đối với nhà tranh lụp xụp đã là bước tiến đáng hãnh diện của công trình xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc thì cao ốc – dù là xấu xí – ở Liên Xô hay đâu đó ở Đông Âu thật đáng ngưỡng vọng biết bao! Những con số sẽ đem lại bằng chứng khoa học, bằng chứng thuyết phục. Nước xã hội chủ nghĩa này đã tăng năng suất trong loại này loại nọ bao nhiêu ngàn phần trăm so với thời kì mấy mươi năm về trước. Nước dân chủ nhân dân kia có tốc độ phát triển hàng năm bao nhiêu phần trăm so với nước tư bản to lớn như Mỹ, Anh... cứ ì à ì ạch ở mức khiêm tốn vì khủng hoảng, đình công, dân chúng biểu tình... Họ chẳng cần biết căn bản 100 để tính là bắt đầu từ đâu, chẳng cần biết thu nhập 50 đồng năm nay so với 100 đồng sang năm – vẫn còn ở mức chết đói, nhưng được tiếng là tăng 100%, con ở nơi khác thu nhập 1000 đồng – trên mức sống bình thường, mà có thêm 100 đồng thì chỉ mới tăng 10%, thua “ta” xa! Dân làm nghề thống kê ở xứ “tư bản” đã có câu tục bi quan: “Thống kê là một cách nói láo có bằng có khoa học”, nhưng hẳn ta sẽ nói sao nếu được sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa có những con số thống kê “lấy thành tích” mà bọn nguỵ nghe khoe khoang đã giật mình, và tìm được một công thức nữa là: Xạo Hết Chỗ Nói!

Vì coi thất nghiệp là hậu quả của sự bóc lột lợi nhuận tối đa nên ở các nước xã hội chủ nghĩa tiên vãn là không thể có tình trạng ấy được, Công việc được chia đều cho mọi người cùng làm vì có công việc là đồng nghĩa với co nhân phẩm: “Lao động là vinh quang.” Người ta không nhắc tới, làm như không biết đến từ thực tế bình thường, là lương không đủ sống phải xoay sở, biếng nhác lờ đờ, và bỏ quên đòi hỏi của lí thuyết phát triển mà chế độ nhân danh tiến bộ thường huênh hoang: Phân công không phải là chia việc, chia đều việc và chẳng có gì ngăn cản sự phát triển hơn là một chế độ thư lại như truyền thống phương Đông đã chứng tỏ.

Mà chẳng sao! Truyền thống luồn vào chế độ mới đã được chấp thuận với danh nghĩa “sáng tạo”. Những người trốt-kít quá bám lí thuyết trên phương diện quốc tế có lúc đã coi mình như không phải là người Việt Nam,

sự quá khích đó thích hợp với những khối óc trí thức suy luận trừu tượng, tìm thấy được lí do khinh miệt từ một xã hội nông nghiệp lạc hậu chung quanh họ mà từ chủ thuyết biện minh cho sự kiêu căng không chịu thú nhận. Còn những người Đệ tam tuy khẳng khẳng tự nhận theo đúng đường lối, khẳng định rằng giai cấp công nhân vẫn giữ vai trò lãnh đạo có nông dân là đồng minh chủ yếu, nên họ đã kết tập được một số đông để thành công nhưng những yếu tố vô thức của lịch sử đau có chịu thua! Nhóm lãnh đạo là trí thức – đến nỗi phải có lời hô hào “vô sản hoá”, gồm con cháu sĩ phu, địa chủ, cả đến những chức chương trong hệ thống phong kiến thời thuộc địa. Công nhân cũng chỉ là những nông dân thất thế nên tính giai cấp của kinh điển chỉ mờ nhạt trên một nền tảng ý thức có từ ruộng vườn, làng xóm, phong tục... Cuộc chiến lần thứ nhất đẩy Đảng về thôn quê nương tựa trên lớp nông dân tự cung tự cấp, Giai cấp Công nhân trở về số không (Lenin đã nói rồi!), có gắng gượng thì hãy gọi là công nhân những người làm ở các xưởng vũ khí nhưng thực ra đó là những nông dân, tiểu tư sản mặc áo lính không có cái tương quan của xã hội công nghiệp bình thường, được nuôi dưỡng bằng tinh thần dân tộc nồng nhiệt, thứ tinh thần mà lí thuyết gia giận dữ gọi là tinh thần dân tộc tư sản! Có nhận ra sự bó buộc trong hoàn cảnh khách quan như vậy mới hiểu sự cần thiết liều lĩnh phải đưa ra chính sách cải cách ruộng đất, nghĩa là làm xáo trộn nội bộ ngay trong thời kì chiến tranh còn ác liệt để đem lại lời tự khen về sự sáng suốt của Đảng. Vai trò của người Trung Hoa có tác động mạnh trong quyết định này, vai trò của một xứ làm khuôn mẫu cho phong kiến phương Đông với lượng nông dân tràn ngập đã làm nên cuộc cách mạng gọi là vô sản từ nông thôn sau khi nó đã thất bại ở các thành phố, nơi nó phải xuất hiện đúng theo lí thuyết. Thế là sự trì trệ bắt đầu có căn bản vững chắc từ nền tảng xã hội đó với khung cán bộ chọn theo tiêu chuẩn “ba đời bần cố”. Đám tiểu tư sản, trí thức được đào tạo từ thành phố trở nên “mất gốc”, phải theo lí thuyết “Ba cùng” đi chân đất, đầu phục giai cấp, thực ra là đầu phục sự lạc hậu thành hình. Cuộc hôn phối lạ lùng giữa lí thuyết hướng về tương lai và con đường thực hiện lún sâu vào quá khứ đó được diễn tả một cách điển hình với mẫu hồi kí trong giây phút giác ngộ - *illumination* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Giả định của anh giáo viên Tân An “Nếu cụ Hồ lập chiến khu ở Miền Nam...” không thành hình được vì những điều kiện lịch sử - địa lí quy định. Và lại chuyện đã qua không dung chứa chữ “nếu”. Một sự kiện lịch sử trần trụi là “Cụ Hồ đã lập chiến khu ở Miền Bắc” nên chúng ta bây giờ thấy được một quan niệm và tổ chức xã hội chủ nghĩa Bắc Kỳ, chồng chất với ba mươi năm có tuyệt đại đa số trong vùng sống bên lề những thay đổi vào giai đoạn cuối của điều người ta gọi là gia tộc của lịch sử thế giới.

Bởi vậy người cán bộ kĩ thuật Miền Bắc mới chê cái máy điện nhỏ có hệ thống kiểm soát tự động mà khen cái nhà đèn Chợ Quán, người cán bộ hành chánh chê cái lối “ăn một chỗ, ỉa cũng chỗ đó” của cái cầu tiêu bên cạnh phòng làm việc, phòng ngủ, và nhưng người bộ đội cất luôn cái nhà tranh bên cạnh doanh trại gạch ngói cũ, dùng làm nơi làm việc, nơi gương Bác ở Bắc Bộ Phủ.

Người quản giáo của đội chúng tôi có lần bảo: “Các anh đừng có ‘sợ’ Cộng sản. Rồi các anh sẽ thấy rằng sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chẳng có gì khó khăn lắm đâu. Việc gì phải phiền phức lôi thôi nhu cầu này nọ như các anh! Làm việc ngày 8 tiếng, cơm than gạo củi mắm muối đã có tiêu chuẩn Nhà nước. Con khi nào phải đi họp mà đồ lười ra thì bảo thằng Cu đi thay!” Vâng đó là lí tưởng của một thứ đời sống công xã nông nghiệp. Nhưng chúng tôi lại thấy vừa đủ khó khăn trong khuôn khổ ý thức hệ lí tưởng ấy.

Nếp sống ồ ạt quen với sự thúc giục của xe cộ, của thời gian, chuyển qua thành sự ồn ào của tay chân quơ múa, bước đi vội vã, mắt nhướng miêng la, chúng tôi cũng đem nó vào trong trại với mớ kiến thức khá cao riêng biệt của nhóm biệt phái. Tự tập lại, ngồi chung ăn cơm, hút thuốc Lào... thì thế nào cũng nổi lên cuộc tranh luận triết lí, văn chương, khoa học... ồm tỏi cả lên. Một hôm anh Thao đưa cho tôi một rẻo báo *Sài Gòn Giải Phóng*, chỉ một đoạn feuilleton: “Này xem, bọn tù binh Đức giống y bọn mình...” Một buổi chiều một con bọ ngựa cái rơi từ cây me xuống đất đương ngơ ngác thì lọt vào mắt xanh của một anh chẳng có việc gì làm. Một tay góp ý: “Con này là con cai đấy, con đực nhỏ hơn, khi chúng giao hợp xong thì thế nào con cái cũng quay lại ăn con đực.” Cuộc tranh cãi nảy lên, nhưng cách giải quyết cũng dễ: Bọ ngựa còn trên nhánh me thiếu giống gì! Thế rồi hai người ngồi trên đất thả

cặp bộ ngựa vào giữa chờ xem kết quả. Vài ba người khác tham gia thành một vòng tròn lôi kéo thêm nhiều người nữa. Vòng trong vòng ngoài chen nhau, người ngoài lấn vào, người trong nống ra dành chỗ cho “giao” trường. Một anh quản giáo đi qua lên tiếng hỏi không được trả lời từ đám đông bèn xô đẩy, bèn đưa cánh tay len vào – cũng bị hất ra như ai, nhưng cuối cùng được thoả mãn liền tùm tùm cười bước đi. Thật rất lâu mới tới hồi kết cuộc. Khi con bộ ngựa cái quay ngoắt lại tấp con đực thì đám đông ồ lên như ong vỡ tổ.

Người ta la, người ta hét, người ta vỗ tay nháy căng lên... Hai vệ binh ở tiểu đoàn xách súng chạy xuống chỉ gặp một đám khùng nhảy múa, hỏi chẳng ai trả lời vì mắc cười!

Khi có việc lên tiểu đoàn (lãnh gạo, muối...), lên trung đoàn chúng tôi kịp nhận ra cảnh vắng lặng trái ngược. Không phải cái không khí lặng lẽ của một nơi làm việc nghiêm túc. Vài người lính lui cui ngoài vườn tưới nước, xới cây. Đám anh nuôi lảng xảng qua lại nhưng cũng không nói một lời. Những anh trai tán gẫu cô thợ may mà như người thăm bệnh. Trong các phòng, họ xúm lại quanh tách trà, điều thuốc lảo, im lặng.

Những người ngồi góc cột, dưới gốc cây, ngó vắn vơ. Tất cả cùng ngồi một kiểu – kiểu *nước lứt*, hai chân co lên trên giường, trên ghế, trên đất với hai tư thế: hoặc là đầu gối quá tai như hai cái còng muốn che khuất cả thân mình, hoặc là chống trên hai bàn chân để bộ mặt nhô ra, nhưng tất cả đều có một vẻ gò bó, muốn thu nhỏ lại chừng nào hay chừng nấy.

Cái lối sống đó đối chọi với chúng tôi nhưng tất nhiên lại là căn bản cho khuôn mẫu học tập. Sự sửa sai thường xuyên được nhấn nhủ qua các lần giao ban hoặc lên lớp. Tất nhiên trong cuộc sống ở đây, chúng tôi có buông thả hơn ngoài xã hội - tù mà! Nhưng những lời chỉ trích cũng toát ra một cái gì từ thứ lễ giáo đã qua không biết đến sự thay đổi của thời đại cũng như thực tế của chúng tôi. Họ trách chúng tôi suốt ngày “ở trần trùng trục như *lai* (nai)!, gặp họ không chấp tay chào, “cứ trương mắt ếch lên”. “Bọn thực dân đế quốc đã tung tiền biến các anh thành những con người mất gốc, không biết đến những gì tốt đẹp của truyền thống dân tộc, những gì quý báu ông bà ta đã tạo ra và dâng tâu gìn giữ nó. Phải tách rời những cái tốt đẹp, thân thiết đó, các

anh mới đang tâm đội bom xuống xóm làng, xuống đầu những người thân thích các anh mà không chút ân hận xót xa...” Û, cũng đúng sách vở đấy, nhưng giá lúc nào anh gặp một tên cải tạo cũ, được hắt mời về nhà chơi trong tư thế làm chủ bản thân của hắn, anh sẽ thấy hắn như thế nào. Trừ khi anh còn nhớ sách vở và hắn còn khinh ghét anh.

Bộ đội còn dạy chúng tôi cả cách đi đái. Bỏ ra ngoài tính chất hoàn cảnh ràng buộc thì đây cũng là một mối xung đột do hoàn cảnh sinh hoạt khác nhau. Họ không biết chúng tôi không ai mặc quần dài rút mà tất cả đều là dây thun, cho nên vào cầu tiêu một mình một cỗi sao không tuột ra cho nó thông thả? Bây giờ bạ đâu đái đấy – đất rộng mà là tù mà! Lại cũng vẫn cách ấy mà làm, gập quần giáo tới, luống cuống xoay xoay nào cũng chẳng được, càng ngo ngo ra đấy – luống cuống không phải vì sợ mà vì ý thức có người lạ như gái Thượng tắm gặp trai Thượng thì tỉnh bơ nhưng gặp trai Kinh thì leo lên bờ chạy trốn! Hành động như thế là mất dạy rõ ràng. “Thực dân đế quốc – lại cũng thực dân đế quốc, dạy các anh trâng tráo không biết xấu hổ là gì hết, ông bà mình xưa (!) làm việc đó một cách kín đáo, khuất lấp, vén quần che bẹn chứ có đâu như các anh bây giờ cứ tồng ngồng ra, chẳng văn minh, văn hoá gì cả!”

Kinh nghiệm trực tiếp và những hiểu biết về sau sẽ cho chúng tôi biết và chúng kiến mức độ tàn bạo của họ được hướng dẫn bằng sự quá khích lí tưởng vượt ra ngoài những ràng buộc pháp lí thông thường. Lí tưởng cách mạng biện minh cho mọi hành động đẫm máu đối với những kẻ tự nhận hay bị coi là kẻ thù – bị đặt bên kia biên giới của sự khoan dung. Nhưng những con người ưu việt kia không được biết ranh giới giới ấy co dãn là chừng nào khi bước từ lí thuyết đơn giản qua cuộc sống phức tạp để từ đó thấy bộ mặt con người thù bạn cũng thiên hình vạn trạng, nay thế này mai thế khác theo đường lối, chính sách mang tính thực dụng đến ngõ ngách quay quắt – hay đường lối, chính sách đẻ ra từ những sai lầm ngớ ngẩn, ngu ngốc không được thú nhận. Tuy nhiên, chẳng thắc mắc nhiều – mà thắc mắc cũng chẳng được, về đường lối giai đoạn, các tín đồ mới chỉ thấy những kẻ thù trước mắt, tức khắc, chỉ thấy lí tưởng, hay nói đúng hơn, giáo dục lí tưởng là luật pháp đã trao quyền áp dụng cho họ. Vì thế chỉ đoành một phát là xong, là đủ.

Rồi bởi vị thế đáng lẽ phải “bỏ đi” đó, tên phản động một khi được chấp nhận trong vòng bao dung thì có thể hưởng sự chăm sóc đến là khó chịu, vì ý tưởng hướng dẫn cải tạo là một thứ quan điểm tập thể công xã nông nghiệp viên dẫn đến ca dao tục ngữ “bầu ơi thương lay bí cùng...” Những kẻ được chấp nhận vào vòng rồi phải coi đó là một cái ơn cần cõ ngậm vành, phải học các câu thiệu: “Biết ơn Cách mạng không những cho tôi mạng sống mà còn cho lẽ sống...”, phải được huấn luyện *day* và *đồ*: “thương cho roi cho vọt”, “nặng về giáo dục mà nhẹ về trừng phạt”, đòi hỏi một sự chăm sóc đặc biệt, chi li – như câu chuyện đi đái trên – khiến chúng tôi cứ tưởng mình đang hưởng một chế độ kì mục mới mà các chức sắc thật tin tưởng vào nhiệm vụ sắp xếp việc làng khi la rầy, sửa chữa sai trái của đàn em cho vào khuôn khổ... Và khi cần thì cũng phải gay gắt day nghiền như khi đối với trai bạn: “Thử nghĩ các anh đã làm gì để xứng với miếng cơm mà nhân dân, Cách mạng đã cho các anh ăn hàng ngày?” Người ta chẳng có thể hiểu được, hoặc chẳng cần người chỉ cho hiểu rằng sự cần thiết giam giữ chúng tôi có ích lợi như thế nào đối với chính quyền để chén cơm, miếng bột hàng ngày chỉ là những chi phí nhỏ nhoi, thảm hại...

Cái mới trong nền giáo dục đó là sự trở mặt bất chợt đến ngạc nhiên, sững sờ! Một hôm chúng tôi được gọi lên lớp để nghe “lên lớp” về tội trạng không chịu giáo dục cải tạo. Một cái thế xa luân chiến dồn dập. “Tội các anh là tội bán nước, làm tay sai cho đế quốc, cầm súng ngoại bang (AK? B40?) giết hại đồng bào, tàn phá xóm làng... tội ác đến nước bể Đông không rửa sạch, trời không dung, đất không tha... Thế mà nhờ ơn Cách mạng khoan hồng, tuân theo Di chúc của Hồ Chủ tịch, cho các anh đi học tập cải tạo để trở thành người dân lương thiện... thế mà các anh từ chối sự giáo dục của Đảng, âm mưu nhen nhúm chống đối (ở cái nhóm Những ông già?) hòng bẻ nạng chống trời...” Đang đà hăng hái, người quản giáo thường ngày đối với chúng tôi rất thuần hậu, thân mật, bèn chỉ vào cái khẩu hiệu viết từ thời nào trên vách tôn: “Các anh âm mưu gì thế? Viết khẩu hiệu như thế là với ý đồ gì? Luyện tiếc quá khứ như thế có kết quả gì không?” Một không khí nặng nề theo chúng tôi về phòng. Thế rồi mới đó lại mềm mỏng, lại thân mật như không có điều gì xảy ra. Đến lúc nào thì bão tố trở lại?

Sự giả dối đành rằng ở đâu, lúc nào cũng có, nó gắn liền thành một với bản chất sự thật và xuất hiện để tôn xưng sự thật, nhưng khi giả dối đã trở thành tinh vi che khuất được sự thật thì tương quan xã hội biết kết tập vào đâu cho xứng đáng? Trong cái thế hạ phong “Sinh mạng các anh ở trong tay...” như người vệ binh nói thì làm cách nào chúng tôi có thể nhìn qua những vẻ mặt hiền lành, lời nói ngọt ngào để biết ý định muốn trừ khử chúng tôi? Còn nói rằng nhu cầu giai đoạn chưa cần đến mức độ trầm trọng đó mà chỉ có tính chất đe dọa, thì chột vui chột buồn, chột giận chột thân được tập thành một cách tự nhiên, tỉnh táo như thế thì cái khuôn mẫu con người mới rành rành trước mắt chúng tôi đó thật đáng thất vọng biết là chừng nào!

Đó là tất cả những gì chúng tôi học được về xã hội chu nghĩa trong hình thức Việt Nam - muốn hay không muốn, không thuộc về người cán bộ giáo dục, càng không phải thuộc về chúng tôi. Giáo dục cải tạo, trong mong muốn của người chủ trương, được hình thành qua sự cưỡng bách và tự nguyện. Nhưng có lẽ người chủ trương có biết cũng không ngăn cản được, đó là còn có sự phản ứng, biểu hiện khác của tự do, ngoài tự nguyện.

Có điều phản ứng chỉ là của cá nhân run sợ nên các buổi học thật tròn trịa, êm xuôi. Sự “thoái mái” đã thấy có. Những danh từ, ý niệm, cái gì rồi cũng quen, không phải quen với chân lí mới mà quen với những điều mình vẫn không cho là phải. Phát biểu suôn sẻ, đỡ ngập ngừng hơn, mấy cái máy nói oang oang không còn dấu vết gì là nguy, trừ sự chứng tỏ phát biểu chân lí Cách mạng rành rẽ hơn người Cách mạng. Những đám ngực than van ân hận thì vẫn như cũ, sự mật sát đế quốc thực dân có cao giọng hơn và mọi tin tưởng hi vọng có dài hơn vì ghép thêm một tương lai Việt Nam thịnh trị của Việt Nam thống nhất trong cộng đồng nhân loại không giai cấp, không áp bức. Nói tóm lại, chúng tôi đã sử dụng sót sao những từ ngữ đã thành nhàm nhưng vẫn là đúng với một thiên đường hạ giới.

Thời sự lúc bấy giờ đang sôi nổi về vấn đề thống nhất, tuyên cử – hay ít ra đó là những điều chúng tôi được biết trên báo chí. Bài học lúc này không đem gì mới lạ cho chúng tôi trừ một sự thú nhận không biết là do can đảm thành thật hay vì quá tự tin.

Khi giải đáp cho vấn đề họ tự đưa ra là sao không để Miền Nam trung lập vài năm để nhận viện trợ từ cả mọi phía, cho cuộc tái thiết mau chóng, dễ dàng hơn, thì người giáo viên trả lời: “Sợ giai cấp tư sản nương vào đó mà mạnh lên lại khó trị, cản trở sự thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng”.

Gọi là không có gì mới lạ bởi vì bài học, lí luận van chỉ là cách giải thích cho lí thuyết, biện minh cho chính sách trên các sự kiện ai cũng thấy. Gọi Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, Chính Phủ Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam là bù nhìn cũng đúng với cái nghĩa một cơ cấu được xếp đặt sẵn tuy thật là khôn ngoan – nhưng cũng không nên phủ nhận sự nồng nhiệt ở nơi những người lãnh đạo, tham gia phong trào. Chính quyền Quốc gia, Cộng hoà trong hoàn cảnh riêng biệt của nước nhà, và các chính quyền tư san Tây Phương với quan niệm xây dựng chính quyền của họ, đã để trống thật nhiều những cơ hội tung hoành ở cơ cấu hạ tầng xã hội mà những người chống đối tưởng có thể tìm ở đấy ước mơ muốn thoả mãn. Xã hội thành thị giúp họ lòng tăng tiến can đảm. Thế rồi đường dây bí mật dẫn họ ra bung, bảo vệ họ hoạt động ở đấy đủ là một sự đe dọa vô hình cho sự hèn nhát không kịp thành hình trong khi sự tính toán khôn ngoan đẩy họ tiếp tục theo phong trào. và những người lãnh đạo thực của phong trào đã tìm cách đặt họ đúng chỗ – có xộc xệch chút ít thì những người kém may mắn ráng chịu, gắng phấn đấu để tương lai sẽ đền bù. Họ không là bù nhìn nhưng người ta đã dùng họ như bù nhìn với lời dẫn dụ tự nguyện: “Bù nhìn giữ dưa cũng có ích cho người lắm chứ!” Khả năng “sinh hoạt” lãnh đạo của họ chỉ vừa đủ trong nhóm, trong vòng thân thuộc quen biết nên ở chính phủ này, mặt trận no cũng đủ cho họ thi thố tài năng, công kích đế quốc tay sai, phát biểu ý kiến về đường lối chính sách (tất cả đều dễ vì có sẵn rồi). Còn sự chỉ đạo, tuyên truyền trong ngoài nước, chỉ đạo chiến tranh, kết hợp quần chúng, họ không với tới được cũng chẳng sao. Họ bồng bênh trong một môi trường có sẵn nâng đỡ, nuôi sống họ, nên đủ thấy gần với “đất nước” để tự phô trương mà không thấy thắc mắc.

Cho nên hết dưa, bù nhìn mất tác dụng, hay đúng hơn mất tác dụng dần dần trong mùa hái dưa. Sau 30-4 còn thấy dáng chính phủ đây đấy với một ít bộ trưởng, thứ trưởng nhưng chỉ có những người ngò nghếch mới chờ ông Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát về đóng ở dinh Độc lập. Cả một bộ máy

tiếp quản không để ai nghi ngờ về thực chất quyền bính nằm ở đâu. Chỉ sau này, như một phản ứng – kín đáo – của kẻ bị cướp công, người ta mới thấy bày tỏ công tác chiến đấu ở địa phương trong hồi kí của tướng Trần Văn Trà, chứ ở quyển *Đại thắng mùa xuân*, người chỉ huy từ Miền Bắc đưa xuống đã công khai nói đến sự chủ động tấn công từ Hà Nội. Nếu có cần giải thích cho một biểu tượng thì người ta cũng sẵn một lời giải đáp: “Cờ đỏ sao vàng là cờ Tổ quốc, cờ xanh đỏ sao vàng là cờ Mặt trận.” Hay nói như một kẻ nào đấy không biết mình là nguy khi tìm ra lời giải thích: “Cứ kéo màu đỏ đè xuống màu xanh là ra cờ thiết chế con gì phải hỏi!” Vô kịch cổ điển quá nên hồi kết cục chẳng ai ngạc nhiên. Chỉ người khó tính mới thắc mắc với chữ “hiệp thương thống nhất”, còn thì: “Như mẹ bảo con đưa tiền hai mẹ con ta tiêu chung.”

Nhưng đã xem kịch thì cũng phải có lời bàn về các vai trò trên sân diễn, theo với sự chú ý, khuynh hướng của mình, không nệ phân biệt nhân vật chính hay phụ, không cần chuyện bị coi là “hủi”. Thực ra chẳng có gì bàn nhiều về các nhân vật của Cục R hay của Hà Nội vì chúng tôi không biết gì hơn ngoài các điều trên sách báo. Chỉ có anh chàng đại úy ở Phủ Tổng thống thuật chuyện dắt đưa con sĩ quan của ông Huỳnh Tấn Phát đi trình diện làm người nhận đăng kí ngơ mặt: “Cha Huỳnh Tấn Phát, mẹ Bùi Thị Nga, dõn sao cha!” Cậu chuẩn úy này khi vào Thủ Đức đã được mật vụ, công an hai bên chiếu cố thật kĩ! Chuyện một đứa con khác của Huỳnh Tấn Phát vào bụng “phá làng phá xóm” theo kieu con ông cháu cha. Chuyện em người này xúi bà dì – bà Bùi Thị Mĩ, thư kí của bà Thiệu nổi bật hồi vụ công chúa Bokassa: “Sao dì không di tản?” Chúng tôi cười vui với chuyện này nhưng vì bị đặt vào cái thế “kẻ thù” đích danh, riêng biệt nên không tưởng tượng nổi cái lối cộng sinh như thế nào ở những con người lâm vào cái thế phải đi chàng hảng đó. Chúng tôi cũng không thể nghĩ ra tâm trạng của những người “hồi đầu lập công, về với Tổ quốc” mà sinh hoạt cũ chắc phải gây bối ngỡ trong thời mới dù rằng họ sống ở Sài Gòn bây giờ, cái riêng của họ còn may mắn gặp cái chung của xã hội họ từ bỏ. Nguyễn Thành Trung đã trở thành huyền thoại trên các trang feuilleton của tờ *Quân Đội Nhân Dân*. Huyền thoại xưa hơn là của trung úy Vĩnh... qua hình ảnh cô con gái út bắn carbin trong sách của W.

Burchett. Tất cả bây giờ dồn chung lại thành một thứ muốn trở thành huyền thoại trong một bức ảnh của “các sĩ quan nguy yêu nước” tham gia Đại hội thành lập Mặt trận Tổ Quốc. Tấm ảnh sần sùi như vai trò của họ không cho đoán được những khuôn mặt quắt queo kia là ảnh hay hình thực của họ. Một anh bạn nha giáo dè bủ: “Nguyễn Hữu Hạnh yêu nước? Yêu đôla thì có! Vợ ông ta lập cái ba ở đường Tự Đức, có đám con ỷ thuộc nhà tướng xắc láo gây lộn với con tôi bị ăn loi một lần rồi!” Chẳng hề gì câu chuyện làm ăn đó. Có điều cái nhãn hiệu “sĩ quan nguy [bán nước] yêu nước” có tính chất sắp ngửa, lá mặt lá trái quá.

Rồi lại có tin Dương Văn Minh được trả quyền công dân để sửa soạn bầu cử. Uy tín của ông này sụt hẳn xuống trong tù. Chẳng ai tranh cãi về công của Dương Văn Minh vào ngày 30-4, chỉ có lời hăm hực: “Giá như Dương Văn Minh đừng kêu gọi đầu hàng...” Làm như Dương Văn Minh không đầu hàng thì không có chiến bại vậy! Vai trò của một nhân vật lịch sử còn trong thời sự thì khó được sự đánh giá đúng mức. Vai trò chuyển tiếp của ông ta để bớt thêm một ít máu đổ vô ích, muốn hay không ông ta cũng đã làm tròn. Nhưng giá sau đó ông ta tự tử thì hay hơn. Cho dù mình đã lầm lạc thì hành động “hồi chánh” đó cũng không biện minh được cho cuộc sống tiếp theo. “Thành mất, tướng chết theo...”, cái bi kịch đó một người mang dòng máu phong kiến như Nguyễn Khoa Nam, những viên tướng ngoài mặt trận đã làm tròn. Nhưng chắc không thể đòi hỏi như vậy với bản chất bình bồng: một hiện tượng marginal của người lai mà ông còn nhận rất rõ, một người gốc xuất thân thơ lại của thời ngoại trị. Nhưng sau bao năm làm đàn anh thiên hạ, làm quốc trưởng – tuy ngắn ngủi, có hình ảnh thần tượng dài hơi một chút, sao không để lại tí gì cho một chút tự suy ngẫm về tư cách, về trách nhiệm của mình để ông ta lại đi bầu cử dưới ống kính tuyên truyền trong khi bao nhiêu đàn em của ông ta còn nằm trong ngục tù?

Nhưng đó chỉ là những điều nói lên. Nói công khai là một người trí óc bất bình thường: “Muốn thống nhất đất nước phải có sự thống nhất gia đình vì gia đình là nền tảng của xã hội. Như tôi đây...” Người quản giáo tham gia cuộc thảo luận đội, đang chỉ người này người nọ thúc đẩy phát biểu ý kiến, nghe đến đây lật đật xua tay: “Thôi, thôi... anh khác tiếp đi...” Người vừa nói

là một sĩ quan trợ y. Anh bắt đầu nói huyền thuyên từ sau Tết. Tôi gặp anh thường đi lấy nước suối, thay vì gánh thùng như mọi người lại vác một ống sạc đạn ôm dài theo thân mình, áo quần rách nát, mắt lạc đi khiến cho có dạng gì ngờ ngợ hơn nữa, chân chỉ xỏ có một chiếc dép mòn vẹt. Trông anh hao hao cái dáng khổ hạnh của hình người vác thánh giá trên sách vở nào đó. Ngày được thả anh vui mừng xỏ cả đôi dép gọn ghẽ, nhưng nghe nói khi về nhà anh lại nạy cả gạch bông ra lấy chỗ “trồng rau lang”.

Không phải chỉ mình anh, trong trại cũng xuất hiện một vài trường hợp bất thường – đúng hơn, những cuộc khủng hoảng thoáng qua. Bắt đầu là một thời gian dài trầm ngâm, lẩm bẩm một mình. Có kẻ nằm lì trên giường, tuyệt thực làm reo với chính mình, bạn bè có thương hại hay tinh nghịch bốc com bỏ giùm vào miệng thì cũng biết hả ra nhóp nhép. Có người, giờ ngủ ban trưa chui vào giữa đồng dây kẽm gai hít đất. Con đường tự cứu rỗi của nhà tu khổ hạnh thời đại mới đấy!

Chuyện “chính trị trọng đại đáng ghi nhớ”, “niềm hân hoan cho cả nước” bỗng tịt ngòi vì một biến cố kinh hồn xảy ra tại chỗ. Ngày 23, 24 (?) - 4-1976 có vụ gọi là nổ kho đạn Long Khánh.

Ở vị thế của chúng tôi lẽ tất nhiên không biết kho đạn ở đâu trước khi nó nổ ra. Năm 1975 trời mưa nhiều đến qua Tết nên chúng tôi phải dọn cỏ thật là cực. Một vài vụ đốt cỏ hàng rào gây nên những tràng nổ nhỏ của các loại đạn M16 cũng đủ làm chúng tôi hoảng hồn. Đi dọn đất bên khu Pháo binh, thật nhiều mìn úp mở trên mặt đất khiến chúng tôi phải dè dặt tránh né và cũng chưa hề gặp tai nạn – may mắn hơn rất nhiều các bạn ở nơi khác. Một vài vụ nổ mìn nơi vòng rào cũng có ở T chúng tôi. Những dấu hiệu như thế như nhắc nhở tình trạng nguy hiểm bao quanh nhưng quả cái quen, cái quen đã giúp chúng tôi sống thật tự nhiên qua những thoáng giật mình. Cho nên buổi xế chiều hôm đó, nghe từng loạt đạn nổ lạch bạch tôi vẫn lững lờ nơi khu gần đấy.

Loạt đạn hơi cay tiếp theo xua tôi chạy ra xa, về dưới suối hơn là do sự hoảng hốt bắt đầu chọn rốn chung quanh.

Tiếng nổ càng lúc càng nhiều hơn và có xen thêm tiếng “bùng” lớn.

Chúng tôi bị lừa hết vào phòng nhưng vẫn có người nán ở khu vực giữa hai dãy nhà hi vọng được bức tường che đỡ. Tình trạng hỗn loạn càng lúc càng tăng. Người đổ dồn xuống khu vực chúng tôi, nghĩa là cách xa nơi nổ nhất, càng nhiều. Những thân hình trần trụi trụi, đen điu, ngơ ngáo dồn đẩy nhau như một loại đàn bò lạ trong phim Viễn Tây. Có những loạt súng bắn vút theo những người vượt hàng rào chạy xa tiếng nổ. Có tin loan rất nhanh: Một tên cựu pháo binh ngồi lì trong bếp bằng lòng với định mệnh: “đạn tránh mình chớ mình đâu có tránh đạn được”, bị cả khối đạn cối tiện lìa cả một cẳng chân.

Những khối đạn như thế cũng bắn về phía chúng tôi, xoi lung cả vách, dội lại hai ba lần rồi mới chịu dừng. Không ai bảo ai tất cả dồn hết vào nhà tuy cũng không thấy an tâm lắm.

Căn phòng khoảng hai mươi thước vuông có sập nằm choán chỉ chừa một lối đi mà chứa đến trên dưới hai mươi người ngồi co nép vào vách, có người đội cái đĩa nhôm trên đầu hi vọng che được đạn. Vài người hết chỗ leo lên sập co vào góc tường. Anh đội trưởng niệm Phật liên hồi: “Nam mô Cứu khổ Cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát”. Tiếng rú rít liên hồi. “Phản lực!” Một chút lo sợ xen lẫn hi vọng. Chuyện to hơn mình tưởng chẳng? “Không! Hoả tiễn! Kia, kia, nó vút lên!” Một người ngồi trên sàn ló ra cửa sổ rồi lại thụt vào, ngựa người ra tránh cái hướng của những khối đen vút lên trời. Một tiếng rú đến gần, vút qua mái nhà rồi nặng nề đánh ịch phía sau. Không có tiếng nổ tiếp theo nhưng ai nấy cũng hoảng hồn chúi đầu xuống. Tôi và vài người nữa lòn xuống phía dưới sập trong lúc một trái đạn 60 đuổi theo hết đà đâm vào tường. Mái tôn nổ bùng lên rồi một khối đen đen tung xuống, đánh toạc miếng vải bố rồi chạy tọt vào góc tường nằm im lìm. Hàng loạt mảnh kim khí rào rào trên mái.

Chẳng còn ai có đủ tâm trí để nhớ cái cảnh kinh hồn ấy kéo dài bao lâu. Tiếng niệm Phật cũng dứt luôn. Cũng chẳng ai biết cái cường độ hỗn độn ấy sục xuống vào lúc nào. Hình như kho đạn lớn nổ xong chỉ khoảng mười lăm phút và kéo dài với những tiếng “bùng” bất chợt thưa dần đến năm giờ chiều. Mọi người nhóm dậy nhìn cái mái tôn toang hoác gió thổi rập rình. Viên đạn 60 còn nằm lù lù đó, may mà rỗng ruột, không có đầu nổ. Vôi, xi măng ngổn

ngang nằm lẫn với các khối sắt rải ra trên từng bước đi. Cả khối hoả tiễn bay vụt qua nhà lúc này là một khối 122 li chúi đầu xuống gốc chuối, còn ló lên khúc kim khí in hàng chữ “Chế tạo tại Liên bang Xô viết...”

Bộ đội xưa ai về khu vực này rồi điểm danh. Người tổng quản giáo trưởng cũng là dịp để khoe khoang: “Các anh chạy như chuột là thói quen của các anh, người lính Cách mạng dù thấy chết vẫn đứng hiên ngang, oai hùng...” Quả thực có một người đáng nhận lời tự phụ đó: Anh quản giáo này trong lúc đạn nổ vẫn đi qua đi lại xưa tũ vào các chỗ núp, bình tĩnh làm tròn nhiệm vụ đến lúc có một viên đạn nổ gần bên. Nhưng thật nhiều người khác hẳn không muốn nhận cái huênh hoang hùng diên ấy. Vài người nằm ẹp dưới bờ suối chung với cái tạo. Có người thiệt thà: “Chưa từng thấy trận pháo kích nào kinh hồn như vậy...”

Bệnh xá trung đoàn tràn ngập người nằm la liệt. Một người khiêng thương về lặc đầu: “Chẳng có gì cả ngoài thuốc đỏ...” Người sĩ quan pháo binh vừa ôm cổ người công vừa nhả lời từ giã, giọng điệu bình tĩnh. Cái chân đứt rời của anh nằm lẫn lóc trên bàn, nước da tái mét. Lại chết thêm anh chàng được sĩ cùng tổ với anh tự tử để cho hoạ sĩ Trịnh Cung nổi danh “vẽ ai người này chết”. Anh được sĩ giữ việc nuôi heo, mê đánh mạc chược quên cho heo ăn, đến khi nghe nổ chọt nhớ nhiệm vụ của mình lật đặt bỏ lên chuồng heo rồi kẹt ở đấy. Chuồng heo là cái cầu rửa xe, che bằng các tấm PSP, chứa đến bốn người núp. Một anh bạn cũ của tôi trong lúc hoảng hốt, bung ra chạy về phía cái giếng, tụt nhanh xuống. Anh ở dưới đó đến lúc yên mới leo lên, và hú hồn thấy đồng bạn lớp chết lớp bị thương vì một viên đạn cối nổ sát bên. Anh bạn tôi còn may mắn hơn một người khác, theo đường dây nhảy xuống giếng bị cái tay quay đập nát đầu. Nhưng rủi ro muộn màng là một anh đang núp trong conex tường tai nạn đã qua, bước ra ngoài ngó lảo liêng nghe “bùng” một tiếng ôm mặt ngã xuống. Các bạn hoảng hốt nằm sấp xuống lồi chân anh ta vào: Mảnh đạn xuyên qua một mắt làm anh ngất đi. Sau này, qua nhiều trại tôi còn gặp anh “độc nhơn long” ấy.

Ngay sáng hôm sau chúng tôi được lệnh viết thư báo tin yên ổn cho gia đình biết. Nghe nói thị xã Long Khánh tràn ngập người từ Sài Gòn lên nhóng người thân. Không cần. Người nào còn sống thì vẫn còn đó. Và ít ra cũng có

một người gặp may: Anh ta được thả ra mấy ngày sau và nghe nói được hưởng quyền công dân ngay vì bộ đội bắt gặp anh ta đang giập lửa cháy trong kho gạo. Kết luận rút ra là anh ta đã liều mình bảo vệ của công, chứng tỏ một tinh thần học tập tiến bộ! Chúng tôi lại cho rằng đó là một cử chỉ khoan dung cố ý. Người ta chắc cũng biết anh bạn đó trong lúc tránh đạn, chui hoảng vào kho gạo, và khi thấy lửa cháy thì tìm cách giập tắt để cứu mình hơn cứu kho, vì mình hơn vì “nhân dân”, nhưng nhân đấy họ bèn làm một cử chỉ xoa dịu đối với con biển cố kinh hồn vừa qua. Có điều cái duyên có đưa ra thật buồn cười! Nhưng người ta có thể đùa cợt người sống mà ít ai đùa trên xác chết, thế mà chúng tôi lại học tập được điều mới đó. Những người chết được tuyên bố hưởng một ân huệ lớn lao là được cho hưởng quyền công dân! Hoặc có thể là chúng tôi không biết phận mình, bởi vì chúng tôi được đánh giá rằng chỉ có chết mới chuộc được tội? Hoặc chúng tôi quá nghiêm khắc: Cái thói quen “sống chẳng có gì” thì một điều “thường” thật nhỏ nhất cũng là quá rộng rãi, bởi vì có gì để mà thưởng đâu? Có điều dù ở trường hợp này hay ở trường hợp nọ thì cuộc sống mới cũng quả là bi đát.

Nhưng tổ chúng tôi chưa hết nạn. Buổi trưa đội trưởng về thông báo cần một tổ đi công tác – tổ chúng tôi đứng phiên trực. Đội trưởng cười cười: “Hình như có mấy xe bưu phẩm vừa về”. Hôm đó chúng tôi được phát bí đỏ, có ý kiến lấy nấu với một ít gạo làm “chè”. Có kẻ vội vàng húp rồi đi, có người để dành tối về ăn, nhâm nhi thưởng thức cái lơ lợ của bí đỏ không thay thế được món đường nhưng hãy cứ coi là món ngọt đi. Đến tối mịt toán công tác mới về. Có người không ăn được chén “chè” để dành.

Chẳng có gì lạ, chúng tôi được lệnh nhặt đạn vung vãi ở sân trung đoàn, công việc đặc biệt dành cho cải tạo vì bộ đội có “công tác khác”. Chẳng có gì phải hồi hộp khi chúng tôi gom các tràng đứt khúc hay các viên đạn nhỏ. Một chút e ngại khi phải khiêng các viên đạn đại bác hay bê bằng hai tay các đạn súng cối còn đậm các hàng chữ Hán. Nhưng chẳng biết mình ra sao nữa khi phải nhặt các đầu đạn M79 đã ra khỏi vỏ, không biết sẽ tùy hứng nổ tung lúc nào. Nhẹ tay, thật nhẹ tay để nhắc nó lên, nhưng không được run tay để đánh rơi nó lại xuống đất. Lại còn những trái lựu đạn không biết còn giữ chốt an toàn đến mức độ nào khi bị vang ra khỏi kho.

Có thật nhiều bàn tán xôn xao quanh vụ nổ kho đạn đã xảy ra trước ngày tuyên cử thống nhất. Có người nhớ đến một đoạn phim gián điệp nào đó, nghĩ ra câu chuyện gài chất nổ chậm từ lúc sư đoàn 18 tan ra. Nhưng đặt vấn đề tại sao có sự tiên đoán được ngày 25-4-76 để gài nổ trước ngày ấy thì người ta không trả lời được. Chúng tôi cũng muốn tin theo lời tố cáo của ban chỉ huy là có phá hoại vì điều đó hợp với một ý hướng trả thù thụ động – rằng có tình trạng mất an ninh bên ngoài chứng tỏ sự bất lực của chính quyền mới. Nhưng những chuyện xảy ra trước mắt không cho phép chúng tôi bám víu vào đó. Chúng tôi đã ngồi đợi đạn suốt đêm giao thừa. Chúng tôi đã thấy bộ đội ngồi bươi M79 đập chơi. Trước, sau vụ nổ chúng tôi còn có vài lần đón dác bỏ chạy vì các vụ đốt thuốc súng chơi, chưa kể những vụ đốt cỏ dọn rác nổ âm ầm bùng tai. Thế mà kho đạn của bộ đội rõ ràng là không đúng quy cách của một nơi tàng trữ vũ khí. Vậy thì cần gì đến phá hoại?

Người ta phải lựa chọn giữa hai lí lẽ để giành lấy một, được coi là ổn thoả, có lợi hơn. Tất nhiên là không tránh được cú đá hậu của quyết định: Nhận sự sơ suất của mình thì phải nhận trách nhiệm – điều tiếng thì đúng hơn, nhưng đổ thừa cho phá hoại thì phải ngầm chịu là có bất lực. Thật là vô phúc cho những người nào quanh quẩn gần đây, lúc đó – nhất là một tên nguy có dấu ấn.

Sự suy đoán đó chẳng có gì là cưỡng ép, bằng có nơi những bài học điển hình trên báo mà chúng tôi có dịp đọc. Một vài truyền đơn rải quanh vùng? Hãy tìm một tên nguy có thể là đang cuốc đất, kiếm củi quanh đó. Một máy điện ở Rạch Giá nổ? Người mới không biết đến giới hạn kĩ thuật và sự điều hành của nó, cứ hô hào tăng năng suất, nghĩa là cho chạy tối đa, tưởng là bóc lột máy không có hại như bóc lột người, không mang tiếng về lí thuyết mà còn đem lại ánh sáng, hạnh phúc cho nhân dân; người cũ thì buông xuôi, có nói cũng không được, “kệ mẹ mày muốn làm gì thì làm.” Rốt lại tên nguy phải tìm ra là một kĩ sư “trốn học tập” vì được một chức sắc địa phương quen thói du kích quyết định tại chỗ, chẳng hiểu gì về một thứ quyền bính tập trung, cứ lôi tên kia ở lại trông coi nhà máy, “học tập tại chỗ”. Lời hứa đã mong manh không bằng có mà sự vụ lại xảy ra quá to lớn nên thật dễ dàng trút bỏ, không chút ân hận. “Đã được khoan hồng để ở lại làm việc mà còn

manh tâm.” Lí lẽ riêng tư là thế, nhưng lí lẽ trừng phạt để làm gương thì phải không để chút hoài nghi nào ở quyền bính chí công, chí thiện: “Trốn học tập để âm mưu lòn vào phá hoại”.

Nhưng dù sao thì người chết cũng đã chết, người sống vẫn phải sống. Nhà cửa phải dựng lại. Chẳng cần gì nhiều lắm: Lấy kềm gai buộc lại các khúc gỗ gãy, cần thì chêm vào một khúc, tôn lành thay tôn mất, có lũng vài lỗ thì để đó, trời chưa mưa! Nhà hư nhiều không đủ chứa người nữa. T3 phải dời đi. Chúng tôi trám vào chỗ cũ của họ.

Bắp bẻ, củ mì vặt, dưa hái non, vĩnh biệt tuổi nhỏ! Và lại bắt đầu sửa nhà, kê kê nằm, dọn cỏ, lượm đạn, bắt đầu rau rác trong vườn... Việc học tập về thống nhất đất nước vẫn tiếp tục nhưng lối mòn đã dọn sẵn thì chẳng có gì phải bàn thêm. Có điều chúng tôi lại phải có một phương tiện học tập mới: cái tivi. Mỗi người góp 50 xu để tự nguyện trói buộc mình. Trong bụng chúng tôi không ai muốn bỏ tiền ra nhưng cũng chẳng có ai dám phản đối. Kẻ không tiền như tôi thì có kẻ sẵn sàng cho, thời buổi còn thông thả để còn nhiều tấm lòng rộng mở một cách tự nhiên không một thoáng so đo, thắc mắc. Khán giả tivi lúc đầu chỉ lựa thưa những người vô tâm, dễ tính, tìm quên để chờ giờ đi ngủ. Rồi lệnh đưa ra không điều kiện đối với chúng tôi: “Xem tivi là học tập.”

Nhưng chân lí đó chắc không phải dành riêng cho chúng tôi. Trên báo nhà nước có thuật những câu chuyện điển hình tiên tiến nhờ học tập theo báo chí. Ấy là lúc phương tiện tuyên truyền của nhà nước chỉ có thế, lúc còn ở thời tiền sử truyền thông đại chúng. Bây giờ kéo dài ra đến tivi thành phương tiện học tập thì cũng là điều tự nhiên của tiến hoá. Có điều sự tiến triển không đồng bộ giữa phương tiện và ý thức sử dụng của người cầm quyền đã dẫn đến những kết quả trái ngược đối với bọn người ranh ma như chúng tôi quen phản ứng nhanh với hình ảnh – từ thói quen xem xinê, mà lại còn nhanh hơn vì ý thức phản kháng chờ đợi sẵn.

Những người quản giáo khi mỗi đêm lừa chúng tôi xem tivi như lừa vịt, hỗn loạn với cảnh người sau vịt trước, người đi thẳng vịt rẽ ngang, người quá bước vịt lộn lại sau, chắc không hiểu tại sao trước màn ảnh nhỏ chúng tôi lại vượt cả được sự e dè thường nhật để bàn tán, cười nhạo dữ dội những hình

ảnh ráp nổi hiện lên kia. Ít ra người coi tù cũng thấy được lợi ích của tivi là đo lường được mức phản động cố hữu của bọn tù, những phản động mà họ cho là bởi sự ngoan cố chứ không phải vì sự vụng dại của người thu hình, của những lời thuyết minh, người xếp chương trình – sự vụng dại quá ngây ngô dưới sự chỉ đạo theo đường lối, đến nỗi người xem dù với nhịp thoáng hiện của hình ảnh cũng đủ để phản ứng vụt phát ra mà không bắt lại, không ghìm lại được trong đầu óc. Và một tiếng cười, một lời nhạo cợt đã tuôn ra thì không ngăn chặn được những gì tiếp nối.

Chẳng có gì lạ. Với thời đại, người ta biết thêm rằng tivi là phương tiện truyền thông đại chúng tân tiến phối hợp với các phương tiện cũ (báo chí, radio) để nhà cầm quyền khuôn nắn dư luận. Khía cạnh đáng bi quan của kỹ thuật đã không lọt qua suy nghĩ của các nhà tư tưởng Tây Phương mà báo chí, tư tưởng gia xã hội chủ nghĩa đã trích dẫn làm đề tài chê bai các xứ tư bản, quên mất mình đang làm gì, và làm “đậm” hơn – như thói thường của họ. Họ bào chữa bằng lý luận “hiện tượng thì giống mà bản chất thì khác”, ở đây họ đang phục vụ cho cái thiện.

Nhưng không phải ai ngồi xe hơi cũng giống nhau: Có người ngồi thoải mái, bình thường như không phải ngồi xe hơi, có người loai choi lóc chóc, thò đầu ra cửa kính nhìn ngang nhìn ngửa tội nghiệp cho cái cần cổ, có người ngồi thu lu hai chân kiểu nước lụt khiến kẻ đi đường đánh giá được ngay anh trọc phú. Đâu có phải nhân danh cái thiện là ngồi xe ngon lành hơn kẻ ác! Thật là xưa, cái thời chuyển tin từ người này qua người nọ, bảo vệ được sự thân mật, kín đáo khít khao. Phạm vi “tuyên truyền rỉ tai” có tinh vi hơn nhưng ảnh hưởng vẫn không lớn vì người ta dễ quên trước muôn vàn biến động của đời sống, vì nguồn tin dễ đứt đoạn. Cái ống loa đi đầu làng cuối xóm có mở rộng phạm vi tác động hơn nhưng cho đến các phương tiện mới: báo chí, radio, tivi cũng không thể loại trừ vấn đề trung gian giữa sự kiện và đối tượng được phổ biến. Có điều ở tivi, các hình ảnh đã đem con người tiếp cận sự thực – hay có vẻ la sự thực hơn nên sự sơ sẩy trong giả trá dễ được nhận biết hơn. Các chuyên viên của đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh đã cho chúng tôi dễ dàng nhận ra sự sơ hở đó. Các nhân viên cũ chắc không còn hồn người, cứ lam theo mệnh lệnh. Những người ở Miền Bắc vào thì chỉ

là một mẫu khác khuôn của những người làm báo ngoài đó, chỉ biết Miền Nam qua kinh sách, hay qua hình ảnh – vốn đã méo mó sẵn của xã hội thời Pháp thuộc – lạc hậu ve kiến thức xã hội đến trên dưới 30 năm. Cho nên tin làm sao được lời cô xướng ngôn viên ca tụng nhịp sống hướng về xã hội chủ nghĩa bên ngoài trong khi cái phong đang chuyển động kia là những đám ruộng nước đen ngòm, lúa má tả tơi, máy cày nằm ụ, hay để thay đổi không khí, là cảnh phố phường nhộn nhịp mà nhìn kĩ là chợ trời lằng lằng lúi quáy? Không cười sao được khi đoạn phim quay một cảnh nhà mồ cô trẻ con chưa cầm được bình sữa mà bảo đó là “kết quả tội ác của Mỹ nguy” – thứ tội ác cách đó ba năm! Người xem ó ré với cảnh đá bóng có màn lôi tay, gạt chân, đấm đá để ống kính phải dừng lại hàng mười phút trên bảng kết quả, thế mà người bình luận vẫn chấm dứt bằng câu ca tụng “tinh thần thể thao xã hội chủ nghĩa”, câu ca tụng đáng lẽ chỉ xuất hiện trên báo *Nhân Dân* chẳng hạn.

Lùa người đi học tập tivi dăm bảy lần rồi cũng thôi. Chẳng biết cán bộ thấy là đã làm đủ bốn phận hay họ đã thấy tác dụng không được như họ mong muốn – vì thường thường, *trong riêng tư*, nhiều lúc người ta cũng công nhận một đôi điều nhạo cợt là đúng. Hay cũng có thể vì số người rồi việc hàng đêm đa có thói quen để ngồi vừa đủ lấp kín một cách rải rác cái khung hội trường. Có lẽ vì tất cả mỗi thứ một ít mà chẳng còn cảnh cút bắt ban đầu nữa. Cuộc sống cần yên ổn nào cũng đòi hỏi sự thoả hợp, người mạnh yêu cầu nhiều, kẻ yếu dù yêu cầu ít cũng phải có chút phần của mình.

Nhưng dù chẳng bắt buộc thì vẫn có đông người xem ở các buổi cải lương, và nhất là ở những buổi trực tiếp truyền hình đá banh. Các buổi chiếu phim màn ảnh nhỏ chưa được hưởng ứng. Không phải vì đề tài: Phần lớn là các đoạn phim nhiều kì, ngày trước là nhân vật OSS thắng GOEPEOU rồi bây giờ ông “lốp”, “bốp”, “mốp” thắng CIA thì cũng vậy thôi. Hình như chúng tôi chưa quen để bắt kịp kĩ thuật chuyển cảnh của phim mới, còn về phần nghệ thuật thì các loại phim này nằm dưới mức trung bình, chưa kể còn là ấu trĩ nữa. Các lối hồi tưởng kéo quá dài, đuối đường khi chuyển về hiện tại; người ta không dùng hình ảnh để nói lên sự kiện theo đòi hỏi của nghệ thuật mà lại để cho nhân vật nói quá nhiều theo lối kể chuyện cổ tích, đối đáp lằng nhằng để người thuyết minh phải làm việc mệt quá. Chúng tôi thích tường cái

lượng hơn. Phần lớn là những tuồng cũ chuyển hoá chút ít cho hợp thời. Cán bộ thấy ở đó một nội dung sinh hoạt xã hội mới mà họ không biết ở phía Bắc trong các phim tuồng đầy Đảng tính. Xem vở “Lá sầu riêng” của Kim Cương, có người đã thốt lên: “Chưa được xem lần nào hay bằng!” Thì ra cũng có chỗ để người Việt đồng ý với nhau chớ! Nhưng điều đó thật hiếm hoi. Và cái tạo xem tivi là để thấy mình trong đó nhiều hơn. Diễn viên là người cũ dù đóng vai anh cán bộ cũng không cứng nhắc, đóng vai quân nguy cũng không bôi bác nhiều, cứu vãn được các câu nói nương theo thời thế để kiếm cơm. Chưa kể gần như có sự tương thông giữa diễn viên và người xem xa cách – xa cách cả với thứ bậc theo trật tự mới. Mọi người cười ồ khi anh hề trả lời: “Mới đi vắng đâu độ chừng mười mấy tháng, hai năm mấy thôi!” (Tính từ tháng 4-75.) Kịch bản Giải phóng hay của Hà Nội xuất hiện lựa thừa nhưng vẫn gây sốc. Đã nói rồi, cái cảnh sĩ quan gọi lính là “lính!” chẳng nghệ thuật tí nào – nhất là từ một đoàn diễn trung ương. Lính Mĩ thì nhâng nháo như Tây thuộc địa – cũng của kịch hài thời Chín năm. Sĩ quan cảnh sát nguy thì như thổ phỉ mặt rần, đủ cho một thứ sân khấu ngoài trời có khán giả đàn bà vạch vú cho con bú hay trẻ nhỏ chưa mặc quần đứng bình phẩm hơn là cho một sân khấu có chút tính chuyên môn. Vẫn biết sân khấu không phải là đời sống nhưng quả là người ta đã vin vào tính chất “diễn hình hoá” để tách rời sự thật. Tính nghệ thuật cũng có thể dẫn đến hiệu quả cho một tầng lớp quần chúng nhưng sự tiến hành theo đường lối như thế rõ ràng có tính cách khinh miệt quần chúng tuy người ta sẵn sàng đủ thứ loại biện minh.

Cải lương không được hâm mộ bằng thể thao. Trường hợp anh bạn tôi nói trên là hiếm hoi. Nhiều người Nam cũng chưa hề bước chân đến rạp Kim Chung hay Quốc Thanh. Còn kịch nói thì không được hâm mộ bằng xinê. Nhiều người ở ngoài cũng chẳng thích đá banh nhưng vào đây thì giới hạn giải trí thu hẹp, đá banh trở nên một thứ tiêu khiển hợp thời, có kích động với sức lực thừa thừa bị trói buộc. và bên trong trại cũng chia xẻ mỗi gầm gừ Nam Bắc bên ngoài, xuất hiện rõ rệt trên màn ảnh nhỏ trong các cuộc đấu với các đội ở Hà Nội vào. Họ có dịp để đùa giỡn với khẩu hiệu “tinh thần thể thao xã hội chủ nghĩa” trong các bài tường thuật trên báo. Họ nhạo cợt lối đá banh “vườn” của các đội Tổng cục Đường sắt chạy đuổi không kịp đối

phương bên nắm tay giựt lại! Họ không hiểu nổi tinh thần “quyết thắng” của đội banh vượt cả quy cách thể thao – phải gọi đó là “tinh thần ăn thua đủ”, khi người ném biên Hà Nội chân trước chân sau soạc ra ném thật xa, nhồi cả người đến té sắp xuống, banh vào chân cả đối phương, trai với lối ném đứng dậm hai chân, khoan thai đưa cho bạn theo lối Sài Gòn học được trong các trận đấu quốc tế. Trong trại tất nhiên cũng có nhiều dân Bắc – “Bắc Kỳ cũ” trước 1954, Bắc Kỳ “tàu há mồm” di cư 1954-55, nhưng tất cả đều coi cùng một chiến tuyến đối kháng với Bắc Kỳ “giải phóng”, “Bắc Kỳ dép râu lên cung trăng”. Hoàn cảnh kết tập họ lại như trong câu chuyện đùa giỡn giữa một tên Nam Kỳ và một tên Bắc Kỳ “há mồm”: “Tại lũ mày đó. Chỉ vì phải rượt theo một triệu thằng lũ mày mà cả 25 triệu dân phải đoạ!” Thực ra qua hai mươi năm đăm di cư, dù là người đã lớn, dù sống quây quần với người đồng hương, phần lớn cũng đã “mất gốc” không ít thì nhiều. Hồi còn ở gần suối, một buổi xế, chúng tôi nghe có tiếng ồn ào dưới dòng nước. Người bộ đội hầm hè quát tháo bước rào vào nhà, dân cải tạo nhìn nhau rồi lẳng lặng rút đi. Hồi lâu anh bạn tôi mới vỗ đùi đánh đét một cái: “Chết rồi! Thằng S. là Bắc Kỳ mà nó quên, lại xài chữ trong này. Thay vì phải nói ‘các anh’ nó lại dùng chữ ‘mấy anh’ – ở ngoài kia có hàm ý khinh miệt – thằng bộ đội tức giận là phải!”

Ở khu mới, chúng tôi lại tiếp tục công việc gò rèn. Đã có một đội gò rèn riêng biệt làm việc nơi khu gia binh. Bể lò lúc đầu làm bằng ống thụt nhưng sau các “chuyên viên” tìm các dây sên, bánh xe răng cưa, uốn cánh quạt làm thành dây chuyền tạo gió. Hàng ngày từ các đội có những người phụ đến đập nguội các thanh sắt ấp chiến lược cho thẳng ra để làm lưỡi cuốc, lưỡi xẻng hoặc phụ quai búa rèn dao rựa từ các cọc sắt nêm các tấm PSP, hay sắt cắt từ các bánh xích xe tăng. Một phần thành phẩm để dùng tại chỗ, phần lớn đưa đi các nơi khác làm công cụ sản xuất – hiệu quả chắc không cao lắm xét theo kinh nghiệm sử dụng riêng của chúng tôi. Rồi dù có tránh né, ban đầu chỉ là nhờ nhồi lật vạt, làm “cái nồi ngồi trên cái cốc” (phin cà phê), mài chạp cái cán dao, làm cái kẹp cái lược để kỉ niệm về phép, sau đến cái vali từ giản dị đến kiểu cách – cái “hòm” đáng rùng mình đối với tên cải tạo. Việc đóng “hòm” phát triển đến nỗi phải có thêm một toán nữa làm ngay trong khu nhà của chúng tôi. Tiếng đội đập gõ vang rền từ sau buổi tập thể dục đến bữa

com chiều. Nhưng hình như không ai tỏ dấu khó chịu lại coi đó là tiếng gõ tìm quên, tiếng gõ xua đuổi tâm tư, tiếng gõ nuốt chửng thời gian.

“Hòm” của cấp trên làm bằng nhôm, dura. Các bình xăng phụ sáng loáng của phi cơ, vèo cái là hết. Cái nhà remorque có điều hoà không khí ở phía công cũ của trung đoàn bị xẻ thịt trong nháy mắt, biến hàng triệu bạc thành vài cái vali. Mỗi cán bộ có thể đến 5, 7 cái tính theo số lượng đã làm ra. Còn lính thì phải bằng lòng với cái vali tôn thô kệch, đen điu. Tội nghiệp cho các anh này, mang “hòm” về phép phải kiểm tẩm đấp quấn lại, ngưng ngưng với đồng bào, với các tay lơ xe, tài xế ác ôn không giấu diếm sự khinh miệt chút nào: “Thấy mang hòm tôn đi chúng nó cười hô hô!” Ôi món quà về quê hương của những người chiến thắng nhỏ bé, dù sao cũng là đại diện cho xã hội “ưu việt”, phải chịu đựng sự trả thù của những người chiến bại, chịu đựng giùm luôn cho “nhà nước ta” chở tới tập đồ đặc “phồn vinh giả tạo” ùn ùn ra Miền Bắc trên những chuyến xe đi đêm, chịu đựng giùm cho những đồng chí may mắn hơn, đã lột đôi dép râu, bộ quần áo rộng thùng thình, lột cái nón cối... để thay vào cái y, cái quần mới, đeo cái đồng, cái đài, bon bon cái xế, trở về hãnh diện với bà con cho đáng một lần “sinh Bắc hồi Nam”.

Không phải chỉ làm cho trại, dân cải tạo còn nghiền ngẫm làm vật dụng riêng cho mình nữa. Ống sáo, điều cày, lược, kẹp, đàn guitare... Mỗi thứ mới ra đời, mỗi một kiểu là thành một phong trào, càng ngày càng cải tiến. Dây đàn quấn bằng các dây điện phối hợp theo cỡ cần thiết, bộ trục bằng gỗ trượt lên trượt xuống, khung tôn, khung gỗ, hộp vuông, chữ nhật (vì thiếu phương tiện cưa xẻ), nhiều cạnh rồi uốn dợn sóng như đàn ngoài đời. Và chính trong những công việc phức tạp một cách lặt vặt này mà khả năng những con người cũ nổi bật. Trước kia ngày thường họ chẳng động tay động chân đến những công việc này. Không phải vì muốn “ngồi không ăn bám” như lí thuyết mới nói, nhưng vì họ đã có những công việc khác để làm. Ở đây, thời gia dư thừa giúp họ kéo dài thí nghiệm, thử thách, bằng máy mò đã đành mà căn bản còn vì sự hiểu biết từ trong sinh hoạt có kĩ thuật cao đã giúp họ nhận định một vật liệu có thể làm được cái gì, biến cải thì sử dụng làm được việc gì. Những người quản giáo trong các kì kiểm soát tập thể thật ngạc nhiên mà cũng tỏ vẻ bức mình khi lục tung túi xách nguy ra thấy một cuộn dây, một miếng bìa,

lốp lốp bao cát mục từng mảng, cái ông bơ rí... “đủ các thứ trên đời”. Thế mà cuộn dây điện tách ra làm dây đàn, cái bánh xe, vòng cao su, thỏi sắt lắp lại làm cái xa quây để xe các sợi tháo ra từ bao gạo, bao cát làm dây đàn túi, đàn vĩ cầm; bao sợi nhựa cắt ra thành cái áo sơ mi thật thời trang, thật có gu; tút đạn uốn làm bình hoa. Viên tiểu đoàn trưởng nhờ làm giùm cái nôi ngồi trên cái cốc đã phải lắng nghe tên nguy chỉ dẫn cách pha cà phê sao cho gọn, cho ngon. Và gặt gù nhẹ nhàng, riêng tư...

“Bọn chúng toàn là đại úy, bác sĩ, kỹ sư...” Dưới mắt người bộ đội tâm sự với gia đình thì sự kiện ở đây thật đáng ngạc nhiên không phải chỉ ở cái cấp bậc đại úy cao ngất đối với anh binh nhì, không phải chỉ trình độ trí thức cao nói chung mà là một tinh hoa của chế độ bị vào tròng vì bại trận. Số đông với trình độ cao có thêm sự ép buộc đã đưa đến sự thành công không ai ngờ tới: Với tay không và vài cục sắt họ tháo gỡ cả một giàn sắt thép di chuyển đi cất một ngôi nhà đồ sộ, đập nước đập bằng tay không nhiều hơn xẻng cuốc, nhà cửa hàng hàng lớp lớp xây dựng nên... Vai trò của người tù binh ở các công trình cổ đại có vẻ được chứng minh bây giờ.

Sinh hoạt trí thức cũng đi đôi với việc làm chân tay. Không còn cái cảnh ồn ào lộ liễu của toán người học vẽ chạy ầm ầm ngoài sân đo mẫu, nhắm hình để bị la rầy nữa. Nhưng phong trào học ngoại ngữ vẫn ùn ùn lên cao. Tiếng Hoa có thầy sẵn là những sĩ quan gốc Chợ Lớn. Sách có tờ báo *Giải Phóng* (bản Hoa văn) gói hàng hay bộ *Tam quốc chí* đưa vào – không khó khăn vì “người bạn lớn” chưa trở thành kẻ thù lớn. Có người tự đặt câu tiếng Việt rồi nhờ “thầy” dịch qua chữ Hán bạch thoại, quan hoả và chép chuyển tay nhau. Chuyện tức cười là nhờ dịp này một anh Tàu 75% (cha Tàu đặc, mẹ lai) mới biết nói suôn tiếng Tàu: “Tôi theo bà già ở rẫy có biết gì đâu! Nhớ hồi ra Sông Mao đi dê mấy con nhỏ Nùng nó thấy mình có tên Tàu đặc, trâm luôn một tràng, mình cứ ngớ ra!” Chữ Pháp chữ Anh thì học hơi kín một chút và không mấy hứng khởi – hết thời rồi mà! Nhưng chữ Nga thì thật là phong trào. Nhưng cũng vì là phong trào nên lạng quạng qua quýt thật nhiều mà theo đuổi lâu dài thật là ít. Điều này do thói quen không chịu khó của nhiều người mà còn chính vì họ ít phương tiện nữa. Chữ phức tạp viết một đàng in một ngả, giọng đọc chẳng ai chỉ dẫn, văn pháp lù mù rắc rối mà bài chép đi

chép lại tam sao thất bốn thật lồi thoi hơn đi trồng rau, ngắm dàn mướp khoe trí hơn. Có phương tiện và kiên chí đeo đuổi chỉ có anh được sĩ T. (?) Anh được người nhà gọi các bộ Nga văn in ở Moskva, các bộ từ điển... Có công tác kêu, anh muốn người làm thay còn mình thì ngồi gật gù xì xì lẩm nhẩm trong miệng, dáng lù đù nuốt từng chữ, từng câu. Nghe nói sau này khi trở về anh đã nhận công việc dịch sách Nga và mở cửa dạy tiếng Nga nữa. (Chắc là chuyện giữa trời vì ra trại tôi mới biết việc học tiếng Nga chẳng sôi nổi lắm, còn chuyện mở cửa chắc là đoán mò vào lẽ anh nguyên là Giám đốc một Trung tâm hàm thụ trước kia.)

Có người học những món thiết thực hơn. Đó là phong trào học chữa bệnh theo các phương pháp án ma và châm cứu. Yêu cầu thiết thực đã đành mà cũng là do một thứ tâm lí duy văn hoá chống Tây Phương từ thời trước được thời đại mới cổ vũ. Sách đều là những thứ xuất bản tại Sài Gòn trước kia trong phong trào “hướng về Đông Phương” [*bản thảo*: từ triết lí Thiền, văn học Thiền có dáng sáng sủa, khoa học của Nhật qua – lại cũng là bắt chước tính cách exotisme của loại này đối với người Tây Phương trong các sách khảo cứu về Trang Lão mù mờ ở các nguyên bản Trung Hoa. Rồi Trung Hoa Cộng sản nổi trên bàn cờ quốc tế đã đem rao giảng món hàng “kinh mạch” cổ truyền, thu hút được những người hướng vọng về cộng sản: Dân Tây Phương cũng với tinh thần ham mê mới lạ, còn dân Đông Phương lại theo với một hứng khởi làm thoả mãn được tinh thần tự ái dân tộc, vì thấy mở rộng khả năng thích ứng với đời sống khoa học, tiến bộ trên ngay chính nền văn hoá cổ truyền. *Hết*]. Trước 75 đã có lời đồn đãi về một cuốn phim Trung Quốc quay những cảnh gây tê cho người bị mổ sọ não, vẫn tỉnh trong suốt thời gian dài giải phẫu, không tỏ vẻ gì đau đớn sau đó. Bây giờ phim được chiếu trên màn ảnh nhỏ, xem xong ai nấy đều xuýt xoa thán phục và chắc chắn có ảnh hưởng mạnh trong phong trào học tập này, làm cho những người thi hành các thủ thuật được dạn tay hơn. Bởi vì thật cũng đáng sợ cho cái việc vừa học vừa hành này – học lạo thảo và hành thật liều lĩnh. Sách dạy chẳng có gì gọi là bảo đảm: Trước kia tôi đã từng được một anh bạn kêu gọi hợp tác viết sách châm cứu, anh bạn đó chẳng có căn bản y học nào ngoài mớ tiếng Anh ở trung học, ngoài cái chuyên môn đi cầm phiếu lương của mình và mượn phiếu lương

của tôi đưa cho mấy bà ở trại gia binh rồi lại xoay tiền chuộc trước ngày lãnh lương để tiếp tục ăn “com tay cầm” (bánh mì) dài dài... Nhớ lại chuyện cũ tôi thấy sờ sợ khi cầm trong tay quyển châm cứu vẽ kinh mạch ngoằn ngoèo với một tên tác giả xa lạ – chẳng biết có phải là tên anh bạn cũ của tôi không. Có người gởi mua từ Sài Gòn cả bộ kim châm sáng loáng, có lò xo loằng ngoằng, đựng trong hộp inox để mỗi lần bày ra, nét mặt chủ nhân nổi lên một thoáng kiêu kì. Nhưng phần lớn kim lấy từ các dây điện thoại – thì cũng là inox chứ sao! Dù bằng cái gì, nguồn gốc ở đâu, các thầy lang thời đại cũng hành nghề một cách trịnh trọng, cũng sát trùng hẩn hoi – hoặc nấu nước sôi, hoặc vuốt bằng bông thấm alcohol, giá thuốc đỏ đùng có cái màu lộ liễu quá thì cũng dùng làm thuốc sát trùng để châm được.

Ông thầy hỏi bệnh, lấy tay đo đo rồi găm cây kim vào, vê vê ấn mạnh, mắt lo lắng nhìn người bệnh chờ phản ứng, nghe xít xoa kêu đau thì thì vồ về trấn an, nghe rên la dữ dội thì rút ra tìm chỗ khác, thấy bệnh nhân tươi cười – dù đau thốn ruột, thì hân hoan chia xẻ sự may mắn của vật thí nghiệm. Thế rồi chủ khách chia nhau điều thuốc Lào, chủ đeo lưng lủng lẳng các cây kim rung rung nơi cổ, nơi ngực, trên chân tay, khách trầm ngâm nghiêm trọng triết lí về y học cổ truyền với Dịch tối tăm, với Thiên lộn xộn Du gia vận khí, bài bác những thiếu sót căn bản của khoa học Tây Phương theo cách trị bệnh chỉ bằng vào biểu hiện, trên “chứng” mà không lưu ý đến cái “thần” huyền diệu của Đông Phương... Hết tuần trà, thuốc Lào, kim được rút ra để châm lại chỗ khác hay bỏ vào hộp, chủ khách hẹn nhau kì tới hay khách phải đi thăm bệnh ở lán khác, cả hai đều hể hả chỉ quên có một điều: Khen nhau là can đảm – can đảm đâm vào người khác, và can đảm hơn nữa là để người khác đâm vào mình! Không nhớ tới điều cần thiết ấy nên cái nghề tự học này được coi là nghề chính không phải chỉ bởi các anh nhắm mắt bóp cò mà cả những người có nghề hẩn hoi nữa: Một anh nhà giáo trước kia từng hốt bạc nhờ bán của Sứ Địa, Công Dân, nhất là vào thời kì thi theo IBM, trong tờ khai nghề nghiệp hiện tại của mình cứ nằng nặc xưng là Y sĩ châm cứu!

Có những kẻ khác học nghề án ma – chắc là ít can đảm hơn. Cũng huyệt, tuy không hay ít nói tới kinh mạch nhưng mệt mỏi hơn, đổ mồ hôi nhiều vì phải đè các ngón tay ấn trên thân người bệnh. Hết bệnh hay không cũng đỡ

nguy hiểm hơn mà lại vui lòng cả ba bề bốn bên. Người hành sự có thêm một nghề để giải trí, người bệnh có được một cách trấn an vào lúc không phải chỉ thiếu thuốc men. Cả một nền tảng y lý mù mờ như thế gặp dịp được sự chia sẻ, hưởng ứng của số đông người để trở thành một tín điều khoa học. Căn bản của tín điều là cảm tình dân tộc, là truyền thống nên nó đã giúp cho lối trị bệnh này lan rộng trong xã hội mới, xã hội vốn có yếu tố dung chứa nó, không coi là tương phản. Chính vì thế mà những người tù trong hoàn cảnh tù, hoặc hung hăng dữ tợn hơn hoặc – phần lớn – chậm chạp, co rút lù đù hơn, một khi cầm cái giấy phóng thích trong tay liền vứt ngay cái “nghề” học được, lại có người vẫn tiếp tục “hành nghề”, tay trái rồi chính thức vì tin ở lý thuyết, thoả mãn với sự quen tay và hãnh diện với chút tự ái “cứu nhân độ thế” của mình.

Chưa nói đến cái có thể bị nghi ngờ là bịp bằng phương tiện khoa học kỹ thuật như chuyện chiếu trên tivi: Bức ảnh chụp đám thiếu nhi đùa nhau trên lúa cứng mà không bị gãy, bị bạn bè tố cáo là bịp khi cơm không lành canh không ngọt thì chuyện mỗ đầu mở mắt làm sao tin được? Sự “tiến bộ lùi (?)” của xã hội đã làm cho những yếu tố lạc hậu của quá khứ nổi lên, bởi vì cuộc sống văn minh cơ khí có sức mạnh xua đuổi được “truyền thống” hơn bất cứ lời tuyên truyền không mội mẹt nào. Một anh gác cổng nhà thương xoa bóp, một ông kỹ sư rò rỉ rò rỉ bạo miệng quả quyết rằng “uống thuốc là xưa rồi”, hình như có điểm chẳng có gì phân biệt với ông đạo Rò, đạo Vuốt mà người ta muốn xoá bỏ. Và Nhà nước nhân danh một lý thuyết vô thần chống tôn giáo lại bất lực trước mê tín, thứ tôn giáo thấp kém nhất.

Báo chí ở đây được gọi đều đặn và dồi dào hơn ở Trảng Lớn. Cũng những tờ *Nhân Dân*, *Quân Đội Nhân Dân*, nhưng thường xuyên nhất là tờ *Giải Phóng*, cũng lại hợp nhãn với tù nhiều hơn. Về hình thức, tờ báo giấy trắng, sáng sủa với nét chữ sắc cạnh, nhiều khổ chữ, có hình ảnh điểm xuyết rõ là hơn hẳn tờ *Nhân Dân* giấy xám với bao nhiêu khuyết điểm về hình thức như đã nói mà đến lúc về sau bắt chước in hình bằng lối mở cuộc thi thì lại vụng về như Đông Thi, cái cái to tổ bố, nhân vật rời rạc, cứng khều, mặt khó đăm đăm thấy mà phát sợ! Tờ *Giải Phóng* dù được đường lối mới hướng dẫn nhưng người viết không giấu được phong cách Sài Gòn – nếu là người viết

cũ, hay có nét Sài Gòn nếu là người ở bưng về, ở Bắc vào cố tự thay đổi để khỏi lạc loài. Nội dung tươi hơn, phản ánh được nếp sống phức tạp của văn minh không thể bị đơn giản đến mức độ đơn điệu. Nếu cần phải dùng chữ của chế độ mới thì có thể nói tờ *Nhân Dân* theo đúng quan điểm hiện thực xã hội chủ nghĩa, còn tờ *Giải Phóng* đã bị tính chất hiện thực tư sản chen vào một cách vô ý thức. Vì thế bọn nguy có thể thấy hình ảnh Miền Nam quen thuộc của mình kèm theo những biến cố co cứng không theo ý người chủ mới. Một bức thư của phái đoàn khoa học xã hội phân trần về một tai nạn xe cộ ở Nha Trang với giọng thật mềm mỏng nhún nhường nhưng không giấu được mặc cảm bị khinh thị từ đám dân chịu ơn giải phóng: Người phu xe bị ủi ngã lăn, sừng sộ với người tài xế “không biết luật đi đường”, khi nghe nói mời cảnh sát giao thông đến phân xử đã vội vã khoát tay: “Thôi, đi đi cho được việc!” Và cả trại ồn lên khi đọc được ở một mục pôtanh câu chuyện cô giáo ngâm thơ cho học trò nghe: “Đôi dép râu giẫm nát đời son trẻ / Nón tai bèo che khuất ánh tương lai.” (Sau này khi lên Gia Trung ở chung với đám văn nghệ sĩ “phản động” từ trại Lê Văn Duyệt đồn về, tôi nghe rằng đó là hai câu của nguyên một bài thơ dài, tác giả là một thi sĩ trẻ cũ – không nhớ tên.)

Mỗi chủ nhật, tờ *Giải Phóng* có ra một số đặc biệt cho người có trình độ cao hơn, mang tính chất nghiên cứu, khảo luận. Đề tài trong một khoảng thời gian dài lúc đầu là các thành tựu khảo cổ học – điều mà nhà nước mới rat lấy làm hãnh diện. Các bài tổng hợp giới thiệu những đào bới có từ trước, và cũng thêm những phát hiện mới quanh đề tài Hùng Vương gắn với thời đồ đá, đồng, sắt., các thời đại Lí, Trần cùng những phát hiện khởi đầu ở Miền Nam. Tôi chú ý đến khảo luận của một dân pro., tốt nghiệp và chắc chắn còn ở Pháp, vì tuy không thoát khỏi lí thuyết chung chung nhưng quan điểm rõ ràng vẫn còn in dấu phóng khoáng của tư duy Tây Phương. Bài báo nổi bật hẳn lên trên các bàn luận của những học giả Miền Bắc cùng trong số báo đó, đã tỏ ra gò bó đến tột điểm: Mọi luận cứ có gì khác lạ, chỉ cần đưa đến lời buộc tội “trái với chủ nghĩa Mác Lênin” là đủ giải quyết xong một cách gọn ghẽ.

Từ tháng 5-75, có thể nói là tôi chỉ tiếp xúc được với các tầng lớp thấp của thế giới cộng sản, và tuy mọi người chế diễu, nhạo cợt sự dốt nát, khô khạo của họ – dốt nát mà vì vị thế chiến thắng phải mang lốt huênh hoang bù

đắp, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng đó là điều bình thường và cố ghì giữ để không nảy ra ý khinh miệt họ. Thế rồi qua những bài báo kí tên mang các tước vị Tiến sĩ, Phó Tiến sĩ, Viện sĩ hay chức vụ Viện, Phó Viện trưởng phân khoa khoa học này nọ – cả một cuộc dàn trận trí thức hù dọa, khoe khoang với dân Miền Nam, tôi bỗng giật mình! Hãy rộng rãi cho rằng những điều họ viết vì hoàn cảnh nên phải bó hẹp hơn điều họ nghĩ, nhưng như thế không tạo ra một thứ phản xạ ước thúc đến thành tự nhiên sao? (Sau này khi đọc những bài của ông Trần Đức Thảo thuộc loại “học giả trích dẫn”, tôi càng thấy rõ hơn.) Sự phát triển của kiến thức, nhất là ích dụng của kiến thức vốn là ở những điều được nói ra, viết ra, tôi luyện trong quá trình nghĩ, phát biểu trọn vẹn chứ phải đâu ở chỗ thậm thụt trong đầu? Giống như chuyện cái giường của tên tướng cướp trong thần thoại Hi Lạp, những người “trí thức xã hội chủ nghĩa” co rúm trên cái giường ấy để khỏi lộ đầu thừa đuôi, khỏi bị xén bớt, những người ấy có kiến thức thâm hại cũng không phải là điều lấy làm lạ. Rồi thầy dở thợ vụng, trách chi cho tội nghiệp bọn đàn em?

Có điều cái thế gói trọn trong nhà mẹ hát con khen hay cũng tạo được một ảo tưởng về sự giỏi giang của những thành phần trong gia đình. Từ đó những yếu tố lạc hậu nổi lên dưới những hình thức được biện minh là tiến bộ: Bài nào cũng phải cố trích dẫn một câu trong kinh điển Mácxít, một hình thức “Tứ viết” mới mang phong cách xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Marx khen ba-lê thì ba-lê phát triển, Marx ưa coi kịch Shakespeare thì hùa nhau nói chuyện Hamlet, Vua Lear... than ôi, đó là phong cách quý tộc, tư sản châu Âu thế kỉ XIX! Một người làm quan cả họ được nhờ. Lên đài phong thần không phải chỉ có Marx, Engels, Lenin mà còn có bà Marx giấu cái đuôi quý tộc Von đi, có những người con gái của Marx, người u già của các cô này – giá như ở chỗ khác thì đây là “hạt nhân vận động” để tố khổ – có gia đình Lenin, bà Krupskaja... Những điều gọi là tuyên truyền, vu cáo khi người ngoài nói về cộng sản, ở đây lại rất là hiển nhiên đến thành tự nhiên, chỉ quái đản với những bộ óc “phản động” thôi. Tất nhiên những sự thực ở chế độ này nếu lọt ra ngoài tat phải biến dạng hoặc bởi cố ý, hoặc từ những sai sót khách quan nhưng nó được coi là vu cáo chỉ vì người ta không nhận ra được tính cách quái đản đến thành tự nhiên kia mà thôi. Có người đã nhận xét: “Nếu có

người tư Việt Nam ra đi vài năm sau ngày 30-4, nói chuyện ở đây độ 50% sự thực tất bị người ta coi là vu cáo, khiêu khích vì hận thù riêng tư hay ăn tiền tư bản, nói độ 75% thì người ta xúm lại giã cho một trận nên thân vì coi người khác là ngu đần, nhưng nếu kể đúng 100% thì người ta lảng ra, nhìn với cặp mắt thương hại vì cho hắn là thằng điên!”

Nhưng ý muốn thuần hoá cũng gặp nhiều trở ngại phức tạp: Tự do của con người đã chứng tỏ như con cá chạch trong tay đứa bé thành thị nên trong các cuộc tranh chấp đường lối đã đẻ ra các từ ngữ tha hồ phải giải thích (tả, hữu, giáo điều, xét lại...) Rồi khi vụt bằng mình ra thế giới chói loà thì người ta lại hoang mang, cuống quýt – sau khi hưng hăng – đối người lẫn lộn đối mình để khỏi vượt ra cái huyền thoại về sự ưu việt của chế độ. Người hấp tấp thấp kém thì nói chuyện Miền Bắc đây mỏ dầu xăng, dầu lửa riêng biệt, muốn lấy chỉ cần thọc ống hút lên; người cẩn thận hơn thấy “ta” chưa được, hay bằng thì khoe cái hay của phe-ta (ếch Cuba, bò Cuba, máy bay Liên Xô...) hay của phe tưởng là của-ta (nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Thụy Điển) được diễn giải theo tầm mức kiến thức hạn hẹp của mình. Cái căn bản hiểu biết ấy dẫn đến sự dối trá, huênh hoang rất thành thực, coi dưới mắt (xã hội chủ nghĩa) không ai. Trong kì triển lãm Thời đại Hùng Vương 5-75, ở đường Tự Do (Bộ Phát triển Sắc tộc cũ), người phụ trách độc nhất (nữ) đi theo vật trưng bày đã nói với chúng tôi là: “Hà-Nội-ta có phòng xét nghiệm tia phóng xạ C14, và lại còn tìm được nhiều cách định tuổi tuyệt đối riêng biệt nữa”. (2004: *Một vài tờ Khảo cổ học lọt vào trại cho thấy việc này vào lúc đó phải nhờ Đông Đức và Trung Quốc làm giùm.*) Cái lối nói cho-được-việc ấy theo với quyền lực dẫn đến lối nói-lấy-được rất phổ biến. Đành rằng ai lại đi nói-lấy-thua nhưng cứ nói lấy được, cứ tố cáo kẻ thù, kẻ bại thế này thế nọ một cách nồng nhiệt, quên hẳn tự xét mình có vấp phải những sai lầm ấy không thì đúng là vi phạm tiêu chuẩn sống bình thường nhất rồi!

Khi dần dần chúng tôi đọc thấy được ở đâu đó trong những bài báo, sự thú nhận về số tiền, số gạo viện trợ từ khối xã hội chủ nghĩa, những điều nói về các nhà máy được Liên Xô xây dựng dùng đến 80, 90% nguyên liệu từ Đông Âu đưa đến thì chút ảo tưởng còn sót lại đã tan vỡ hẳn và từ sự khinh miệt “Vương quốc Lừa Dối” có người nói ngay rằng chế độ này không tồn tại

được lâu. Đó lại là một sự sai lầm to lớn, có thể gọi là lạc hậu, bắt nguồn từ ý thức đạo đức chính trị Khổng nho cũ kĩ mà những biến động xã hội trong mấy mươi năm qua không gột rửa được vì không biết tự chuyển biến, vì chưa gặp trường hợp “đứt phim”. Sự lừa dối mang tính chất cấp thời có lợi cho những người cầm quyền mới biết phối hợp quyền lực với dân dụ – chưa kể đến cơ may to lớn của thời thế tạo ra. Do người kém cỏi không đủ khả năng để thấy lầm lỗi của phe mình được giấu kĩ nên chỉ thấy sai lầm của kẻ địch sờ sờ trước mắt, nhất là loại kẻ địch có cơ chế dung chứa sự phân tán ý kiến và luôn luôn tự dẫn dắt. Tầng lớp trí thức thì bạc nhược hoặc mượn uy danh hiểu biết để xu phụ, hoặc giấu sự bạc nhược dưới thái độ khinh miệt người cầm quyền, trong riêng tư. Ở Long Khánh tôi được đọc trong một số *Học Tập* bài của một Phó tiến sĩ kiến tạo học (tectonique), nói rằng nước Việt Nam nằm trên vị trí độc nhất của trái đất, là nơi gặp gỡ của hai đường đứt gãy hành tinh: Địa Trung Hải và Thái Bình Dương mà điểm gặp là thủ đô Hà Nội!

Đây là một ông khoa bảng xã hội chủ nghĩa khoe có bài nghiên cứu trên sách báo Nga, Mĩ... cho thấy sự trộn lẫn giữa xu phụ hèn nhát và kiêu căng trí thức loè bịp đám chính trị lớp ba lớp tư! Chuyện mới nhất lúc ấy là lời của ông Trần Độ chuyển qua: “Đảng ta chỉ giỏi về chính trị quân sự mà không giỏi về hoạt động văn hoá, kinh tế”. Hãy ngậm miệng ăn tiền để hưởng những quyền lợi rất hiếm (nên trở thành quý) và thật nhiều sự yên ổn cùng vô số lời tâng bốc chung chung về giới trí thức xã hội chủ nghĩa biết phục vụ mà không phải là nô lệ.

Quả thực sự co cụm, cái không biết đã có sức mạnh riêng của nó. Và kiến thức, thấp hay cao, cũng góp phần vào sự cố thủ hay sức bật phản ứng cho phe mình. Ông Hoàng Trung Thông từng dịch thơ Nga, khi “làm đuôi” mua hàng ở Moskva đã cho rằng làm thế là dấu hiệu của văn minh (xét bằng sự kiện riêng lẻ thì quá đúng), và do đó khi bọn tư bản chế xã hội chủ nghĩa là xếp hàng cả ngày tức là cố động cho việc lấn cướp, sự kiện đây đây không những trong các sách chính trị phổ thông mà còn rải rác trong kinh điển cao cấp! Ở đây, lí thuyết soi sáng cho sự thiếu hiểu biết được biện minh, nên ông thi sĩ kia không thể nào quan niệm nổi một lối thoát cho mâu thuẫn mình thấy được, là có thể không cần xếp hàng, không cần lấn cướp mà vẫn có hàng!

Làm cách nào hieu được điều ấy ở một xứ người ta sắp hàng từ 2 giờ sáng để mua nửa kí lô thịt tiêu chuẩn mà khi đến lượt mình thì hết thịt? Lí thuyết khuôn nắn khiến người ta nghĩ một cách tự nhiên rằng những lời tố cáo tivi, radio, báo chí chuyên bịp người có hệ thống là chỉ nói về thế giới tư bản chứ không phải cuộc sống phức tạp với cái giá của nó đã không chứa một tập nhóm nào muốn đạt đến trình độ văn minh!

Còn nhớ một bài báo đã gây ra cuộc tranh luận nhỏ giữa chúng tôi. Tác giả, một nhân vật Miền Bắc, đã cho rằng cuộc sống gọi là văn minh phải có tính chất đa dạng biểu hiện trong màu sắc, cho nên ông ngạc nhiên thấy trong khi Hà Nội bắt đầu sáng ánh đèn màu thì Sài Gòn lại trở về với sự đơn điệu của hai màu vàng, đỏ chính thống.

Chẳng có gì lạ với sự đảo nghịch ấy nếu nhìn vào sự thắng bại của hai nơi tiêu biểu, dù người ta đã cố tình xoa dịu, tảng lờ để dễ bề cai trị hơn. Một anh bạn cho rằng người viết đã bị Sài Gòn lôi cuốn đến mất cả lập trường, và đó cũng là điều chứng tỏ cái chân lí là chính những kẻ văn minh bị yếu mềm trong cuộc sống sung túc đương nhiên thành kẻ bại tran trước đối phương có mức sống thấp kém hơn nên cứng cỏi hơn, nhiều chịu đựng hơn. Bằng chứng khác phát hiện vào lúc làm cỏ: Cấu tạo cây cỏ đơn giản hơn nên sức sống bền dai hơn, thích ứng với hoàn cảnh ngặt nghèo hơn cây lúa đã thuần hoá, đòi hỏi sự chăm bón, săn sóc với những điều kiện tế nhị mà mỗi một trái ý nhỏ là đủ ảnh hưởng đến sự sống của nó. Và dù sao cuối cùng người ta cũng phải nhổ cỏ cho lúa lớn lên. Cứ kể ra luan cứ ấy dù có đúng chẳng nữa thì với hoàn cảnh của người xướng lên, nó chỉ có giá trị của một sự an ủi, một lối tự hơp mình vô lối vì người ta đã quyết nhổ vứt cái cây lúa có tên cụ thể là anh đấy! – cây lúa “benh hoạn, ruỗng nát, độc hại” – để trồng thứ lúa tốt hơn kia mà! Chớ hòng tìm cách ấp ủ ước mơ về một tương lai sáng còn sẵn sàng cho mình!

Tôi cũng không muốn cho anh bạn tôi thất vọng ngay cả trong ước mơ, nhưng tôi muốn vạch rõ điểm tâm lí riêng biệt của lớp người quyền thế mới mà tác giả bài báo đã vô tình làm lộ rõ chân tướng. Những ngày còn lao đao lận đận có vấn đề sống còn của chế độ và bản thân, người ta hô hào khắc kho và nói đến truyền thống (loại “đói cho sạch rách cho thơm”...) để tìm hoàn

cảnh và lí lẽ biện minh cho sự khốn khổ phải chịu ở tất cả mọi người, nhưng một khi chiến thắng tới với tất cả những chiến lợi phẩm to lớn thì không có lí lẽ, luật pháp nào ngăn chặn người ta tiếp thu hưởng thụ, nên phải tìm ra cách thể mở đường, chuyển hướng sống. Phải chấp nhận và hô hào một cuộc sống văn minh vật chất trái với trước kia khi nó chỉ mang thật nhiều ý nghĩa tinh thần, trong đó sự hãnh diện vẫn còn mang những lẩn cấn tủi thẹn. Có hô hào đổi thay mới khỏi ngưng ngưng mà đi xe Peugeot 504, DS, mà ở phòng lạnh, hút thuốc Ba con 5, mà tiệc tùng du hí. Bài báo có dụng ý thuyết phục đám nhân dân khốn khổ chấp nhận cho tác giả và những người tương tự sống cuộc sống đầy tiện nghi an lạc...

Sách vở đến với chúng tôi không có nhiều thứ mới, bởi vì như đã nói, T tôi hầu hết đều là dân chuyên môn. Hoặc là họ không đọc gì cả – để dành chỗ cho lap xưởng, kẹo, mì gói... hoặc là họ nhấc người nhà gửi đến các sách chuyên môn cũ, cả những quyển thật là hiếm, chuyên sâu vì cái ảo tưởng về chuyên môn phi chính trị khiến họ tưởng có thể ôm giữ được an toàn – và còn có thể thăng tiến nữa. Nhưng những người trông coi họ lại có quan niệm an toàn theo hướng khác: Bộ đội chẳng có chút hiểu biết gì về tiếng tây tiếng u (có kẻ khai ngoại ngữ biết được là tiếng Anh liền bị mắng: “Anh đi làm tay sai cho Mĩ sao không biết tiếng Mĩ mà lại khai dối là biết tiếng Anh?”), bộ đội thấy cách an toàn cho trật tự hơn cả là... tịch thu! Nhưng không phải là một cuộc càn quét làm động ổ. Chỉ có một lệnh nhẹ nhàng: “Giữ sách đến khi chuyển trại thì sẽ trả để mang theo.” Xin ai ở ngoài vòng đừng chê họ hèn nhát, lú lẫn đến ngu ngốc!

Ở địa điểm này chúng tôi được hai lần gia đình gọi “quà” bằng đường bưu điện cách nhau ba tháng và hai lần gia đình đến “thăm viếng” cách nhau sáu tháng. Ngay đến cách dùng từ cũng làm ngạc nhiên chúng tôi, kể cả các tay Bắc Kỳ tàu há mồm. Sự lựa chọn từ ngữ thể hiện được cả tính chất Bắc Kỳ phong kiến được nâng lên mức độ thể chế hiện đại hoá. Chẳng phải ở tù – có người bị kiểm điểm vì đã thốt lên ý nghĩ này – cho nên không có chuyện “thăm nuôi”. Đây chỉ là sự vắng mặt dài lâu được nhà nước tính toán chu toàn đủ, nên không có sự thiếu thốn, không có chuyện đi “nuôi” tù. Thấm nhuần tinh thần nhân đạo truyền thống, nhà nước mới tổ chức cho thân nhân

đi thăm viếng những người đang học tập cải tạo, mang “quà” đi động viên, khích lệ chồng con học tập tốt để sớm trở về với gia đình, sớm trở thành người công dân tốt phục vụ đất nước. Cái ngọt ngào sao mà đầy vị đắng cay!

Và đắng cay nhân đôi với những người nghèo trong trại. Ở nơi khác đã có người mang cả con heo quay đến trại, có người lãnh “quà” lôi luôn cả tổ 10 người đi khuân vác. Lại có người lủi thủi đi thăm chồng với ổ bánh mì kèm theo như lời trời trăng: “Lần này ráng chạy tiền đi thăm anh, không biết lần sau có vay được không.” Ở T này cũng có người từ nhà thăm nuôi vào vừa khiêng vừa vác, vừa réo gọi anh em tiếp tay, và cũng có người lạng lẽ xách một bọc nhỏ về phòng mà trí óc vẫn băn khoăn không biết làm sao con vợ nuôi nổi mấy đứa con mà còn chạy được tiền đi thăm mình nữa? Cái dấu hỏi to tướng này không mấy người đặt ra. Có người thân nhiên không nghĩ tới vì tưởng có đủ tiền để được thăm nuôi suốt đời. Có người không nghĩ tới vì thói quen đòi hỏi hưởng thụ đã che lấp tất cả. Một thảm cảnh gia đình từ đây mà ra: Người vợ phải đi bán thân và phân trần với người mẹ cải tạo cùng phố: “Dì tính, nhà còn gì nữa đâu, còn phải nuôi mấy đứa con mà anh ấy cứ viết thư về giục gọi thứ này thứ nọ, cứ tưởng như là hồi trước kia!” Chúng tôi cũng từng ghé mắt nhìn qua các bản danh sách yêu cầu này và đặt tên cho chúng là những “tờ sớ”. Còn trong giới nàng Kiều mới đã có thêm một món hàng đặc biệt: “vợ cải tạo”.

Đồ thăm nuôi vào trại tạo ra những ngày lễ hội tung bừng rồi âm ỉ qua những đêm dài trốn tivi. Đồ thăm nuôi vào trại cũng làm bận rộn cho chủ nó ở một hướng không ngờ. Ít có chuyện mất cắp. Một phần nhỏ có lẽ vì thời gian này chẳng đến nỗi đói lắm để giúp cho liêm sỉ trì nín được. Phần lớn chắc hơn là nhà ở trống toang hoác, lúc nào cũng có người vào ra. Nghe nói đến những kleptomane lạc lõng, nhưng người có nhiều đồ thăm nuôi không phải lo đối phó với bạn bè mà lo với Ban chỉ huy trại. Ở những cuộc kiểm nghiệm.

Lại cũng một danh từ mới. Từ hồi mới đến, còn đương hi vọng ở ngày về gần gũi hoặc lo sợ ngày chuyển trại đầy mệt mỏi thì dân cải tạo một buổi sáng nghe có lệnh dọn hết đồ đạc ra sân, chờ. Hoang mang, ngơ ngác đúng như người quản giáo nói lúc mở đầu cuộc khám xét: “Chắc các anh băn khoăn

tự hỏi nhiều về biến chuyển này phải không? Chúng tôi khẳng định là các anh không đi đâu hết. Cuộc kiểm nghiệm như thế này chẳng phải dành riêng cho các anh. Bộ đội cũng phải chịu chế độ như vậy. Đây chỉ là sinh hoạt bình thường...” Vâng, cái gì dù có thể gây nên thắc mắc mà xảy ra nhiều lần thì cũng trở thành bình thường. Cái phần sinh hoạt cá nhân bị ép dẹp đến mức bé tí xiu không còn làm anh bộ đội ngạc nhiên nhưng đã làm hoảng hồn bọn cải tạo vì không thể nói đến chuyện các biện pháp giống nhau cho hai hạng người khác nhau. Mục đích khám xét chúng tôi là để tịch thu vũ khí – hay cái gì có thể sử dụng như vũ khí, là để khám phá những âm mưu nhen nhúm. Những người cộng sản vốn là “vua” âm mưu nên họ thừa kinh nghiệm dập tắt âm mưu từ trong trứng nước. Có điều đỉnh ninh “cẩn tắc vô ưu” có khi cũng làm họ phí sức vô ích: Nhìn đám cải tạo ba hoa chích choè thấy chẳng có yếu tố nào dậy lên được chút âm mưu!

Một vài cuộc khám xét buổi đầu tương đối dễ dàng vì có khi là để bộ đội học hỏi lối sống sung túc xa lạ với họ. “Cái này là cái gì? Sử dụng ra làm sao? Sao đã có loại kia còn có loại này nữa, vẫn cùng một mục đích như nhau? Cái này... Sao lại...” Chắc có một thoáng ngượng ngập – hay mỉm cười đắc thắng? khi người quản giáo đứng trước các bọc gạo sậy: “Anh làm gì với các thứ này? (Để đào thoát chăng?)” và câu trả lời rụt rè thành thực: “Dạ, nghe nói học trong 10 ngày, tôi đem theo để ăn đỡ tốn...” Hồi hộp nhưng chẳng có gì xáo trộn mạnh. Hồi hộp đem lại hương vị sống cho hồi buông thả, lúc được lệnh đem đồ đạc vào phòng. Ôi hạnh phúc sao mà giản dị, nhỏ bé vậy mà có người cứ tìm mai đâu đâu! Còn nhớ ở một quyển tiểu thuyết Mĩ – loại mất bìa, bán xôn hè phố, đem vào trại đọc cho qua 10 ngày – một nhân vật giàu có, sang trọng, gia đình êm ấm nghĩa là có đủ điều cho người ta ham muốn bỗng bỏ cơ sở, gia đình đi theo một người con gái đầy tai tiếng, sống cực nhọc, lênh đênh để tìm cái gì gọi là hạnh phúc. Về điều này người cải tạo hẳn là không khó tính nhiều. Họ sẽ học được chữ hạnh phúc – ít ra là ở bề ngoài, của những người xưng là thầy họ: tiêu chuẩn gạo hàng tháng, tiêu chuẩn thịt, cá (nếu có), tiêu chuẩn đường muối, tiêu chuẩn... Tất cả có nhà nước lo, hạnh phúc từ trong sự nghèo khó, thiếu thốn thu xếp tạm gọn để thăng hoa thành giá trị tinh thần của sự bình dị, đơn giản...

Nhưng lúc này thì người cải tạo vẫn chưa đạt được như mong muốn. Trong hiện tại họ còn phải khốn khổ với mớ đồ ăn khô tích trữ để ăn dần mà người ta muốn họ loại bỏ ngay để đề phòng âm mưu trốn trại. Vào một buổi sáng chúng tôi được tập hợp thật sớm để nghe lệnh kiểm nghiệm. Từ hội trường họ túa về như ong vỡ tổ. Chỉ chăm chăm lo cất giấu món ăn, họ không biết rằng Ban chỉ huy đã chuẩn bị sẵn sự kiểm soát cần thiết. Có người gói từng bọc ném vào bụi rậm, có người dú xuống dưới miếng đá rửa chân. Những thứ này sẽ không bao giờ tìm lại được. Có người vội vã ném đánh úm cái thùng đạn đại liên xuống giếng thì quay lại gấp mũi súng chĩa vào mình với một giọng nghiêm khắc: “Leo xuống lấy lên!” Ướt như chuột lột, run run mở ra: mì gói, tôm khô, lạc xường, bột... Chẳng phải súng đạn hay dao găm gì hết.

Kiểm soát thật kỹ. Nhiều món lương khô bị tịch thu – tất cả hay phần lớn tùy ở sự khéo léo của người có của hay sự thích ý bất chợt của người khám xét. Mấy cái cần xé xách theo đây ấp bột, đậu, đường, mì... Đã xế bóng mà van chưa xong. Nhân dịp đói bụng, có kẻ chưa đến lượt nổi ý tiếc của đòi bèn mút hộp sữa lần đến hết, chưa đủ còn thi đua với người khác, nhai ngấu nghiến cả mấy kilô lạc xường. Đồ ăn tịch thu được cho vào bếp, chia đều cho mọi người, nhưng không ai cảm thấy ngon vì đó là món ăn hầu lớn, còn người mất của thì ngân ngơ, người bỗng dưng được ăn vẫn có chút ngượng ngùng.

Cái ngượng ngùng “tiểu tư sản” đó cũng là một khía cạnh cảm tính phát lộ đã gây ra những chuyện buồn cười lẫn lộn đau khổ. Thư hàng tháng được coi như là một ân huệ của nhà nước ban cho người có tội phải cải tạo, “dựa trên ý thức truyền thống thông cảm với tình gia đình đậm đà của người dân Việt Nam” – làm như Tây nó ở rừng hết! Thư đi lại cũng thể hiện tính cách tự do của chế độ: Thư đã gửi được quản giáo kiểm duyệt rồi – cũng như uỷ ban địa phương đối với người dân ngoài, đã xem qua, thì tất được bưu điện đưa đến tận nhà, bảo đảm được tình cảm của người ở xa nhau bền chặt, tin tức được lưu thông. Nhưng ngay cái “tự do” ấy dù sao cũng có hạn chế: Thư viết chỉ một trang giấy học trò mà thôi. “Quản giáo còn bận nhiều việc”, không thú nhận rằng mình ít chữ, đọc nhanh không được mà tính đa nghi lại khiến

anh ta nhìn thư dài ngoằng không biết bọn nguy cầu kì rắc rối nói chuyện sinh hoạt phức tạp có chen vào ẩn giấu âm mưu gì không. Nội dung thư cứ nói “học tập tốt, lao động tốt”, động viên gia đình “lao động tốt để xây dựng chủ nghĩa xã hội” là đủ rồi. Thế mà có những đứa viết thông báo cho gia đình biết chỗ ở của mình với các câu đại khái “Lúc này vườn anh Long chị Khánh chắc cỏ mọc um tùm”... Phần lớn khác nói chuyện mùi mẫn anh anh em em đầy tính cách tiểu tư sản uỷ mị, kéo dài hàng lô món ăn xin gởi liệt kê cả một dọc! Thế thì làm sao gọn trong một trang giấy cho được! Không vuốt ve vợ thì tình cảm không chỗ phát tiết đã đành, nhưng nếu không mùi với con vợ thì làm sao nó chấp nhận cái “toa” kê ra? Cho nên vẫn có kẻ kéo dài hai tờ giấy học trò, chữ viết nhỏ đi, theo hàng gạch hẹp, tái bút lên tái bút xuống, lại xoay ngang tờ giấy viết vào cái lề còn chưa trắng trước kia, mất cả ý định dành cho thư có tính cách trang trọng.

Thư các ông có mục đích “đồ ăn” rõ rệt thì thư các bà lại nặng về tình cảm kể lể, thương mến lẫn giận dỗi ghen tương – có cả chuyện phòng the ẩn giấu nhưng khá trắng trợn, có nhắc cả chuyện vợ lẽ con riêng đâu tận đời kiếp nào trong năm bảy tờ giấy làm dày cộm bức thư. Chắc tức vì đọc mệt, Ban chỉ huy bèn tổ chức một hai cuộc lên lớp, bắt đương sự lên bục đọc thư vợ, kéo dài cả buổi tối. Tất nhiên chẳng phải vì ác ý nhưng mọi người đều cười ngả nghiêng tán thưởng cái dâm của người vợ trẻ xa chồng. Nhưng sau đó là những điều phải suy nghĩ liên hệ đến gia đình từng người: Cô giáo nọ vốn đã trải qua một thời làm tình nhân, làm vợ đầy hạnh phúc, nay mang từng cái bánh ra bến xe bán, lạc lõng bơ vơ ngoài đường, cô đơn khi về nhà, nhắc đến chuyện ái ân cũ với chồng có phải dùng kỉ niệm để làm bức thành ngăn chặn những quyến rũ của cuộc đời lôi cuốn từng giây, từng phút trước mắt không?

Những bức thư viết đi cũng được cho lên lớp vì có những lời lẽ tuyệt vọng động chạm đến lòng tự cao tự đại phình to của người chiến thắng. “Thôi, đời anh như vậy là hết rồi, em nên đi tìm hạnh phúc mới, coi có người bộ đội nào...” Lời gài phản đối thật đầy vẻ kiêu hùng: “Nhà nước giam giữ các anh không phải nhằm mục đích chia rẽ gia đình, và chúng tôi chiến đấu không phải là để cướp đoạt vợ con của các anh!” Thật đầy lí tưởng nhưng

chẳng thực tế chút nào. Hãy nói chuyện nghe được về nơi khác.

Một đơn vị ở Cà Tum (Tây Ninh) nghĩ ra một cách thăm nuôi đặc biệt: Cho phép vợ chồng những người “cải tạo tiến bộ” được gặp mặt nhau trong 24 tiếng đồng hồ. (2004: *thấy ở đâu đó, đây là chế độ thi hành ở Liên Xô!*) Một dãy nhà lá được dựng lên trong rừng, ngăn riêng từng phòng cho các cặp vợ chồng nghỉ đêm. Ta có thể hình dung ra sự hỗn loạn vồ vập của bọn thanh niên sung sức, bất ngờ bị ngăn cấm lâu ngày. Các cô vợ sáng ra bờ phờ phải để các bà già – đi theo thăm con, dìu về. Đã hết giờ, có chàng nghĩ ra vội giữ vợ lại, nhổ một nắm... mặc nàng la oai oái – để giữ chút kỉ niệm dài lâu. Nhưng cũng có người đàn bà thật cứng cỏi: “Anh biết họ quan niệm như thế nào khi cho tổ chức những cuộc gặp gỡ như thế này không? Dưới mắt họ, bọn nguy chỉ là những kẻ sống bằng nhục dục, như súc vật. Em hiểu tình trạng anh bây giờ, nhưng anh hãy nghĩ lại coi, anh có thể chịu đựng sự khinh miệt ấy không. Em cho rằng dù là trường hợp riêng lẻ, chúng ta cũng phải chứng tỏ chúng ta không như họ nghĩ.

Nếu trời thương anh được trở về thì chúng ta còn được dịp sum họp. “Anh hãy an lòng, em vẫn đợi và không làm điều gì đắc tội với anh...” Đêm hôm đó hai vợ chồng kéo tấm vải ra ngoài sân nhìn sao, chờ trời sáng. Anh chồng vui nói với bạn bè: “Nó nói phải, tao phục lẫn, mà ấm ức quá!” Một thảm kịch cũng diễn ra với một nhân vật ý thức thật đúng hành động của mình. Người vợ trẻ dắt theo cả mẹ chồng, thuật với anh chồng phi công về chuyện mình bị công an hăm hiếp bao nhiêu lần, những lúc bị đòi lên lấy khẩu cung chuyện nguy. Một vài lần riêng lẻ, một lần bề hội đồng và kết quả là cái thai mấy tháng. “Mẹ nói để một mình mẹ lên nói với anh cũng được, để tránh cho em điều khó nói. Nhưng em nghĩ em chẳng có điều gì phải ngượng vì không he có ý nghĩ phản bội anh. Em muốn tự tử nhưng cũng muốn gặp thẳng anh, bởi vì nghĩ rằng trước sau gì anh cũng biết chuyện – biết một mình chắc có nhiều điều vương vấn thắc mắc hơn là biết với em để ít ra em còn sống mà chia xẻ, chịu đựng với anh...” Đêm kéo dài với những lời kể lẽ và anh phi công nọ về trại ngăn ngor mấy ngày rồi vượt biên giới trong một buổi dẫn cây rừng. Bây giờ anh ở nơi nào?

Chuyện có thể được bào chữa là do sai trái của một vài cá nhân lẻ tẻ, như

thói quen biện hộ thông thường. Nhưng “con đại cái mang”, một quyền bính chối bỏ trách nhiệm của mình thật chẳng bình thường tí nào, huống chi đối với một chính quyền cứ tự cho mình không chỉ bênh vực lẽ phải mà chính là hiện thân của lẽ phải, văn minh. Đây chính là điều đáng nói. Thường nhân sai lầm có thể bị mắng mỏ, đánh đập nhưng cũng được tha thứ. Còn những người tự xưng là thánh thiện có thể được kính trọng tôn sùng nhưng khi đổ vỡ thì thật là tai hại, tan tành không phương cứu vãn. Sống mà cái gì phải, cái gì thành công thì vơ về mình, cái gì trái, cái gì thất bại thì đẩy cho người khác, sống như thế, cai trị như thế cũng “dễ” thôi. Tất nhiên đây chỉ là bàn tới trên lí lẽ mà thôi. Nếu sức mạnh khiến cho lí lẽ không giành được ưu thắng thì đổi lại chỉ còn sự khinh miệt – tuy rằng khinh miệt chẳng nhằm nhò gì đối với quyền thế. Về Sài Gòn ít lâu tôi thấy thái độ trên chất chứa thật sâu xa, thật lan tràn trong dân chúng. Và cả người cán bộ cũng ngượng ngùng, né tránh...

Không thể không nhìn nhận sự hấp dẫn của Sài Gòn đối với người chiến thắng – hấp dẫn về mức sống cao, từ đó là hấp dẫn bởi con người, đầu tiên bao giờ cũng là đàn bà.! Lúc mới giải phóng, con gái ngõ hẻm đã chê bộ đội “không láng”. Có nghĩa ngược lại là con gái đàn bà Sài Gòn “láng” lắm. Văn chương Giải phóng có vào khuôn phép cho mấy cũng lộ ra một sự vùng vẫy chống cự sự hấp dẫn đó. Với uy thế chiến thắng sao họ không biết lợi dụng tình thế? Kẻ đạo đức trong vụ này là những tên chậm lụt, ì à ì ạch. Những người ở địa vị lãnh đạo tiếp thu cơ sở có đủ quyền uy, tiền bạc để che cái “không láng” của họ, mà có còn thì cũng dễ dàng nhanh chóng khắc phục. Cho nên một được sĩ trong T. trở nên khật khùng nhiều tháng khi thấy vợ gửi thư từ biệt kèm theo bức hình chụp với một “nón cối”. Từ đó có câu chuyện đùa gượng gạo: Một anh cải tạo trở về nhà gặp đứa con hỏi “Ông là ai?”, nhìn thấy cái nón cối úp trên bàn, bèn lĩnh ra đi, cứ như một triết nhân đã tìm được chân lí.

Một buổi tối, người đi xem tivi nhốn nháo lên vì cái pháp lệnh của Thủ tướng Huỳnh Tấn Phát quy định thời gian cải tạo là ba năm. Tuy cũng đã trải qua một năm rồi nhưng khoảng thời gian còn lại vẫn thấy là ngút ngàn! Quy định có nói đến trường hợp được về sớm nếu có cơ quan bảo lãnh, có người thân là Cách mạng. Thế là tự nhiên nảy nòi những tay bà con Cách mạng, từ

những bà con thực sự, tuy xa lắc xa lơ mà honda, tivi rút ngắn con đường thân thuộc đến những tay bà con chẳng biết từ đâu, bằng cách nào lại trở nên cùng họ hàng! Trong đó yếu tố can thiệp mạnh vẫn là đàn bà. Nhiều anh nôn nóng viết thư trách mắng vợ không giỏi giang như người khác để lo chạy cho mình về. Và một anh nhận được bức thư nhẹ nhàng, cay đắng nhưng có hiệu quả như một lời nhắc nhở nặng nề ngoài ý muốn của người viết: “Anh trách em không lo cho anh, nhưng nếu bắt chước như chị A, chị B thì sợ khi anh về rồi, chúng mình không dám nhìn mặt nhau...”

Nhưng có vẻ như không chỉ có sự lợi dụng xấu xa. Một bức thư với mục đích phân trần về hành động rẽ bước nhưng có chi tiết tình cảm không đơn giản: “Nhà ta đã không thông thả gì mà bây giờ em phải gánh lấy 7 đứa con đại với một tương lai mờ mịt. Nhớ ngày nào ở nhà anh vẫn thường ước muốn sao cho em được hạnh phúc, sao cho các con được sung sướng. Phần em bây giờ không đáng kể gì rồi nhưng các con vẫn là điều quan trọng. Thời thế đã đổi thay, các con sống chật vật đã đành mà quá khứ nguy của anh còn là một trở ngại lớn cho chúng nó nữa. Nay có người chịu nhận nuôi nấng con anh, hi vọng dây liên kết với người của chế độ mới sẽ bảo đảm một chừng mực nào đó cho chúng sống dễ thở hơn, em tưởng tuy không dùng đến chữ hi sinh, nhưng dù mọi người chung quanh có nhìn em bằng cặp mắt khinh bỉ, dù anh có bức tức thế nào đi nữa, em cũng nghĩ là em đã làm theo ý nguyện của anh...” Bức thư được những người đọc lên tỏ vẻ hoài nghi, khen chê rồi mù, nhưng không ai không cảm động với lời tâm tình mà vì hoàn cảnh lúc bấy giờ không ai biết đến sự bao vây khắt khe của chế độ, không ai thấy được sự tính toán sai lầm của người vợ kia. Có kẻ nổi lên đũa cọt: “Đàn bà 7 con rồi mà sao có thằng Cách mạng nào đó dám nhào đô lãnh đủ?” Đũa bõn, nhưng trước sự thực vẫn phải dẫn đến ý nghĩ nghiêm túc. Những người trai trẻ ra đi chôn vùi tuổi xuân sau hai cuộc chiến, nay trở về, thêm khát gia đình đến mức độ phải vợ vào hấp tấp thế sao? Đó là dấu hiệu tư ti nổi lên khi thầm tự đánh giá mình, hay có chút hào hùng của kẻ chiến thắng khiến anh quên cả thuyết lí, cả kỉ luật – giống như chị cán bộ của thi sĩ Hoàng Cầm cho đứa con địa chủ chén cơm - để mà cứu mang cả một gia đình kẻ chiến bại, thất thế?

Xã hội không có quy mô công nghệ nữa mà lại suy sụp trở về với thời

làm ăn tũn mủn, vụn vặt, một thứ “chạy chợ” tuy ở khung cảnh đô thị nhưng vẫn mang dáng dấp của sinh hoạt “con cò lặn lội bờ ao”. Người “làm ăn” được là đàn bà, con gái, trẻ em đi làm để nuôi đàn ông vào tù hay co rút lại. Những người này không được chuẩn bị sẵn để chống đỡ với những cạm bẫy do chính bởi cái ưu thế đàn bà đã giúp họ làm ăn dễ dàng: Qua mặt công an, luồn lọt công quyền, ứng biến khi sơ thất ngay cả trên đường xa... Sự sa ngã có khi bởi chính quá khứ của họ, quá khứ của những ông chồng lính tráng đeo bông, gọi là “vợ chồng” mà la tạm bợ. Cho nên có tin vào trại về một bà tuổi tứ tuần có mang với anh tài xế xe hàng, một bà vợ sĩ quan bán chợ trời cặp với anh lính cũ của chồng mình... Câu chuyện trở thành khôi hài thú vị vì một câu nói bất ngờ của một anh bạn trẻ. Nguyên cái cầu tiêu được làm sát hàng rào, thỉnh thoảng có đồng bào đi làm rầy qua lại nên được nhiều anh ái mộ, không đi tiêu cũng ráng chịu cực ra ngồi chầu chực. Một buổi trưa vắng chúng tôi nghe được câu nói rõ mồn một: “Má! Má đi đâu đó má?” Tiếng bà già trả lời dọc hàng rào: “Tao lên tìm báo cho mày biết con vợ mày nó đi lấy chồng rồi!” Ngưng một chút rồi anh chàng cao giọng trước khi đi hết lối dọc bên trong: “Má về đi! Kệ mẹ nó má!” Câu chuyện chẳng có gì tức cười cho đến lúc anh chàng nói cho mọi người hay, đó là bà mẹ vợ của anh. “Kệ mẹ nó, má!”

Cuộc sống ngọt ngạt trong trại bỗng nhiên được giải toả một phần vì một nhu cầu mới. Đám đông nấu nướng cần một số lượng củi rất lớn đem tới hàng tuần, nửa tháng bằng xe cam nhông. Ban đầu có những đầu óc quá trông đợi đến thành mụ mẫm cứ tính rằng chuyến xe củi này là chuyến chot. Xe đem củi tới chậm là hi vọng càng lên cao.

Hết củi, phải vét tới cả những khúc khó bửa vớt ở đầu hè, hàng rào... mà không thấy khó chịu lại có thêm thấp thỏm hi vọng. Cho tới lúc có tiếng ồ thất vọng khi chiếc cam nhông ló ra nơi đầu lối ngoặt. Chiếc xe bỗng ngập ngừng rồi dừng lại. “Không phải, không phải ở đây đâu! Đi đi!” Tài xế mở cửa, nghiêng ngó... Xe lùi với tiếng vỗ tay, rồi lại dừng như đậu trên lòng ngực mọi người. Rồi nó quả quyết tiến tới, lăn bánh vào sân giữa các cặp mắt sững sờ không muốn tin là sự thật.

Củi rừng chắc là xa đường, hay có lẽ vì hết hợp đồng, bộ đội mới tính

lấy ở ngay các đồn điền chung quanh, các cây cao su chết, cỗi phải đốn bỏ. Chúng tôi được chia làm hai toán: một toán nhỏ mang cưa, rựa, búa sáng đi chiều về mang gạo nấu ăn trưa, dẫn cây ngã xuống xẻ từng khúc vừa một người vác; toán thứ hai đông gấp bội, ăn cơm trưa trong trại xong theo sự hướng dẫn của quản giáo ra đem củi về. Tha hồ nhìn ngang nhìn ngửa, nhìn những người nhìn mình, thấy cảnh đường phố tiêu điều mà chẳng biết là bởi lòng mình hay vốn là của cảnh người. Hình như chỉ có hai nơi rộn rịp: bến xe và nhà ga, dồn lại chỉ là một: nút giao thông. Bến xe đồ chỉ thoáng qua không kịp thấy gì khác lạ, nhưng nhà ga nổi bật những cậu bé, cô bé chạy hàng, mắt láo liêng, thoát tới ném bao than lên toa, thoát lui ôm bọc hàng lẫn trong đám đông hay cố làm dáng bình thản dựa vào hàng rào nhà ga mà không giấu được vẻ bồn khoăn lo lắng.

Ở Miền Nam hai mươi năm mà nay tôi mới đi vào rừng cao su, và tiếp xúc lần đầu gần nhất – tuy còn ở vòng ngoài quan sát, của cuộc sống nổi danh trên sách vở này. Có lẽ buổi đầu khai phá, các vùng này còn là nơi muỗi mòng nước độc, chịu mức sống thấp thời trước Thế chiến II, với tâm tình bơ vơ của người xa xứ và tất nhiên có sự tham lam muốn thu hồi vốn nhanh của người khai thác, tất cả đã tạo nên một nền văn chương tranh đấu của đề tài “Xác chết bôn rừng cao su”. Nhưng hiện nay, tuy dưới tàn cây rậm rạp còn nặng mù hơi nước – rau càng cua mọc nhiều cho chúng tôi một món ăn mới – vẫn chỉ bình thường là những ngôi nhà sạch sẽ nằm nơi các ngõ rẽ, nổi hơn những ngôi nhà ở đồng ruộng quê tôi. Trẻ em nô đùa. Mặt người phu cạo mủ tuy vẫn còn tái – vì bóng râm hay vì sốt rét? – nhưng họ vẫn làm việc như một người khỏe mạnh bình thường. Cũng là theo lẽ bình thường, quá khứ nặng nề ám ảnh rất dài lâu, nhất là khi người ta cố ghìm quá khứ ấy với mục đích lợi dụng – tuy Long Khánh từ gần mười năm trước 75 không còn được coi là vùng nước độc trên phương diện hành chánh / ăn lương. Phần tôi vẫn còn cảm thấy ghê ghê gọi bởi không khí lạnh lẽo dưới tàn cây, bởi các câu chuyện từ sách vở.

Từng đồng củi cắt sẵn vút ngổn ngang bên vệ đường. Mọi người ủa đến lựa khúc của mình. Chẳng có quy định nào về kích thước phải mang hết. Tất nhiên toán chặt không dẫn khúc nào to quá sức một người, nhưng cũng có tay

ting khôn chỉ vác hai cành lũng lảng trên vai là đủ. Không hề gì, toán đi lấy củi đông lắm, nhân lực ta có thừa chẳng cần phải ép buộc.

Hàng người về kéo dài hơn lúc đi. Tuy từng đoạn vẫn được nghỉ để dễ quy tụ, kiểm người nhưng từng quãng một vẫn có người rơi rớt phía sau. Nhân thế mà có người nghỉ được lâu, gặp được những chuyện không dự tính trước để có cơ hội lợi dụng. Mà thực ra đối với chúng tôi chẳng có toan tính nào lớn hơn chuyện ăn. Chúng tôi được dịp mua đường, cái bánh này nọ, và nhất là chuối – thực phẩm thuộc loại rẻ của xứ này. Chẳng cần giấu diếm gì, củi đồn cho bạn vác thế, phần mình là chuối, chuối toong teng hai đầu hai quày còn khúc củi là đòn gánh! Có kẻ lạnh mắt lạnh chân đã thủ được cả khúc thịt chó. Quân giáo, vệ binh đi theo cũng la rầy cho có lệ. Nhưng coi chừng trời có lúc mưa lúc nắng: Một chuyến mua hàng, một chuyến khác suôn sẻ, bỗng nhiên bị chặn lại, khám xét và phải làm tờ kiểm điểm về tội giao tiếp với dân chúng! Thực ra, nguyên vì toán vác củi đông quá gây ồn ào – mà các anh thì muốn đề phòng cái sẩy nảy cái ung, chớ toán đồn củi cửa cây, ít hơn thì được phép vào quán ăn phở, uống cà phê.

Đã nói có những chuyện không ngờ tới được đã xảy ra. Chúng tôi đang dừng nơi vệ đường nơi khúc quanh vào thành phố thì một chiếc honda có người đeo, queo ngay trước mặt tôi và dừng lại bên kia đường, người ngồi sau cúi xuống đặt nải chuối lên cỏ, bảo một tên cái tạo đang ngo ngác: “Ăn đi!” Tôi gần như cũng chưa hiểu việc gì thì từ trên một chiếc xe hàng chạy ngang, một gói nhỏ bay lướt qua mặt rơi đến người đứng cách tôi khoảng vài thước. Cái gói vẫn thù lù nằm đấy mà chưa ai dám nhặt trước khi liếc xem người vệ binh ở đâu. Bánh thuốc Lào. Nghe nói trong toán chặt củi có người không tiền đứng thơ thân ngoài quán lại được cho ăn no hơn người bên trong.

Sự cách biệt với người bên ngoài đã gây nên những hiểu lầm tức cười, có khi thật ngu ngốc đáng thương. Một người đàn bà đi thăm chồng chỉ những người phục vụ vòng ngoài, hỏi: “Người phục vụ của anh đấy phải không?” Anh chồng cười sau khi liếc nhìn quanh rồi nói nhỏ: “Bọn anh đấy”. Cái ý tưởng kênh kiệu trái mùa của người đàn bà thật dễ giận nhưng có thể bot đáng trách khi hiểu được hoàn cảnh có sắp xếp tinh vi: Người phục vụ mặc

quần áo rách rưới hôi hám, nét mặt lầm lì đúng với thân phận và suy tư thường ngày của mình, còn người tiếp thân nhân được dặn dặn “bộ quần áo đẹp nhất”, vui vẻ trò chuyện với gia đình, tâm tình phơi phới có sự ép buộc lẫn tự nguyện, hai hình ảnh hai mặt của cùng một hoàn cảnh đó sao không đánh lừa được người đàn bà – ngu ngốc hay tự dối lòng, đánh lừa mình?

Có bà già đã ôm con, nắn vuốt rồi oà khóc: “Bọn nó cho uống thuốc gì cũng từ chối, nghe con! Chúng cho thuốc thay đổi tâm trí...” Bà già quen với bùa chú, chỉ có thể hiểu rằng tây nã phải thực hiện bằng quyền phép, phù trợ bằng thuốc men kì bí. Từ cuộc sống thường ngày bình thản, làm sao họ hiểu được cái tinh vi của tác động có phối hợp đủ thứ áp lực cùng với dẫn dụ của nhà cầm quyền thời đại mới, đúc kết từ những thành quả khoa học tâm lí xã hội, từ kinh nghiệm của những nước đàn anh đã áp dụng trên những địa vực rộng lớn hơn nay thực hiện lại trên khu vực nhỏ hơn, dựa vào ưu thế chiến thắng vừa qua mà đẩy mạnh sự đe dọa của mũi súng đen tót cùng? Họ hiểu sao được khi thấy chồng con họ ngày thường ngang ngạnh với vợ con, bướng bỉnh với quyền bính mà họ cũng là một thành phần xây dựng nên, mà nay chỉ trong một thời gian ngắn cái tạo đã viết thư về nhà, hay mở lời nói với họ những điều đã trở thành thói quen nơi khác, hơn cả anh cộng sản chính cống, với những khẩu hiệu khuôn sáo mà anh cộng sản cũng chỉ trình bày trên diễn văn, báo chí: “Lao động tốt, học tập tốt”, “Cai tạo tiến bộ để trở thành người công dân lương thiện”, “Nhờ ơn Cách mạng khoan hồng không bắt tội”...

Bên ngoài, cuộc sống còn buông thả, phức tạp hơn nên người dân Miền Bam còn cái thế để giữ được cách biệt nhiều hơn, còn nhiều phản ứng để chối tai nghe những lời huênh hoang của kẻ chiến thắng, và còn nghe được người cộng sản cầu nhàu, bất mãn với cán bộ khác. Cho nên họ chia xẻ cùng nhau cái hãnh diện riêng biệt: “Người Cách mạng không lấy nguy thì nguy lấy nguy chó ai thêm...” Nhưng người bên trong vòng rào ít ai như anh chàng không nhận cha: “Tôi chỉ thấy lúc lớn lên, nuôi nấng ăn học là mẹ tôi, đâu có biết là ông. Mỗi người một chí hướng, đường ai nấy đi...” Cái cứng rắn của người con, đậm nét hơn vì hoàn cảnh tù tội khích động, tự ái bị tổn thương đã khiến người cha nước mắt lưng tròng rồi trại thăm nuôi nhưng cũng là dịp để

kẻ viển dẫn “chính nghĩa” và tinh thần “truyền thống” chê bai: “Bọn Mĩ nuôi chúng thành những người mất gốc, không nhận cha, nhận mẹ...” Nhưng đó cũng là một điều “nói lấy được”. Phe ta đã từng khuyến khích, nêu điển hình những gương đấu tố cha mẹ trong những đợt cải cách ruộng đất, đánh tư sản – dựa trên quan niệm đạo đức mang tính giai cấp huỷ diệt cả tính nhân bản. Trong câu chuyện về mối tương quan cha con trên, có một trường hợp ngược lại: Người con thương binh cụt giò, vào tù, người cha từ Miền Bắc vào cố sức vận động cứu con, bị mất tuổi Đảng, bị trục xuất, người con ra tù nghe tin cha chết uất ức bèn kiếm ngay khẩu súng dí vào đầu mình để cõi u linh – nếu có, được thêm hai linh hồn lang thang vật vờ với câu hỏi: Lỗi tại ai?

Hận thù chồng chất trả về đâu?

Phần lớn trong tù như đã nói, đều mềm như bún do tính bạc nhược của một cuộc sống không nói tới ý chí, không đủ tầm vóc đòi hỏi của tình thế, do sự dần nén thành thói quen... Cho nên chẳng lấy làm lạ khi có anh cải tạo về được công an tâm sự: “Chúng tôi thấy các anh còn vâng lệnh chính quyền hơn những người dân ở đây. Họ thật khó bảo...”

Cái hàng rào thật mỏng manh, có khi độc một đường dây kẽm gai “chỉ bước qua là thoát” như một quản giáo nói, nhưng ngăn cách hai thế giới, hai tâm trạng thật đứt khoát, như chứng tích thành công kì diệu của những tinh hoa đang nắm giữ quyền hành. Một buổi chiều đi làm về, vệ binh chắc còn tần ngần tán gái đâu đó để bọn cải tạo gặp một xe lam chở củ mì len lách làm roi vài khúc giữa đường. Vài người cúi xuống nhặt. Người đàn bà trên xe hốt đồ thêm một ít xuống. Đám cải tạo ủa tranh nhau hỗn loạn. Người đàn bà bảo xe dừng lại tuôn hết củ mì xuống đường. Những người ở đằng xa còn dè dặt cũng xông tới giành giật, huyên náo. Người đàn bà tần ngần nhìn đám người chẳng ra người rồi ôm mặt khóc. Chỉ tiếng khóc này là có giá trị. Còn những giá trị khác nằm ở lí thuyết, ở sự suy lí trừu tượng.

Thực ra trong khoảng thời gian này chúng tôi không đói lắm. Trong số những người giành giật kia, không hiếm người còn có cả bao cối lớn đựng mì gói, tôm khô, lạc xường, sữa hộp chất nơi đầu giường. Một sự đua tranh thành thói. Một kết quả trong phút giây từ sự lo âu dài ngày về sự thiếu thốn.

Và trên hết là một cách cư xử, hành động thật bình thường của người tù. Bộ đội vẫn có sự cố gắng không gọi công khai chúng tôi là tù, tuy riêng với nhau lại là lời khác: “Này vệ binh, lên xem thử mấy thằng tù làm gì mà ồn dữ vậy?” Thực tế cải chính mọi lời cải chính. Và ngay cải chính cũng phải lưu ý đến quan niệm khác nhau về “tù”. Người bộ đội từ sách vở vẽ *cảnh tù không phải của chế độ mình*, cứ hiểu rằng tù phải là một tình trạng sinh hoạt có roi vọt rên khóc hàng ngày, có người chết chôn không kịp, có “chuồng cọp” – câu chuyện một thời vang dội từ ống kính, văn chương của hệ thống truyền thông quý tộc. Người cải tạo thì thấy rằng mất tự do đã đủ gọi là tù, còn những thứ này thứ nọ thì chỗ này không có, nơi khác đã có, và nếu gom lại hết hình ảnh toàn các trại cải tạo thì cũng đủ làm một cáo trạng có thể rui ro là bị nguôi ngoai với thời gian. Cho nên không phải tù mặc cảm mà tù thực tế, chúng tôi không ai mặc đồ lạnh lặn cất trong xách, chỉ nai cái quần xà lỏn, ở trần tròng trọc hay khoác chiếc áo vá trăm mảnh, lấy bao cát túm đầu xoè vành làm nón đội – được thêm cái dáng Mẽ Tây Cơ hay Hành khất Đại hiệp – cắt bánh xe làm dép râu, hai quai cũng được, bốn quai cũng xong, có nước sẵn mà bảy tám ngày không tắm, ăn uống xó hè nào cũng được. Chẳng nên nói điều xa xỉ là phẩm giá với lương tâm. Và trên cái căn bản sống ấy mà người ta ủa nhau giành giật củ mì để cho người đàn bà đa cảm tưởng khóc cho một thảm cảnh riêng biệt mà không ngờ đã chia xẻ sự đau thương của kiếp người.

Câu chuyện về cảnh đồng bào ủa ném quà bánh cho tù binh có thật nhiều, nhiều pha thật cảm động và cũng thật không ngoài tiên liệu của những người quản lý chúng tôi cứ phải di chuyển chúng tôi trong xe bít bùng vào đêm tối. “Trời sụp”, tai nạn tràn đầy, trên 25 triệu dân Miền Nam có ai là không có thân nhân phải vào trại tù? Đưa bé bán thuốc la ném cả gói lên xe, có chút hi vọng nào là trong những người hút có cha của nó?

Người vợ thầy giáo bộc lộ tâm tình son trẻ trong thư nghe đọc ở hội trường mà chúng tôi đã cười nhạo cợt, khi bán bánh kẹo ở bến xe, thay một xe tù, dám tung cả rổ lên mà không tiếc chút nào! Lí thuyết giai cấp không đủ phủ nhận sự nghèo đói thời hậu-giải- phóng, thời đại đầy ước mơ của thời tiền-giảiphóng. Chạm trán với thực tế, người ta à một tiếng: “Cũng thế thôi!” Và bây giờ thì chỉ có chuyện biện minh – biện minh có sự phù trợ của sức

manh.

Sách vở, chữ nghĩa đâu có phủ lấp được đời sống! Bà già từng nuôi giấu cán bộ, chờ chực đến bao nhiêu ngày để xin cai giấy gì đó không được, chửi bới lung tung không kể gì bọn nguy dân cười thầm với nhau. Người trí-thức-một-chút ngo ngẩn trước sự lệ thuộc tư tưởng đến trắng trợn, loại lệ thuộc không giấu diếm đã đành mà còn được hanh diện khoe khoang. Chưa kể đến sự bàng hoàng cuống quýt vì thất nghiệp trước quan niệm “lao động là vinh quang” được hiểu với tính chất cầm cày, cầm cuốc, chọc lỗ, bới tay chứng tỏ một trình độ kỹ thuật kém cỏi đến mức họ không thể nào thích nghi được. Trong một hai tờ báo lọt đến tay chúng tôi, thỉnh thoảng có các câu chuyện xa gần đến sự quay đầu (về đâu?) của đám thanh niên tả phái cũ từng làm nổ tung thành phố một thời. Lí lẽ chê bai họ của chính quyền mới thật nhiều nhưng không đủ phủ nhận được sự kiện. Còn chính sách bao tử kèm cho người dân ở mức độ bận tâm đến sinh sống hàng ngày khỏi gây nguy hiểm cho chính quyền, đem lại vững chắc cho điều theo lí thuyết gọi là chuyên chính vô sản, thì lại dẫn họ đến sự so sánh thực tế mà thốt nên lời mỉa mai: Gạo được trị giá ba phần khoai lang được gọi là gạo Ba lan(g), xe đóng hộp cá người xộc xệch trên đường đi gọi là xe Liên Xô – xô liên liên, liên liên...

Người con gái gốc Sài Gòn mót lúa trên vùng kinh tế mới, trả lời tên cải tạo: “ Đúng là nhân dân làm chủ tập thể (tiền của, lúa gạo) nhưng mà nhà nước quản lí, anh ơi!”

Đã bất mãn với hiện tại mà không mơ ước nổi tương lai thì người ta hay tần mẩn quay về quá khứ. “Luyến tiếc quá khứ” bị buộc là cái tội nhưng quyền lực nào xua đuổi được quá khứ? Quá khứ còn trước mắt họ không chỉ là căn nhà đổ nát, tàn tạ, con đường thừa vắng mà còn là nhúm người được tách ra như vi trùng nguy hiểm thành một cuộc sống *Việt Nam Cộng hoà nổi dài* riêng biệt bên trong hàng rào dây kẽm gai, vọng gác... Với phần lớn thì chẳng ai có hành động gì tích cực mà chỉ có luyến tiếc thôi. Nhưng trên sự luyến tiếc ấy một tình cảm đẹp dễ được trỗi dậy: Người ta dễ tha thứ, khoan dung với những lỗi lầm đã qua và cảm thương cho sự thất thế, cùng khốn thay trước mắt. Họ quên chuyện những “tên” cảnh sát đậu xe bít bùng bên hàng xóm, thân mình mang súng, lựu đạn cay, khiến một rừng rậm rạp ngoài đường phố rụt

đuổi đám thanh niên tay không chơi trò cút bắt với đại diện chính quyền, như một phần thể hiện sức trai trẻ thừa mứa cho lí tưởng. Họ quên đám lính lùng sục trong làng khi chạm trận thì cũng có thể quơ con gà, con vịt, xẻo vôi cái đuôi để con heo ba chân chạy trốn... Họ quên đám quan lính nhậu nhẹt nổ súng tung bùng. Họ quên... Họ quên... Trước mắt họ bây giờ chỉ có sự tồi tàn sa đoạ, chỉ những gương mặt lâm lì, những bộ đồ rách tả toi mà dù người bộ đội có thúc giục “Vui lên... Vui lên... Áo quần lành lặn vào” cũng không làm thay đổi được. Và từ đó quà bánh ném lên xe, không phải của những nhà giàu, nhà tư sản – họ đang trốn tránh, trong nhà riêng hay ở ngoại quốc – mà là từ những người buôn gánh bán bưng, những ba già lụ khụ với cái met kẹo ruồi bu, nhưng người mà lí thuyết không phủ nhận được tính cách tầng lớp thì lại chuyển lí luận trừu tượng về sự “tàn dư của chế độ”...

Sinh hoạt bung ra ngoài cũng khuyến khích những hành động táo bạo hơn. Liều lĩnh cũng có ở một số người, nhưng sự thất vọng kích thích thường là ở buổi đầu. Đã nói đến sự tuyệt vọng của người được sĩ ôm lựu đạn nổ ở Trảng Lớn. Những người chiến đấu cũ thì có quyết định táo bạo hơn: trốn trại. Về Hóc Môn, một buổi làm tạp dịch, tôi gặp mộ bia của thiếu tá X được chôn tại chỗ khi cùng đồng bạn vượt rào. Nghe nói khi bị bắn quy, cái hào hùng thời đại nổi lên, anh còn hô khẩu hiệu “Quan lực Việt Nam Cộng hoà muôn năm!” Ở Cà Tum một anh chàng ranh mãnh mua được bộ quần áo, mũ giày bộ đội, giấu được khẩu AK, đợi lúc chạng vạng đường hoàng đi ra khỏi trại.

Rủi thay cái băng đạn khác lạ – và chắc cả cư chỉ nào khác đã gọi nghi ngờ cho người lính gác. Bị gọi lại, biết lộ, anh ném lựu đạn chống trả nhưng không thoát. Quân luật thời chiến được thi hành một cách giản dị. Ranh giới hàng rào hai trại có khi thông thương bằng một lỗ chó chui để luồn người qua nhau hút thuốc Lào, uống cà phê, ăn cháo đêm nói chuyện khào... Người chui qua có khi đang hí hửng tưởng đến hội vui thì ngừng lên thấy quản giáo sừng sững trước mặt, hay nghe tiếng động sau lưng liền rướn mình vụt chạy, thoát bàn tay chộp hụt của quản giáo. Nhưng có khi tai họa đến không ngờ: Một phát súng nổ và một xác người còn lại, mất chiếc đồng hồ hay chiếc nhẫn thành hôn...

Có lỗi xử trí mang tính chất chính quyền du kích hơn (hay muốn gọi là cách mạng thì cũng được.) Một người nguyên là cán bộ giảng dạy tình báo của trường Thủ Đức đã giấu thư trên đường làm việc gửi cho vợ thu xếp chuyện gia đình theo chiều hướng trốn đi cho nhẹ gánh của mình. Lời thư cho người thân thì tất nhiên không e dè như bộ đội “đạy”! (Cũng như tập *Mémoires* mong là *d’outre-tombe* này vậy.) Dân tình báo thực sự trong trại chắc chẳng hiếm nhưng hoặc họ cần co rút lại, hoặc chán nghề nên chỉ có anh nhà giáo lý thuyết này ôn tập thực hành thôi. Trăm hay không bằng tay quen, làm thử thì lọng cọng đổ vỡ, hay bởi sự thất thế toàn cục làm cho rủi ro chờ chực quá nhiều. Chuyện thanh to. Phải có một sự trùng trị ban đầu để làm gương – chưa kể cái quan niệm cục bộ của đơn vị quản lý này về quyền lực đã hiểu cách thi hành việc làm gương phải như thế nào. Sống và thành công bằng âm mưu nên người ta dễ bị ám ảnh, đang cố tìm một tên CIA cài lại, lại lòi ra một tên tình báo âm mưu trốn trại. Một toà án quân sự cấp trung đoàn (cải tạo) được lập ra. Loa được mắc cho các trại thống thuộc dự thính buổi xử. Và một lần nữa sự tinh vi, chu đáo của người cộng sản lại thắng người cải tạo đơn lẻ, bốc đồng cá nhân, dao động và có thể gọi là ngây thơ nữa. Người ta dẫn dụ cho anh trốn trại tự kết tội mình, nhận định lỗi lầm và bày tỏ lòng ân hận để hi vọng được khoan hồng. Nhưng anh không hay biết rằng trước giờ xử, một toán tù đã được phát cuốc xuống đào huyệt chờ sẵn, không tham dự phiên toà. Tất nhiên phiên xử đem thêm tăm tiếng cho chế độ – tuy là việc xảy ra ở một góc rừng.

Không ai buộc tội, phạm nhân đã nhận định rõ ràng, tự thú tội lỗi, bản án dĩ nhiên là công bằng. Có điều tiếng “tử hình” vừa thốt ra từ viên chánh án, tội nhân chưa kịp xỉu thì hai người bộ đội đã nhảy tới choàng miếng vải buộc chắc miệng. Không một tiếng rên than khóc để gây thông cảm. Không có tiếng chửi bới liều lĩnh có hại cho uy tín chế độ. Không một nhà báo, một máy quay phim nào ghi chứng tích cho đám thông tấn sử dụng tùy mùa nước ròng nước lớn. Mọi sự đều gọn ghẽ, đẹp đẽ như thường thấy trong một triều đang lên.

Ở trại chúng tôi không có những biến động dữ dằn đó. Không phải vì thuộc “tiểu đoàn hèn nhất” mà vì “những ông già” già cả trong cuộc sống cầu

an ở quá khứ, và còn mong muốn đạt được trong những ngày mịt mù còn lại.

Từ khi đi vác củi chúng tôi mới biết tin tức ở những trại khác. Rất ít, vì người ta cố cho chúng tôi đi khác giờ nhau. Nhưng những người chặt củi cả ngày ngoài đồn điền có thì giờ rộng rãi hơn, có người đã lanh lẹn nhắn gia đình lên gặp gỡ. Dân chúng cũng cho một vài mẩu tin làm quà ân cần. Chỉ có anh bạn cựu giao viên mới phải xa lánh dân chúng thôi. Anh đang vác củi đi ngang qua một đám con gái bông nghe có tiếng la lên: “Ê, lũ mày, ông kia dạy Toán Lí Hoá hồi tao học Đề nghị Phan Sào Nam đó! Thầy ơi, thầy!”

Do đó một buổi chiều về chúng tôi mới nghe xầm xì về một vụ trốn trại. Một toán do một sĩ quan nhảy dù dẫn đi loanh quanh vài ngày rồi bị du kích bắt lại. Tối nhất ở địa phương, người cầm đầu sau khi nhận hết tội lỗi rủ rê, dắt dẫn về mình liền tự tử.

Người được trao trả cho trại hình như không bị hành hạ gì, chỉ làm bản kiểm điểm và trở lại sinh hoạt bình thường. Hồi này bộ đội có vẻ đầy tự tin về sự vững chắc của mạng lưới an ninh “nhân dân”: “Các anh có trốn rồi cũng bị bắt lại thôi. Về tới nhà thì gia đình cũng lại đưa lên nhìn nhận lỗi lầm của con em, nhờ chúng tôi giáo dục tiếp cho thành người tốt...” Hình như đã có chuyện thật như vậy vì người trốn vốn từ xưa có cuộc sống bình thường, không tìm ra đường dây ẩn tránh hoặc tẩu thoát ra ngoài. Nhưng gia đình kia không biết cái đuôi của câu chuyện chứng tỏ sự sâu hiểm trầm tĩnh của người chiến thắng. Sau cái màn an cần qua lại, người thân phạm nhân xun xoe xin lỗi, nước mắt lưng tròng, người chỉ huy nhỏ nhẹ an ủi, khen lao sự thức thời đúng lúc, nhắc nhở hứa hẹn chính sách khoan hồng... khi còn lại thế giới riêng của trại tù thì ve binh lính những người biết ăn năn hối cải kia ra quần một trận nên thân cho nhớ đời tinh thần bao dung của Cách mạng!

Chuyện trại của chúng tôi thì im lìm hơn. Trong toán chặt củi buổi chiều về vắng mặt một người. Tôi nhớ tên anh ta là Hà Huy Phi. Và bạn bè xầm xì rằng anh ta có bà con với các tay nổi danh: Hà Huy Tập đã được phong thánh, Hà Huy Giáp đang ở đâu bậc thang danh vọng. Nhớ ngày 1-5-75 vào đảng quang ở Sài Gòn có nhiều ông lon đã lật đặt lời con về Hà Nội, trong đó có một ông con sĩ quan tình báo (loại trốn lính để được mặc áo dân thường)

của một ông lớn ở Tổng Liên đoàn Lao động (2004: *Nguyễn Đức Thuận, người sẽ thay thế Hoàng Quốc Việt.*) Hi vọng anh P. được yên lành vì sau đó không còn nghe đến tên anh ở trại nào khác. Nhưng đối với những người có bà con ở cấp thấp hơn thì khó mong đợi được sự chở che như vậy lắm. Tổ chức thì nghiêm khắc, cá nhân thì run sợ (trạng thái đối cực so với khi nói về kẻ thù), chẳng lẽ sau bao nhiêu năm hi sinh, đầu tư chính trị lâu dài chỉ được chút danh vọng hình thức bấp bênh lại đem ra đánh đổi – mà chắc gì đã được? cho đứa em, cháu không biết mặt, không nhận ra? “Anh sợ mất tuổi Đảng, mẹ ơi!” Người con dâu đã trả lời bà mẹ chồng vừa sốt sắng nói với đứa con trong tù hứa sẽ bảo người anh tập kết bảo lãnh giùm cho.

Củ đem về khiến tôi biết được một món ăn mới, với bản thân coi như đã thắng được một sự miễn cảm về ăn uống. Tối phiên bữa củi cho bếp nấu, tôi và anh bạn thấy vắng ra lần lượt một rồi hai, ba rồi đến... 24 con đuông trắng ngà ngo ngoe mềm nhũn. Tôi vốn là tay sợ sâu, thấy trong sự co duỗi của những phàm mềm ấy một cảm giác lạnh lạnh. Có lúc cố nhìn để định thần vững tâm thì lại thấy những đôi mắt, những râu vòi bụng lớn lấp lánh dữ dội, gần như ảo tưởng của một nhân vật E. Poe đã tả. Ăn uống ở Chợ Cũ Sài Gòn mà thấy mấy con đuông chà là (rất mắc tiền!) ngo ngoe thì mất ngon ngay. Thế mà anh bạn tôi lượm đuông cao su, bốc lên tay tỉnh bơ, bỏ vào lọ chao ngâm muối để chúng lắc lư cái đầu như bầy chó mèo con chưa mở mắt. Dem chiên lên, mùi bơ béo ngậy nhưng vẫn không át được cái cảm giác ghê ghê khi tôi thử với con độc nhất trong đời. Chuyện tìm lạ trong hoàn cảnh còn thông thả vậy mà đã chuẩn bị cho tôi thêm chịu đựng sau này.

Một món ăn khác là ốc ma. Đúng như tên gọi, buổi chiều các cây bầu, bí, mướp mới vừa vài lá non còn mướt mà, mơm mớn thế mà sáng hôm sau chỉ thấy còn tro đất không còn tìm đâu ra gốc được nữa: kiệt tác của ốc ma đấy! Ban ngày chúng nấp trong bụi cỏ, sập tối mò ra kiếm ăn và tan sương sớm thì trở về ổ, kéo dài đường đi bằng những vết nhót lóng lánh. Có buổi mặt trời lên chậm hay người dậy sớm, thấy từng đoàn ốc ma hấp tấp lết gần mé vệt cỏ hàng rào, những cái râu vươn lên lắc lư, nhìn thoáng như bầy chiến xa có máy thông tin trên sa bàn chiến thuật. Tức giận vì bị chúng phá hoại nhiều lần, tuy ghê sợ nhưng tôi gặp đâu giết đấy không nương tay. Có lần ném một con võ

vỏ rồi quên đi, hôm sau thấy nó ngo ngoe, tôi cúi xuống nhìn thấy trên màng nhầy có hẳn một dấu vỏ như ngăn nước. Và tấm màn phát triển thật mau, chỉ đến buổi chiều là cái vỏ đã thành hình, tuy còn mềm nhưng con vật đã bắt đầu lắc lư cái thân. Không biết ai đã gợi ý ăn con vật này trước tiên. Nghe nói bác sĩ B. vốn là cựu tùy viên văn hoá ở Pháp – cũng là dân con ông cháu cha – đã gợi ý: “Tây nó ăn thứ này.” Tôi cũng nhớ các quảng cáo trên sách Tây, và liên hệ đến quyển sách học vắn lúc nhỏ có hình con ốc ma với chữ escargot nên cũng phụ hoạ vào cho vui chứ không biết có phải cùng loại không. Cũng chẳng đến mức cần thiết nhưng sự tò mò liêu lĩnh khiến chúng tôi muốn thử một lần. Điều đó thực hiện được vì anh bạn khởi xướng dân Miền Nam vốn từng trải qua các món nhậu rắn rùa ếch chuột... đủ cả. Phần khác, nhờ có đồ gia vị át mùi tanh tươi. Có điều chúng thật nhiều nhớt: Ngâm muối, ngâm nước gạo cả ngày đêm, chúng co lại, săn như con ốc ruộng nhưng nước nhờn đổ ra nhầy nhựa ánh lên, không thấm nổi vào đất!

Lần hồi chúng tôi thấy ảnh hưởng khó khăn từ bên ngoài lan vào. Từ sau Tết 76 đã thấy sụt tiêu chuẩn gạo. Người ta bắt đầu giành nhau miếng cháy trong nồi. Ban đầu là những vế dưng dưng nhưng không hết vế ngưng ngưng của những bàn tay thò vào nồi vét miếng cháy mà người anh nuôi làm biếng lấy không hết hoặc chưa lại vì quá sít đáy nồi. Nhưng rồi có quy định dành phần cháy luân phiên để tránh việc eo xèo của những người chưa đủ bạo gan thò tay vào chảo nhưng cái bụng vẫn thúc giục thêm tiếc.

Đến một hôm chúng tôi nhận lãnh bột mì thay gạo. Chẳng biết nấu nướng làm sao hết! Toán đầu bếp liên tưởng đến cách làm bột năng, bột báng bèn đem nấu nước sôi khuấy nguyên chảo sền sệt, múc cho mỗi người một tô húp sồn sột. Co điều thật mau ngán. Đến lúc ấy thì còn lại một muổng muốn ăn cho hết cũng không làm sao nuốt trôi cho được. Đành bàn nhau đem luộc, có phát chút bột nổi bèn làm xừng hấp bánh bao chay. Có bột nổi thì nảy ý kiến làm bánh mì. Anh bạn Blao quả quyết: “Đứa nào chịu làm thợ vịn với tao thì có lò bánh mì dã chiến ngay!” Cái gì chứ thợ vịn tiểu công thì có tôi. Lò hấp chính là cái thùng phuy đựng xăng đầy dẫy trong trại, có lúc dùng làm cầu tiêu, bây giờ ghép nắp ở một đầu, có bản lề, bên trong có tầng chứa các vỉ đựng bánh. Thùng đặt trên một bộ gạch, lửa đun phía dưới chạy vòng lên

nửa thùng phuy khác cắt theo chiều dài úp lên thùng trước, có trét đất rom bịt kín ở trên, ủ được sức nóng dần đều khắp lò dã chiến. Sau này chúng tôi biết ở các nơi cải tạo khác cũng làm lò kiểu này. Dễ hiểu: Cùng một hiểu biết kỹ thuật ngang nhau người ta dễ dàng ứng biến như nhau. Đã có phái đoàn bộ đội đến quan sát lò bánh mì của chúng tôi. Sau này chúng tôi thấy trên một số *Quân Đội Nhân Dân* ở mục Người tốt việc tốt, sáng kiến này được ghép cho anh bộ đội. Không sao. Đã đăng kí nhà đất, xe cộ, con người thì sản phẩm cũng phải về tay chủ mới chứ!

Cuộc sống triền miên ở trại chỉ đổi thay với những xáo trộn từ các chủ trương lớn đưa tới. Và cũng từ đó chúng tôi thấy rõ lần số phận của mình càng ngày càng lún sâu.

Một buổi sáng có lệnh báo tập trung để chụp hình. Mỗi người có một con số viết trên tấm bảng kê trước ngực, ngồi ngay ngắn trên chiếc ghế dài đặt ngoài trời. Thế là từ đây ngoài cái họ chung là *Ngụy*, mỗi một người chúng tôi đã có tên là một hàng số. Hình như tên mới của tôi là *Ngụy 7886*. Người thợ nhiếp ảnh trang bị cái máy xách tay và mấy cuộn phim nhét túi. Cái thói quen nhìn những người làm việc với nhà nước mới là cán bộ khiến một anh thừa lúc lơ đãng của bộ đội đã hỏi ngay người thợ về vấn đề ấy. Anh ta lắc đầu. Thế là kết quả được chuyển đi một cách thích thú: Người thợ chụp hình là một dân *ngụy*, “như bọn mình”. Làm như đã tìm được thân nhân – hơn thế nữa, một người đồng cảnh ngộ, tuy còn có chút tự do, nghĩa là rộng rãi hơn một chút.

Lần xáo trộn lớn còn nhớ sau đó là bữa phân loại tình báo an ninh. Sự phân biệt này đã có sẵn trên văn bản quy định thời hạn cải tạo của Thủ tướng Huỳnh Tấn Phát. Làm chim trong lồng, chúng tôi quên cả sự cách biệt giữa “chữ” và “nghĩa”. Từ “ác ôn” được ghép với đám tình báo và an ninh... riêng ra một mục nên phần lớn ai cũng tự an ủi và chối phăng (với nhau) rằng mình không phải là “diện” người ta ghép vào. Chỉ đến khi người bộ đội sừng sộ: “Sao anh biết anh không phải thuộc loại ác ôn? Tất cả các anh đều như thế cả!” rồi mới ngó mặt ra!

Tin xếp loại ác ôn để dời đi chỗ khác, theo gần như thường lệ, được xâm

xì, loan truyền từ vài ngày trước. Cả một không khí hồi hộp, lo sợ đè nặng xuống trại nhất là khi buổi chiều về lúc hoạt động ồn ào buổi ban ngày đã lắng xuống. Có những người ngồi thừ trước cửa hay mặt mày xám xanh khi được tuy-ô nào đó cho biết “có tên”. Đó là trường hợp của anh bạn cũng dân Blao. Anh là dân tác chiến thuần túy. Năm 1950, là dân Petrus Kí, cũng đã từng lặn xăng theo biểu tình Trần Văn Ôn. Những năm sôi động 1954, 55 càng lớn càng hăng hái nhiệt tình, anh cũng theo truyền thông truy điệu “trò Ôn” trong lớp học – như anh bạn lớn tuổi ở Chu Văn An với tôi năm 1958 – nên được nếm mùi Catinat. Học Blao, đi lính, giữ đồn Võ Đất (Bình Tuy), nơi cuộc tấn công Việt Cộng thất bại đã khiến trung tá Lê Xuan Chuyên sợ tội ra hàng. Thói quen mới che lấp hận thù cũ, hoàn cảnh tù binh làm anh nhớ tới quá khứ gần hơn quá khứ xa nên anh thường kể chuyện những ngày giữ đồn với các cuộc xung phong lần lượt gục ngã của quân địch, từ đợt đặc công chỉ mang có quần xà lỏn và beta bị bắn hạ tới đợt cả đoàn quân chính quy xung phong với quân phục xanh lá cây đánh quân hàm theo tiếng kèn xung trận thúc đẩy nhưng rồi cũng tan rã. Hôm sau, anh nói, chỉ riêng một phía anh dẫn quân truy quét cũng đếm được hàng trăm xác chết (anh nói cả con số cụ thể) nằm chồng chất hay rải rác đến làm anh lợm giọng rất là lâu. Chắc những điều ấy anh đã thành thật kê rõ trong bản tự khai nên bây giờ có tên trong sổ đen. Giá như Trần Văn Ôn còn sống thì cũng có thể cùng ghép đi với anh sang trại mới cho có đôi, có bạn.

Số người đi không nhiều nhưng cũng tạo nên một khoảng trống trong không khí trại một thời gian. Rồi quên đi.

Nhịp sống thường đã trở về, đột nhiên lại có tin đi. Lần này thì trái núi đẻ ra con chuột. Có tin tất cả phải lên vùng biên giới để lao động sản xuất theo đúng chính sách cải tạo bọn ngồi mát ăn bát vàng, ngồi không ăn bám. Nhưng trái núi vẫn còn với tin sẽ ra đi từng đợt cho đến khi hết. Thực ra chẳng phải là chuyện không đầu không đuôi. Chủ trương hình như quả đã có thật. Việc sử dụng tù binh vào sản xuất để đỡ gánh nặng cho nhà nước thật cần thiết trong lúc họ chưa có thể thả chúng tôi về, vừa vì tình hình an ninh chính trị vừa vì thành phố sau chiến tranh bị cắt đứt với sinh hoạt quốc tế đã không đủ nuôi đám dân ở đấy. Cộng sản Miền vì thiếu tự tin và cán bộ một

phần, đã giải quyết gọn nhẹ hơn: Vác súng vào thành phố lừa dân về quê và bắt bọn lính, công chức Lonol cho đỡ mệt. Có điều tình hình mới với sự xung đột với Kampuchia đã là một đầu mối lớn làm dừng chủ trương sản xuất ấy lại. Sang năm mới chúng tôi sẽ gặp đám người ở vùng biên giới về đồn cục với chúng tôi chung một chỗ bên rìa thành phố. Và trên hết là biết lối làm việc “rút kinh nghiệm” chấp vá, làm rồi bỏ, bỏ rồi làm, làm lại còn lơ mơ hơn... Chúng tôi là con cò ngoan ngoãn nhất đã chứng kiến một lẽ lối làm việc gọi là theo “kinh nghiệm chủ nghĩa” cũng từng bị họ chê trách nhưng không có cách nào khác với cách thí nghiệm mãi mãi đó một khi họ chưa đủ khả năng tổ chức đến tầm mức quốc gia, chỉ có một sự xuyên suốt là tổ chức Đảng mà trọng tâm là cướp chính quyền khiến cho những khuyết điểm, xộc xệch de bị lấp chìm dưới tham vọng chưa đạt được. Và thói quen đó được tạo thành, chúng tôi ở vào một thứ khung trời khác không thể nào suy đoán tại sao cái chuỗi “logic” thông thường lại không tuần tự xảy ra, tại sao có rất nhiều trục trặc ở khoảng trung gian với những yếu tố có khi rất là cá nhân, vụn vặt...

Đợt 1 “đi sản xuất” rồi mà chờ đợi vẫn không thấy đợt tiếp theo. Có tin hừng khởi: Những người trước đi về vùng Tây Ninh để xây dựng một vùng chuyên canh, ở đấy làm việc như những công nhân, tuy vẫn bị quản chế nhưng một thời gian sau sẽ được trả quyền công dân, làm ăn ở công trường với vợ con, gia đình. Đối với chúng tôi hồi ấy chẳng có gì tốt hơn viễn ảnh này. Nhưng lại có tin xầm xì kín đáo: Chủ trương kinh tế mới bị đe dọa vì quân Miên tấn công. Lúc đó chẳng có ai đủ khả năng và tin tức để hiểu biết về sự xung đột đồ võ lớn lao có tầm vóc quốc tế ấy. Mọi người chỉ cho rằng đó là những xung đột địa phương, và giải thích này là dịp cho những anh lính từng ở biên giới thuật chuyện cũ – bịa hay thật về các chuyến lừa trâu, lừa bò qua biên giới, chuyện rình ôm cột mốc dò đi.Ồn ào nhất là chuyện các chiến dịch 1970 lên tới Nam Vang. Dài dài đủ thứ chuyện, cũng đủ để xen vào đó chút riều cọt về tinh thần quốc tế vô sản anh em ở người chiến thắng. Và chuyện gì thì cũng lắng xuống theo không khí mùa lạnh bắt đầu.

Mùa đông năm 1976 không lạnh như năm trước nhưng bàng bạc trong không gian mây u xám vẫn có lời kêu gọi buồn thương tiếc nuối. Không cần gán cho một ý nghĩa chính là gì, nỗi buồn lãng đãng vẫn tham vào tâm tư mọi

người, hiện rõ trên các khuôn mặt. Một năm qua cũng đem đến cho người ta sự quen thuộc. Họ loay hoay trong công việc hàng ngày, không đi làm việc chung thì cũng làm việc riêng để lắng chìm những vương vẩn. Thói quen triền miên trong chịu đựng không thể nào tạo nên chút khởi sắc. Chó càng nhốt càng dữ, gà càng nhốt càng ù. Tôi cứ nhớ mãi hình ảnh những con gà cuồng quýu chân cẳng ở quê nhà lúc nhỏ để thương hại cho ban thân. Không tự lên gân cốt, chúng tôi chẳng có gì đặc biệt để đặt mình trên thế nhân nên không ngưng ngừng về sự yếu mềm, thụ động này. Năm tháng lòng vòng trở lại có phải đã tạo thêm cho chúng tôi sự trôi buoc càng ngày càng nặng nề vì sức lực tàn tạ, tâm trí mõi mề?

Những giồng lang vun lên rồi hạ xuống, những gốc mì xanh rồi xám dần để lộ các vách đất nứt lộ củ cũng đã được hai lần thay đổi, tất cả có phải là khuôn mẫu đời sống chúng tôi phải theo mãi từ đây không? Trong vô thức tôi đã có hành động bẻ gãy chu kì nhỏ đó: Tôi trồng cây ăn trái dài ngày. Hột chôm chôm, mít, vú sữa, xa-bô-chê... kể cả trái bơ, sầu riêng theo đồ thăm nuôi vào mọc đầy xó hè, góc vườn. Tôi ươn cho lớn rồi bứng trồng vào khu vực dành riêng cho đội. Hết đất mà còn cây, tôi đem sang đội khác xin gởi nhờ. Một lỗ vừa bằng lỗ mèo lại thường ở góc vườn, xó rào không ai cựa nự nhưng mọi người đều cười nhạo: “Thằng này muốn chèo cây có trái đây mà!” Ôi, giá tôi còn ở mãi một chỗ để có thể mời được các bạn ít ra là một mùa trái chiếng!

Mùa đông có dậy lên một ít xáo trộn với tin tức Đại hội Đảng luồn vào với báo chí, tivi. Tất nhiên chúng tôi chẳng biết gì hơn ngoài nguồn thông tin qua hai phương tiện truyền thông ấy. Nhưng hiệu quả đã không được như khi thi hành với dân chúng Miền Bắc. Người ta rồi sẽ thất vọng để chỉ ra rằng đó là vì nọc độc của chế độ thực dân mới tiêm nhiễm ở chúng tôi nặng quá. Cũng đúng vậy, trừ phần cưỡng đoạt chân lí đứng về phía họ. Dù bị che mắt ngựa và bị cô lập để tuyên truyền có tác dụng mạnh hơn, bọn cải tạo vẫn bằng vào thói quen phê phán có được trong hoàn cảnh rộng rãi hơn để tìm trong những kẽ hở nơi đường lối thông tin những yếu tố khác lạ mà suy đoán gần với sự thực hơn. Có lẽ lúc tức giận thì nhà cầm quyền gán cho bọn này cái tên dài Không-chịu-cải-tạo, nhưng chắc họ vẫn giật mình trước sự nhạy

bén mà người chiến thắng không có.

Báo, tuy chỉ là tờ *Nhân Dân*, đến không sót ngày nào. Tivi chiếu những màn đọc diễn văn của các lãnh tụ kéo dài cả phần ba, nửa buổi hội. Báo đăng những lời chúc mừng, nguyên cả những bài diễn văn dài, đều đều một nội dung rập khuôn, đặc cả chữ mà khó tìm ra cái gì là khác nhau giữa những lời phát biểu ấy, gây nên ý nghĩ giá chỉ một người nói là đủ. Một anh bạn đã càu nhàu liếc ngang tờ báo: “Có gì mà coi!” Nhưng – điều này thì thật ra ngoài ý muốn của những người tổ chức Đại hội – trên các trang giấy đặc chữ, tưởng có thể lấy phần dưới hay phần giữa của một bài diễn văn đem đảo lộn lên trên hay lùi xuống dưới là có một bài diễn văn của một chức chương, một lãnh tụ khác, trong mớ mực đen rối mù đo, có khi lộ ra vài dòng, thật là ngán ngùi, thật là ít oi mà ta vẫn ghi nhận được phong cách, tính chất riêng biệt của một phái đoàn, của nước cử người đại diện: Cộng hoà Dân chủ Đức gầm gừ như còn mang vết hận Berlin trong khi Tiệp Khắc nhẹ nhàng hơn và Ba Lan đã đề cập đến sự cởi mở, hoà hoãn rõ rệt.

Không thấy có mặt Kampuchia và Trung Quốc trong khi nhà nước ta vẫn hô hào tình anh em chuyên nhất, môi hở răng lạnh, đòi hỏi phải giữ gìn “như con ngươi của mắt mình”, thì quả là chuyện lạ. Thay vào đó là bản văn chúc mừng của ban lãnh đạo hai nước đăng bên trên trang nhất báo nhưng lại có bằng cứ cãi lại chủ ý của người đưa tin. Người bạn Kampuchia đặt vấn đề tranh chấp biên giới còn người bạn Trung Quốc vĩ đại thì có giọng trích thượng kẻ ơn rõ rệt, anh em như thế cũng khó gọi là anh em! Nhiều người quen với ngôi thứ chính quyền thường lệ thật là ngạc nhiên khi thấy ông Chủ tịch, Phó chủ tịch nước chỉ là Ủy viên trung ương Đảng mà lại ở vào vị trí gần bết, và hết còn mơ hồ về Mặt trận Giải phóng khi chàng thấy ông Giải phóng nào có mặt trên chóp bu của Đảng, đúng là thứ tay sai hạng bết. Những người có theo dõi chính trị thì lại giật mình khi thấy ông Hoàng Văn Hoan bị sổ toẹt trên Bộ Chính trị mà cũng mất tăm ở ghế Ủy viên trung ương – cái ông Hoàng Văn Hoan đi theo kề cận Hồ Chí Minh từ ngày nào! Tất nhiên sự hiểu biết không phải đã rõ rệt vào lúc ấy nhưng quả là dân cải tạo tuy còn nghe loáng thoáng chuyện Kampuchia, không biết gì về chuyện xung đột với Trung Quốc, nhưng những chi tiết trên cũng khiến người ta nảy sinh cảm giác

nghe ngò dẫn đến những dự đoán mơ hồ tuy đôi lúc tức cười mà lại gần với sự thực hơn các dòng chữ, các âm thanh kia mong muốn áp đặt!

Bản Báo cáo chính trị là một bài học tập lặp lại lần nữa những bài chúng tôi đã trải qua. Báo cáo về kế hoạch 5 năm thật ồn ào với những con số hàng triệu, hàng triệu làm ngợp những đầu óc với con số hàng trăm và thói thường chẳng muốn suy nghĩ cho nhúc óc. Nhưng trong một phút tản mạn bất ngờ, một anh bạn giật mình, cười cợt: “Ráng giữ gìn kĩ áo quần vì cho đến cuối kế hoạch nhà nước chỉ cung cấp mỗi người 4 mét vải thôi đấy!” Chẳng ai chịu khó kiểm tra xem bài toán có đúng không, nhưng không nói thì áo quần tốt cũng đã cất đi để móc bao cát từ trong đất lên may áo may ô quần đùi rồi. Anh bạn di cư còn đủ quá khứ để thông cảm với người đặt kế hoạch nên có nhận xét về một chi tiết khác: “Hãy xem cái chương trình định cuối kế hoạch mỗi nhà sẽ có một cái đồng hồ reo. Đó là một ước mơ tiểu tư sản thời tiền chiến nay mới được đem vào thực hiện trong chương trình văn minh phải đạt tới của một nhà nước vô sản tiến bộ 35 năm sau. Vào thời đó, cái cảnh buổi sáng trời lạnh ở Miền Bắc nghe tiếng đồng hồ reo rồi thò tay ra ngoài chặn bấm nút ngưng tiếng để được ngu nướng, là một hình ảnh êm ấm lí tưởng của đám thanh niên tiểu tư sản đương thời.” Bây giờ về già các ông cố thực hiện cho mọi người cái lí tưởng mình ấp ủ, cũng là một minh chứng cho tấm lòng tận tụy hi sinh vì người khác, đạt tới từng bước một: độc lập rồi ấm no. Chỉ tiếc rằng cái hạnh phúc ấy, tội nghiệp, thật là nhỏ bé mà đã trải qua đến hai ba thế hệ vẫn còn phải đặt vào kế hoạch. Trong khi đó, với cuộc sống ngày càng phức tạp – ngay cả ở thế giới xã hội chủ nghĩa, cũng đòi hỏi cho mỗi người một cái đồng hồ theo kịp nhịp sống riêng của mỗi người. Điều đó, thật tréo cẳng ngỗng, nó đã thực hiện được ở các xứ tư bản “lạc hậu” nói chung, ở Miền Nam “thuộc địa kiểu mới” nói riêng khiến cho người chiến binh xã hội chủ nghĩa quên mất sự hãnh diện tự nhủ của mình lâu nay, khi tiến vào đất địch đã tung ra vết tìm đồng hồ đeo tay của đám dân chiến bại ăn chơi sa đọa – ở Đức sau Thế chiến II, ở Sài Gòn sau 30-4-75 – làm trò cười đầu tiên cho đám lưu manh đứng bên rồi truyền lại cho chung quanh sự khinh miệt không nói ra lời đối với người chiến thắng. Nó cũng làm đà khó khăn cho công cuộc “xây dựng chủ nghĩa xã hội” được tô điểm đến cao độ mà uy tín lại đã sụp đổ

ngay từ khởi đầu căn bản.

Đám trí thức có hiểu biết về kinh tế vẫn theo thói quen, dè dặt hơn vì cho rằng có thể ở một hệ thống xã hội khác với hệ thống họ được đào tạo, những vấn đề cứ tưởng là vô lí, có trở ngại lớn lao, biết đâu vẫn có thể thực hiện được với các yếu tố chuyên chính nằm trong tay nhà cầm quyền mới. Họ chỉ thắc mắc, đại loại như anh bạn Cao học Luật, dân Hành chánh Tài chánh: “Căn cứ vào đâu mà họ đặt một kế hoạch kéo dài đến 5 năm lại coi như trọn khoảng thời gian ấy không có biến động của đồng bạc, không có lạm phát? Kiến thiết, xây dựng bằng sức của chính mình là chuyện lí tưởng, có thể hiểu là khẩu hiệu đề ra để thúc đẩy nhau làm việc, nhưng nếu nói không cần đến máy móc, nguyên vật liệu của nước ngoài thì lại là chuyện không tưởng, nếu không nói là bịp...” Chẳng ai trả thời thắc mắc của anh làm gì vì đó là việc riêng của Đảng lãnh đạo đã được minh định về quyền lực, sá kể gì đến bọn mặt vận chúng tôi. Những người khác hãy cứ “nhất trí (rồi) mỗi người một ý” rồi lo chạy gạo.

Chính sách “cái bụng” kẻ cũng hay, và chẳng ai thực hiện có căn bản chừng mực như chính quyền này – tầm mức xã hội lại vừa với khả năng cai trị của họ. Mọi người tuôn ra đường kiếm ăn không kịp suy nghĩ gì khác dù là để than vãn. Người công nhân viên chức chờ chực nhu yếu phẩm, đúng là phần nhu yếu để không dám có ý nghĩ lệch lạc khiến phải mất đi. Đám trí thức cấp cao cũng được tập tành sống trong sự ràng buộc đó từ lúc còn là sinh viên với khoản lương nhỏ sống hàng tháng. Số ít người được ưu thế thì tuy ưu thế thật quá nhỏ so với các nước khác nhưng thật quá, quá to đối với người thường chung quanh nên cũng nom nớp sợ mất. Ấy thế mà chính sách cũng khôn ngoan không để người dân phải đói – số đó thật quá ít để khỏi phải lưu tâm sợ gây nên biến động, nhất là trong tình trạng có sự ràng buộc kiểm soát chính trị chặt chẽ không để hở cho một lực lượng chống đối nào. Những cuộc chống đối có hệ thống còn để lại trong lịch sử không phải của những người cùng đinh xơ xác mà là của những người sống trong một hoàn cảnh còn đủ ý thức nhận định riêng. Những người này còn đủ ăn nhưng ở mức bấp bênh để lo sợ suy sụp hơn nữa, và đủ ăn để còn mong muốn, hi vọng có khả năng vượt qua tương lai đen tối, có đủ ăn riêng biệt để không

bám vào ơn huệ của chính quyền mà còn đặt nhà cam quyền vào vị thế đối lập để trút căm hờn vào chính quyền như là tác nhân của sự khốn cùng của chính họ.

Hãy xem những người Xô viết Nghệ Tĩnh gây biến động năm 1930 vốn là những người đủ ăn, thuộc khu vực giàu có tương đối trong vùng trong khi những vùng khác, cần cỗi, nghèo nàn thì im lìm thụ động... Sự truy bức những người giàu có lan xuống đến tầng lớp trung nông, được mệnh danh là “cải tạo tư sản”, và những lời nhắc nhở trông chừng tư sản ngóc đầu dậy là phương tiện kiến hiệu áp dụng chủ thuyết để phục vụ chính sách cái bụng, bảo đảm an ninh chính trị, củng cố quyền lực của Đảng.

Về mặt kiến thức cũng vậy. Công cuộc xoá nạn mù chữ thật là ngoạn mục. So với cả thế giới. Nhưng trên cái trình độ ấy là cái gì? Một mớ sách về chủ thuyết lược giản mà cả đến những người soạn ra “giáo án” cũng không đọc hiểu được ý các ông tổ, không biết đến chính các sách đầu tay, chưa nói đến cái hoàn cảnh lịch sử bao quanh lí thuyết và trải dài tiếp theo. Sự khởi đầu về quan niệm ưu việt của lí thuyết với hoàn cảnh lịch sử cùng những tính toán củng cố chính quyền khiến phát sinh sự co rút, bùng bít thông tin dẫn đến tình trạng thầy dở thợ vụng nổi tiếp trong những cố chấp thuộc loại “Liên Xô nhứt nhứt thế giới”!

Hậu quả thấy rõ trong sự ị ạch tiếp thu cái mới mà người cầm quyền vừa thúc đẩy vừa run sợ. Phải thúc đẩy vì nếu không thì lấy gì để nói về sự ưu việt của chế độ? Những trì níu bảo thủ được đẩy vào loại “tàn dư của chế độ (thực dân phong kiến) cũ”. Mà run sợ vì yếu tố mới chẳng đáng đừng phải đem vào có thể phá vỡ cơ cấu tạo dựng bằng xương máu của mình. Để đề phòng sự vọng tưởng ra ngoài thế giới xã hội chủ nghĩa thì phải thu hẹp nhận quan theo lối bịt mắt ngựa mà cho tất cả những cái mới đem vào đều là của phe ta. Nhưng ngay đến như thế thì chính những tiến bộ của cuộc sống cũng làm rạn nứt cơ chế, không khéo lại làm sụp đổ chính quyền. Hãy xem sự quản lí chỗ ở nằm trong vấn đề quản lí con người của chế độ. Giấy gia đình của chế độ trước là một cách bắt chước hời hợt tờ khai hộ khẩu của chế độ này. Nó mong muốn có tác dụng an ninh chính trị nhưng mức độ tổ chức đô thị lại làm cho nó mang tính cách hành chính nhiều hơn. Đi, tới khai báo. xin phép

là câu chuyện của “ngũ/thập gia liên bảo” trong cơ cấu phong kiến khi con người nông dân còn di chuyển bằng đôi chân chậm chạp – cả khi bằng xe, chắc không nhiều, của Thương Ưởng lúc thất thế. Con người làm đồng theo mùa, thì giờ nhàn rỗi còn nhiều, bắt buộc và đơn giản dành sự chú ý đến những người chung quanh, tạo nên một sự kiểm soát tự nhiên trên đà đó dễ dàng siết chặt tập thể. Thế rồi khi có chiếc xe hơi, cái máy bay, vù lên một cái là mất tiêu, ông tổ trưởng làm thế nào? Cuộc sống phân hoá, nhộn nhịp làm sao cho một người lưu ý đến người bên cạnh? Cho nên chính ở làng xã chế độ hộ khẩu mới có hiệu lực hơn hết – nghĩa là chính làng xã mới là cơ cấu bảo vệ chế độ hiệu quả hơn hết. và để đổi lại công tích đó, các “ông làng” dù mới hay cũ cũng trở thành thành hoàng một phương mà quyền hành lớn hay nhỏ phải tỉ lệ nghịch với mức phiền nhiễu của họ đối với chính quyền trên cao trong chừng mực phát lộ ra ngoài.

Không biết dư vang Đại hội Đảng ở ngoài trại như thế nào chứ chúng tôi trực tiếp với cái tivi, với các tờ báo thì chỉ thấy ồn ào rộn ràng trong khoảng thời gian ấy rồi lại trở về với cuộc sống bình thường, có thêm phần hụt hẫng như người chen lấn trong đám đông vụt về lại trong căn phòng vắng lặng của mình. Trời cuối năm lạnh kéo dài ra. Tôi nhớ lại con gà H. mua của một tay khéo xoay sở nào đó, con gà trực chỉ có vài ba cái lông nhảy ra khỏi giỏ hơi sớm, đứng run dưới cơn gió heo buổi sáng, mồng tím ngắt và đến chiều thì ngã bệnh để tối chui vào nôi. Sự thể hiện trong cuộc sống phù du đó, tôi thấy không phải trong khuôn khổ của sáo ngữ mà là từ thực tiễn hàng ngày. Có sự trầm lắng trên mặt của mọi người như không khí nặng mùa đông. Nước giá buốt trĩ trên cánh tay tôi khi vung ra xối vào luống cải. Những sự xung đột xảy ra quanh một anh chàng khó tính đã tự đặt mình vào kẻ cự thù của tôi (từ khi nào?) Anh thắc mắc chi li quanh sự phân công lao động của tổ trưởng. Vác củi về bếp, anh cố vượt trước tôi để chứng tỏ mình làm việc tận lực rồi sau đó lại loay hoay đứng chọn khúc củi vừa ý, nấn ná cho qua tua. Rủi một thanh củi đổ xuống làm trầy ngón chân, anh kiểm giẻ buộc thật to làm bằng cơ vênh vang của một nạn nhân bị chèn ép. “Tại chúng mày đấy...” Lần đầu tiên tôi hiểu thế nào là bị báo cáo – lúc này, ở đây chưa có từ “ăngten”. Phản ứng phân trần của tôi cũng thật đáng chê trách.

Cuối năm lại có chuyện báo tường. Lần này khôn ngoan hơn, Trịnh Cung đã chặn một tay vẽ makét tựa đề đã cắt hàng chữ ra hai phần theo kiểu trang trí riêng. “Anh coi chừng họ có thể giải thích là anh muốn ám chỉ đến việc chia cắt đất nước đó.” Tất nhiên kiểu đó được sửa lại và chung tôi thoát nạn trong khi các khối khác bị chỉ trích. TC. được dịp huênh hoang: “Đó thấy không? Nếu thằng X không nghe lời mình!”

Lại cũng có việc bảo chúng tôi sửa soạn bài cảm tưởng để đọc trong dịp tân niên. Cái thói quen biếng nhác khiến mọi người đùn cho tôi. Trong nhóm có một tên được sĩ, H. đã dặn tôi: “Coi chừng thằng đó...” Chẳng phải tôi không biết sợ, nhưng tính ơ hờ thành thói khiến tôi không lưu tâm đến lời dặn dò ấy. Bài viết của tôi không theo đúng mẫu “Ơn Bác Đảng” và lời ân hận xót xa như của SX. Cũng chẳng có lời chống đối.

Nhưng tôi vẫn có cái khờ khạo muốn đem sự chán nản mệt mỏi của bạn bè ra trình bày. Bài đọc trước trong nhóm bị anh chàng được sĩ rụt rè cản trở và bạn rùng mình giùm nhưng chẳng ai cương quyết ngăn chặn nên vẫn được nộp lên trên và tất nhiên không được đọc. Chỉ có SX lên giọng rồn rảng.

Người trưởng quản giáo cũng có bài riêng của mình về tình hình học tập cải tạo trong năm qua. Mọi người thấy lạnh mình. Đó là một chuỗi dài mắng mỏ liệt kê những bằng chứng không chịu cải tạo của trại viên, khác hẳn những lời dụ dỗ hàng ngày. Một người thờ dài nói với bạn: “Đó là bản báo cáo về tình trạng lũ mình...” Anh bạn vì lo sợ nên đã vơ về mình. Thực ra chắc đó chỉ là lời răn đe thuộc phạm vi công vụ, và chúng tôi có thể lần lần tiếp cận được sự phân biệt giữa cách nói riêng và lối nói nơi công cộng của người chủ mới, cái phong cách mà sau này chúng tôi có người sẽ áp dụng ngoài đời và không còn thắc mắc khi thấy người ta sử dụng thật tự nhiên.

Đêm 30 chỉ phải ngồi nghe Chủ tịch Tôn Đức Thắng chúc Tết đồng bào khoảng hơn 15 phút rồi về. Không ồn ào như năm trước. Có lẽ pháo của kho đạn còn vang đến ngày này. Củi chắt bóp đầu đó được đem vào đốt tận phòng và để tàn than, giữ hơi ấm cho tôi ngồi chờ sáng như năm trước. Sáng mừng một lại cũng còn cái màn chúc và mời nhau. Tôi móc ra bao Ruby Quân tiếp vụ để dành từ năm trước, gói kĩ với ý tưởng khá ngây thơ là đem về cho

ông già hút. Gói thuốc đã bẹp, màu thuốc ố lan ra ngoài giấy quynh nhưng thuốc chưa mốc – hay tôi tưởng như vậy. Tôi lấy ra mời các bạn. Tôi không tự lượng. Mọi người có vẻ ngưng ngưng khi giờ tay ra. Sau bữa ăn có điều còn nguyên gác nơi đĩa kẹo. Thế mà tôi cũng chẳng muốn khôn ngoan hơn. Tôi chưa có cách thoát qua vòng bao vây do thói quen của mình tự trông lấy.

Cuộc vui cũng khoả lấp một phần những băn khoăn nhưng vẫn có những bàn tán về việc sắp di chuyển đi nơi khác. Tin đồn không gây xáo trộn, không hiểu vì ảnh hưởng của không khí ngày Tết hay bởi thói quen chịu đựng đã tập thành. Tôi đã nghe chuyện này từ trước đó cả tháng, và chắc chỉ có tôi mới ngạc nhiên làm sao người ta moi được tin đó. Một buổi sáng đang ngồi bắt sâu cải, H. sán lại gần, thầm thì: “Tụi mình sắp đi... không biết đi đâu. Có lẽ là sau Tết...”

“Sài Gòn Gần Biết Là Bao...!”

Chuyện lại ra đi được đem ra nằn nủ một cách bình tĩnh pha chút bồn chột mùa xuân trong buổi họp mặt năm mới: “Chẳng phải vì Tết mà họ không đưa đi nhưng có lẽ vì bây giờ họ cũng muốn hưởng thụ một chút...” Khi mùi kẹo bánh đã phai đi, thuốc lào thay thế thuốc quẩn từ ngày mừng ba, vấn đề mới bùng lên thành thời sự từng giờ. Sự bàn tán xoay quanh địa điểm sẽ tới. Ngày đi chưa biết nhưng việc di chuyển đã là điều chắc chắn. Những người giam giữ chúng tôi tuy được huấn luyện phải kín miệng nhưng cũng phải tiết lộ. Có người đang có cái vali làm giờ chùng, có người vội vã nhét mớ nhôm giấu kín lâu nay, nài người này, ép người nọ trong chúng tôi để làm cho họ cái kẹp, cái lược với các vòng hoa văn “xúi” chạm nổi hay khắc chìm... Quyền lợi của nguy và Cách mạng đã dính nhau một chùng nào đó khiến họ phải gián tiếp cho biết rằng ngày họ lợi dụng chúng tôi không còn bao lâu nữa.

Đi đâu? Danh từ Kà Tum được nghe đâu đó nhắc lại một địa điểm hình như có ghi trong hiệp định Paris. Nhưng có một người qua thư nhà đã bác đi vì được biết nơi đó không yên ổn – Miên nó pháo qua phát khóc đi được! Cái tên Long Giao được nhắc đến ma mọi người dễ tin hơn vì có quản giáo nói

lắp lửng rằng: “Các anh chỉ đi độ mười lăm cây số...” Thế là có người ra đứng ngắm cái cây trơ trụi trên ngọn đồi trọc xa trước mặt – chẳng biết có phải nó nằm chính trên mô đất ấy không – và hỏi nhau: “Từ đây đến đây là bao xa hỉ?”

Ngày mừng năm có bằng có quyết định. Buổi trưa, khu trại pháo binh bên kia đường có tiếng máy nổ dòn dã và dài. Bị khuất sau căn nhà thăm nuôi và khu bộ đội, chúng tôi không thấy gì, nhưng có người chạy bên đường hô lại câu nói trên cửa miệng của nhiều người hồi trưa 30-4: “Tới rồi!” Khoảng bốn giờ chiều, đoàn xe chở cải tạo chạy dọc hàng rào chúng tôi, hướng ra ngoài phố Long Khánh. Xe chạy ào ào, gió quạt ngược lên những cành mềm, ngọn cỏ hai bên đường. Cả chục thân hình vươn ra ngoài ở phía sau, hai bên cánh gà và phía trước, tay quơ, miệng hét. Xe đã khuất xa mà gió thổi rào rào trên các nhánh cây dọc theo đường như còn giữ lại hình ảnh chuyển đi thoải mái: “Đi ban ngày, cho mở rộng các tấm bạt, dấu hiệu lành mạnh đấy!”

Sáng hôm sau chúng tôi được lệnh thu dọn. Thật là một cảnh rộn ràng, loay hoay, mệt nhọc. Ở lâu, nhu cầu, những “tiện nghi” đòi hỏi đồ dùng nhiều lên. Cái chén, cái bát đã đành mà còn cái thùng xách nước, soong nồi... lấy cái nào bỏ cái nào cho sau đây và cả sau này khỏi hối tiếc? Đành cứ hốt, cứ nhét tối đa vào cái gì có thể chứa đựng được. Cây mì chưa xém thân cũng phải nhổ, rau, ớt mỗi thứ một ít bỏ vào cái thùng xách nước. (Tới chỗ mới, nếu trong rừng sâu thì lấy đâu ra giống mà trồng?) Phần tôi chỉ ngậm ngùi tưới cho xa-pô-chê, bình bát, mít, chôm chôm... mỗi cây một gàu nước tràn, thật tràn. Hãy coi đây là những giọt nước ân tình cuối cùng của những tháng dài chăm sóc. Rồi còn gì nữa thì tung hê! Buổi chiều xuống, ngồi nhìn đồng hồ ngổn ngang trên mặt đất, nhìn bên trong căn nhà trống trải, bên ngoài vườn cây xơ xác, cả thân xác mệt mỏi, tâm hồn rã rời tưởng chừng không còn một sức chống đỡ, không thể có một phản ứng gì khác...

Nhưng chờ mãi vẫn chưa thấy xe tới. Rồi có lệnh trở về chỗ ngủ thường lệ. Lôi thôi. Phải móc lại cái mừng – những dây treo giựt đứt ném đầu mất rồi! Phòng tối thui vì dây đèn đã gỡ, bóng chia nhau cất. Tôi làm biếng lôi cái mừng từ túi xách, nằm co ngay trên tấm tôn lạnh, phủ tấm đắp lên đầu che muỗi, nằm dỗ giấc ngủ nhưng vẫn nghe lọt vào tai những chuyện bàn tán đủ

thứ trên đồi. Lúc gần 9 giờ toán quân giáo đi rào khắp nơi kiểm soát, ghé vào các phòng trại – sự kiện bất thường nhưng cần thiết để đề phòng bọn tù dao động làm nên chuyện gì mà ngày thường họ không dám làm.

Trong cái hơi bịt bùng của tấm đắp, tôi nghe viên chính uỷ hỏi: “Anh nay sao không giăng mùng ra mà ngủ?” Một viên quân giáo lôi tuột tấm chăn ra chưa kịp nói gì thì tôi giả vờ ngái ngủ chồm lên giựt lại trùm kín đầu một lúc còn nghe tiếng chắc lưỡi: “Tay này biếng nhác quá trời!”

Nhưng giữa khuya mọi người choàng dậy vì tiếng xe nổ dòn, dai dẳng trong vòng rào. “Dậy, dậy mà xem người ở nơi khác đồn về!” Con buồn ngủ mau chóng bay đi, mọi người tung ra đón chào bạn mới để hưởng lợi thế hiếm hoi nghe về một chuyến hành trình trước khi mình dấn thân vào cuộc di chuyển. Một kinh nghiệm thu thập cho một dự kiến kinh nghiệm. Nhưng đám người mới tới lừ đừ, mệt mỏi, thấp thoáng lộ ra một phần thân mình trong ánh đèn mờ, một phần khuất trong bóng tối, những người ấy cũng chỉ có thể trả lời bằng những câu nhát gừng, hụt hơi: “Long Giao. Đi hồi đầu hôm... Buồn ngủ quá!”

Nhưng rồi những điều nghe được chỗ này chỗ nọ gộp nhóp lại cũng nên câu chuyện. Hơn chúng tôi, trước khi đi, họ được học tập nghị quyết về lao động sản xuất. Chi tiết như thế nào thì chẳng có gì rõ ràng lắm vì chắc không qua những đường nét khuôn sáo, trừ một điều mà nhiều người còn nhớ: “Rủi chết có hòm chôn.” Ừ, đối với một chế độ xã hội chết bó chiếu thì được liệm vào hòm quả là một đặc ân to lớn của nhà nước nhân dân. Đó là một ý nghĩ có thực vì vài tháng sau tôi biết được sự khan hiếm hòm chôn ở Miền Nam đến nỗi có người kể chuyện – chắc là bịa thêm – rằng ở một địa phương nọ, người ta liệm người chết vào một cái hòm có đáy trượt vào giữa hai khe đến khi hạ huyết thì rút đáy ra để xác lại trong đất, mang hòm về chờ thân chủ kế tiếp. Trong toán người mới đến lại có một tên vốn từ đây đi Cà Tum, thuộc toán “đi thử” tăng gia sản xuất. Bị ăn đạn pháo quá nhiều, hấn ta và đồng bọn được lùa về Long Giao. Từ đó lúc lên xe nghe được dặn “Đi tăng gia sản xuất 6 tháng, một năm rồi được về, trả quyền công dân”, hấn ta vừa lo sợ bị tống lại Cà Tum, vừa phấn khởi với viễn ảnh tươi đẹp. Cho nên dù gục lên gục xuống trong chiếc xe gập ghềnh, hấn cũng cố nhướn mày xem nơi mình đến

ra sao. Nghe bạn bè bàn tán, hấn thét lên: “Chết rồi!

Chỗ tao ở cũ! Nơi này đã có chuyện hai thằng giành nhau một liếp đất rau muống rình đập nhau gần chết thì đất ở đâu mà tăng gia sản xuất làm lợi cho đất nước, cải tạo bản thân!” Chẳng hề gì. Giữa nói và làm vẫn có một khoảng cách khá xa mà lí tưởng đọc vanh vách cũng không đủ lấp đầy.

Giấc ngủ nổi lại chập chờn trong những hình ảnh không đầu không đuôi. Xế chiều hôm sau chúng tôi được lệnh ra bãi xe, về khoảnh đất trống gần trại, nhưng phải theo lối vòng. Thế mà lại không ai có thể đi một lần. Đồ đạc riêng của mình và đồ dùng chung của tổ, đội. Và thật là vui mắt khi dừng nghỉ bên đường ngắm các bạn đi qua với đủ thứ chổi cùn rế rách mà tung tiu quý báu làm sao! Lại thêm một đêm nằm ngoài trời sao nghe sương lạnh thấm vào mình, thân xác lơ lửng, tâm hồn không vui không buồn, trí óc mù đi.

Gần gà gáy sáng đoàn xe mới khởi hành, Cũng như đã thấy ở chuyến xe ngang qua hàng rào hôm mừng 5, các tấm bạt được vén lên để chúng tôi thấy ra dãy nhà ven thành phố còn im lìm ngủ yên, nhìn sâu vào từng mảng cây uốn lượn trên đồi dốc. Xe còn trong phố thì có tin vui đưa ra, tin thu thập vào giờ chót: Một quản giáo nào đó đã nói làm quà tiễn đưa: “Các anh sẽ về gần Sài Gòn.” Một tay hãnh diện thuật lại câu chuyện rõ rệt hơn. Thấy bọn nguy lo lắng tay xách nách mang, gồng gánh đến nỗi xe không có chỗ chứa, đeo móc cả với phía sau như với xe ngựa, viên sĩ quan an ninh đã bực mình la hét không còn giữ gìn gì nữa: “Cái gì mà các anh làm như đi rừng không bằng! Về Hóc Môn để thi hành chính sách thì cần gì đủ thứ linh kinh như vậy!” Bởi vậy chúng tôi đều khắp khởi mừng thầm và khi xe quay mũi về hướng Sài Gòn thì tất cả đều ồ lên một tiếng.

Trảng Bom còn ngủ nhưng Hồ Nai đã thức dậy với ánh đèn neon thừa thốt như chưa tỉnh giấc hẳn. Xe đi về xa lộ thì đã rõ mặt người. Các tin tức hình như đúng sự thực. Nhưng giá như hồi ấy chúng tôi biết chuyện của các anh đi Phú Quốc thì chắc chẳng ai dám vì xe đi đường xa lộ mà tin mình về Hóc Môn. Từ Trảng Lớn họ hướng về Sài Gòn, vỡ ray reo mừng khi vào thành phố, nhưng xe chạy suốt xuống Tân Cảng rồi để họ lên đênh trên biển

cả hai ba ngày đêm gì đó, ngồi xếp mắt trong hầm tàu nghe hơi cứt đái của mình tràn lan trên sàn, trong bao nilông vứt quăng đâu đó...

Nhưng chúng tôi đã có cái may không nghe chuyện đó nên vẫn vui vẻ hưởng làn gió mát lạnh của buổi sáng tạt từ hai bên đường, và mỗi một biến chuyển là lạ trên chuyến đi cũng không gây thắc mắc phá vỡ niềm tin. Quả thật có cái lạ là xe cứ bon bon tiến về Sài Gòn mà không rẽ qua xa lộ Đại Hàn như chúng tôi đã biết con đường phải đến. Thế rồi nổi lên một giải thích và được mọi người chấp nhận ngay: “À, anh chàng tài xế không biết đường!” Đàng sau đúng là không có xe nào nối đuôi, chúng tôi cứ tiến thẳng và xe quanh vào loi Hàng Xanh. Trịnh Cung la lên: “Chắc đi qua nhà tao rồi!” Có người xúi hấn viết giấy ném xuống đường và hình như hấn đã thực hiện.

Xe cộ chen chúc ở Ngã tư Xa lộ che lấp cái dấu vết bất thường của những ngày đặc biệt đau năm. Đường Hàng Xanh rồi Lê Quang Định thưa hơn nhưng còn dấu vết Tết rõ rệt. Những đoàn người tung tăng quần áo rực rỡ. Những mảnh giấy hồng điều còn ngay ngắn trước cửa nhà. Và xe tung lên từng luồng xác pháo trên đường, có tiếng pháo nổ bất thần đâu đó nhắc cho kẻ xa lạ những ngày còn gần, rất gần.

Có tiếng “A!” khi xe gần tới chợ Bà Chiểu. Mọi người quay lại, anh bạn ồn ào giải thích: “Tao vừa mới thấy thằng Lân ngồi trong quán cà phê.” Lân là anh được sĩ Tây lai về sớm nhất hồi tháng 5-75. Không ai kịp nghĩ xem cái cảnh ngồi quán cà phê ấy có là dấu hiệu gì đặc biệt trong đời sống của người trở về hay không. Chiếc xe đã quay ngoắt về hướng Tây Ninh để lại đàng sau một thành phố vươn dài niềm nuối tiếc của chúng tôi – như vừa qua một giấc mộng mỏng manh.

Xe lại ngoặt một cái rồi đậu trước cổng. “Thành Ông Năm”, tập hợp hỗn tạp của chúng tôi không thấy chỗ nào là xa lạ hết. Nhưng vào cổng, đỗ trước cửa hành dinh Liên đoàn 5 Công binh cũ để xuống xe thì chúng tôi phải chia lìa. Danh sách mang đi được cắt thành từng khúc để phân phối người về các T. khác nhau. Ngồi lẩn nhẩn ngoài sân, chúng tôi tuy phải bận tâm với đồ đạc mang theo, lo nuốt miếng cơm nắm, bánh mì dự trữ nhưng cũng lưu ý đến những bóng người bên kia các hàng rào nhìn qua. Ai sẽ là bạn đồng sàng với

mình đây? Thắc mắc mấy thì đến xế chiều cũng biết. Tôi và các bạn cùng tổ cũ – trừ vài người, được nhận vào T5 tức là ngay chỗ mình ngồi. Chỉ cần đặt khúc cây dùng làm đòn gánh lên vai, bước qua cái sân, qua cổng rào dây thép gai là tới “chuồng” của mình. Người lố nhố bám đầy cổng, sâu vào trong các căn nhà, vệt lối cho chúng tôi đi. Tôi còn được một người a vào đỡ gánh – chắc là thấy đáng lòng cọng già nua của mình.

Nhưng ở trong T chúng tôi còn được phân tán đi các đội nữa. Đội 2 chiếm hai dãy nhà bên cổng, đội 4 ở cuối đường tiếp với đội 6, và đội 3 sát hàng rào tiếp với khu dân chúng, nhìn qua một bờ đất chưa che khuất người có thể thấy rặng tầm vông, các cây xoài, mít và một căn nhà ngói cũ. Đội 1 của tôi với hơn 10 người nữa ở ngay giữa T nhưng một mặt có thể nhìn ra đường đến T6 và bên kia đường là T4.

Chúng tôi được dồn vào một căn phòng. Khá chật. Nhưng anh khối trưởng ôn tồn giải thích trong buổi họp mặt để chúng tôi làm quen với nơi ăn chốn ở mới: “Rồi ở trên sẽ kiểm chỗ cho các anh sau.” Điều ngạc nhiên đầu tiên của chúng tôi là dưới bóng các hàng cây, bụi chuối còn các con vịt ồm ồm, các con gà trống mặt mày sầy sướt. “Gà vịt phát ăn Tết đấy, ba người một con nhưng có kẻ vì đồ thăm nuôi nhiều, không ăn, có kẻ ráng giữ lại gà trống để đá độ đánh cá hay để làm vui, con nào thua thì bôi lọ mặt cho chúng đá tiếp.” Chúng tôi sẽ còn ngạc nhiên nhiều về lối sống “thần tiên” nơi đây.

Bọn Long Khánh chúng tôi được ghép vào một tổ mới. Khác với ở Long Khánh, trên tổ là khối, trên khối mới là đội (đảo ngược) và chỉ có các đội phó: đội phó hành chính, đội phó hậu cần lo việc đăng kí mua hàng (lại chuyện lạ nữa!) Không có đội trưởng, đội trưởng là một quản giáo. Không hề gì, chẳng ai quan tâm đến chuyện ấy cả, lối tổ chức tự phát riêng rẽ của từng đơn vị, từng nơi chúng tôi đã bắt đầu quen rồi.

Chỗ ở mới của chúng tôi là mái sau của gian phòng tạm trú lúc mới đến. Đúng ra là hàng hiên của nơi nhà làm việc của công binh cũ. Mái ghép bằng vài tấm tôn ọp ẹp che nối mái nhà, trừ bức vách, ba phía còn lại trống trơn để nắng rọi, bụi thốc vào một hai cái bàn với ghế chông chơ vốn là chỗ ăn cơm, chỗ đánh bạc, “xóm nhà lá” của đám người trong phòng phía trước. Đẹp

đồng bàn ghế đi, lót vài tấm chiếu nằm ngay trên đất, thử rồi mới thấy là không thể chịu được nắng gió đến ngộp người. Phải hè nhau thu lượm vật liệu làm kệ nằm. Các miếng tôn cuốn của công binh làm cong bây giờ làm chân giường, các tấm PSP xén bớt từ chỗ nằm của mấy con heo đem về rửa sạch kê làm sàn. Mái tôn cũng phải sửa lại nhưng không có vật liệu. Khối trưởng mách nước: “Tối nay tôi dẫn các anh ra hội trường – cách đây độ mười thước – để gỡ tôn. Quản giáo mình đồng ý rồi. Đang làm mà gặp quản giáo khác thì phải chạy, còn bọn nguy có la thì mặc kệ. Để tôi canh chừng cho. Cần nhất là phải làm cho thật lẹ!” Kế hoạch thành công mỹ mãn. Không những chúng tôi mang được tôn lá về mà các người ở đội 3 đối diện nghe đập ầm ầm cũng chạy qua rình được vài miếng. Thêm vào với mớ tôn chiến lợi phẩm là một mớ tranh cấp phát thả chung quanh làm tương có khoét khung cửa ra vào. Công việc xong khá gọn ghẽ, khá thơm mát khiến cả “đám Hóc Môn” tròn xoe mắt thần phục!

Chút hãnh diện chưa kịp phô trương thì chúng tôi mới thấy sự hăng hái vô ý của mình đã đem đến tai hại, tạo nên sự chống đối của dân “Hóc Môn”. Tuy chưa phải chui vào rừng sâu như nhiều người khác, nhưng hơn năm rưỡi thuần hoá ở Long Khánh cũng tạo cho chúng tôi một thói quen chịu đựng – đến mức trở thành dễ bảo như đã nói, và tập được thói quen xoay sở trong hoàn cảnh khó khăn rồi. Những người ở đây đã đến từ tháng 7-75 không đi đâu hết, có ngay được nhà cửa sẵn, ăn ở tạm bợ nhưng “cảnh tù như thế cũng là được rồi”. Việc quản thúc họ tương đối không khắt khe có lẽ vì vị thế gần Sài Gòn khiến họ có thể “quần chúng” hơn – dù là quần chúng run sợ. Bộ đội chùn tay cũng có thể vì nhịp sống ồ ạt của thành phố đưa tới. Cải tạo được tiếp tế quá nhiều vì khá thuận tiện trong khi gia đình vẫn còn sung túc bằng cách nào đấy, hay do lòng thương của người ở ngoài tưởng tượng về sự khổ khổ bên trong giúp họ bán của nhà để tới kì mang thăm nuôi đầy đủ. Công việc lao động chẳng có gì vì chính lính cũng không có việc gì làm mà cũng không muốn bày vẽ chi cho thêm mệt – miễn không có tên cải tạo nào trốn là được. Cho nên điều ngạc nhiên là khi nghe anh khối trưởng trả lời về “công tác”: “Mười, mười lăm ngày mới tới tua lũ mình mà cũng chỉ loay hoay một buổi là xong.” Công việc chẳng có gì: quét dọn, làm vườn, phụ bếp cho trung

đoàn, vắt nắm than đá (“bóp vú mọi”) cho tiểu đoàn... Chuyện có vẻ “lao động san xuất” nhất trong gần hai năm của dân “Hóc Môn” là từng đợt, khoảng chừng hai lượt người của đội tôi, đi ra ngoài mang gàu, thùng xách nước tưới lúa trên một miếng ruộng sản xuất của trung đoàn mượn được đâu của dân địa phương vào mùa bỏ hoá vì không có nước!

Thời gian dài đằng đặc là giờ rảnh trống trơn. Không ai trồng rau rác gì vì được tiếp tế khá đầy đủ. Có một anh nuôi cho T hai con heo gầy tro xương, cầm được dây mướp khăng khiu bò dọc hàng rào tuy rằng gốc nằm trên bãi phân. Tha hồ mà đánh bạc.

Mướn mấy ông già gác cửa canh chừng. Đánh bạc mê man không có thì giờ lãnh cơm khẩu phần, để cho có kẻ bán cơm đĩa lấy ngay cơm lãnh bỏ thêm vài cong xà lách, xắt ít miếng Lạp xưởng có xít tàu vị yếu giá 5 đồng một đĩa. Cà phê đen một đồng, cà phê sữa một đồng rưỡi. Ngoài sân là cuộc cá độ banh volley. Người ta đánh liên miên sáng trưa chiều tối, nhìn vào có the cho là có tinh thần thể thao thật cao, hay đem chụp hình đăng báo nước ngoài thì chứng tỏ được chính sách cải tạo khoan hồng, lành mạnh của nhà nước. Nhưng thật ra mấy “con gà” mệt đuối đến mức khi đến phiên mình được giao banh thì tìm cách trì hoãn để lấy sức. Không có luật lệ gì hết, chỉ cần làm sao đưa banh qua lưới là được. Một người cũng đánh, hai người cũng thành một độ, có chấp, có gác... Đánh banh liên miên cho tới nổi đến phiên nau cơm, làm lò (than đá) xong để lửa cháy, nước tự sôi, chạy vội vào đổ gạo rồi chạy vội ra giao banh giáp trận hay canh chừng độ, quên cả san gạo xuống dưới mặt nước, để nước sôi dâng nước, gạo nổi trên đỉnh cao nghệu, hấp hơi mà nổ. Cả tháng chỉ độ vài lần cơm chín thôi. Ấy thế mà chó tương dễ đánh bạc. Nhóm Long Khánh về vài ngày cũng giờ thói quen ngồi không ăn bám, ngồi mát ăn bát vàng... “Người ta đánh cả hai năm không sao hết, mình mới về lại bị... Tội không cùng tổ đấy mà!” Đám Hóc Môn nhạo báng như vậy.

Giữa cảnh ấy thì đám không biết “chơi” quả là lạc loài. Đám người làm nhảm văn chương lại chuyên cho nhau đọc thơ của một bậc đàn anh, anh Tạ Ký, dân dạy Petrus Ký. Anh đã từng có một bài rất dài được ghi chép hồi Tết 76 ở Long Khánh. Thơ có giọng cảm khái của một thứ Thâm Tâm, Huyền Kiêu, có hơi hướng ngang của Nguyễn Vỹ và lẽ tất nhiên có tâm tình cá biệt

của anh với hoàn cảnh rõ ràng là không gượng gạo “rặn” ra. Chẳng biết bây giờ có ai còn giữ được bài thơ ấy không. Tôi chỉ còn nhớ bài thơ ngắn của anh trong những ngày nắng ở đây:

*Về đây nắng suốt cả ngày,
Trưa không buồn ngủ ngồi say thuốc Lào.
Sài Gòn gần biết là bao,
Mà xa như cả vì sao trên trời.
Ngoài sân chiếc lá vàng rơi,
Khoanh tay ngồi để sự đời trôi qua.*

Không thể đòi hỏi con người ấy có thơ như ông HCM, hay tương tự, một người có chút phản ứng với những nhục nhằn phải trải qua trong biến động chính trị. Anh đã được về trong đợt “ba năm” vì là nhà giáo có trường bảo lãnh, nhưng nghe nói hơn năm sau thì chết đi trong men rượu, không biết “dưới ấy” có được trả quyền công dân hay không.

Nhưng cứ so với cách sinh hoạt buồng thả ấy thì chúng tôi quả là bọn trên rừng về thật. Cái cách “chí thú làm ăn” của chúng tôi lại bị thêm một phen “chỉnh phong” bởi đồng bọn. Cả T chỉ ăn nhờ vào có một cái giếng cũ mà mới ngoài giếng đã cạn khô. Ban ngày bao nhiêu người châu chực, không phải múc nước bằng gàu mà bằng nón nhựa - lưng nón, bằng cồng, lon. Cho nên mới ba, bốn giờ sáng đã nghe tiếng thùng khua ngoài giếng của những người muốn có nước dùng thông thả. Và đêm về sáng trong cảnh vắng lặng của trời đất mờ mờ một màu trắng đục nằm nghe tiếng va chạm của vật dụng, tiếng gàu vục nước, kể cả tiếng dây kéo lên, tiếng dép lép nhép, nghe như tiếng gì lạc loài, không có lời đáp... Chẳng biết có phải vì người chúng tôi đề nghị hay là sáng kiến” từ trên bộ đội mà chúng tôi được lệnh đào thêm ba giếng nữa. Chuyện gì chó chuyện ấy là bốn món ăn chơi của dân Long Khánh. Mạch nước lại gần, đào chỉ mới vài thước là thấy ướt nhèm nhẹp. Và tôi, khi tới lượt ở trên kéo đất trong gàu lên, đã nghe một tên Hóc Môn dưới giếng chửi đồng: “ĐM. Cái này cũng là tại bọn Long Khánh bày đầu đây!”

Về đây mới nghe nói đến Mười điều nội quy của trại cải tạo. Mười điều này được viết trên bảng treo ở hội trường mà mãi đến nửa năm sau, nhân một

buổi trưa nằm hóng gió tôi mới được đọc. Chẳng có gì để tôi lưu ý ngoài mấy chữ : “Cấm không được chơi bời...” Nhớ hồi tháng 5-75 xuống Tân An, nghe một anh bộ đội phàn nàn thắng với một cô gái: “Sao không thấy cô làm ăn sản xuất gì cả, cứ đi chơi bời....” Anh bộ đội chắc ngạc nhiên không phải vì cô gái quên mất nỗi sợ hãi kẻ chiến thắng “nhỏ móng tay móng chun”, cho ôm trái bầu trái bí (gả cho thương binh) để nổi sùng mắng chửi dữ dội, mà chắc ngạc nhiên vì không hiểu sao mình có lòng tốt khuyên bảo, có mất lòng chút ít cũng không đến nỗi làm cô phải nổi tam bành như vậy. Chắc đến hôm nay anh đã hiểu rồi, cũng như báo chí, hội Phụ nữ đã không dùng đến thành ngữ chị-em-ta trong các lời kêu gọi nữa. (2004: *Sợ người của thế hệ sau không hiểu, xin giải thích: “chơi bời” theo nghĩa ở Miền Nam trước 1975 là đi-vào-động-dĩ với giới “chị em ta”.*) Điều nội quy được nhắc tới đầu tiên là cấm liên lạc giữa đội với đội. Thật khó như câu chuyện các bậc cha mẹ dùng sợi chỉ ngăn giữa cặp trai gái ngủ chung giường. Cái giếng là nơi tụ họp đã đành mà đội 1 đội 2 chỉ cách nhau bằng một rãnh nhỏ để tháo nước đọng từ giếng chảy đi. Cái rãnh ấy chúng tôi gọi là “ranh giới định mệnh” – định mệnh cho những ai nhảy qua để đi công tác mà phải làm suốt buổi, còn những ai tu tập ở vọng gác chờ, nghe công tác được huỷ thì nhảy căng lên vì đã được tính một công – đã bước qua ranh giới định mệnh thì coi như “xù”, không còn nợ đội nữa, trừ phi là đến lượt sau. Đội 1 và đội 3 cách nhau một khoảng đất rộng, không bước qua vì làm biếng hơn là vì sợ phạm nội quy. Đội 1 và đội 4 cùng một lối mòn đi đến cầu tiêu. Trời sắp tối, một cuộn kẽm gai được kéo ra hờ hững...

Giữa T với T thì có khó hơn vì phải qua hàng rào dây kẽm gai có từ xưa, phía nhìn ra đường giảng theo hình mái nhà hẫ hời. Thế mà cũng có kẻ lén qua. Vì bạn bè cũng có, vì muốn thoả mãn cái nông được làm theo ý mình cũng có, như anh chàng vác cái ná thun luôn từ T này sang T khác bắn chim, gặp vệ binh bèn tỉnh bơ “chào anh” như người của T đó rồi linh mất. Cà chón gặp thời! Nhưng chưa chắc anh ta đã sợ khi nghe chuyện ở nơi khác: Một tên nguy bỏ qua T bạn ăn chè mời, bị bắn giã tê tê, mất cả đồng hồ cà rá rồi đi tìm nơi an nghỉ. “Chưa thấy quan tài chưa đổ lệ”. Mới vài hôm sau khi đến trại, vài ba người cùng tổ cũ bây giờ bị phân tán lại hẹn nhau qua đội 3 dẫn đến đội 4 sát hàng rào T6 để ăn cháo gà. Cháo nấu từ T6 của anh chàng cựu

Thống đốc ngân hàng Lê Quang Uyển mua giùm, nấu giùm được chúng tôi đặc phái một tên luồn qua hàng rào bùng về, vừa nhai kiểu Tào Tháo Dương Tu vừa bàn sự đời.

Nhưng ở L19 Hóc Môn, tiếng đồn dữ dằn nhất là T2 được mệnh danh là “T câm điếc”. T này ở ngay trước mặt chúng tôi, hơi xế về phía tay phải, có các tượng bộ lư hồi cũ nên cũng gọi là “T bộ lư”. Nghe nói đó là vùng nhà ở khang trang nhất. Lúc đầu gặp ngay một chỉ huy tù hắc búa nhất, kèm thật dữ, và vẫn thường được coi là T kiểu mẫu để đón rước các phái đoàn đến tham quan trại tập trung. Chúng tôi sẽ được chứng kiến từ xa một vụ tham quan như vậy. Người chỉ huy là một tay Miền Nam tập kết mang tính cách căm thù thật nhiệt thành. Anh ta vẫn thường hay tập hợp vệ binh lười biếng lại để dạy nghiêm: “Cứ rong chơi, cứ ăn ngủ cho kĩ đi rồi để cho một thằng nguy trốn thoát lại thành một thằng địch nguy hiểm chĩa súng về phía mình...” Nghe nói quản giáo, vệ binh sợ anh ta một phép, không dám ho hen! Mỗi tên nguy chỉ được giữ một cái chén, một đôi đũa để ăn cơm chung trong các thau cơm canh chung. Không được giữ một thứ gì. Các màn kiểm nghiệm chúng tôi gặp ở Long Khánh không ăn thua gì so với chuyện xảy ra ở T2: Từng đồng, phải nói là từng núi lon guigoz, chai lọ, bao bị nhét vào hàng conex trong T. Việc thanh toán để dành cho vệ binh, quản giáo. Tất nhiên cũng có thứ bực “hắc” ở từng đội bên trong nhưng T2 nói chung vẫn xứng danh của nó. Th. đi lao động về xầm xì với tôi: “Tao gặp thằng bạn nổi khố ở bên T2, kêu nó mà nó cứ làm lơ, ngó đi chỗ khác.” “Hay nó không nhớ mặt mày?” “Sao không nhớ được? Tao với nó chơi với nhau từ hồi nhỏ, đi chơi khuya về sợ ông già la hai đứa lòn qua cửa sổ chui vào nhà... ma sao quên được? Chẳng qua T2 xứng danh với cái tên Câm điếc của nó quá!”

Ở đây thật khó mà cô lập chúng tôi với bên ngoài. Tin tức vào thật nhiều, con đường đưa tin thật cũng dễ. Khi chúng tôi về đến đó thì còn một đợt người nữa thuộc L19 này được thăm nuôi theo kì hạn. Lũ lượt người mang xách, đội vác... Không như ở Long Khánh kì hạn thăm nuôi là 6 tháng, ở đây là 3 tháng, ngoài ra còn có những dịp đặc biệt của những cá nhân vận dụng quen biết, khôn khéo luồn lọt. Trong mỗi đợt thăm ở mỗi T lại chia nhiều đợt nhỏ, cho nên người được thăm trước thấy thiếu món gì, hay muốn

gọi thêm liền nói với người nhà kì sau đứng đợi ngoài cổng chặn người vào, hỏi: “T nào? T5 hả? Cho tôi gọi cái này...” “Cái này” có khi là một bao nhỏ đựng mì gói, lạp xưởng, nui ăn được cả tháng có khi là con gà quay, khúc thịt luộc, bún tươi, bánh tráng rau sống, nước chấm làm sẵn để khi mở tiệc đãi đằng với chai rượu chẳng biết cách nào lọt vào được. Cho nên – mãi sau mới hết ngạc nhiên – ban đầu chúng tôi thật lấy làm lạ khi thấy có người thăm nuôi đi vào, đứng ngay giữa sân đội, gào to: “Anh X. tới lấy thơ nhà! Anh Y. tới tôi lấy lạp xưởng!”

Có thể là do như vậy mà các tin hỗn độn thật là nhiều, nhất là các tin về nguy. Tin Mĩ đòi chuộc mỗi tên bao nhiêu đôla. Tin về tố cáo vi phạm nhân quyền. Tin về việc trung lập Sài Gòn trở về phía nam để đổi lấy một sự viện trợ cứu vớt tình hình kinh tế lụn bại. Người ta đoán chắc về những tin được nghe trước đó và đã kiểm chứng nơi người thân đến thăm. Bộ đội nghi rằng có tên nguy đã mang cả radio bỏ túi vào trại nên mở rất nhiều cuộc kiểm nghiệm đột xuất nhưng không tìm ra. Bọn nguy thì tin rằng trong đám truyền tin cũ có kẻ thạo nghề, dùng các bộ phận rời ráp lại nghe rồi khi gặp kiểm nghiệm lại tháo ra bỏ hỗn độn mỗi nơi một thứ ngay trước mũi quản giáo hay dấm dúi đầu đó. Tôi nghi có lẽ giản dị hơn, là họ thu thập tin tức từ các vệ binh vốn cũng ưa nghe lén đài VOA, BBC rồi nói làm quà cho nguy hoặc do hứng bất tử, hoặc để đổi đồ ăn, tiền bạc. Có thể họ đã cho mượn radio với lí lẽ hiền lành ban đầu là “để nghe nhạc...”

Cả một không khí lạc quan được sự rảnh rỗi, dễ dãi thời tung phồng lên. Một người hay bình luận các tin ấy, được mệnh danh là Anh Hồ Hời, “anh Sáu Hồ Hời”. Lúc nào cũng có một nhóm người châu chực bên anh, lò dò theo anh dọc theo các lối đi, hay tụ tập trên các xác xe nhà binh cũ để mong thu hút từ ông đạo nguy này những lời có thể trong phút chốc đưa họ thoát ra những ám ảnh tối tăm, ám đạm đi đến những tương lai bay bổng đầy nắng ấm, gió lộng mùi bẻ khơi từ bên kia đại dương. Không ai dám nhắc - để khỏi thất vọng - về câu nói chìm xuống của Thủ tướng Phạm Văn Đồng về vấn đề nguy quân nguy quyền: “Họ chỉ còn là 5% so với con số 95% được học tập tại chỗ, được thả về...” Năm phần trăm của một triệu người như thường nói là chỉ có 50 000, con số tù nhân thật dễ chấp nhận qua một cuộc khuynh loát,

một cuộc “cách mạng”. Nhưng đó là cách nói của người có quyền.

Không ai có thể nghĩ rằng cái không khí lạc quan ấy theo những tin đồn đồn dập tạo nên một tình trạng căng thẳng có thể bùng nổ chẳng biết lúc nào giữa đám nguy say mê viễn tượng tự do, và đám bộ đội mất bình tĩnh tràn xuống với súng đạn lên nòng. Khoảng giữa tháng 3 thì kho đạn Long Bình lại nổ. Lần này tất nhiên là xa hơn so với lúc ở Long Khánh nhưng kí ức cũ chồng thêm cũng gây nên một mức độ hoảng hốt nơi chúng tôi. Chẳng biết dân Hóc Môn có ý nghĩ gì nhưng thấy họ lao liêng chạy trốn và túm lại xầm xì thì cũng biết được chừng mực dao động của họ.

Phản ứng lụn bại của tập thể không thể đối khác được nhưng một hai cá nhân cũng có thể dựa vào cái đà sôi nổi ấy mà vượt lên làm chuyện phi thường, làm một thứ xì căn đạn trong vòng rào kẽm gai của một T. Cái không khí trầm trầm dùn nhún của Long Khánh không thể tạo nên trường hợp ấy. Ở đội 3, những người mới tới xuống bếp chia cơm, ngạc nhiên thấy người nấu đong riêng ra một bát to, cắt một khúc thịt trong phần chung có thể ngang với phần của 5, 6 người khác. Với người cũ không cần phải nói nhưng với người mới, anh ta giải thích ngắn gọn: “Phần anh Tung.” Anh Tung bị nhốt trong một conex bít bùng nằm ở phía dãy cầu tiêu – cũng làm bằng conex – khó cho người lạ lưu ý nếu không được cho biết. Ráp nối các câu chuyện thăm thì chúng tôi biết được con người cường ngạnh khuất sau conex đó.

Anh tên Võ Văn Tung, đạo Cao Đài, và nghe nói có Cao học Luật. Cao hay thấp gì chẳng biết nhưng chắc chắn mớ kiến thức về luật đã làm căn cứ cho lí luận của anh để đưa đến sự vùng dậy thảm thê. Cuộc sống biệt lập của anh – anh thường treo võng nằm suy nghĩ một mình, dễ dẫn tới sự bùng nổ những đồn nén lâu ngày. Trong một buổi học tập, khi làm bài thu hoạch, trái với ý muốn của người cai quản và khác với đồng bạn thường đem cả kiến thức có khi khá đầy đủ của mình ra tán rộng những ý thường rất thô thiên của giáo viên, anh Tung lại viết cả một tập giấy dày biện luận về tình trạng tù binh của mình đối chiếu với luật pháp quốc tế về vấn đề ấy, để chứng minh nhà nước mới đã không hành xử đúng với cương vị một tập thể thắng trận, không tôn trọng các hiệp định đã kí nhân danh một chính quyền văn minh... Anh đòi đối xử với anh và các bạn anh như là tù binh sĩ quan, đòi trả tiền

công tương xứng nếu bị xếp vào hạng phải đi lao động. Tất nhiên đối với đám bộ đội không nghe quá các từ ngữ Gio ne vợ, Pa ri, đừng nói đến hiệp định về quy chế tù binh, đám bộ đội về cá nhân theo truyền thống, đang hãnh diện là kẻ chiến thắng có quyền nắm sinh mạng kẻ chiến bại, về lí tưởng được nuôi dưỡng cao độ, là những kẻ góp xương máu vào công cuộc giải phóng đất nước, đánh bại bọn thực dân cướp nước, thì anh Tung chỉ chứng tỏ, nhẹ ra, là một kẻ không biết phận mình, trầm trọng hơn, là một kẻ tội lỗi ngập đầu mà không biết hối hận còn mang mớ kiến thức nô lệ được nhồi nhét ra phô trương, không biết ngượng. Họ trả lại bài thu hoạch cho anh và bắt anh viết lại. Anh không chịu và yêu cầu đưa bài đến tan tay Thủ tướng Phạm Văn Đồng và ông Tổng thư kí Liên Hiệp Quốc. Thế là cuộc đời tử vì đạo bắt đầu.

Cái conex mà ngày xưa không chỉ huy nào dám nhốt lính – chỉ nhốt vào “chuồng cọp” có vòng kẽm gai vây quanh, cái loại conex ấy từ khi giải phóng được bộ đội dùng làm casô nhốt nguy vi phạm kỉ luật, nằm giữa trời, nắng hấp nhiệt vào 6 khung sắt bịt bùng, tội nhân phải kê mũi vào khe hở hít chút không khí chưa nóng lòn vào, cái casô mà không có ai tố cáo chuồng cọp trước kia nay đến tham quan để so sánh, cái chuồng cọp chứng tỏ tinh thần khoan dung đại độ xã hội chủ nghĩa ấy được đem ra nhốt anh Tung càng ngày càng cứng rắn hơn, cứ khẳng khẳng rằng mình la đúng. Từ T6 anh được chuyển qua nhốt ở đội 3 T5 mà cũng chẳng có ai lưu tâm đến vì còn mắc bận ăn giò chả, lạp xưởng, bận sát phạt nhau. Cho đến buổi chiều đêm Noel 24-12-76. Không biết cái không khí ảm đạm lạnh lẽo của một ngày kỉ niệm cuối năm ấy có gây xúc động bất chợt gì đến anh không – bởi vì người Cao Đài cũng có một ông Jesus. Không biết anh vệ binh ngày đó đi dạo phố Sài Gòn, Hóc Môn sửa soạn Noel có bị điều mà một anh ban khác đã phải than thở cay đắng: “Đi mà làm gì! Chúng nó khinh mình như chó!” không. Chỉ biết rằng khi làm phận sự mở cửa cho anh Tung đại tiểu tiện như thường lệ, anh vệ binh vừa cầu nhàu vừa xô mạnh anh Tung để mau chóng đóng ập cửa lao: “Đồ bán nước được người ta tha chết cho đi học tập mà không biết thân còn làm chuyện lôi thôi rắc rối.” Anh Tung chồm tới: “Ai bán nước? Có các anh bán nước cho Tàu, cho Nga thì có chó ai bán nước?” Co lẽ bất ngờ trước cơn hung hăng của anh Tung, anh vệ binh tay không chạy vội ra ngoài kêu quản

giáo trong khi anh Tung tiếp tục la hét ầm ĩ. Nước triều đã lên thì những sự cản trở chỉ tổ chứng tỏ thêm sức mạnh. Những người quản giáo tay không đều bị hất ra không trối nổi anh. Vệ binh ở ngoài lúc ấy đã súng ống sẵn sàng để tăng thêm thế kiêu hãnh bèn hô quản giáo bước ra ngoài và quát nạt anh Tung đầu hàng. Tiếng lên cò răng rắc chỉ được đáp lại bằng lời anh kêu gọi anh em đang lấp ló bên ngoài: “Anh em nấp hết đi, chúng nó sắp bắn đó. Coi chừng lạc đạn!” Một loạt đạn nổ giòn tan cùng tiếp theo các loạt khác không lấp được tiếng kêu: “Chúng bắn chết tôi rồi, anh em ơi!” Rồi tất cả đều im lặng trong một đêm Giáng sinh cải tạo. Đêm ấy ở Long Khánh chúng tôi đi ngủ sớm, có lẽ trừ những người Công giáo đang lầm rầm đọc kinh. Đêm ấy, trên rừng Cà Tum, như Thế Uyên viết trong hồi kí, những người cải tạo có đạo cũng như không, đã tụ tập trong các túp lều thơ mộng riêng của họ để uống trà ăn bánh ngọt theo thói quen để tìm hơi hướng quá khứ, để tìm một nguồn an ủi không bám víu. Đêm Giáng sinh có một vì vương giả ra đời nhưng đêm Giáng sinh ấy có một người đang ngắc ngoải.

Khuất lấp trong cái ồn ào của Lễ Thánh khắp nơi, trên thế giới.

Không biết những kẻ sát nhân nghĩ gì trong đêm ấy. Có lẽ họ run lên vì tức giận, và còn mang cả hận thù ấy trong giấc mơ chập chờn. Chúng tôi sẽ còn chứng kiến nơi đây một hành động dã man tương tự ngay trước mắt, để hiểu rõ những gì có thể kích động thú tính của con người khi thần linh của họ bị xúc phạm. Bởi vì sáng hôm sau đó cả trại được tập hợp lên ở hội trường để nghe viên chính uỷ gầm thét: “Các anh xem đó, chống với chúng tôi thì chỉ có chết mà thôi! Trước mắt các anh có một tấm gương để soi rọi, có một tên phản động hiện giờ có lẽ đã chết rồi. Tấm gương tên Tung, các anh nhớ lấy!”

Nhưng anh Tung không chết. Loạt đạn chỉ làm gãy hai ống chân và đùi. Anh còn đủ sức xua người y tá mang bông băng đến: “Tôi không cần băng. Đi đi! Các anh bắn tôi rồi lại băng bó tôi. Đồ giả dối! Đi đi!” Cuối cùng một vài tên bác sĩ nguy rụt rè xin phép vào băng cho anh với vài tấm nẹp kẹp sơ sài giữ im khúc gãy. Anh lặng lẽ để họ làm không thốt một tiếng rên la. Thế mà xương lại liền, vết thương làm da non nhưng màu da mới không xanh hơn màu da khuôn mặt con người cứng cõi. Chuyện vết thương “tự lành” trở thành đề tài kích động tin tưởng từ những người Công giáo chuyển đến các

bạn khác đạo của họ. Thực ra, một bác sĩ đã rút rề đưa ra nhận xét nguyên nhân: Đêm ấy trời lạnh, sự nhiễm trùng xảy ra ở mức độ tối thiểu và con người trong những lúc cùng cực đã tỏ ra có những sức chịu đựng không ngờ. Phải nghĩ thêm rằng tuy băng bó sơ sài nhưng anh đã được cứu chữa bởi những tên nguy lành nghề, từ bác sĩ tụt xuống y tá cũng chẳng mất khả năng. Bên ngoài thuốc trụ sinh vẫn còn đầy đầy, người ta quỳên góp hoà vào nước đem cho anh uống, bỏ thuốc dưới đáy chén cơm đem vào cho anh. Đám quản giáo thấy sự săn sóc của bọn tù có hiệu quả nên cũng làm ngo cho tiếp tục mà không sục sạo nhiều.

Tôi chỉ thấy anh một lần từ xa, ngồi phơi nắng, xanh xao, gầy ốm, tấm thân mỏng manh như đu đưa trong làn gió nhẹ. Vết gãy lành tự nhiên nên làm khó bước chân và mỗi một lần di chuyển chỗ nhốt phải có người cõng. Anh vẫn thản nhiên nín thinh mỗi lần quản giáo dỗ dành anh làm bản phản tỉnh, thú nhận tội lỗi để được tha ra. Lập luận đập vào sự cô đơn của anh: “Anh thấy không, ươn ngành có ích gì? Bạn bè có ai hưởng ứng, tán thành hành động của anh đâu?” Câu trả lời độc nhất cũng thật là khăng khăng: “Họ có gia đình vợ con phải bảo toàn nên không trách họ. Tôi tin tôi làm phải và tin rằng trong thâm tâm của họ cũng cho tôi là phải.” Chẳng biết anh có nghe câu chuyện này không: Đợt thăm nuôi sau Giáng sinh có bà mẹ ôm chầm lấy con khóc: “Con ráng chịu đựng đi rồi về với mẹ chớ đừng làm như anh Tung khổ lắm nghe con!” Và chắc anh không cần biết chuyện này nữa: Bị xúc động bởi câu chuyện mới mẻ nghe được, một người trong bọn Long Khánh chúng tôi ném giấy qua đội 2 hô hào phối hợp hành động ủng hộ anh Tung, một người đã đưa lên trình quản giáo để chúng tôi bị tập hợp lại nghe lời khen về hành động “học tập tốt” đó. Anh không nên nghe vì hãy để cho anh chút hi vọng để sống. Sự can đảm trong cô đơn thật khó khăn biết là đường nào! Sau đó anh được dời qua T4 rồi đi đâu không biết. Mong anh còn sống để làm chứng tích, ít ra là sự can đảm đối với chính mình.

Người đồng cảnh quên anh kẻ cũng có lí do. Nếu đừng “gây rắc rối” kiểu anh Tung thì “cải tạo ở đây là sướng nhất đời” như một vệ binh đã nói và bản thân tôi được chứng kiến để so sánh với những ngày sắp tới.

Chúng tôi nấu bằng than đá chứ không phải bằng củi. Nhiên liệu hơi lạ

tay khiến anh khối trưởng hết sức ngại ngùng khi phân công bọn Long Khánh vào bếp, và anh có vẻ nhẹ mình khi thấy nồi cơm chín. Nhưng quả là khó để đạt được như vậy nên mới có những “lí thuyết gia” phân tích về sự truyền nhiệt năng khác nhau giữa hai thứ nhiên liệu để biện giải cho cái cháo cơm ba mùi “sống, nhão, khô”: Củi cháy thành ngọn, trung tâm nhiệt là ở những ngọn lửa ấy, gần với nồi cơm, trung tâm tỏa nhiệt của than đá là ngay giữa lòng nắm than, bị ngăn cách bởi cả lớp trộn đất bên ngoài nên không đủ sức làm sôi nồi gạo – cơm sinh, không đủ chín nồi cơm. Một thứ lí luận làm đề tài tương tự cho câu chuyện tiểu lâm: Các nhà bác học xúm xít bàn tán, đưa giả thuyết giải thích về một hiện tượng lạ lùng nào đó, mãi đến khi một đứa bé cho biết là do sự nghịch tính của nó. Cơm sống do người cũ nấu là vì ham cá độ như đã nói. Cơm do chúng tôi nấu sống là vì do thiếu than trên lò. Mà sự thiếu này cũng là do các tay đánh độ làm biếng lấy nhiều than, mất công vất nhiều năm mà phần chúng tôi thì cứ in trí theo cách ra-ni của các bậc đàn anh đi trước mà làm!

Củi mồi cho cháy than thì lấy từ các hàng cây mọc trong trại. các trưởng khối lúc giao ban xin đốn một cây, cắt một hai người hạ xuống – ke là một lần công tác – chia nhau cho các tổ ráng giữ cho kĩ, đến phiên mình thì đem ra dùng. Nếu không lấy dăm dúi vào bếp riêng, lon cồng riêng thì làm sao cho hết! Củi mót từ những chuyển đi lao động về, vét từ bờ rào xó bụi, kể cả bìa sách, giấy riêng của mình, củi lấy từ ở đâu có trời mà biết! Nội quy có điều “cấm nấu nướng linh tinh” nhưng buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều từng cuộn khói tỏa lên mỗi chỗ mỗi nhóm giấu vào đâu cho được? Quản giáo từ trên trung đoàn vào cổng thì đội 2 hú đội 1, đội 3, đội 4 lo “chạy quản giáo” Những nồi nước vừa sôi chưa kịp bỏ mì, cải – lấy riêng từ bếp của đội – xào với tôm khô, thịt chà bông chưa kịp chín ... đánh phải bung chạy vòng quanh, có khi đụng đầu quản giáo!

Mãi mê thưởng thức mùi hành phi, ngũ vị hương để đến nỗi quản giáo đến tận sau lưng biết tài nấu nướng của nguy. Có khi lại tỉnh bơ để trưởng khối phải lên lớp: “Dù không bị la rầy gì thì cũng phải làm bộ sợ hãi, ké né chớ!” Có quản giáo đội 3, dân Nam Kỳ – nghe đâu nguyên là một thượng sĩ của sư đoàn nào đó – tính ít nói, dễ dãi, được biệt danh là “quản giáo sợ khói”

xuống thăm đội, thấy chỗ nào có khói bốc lên là đi vòng đường khác, đội nguy chạy tang hết mới lò dò tới.

Ở đây chúng tôi được ăn thịt cá thường xuyên hơn ở Long Khánh, nơi chúng tôi chỉ thấy hàng nửa tháng một. Tất nhiên tiêu chuẩn không nhiều, thịt chỉ bằng ngón tay cái và chút nước, vì tiền đồ ăn ít đã dành mà còn vì hao hụt “giữa trời”, trước mắt rõ ràng thấy là khi chúng bày nơi bót gác chờ đưa cho các đội thì vệ binh tới cầm con dao xeo một miếng, vơ thêm bó hành, mười trái cà chua... Đồ ăn về bếp lại bị xén một mớ từ đội phó hậu cần tới các tay đầu bếp. và hấp tấp làm như vậy mà vẫn bị phát giác là hai tay bác sĩ. Đã nói dân thượng lưu khó chịu đựng được mà! Tuy nhiên tiếng phản đối không nhiều gì lắm. Đồ thăm nuôi có thì cũng dễ mời mọc, ban phát để không ai thấy thiếu thốn nhiều. Ăn hết thì lại có việc đăng kí mua hàng. Do hợp giao ban đưa thỉnh nguyện, được phép xong, anh đội phó ghi nhu cầu nơi mọi người, thu tiền, góp cho quản giáo nhờ hậu cần trung đoàn mua. Một bản danh sách thu tiền thật điên cái đầu cho họ: 100g tỏi, 50g trà (cà phê cấm!) đậu thì ghi rõ là đậu xanh, đậu đỏ (làm chè bánh lọt?). xì dầu, nước tương, tàu vị yếu, tương chao, nước mắm... úi cha! Nhiều nhất là đường. Đường để nấu chè lai rai buổi tối, nhất là đêm trăng. Ấy thế mà hậu cần cũng lò dò mua được hết, có khi được những món thật bất ngờ vì cứ mua theo mặt chữ còn mặng không cần thắc mắc. Cho nên có khi họ mua cả vài chục kí ớt vì tổng số mua lẻ được chép lại trên giấy ra đến chợ mất dấu phẩy đã trở thành con số chẵn. Đường được cân theo tổng số, đem về chia phát từng phần theo đơn vị “cục” (ô van, vuông, 5, 6 cạnh). Bao giờ cũng có chuyện sau khi chia hàng theo đăng kí hết rồi, hậu cần lại kêu bảo rằng còn vài chục kí đường dư, ai muốn mua thì đăng kí tiếp, chậm thì hết. Thế mà cũng có người chậm chân.

T5 được phép đăng kí mua hàng ít hơn các T khác, rõ nhất là đối với T6. Đường vào cổng T của họ ngay trước mũi chúng tôi, cách có hàng rào dây kẽm gai, chỉ độ mười ngày nửa tháng là thấy chiếc Toyota chở vào từng giỏ hàng chất bên trong, chồm bên ngoài là các quây chuối, có khi chất cả trên mui với gà vị quang quác, kể cả vịt chít chít nữa. Người ta giải thích sự khác biệt bằng hai lí do khác nhau song cũng có liên quan. Thủ trưởng, quản giáo T5 là dân Bắc Kỳ rít róng, tiện tặn, xài đúng sách vở về sự tiết kiệm xã hội chủ

nghĩa (ngoài kia): “Không cho mua là để các anh khỏi vung phí tiền bạc gia đình – bây giờ thật khó kiếm, vả lại dù có tiền cũng không nên phung phí của cải xã hội...” Thủ trưởng T6 là dân Nam Kỳ chính hiệu, ưa nhậu nhẹt đến nỗi cắt đặt riêng hai vệ binh trông coi đàn vịt ba lứa: thứ đủ làm tiết canh, thứ vừa áo lá, thứ lít nhít đi chưa vững, rồi hàng tuần bắt nấu cháo, luộc chia phần cho nhau dùng để đưa cay... Với thành phần coi trại ấy thì bọn nguy có ăn suốt ngày như heo cũng chẳng hề gì, miễn đừng trốn trại là được. Lí do khác tuy được nói lên với nhau nhưng có thể gần sự thật trần trụi hơn: Quản giáo và hậu cần T5 không ăn chia đều nhau, bên này kèm bên nọ, trong khi ở các T khác người ta ăn đều chia đủ trên món hàng đang ki nên thoả mãn được cả ba bề bốn bên. Lại cũng chẳng hề gì. Nếu ví sự lưu thông phân phối như nước chuyên hàng thì mấy cái mắt cáo hàng rào dây kẽm gai thừa sức để con gà con vịt chui qua bên thiếu, mang luôn cả ân huệ nồng thắm của Cách mạng cục bộ cho nguy hưởng!

Đi, Về, Vào, Ra

Ở chưa kịp nóng đít thì lại có tin đi. Tất nhiên là có những sai lầm, mơ hồ, lộn xộn không biết phát xuất từ đâu. Địa điểm Kà Tum được loan mau như một dấu hiệu vững chắc nhất cho những người từ Hóc Môn ra đi. Vấn đề ra đi được xác nhận chính thức trong một buổi giao ban, và gián tiếp trong buổi học tập về chính sách dùng cải tạo vào việc tăng gia sản xuất. Những người ở các nơi rừng sâu xa xôi đã thực hiện được phần cải tạo lao động rồi thì về đây để nhà nước giải quyết trước, những người từ trước đến nay chỉ ru rú ở ngoại thành nay phải học tập lao động cái đã rồi sẽ đến lượt ra về. Cái hay ho của con sư tử thời mới là tuy vẫn giành phần-sư-tử ve mình, vẫn gio nanh múa vuốt nhưng trong phần ngọt ngào mềm mỏng lại có thêm lí sự biện chứng đủ chiều. Thắc mắc là bọn Long Khánh chúng tôi được xếp vào hạng nào? Cũng đã từng đi vòng vòng các nơi xa, nhưng xa như thế nào cho vừa ý chủ mới? Cũng đã đào, đã cuốc nhưng thế nào là mức độ đạt tới của định nghĩa lao động? Chỉ thắc mắc vẩn vơ! Một buổi giao ban về phản ảnh là đủ: “Sáu mươi bốn các anh Long Khánh của T được bảo đảm không phai đi đâu

hết. Cứ an tâm.”

An tâm được lúc nào hay lúc nấy. Trong lúc chúng tôi đang ngắm các dây chuyền điện vốn là dây kềm gai, để nghĩ đến cách sử dụng các phương tiện “tân kì” này trong cuộc sống văn minh làm giết mình cả thế giới, thì các bạn một tháng của chúng tôi lằng xằng thu dọn đồ đạc hòm xách như chúng tôi hôm nào. Lúc các bạn đó tay xách nách mang ra sắp hàng ngoài sân thì chúng tôi vẫn hai tay không đứng cùng với họ, khỏi hồi hộp nhưng không vui không buồn. Chúng tôi lại được lệnh đứng sang một bên. Có một chút gì lằng đọng trong tâm tư khi những người kia bước đi tập hợp với các đội khác nơi sân trung đoàn. Chúng tôi chẳng ai nghĩ đến việc bước đến sát hàng rào nhìn người ra đi. Chẳng làm gì được đâu mà vương với vấn. Còn gọi là để chia xẻ tâm tư thì quá thừa.

Loanh quanh một lúc thì có người đã vào lục lạo trong các căn phòng. Người đi không còn để lại gì trừ một vài thứ lật vật bỏ quên nhưng cũng là cần thiết cho chúng tôi: cái lon, cái hũ, cái muỗng gãy nát, các đinh ốc... Dư thừa nhất mà vừa vặn một tháng đủ cho chúng tôi rút kinh nghiệm để tích trữ là chat đốt. Mấy tấm ván này nọ không mang đi được, đem thứ còn tốt chồng lên chỗ nằm riêng, thứ đã rã thì chất vào một chỗ.

Chiều hôm trước họ đã sả ra chum lửa nấu cơm, nấu chè mù trời ngoài sân, mẩu thừa vung vãi. Vun ván bìa, giấy gói... nhét vào thùng phuy. Còn lại hơn mười người thì chẳng cần nấu cơm than đá chi cho mệt. Cứ đốt xài sang. Than ôi, sự huênh hoang đến là khiêm tốn!

Đến trưa thì họ lên xe. Đội tôi có ba bốn người mang gói xách trở lui. Có trời mà biết tại sao. Mà chúng tôi cũng tập được thói quen bớt thắc mắc rồi. Quản giáo đến tập hợp lại báo sinh hoạt bình thường chờ toán khác về, phong chức cất nhắc cho 12 người: tổ trưởng thành khối trưởng, tổ phó thành khối phó. Có vài ngày chờ đợi thì chẳng phải làm gì, đành ra xới các luống rau hiếm hoi xác xơ sẵn, lãnh hột rau muống, đậu đũa về gieo thêm. Công việc dàn ra, uể oải.

Thế rồi vài ngày sau có toán về thật. Từ Cà Tum. Danh từ lạ lùng mang dấu kinh khiếp. Những đoàn người gồng gánh. Cũng mặt mày ngo ngác. Có

khác là họ có những giò gà, gà con, gà mái, gà trống ngon lành, với những chiếc giò đan tỉ mỉ đủ kiểu chúng tỏ họ tuy có cực nhọc – hãy cứ tin lời họ – nhưng bù vào đó là hoạt động ít gò bó hơn nơi khác. Lại ổn định chỗ ăn chỗ ở cho người mới tới. Phần lớn họ là những người trẻ: thiếu úy, trung úy, có người trẻ măng mà hai năm trên rừng không xóa được hết dấu vết. Họ quả quyết rằng cán bộ bảo họ về chỉ độ một tuần, không tới nửa tháng, là có giấy tha về. Chúng tôi cười mỉm với họ nhưng – ít ra là ở bề ngoài, không có dấu hiệu rằng họ mất tin tưởng. Cũng vẫn phải chia phiên nấu cơm cho nhau, vì cần phải ăn hàng ngày mà lời hứa thì còn ở mãi tận trên cùng. Ước hẹn do đó có điểm tựa để đếm nhịp độ kéo dài. “Chắc không kịp tới phiên tôi nấu cơm đâu.” / “Chắc tôi chỉ nấu lần này thôi.” / “Chắc tôi... ờ... ờ...”

Họ cũng đem về cái sôi nổi của rừng, và chắc cũng có phần phóng đại không phải vì cố ý. Kà Tum ở biên giới, nơi có một cửa khẩu kiểm soát trong hiệp định Paris, nhưng Kà Tum còn là một địa danh nên chỗ ở của họ tất nhiên là tận trong rừng sâu. Đi xe đò từ Sài Gòn lên Tây Ninh chỉ tốn có mười đồng bạc trong khi từ Tây Ninh vào đây chỉ một phần ba đường lại tốn cả bạc trăm theo xe bò, xe thồ, cuốc bộ... Con chim “bắt trâu trời cột” là bạn quen.

Ngoài ra còn có con chim “chưa tốt”, con rắn nằm cuộn trong balô, rò vào lạnh hơn cả nước hồ B52 xanh rờn, có tên tằm đã chết đuối nơi ấy. Nói cách khác, khung cảnh có thể diễn tả bằng lời tâm tình của anh trung úy Mặt trận với tên nguy: “Các anh là tù mà chúng tôi là tội, bao năm ở trên rừng bấy giờ cũng vẫn nằm lán lá nghe vượn hú...”

Công việc “ổn định chỗ ăn chỗ ở” nơi ấy khá kéo dài. Gỗ trên rừng tha hồ mà chặt. Tranh đầy bãi tha hồ mà cắt. Giao ban xong chia cho đội, đội cho tổ, lấy về có người kiểm nghiệm. Chưa đủ số cho ngày nay thì mắc nợ ngày sau trả, vật liệu bị loại cũng kể như chưa đủ số. Cất nhà thật lớn, thật đẹp. Bộ đội cũng chẳng cần để ý vì mục đích chỉ là “để cho các anh học tập lao động cho quen, cho quên những ngày ngồi không ăn bám, ngồi mát ăn bát vàng...”, thực ra là tìm việc cho nguy làm, kéo dài thời gian giam giữ theo tình hình thực tế địa phương, với sáng kiến của đơn vị quản lí. Làm nhà rồi phá ra làm lại vì quản lí không ưng ý, hay phải dời chỗ vì nhu cầu nào có trời mà biết.

Lấy gỗ, lấy củi, lấy mây... về bán. Rừng cứ lùi dần quanh trại. Đất thành trống trơn thì đắp đường cho xe chạy tuy chẳng có chiếc xe nào đi qua. Sáng, nguy được thả vào rừng tìm vật liệu. Tha hồ mà lạc. Có kẻ ló ngó không tìm được đường về, ghé vào nhà dân hỏi thăm chính quyền để được chỉ. Thế thì đâu có phải là “chưa tốt”? Anh chàng tổ trưởng dân làng dẫn về trại bảo rằng “bắt được nguy trốn trại”. Bị bộ đội dan mềm xương. Mà chuyện trốn trại thì tất nhiên không thể tránh, trong đó có người nhảy lên chiếc honda chờ sẵn và biến mất tăm!

Cung cách ăn ở của tù binh cũng thật muôn vàn hình trạng. Có người vì sự nhiệt thành tin tưởng buổi đầu theo chiều chiến thắng, vì muốn đoái công chuộc tội đã trở thành những tay trợ giúp đắc lực trong việc giữ gìn an ninh trật tự trại. Người ta sử dụng các thiếu úy “tội ác chưa nhiều” để chỉ huy các đại úy “tội ác ngập đầu”, và điều đó cũng có hiệu quả khi đám thanh niên thấy mình trở nên quan trọng, có dịp trả thù đám đàn anh xưa kia với một vài kỉ niệm bị ộp, bị chửi, bị bố... được gọi lại. Có những người len lén báo cáo động tĩnh trong trại, thành có biệt danh “anh Tư vườn chuối”, “anh Sáu đi cầu”. Họ là những người được quân giáo liệt vào kẻ hiệu bài học, “quay 180 độ... để trở về với dân tộc”. Từ đó bọn Long Khánh chúng tôi mới nghe nói nhiều đến các danh từ “ăng ten”, “tà lọt”, “bò tọt” và cái dấu hiệu hai tay để trên đầu, ngón trỏ giơ lên ngoáy ngoáy (dấu hiệu cột ăng ten truyền tin). Nhưng để leo rào đào thoát thì cũng bọn họ có cơ hội thực hành trước nhất, nhanh nhất và có tỉ lệ lớn nhất. Điều đó được riều cột bằng hình ảnh “xoay 180 độ, lỗ đà làm tiếp 180 độ nữa!”

Lại cũng có thứ con ông cháu cha ngược đời, hách cả với bộ đội. Một thiếu úy nghe nói là cháu của viên tư lệnh Sài Gòn-Gia Định, chẳng thèm làm gì cả. Vì ganh ghét hơn là vì tâng công, khối trưởng báo cáo lên quân giáo, quân giáo gọi anh lên hỏi: “Anh muốn làm gì tự cho là hợp với khả năng của anh thì cứ noi, chúng tôi sẽ làm thoả mãn cho anh”, anh trả lời tỉnh khô: “Tôi chỉ muốn làm quân giáo thôi hà!” Bị đày qua một trại khác, gặp quân giáo cứng cựa, anh bị nhốt trong hầm tối đào dưới đất. Có một ngày đẹp trời, quân giáo đến tận cửa hầm gọi anh ta lên cầm tờ giấy phóng thích ra về thơ thối hân hoan. Tuy nhiên không phải ai cũng hóm hỉnh vô sỉ như anh. Dần dà

chúng tôi sẽ nghe được những trường hợp bi thảm của cảnh gia đình đoàn tụ...

Ngày tháng trôi qua ở đây làm anh em quen dần với cuộc sống gian khổ, để dành thì giờ còn thừa và trí óc ham hoạt động đem vào tổ chức nền nếp riêng tư. Đất rộng, tha hồ mà dàn trải sáng kiến trong không gian. Ngoài cái nhà chung người ta còn cất nhà làm việc cho đội, thật ra là cho đội trưởng, để nhân dịp những người này trở thành các đầu nậu tù bắt mấy ông già – sợ công tác nặng – phục dịch quét dọn, tưới hoa chăm sóc “khu của đội”, làm không nên cũng bị mắng mỏ la hét dài dài... Mỗi người lại có riêng túp lều lí tưởng của mình ở xó vườn, dựa vào một gốc cây, ở đó vào những giờ rảnh rỗi, những đêm trăng, kể cả những đêm tối trời với đồng lửa, người ta rủ bạn bè xúm lại pha ấm trà, giờ gói kẹo thăm nuôi, nói chuyện khào cho qua ngày tháng. Khía cạnh “nên thơ” này, chúng tôi được đọc một đoạn trong một số *Đứng Dậy*, hậu thân của tờ *Đôi Diện* cũ, còn sống vì nhu cầu chính trị hơn là vì hàm ơn một tập thể chống đối chế độ cũ gay gắt nhất, kể cả việc từ bỏ vai trò tả phái đáng lẽ phải được xác định của họ để đăng cả những bài tuyên truyền cho người cộng sản.

Nhà nước mới cũng nên biết ơn những gia đình có con em cải tạo đã giúp cho chính sách có bằng có khoan hồng hơn bằng cách moi vàng ra, bán đồ bán tháo radio, tivi, tủ lạnh cho cán bộ đem về Bắc, để lấy tiền nuôi nấng người thân trong rừng sâu núi thẳm, cho cuộc sống họ đỡ cực nhọc hơn. cho họ đủ sức chịu đựng hơn: “Này, đi học tập về béo tốt như thế đó...” Chút tiền của bòn mót từ cái đuôi của tư bản, chút cặn thừa của thời kì thực dân kiểu mới “phồn vinh giả tạo” đã gọi nên câu nói khôի hài đen: “Mai sau có con, tôi nhất định khuyên nó đi lính cho phe xã hội chủ nghĩa. Chẳng phải vì muốn nó ‘yêu nước, yêu nhân dân, yêu đồng bào, vì nhân loại tiến bộ’ đâu! Mà vì lỡ nó có bị làm tù binh thì tư bản nuôi nó sướng như tù Phú Quốc hồi đó, chớ đi lính cho tư bản mà bị phe xã hội chủ nghĩa bắt thì ôi thôi, chém-tre-đắn-gỗ-trên-ngàn!”

Đi thăm nuôi cũng không dễ dàng gì. Đã nói hơn 30km đường xe bò đi, có thể đếm bao nhiêu hang ổ gập ghềnh là bấy nhiêu cay đắng cực nhọc cho người chinh phụ thời hậu chiến của một phe này. Sầu hận họ lắng sâu, sâu

mãi để có thể đối xứng với tiếng reo hò tỏ mở của tiếng người trực tiếp, tiếng người nhả qua phương tiện truyền thông của nhà nước tập trung, qua những trang giấy in triệu triệu tờ tung ra khắp đất nước, vòng quanh trái đất để hoan hô chiến thắng, reo mừng ngày thống nhất của một phe hợp mặt, sum vầy... Có người giữa đường rừng đã bị chặn lại, cướp đồ đạc, bị chọn lựa để dẫn sâu vào bên trong. Người thân còn kể rằng đã đọc thấy trong đôi mắt của chị mình một lời trăn trối – không phải chỉ sự tuyệt vọng không bảo vệ nổi tiết trinh mà còn là dấu hiệu một thảm trạng về sự bất lực của chính bản thân mình, của tập đoàn bại vong của mình, của cả chính những người chủ mới, của đất nước với trống voi kèn, với tiếng súng đạn nổ mừng hội hoa đăng, trùm lấp những lời than vãn – còn nói chi đến một cử chỉ thâm lặng buông xuôi!

Lượng tiền tích trữ của Sài Gòn cũng còn là lớn. Anh thiếu úy bên nhà tôi được gia đình mang cả con heo quay ra đãi bạn. Nhưng một bà mẹ đã nói nhỏ với con về thảm trạng của người bạn gái nhỏ cùng khu phố. Bà già thuật chuyện ấy đâu phải để làm quà thóc mách nhưng để gợi về giá trị những gói mì, cái bánh... trên đường xa lặn lội. Nhưng thường thì chẳng ai để ý đến “chuyện xa vời”. Cuộc sống địa ngục còn có những phút thần tiên của nó. Thiện ác, xấu tốt của ngày thường không đủ tầm cao để chen vũng vào trong cuộc xáo trộn dữ dội. Người cải tạo là cả một thế giới riêng biệt, đem họ cô lập vào trong thế giới đó rồi trách họ sao không có quan điểm bình thường, thật là mâu thuẫn. Tất nhiên ước muốn lí tưởng là họ vượt được khó khăn, đứng trên hoàn cảnh, nhưng nếu họ bị ngập chìm trong mê muội vây quanh thì cũng không thể trách họ nhiều. Người ta mong muốn theo đúng từ cải-tạo – giả định mong muốn đó có sự thành thật – muốn biến họ thành những con người của chế độ mới, nhưng điều đó chỉ thực hiện được với hai điều kiện: Bên trong, lí tưởng mới đủ hấp dẫn, vững chắc để họ không ngần ngại quên – không phải xoá bỏ – quá khứ, cùng lúc bên ngoài hoàn cảnh đổi thay thúc đẩy khiến con người muốn ngoái nhìn lại cũng không được. Đảng này, như đã nói, chỉ có cái vỏ hào nhoáng, sách vở đọc vài câu đã hết, cái hay cứ tưởng là cái hay thật ra là cái lạ ngắn ngủn, lặp đi lặp lại như kẻ cà lăm, sự hấp dẫn quyền rũ đang được ngạc nhiên chăm chú theo dõi bỗng trở thành sững sờ

nhằm chán, đưa đến những tràng cười như phá, ngạo nghễ, chưa kể đến chua cay ngậm ngùi...

Đỗ thừa hay biện minh thì cũng phải có giới hạn. Người ngoài, người trong có chung phần tâm tư thất vọng, chưa kể đến căm hờn. Phần người bên trong lại hơn người bên ngoài ở mối liên hệ với quá khứ được liên tục bởi vì họ bị cô lập từ 1975. Dù có sự cọ xát hàng ngày với thực tế mới nhưng vòng rào quá hẹp, họ làm sao mừng tượng được những đổi thay ở bên ngoài, nếu quả là có, đúng theo lí tưởng. Ở họ chỉ có sự thụ động vì sợ hãi, và căm thù đè nén. Cho nên nếu có thấy họ a dua, lặp lại như con vẹt những bài học của chế độ mới nhồi nhét thì cũng chẳng đáng trách hơn đám trí thức lớn của Miền Nam cũ đang ở bên ngoài: Lê Văn Thới, Phạm Hoàng Hộ, Chu Phạm Ngọc Sơn... lấp bấp trên tờ *Nhân Dân* trước mắt chúng tôi: “tiến hành ba cuộc cách mạng mà cách mạng kĩ thuật là then chốt”. Rồi như gió thoảng, bước xoay tuồng cố định là 180 độ lại theo đà mà quay tiếp! Điều đó làm ngạc nhiên những người muốn co sứ mệnh tông đồ đi cải tạo người khác nhưng không khiến ngạc nhiên người làm chính trị, đề ra chính sách. Có sự thành thật đáng khen khi người quản giáo nói thẳng: “Cần củng cố chính quyền thì nhất riêng các anh ra chứ các anh suốt đời làm sao cải tạo cho được!” Thực ra thì cũng có thể được trong một chừng mực ít trầm trọng hơn, không phải chỉ bằng xiềng xích với cả những nhỏ mọn ti tiện, mà bằng sức năng động lôi cuốn người ta theo. Nhưng tiếc thay lí thuyết không những đã trở thành từ chương mà còn thành bùa chú, chiến tranh hờm chực chiến tranh, tuổi tác thần tượng không thích ứng được với tình thế, sự cô lập trong bao nhiêu năm của đám cán bộ nội địa – ẩn tàng trong “tinh thần dân tộc” từ vị thế thôn xóm làng quê, cái này cái kia nương tựa vào nhau ước muốn tiến bộ mà nắm chặt tay nhau trong bảo thủ, trì nín tê liệt... Đã dốt thì phải nát.

Những điều quay quắt đó tất nhiên không được đám cải tạo chia xẻ. Có nghĩ tới thì cũng đến tặc lưỡi: “Làm lớn làm lão chứ gì! Kệ mẹ nó.” Phần họ khi qua con tủ nhục chỉ lo nấu mì, tôm khô, chè, nhấp cà phê, thấy còn đứng đĩnh hơn cả thời xưa. Cảm ơn Cách mạng!

Đám Long Khánh lác đác có vài người được thăm nuôi đặc biệt. Gọi là đặc biệt vì ngoài tiêu chuẩn thông thường ba tháng cho tất cả mọi người. Đó

là những người có bà con với Cách mạng, hay biết cách chạy vạy. Người ta kể rằng có anh chàng ở T4 cứ được “đặc biệt” hoài hoài để các tay khác nóng lòng sốt ruột muốn phăng ra mỗi thì được anh chàng làm ra vẻ bí mật mở lời: “Cứ biết cách là được.” Cũng thật là dễ hieu. Ở một chế độ dựa trên ước vọng xoá tiệt, faire table rase quá khứ, trong đó có tiền bạc - như Lenin đã ngập ngừng đẩy đưa - rõ ràng ước mơ ấy là không tưởng, có chứng minh hẳn hoi trong hiện tại - hay đúng hơn, lúc cam quyền bính - tuy rằng những người chủ trương cố tìm biện minh bằng cách lôi kéo quá khứ vào trong hiện tại. Nén bạc vẫn đâm toạc tờ giấy kể cả tờ giấy Cách mạng ghê rợn vì ướm đầm máu, hay đầy uy vũ vì hào quang chiến thắng. Bao nhiêu người theo đoàn quân chiến thắng đã ngộp chìm trong đồng tiền bạc, của cải của Miền Nam lại có thêm chút hấp dẫn vì sự mong manh sắp tàn. Bắc Kỳ dép-râu-lên-cungtrăng gặp lại Bắc Kỳ tàu-há-mồm một vai ngày đầu thì cũng lên mặt chút chút, trong bụng còn hầm hè: chúng mày theo “Cha bỏ Bác”, nhưng một vài lần kéo ra quán ăn tiệm, có cái áo, cái quần kể cả cái radio, chiếc xe đạp... thì cũng thấy bọn phản quốc bớt phản quốc rồi vì “có lí riêng của họ”, thấy tư bản cũng chẳng xấu xí gì lắm vì “vẫn còn tiềm tàng một tinh thần yêu nước, truyền thống của người Việt” như ý Bác dạy. Những người tập kết về cảm thấy rồi bỏ được những ngày cô đơn tha phương, thấy mình dễ hoà hợp được hơn ở quê hương, trong đó những chính kiến cứ tưởng là sầm sầm như núi lại trở thành bé tí xíu, lướt qua dễ như chơi. Điều đó, từ trong sâu kín tâm hồn, lẫn lộn với ý thức bao dung trong ưu thế chiến thắng khiến họ dễ xiêu lòng trước bà con thất thế để lợi dụng sự quen biết trong chính quyền còn nhỏ hẹp trước biến người, biến của của nguy mà rộng lòng ban ân. Ở lớp nào thì cũng có loại người rụt rè, hay liều lĩnh nên được việc. Những nhân vật cấp cao, dù không tin ở văn bản chính sách cải tạo của mình nhưng trước tình thế trong ngoài, với ngôn từ chính trị quen thuộc - tuy có khi hơi khô hời hợt liều kiêu lặp lại “chỉ có 5% người chế độ cũ trong tù” - họ vẫn phải dụi giọng với quần chúng - khác hẳn kiểu gằm gù trong vòng đảng viên không để cho người ngoài, dù là cùng phe, nhận ra. Cái đà tuyên truyền êm dịu giúp tạo ra những ơn nhỏ cá nhân, rồi ơn lớn hơn một chút... cho đến khi đụng đầu sự thực cay đắng. Và tạm thời, bọn cải tạo có những kẻ hờ để thở một chút. Có hơi thở mang dấu vết ranh ma.

Trong cái luồng không khí nhỏ, mát lườn qua khe conex cái tạo ấy, tôi đã hít đủ một hơi. Tôi được phép về Sài Gòn 7 ngày.

Buổi chiều, đang lui cui xào chút rau muống với miếng mỡ vừa được chia xong thì có tiếng gọi. Chạy ra đụng đầu quán giáo phải giấu vội đôi đũa sau lưng, tôi nghe một tràng như thói quen của anh chàng người Nam: “Anh Trường hả? Anh lấy bộ đồ nào thật đẹp bạn vô rồi đi với tôi.” Bộ đồ nào đẹp? Một anh bạn vội vàng cởi chiếc áo lạnh cho tôi. Anh bạn khác đưa đôi guốc gỗ đế tròn trịa đầu, gót tốt hơn đôi của tôi chỉ là tấm ván hình chữ nhật. “T. có thăm nuôi đặc biệt”. Mọi người xì xào.

Trên đường ra cổng, quán giáo hỏi tôi: “Ông già anh chết rồi phải không?” Tôi mừng tượng đó là nguyên nhân gặp gỡ người nhà. Chẳng thấy gì xúc động với tin ấy cả.

Ông thân tôi thuộc lớp người làm chính trị, bạn các cụ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng. Ngoài tấm lòng nồng nhiệt yêu nước, ông không được trang bị một thứ tư tưởng nào khác mớ kiến thức nho giáo tàn tạ cũng đưa ông lên bực khoa bảng, có âm vang của Tân thư cộng với mức độ suy tư từ cuộc sống dòi dối của một viên chức Nam triều ở các tỉnh lẻ. Cái ươn ngạnh cứng cỏi của một nho sĩ đã là một yếu tố phủ nhận khiến đời làm viên chức của ông bị trắc trở; chèn ép càng khiến ông bướng bỉnh hơn, càng tăng thêm yếu tố phủ nhận để đưa ông vào một cuộc sống cơ cực, không đủ khả năng thích ứng nổi với vớ vẩn của lịch sử nước nhà mà ông muốn đưa một cánh tay ra đây. Nhưng những năm tù đầy, dấu vết tội hình trên thân xác, các bản án từ Tây tới Việt Minh cũng đem lại cho ông chút uy danh làm kiểng khiến tên tuổi ông được nhắc nhở trên báo chí, cả đến việc chen cái tên vào một nghiên cứu nước ngoài như quyển *Vietnam* của nhà Bantam Book. Bị tụt hậu quá đà như vậy nên vào những ngày cuối thang 4, ông quên mất vai trò đối địch một thời với người cộng sản, quên cái án tử hình vắng mặt của toà án Quân sự Liên khu 5 mà không chịu di tản dù có người ở bất cứ đâu đó thừa sức nuôi ông đến ngày tàn và đắp cho ông nấm mộ.

Buổi trưa 30-4, ông vẫn đứng ngoài cổng nhìn các toán quân thất bại chạy tứ tán và đoàn binh chiến thắng tiến vào cổng Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc

gia, như một đứa trẻ ngắm một trò chơi thích thú, hình như co nghe – hay nghe rất nhỏ, những loạt súng dập dồn chung quanh. Con người ấy, người ta không bắt đi có lẽ cũng vì còn phải giải quyết nhiều việc quan trọng hơn, với nhiều người quan trọng hơn. Có thể cũng chỉ do một may mắn bất ngờ nào đó mà ông không bị lôi đi. Chẳng biết là may hay rủi nhưng với tâm tính đó, nếu bị bắt, có thể ông lại cương lên để trở thành kẻ tử vì đạo cho cái đạo mình định vị thế của mình trong phong trào lớn mà “người ta” cứ nhất định là của người ta. Chẳng biết là may hay rủi, ông lại được ở nhà, chịu đựng những cực nhọc của thời gian ăn gạo tiêu chuẩn lúc trong nhà không có gì để dự trữ, gần đủ hai năm rồi mới mất đi, chấm dứt một cuộc đời đi từ thất bại này đến thất bại khác trong một ý thức cố vẫy vùng, cứ tưởng có thể vươn lên được trên hoàn cảnh trói buộc.

“Ờ, ông già anh chết rồi, anh được phép 5 ngày về chôn ông đó.” Tiếng người quản giáo tiếp tục trong lúc tôi chẳng biết có buồn được nữa không, và chân thì cứ theo chiều dài con đường ra tới cổng. Chị em tôi đã có ở đây. Giấy phép từ phòng nhà khuyến khích đi thăm báo tin, cho về hai ngày để chôn cất, đến đây được tăng lên bảy ngày. Trên đường phóng xe vùn vụt của chiếc honda còn sót lại, tôi chẳng kịp nghĩ gì. Chỉ biết có gió lạnh mát và không khí thật nhiều. Thật nhiều.

Câu chuyện tang ma riêng tư thì chẳng có gì phải nói. Tính nhút nhát có sẵn với hai năm ở tù cũng khiến tôi phải dè dặt nhớ tới lời dặn của người cán bộ trung đoàn: “Không được đi chơi đâu. Không được tiếp xúc với ai.” Nhưng ít nhiều gì tôi cũng thoáng gặp những cặp mắt hàng xóm hay không quen biết chăm chú nhìn mình. Chắc bộ râu ria xồm xoàm không chịu cạo chỉ làm tăng sự tò mò chứ không phải là nguyên nhân để họ muốn nhìn xem con người “học tập” về có khác người thường không. Mà quả thực chính mình cũng ý thức được sự khác biệt. Cảnh vật, con người hình như có cái gì cách biệt, không phải chỉ bởi khoảng không mờ mờ trước mắt. Chân tay tôi hình như quờ quạng hơn. Chắc một phần cũng bởi ngoại cảnh: thành phố bớt xe cộ, con đường hình như rộng hơn. Như người trong tối ra ngoài sáng, cái thực chưa định hình nên cứ tưởng mình đang ở một nơi xa lạ – không hẳn là lạ mà lại có phần quen – không phải ở một thành phố mình đã sống trong hai

mười năm dài. Đường vắng như ngày đầu năm mà lại thiếu hơi hướng Tết. Chỉ thấy bóng dáng xe cộ là quanh chợ Bến Thành. Con đường Lê Lợi, đường Trần Hưng Đạo, đường Tự Do... các con lộ có vẻ la cả một sự hoang phí đất đai. Cửa đóng im ỉm, quán ăn bàn ghế chồng chất thừa thãi, có nhà nào mở thì ngoài đường trông vào thấy sao mà rộng, sao mà trống, người đàn bà ngồi đấy, tận trong cùng, sao mà nhỏ bé, tang thương như là sự bất lực buông xuôi thành hình. Một vài tiệm chung quanh Việt Bằng, Tự Lực (vẫn còn phải nhớ tới mấy tiệm sách!) không bán tuyền một thứ như xưa kia mà trở thành một cửa hàng tạp hoá treo lủng lẳng vài ba cái xắc vải, tủ kính mực viết, đồ dùng học trò, bàn chải... Tính tò mò thắng lòng sợ hãi, tôi đã đạp xe đi một vòng các khu phố Sài Gòn, Chợ Lớn để hưởng cái thú mới chân, đầu đít và một tâm trạng bênh bồng.

Một đêm xem kịch đoàn Bông Hồng của Thẩm Thuý Hằng. Tôi không được thấy bà bầu như con búp bê Nhật Bản của một lần bên trong chiếc xe hơi sang trọng. Cũng chẳng nhớ ai đã hát gì ngoài Nguyễn Chánh Tín vung vẩy trình diễn. À, còn nhớ ông bầu giàn nhạc Văn Phụng có tiết kiệm theo thời, không mặc áo vét mà sơ mi hàng mỏng có cài khuy tay. Vở kịch có tính thời đại ở chỗ những nhân vật Cách mạng hoạt động trong bóng tối với vai trò người ở, người bán hàng rong vẩy quanh một đám nguy sĩ quan, cố vấn Mĩ. Nhân vật Cách mạng dù dưới lốt thấp kém cũng tỏ ra có nét, có tự chủ vững vàng tránh được cái thế hèn kém mà có người chiến thắng đã than phiền nơi các kịch tác gia. Cứ kể ra thì cũng khó thực – một đảng muốn khoa trương sự vùng dậy của Giai cấp, hiểu theo nghĩa “dân tộc”: những người ở đợ, bần cố nông... một đảng thì với địa vị chủ nhân ông mới, người ta muốn xoá cái quá khứ ảm ảm “hèn hạ” người ta cố chui vào để hãnh diện cho đúng lí thuyết. Cũng giống như “chuyện cụ Hồ” trên báo tường ở Long Khánh: Vị chủ tịch nước vô vàn kính yêu phải có dáng mập mạp phương phi, có phong thái của một bậc trưởng giả hiền từ chứ không thể mang tính cách khắc khổ, ốm đói, phải mượn thêm năm bảy người ôm càn đu đủ mà không gãy của những ngày luồn rừng lách bụi xưa. Anh chàng hoạ sĩ vạch cái nét tranh đầu cho con người ấy đã lạc hậu trên ba mươi năm, nên tính nâng bi mà thành bóp dế, bị trách mắng là phải.

Nhưng cái đáng nói ở đây là nhân vật nguy. Diễn viên, với bộ đồ trần ôm sát mình là một sĩ quan thực ở ngoài đời chứ không phải một tên mặt mày đánh ác trong các phim hoạt hoạ, là con người của thời đại văn minh chứ không phải của năm 1945 nơi các kịch bản của Đoàn kịch nói Trung ương chẳng hạn, đã vẽ ra họ có dáng “thầy quyền”, “ông một” Tây, những hình ảnh mà các đạo diễn không tìm đâu ra được ngoài quá khứ.

Với đòi hỏi của luận đề, phong thái ung dung cùng những luận chứng của các nhân vật sĩ quan này đưa ra, lại khoác cho họ một tính cách đại biểu có lí tưởng mà ngày thường chưa chắc họ đã có, và lẽ tất nhiên với chế độ mới phải bị phủ nhận không dẫn đo. Thành thử chế độ cũ dù tất phải bị bôi xoá ở hồi kết cục, lại có được một vòng sáng mờ mờ trên đầu – chưa hẳn là hào quang nhưng cũng gây được chút luyến nhớ nơi người xem, hầu hết là nguy dân. Cái mơ ước không hẳn đã gây xúc động hơn cái đã mất, thế mà lúc này, người ta đang sống với cái đã qua! Chúng tôi ngược lại nơi người khách bên cạnh tôi mà vị thế chính trị lộ ra trong câu nói hằn học: “Phản tác dụng! Không đủ tính cách xây dựng!” Diễn viên, dù vì miếng ăn, vì lối sống tự nhiên phải theo thời, tất cả đều là dân nguy, trong thâm tâm họ không thể trắng trợn bôi bác chế độ họ vừa sống qua bằng những hình ảnh, luận chứng vô lí đến điên khùng, và trong vô ý thức họ diễn đạt dễ dàng vai trò hơn bằng cách trình bày như họ đã sống, đã thấy người khác sống cuộc đời họ có tham dự. Riêng tôi, tôi chú ý một chuyện bên lề để tự phụ – và tin chắc mình đúng, là mình có vẻ là khán giả độc nhất hiểu ý nghĩa một diễn tiến trên sân khấu: Viên sĩ quan này nói với viên sĩ quan kia “Nhà tôi đây” và lật chiếc ghế có vẽ con số 101. Giá trời đừng sập, phim đừng dứt, đừng vào trại cải tạo thì dù ở lâu trong nhà binh tới đâu tôi cũng không hiểu được con số 101 là một phiên hiệu của ngành tình báo!

Quả thực cải tạo ở gần Sài Gòn có những mối liên lạc thật dễ dàng. Việc tôi về nhà là cả một biến cố quan trọng đối với dân cải tạo – ít ra là trong phạm vi bọn Long Khánh. Mới tối hôm sau đã có người tới thăm. Đó là vợ một người bạn được thăm nuôi đặc biệt ngay hôm sau đó và được chồng bảo ghé xem có về nhà thật không. Có sự lo sợ chăm sóc đó là vì có những trường hợp được kêu riêng rẽ và vác đồ đạc đi luôn, không biết về đâu. Cũng may là

tôi có về nhà! Các bà có những mối liên hệ với nhau thật nhanh chóng. Chẳng hỏi thăm gì hơn là tìm cách gửi quà cho chồng. Tôi chỉ lãnh mỗi người một kí mà cũng xách treo tay.

Ngày vào trại hơi buồn nhưng chẳng có gì đáng nhớ nếu không là điều tiếc nuối sau này, bởi vì không ngờ đó là bắt đầu cho cả một thời gian dài đằng đẳng bốn năm trời nếm mùi trại tập trung đậm nét hơn. Tôi mang theo vài con gà đẻ nuôi, bắt chước những người khác. Gà có nguồn gốc: Một người đàn bà Tàu khá dơ dáy ở chợ An Đông thach giá quá cao, người bộ đội mua không nổi bỏ đi, bà ta lòn cặp gà qua hàng chửi bằng tiếng tàu tiếng ta lẫn lộn. Chắc vì bùa chú của bà Tàu trại cải tạo giải không nổi nên hai con gà gục lên gục xuống rồi đi vào nồi cháo!

Trời bắt đầu mưa. Lại một toán nữa ở Đồng Pan về. Trại chật hơn một chút nhưng cũng vui hơn một chút. Tất cả người mới đều được tiễn đưa với một điệp khúc: “Về để giải quyết chính sách!” Có ông già trên 60 tuổi vốn chỉ là gác đàn của Cục Trung ương Tình báo, lần nữa không về hưu vì việc quá nhàn trong khi muốn kiếm thêm một ít tiền tiêu. Ông hút thuốc lào sòng sọc thật thiện nghệ. Hỏi ra thì không có gì ngạc nhiên: Tuy là người Nam nhưng từng lẫn lộn với đám phu cạo mủ Bắc, ông biết hút từ lúc 16 tuổi! Người cụt tay cụt chân về cũng nhiều. Đám Hóc Môn còn lại có một người chống nạng, nhưng đó là vết thương trước 30-4, anh đang nằm bệnh viện Cộng Hoà thì bị bốc lên xe. Những người mới về chỉ bị thương trong trại. Đó là kết quả của những cuộc khai phá quanh các khu tập trung. Bom bi đã khiến cho một số người liều lĩnh, khéo tay tự tìm cách mở nó vô hại bằng lối theo kinh nghiệm lắng nghe tiếng cơ phận bên trong lè xè chuyển động. Nhưng bom bi cũng khiến có người đi luôn, có người mảnh văng đầy mặt, chui cả vào giác mạc để cho anh chàng y sĩ nhãn khoa Tổng y viện Cộng Hoà phải xăng tay ao mài thép concertina làm dao mổ lấy mảnh ra trước sự thán phục của đám bộ đội y tế. Mìn cóc làm nát bàn chân của nhiều người mà đối với bộ đội chỉ có cách cưa là gọn nhất, cưa có khi bằng đồ dùng thợ mộc trong chיע mừng buông xuống. Một anh bạn quen phải nhìn mãi mới ra. Anh chàng tôi gặp trong câu lạc bộ Tổng cục Quân huấn nơi làm đĩa cơm trưa sau buổi phóng mình trong hồ bơi. Nay anh chỉ còn một chân, chân kia phải cưa nhiều lần vì không được

sát trùng kĩ cứ thúi dần lên phía trên. Chị vợ vốn là giáo viên, trấn an chồng bằng lời đùa qua làn nước mắt: “Càng hay, anh càng khỏi đi chơi, bỏ vợ con ở nhà...” Còn anh tự trấn an bằng cả một thái độ cố lam vè hào hùng, ra trước mặt vợ ở nhà thăm nuôi, tháo chiếc nạng gỗ vung đánh cộp lên bàn, cười lớn để che tiếng khóc của vợ.

Khoảng tháng 7, tháng 8 thì T5 gặp cả một xáo trộn lớn lao. Người ở T chung quanh đồn lại. Có người là dân cự Hóc Môn, có người là của Cà Tum, Đồng Pan tập tậm rồi dời qua. Người nằm chật bên trong, cả ngoài hàng hiên. Nơi chúng tôi ở, một hệ thống conex dính liền nhau của đơn vị truyền tin cũ, người nằm tan trên nóc. Chật quá thì phải bung ra. Nhóm chúng tôi được dời tràn qua hàng rào T6. Người người xáo trộn, có kẻ chỉ trong một tháng đã dời chỗ 16 lần loanh quanh trên vùng chừng một mẫu đất! Trong mùa mưa, cái cảnh dời nhà lồi thối lết thếch thật là thảm.

Tuy vậy có người trông thấy đó là triệu chứng “giải quyết chính sách”. Không phải chỉ vì những người mới gặp nhau có thêm chuyện nói mà không khí xáo trộn cũng làm người ta bớt e dè, dễ cởi mở tâm tình hơn. Không phải chỉ có từng ấy người cũ quanh quẩn bấy nhiêu chuyện ngồi buồn mở miệng, người bên cạnh nể nang thì lặng thinh để người kể chuyện vụt ngưng “Á, tao nói rồi!”, hay muốn chọc quê thì ke ngay tử đứng: “Ê, lần thứ mấy rồi đó mày?” Những câu chuyện mới, nhất là của T2 huyền thoại. Câu chuyện T2 sản xuất trồng rau muống, giành nhau lấy phân đến nỗi gần như là đánh nhau, có tên tổ trưởng vào giờ trưa bắt tổ viên thừa lúc người ta ngủ ra tranh mức phân, được mệnh danh là “Phước cứt”. Cái màn lấy cứt này chúng tôi cũng đã làm ở Long Khánh đến nỗi được phong là “vua apatit” Song không có sự tranh giành, chỉ có sự chê bai của những kẻ chưa quen chịu đựng với hôi thúi. Nhóm chúng tôi, như đã nói, phần nhiều là dân Blao nên dễ dàng sử dụng thứ apatit nhân tạo này. Và lại cũng tự mình làm lấy không phải sai bảo ai nên không đến nỗi va chạm để có biệt danh nặng nề như của T2. Vua apatit về Hóc Môn không dám hoạt động vì thấy ở đây người ta sang cả quá, và lại đất trồng trọt sát bên chỗ nằm đành phải dẹp nghề công khai nhưng cũng len lén chôn một lỗ, bỏ vài hột mướp cho leo lên mái, ăn trái tậm trong mùa mưa.

Một tay T2 rụt rè đến mượn tôi tấm ván kê chỗ nằm, tấm ván tôi định

bữa ra làm củi chum. Tôi vội kiếm đưa anh cái khác vừa lưng hơn. Anh chỉ mang trong mình độc mấy bộ quần áo đựng trong xác với cái chén đôi đũa, cái ca uống nước. Nghe rằng cái ca riêng này cũng gặp lắm nổi truân chuyên vì uống nước đã có ca tập thể. Tôi nhận ra người đồng hương – chỉ cách nhau có hai làng. Một dân truyền tin vốn đã từng vào những ngày nghỉ phép đất bò ra cày ruộng nhà để cho hàng xóm phiên trách người cha: “Sao lại bắt ông sĩ quan đi cày?” Bởi vậy vào trại cải tạo nghe quản giáo đọc bài mắng chửi nguy. ngồi không ăn bằm, anh cứ hậm hực: “Cứ lòi hết đám bộ đội ra cày thi với tui coi đứa nào hơn?” Dân Liên khu V nên bà con nội ngoại, bên vợ đi tập kết về thật đông. “Nhà tui cộng sản chém bảy ngày không hết.” Không phải chỉ dựa vào cái thế đó nhưng bản tính lì lợm, anh ta ăn nói bạo gan bạo phổi khiến đám T2 lé mắt và dè dặt đối với anh: Họ nghi anh là ăngten kích động.

Nhưng có vẻ cũng nhờ cái không khí an toàn tương đối của Hóc Môn mà anh khỏi bị vạ miệng. Ở T2 anh chăn vịt cho đội. Qua đây anh mang hai con vịt con, và nhìn cách anh nuôi ai cũng bật cười tuy lúc đầu có hoảng hốt. Lượm cọng rau muống, ổ bánh mì mốc bỏ rơi, anh đem nhét vào miệng vịt, kê cả lay cây thọc vào cổ họng để chèn đồ ăn cho nhiều. Xương heo vớt anh đem bằm nhỏ rồi cũng kiêu cho ăn ấy anh khiến con vịt mang cái bầu điều lặc lừ lết đi không nổi. Đi ra đi vào, thấy bầu điều vịt lưng, anh lại dè ra tọng đồ ăn vào. “Tui bắt nó lao động ăn uống.” Hai con vịt không chết mà lớn như thổi trước con mắt ngỡ ngàng của mọi người.

Cũng bắt đầu từ đám người tụ hội này mà loan truyền về cái dốt của bộ đội. T5 ít chuyện này ngoài chuyện anh Ba... nói tục không chê, lên lớp cứ chửi con Kim Dung, thằng Quỳnh Dao như đầu mối tệ hại của nền văn hoá đồi trụy. Có lẽ T2 trong khung cảnh khắt khe dễ dàng gây phản ứng lâu dài với nguy hơn. Chuyện về anh chàng quản giáo gọi tên người cải tạo ra thăm nuôi, đọc trên tờ giấy phép “Hê Lê Ne”, mọi người đứng im vì chẳng ai nắm tờ giấy khai sanh có cái tên mọi rợ này. “Anh nào là Hê Lê Ne, à, có vợ tên là Hê Lê Ne? Cái tên gì mất gốc!” Thì ra đó là cô nàng Hélène!

Cũng câu chuyện mất gốc, uống máu không biết tanh do đế quốc thực dân dạy cho, là chuyện mấy cục nước đá ướp cá. Bọn nguy xúm lại lượm đem pha nước chanh uống trước mắt dè bieu của vệ binh. Một người cầm đưa cho

anh vệ binh thử. Bọn nguy đồn nhau rằng từ đó, cá đem tới không còn mảnh nước đá nào!

Bộ đội ghét nhất là cái mắt kiếng. Kinh nghiệm sau này cho tôi biết công an cũng vậy. Mỗi lần đứng hàng xa báo cáo xin đi đi ỉa, mấy thằng cận thị nặng phải gỡ kiếng ra, không biết cán bộ đã gật đầu ưng thuận chưa, phải chờ một lúc rồi mới đi việc cần để khỏi hấp tấp bị hớ, bị ộp. Ở Long Khánh mỗi lần sắp hàng, chúng tôi phải gỡ mắt kiếng ra. Hình như đây là bằng chứng của sự phối hợp nhuần nhuyễn nhất của giáo dục vô sản chuyên chính và dân tộc chủ nghĩa. Dân mang kiếng là thứ thuộc tầng lớp bóc lột, tiểu tư sản – dân vô sản, bần cố nông đâu có kính, cần kính! Cái kính che con mắt là dấu hiệu của sự gian trá. Một anh T2 buổi chiều thơ thẩn bên hàng rào, ngó mông ra đường, ngờ ngáo với đôi kính cận sậm màu bị vệ binh bắt gặp. “Anh kia! Ra quan sát gì đó? Anh tưởng đeo đôi kính đen là đủ che mắt chúng tôi đấy phỏng?” Đã nguy, lại cận thị anh chàng luống cuống phân trần. Không tin. Đưa đôi kính xem. Anh vệ binh lấy kính đeo lên, gặp thứ của thằng cha cận quá xa, đâm ra choáng váng, vội tháo trả lại với lời thú nhận vừa hách vừa chân thật: “Thôi, vào đi! Này, đừng nói cho ai biết đấy nhé!”

Dồn dập trong những ngày này là các tin loan về giấy tờ bảo lãnh và các tin về phép. Những người từ Cà Tum về có kẻ đã được phép trên ấy và trả phép ở Hóc Môn, như là một thứ giấy thưởng về công tác học tập tốt – và lẽ tất nhiên vì nhiều lí do khác không thể biết được. Giấy phép trao cho người nao ở đây cũng đưa xuống bất thường như thường lệ. Đợt đầu trong đội tôi có 6, 7 người. Về nửa tháng có. Một tháng cũng có. Người có phép được dặn dò là thu xếp gia đình đi kinh tế mới, giúp ích cho sản xuất, làm giàu đẹp cho nước nhà. Có người về tìm giấy bảo lãnh. Có tin rằng rồi ai cũng được phép hết. Lần lượt. Tin thì thật vui nhưng nhìn kĩ thấy một đội 4, 50 người, mỗi lần 5, 7 người đi phép, có vào người khác mới ra, luân phiên đến chừng nào mới hết tua? Như vậy thì làm sao về trong năm 1978? Còn cùng đi một lượt hết thì ai ở lại nuôi gà, nuôi heo, vò than đá, trồng rau, vui với bộ đội? Cứ đùa nhau mãi!

Số lượng đi phép vào cũng có rơi rụng. Một người trong đội tôi không thấy trở lại. Anh chàng này khi ở T2 vốn thường được đòi lên ban chỉ huy trại

để nhận sách về dịch cho bộ đội không quân nhân dân anh hùng sử dụng. Có lẽ vì công cán đó một phần mà anh được thưởng phép. Và đi luôn. Người ta xầm xì rằng đối với bọn người thượng lưu thì việc tung vàng ra để nối đường dây trốn đi vẫn còn khá dễ dàng. Và tất nhiên những anh hùng thời đại cũng có tham gia chia chác nếu không là chủ động.

Người vào thường hay mang những giấy tờ bảo lãnh của thân nhân Cách mạng cho mình. Giấy bảo lãnh cũng thật nhiều dạng, có cả những yếu tố thật khó nín cười. Quân đội có đại tá, thượng tá nhận con cháu. Cậu Mười Hoà Hảo cũng mang quân hàm đại tá. Cháu ông Huỳnh Tấn Phát thì không được ông cậu bảo lãnh nhưng được người khác thay thế. Có người bảo lãnh là một chị họ với chức vụ “nhân khẩu thường trú ở Thành phố Hồ Chí Minh”. Có người là du kích xã. Có người chẳng hiểu ở đâu lôi ra một ông anh họ lạ hoắc, mãi tận xứ Bắc!

Trên văn bản phần lớn chỉ có một câu nói khuôn khổ: “Xin hứa giáo dục con cháu (anh em) theo đúng đường lối của chế độ mới sau khi học tập cải tạo tốt đã được nhà nước xét tha.” Đó là mẫu bảo lãnh của các cán bộ cấp cao (của mọi miền) và của người Bắc nói riêng. Lí do dè dặt có thể hiểu nơi lời nói của miệng của một người vợ cải tạo thừa với mẹ chồng khi bà này nóng lòng với đứa con út mắc nạn, định về nhà bảo thằng anh lãnh em ra: “Đừng mất công mẹ ơi! Ảnh sợ cháy tuổi Đảng!” Nhưng với đám du kích xã hay dân ngoài Đảng thì lời bảo lãnh thật là nồng nhiệt và liều lĩnh: “Xin nhận hết trách nhiệm bảo lãnh cho anh (em, con, cháu) về để giáo dục cho thành người công dân lương thiện của Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam!”

Viên quản giáo hối thúc nộp tờ bảo lãnh, kể cả những tờ bảo lãnh chẳng có kí lô Cách mạng nào khiến dấy lên nhiều hi vọng. Có người viết thư trách vợ không chịu chạy vạy cho chồng một miếng giấy nào đó đã nhận được một cái thư cay đắng. Nhưng có người ươn ngạnh đã từ chối thẳng thừng tờ bảo lãnh của chính cha mình, ông cha chắc quen với khuôn khổ sống đã trải qua nên nói những lời khuyên con ăn năn hối cải. “Ông đi đường ông, tôi đường tôi.” Có người chỉ là tự ái vật đã từ chối lời yêu cầu của người chị lặn lội từ Bắc vào với chút hi vọng mỏng manh là cứu được em – mỏng manh vì bà ta biết mình chẳng có gì nặng kí. “Chớ xưng là có bà con Cách mạng với mấy

anh giáo quèn hay xã viên hợp tác xã nhé!” một quản giáo đã nửa đùa nửa thật nói như thế. Người em “Thôi, chính sách là ba năm, em đã được hai năm rồi, ráng thêm một năm nữa cho khỏi phiền đến anh chị...” Người chị đâu có lạ gì: “Đã chắc gì ba năm mà em tin vào đấy. Bây giờ còn nước còn tát...” Bị thảm không chỉ nằm ở chỗ có người không được nhận là người mà ngay ở những người đang tìm cách bảo vệ quyền lực của mình cũng không thấy trong các hành động đo có chút tình người nào. Hiệu quả của những tờ bảo lãnh có vẻ như thấy được ngay. Trước ngày 19-8 năm đó có toán đầu tiên ra về. Không nhiều lắm nhưng cũng đủ nuôi hi vọng. Ân huệ bất ngờ và thật là to lớn khiến những người may mắn trở nên kín tiếng và dè dặt. Người ta đồn rằng chỉ những người ở ngoài thành phố mới được chiếu cố. Điều này có vẻ hợp với chính sách đương phổ biến. Bởi vì có những người được đi phép với lời hứa tìm địa chỉ cư trú ngoài Sài Gòn – ở một vùng kinh tế mới càng tốt. Vì tình hình này mà một anh bạn tốt bụng cứ nài nỉ tôi xin chuyển về Gò Công nhà bà dì của anh, để hi vọng được về vì thấy rõ là tôi rất khó bước ra khỏi trại. Anh bạn vì là dân Sài Gòn chính hiệu nên khá ngây thơ với người của chế độ mới, với cách cai trị mà anh chưa được nếm qua, chưa có thể tưởng tượng nổi. Tôi bảo thẳng với anh: “Tôi chưa nghĩ ra khả năng nào để thoát cuộc sống mà chúng ta phải chịu đựng khi về, nhưng theo tôi thì anh nên tìm cách ở lại Sài Gòn bởi vì dưới chế độ này tôi không thấy nơi nào khác hơn Sài Gòn mà chúng ta có thể sống được với ít thiệt thòi nhất cho đến ngày cuối cuộc đời.” Dù sao thì những người ra về mang tờ giấy rành rẽ hai chữ “phóng thích” cũng cho người ở lại một bằng chứng thêm về hơi hướng nhẹ nhàng của hai chữ “học tập” đã phải xoá đi.

T5 lại rộn ràng thêm sau một buổi lao động mở con đường thăm nuôi riêng cho T mình. Có giải thích T5 sẽ là nơi dừng chân trước khi về của toàn L – toàn các T ở đây. T5 chẳng có vị trí gì đặc biệt nên cũng thật đáng ngờ cho cái ân huệ bỗng dưng ấy nhưng đã có cái vẻ bằng chứng rành rành thì còn biết nói sao? Chỉ vì chút bám víu vào cuộc sống mà người ta phải nhắm mắt tin theo điều vẫn còn là khó tin. Và đó là kết quả thành công của những người thụ đắc trong khi theo đuổi con đường lí tưởng chính trị của họ từ mấy mươi năm.

Lại thêm một đợt nữa của những người ở T khác dồn về với loạt người từ Long Giao. Người chen chúc hỗn độn, và đây là thời kì vàng son của dân nấu nướng linh tinh. Dân ở xa khó cho việc thăm nuôi, nay về gần, người nhà dù gặp khó khăn cũng tìm cách mang xách đến cho. Mà việc khám xét cũng làm qua loa. Có người bạn đã ra về, gởi cho tôi chai rượu thuốc “ông uống bà khen” đựng trong chai xì dầu. Trên đường đi rượu sánh lúc lắc bốc mùi, tôi vội lấy thuốc ra cứ phà khói trên đầu chai để át mùi đi mà lòng thì cứ phập phồng. Người quản giáo đi qua liếc nhìn rồi bảo bỏ vào túi xách. Chuyện riêng tư gia đình cũng được thông dong tỏ bày, có khi đến mức độ kích động. Đã nói, so với những ngày sẽ ở dưới quyền của công an thì đây là chốn thần tiên mà! Một người gặp vợ ôm chầm lấy hôn chỉ bị phê bình là lỗ lã, mất văn hoá, quên truyền thống đẹp đẽ của ông bà thôi. Và vì vậy cũng có những biểu lộ tình cảm, lí trí phản ánh tâm lí và hoàn cảnh của người bên ngoài trong buổi đầu tiếp xúc với người cộng sản. Một người cha có con tập kết trở về đòi dỡ bỏ bàn thờ, khi vào thăm đứa con thứ đã khóc ò lên: “Thật là nước mất nhà tan rồi con ơi!” Người mẹ vừa khóc vừa dặn con trai: “Con có đau ốm thì nói với mẹ gởi thuốc chớ đừng uống thuốc chích thuốc gì của bọn nó. Lỡ nó chích thuốc mất trí thì khổ mẹ lắm!”

Trong tầm mức to lớn hơn, thế giới đã ngạc nhiên không hiểu được các vụ án 1936-38 của thời Staline: Làm sao mà những lãnh tụ vào tù ra khám, tung vượt ngục Sibérie... lại phải sợ công an đến mức độ thú nhận những tội tày đình mà chắc họ không bao giờ làm? Làm sao những người cộng sản với tinh thần quốc tế giai cấp còn nóng hổi đó lại đi nhận làm tay sai cho đế quốc, tư bản? A. Koestler đã cố tìm cách giải thích trong quyển *Le zero et l'infini* với kinh nghiệm của bản thân nhay cảm trong những ngày theo Đảng. Nhưng giải đáp có vẻ lí tưởng quá đến quên cả thực tế mà Nguyễn Du có lần đã kêu lên: “Thịt da ai cũng là người...” Nhân vật Rubashov – mà có người nhìn thấy hình bóng của Boukharine, bị truy bức tư tưởng đến độ phải đầu hàng, nhưng chỉ đầu hàng khi người chấp pháp đưa ra miếng mồi lí tưởng dẫn dụ con người lí tưởng: Nhận tội là hi sinh phẩm giá, danh dự cá nhân – một tàn tích tiểu tư sản phải huỷ bỏ, để hi sinh cho Phong trào. Tiểu thuyết dù thế nào cũng vẫn là tiểu thuyết. Thực tế có vẻ tệ hại hơn nhiều. Vì cứ nghĩ rằng chế độ

mới, tiến bộ so với chế độ cũ, nên người ta không thể chấp nhận rằng Tcheke, Guepeou gây kinh hoàng hơn mặt vụ của Nga hoàng, Staline đáng sợ hơn Nicolas II. Thêm nữa, hoàn cảnh đã đổi khác thì không thể xét theo các dữ kiện đã qua: Người ta có thể can đảm trước kẻ thù chung vì sự gan liều cá nhân, vì được sự tiếp sức bởi cả tập thể cùng phe đồn lại, vô hình nhưng có thực, lòng tự tin đó bị lung lay khi phải chống đối với các đồng chí của mình, các đồng chí đang nắm quyền lực trong chế độ đang lên, sừng sững có dáng như kéo dài đến “muôn đời con cháu mai sau”. Tắm thân “thịt da” do đó trở về với cá nhân nhỏ bé làm sao không khuất phục trước nhục hình, trước sự truy bức tư tưởng đến cùng cực? Lịch sử các cá nhân nổi bật vốn thường được truyền bá, ghi chép theo một ý hướng cao cả có sẵn, theo khuôn mẫu tốt đẹp cho là phải có của phong trào đã thành công, lịch sử về cá nhân thường vô tình hay cố ý được bỏ qua những yếu mềm lạt lỏng mà có khi được sự tình cờ bao che, sửa chữa không để nổi bật lên. Lỗi nhìn đó phóng đại nhân vật nhưng con người thịt da không the mình đồng da sắt mãi mãi. Đã có biết bao nhiêu “anh hùng thấm mệt”? Lũ chúng tôi chưa từng tưởng mình là anh hùng – trừ một vài lần nhậu say, trước mặt gái – chúng tôi làm sao không trở nên ngơ ngẩn, hoảng hốt, tâm thần không ổn định trước các bậc thầy cải tạo tư tưởng có kinh nghiệm của hai bậc đàn anh và cả một quá khứ o ép người bên trong lũy tre xanh nay được thu xếp, áp dụng một cách “sáng tạo” ở Việt Nam?

Những ngày cuối tháng 4 (?) - 77, chúng tôi nghe đồn có phái đoàn báo chí quốc tế nào đó đến thăm trại. Cuộc tiếp đón diễn ra ở T2 kiểu mẫu. Chúng tôi trở thành một thứ khán giả. Đứng bên này rào vọng về phía xa hơn trăm thước, từ sáng sớm chẳng thấy gì lạ. Có một toán bóng chuyền chơi thật lâu, kéo dài cả vài tiếng đồng hồ. Mãi sau mới biết họ được lệnh chơi để khi phái đoàn tới thấy ra sinh hoạt bình thường đáng mong ước của trại. Có điều khách đưa tới trễ gần hai tiếng đồng hồ thành thử họ đánh bóng đến vã mồ hôi, bủn rủn tay chân trong một sinh hoạt bình thường không bình thường ấy. Gần đến giờ cơm lúc chúng tôi tụ tập quanh bếp thì có người tinh mắt chỉ cho thay một người Âu mang camera đi vòng ra phía sau trại bên kia, có bộ đội hướng dẫn. Dân T2 áo quần gọn ghẽ trong lúc chúng tôi đánh trần với

quần xà lỏn chồm chồm bên hàng rào dây kẽm gai. “Người Mĩ đấy”, một người kêu lên, chắc thay cho ý nghĩ không phải một số ít. Tôi không nghĩ như vậy nhưng mong rằng trong phái đoàn có Don Luce, không phải chỉ ở nơi này mà còn nơi khác nữa. Trong lúc chúng tôi cười đùa xôn xao thì người kia đã giờ máy ve phía chúng tôi. Nhiều người chống nạnh, uốn ngực ra, thích thú thấy mình sẽ lên màn ảnh nhỏ ở nơi nào đó.

Đối với chúng tôi thì chuyển viếng thăm chỉ có chừng ấy. Nhưng với các bạn T2 thì lại khác. Còn người sau này kể lại, chắc với nhiều nhạo cợt, rằng bộ đội xuống nấu cơm cho chúng tôi ăn, mỗi người hôm đó được phát nửa kí thịt, và trên đầu giường nằm, bộ đội cho mượn một hộp sữa rồi sau đó đòi lại... Điều chắc chắn là tiêu chuẩn thịt và đồ ăn khác đã hơn ngày thường vì ăn trước nhin sau, có đâu mà thiệt! Hộp sữa chắc của dân cải tạo được trưng bày với gợi ý của cán bộ. Những câu trả lời bắt buộc phải bằng tiếng Việt qua thông dịch viên chuyển lại.

Bởi vậy mới có chuyện cười bò... Một người trả lời phóng viên là anh chỉ biết nói tiếng Việt. Hỏi thêm thì được biết anh là giáo sư sinh ngữ quân đội. Phóng viên hỏi người khác: “Từ ấy đến nay trại có bao nhiêu người được thả về?” Câu trả lời có kèm một ngón tay trở giờ lên nhưng được thông dịch trả lời giùm rằng: “Il y en a plusieurs”!

Chuyện ấy chẳng có gì lạ nên một phóng viên thăm Cà Tum sau khi vác máy đi quay những thứ bộ đội không hướng dẫn, trước khi ra về đã tuyên bố: “Tôi đã từng ở hoàn cảnh như các anh nên rất thông cảm với thái độ phải có của các anh bây giờ. Khả năng tôi có hạn nhưng tôi hi vọng trường hợp các anh sẽ được thế giới hay biết.” Nhưng với một thế giới chỉ được nhà cầm quyền mới hiểu là “của ta” thì dư luận ở phần thế giới “không phải là của ta” làm sao có thể ảnh hưởng tới được? Nói không phải như “ta” nói thì chỉ toàn la vu cáo, phản động, chống giai cấp mà ra! Chủ nghĩa nhân bản của Tây Phương thâm nhập vào tầng lớp trí thức, giàu có quay quắt mặc cảm về sự sung túc của mình trên đám dân cưng thuộc địa nên dễ dàng nhảy vào bên vực những cuộc chiến đấu lí tưởng, và tô màu hồng, thật hồng tươi cho những cuộc chiến đấu ấy với sự đẩy đưa thật có ý thức chọn lựa, cho những người bạn khốn khổ của mình qua các màn xếp đặt la ó mang tính cách bi

hùng, khuê gọi sự thương hại che lấp dưới sự thán phục của người bên ngoài, qua những cuộc tiếp đón tham quan giới thiệu sự thánh thiện của chế độ. Chỉ những người ở chiến trường đối đầu với thực tế, mà thật là hiếm hoi như viên sĩ quan Giải phóng nọ, mới có ý nghĩ xuất thần thoát ra cái vòng vây tư tưởng nhồi nắn hàng triệu triệu người đó, để nói một cách thành thật: “Đúng ra chúng tôi đã thắng lớn ở mặt trận ngoại giao.” Anh chàng này chắc không chịu học bài. Tuy nhiên thật may mắn cho đất nước là còn có những người vẫn giữ được suy nghĩ riêng tư.

Người làm chính trị có quyền hãnh diện về thành quả của mình đem ra biện minh cho phương tiện sử dụng. Kẻ thất bại than thở thì cũng phải có chừng mực: “Ai bảo thua làm chi.” Người ta có nhận xét rằng trong mấy mươi năm qua người dân Miền Bắc sống rất trẻ. Bao nhiêu năm chiến tranh họ có vẻ không phải đói. Không phải chỉ vì che độ ưu việt đã mang lại no ấm cho tất cả mọi người, mà vì có viện trợ các nơi cùng phe dồn lại – không thừa mứa vì bà con cũng còn nghèo, nhưng vừa đủ để người dân đứng khỏi run đầu gối mà chiến đấu. Quá khứ khốn khổ hàng thiên niên kỉ không đòi hỏi nhiều quá sự mong ước ấm no nên chỉ cần một sự tiếp sức nhỏ giọt cũng giúp người ta chịu đựng. Cuộc sống ấy, dân Tây Phương trong sự xa hoa của mình, không tưởng tượng ra nổi. Khi người ta đã quen với điện năng với thành quả thiết thân của nó, người ta không thể nào hiểu tại sao kẻ khác có thể sống với ánh trăng sao, với đèn dầu tù mù. Một cái building bị cúp điện, gây rối loạn thần kinh, gây tai nạn chết người trong khi ở những ngôi nhà tre lá, nhà ngói cũng được, ở thôn quê dân chúng vẫn ung dung hoạt động. Cái bi thống trầm hùng ở đây mà một số người Tây Phương tô vẽ trong quan điểm nhân bản của mình, thật cũng là bình thường để người dân có thể chịu đựng được mà chờ sắp hàng lãnh tiêu chuẩn. Không có thịt cá thì cà mắm tương rau, không có xe cộ thì lết bộ cũng tới – nhà nước lại chẳng cần họ đi xa, đi nhanh vì muốn thấy bóng họ để dễ bề kiểm soát. Họ chẳng cần lo nghĩ nhiều vì cái không với tới được thì nghĩ cũng vô ích, còn chuyện bình thường thì đã có nhà nước lo sẵn rồi.

Sự cô lập tạo thêm yếu tố khách quan để khỏi thấy sự phiền tạp của cuộc sống – vô tri bất mộ mà! Quyền bính hờm sẵn về mặt tích cực, và mỗi lo cơm

áo về mặt tiêu cực giúp chặn những ý nghĩ rắc rối riêng tư. Quả thật người ta đã sống rất trẻ.

Ấy thế rồi chiến thắng mở ra thế giới – không phải thế giới “của chúng ta”. Sài Gòn như là ngoại quốc đối với Hà Nội, một thứ ngoại quốc có cách biệt hàng trăm năm về phía trước dù bộ máy tuyên truyền ra sức phủ nhận, Người Bắc trở nên rất già. Như chàng Từ Thức mở cái hộp thần kỉ niệm, tóc lượn làn sóng bạc, da uốn nếp nhăn nheo, lưng còng gồi mõi... ý thức được không gian vô cùng, ý thức thời gian biên biệt, ý thức cuộc sống quay cuồng. À, thì ra thế giới là thế đó. Cái huênh hoang chiến thắng không đủ che lấp nỗi dần vật, chưa kể dần vật không xuất hiện kịp vì khối chiến lợi phẩm lù lù đè xuống. Thói quen phục tùng khiến không đủ sức khơi dậy những biến động có ý thức. Nhưng như mỗi một đực ruồng bên trong, nền tảng chính trị phải sụp đổ: Cái trong sạch của thời Kháng chiến, cái lí tưởng nhiệt thành chung tan biến, người ta lo xây dựng chủ nghĩa xã hội cho riêng mình mặc dù nhà nước, lãnh đạo cố gào thét, kìm cương, cái dây cương không còn hiệu quả vì phải buộc vào hàng trăm hàng nghìn con ngựa tuột mất cái tích che mắt. Chỉ còn lại những quyền lợi ráng chia nhau mà hưởng, còn lại lòng tự ái về quá khứ oanh cổ tri nứu thời kì liệt lù lù trước mắt!

Người trong đã vậy mà người ngoài thì cũng chẳng khác. Giấc mơ nhân bản của họ tan biến sau một chập thiếp đi ngắn. Có bàng hoàng thì họ kêu khóc về thân phận kiếp người. Thiếp đi nữa thì họ có thể đi vào một giấc mơ nhân bản mới với đối tượng cập thời. Đó là biểu hiện của những người phản chiến cũ, những nhân vật mà còn vì nể nang, hay đúng hơn để khỏi chứng tỏ mình quay quắt, chính quyền “ta” gọi là “những người nhẹ dạ” trước đường lối tuyên truyền của bọn phản động quốc tế... Biện minh là quyền của tất cả, vấn đề là biện minh có tính thuyết phục hay không.

Vào một buổi chạng vạng, có một chiếc xe hàng chở người đi ngang đường vào T6. Xe đầy chỗ ngồi, chạy chậm chậm nên nghe được các câu trả lời: “Ờ Bắc về, sáu cục (đại tá), bốn cục...” Không ai qua T5 chúng tôi cả, nhưng do xáo trộn trại chúng tôi biết họ phan lớn không phải là những người trình diện cùng lúc với chúng tôi mà có những tù binh từ hồi Tết Mậu thân, Mùa hè đỏ lửa... Mười năm, tám năm... Chúng tôi phải chờ bao lâu? Nhưng

có sá kể gì so với anh chàng trung sĩ năm 1955 nghe lời kêu gọi của đất nước – và của loa tuyên truyền, đã bỏ ngũ về quê được tiếp đón nồng nhiệt cho quên tiếng vọng phương Nam, nhưng từ 1965 phải đi học tập cả đến năm 1977 này vẫn chưa về? Những người mới ra bị đồng bào xa lánh vì ghê sợ bọn nguy moi gan, móc tim ăn như sách báo của Đảng, của nhà nước, của nhân dân đã dạy bảo nhiều lần. Một toán được tổ chức cho đi thăm Lăng Bác. Những người có tội đã quỳ xuống lết trên đầu gối để đến gần Bác. Có người đã khóc vì ân hận. Than ôi! Một cuộc lễ Hiến phù văn minh! Thiếu một nhà điêu khắc để đời sau thấy những ông phỗng đá, bê tông tù binh Chàm-mới hầu hạ vong linh người khai sinh đất nước mới vĩ đại nhất từ lúc có các vua Hùng! Cuộc tiếp đón tù binh dưới tàu lên thật đàng hoàng, chu đáo khiến ít ra một nước bại trận phải ganh ghét nếu biết được. Nhưng sau đó là những lán rừng bạt ngàn, những hầm tối của các mỏ hết khai thác để tù binh phải được cho tắm nắng 15 phút hàng nửa tháng, một tháng.

Nhưng tình người ở đâu cũng vậy, cũng xuyên được bức màn giả dối. Những người đi làm rừng vác cây gỗ nặng được đồng bào thiếu số giả vờ đánh roi hoặc đặt bên vệ đường gói xôi, nắm củ rồi lảng ra xa. Ngược lại có những người thấy lừa công an đào thoát thật là dễ mà không thể thoát đám quần chúng được tôi luyện phần nộ đã ủa lại đánh chết tên tù binh vượt ngục kém may mắn, không cần báo chính quyền biết. Sự phần nộ của nhân dân là chính đáng mà! Nhưng khi cái vòng vây cừ thù ấy tan biến – và điều này không biết là chính đáng hay không, thì người tù binh lại thấy ra ở dân chúng sự ơ hờ, vô trách nhiệm đến ngạc nhiên, sự dửng dưng truyền thông “cháy nhà hàng xóm bình chân như vại” vẫn còn đó dưới lớp sơn tinh thần tập thể mới đã tróc loang lổ. Anh chàng tù binh đào thoát chẳng cần phải lặn lội theo đường rừng vào Nam mà chỉ kiếm ra chiếc xe thồ (bằng cách nào?) đi buôn lậu ngược xuôi, tối căng võng ở nhà ga làm đầy giấc. Anh bị bắt lại chỉ vì trong một cơn nóng giận đã chửi thề đặc biệt Sài Gòn – y như mấy anh đặc công hồi Tết Mậu thân vào quán gọi bánh chưng!

Những người ít máu phiêu lưu hơn anh chàng này thì khuất thân làm ở các hợp tác xã nông nghiệp, lúc nghỉ ngơi thay vì mắc võng Trường Sơn lại đồng đưa dưới bụi tre già hưởng buổi trưa mùa hè của thời Quốc văn giáo

khoa thư cũ. Có anh sung sức hơn thì đi của gái làng, nhưng cố không vụng về như anh nọ làm cho cô giáo nhân dân anh hùng phải mang bầu mà còn đi cải tạo nữa!

Tin về Nam thật bất ngờ như từ trên trời đưa xuống. Thôi thì có gì bỏ lại hết. Có anh tháo cả cái nhẫn dúi cho bà mẹ già để bà rung rung nước mắt: “Từ thuở bé đến giờ...” Cũng vẫn câu chuyện chỉ ba ngày gởi tạm Hóc Môn rồi về nhà. Cái nết có ai đánh đâu mà phải lo chùa? Có người sốt ruột đen vài ba tháng. Thôi thì dù sao cũng là về.

Còn may hơn anh chàng ở T4, cái T đối diện mà chúng tôi thấy mỗi tù binh đi qua đều phải giở mũ nơi trạm gác, nơi vì thói quen đó được chúng tôi đặt tên là Miếu âm hồn. Anh chàng này vốn là hạ sĩ phải đi học tập theo sĩ quan. Chẳng hiểu vì sao nhưng trường hợp đó không lạ. Sau chúng tôi, các cấp hạ sĩ trở lên thuộc ngành tình báo an ninh phản gián đều bị gọi đi hết. Đã nói có trường hợp vui chơi lỡ bước theo người khác đi “học 10 ngày” nen bị kẹt. Có những học sinh được tài xế xe lam gọi đùa: “Mời đại úy, mời thiếu tá lên xe” bị “đồng bào” tố cáo là dân tình báo an ninh nên phải lên xe bí bùng. Có người – mà đây là số đông – con nhà giàu, hay dân ăn chơi, vốn ở cấp dưới, giả sĩ quan đi của gái, lấy vợ, đeo lon lá quanh xóm nhà vợ nên có trở lại lốt thật cũng không ai tin. Chưa kể có người vào trại rồi mà cứ nằng nặc xưng là sĩ quan, gặp lại chỉ huy cũ vẫn lắc đầu quây quây trước công an: “Ông ấy làm tôi với ai khác đấy chứ tôi đúng thật là trung úy...” Có người mĩa mai rằng nghe nói có tờ thông báo trước kia của Mặt Trận cho sĩ quan Cộng hoà giữ cấp bậc cũ trong chế độ mới nên anh ta cứ gắng gỏi để nuôi hi vọng làm quan Cách mạng. Lời mĩa mai dựa trên một chuyện cho là có thật của một trung úy Không quân cứ xưng là đại úy để được là đại úy lái máy bay nhân dân anh hùng. Anh lính kia lâu ngày trông đợi mòn mỏi đến 5, 6 năm ăn củ mì, bèn đầu hàng, thay đổi chiến thuật xin trở về vị trí người lính dơ dèm củi bắp cũ. Chiến thuật mới thành công, anh đã ra về một lượt với tôi từ trại Gia Trung.

Người hạ sĩ ở T4 Hóc Môn không được may mắn như vậy. Vào buổi tối độ 9 giờ, tôi đang rửa cái chén chè anh bạn vừa cho thì nghe có tiếng ùng ục ở hướng nhà bếp. Tưởng có đám đánh lộn, chạy lại thì thấy bếp lúc nhúc đầy

người lấp ló nơi mấy cái lò than, mấy cái chảo. Tiếng ùng ục, loảng xoảng của xích sắt, tiếng người kêu khóc là từ bên kia hàng rào, nơi cổng ra vào của T4. Chỉ có một ngọn đèn chụp tròn vòng sáng dưới đất, phía cổng.. Một vệ binh bận quần xà lỏn, áo may ô, cầm AK lăm lăm xoay tứ phía. Khoảng đường từ cổng vào nơi ở của cải tạo cũng có người vệ binh khác hướng súng đề phòng. Mấy cái conex nằm lù lù tối đen, chỉ một cái có ánh đèn chiếu không hết khung cửa, từ đấy có tiếng ùng ục của vật nặng đập vào một vật mềm, tiếng xích sắt theo đà sức xô đập vào thành conex kêu koảng xoảng. Và tiếng rên, tiếng hét của một người bị nhét giẻ hay bịt mồm. Không có tiếng la hét của người sử dụng quyền uy. Không ai có thể sử dụng sức mạnh tàn bạo một cách trầm tĩnh như vậy – một vết son cho công trình của Đảng huấn luyện thanh niên. Không ai có thể quyết tâm giết người một cách thản nhiên như vậy. Mà cũng phải, la hét làm hao hụt năng lượng đáng lẽ phải dồn vào đôi tay, cùng lắm là chỉ phí phạm vào đôi mắt rực lửa.

Cả tiếng đồng hồ dài chúng tôi theo dõi tiếng rầm rập và tiếng ú ớ. Đau xót, lo sợ mà bất lực. Bác sĩ Trần Xuân Ninh của những ca mổ trứ danh ở Bệnh viện Bình Dân, thốt lên tiếng lâu bầu nhỏ khi rời bếp về chỗ nằm: “Dã man... Dã man...” Một lúc sau tiếng động dừng lại và lần đầu tiên chúng tôi nghe tiếng kêu của nạn nhân: “Mẹ ơi, trời ơi, tôi tội tình gì...” Rồi im bật. Hai người vệ binh không phải gác nữa. Không ai phải mỏi tay nữa. Hai ngọn đèn vẫn soi sáng chùng ấy bóng đêm. Chẳng có gì thêm hay bớt đi trong một khung cảnh vừa có thêm một xác chết.

Buổi sáng hôm sau T4 vẫn có người đi lao động nhưng đoàn người bước ra cổng có vẻ chậm chạp hơn, dáng trầm lặng hơn. Một chốc sau một chiếc xe lam mang cái hòm vào. Chẳng có gì để nói thêm. Ngoài câu chuyện rĩ tai về nguyên nhân của tai nạn: Anh hạ sĩ này bị bệnh không thuốc men, trong một cơn sốt mất bình tĩnh, anh đã chửi vung tàn tán những kẻ anh cho là cội nguồn đau khổ của anh, “từ cấp cao nhất” như người ta xâm xì mà không nêu đích danh ai là “thằng này thằng nọ”. Cái đuôi câu chuyện hơi dài nhưng cũng phải nói là anh khối trưởng ở đó đi báo cáo sự việc với quân giáo. Anh tưởng chỉ làm một việc “hết trách nhiệm thông thường” mà không ngờ đến kết cục bi thảm. Nghe nói anh ta có buồn vì chuyện đã xảy ra, nhưng cũng

mong rằng nét buồn không phản ảnh hết được phần ân hận to lớn còn lại trong tâm hồn anh.

Người chết được chuyển trại. Qua T7. Về đây chúng tôi chỉ thấy có T6 là hết. Nhưng có kẻ cắc có nhắc T7. Đó là lúc có người nổi nóng thấy bạn bè ồn ào, la lối, đục đẽo rầm rầm sáng trưa chiều tối. Anh ta được trả lời: “Mày muốn khỏi ồn ào thì xin chuyển qua T7 đi. Ở đó yên tĩnh lắm, ít người, chỉ độ vài chục thôi, mà thằng nào thằng nấy nằm yên tại chỗ, không ai nói với ai một lời nào cả, suốt ngày.” Cái số vài chục ấy tôi không biết hết, nhưng nghe nói có một bà – đúng hơn là cô đại úy Hành chánh Quân y đồng nghiệp của Cục Quân y, hoa khôi ở đó, hơi già. Một người nữa, mãi sau này mới biết, đó là anh bạn cùng đi lên Trảng Lớn nhận ra chỗ mình đến là nơi mình bị thương vì đạn pháo kích lúc đang tuần hành. Nhưng cũng có dân T7 lại muốn ở chỗ yên tĩnh hơn nữa. Anh ta nằm nghiêng bên mé hàng rào T5. Một hôm phát quang ở đó, rào lại bờ đố, tôi gặp anh. Một chí hấn hỏi: “Thiếu tá (?) Quách... pháo binh.” Đó là người của lớp tá trình diện trước, định trốn trại nhưng không thoát. Nghe nói khi bị bắn anh ta có hô: “Quân lực Việt Nam Cộng hoà muôn năm!” Cái thể oai hùng lẻ tẻ, muộn màng, bất chợt ấy giá như được đoàn thể “có nghề” khai thác thì cũng hay. Anh ta có thể thành tượng tự những vị thần của hệ thống phẩm trật thiên đình ngày nay, đi vào văn học, vào nhà trường, nằm trong kinh nhật tụng để hướng dẫn cho các thế hệ mai sau.

Nhưng ở vào thời tập thể anh đã có tiếng hô “Sauve qui peut!” thì anh phải nằm đấy, có được nhớ chẳng chỉ là vào lúc người vợ lặn lội xin phép dựng mộ bia xong rồi bỏ đấy để lo cho cuộc sống, cái lo không rời thân xác.

Cái rãnh nước làm rào cũng chứng kiến một cảnh thương tâm khác. Lựu đạn đầy dẫy dưới ao, tất nhiên rồi. Hai vệ binh nhảy xuống bắt cá cải thiện cũng là điều thường của một sinh hoạt rất là thôn quê, điều làm cho người chủ hãnh diện vì tính nhân dân của quân đội mình. Nhưng chẳng biết vì mức độ sinh hoạt thấp kém chung làm họ phải lúng túng khi hoàn cảnh đổi khác không mà tờ *Quân Đội Nhân Dân* phải kêu gọi đến truyền thông mới xác lập nhưng đã bị tình thế vượt qua gấp rút, khi nhắc tới những “sai trái” kiểu “ăn quà vặt làm giàu cho bà hàng nước”, hiện tượng bê tha, tránh né lao động vẫn

xảy ra ở doanh trại... Trở lại người vệ binh và trái lựu đạn bị rỉ sét ở dưới nước lúc chốt chặn chỉ cần đụng đến là bung ra. “Thằng... chết rồi!” Mọi người chạy xô về phía tiếng nổ không ai chú ý một mảnh thịt văng về phía T6, rơi bên cạnh một người đang băm rau cho vịt. Anh cầm lấy xắt nhỏ để cho bày con của anh thêm chút prôtít.

Một cung cách thân nhiên che giấu một bên trong đầy hận thù. Nước sơn văn minh thật là mỏng mà con người với thú tính hàng vạn năm quả thật dễ dàng bật dậy nhân danh căm thù vì lí tưởng, và cá nhân trở thành trăn trườn quay về thời man dã!

Nói có sáu T nhưng chúng tôi nhìn mãi không thấy T1 đâu hết. Có người giải thích đó là T của nữ quân nhân, nữ cảnh sát. Tạm tin như vậy. Lúc chúng tôi đến thì chỉ còn vài chục người nữ ở một khu riêng bên T6, chưa kịp chú ý thì họ đã dời chỗ. Chưa kịp vì mắc chú ý đến một anh chàng lại cái của T6. Anh có dáng đi, tướng người, bộ mặt thật là con gái đến nỗi có kẻ táo gan tìm cách biết anh thực là con trai. Gọi là táo gan vì việc này suýt dẫn anh tò mò vào nằm conex. Anh chàng kia la hét quá xá vì thường không muốn ai nhìn anh lúc tắm, lúc đi việc cần. Anh đòi tự tử làm hoảng kinh mọi người. Một thứ nữ tính đến quá quắt, có lẽ quá quắt vì ở trong tình trạng không bình thường chứ người nữ bây giờ nếu không bạo dạn ngổ ngáo thì cũng đủ tự chủ, có rụt rè nhưng không cần trốn lánh, có giữ gìn nhưng không khêu gợi tò mò đến mức để có phản ứng dữ dội. Toán nữ ra đi vài tháng rồi lại về, nhiều ít hơn trước thì chẳng biết.

Trong đó có cái bà cao cấp nhất của quân lực cũ. Có quản giáo đàn bà trong coi họ. Không biết sự thèm khát đàn bà có gây chuyện lộn xộn nào giữa đám nữ và nam tù binh T6 không chứ đám T5 thì chiều chiều vẫn đứng ngóng qua hàng rào gạ chuyện. Hình như cuộc sống chịu đựng của đàn bà gặp canh đảo lộn dữ dội này khiến họ càng không còn phản ứng nữa, chịu đựng hơn bọn đàn ông một chút để không xảy ra chuyện gì có tiếng đồn ra ngoài mấy chục thước vuông họ ở. Ngoài câu chuyện cô trung uý nghe tin chồng bỏ nổi điên cào cấu quản giáo. Nhiều đợt ra về cũng có họ, lẻ tẻ từng nhóm năm ba người đi ngang trước mặt chúng tôi. Người lớn tuổi lồi thoi lệch thếch trong những bộ quần áo thùng thình nhưng cũng có cô còn tươi trẻ

hồng hào trong các quần pat, áo pun hay sơ mi cắt đúng mốt. Khi chỉ còn độ mười lăm người thì cũng không có ai về tiếp nữa và chờ đợi mỗi mòn như chúng tôi. Khoảng giữa năm 1978 họ được đưa đi đâu không biết.

Tin T5 không làm nhà khách riêng nữa cũng không làm cho mọi người thất vọng vì đám đi phép cứ ra vô như đi chợ. Thời vàng son của dân đi phép và của chính sách cải tạo! Nhiều người được đi phép với lí do tìm địa chỉ cư trú ngoài thành phố Sài Gòn. Có vẻ theo thói quen của người cộng sản, dù là đến lúc phải thả người ra, họ vẫn muốn lợi dụng sức ép đến giờ phút cuối với người cải tạo để đồng thời thực hiện chính sách xua dân ra khỏi Sài Gòn. Có người ù lì trả giấy phép với địa chỉ thành phố mà vẫn được kêu thả trong khi nhiều gia đình bên ngoài nghe phùng khóm dẫn dụ “đi kinh tế mới thì chồng con mau về”, lật đật dọn nhà ra đi mà ngóng chờ mãi vẫn không thấy bóng người thân. Anh bạn đã từng khuyên tôi về Gò Công để có duyên có hợp thời lòn qua cổng trại giam – anh bạn chỉ biết tôi là người không có bà con với Cách mạng chớ không biết tôi thuộc vào dân “nhốt suốt đời chưa chuộc hết tội” – anh bạn đó không cần phải phân vân lắm cho trường hợp của anh vì anh được bảo lãnh bởi một chức quyền tương đối lớn như bất cứ gia đình quảng giao nào ở Sài Gòn. Anh ra về cư trú nơi địa chỉ cũ. Điều cảm mến là anh quá bận rộn lo lắng cho tôi. Anh viết thư vào cho tôi: “Chạy cho anh biết ngay là thất bại từ đầu nhưng cũng cứ cố...” Dù sao tôi chẳng bao giờ quên món nợ tinh thần ân nghĩa đó.

Hình như bây giờ anh đã ở ngoại quốc, không biết những tháng ngày tự do có cho anh đổi chiều lời tôi không: “Sài Gòn là nơi ẩn trú cuối cùng cho những người cố sao chịu đựng được sự đổi thay chế độ mà không muốn hay chưa có cách nào rời bỏ được đất nước.” Sài Gòn là một thành phố lớn có những nét sinh hoạt văn minh khiến cho người lãnh tụ cộng sản áp dụng chính sách Thương Ưởng có thể thành công ở thôn quê, ở tỉnh nhỏ nhưng không đủ khả năng đè bẹp tự do của những người dân ở đây. Tự do không phải chỉ quy định bằng một thói quen, một thái độ tinh thần mà còn là từ những tiến bộ kĩ thuật đem lại giải phóng cho con người dù người cầm quyền muốn hay không muốn. Ở thôn quê chỉ có một nghề nghiệp bao trùm – nghề nông – với thời gian biểu rõ rệt, có thời gian rảnh rỗi rõ rệt để đoàn thể chính

trị chen vào nhồi nắn tinh thần tư tưởng, còn ở thành phố với sinh hoạt phức tạp, có muôn ngàn lí do và lí lẽ để người dân không tham dự, trì hoãn, tránh né sự kèm thúc chính trị của chi bộ, đoàn thể địa phương – chưa kể là người cán bộ cũng bị hút vào cái sinh hoạt bưng bưng tính cách cá nhân, riêng rẽ ở đấy để không như ông chủ làng mới rảnh rỗi, xoi mói lưu tâm đến quần chúng đã hay chưa giác ngộ.

Về đến đây tôi mới biết được một chuyện có tầm mức vượt ngoài cá nhân của tôi. Việc các nhà sử học Miền Bắc phê bình tác phẩm của tôi. Thực ra việc cổ công học hỏi trong bao nhiêu năm, ý thức thầm kín muốn làm một người viết sử của thời đại khoa học – chuyện ở nước người đã có từ khuya – muốn tách khỏi thể hệ cũ như Trần Trọng Kim, muốn chuyên môn hoá không theo kiểu những anh bàn-sử, luận-cổ-suy- kim, công chức già về hưu... ý muốn xây dựng tác phẩm theo một quan điểm riêng biệt - điều mà Mạc Đường chắc thấy rõ nên gọi một cách hằn học là “lập dị” – tất cả những công sức, ước muốn thật to rộng ấy, than ôi “trời chẳng chiều người”, cả mười năm trời có hơn chỉ gồm trong một quyển sách còn nặng đầy tính chất compilation rụt rè của học trò. Có ước muốn tìm hiểu cơ sở của xã hội Đảng Trong, lấp một sự ơ hờ lớn trong dòng sử cũ cứ coi như 200 năm mở đất ấy chỉ là một phóng ảnh của Đảng Ngoài trên đất mới – Tôi coi quan niệm ấy như là quan niệm sử về vương triều xưa cũ được nối tiếp một cách không ý thức. Có ước muốn viết cuốn thông sử sơ sài bao gồm cả Phù Nam, Champa vào sử toàn-Việt – biết chắc là khó có người chia xẻ nên định đặt tên là “Bài sử Việt cho người ngoài phố”, ước muốn ấy chưa được nơi phát tiết trừ vài mươi trang lộn xộn, tả pín lù mang tính cách của dân-mới-ra-trường trên tờ *Sử Địa* 1964.

Chỉ có quyển sách “Lịch sử nội chiến ở Việt Nam” ấy mang dấu vết truân chuyên của đời mình tạo được một tiếng vang nhỏ với một giải thưởng mà “bên trong (cũng) có lắm điều hay...” Sách ra đời không nghe được một lời phê bình nghiêm túc, có lẽ vì sự cả nể của một giới quá thu hẹp, vì tình hình thời sự không phải của chuyện quá khứ chững chạc. Chỉ có những lời tán dương vượt đuôi, ở những bài báo giới thiệu lạng quạng vì tình thân hữu, vì cần người tiêu thụ...

Cho nên nghe có một chiều hướng phê bình khác, thấy thật háo hức kể

như một đáp ứng. Nhưng hoàn cảnh gặp gỡ quả không thuận tiện cho sự trao đổi quan điểm – và sau này lại thấy rằng nếu có trao đổi cũng thật là vô ích. Một ít lâu sau khi nhóm Kà Tum về, một người bạn trẻ nghe nhắc đến tên, chợt nhớ đến một số báo *Xuân Đại Đoàn Kết* được nhà gởi cho: “À, tôi thấy có ông Phạm Huy Thông nói qua về anh một vài câu nặng nề.” Chẳng biết câu ấy ra sao. Chuyển về phép cha chết, nghe nói có bài phê bình trong hai số *Nghiên Cứu Lịch Sử* lại bị anh bạn cũ tận Mĩ Tho hỏi mượn hẹn đến hè sẽ đem lên trả. – Đường xá xa xôi, lưu thông đâu có thuận tiện nữa. Trên đường đi rong ở Sài Gòn tình cờ gặp Nguyễn Mộng Giác nhắc đến bài phê bình. Hỏi về nội dung thì Giác cũng chỉ nói được: “À cái kiểu cả vú lấp miệng em, nói anh viết với tư cách người bán nước, phục vụ chế độ thực dân kiểu mới...” Lời nói âm ừ mơ hồ cũng cho thấy đó là cốt cán của bài phê bình, được thấy ngay, nổi bật và quán xuyên trong toàn bộ các trang viết. Kì thăm nuôi khoảng tháng 5 gì đó (1977), ở nhà bảo rằng đã đem vào nhưng bị quản giáo chặn lại để “đọc cho biết.”

Trong một buổi giao ban, quản giáo hỏi quan điểm, ý kiến tôi về bài phê bình. Chẳng biết trả lời sao với người có quyền, với người không có thẩm quyền chuyên môn, đành tìm có tránh né: “Tôi chưa được đọc nên không thể bày tỏ ý kiến...” Người quản giáo cũng bỏ qua nhưng không giấu chút thán phục: “Không ngờ anh cũng là một nhà tư tưởng (!) nhưng tôi cũng tiếc và không đồng ý về việc anh ca tụng Gia Long...” Làm sao giải thích được bây giờ? khi anh ta nghe hai nhà phê bình nhấn mạnh những đoạn tôi trích dẫn lời ca tụng “tên bán nước, rước voi về giày mả tổ...”, điều đó va chạm đến tinh thần yêu nước có hướng dẫn, có tính Đảng của anh ta! Nhưng một câu chuyện khác, mãi về sau này mới cho tôi một cảm giác ấm lòng để thấy, ngoài sự tự ái được vượt ve, thoả mãn còn thấy có những người đặt trong ranh giới bạn thù rõ rệt, trong quan điểm thù nhìn thù phân minh, mà vẫn có suy nghĩ riêng tư, không bị thống nhất hoá, không trở thành con robot trong hệ thống.

Hôm ấy tôi ở trong toán lao động cho hậu cần trung đoàn. Có kẻ đi “bóp vú mọi”, tôi đào giếng. Trong lúc chờ đợi thùng đất đầy để kéo lên thì một tên cải tạo đi ngang nói đùa câu quen thuộc nghe từ hồi rất nhỏ “Tạ Chí vừa-to-vừa-dài”. Chốc lát anh trở lại: “Tè thật... Tè thật... Tôi vừa gọi anh thì ông

thiếu uỷ hậ cần hỏi tôi ‘Ông đó hả? Tôi có đọc bài phê bình ông đó. Ông viết gì thì tôi không biết, nhưng con người dù phải chịu ảnh hưởng xã hội mình sống nhưng tôi chắc phải dựa vào cái gì ông mới viết được như thế chứ...’ Tè thật... Tè thật...”

Tạp báo phải chờ đến tháng 11, có một anh bạn về phép, được dặn dò mãi, không mang gì vào hết, ráng đưa các thứ ấy cho tôi (có thêm ít tờ *Khảo Cổ Học* nữa mới oai!) Ngoài cái tự ái riêng tư bị động chạm, quả thật tôi đã thấy thất vọng với các học giả Miền Bắc. Trước kia, trong khung cảnh giấu giếm điểm điểm của các người có sách, cộng với sự háo hức được thấy loáng thoáng một vài tác phẩm nghiên cứu của ngoài ấy, có khi chỉ được thấy nhan đề mà không thể nào biết nội dung, tôi cứ nghĩ rằng “dù sao người ta cũng đã làm việc”. Bây giờ thì phải thêm “Làm như thế, thà đừng làm còn hơn.” Cách làm như thế là một bằng chứng để mấy ông theo Lão Tử chối bỏ ngôn từ, văn tự... bởi vì quả là làm loạn đời, phủ thêm đám mây mù lên quá khứ để cho một khoa học có nền tảng bấp bênh như sử học tự tập thêm nhiều thành phần chống đối nhau, hoài nghi hay tán thưởng với chỉ một mục đích là có lợi cho mình, phe mình. Tờ *Nghiên Cứu Lịch Sử* có những bài không hơn một lời hô hào trong một cuộc mít tinh, muốn chứng minh cho lời nói của một lãnh tụ hơn là một sắp xếp giải thích sự kiện một cách thông minh, chứng tỏ khả năng, trình độ của người viết. Tạp chí *Khảo Cổ Học* mà ng tính chiến đấu cũng không rời được mục đích hiện đại hoá: Có câu chuyện cãi nhau về cái sọ thuộc giống người nào mà ông Phạm Huy Thông gán buộc cho người bác sĩ nghiên cứu là “vẽ đường cho ngựa chạy”! Và sau này tôi được biết vì nhu cầu chống Trung Quốc mà ông Viện trưởng lớn Nguyễn Khánh Toàn đã viện dẫn đến cả tiểu thuyết kiếm hiệp! Cái dáng sâu sắc của chuyên môn không lấp được cái sơ hở, câu trả lời không ngờ: Kết quả C14 nêu con số 1940 trước năm 1950 được giải thích là năm +10, một bảng tổng kết các kết quả phân tích C14 giống như lấy từ sổ công văn Đi và Đến chép ra, có những năm thuộc thế kỉ VII mà cho là thuộc Văn minh Lí Trần, Đinh Lê gì đấy!

Không biết cái “con” nào đã khiến cho tôi viết bài trả lời. Có lẽ tại thói quen hay-cãi không có được ở những người dĩ hoà vi quý (quý cái sinh mạng). Có người bấu môi chê cái thói hay cãi ấy: “Lí của kẻ mạnh, đó là

chuyện thường tình, việc gì phải đi tranh hơn thua?” Có người tưởng tìm ra một ý khôn ngoan để cản tôi bỏ ý định: “Hiện giờ anh ở trong tay họ, làm việc đại đột chỉ tổ thiệt thân. Sao không đợi họ thả ra ngoài kia rồi hãy tìm cách tranh luận?” Cứ kể ra cái thói hay cãi của tôi cũng chẳng hay ho gì nhưng các lí lẽ đưa ra chưa đủ thuyết phục. Chuyện ngụ ngôn chỉ dạy được một sự khôn ngoan bình thường mà cuộc song có giá trị đòi hỏi phải vượt lên. Trong thư tôi có viện dẫn đến lí do thúc đẩy: Dù biết bài trả lời không được phổ biến, tôi vẫn phải viết vì trước hết đó là “làm tròn bốn phận đối với chính mình”. Lời công kích chỉ đích danh một cá nhân thì sao cá nhân ấy không có phản ứng nếu thấy mình cũng còn có chút phẩm giá – đã bị vùi dập? Cái ta không phải chỉ là riêng tư, mà dù không phải là của một chế độ, cũng còn là của một tập hợp, một thành phần thế hệ, một tập thể biết tự trọng. Không phải gàn bướng, không phải là làm theo kích động nhất thời, anh hùng rơm, quân tử Tàu, làm vì thấy có bốn phận phải làm... Mà cũng không nên chờ đợi, lần nữa. Hiện tại đã không dám làm thì mai một sao lại không có cơ khác để chần chừ?

Người khuyên có ý tốt tìm giúp cho tôi một thứ “hoãn binh chi kế”, nhưng có lẽ vẫn tưởng như ở chế độ cũ, bước ra khỏi nhà tù là có phương tiện rộng rãi để tranh đấu cho ý tưởng của mình mà không biết rằng ở cái nhà tù lớn ngoài kia cũng như ở cái nhà tù nhỏ trong này không bao giờ có thể có kiểu cách tranh luận như anh thường thấy trước kia. Đành phai làm cái hành động cô đơn vậy.

Thực tình lúc đầu tôi vẫn coi bài phê bình như là phản ứng riêng lẻ của một vài cá nhân “say men chiến thắng” thôi. Trong hoàn cảnh bùng nổ của trại tập trung, tôi không ngờ mình đã được đề cao quá mức – dưới khía cạnh xấu, cố nhiên. Khi lên Gia Trung tôi được đọc tập Kỷ yếu của hội nghị Tây Sơn tổ chức tại Quy Nhơn, cũng thấy có bài công kích nhưng chỉ là rút gọn từ tờ *Nghiên Cứu Lịch Sử* và chỉ một trong hai tác giả trước kí tên. Lời văn, nội dung câu thả hơn nhiều, dường như sự kiêu ngạo của một trí thức thủ đô đối với địa phương không thể kềm giữ được.

Nhưng đây chỉ là bài lặp lại, tôi không biết gì thêm hơn. Chỉ đến khi về, thấy đám em cháu ủa đi xem mặt ông anh, ông chú bác bị ngay từ lớp 12, ở trường Sư Phạm, ở các hội nghị cải tạo giáo viên cũ, cả ở các “bài nói” về văn

hoá trộn lẫn chính trị, lịch sử tả pín lù của các lãnh tụ địa phương, thủ trưởng... tôi thật không giấu được sự ngạc nhiên pha lẫn hãnh diện. Đành rằng người ta không chỉ nhắm vào cá nhân mà cốt yếu là đả phá một chế độ, và mặt trận văn hoá tư tưởng cũng là một mặt trận lớn, càng quan trọng hơn khi cuộc chiến đấu bằng vũ khí đã kết thúc nhưng sự ồn ào quanh một cá nhân như thế sao không chứng tỏ là một chú ý đặc biệt? Thêm nữa, cái lối ồn ào ấy cũng chứng tỏ một tinh thần ba hoa phù phiếm của một quá khứ nhà nho khoắc lác từ chương còn ăn sâu thật nhiều vào tầng lớp cầm quyền, vào đám trí thức mới. Dù sao người Việt cũng vẫn là người Việt. Chẳng biết là điều đáng mừng hay đáng buồn.

Thư trả lời được viết trên trang giấy học trò, giữa hàng gạch nhỏ. Từ lâu lắm, kể có mấy mươi năm rồi tôi mới lại viết chữ chen vào hàng giữa của khuôn dành cho cậu học trò. Nhưng lúc ở Bồng Sơn năm 1950 viết như vậy vì tiếc rẻ giấy, tung tiu cái phần thưởng cuối năm chỉ được mỗi cái tập vở trăm trang giấy trắng có gạch hàng, quá sang trọng so với các trang giấy đen dùng hàng ngày, làm bằng xơ bẹ chuối, bông (cây) gòn còn mắc vào đầu ngon bút lá tre làm nhoè mực văng tứ tung. Bây giờ viết vào hàng nhỏ là để thu gọn các trang giấy, tiện giấu diếm gởi đi. Nhưng cũng thật là muôn vàn khó khăn. Không phải ở những người quản lí mới là đáng tiếc. Sự phóng thích ồ ạt càng làm tăng thói quen ơ hờ của những người quản lí ở đây khiến việc kiểm soát người về hầu như chỉ làm lấy lệ. Thế mà đi tìm một người chịu việc “vác ngà voi” cũng thật như người xưa cầm đèn ban ngày. “Xác tôi không có chỗ giấu... Tôi cho anh em hết cả đồ dùng, chỉ về tay không...” Những người có lúc tự nguyện làm giùm cho tôi!

Cũng không nên trách họ. Việc tôi nhờ bao hàm một đe dọa lớn lao cho họ. Chứ mỗi một người về bao giờ cũng được người quen, người không quen gởi hàng tá thư mà họ vẫn chịu giấu mang đi. Có bị phác giác thì lí do viện dẫn cũng có vẻ vô tội. Đàng này...

Tôi tưởng đã không còn hi vọng thực hiện ý định của mình nữa. Cho đến lúc bất chợt hỏi nhờ một anh bạn “giặc lái” không quen gì lắm, tôi biết mình chỉ có thái độ ơ hờ cầu may thôi. Nhưng anh ta lại nhận lời. Trong cả nửa năm trời tôi không biết rõ được kết quả bức thư giấu vào chỗ kín ấy đã đi

về đâu. Cũng ngại anh ta vút vào cầu tiêu hay muộn lăm là ngoài sân khám xét – như khi ở Long Khánh nhờ gia đình một anh bạn đem mảnh giấy nhỏ về nhà xin món tiền nhỏ trả cho nhu cầu bất khả kháng thuộc loại nhà nước và nhân dân (tù) cùng làm, vợ anh ta nhận lời rồi gọi lại hàng rào nhờ gió đưa về Sài Gòn! Tên giặc lái vẫn còn chút hào hùng liều lĩnh! Lại sợ gia đình ngại tôi sẽ gặp khó khăn nên không gọi đi – dù rằng tôi đã dặn anh ta nhấn rất cương quyết. Tôi có nghe nhấn rằng việc đã xong, và kiểm chứng lúc về nghe anh bạn nói Lê Văn Sáu đã găm gù trong một buổi hội: “Có những người như Tạ Chí Đại Trường đến giờ này ma vẫn còn cho mình đúng!” Giờ này hay giờ nào thì chẳng cần quan tâm lắm.

Mục đích tôi đã đạt. Và lại còn có một bất ngờ hơi “bậy bạ”: Tôi cứ tưởng tượng những con người chiến thắng vững tin ở chân lí của mình đó – vì noi một mình – đang chuyển tay xấp giấy mỏng, nhoè mồ hôi, dán mắt vào đọc những dòng chữ li ti, không phải chỉ đoán nghĩa chữ mà còn phải đoán mùi!

Trong khi đó thì cuộc “xổ số” vẫn tiếp tục, trong nửa năm sau 1977 là nửa tháng, một tháng một lần. Từ đó người ta cũng thấy rõ ra cái tinh ranh luôn lọt của những người cũ, sau một hồi khựng lại, lại có cơ hội nảy nở. Tất nhiên cũng có người thất vọng chờ đợi, nhưng phần lớn có vẻ nắm chắc ngày về của mình. Người xốc nổi huênh hoang thì khoe khoang cùng khắp trong các buổi trà dư, cà phê chè đường hậu. Người kín đáo thì ung dung phóng hoa chờ ù trong lúc quản giáo kêu tên, bảo người gọi đi làm giấy. “Tao biết từ cả tháng nay rồi...” Tôi vốn không mong đợi gì ở mình hết nên cũng chẳng buồn ngóng theo các bạn cùng T ra về. Nhưng cái đám T6 ồn ào tay xách nách mang đi ngang trước mặt không thể khiến mình không lưu ý. Quả thực cũng chẳng có gì lạ. Đang xách nước tưới hàng bầu mướp hay xối vài gàu cho đồ nóng bức, tôi chỉ có thể góp đùa vài câu, đại loại: “Này, thôi về luôn đừng có trở lại nữa ghen!” hay “Ê, về hả? Mạnh giỏi!” Còn cái gì để nói đâu vì rằng tiếng nói không phải để tạo sự thông cảm mà chỉ là một cách xua đuổi sự cô đơn thất vọng của mình.

Cái bi quan của người còn lại càng tăng khi thấy kỉ luật càng khép chặt. Những việc ra vào khám xét đã kĩ càng hơn. Những người ra nhà thăm nuôi

theo kì hạn không phải chỉ bị khám túi xách hay hỏi qua loa: “Có mang thư ra ngoài không?” mà còn bị lục tung lên, có khi phải cời hết chỉ còn độc có cái quần xà lỏn – một việc trước kia không bao giờ có. Muốn gửi bản thảo thứ hai trả lời tờ *Nghiên Cứu Lịch Sử*, tôi phải bỏ cả hai ba buổi ngồi nhìn qua hàng rào xem cách người ta khám xét để tìm sơ hở lòn về khi dịp thăm của mình đến.

Gạo, bột mì đã bắt đầu hiếm. Thay vào đó là thứ lúa mạch mà không biết từ đâu dân cải tạo gọi chết cái tên “bo bo” dù rằng ít nhất mỗi người đã từng ăn một li xâm bổ lường trong đời rồi. Có người cán bộ không biết nghe ở đâu đã nói trên hội trường một cách thành thật: “Chúng ta xin về để ăn, nhưng sợ mất mặt phải nói là cho súc vật ăn đấy chứ!” Có thể đó cũng là một cách tưởng để bào chữa khi anh thấy chúng tôi nuốt không trôi, đồ thừa mứa đầy góc rào, sân hè làm mồi cho bầy ruồi mà anh bạn đồng hương của tôi lấy bao nilông vòng quanh dây kẽm úp chụp bắt nuôi bầy vịt con lón trông thấy. Cả tháng trời không thấy hột gạo mà khi gạo về thì một lon có thể lựa ra được một nắm bông cỏ! Cũng may mà hạt bông cỏ ấy nấu cũng nở ra trắng phếu, và cũng ăn được. Chắc rằng trong thời kì ăn lông ở lỗ nếu người ta thuần hoá được loại bông cỏ này để gieo trồng thì ngày nay chúng ta có được một loại lúa mới rồi. Lúa gì nhỉ? Chẳng lẽ lại là lúa cộng sản nguyên thủy?

Có bo bo cũng còn là may. Mùa thu năm ấy chúng tôi phải chịu một trận đói khủng khiếp. Chỉ có 300g gạo cho mỗi đầu người, nghĩa là 9kg mỗi tháng. Cái bánh mì buổi trưa lúc thường 200g nay chỉ còn 100g – đã teo lại như cái mặt đói mà chắc cũng không đủ cân lượng. Buổi chiều chỉ có một chén đá com hay bo bo – cái chén phải được xới ít nhất 5 lần cho mỗi bữa! Nhịp sống ồn ào trong ngày bỗng dưng lắng hẳn xuống. Người ta không cho rau muống rau lang được còn đọt non. Củ chuối đào lên, không phải chuối non mà là cả chuối ăn buồng rồi nữa. Dây mì trồng mé đường T6 bên kia hàng rào, cán bộ bên ấy cho ra nhô để bồi dưỡng. Tôi gọi với qua: “Anh ném các gốc mì qua để trồng cho kì sau, gốc còn nguyên đọt càng tốt.” Tên đồng phạm đốp chát: “Thôi đừng vờ nữa. Đọt mì không đủ no, đủ thay cho thịt bò như ông bác học nói đâu. Để ta ném cho vài củ.” Anh nhìn trước nhìn sau rồi phóng nguyên cả gốc vào, còn nhắc thêm những người chộp lấy ú té chạy: “Này, chia cho anh

em với!” Các thứ rau dại cũng cạn va trong một buổi giao ban tôi phải nói với quản giáo: “Ở dưới đó anh em đã có người ăn cỏ.” Tôi chưa phải ăn nhưng vốn đã gầy còm sẵn với cái quần mặc sát sao ngày thường, nay nó tuột luôn qua khỏi xương hông. Và mỗi buổi chiều giao ban, dù chỉ vài mươi bước nhưng là cả một cực hình. Quản giáo hỏi: “Anh ốm hả?” Tôi lắc đầu. Không nói được. Và lại nói cũng chẳng được gì. Tôi chỉ đói, đói triền miên ngay cả khi cắn khúc bánh mì hay và miếng com của ngày hôm đó.

Và cũng chẳng phải mình tôi có cảm giác đó. Chỉ về mức độ chịu đựng thì có kẻ tuyệt vọng hơn. Đêm hôm đó trong giấc ngủ chập chờn của buổi gà gáy đã tiêu hết những hột com mỏng manh của cái dạ dày chỉ còn vị dịch cào cào, tôi nghe loáng thoáng tiếng nói về một người chết. Rồi tiếp đi. Nhưng mọi người ồn ào hơn lúc thường, đã kể lọt vào tai chuyện nói lại của anh bạn bên đội 3: “Trăng sáng mờ mờ, tao nhìn qua cửa sổ thấy nó đứng giữa hai cột chống cây đu. Tao nhắm mắt lại nhưng thấy bàng hoàng xốn xang lại mở mắt ra. Cái thằng đi tiểu lâu quá là lâu. Mà... sao cái thế đứng không bình thường. Nó hơi đu đưa. Chết rồi! Tao nhìn ra sợi dây treo!” Lại cũng một cái chết. Nhưng sao chỉ một hành động bước từ sự sống qua sự lãng quên mà có đủ thiên hình vạn trạng của xúc cảm cùng cách thế đối phó của người còn lại?

Cái xác treo lơ lửng cho đến khi nhà chức trách trung đoàn đến cắt dây. Phịch. Có những thân hình nhìn vào một thân hình không trả lời nữa. Rồi khiêng đi. Về T7. Lại có buổi lên lớp để mình định giải thích. Có điều không có tiếng gọi người chết là tên trốn cái tạo. Chỉ có lời phân trần là anh chết không phải vì không chịu nổi đói. Người chết thật khá bình tĩnh. Anh vốn là một sĩ quan công binh, người mạnh khỏe, chiều hôm trước còn ghép các ống nước định bắt làm đường ống cho T. Anh cũng than đói như nhiều người khác. Có vẻ anh không buồn chuyện gia đình – nhưng ai lại không thế? Chuyện thế nào, kết cục chẳng ai biết. Bởi vậy đừng phân trần, giải thích, vô ích. Anh có chết vì không chịu đựng được đói chẳng quan hệ gì đến người sống. Người sống muốn có một cái có, từ một cái chết để giải tỏa dồn ép, để rứt rứt bày tỏ thân phận mình – với chính mình chứ không dám nói voi quyền bính. Cho nên phân trần cũng vẫn là vô ích.. Mà biết có ai tin hay không ở lời phân trần? “Chó (người) chết là hết chuyện”. Ảnh hưởng chỉ lâu dài thêm vài

đêm với một hai người cùng phòng, không dám đi đái đêm mà thôi. Người sống tiếp tục bước đi guồng nhẹ để bớt hao calôri mà sống dài hơn.

Có điều bất ngờ không ai dám tưởng tới. Trung đoàn báo rằng mức gạo 9kg/tháng là do một sự tính toán lầm lạc (?!). “Ồ trên: nghe báo cáo sai rằng trung đoàn đã tự túc được phần lương thực trên 8 tháng nên không cung cấp nữa, nay tính lại thấy sai nên sẽ cấp 15kg/tháng như cũ. Tiêu chuẩn của tù là từ nhà nước cung cấp, tù lại là lính của trung đoàn à? Chẳng hiểu làm sao, đành nghe nói sao hay vậy. Đã bảo đừng phân trần mà! Cái hay của chế độ này là tìm ra một cách xử trí, đào tạo được những con người xử trí một cách mềm mỏng, có dáng nhẫn nhục, nhún nhường nữa, để biện hộ cho những hành động chẳng có dáng văn minh tí nào cả.

Chúng tôi được đọc báo thường xuyên hơn. Về sách thì sách mới xuất bản chẳng được đón tiếp nồng nhiệt lắm. Có vài thứ chính trị, tiểu thuyết của nhà xuất bản Văn học... nhưng cũ mềm, đầu đuôi chạy vào nô thuốc lào, loại sách có vẻ được vội vã xin gửi vào năm đầu tiên, vì tò mò chắc chắn hơn là vì sợ hãi. Trái lại sách cũ lưu hành thật rộng rãi. Không có của “con” Kim Dung nhưng có sách “thằng” Quỳnh Dao. Và có cả Z.28 đấu chiến với Guepeou. Soljenitsyne không thấy nhưng tôi được dịp đọc lại sau 20 năm quyển *La vingt-cinquième heure*, chưa đọc nhưng nghe nói có *Le Zéro et l’Infini*. Chẳng biết chúng vào trại bằng cách nào.

Báo thì tất nhiên thường xuyên là *Nhân dân* và *Quân Đội Nhân Dân*. Chẳng có gì để nói thêm về tính chất căn bản của các tờ báo thuộc loại này, loại để quần chúng “học và làm theo”. Chỉ cần nói về một vài chi tiết nhận thấy. Và lẽ tất nhiên không làm bằng lòng người điều khiển. Tờ *Nhân Dân* đăng hàng loạt về những máy móc dưới tiêu đề “Hàng sản xuất của ta”. Nhìn kĩ lại thì thấy đó là những sản phẩm lắp ghép, từng cái một, chỉ có một đơn vị. Thật tức cười khi báo Đảng khen một người chế tạo sản phẩm đã lấy bộ phận từ món đồ của một du học sinh mang từ nước ngoài về, bỏ trong xó tối chưa biết để làm gì! Vậy hãy tin rằng những con người lớn ấy còn chơi đùa giấy, súng liên thanh lon sữa bò có vòng dây thun xoắn mảnh tre được thả ra gõ liên hồi... Cái cách mỗi người làm theo kiểu của mình ấy được gọi là có sáng tạo. Ma thuật của danh từ. Khoa học kĩ thuật. Phó tiến sĩ. Tiến sĩ. Khoa

bảng về làng, không, về nước. Bởi vì đó là các bảng cấp từ nước ngoài. Các mục nói về rừng vàng biển bạc hàng tuần vòng vòng căn đuôi cũng bấy nhiêu chuyện đó của mấy chục ngàn loại tôm cá, mấy ngàn loại gỗ quý... Nói hết rồi thì phải nói chuyện thành quả thế giới như là mục tiêu hướng tới trong tương lai gần. Đúng như lời một người bạn: “Về vật chất chúng ta sống bằng tiem năng, về tinh thần chúng ta sống bằng hi vọng.” Phải vận dụng thêm ma thuật của những con số. Cuba có sản lượng đường tăng (từ khi kiến thiết chủ nghĩa xã hội), có diện tích trồng trọt không giảm, có năng suất tăng, cai gì cũng tăng hết, ưu việt thật.

Phiên một nổi là trong mười mấy năm của chế độ mới, tổng sản lượng có nhích hơn thời cũ chút ít trong khi năng suất đã tăng gấp ba bốn lần, có trời mà hiểu!

Tuy nhiên “đọc giữa hai hang chữ”, coi tờ báo với nội dung mà hàng chữ không ngăn cản được thì cũng thấy vài điều lạ. Có bài báo khen một cô thợ nề vốn là du học sinh Đông Đức về điều khiển vô tuyến! Chuyện bạn đọc phản ánh việc mất than đá, hàng nhà nước còn rùng rợn hơn chuyện nhảy lên convoi Mĩ lẫn thùng xuống xưa kia.

Chuyện xa hơn: Cái ông Kim Nhật Thành xa lạ, cứ tưởng như không được hình ảnh giản dị của ông Hồ thì cũng như ông Castro oai hùng, ai ngờ qua lời chúc tụng của ông đại sứ Triều Tiên viết lên báo lại là một ông thiên tử có bầu tôi quý rạp lạc loài giữa thế kỉ XX – trừ xứ của “buổi sáng bình yên”!

Trong các tạp chí mới đưa vào tình cờ lại có số *Đứng Dậy* xác nhận một điều tranh luận kì thú của chúng tôi. Nguyên, trên các bài học tập – và sau này chúng tôi biết có trên cả các bài “nghiên cứu” nữa – chúng tôi vẫn nghe luận điệu về thành phố Sài Gòn có 600 ngàn gái điếm. Có người đã thử làm một bài toán giản dị. Thống kê TP. HCM năm 1976 cho biết có khoảng ba triệu rưỡi người. Hãy tạm trừ mấy trăm ngàn dân là của tỉnh Gia Định, Hậu Nghĩa sáp nhập, để lấy số dân Sài Gòn cu chia hai làm thành phần nam nữ. Hãy cho rằng còn hơn một triệu rưỡi người nữ, trong ấy những người bán thân chỉ nằm trong một giới hạn tuổi – cho số tròn là một triệu. Con số đó làm

cho mỗi người dân khác xứ đến Sài Gòn phải nghĩ rằng cứ hai người đàn bà con gái mình gặp ngoài đường thì có thể gạ một người đi vào hẻm tối. Và dân Sài Gòn có mẹ, có chị, có em phải phân vân tự hỏi: “Mẹ mình, hay em mình làm đi? Hay chị mình?” Tờ *Đứng Dậy* không tính theo số dân mà tính theo số hộ thì cũng đến kết luận như vậy. Thực ra người học giả, trí thức xã hội chủ nghĩa quá tài ba về phương diện hấp tấp: Họ lấy con số của hệ thống thông tin thế giới tự do – “Này la của các anh, bạn bè các anh nói chứ không phải chúng tôi vu cáo đâu đấy nhé! – rằng Sài Gòn có nửa triệu người là đi mà không ngờ người ta không chỉ thành phố thủ đô, chỉ lấy tên thủ đô để nói cả nước. Có như thế mới có người bị lõ-hóa, tên tò. Và chẳng phải chỉ một chuyện đó, tờ *Đứng Dậy* nói trên đã phải viện dẫn đến cả Đảng hồi còn trong bí mật – xưa rồi! để lật mặt các ông học giả óc rộng không mà muốn lòng khỏi rộng không. (2004: không nhớ chuyện tờ báo kia nói là những gì.)

Cũng với cách nói bừa đó mà chúng tôi có một bữa cười nôn ruột. Một buổi tối, anh bạn coi tivi về gọi giật giọng: “Mày ra kia coi tàn dư của mày, tội ác của mày được nhắc nhở kia!” Thì ra hôm ấy chiếu phóng sự về một nhà nuôi trẻ mồ côi vốn là “con hoang của Mĩ nguy để lại”. Anh bình luận cứ thao thao bất tuyệt về sự nhân tâm, vô trách nhiệm của cả bọn cầm quyền tay sai cu để lại cả gánh nặng cho chế độ mới đầy tình thương, không hận thù, nuôi dưỡng những đứa bé sinh ra vì phút thoả mãn sinh lí của những tên xâm lược, những kẻ tay sai phè phỡn, dâm dật, chỉ biết yêu cuồng sống vội là trên hết. Tội nặng là thế mà cả đám khán thính giả ác ôn ngồi trước màn hình lại cười ồ lên khi ống kính chĩa vào những đứa trẻ bụ bẫm nằm trên nôi, tay chỉ vừa đủ sức ôm bình sữa nút... nút... những đứa trẻ chỉ mới đủ mấy tháng trong khi “giải phóng” đã gần ba năm rồi!

Cái tivi dùng để học tập cũng cho chúng tôi biết về tinh thần dân nguy bên ngoài, một tinh thần phe phía, lạ lùng thay không mất tính chất vô tư hồn nhiên. Có ai không cười hiểu ý khi nghe một anh hề cải lương trả lời câu hỏi: “Anh vắng nhà bao lâu rồi?” – “Dạ, được hai năm... mấy tháng” (kể từ hạ tuần tháng sáu 1975.) Các trận đá bóng đùng độ với Trung Quốc (trước hội lộen xộn) và Liên Xô có sự chơi xấu của phe “bạn” thì tiếng la ó nơi khoảnh đất vắng lặng này cũng to như tiếng la võ cầu trường từ màn ảnh nhỏ đi ra. Cũng

được dịp để nói thêm rằng các trận đấu giao hữu giữa trung đoàn với địa phương Hóc Môn vào các ngày lễ có cho phép đi xem thì thế nào chúng tôi cũng gặp một hai cầu thủ Hóc Môn thì thăm một cách đồng loã: “Các anh xem chúng tôi diệt bọn nó.” Và khi phe địa phương lấn sân tấn công thì tiếng la hét như muốn đuổi vượt cả trái cầu: “Giết! Giết!” Cầm thù có thể có đấy, nhưng từ đầu óc bọn tù Miền Nam này, nó đã biến thành một thứ trò chơi hơi ngây thơ mà nguy hiểm – những con người quen “nghiêm túc” và ở cái the phải đề phòng hẳn giải thích sự kiện không hơi hợt tí nào.

Nhưng mặc kệ, các anh có chính quyền thì các anh bận tâm đề phòng, quay quắt với sự phản bội, chống trả, còn chúng tôi, cơm đã có các anh lo, đồ ăn thêm đã có gia đình chu cấp, việc gì không đùa bỡn, la hét dù rằng có đến mức độ nguy hiểm?

Nhưng mùa lạnh đến thì sự hứng khởi cũng nguội theo. Những người cày cục xin được tờ bảo lãnh một cách muộn màng đã có thể thấy được tầm quan trọng bớt dần của những tờ giấy nhẹ tênh ấy. Quản giáo không sốt sắng nhận nữa, ban đầu còn bảo gộp cho nhiều người đưa một lần, rồi hờ hững nhận từng tờ một, cuối cùng bật mí: “Bây giờ thì không cần nữa.” Nhưng phút thành thật vô ý hiểm hoi ấy lại thật ngăn ngại bởi thói quen sử dụng “chính sách” nên vài ngày sau anh ta lại tỏ ý vồn vã, hối thúc nộp tờ bảo lãnh “để ghim vào hồ sơ.”

Cho đến bây giờ ngồi nghĩ lại tôi vẫn không nhớ Tết năm ấy (1978) đã trôi qua như thế nào, mình đã được cho ăn gì, vui ra làm sao. Tất nhiên đầu óc càng già thì càng mụ, càng dễ quên. Nhưng chắc chắn là tôi đã quên chỉ vì không có gì để ghi nhớ. Tết trôi qua trong sự thất vọng chung của mọi người còn lại, trong sự uể oải buồn nản của mỗi một chúng tôi. Tôi cũng bị lôi cuốn vào sự chìm lắng ấy. Tuy bị dằn co giữa ý muốn được thả về và nỗi thất vọng “Tao sẽ là người đóng cửa trại”, phần sau mang ý vị chua chát vẫn là nặng cân hơn. Dù sao cũng nên coi là tự nhiên, việc trả công chút ít cho những người có công của họ. Còn tôi, người ta đã không hỏi tội, hay chưa kịp hỏi tội gia đình cũng là phúc bấy mươi đời rồi. Cho nên, cộng với thói quen chịu đựng hoàn cảnh khắt khe, sự nhẫn nhục do tuổi tác đem lại đã khiến cho tôi thật bình tĩnh đến mức như là thờ ơ với chính bản thân.

Tình hình bên ngoài xấu đi thay rồi. Báo chí làm nhiệm vụ hướng dẫn dư luận chắc là cứ tưởng phải khó khăn mà vẫn thành công khi phải biện minh cho sự thay đổi lập trường trong tương quan song phương Miên – Việt. Nhưng con voi đã quá lớn so với cái thúng thì để thúng đẩy hay cất thúng đi nào có gì làm đổi ý người quan sát, dù là trong tù? Thấy rút đại sứ về rồi đưa lên màn ảnh nhỏ những người lính, sĩ quan Miên tù binh tố cáo tội ác của Kampuchea Dân chủ với lời hứa phục thù, ai lại tối dạ đến nỗi không nghĩ ra một mặt trận chống Nam Vang sắp thành lập. Thấy các cuộc nổi dậy phát khởi ở vùng sát Tây Nguyên rồi chính phủ Kampuchea mới thành lập có mấy ngày thì Nam Vang đã sụp đổ, ai có thể phản đối lời BBC: “Quân đội Bắc Việt chiếm Nam Vang.”? Lời này loan truyền trong chúng tôi ngay buổi sáng trước khi treo tờ *Nhân Dân* báo tin Pol Pot, Ieng Sary sụp đổ, chắc được nghe từ mấy cái radio của bộ đội.

Có điều thật là khốn khổ cho chúng tôi khi mất những trang bạn đọc phản ánh một phần xã hội mình phải sống mà chưa biết nhiều, mất một vài mẫu tin thế giới khác lạ bất đắc dĩ, một vài câu chuyện khoa học kỹ thuật, để phải “nghe” vang vang từ trong bài báo những lời bình luận, bài kí sự chửi Pol Pot, Ieng Sary hay tô vẽ tung hô những nhân vật mới nặn ra một sớm một chiều. Trong những nạn nhân được móc ra từ lò sát sinh Nam Vang, tôi chú ý đến tên Sơn Ngọc Minh nằm thật khiêm tốn trong bảng liệt kê. Với tôi, tôi vẫn nhớ chuyện cuối năm 1954 trên lề đường chợ Đập Đá (Bình Định) bày bán các tập sách mỏng dính to bằng bàn tay – chuyện dư thừa sách thật lạ trong 9 năm kháng Pháp – trong đó có một quyển với tựa đề: “Chính phủ Sơn Ngọc Minh của chúng ta”. Cái “Chính phủ... của chúng ta” ấy không có trong văn bản Genève “chúng ta” đã kí.

Cái điều khó bao giờ cũng là việc trả lời với chính mình, tuy điều này hình như không quan trọng mấy trên bình diện xã hội, chính trị. Với sự khác biệt văn hoá, cung cách sinh hoạt, bọn “bạch quỷ”, tư bản có thể bị công kích, chửi rủa ở nửa sau thế kỉ XX hay từ thế kỉ XVIII nhưng còn chưa được chấp nhận vì sự khác biệt nói trên. Cái khó là làm sao trả lời được về sự “phản bội” của phe ta. Một anh bạn – được mọi người rỉ tai nhau: “ăng ten” – có vẻ ngượng ngùng khi nghe một tên khác mỉa mai: “À, thì ra cũng có Cách mạng

thật, Cách mạng giả, Cách mạng phản động, Cách mạng không phản động, biết đảng nào mà mò?” Nhưng anh ta cũng gắng gượng trả lời thật khuôn khổ, đáng ngạc nhiên vì thẩm chính sách quá nhuần nhuyễn: “Thì cộng sản đúng đường lối là chân chính, còn trái lại là phản động!” Chẳng ai dám mó vào ổ kiến lửa để hỏi thêm: “Thế thì ai xác định được sự chân chính? Có phải cũng những người đó trên tờ *Hoạ báo Việt Nam* được khen là sáng suốt trong chính sách đưa dân Nam Vang về thôn quê thì đúng là người Cách mạng chân chính, trong khi năm 1978 lại trở thành phản động bởi vì vào thời gian được khen, từng thi hành việc đập bằng báng súng xua người ra khỏi thành phố để về thôn quê lấy xác làm phân bón ruộng?” Đã nói là trả lời với chính mình bao giờ cũng khó mà!

Cái mình, cái ta không phải là chỉ tập hợp phe phía nhỏ mà còn là một văn hoá chung đựng lâu dài, cùng một trình độ phát triển không chênh lệch nhau lắm để cùng phải đối phó những vấn đề gần như nhau. Trong trường hợp đó thì công kích nhau tức là công kích chính mình – một vấn đề lại đòi hỏi khó tra lời, và có khi cũng không tự ý thức được nữa. Một buổi chiều, anh bạn đồng hương đọc trước tờ báo về nói với tôi: “Ra kia coi tờ báo, có một bài chỉ cần đổi một chữ là có thể viết được bài khác, đăng ở nơi khác, nói về một nơi cũng khác với bài kia.” Bài báo có tựa đề “Sự thực ở Kampuchea”. Nội dung chẳng có gì mới so với các sự kiện đã nói rải rác: Về sự xua dân ra khỏi thành phố bằng súng đạn, về chế độ diệt chủng, diệt tôn giáo, phân biệt hạng dân chiến thắng và dân đầu hàng, về sự kiểm soát ghê gớm của Angka đến tận đời sống riêng tư của những người chỉ còn là một thành phần vô dụng trong công xã được dựng lên... Bức tranh thật kinh khiếp nhưng nếu anh bạn cho rằng có thể thay chữ “Kampuchea” bằng chữ “Việt Nam” thì cũng hơi oan cho người cộng sản Việt Nam. Tất nhiên phải có tô đậm, bôi lọ theo kiểu “thương thì trái ấu cũng tròn...” Sự liên tưởng de dằng khi người ta đọc được những chữ tỏ lộ các đường lối, chính sách giống nhau vì cũng từ một lò, một khuôn: Angka / Tổ chức, cải tạo, nhân dân...

Những sự kiện viện dẫn từ Kampuchea cũng có thể tìm thấy rải rác ở Miền Nam với sự hùng hổ hung hăng ở một bên và sự kinh hoàng khiếp đảm về phía khác mà người ta nhỏ nhẹ bào chữa khi cần: “Tại địa phương lâm

lần...”, còn khi bơi móc thì cũng có thể lòi ra các sọ dừa, các nhân chứng... Lùi lại 30 năm trước thì thấy ở Quảng Ngãi chẳng hạn, những sự thực tại Kampuchea sau 1975: Mồ chôn tập thể của những người phải tự đào hố lấy mà sau khi lấp đất còn nghe tiếng la hét hay rên rỉ từ dưới sâu, kẻ giết người chém đến cùn rựa rồi phát khùng, chuyện trớ trêu thời Cách mạng như của ông Quách Tạo – em thi sĩ Quách Tấn – đã bị bịt mắt dẫn đi mà được tha chết chỉ vì “thằng Bình Định đó biết võ có thể dạy mình chút chơi...”, nhờ đó sau này ông leo lên đến chức Công tố viên Tòa án Mặt trận Miền nam Trung Bộ. Con đường mình đã qua sao lại quên để kết án người khác? “Sơ sót” của mình thì được viện dẫn đến sự cần thiết để bào chữa, sao hùng hù hỏ hỏ buộc tội – không chừa một chữ nào xấu xa cho người bạn đồng minh cũ của mình, do chính mình tạo dựng nên? Làm sao người ta có thể tự trả lời mà không vương mắc với lời dặn của người xưa: “Thử sò lên gay...?”

Cũng còn có người lai rai ra về, nhưng có lẽ đợt cuối tháng 4-78 là cuối cùng. Đám “giáo gian” về trong đợt này, phần lớn là những người gặp ở Long Khánh. Người về đã thừa thốt. Thế mà lại có thêm những chuyện va tin không mấy phần khởi, chưa kể khá buồn cười. Một anh có địa chỉ về thành phố, đến nơi địa phương không nhận vì chủ trương đuổi nguy – đuổi dân thì hơi khó vì dân có thể ù lì, đuổi nguy dễ hơn. Bởi vậy anh ta lò mò về xứ, cứ tưởng lá rụng về cội không ngờ gặp những tay mặt sắt lòi ra chính sách hộ khẩu để xưa đuổi anh khỏi nơi từ đời cha ông anh vẫn ở. Người ta lại ngọt ngào mở đường cho anh: “Anh lên lại trại anh ở, bảo người ta sửa địa chỉ về quê của anh rồi đến đây chúng tôi sẽ nhận.” Lêu bêu thất thểu giữa khung cảnh hoang mang tột cùng của kẻ về trần, anh theo lời chỉ dẫn mà không nghi ngờ gì cả vì chẳng biết bám víu vào đâu. Đến nơi, lại cũng vẫn những câu ngọt ngào: “Ừ, thì anh vào tạm trong ấy đi chờ chúng tôi sửa lại.” Thật khó tin rằng anh bạn nghe đến đó mà không có ý cầm đầu chạy ngược trở ra nếu người ta không thu cái giấy phóng thích rồi, và nếu anh không sợ vệ binh nổ súng!

Và anh ở đấy đến vài ba tháng sau.

Trường hợp thứ hai của một người Hoa. Có lẽ theo lời khuyên bên ngoài, anh khai địa chỉ ở vùng kinh tế mới. Ngày làm giấy phóng thích anh lại

đổi ý. Ác hại thay mỗi một loại giấy ghi địa chỉ ra về có số lượng đã tính sẵn. Anh bị lộ. Tỉnh bơ, anh vẫn thường trả lời các bạn mắng anh sao không đợi ra ngoài hãy chơi gian: “Ăn gian không được thì bỏ!” Nhưng người coi trại không bỏ, và anh vẫn ở lại đến ngày chúng tôi đi.

Cả hai trường hợp đều cho chúng tôi hiểu thêm được cách cai trị mới với quyền hành thật rộng rãi dành cho cấp dưới – theo hướng không có hại cho quyền bính, cho người trên. Cơm gạo nuôi thì thật dễ có rồi. Nói theo “truyền thống”: chỉ cần thêm bát thêm đĩa. Bát đĩa nhà nước lại chẳng phải sắm! Còn bớt muổng cơm thì không ai dám phản đối. Nhưng vấn đề thực ra là ý thức chấp hành luật pháp kiểu như là quyền hành tối cao không có ở người cán bộ cộng sản. Nói lòng vòng rồi rầm loanh quanh gì đi nữa thì xác nhận “Đảng lãnh đạo” cũng là điều cốt yếu. Mà Đảng không đề ra luật pháp, chỉ có nghị quyết. Luật pháp chỉ ro những điều khoản cấm, được phép làm (ngầm ý nơi điều không cấm)... có tính chất xác định rành rẽ trong khi nghị quyết chỉ vạch ra một đường lối, một hướng dẫn... Từ đó tầm mức tự do giải thích cho hành động thật là vô cùng cho cấp dưới, cho những người được phỉnh nịnh, cố sức “sáng tạo” để nhẹ bớt việc của người trên, và trước móng vuốt của địa phương – có khi chỉ là của một người, người dân đành né tránh, chịu tự an ủi: “Chờ được va thì má đã sưng”. Đối với nguy quân nguy quyền – và cả nguy dân nữa, thì phải tự nhủ: “Coi chừng có va ngay cả khi nằm xuống đấy!”

Đến tháng 9, sau thời hạn ba năm, người ta tổ chức cho chúng tôi học tập về bản án tập thể đã thi hành. Tất nhiên đề tài không phải như vậy mà nội dung và mục đích đã nổi bật lên với các tên bài học đại loại: “Tăng gia sản xuất, xây dựng tổ quốc giàu mạnh” hay “Ng nghiêm chỉnh chấp hành chính sách cải tạo khoan hồng độ lượng của Đảng, của Nhà nước xã hội chủ nghĩa”...

Ngay từ buổi đầu học tập về chính sách cho người cải tạo đi sản xuất, chúng tôi đã thấy hiệu quả sự uy hiếp trên hai loại tù rồi. Trong lúc chúng tôi ngồi ngay ngắn thảo luận hay nhìn nhau nhưng vẫn nín lặng, loay hoay ngó vào quyển sổ ghi chép trên tay thì dân Hóc Môn bình tĩnh kéo nhau đi hái, đi ỉa, nấu bếp... Một anh kêu nhỏ nhỏ chỉ qua cửa sổ cho thấy một tên cải tạo bên đội 3 mặc quần xà lỏn ở trần, vác giàn thun đi bắn chim! Họ không thèm trốn trại hay nổi loạn nhưng cũng chẳng chịu vào khuôn khổ. Đám cán bộ canh

giữ lâu ngày cũng hiểu tính nguy ư ăn chơi bốc láo chứ chẳng có lí tưởng chết tiệt nào nên coi việc buông thả cũng là một chính sách đỡ-mệt. Và lại chính họ còn phải để dành thì giờ học đòi ăn chơi, ngủ nghỉ cho bỏ những ngày cực nhọc, cho bù những ngày thiếu thốn đui mù chứ!

Nhưng không phải bỏ qua bên ngoài mà không ghim gút bên trong. Tốp Hóc Môn đi Kà Tum tháng 3-77, được giới thiệu trước ở nơi họ đến: “Đây là một đám đại úy tối nguy hiểm, tối phản động...” Quả nhiên chúng lần lượt dắt nhau đi hết, lôi cả những người “học tập tốt” tại chỗ vốn đã được dặn dò “chớ giao thiệp với bọn chúng mà có hại cho quá trình học tập”. Có người bị bắt trở lại. Có người mịt mù tăm cá. Làm sao mà vượt qua hàng trăm cây số đay cọng sản Miền chồng chất hai lần hận thù, để qua Thái Lan? Cũng chẳng hề gì, nếu trong cõi đời này không ai được tin tức về họ nữa, gia đình có cúng giỗ thì tạm lấy ngày vượt trại làm ngày chết vậy.

Mà phản động thực. Nói gì họ cũng cười. Cái ồn ào của tiếng cười tập thể có vẻ như làm nhẹ đi sự khinh miệt ẩn tàng nhưng cũng nhức nhối, nặng nề như một sự phản đối lộ liễu. Hình như rút kinh nghiệm của các năm qua, các giáo viên không dám đưa ra những ví dụ về sinh hoạt ở Miền Nam, của Mĩ mà vốn họ chỉ nghe và phán đoán – may mắn lắm! qua lời nói lại và báo *Nhân Dân*. Không còn các câu chống chế: “Các anh còn được 5 lạng gạo mỗi ngày chứ mỗi người dân Mĩ chỉ có một lạng thì sao?” Chuyện nhân dân ta kháng chiến anh hùng đến nỗi trâu ta đã rượt húc tan một tiểu đội Mĩ đến giành nước uống chỗ trâu đầm... Giáo viên lúc này cố sức giới hạn trong bài.

Ác hại thay, chính nơi các bài học đã có những luận cứ không nhin cười được: “Ba năm không phải là thời gian của 36 tháng, của ba lần 365 ngày... nói ba năm là nói thời gian thử thách...” Đã nói, nội dung “Đảng lãnh đạo” khiến họ không thể có một quan niệm sơ đẳng về pháp luật mà! Rồi cái lối nói-một-mình, nói-lấy-được khiến họ không chuẩn bị – không cần chuẩn bị câu trả lời phản đối. Giống như khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố ngày 2-9:

“Phần rất lớn đã được thả... Những người ở lại toàn là có tội ác không thể tha thứ được...” Làm như nội các ông ta lãnh đạo không phải kể tục trách nhiệm của “nội các” Huỳnh Tấn Phát, sự kể tục mà người ta cố dàn bày bằng

cái cảnh dằng dai đủ lệ bộ: hội nghị hiệp thương hai miền Nam Bắc, tổng tuyển cử... Làm như trong lúc tức giận ông ta quên những điều hứa hẹn ngon ngọt trong hồi phần khởi 1975. Chưa kể cái ranh giới ông vạch ra giữa những người “đã được tha” và những người “ở lại” bằng sự phân biệt tội ác “có thể tha” và “không thể tha thứ được”, nếu đem đối chiếu với các trường hợp cụ thể thì cũng thật là vui. Hồi ấy mọi người đều thất vọng với câu trở mặt của ông Thủ tướng cũng như đã cười nhạo câu nói của bình luận gia trên tờ *Quân Đội Nhân Dân*: “Bọn chúng nếu đem ra toà xét xử thì không tên nào thoát khỏi án tử hình!” Giận mất khôn, té ra họ hối tiếc là đã không tắm máu Miền Nam!

Gặp người nói ngay trước mặt chuyện vô lí mà không cãi được, không mở miệng nói được thì chỉ mở miệng cười. Cười bò. Quát nạt thì cũng im nhưng vẫn lại cười. Không phải sự phản động kích thích mà là sự vô lí hiện hình đao búa đã gặp phản ứng.

Phản ứng rõ ràng như thế đó mà thủ tục lên lớp, thảo luận, viết thu hoạch cũng vẫn làm xong theo khuôn khổ. Tổ tôi cũng vẫn dành đặc quyền cho anh bạn giáo viên làm phát ngôn nhân suốt mấy tiếng đồng hồ thao thao bất tuyệt về tội ác của chúng tôi không thể tha thứ được, về lượng khoan hồng của Đảng và Nhà nước, về chính sách cải tạo quy định ba năm mà không phải là ba năm... Bản thu hoạch cũng vậy. Ai nấy cũng muốn rảnh nợ để đi tưới rau, nuôi gà, đào trùn cho vịt...

Cái thói quen phản ứng cay đắng đã đem lại tai hại cho tôi.. Tôi đã viết một bài thu hoạch không đầy trang giấy học trò mà ra ngoài khuôn khổ thông thường. Câu hỏi là một câu khuôn sáo: “Anh có nhận thức gì sâu sắc nhất sau khi học bài?” Câu trả lời đại khái của tôi: “Điều nhận thức sâu sắc nhất ở bài giảng là ý tưởng nhấn mạnh về việc đứng trên lập trường yêu nước, yêu dân tộc để xét định vấn đề. Tôi lắng nghe lời khuyên bảo ấy để khỏi thắc mắc về cách giảng giải pháp lệnh của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Phó thủ tướng Huỳnh Tấn Phát bây giờ, cách giảng giải có trái với văn bản rành rành theo quan niệm luật pháp được chấp nhận khắp nơi. Cũng đứng trên lập trường ấy mà thông cảm câu nói tức giận của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, không đào sâu xem trường hợp những người ở lại có tội ác hơn người đã về như thế nào để rút ra kết luận là ‘không thể tha thứ được’”. Nghe đọc thu hoạch hình như

cả khối học tập có sẵn người một lúc rồi cho qua người khác. Mau mau cho xong rồi còn đi nấu nước, lò than kéo ra đã đỏ hừng ngoài kia! Khi mọi người thở phào đứng dậy thì có tiếng anh bạn liệt chân của tôi: “Này, này, về sửa soạn vác chiếu lên conex đi thì vừa!” Một người khác trầm tĩnh hơn, đến bên cạnh thì thầm: “Đẹp cái bản thu hoạch ấy đi, đừng có cương vô ích!”

Nhiều ngày qua nhiều người chờ tôi vào conex nhưng không thấy gì. Chỉ thấy người quản giáo thường ngày vồn vã với tôi bỗng đổ mặt lầm lì. Cầu trời cho tôi nhận xét sai lầm để khỏi kiêu ngạo thái quá. Bức thư gửi cho *Nghiên Cứu Lịch Sử* tuy không tránh khỏi va chạm đến chính quyền nhưng dù sao cũng chỉ động tới các cá nhân, một giới trí thức dù sao cũng có thể mang chút riêng tư. Bây giờ là một bản văn chính thức ngọt nhạt mắng đũa luôn cả người cầm quyền thất tín, không tôn trọng luật pháp, nói bừa không kể lí lẽ gì hết... Nếu đừng chê sự kiêu hãnh cá nhân là tác phong tiểu tư sản thì tôi đã có thể bằng lòng với mình, và viện dẫn đến hai sự việc đó để cầu xin tha thứ cho những yếu đuối về sau.

Đã nói, từ tháng 5 trở đi người về chấm dứt hẳn tuy ngày 2-9 năm đó T tôi có thêm một người. Những trận mưa đầu mùa đã thu hẹp phạm vi hoạt động của tù nhân lại mà bầu trời xám xịt hình như cũng làm lãng quên một ít sự chờ đợi vốn thấy đã chắc đi vào ngõ cụt. Người bạn đồng hương của tôi đã ra về thật bất ngờ sau khi đêm trước còn lâu bầu chửi rủa.

Công việc còn lại là tiếp tục trồng rau, nuôi gà, nuôi vịt. Ngọn rau quốc hồn quốc túy mang giá trị từ Miền Bắc vào – đã có người trong này tự phụ: trước kia rau muống dưới đồng chỉ dùng cho heo ăn – ngọn rau muống ấy chúng tôi trồng gắp phân móc ngay trong hầm công cộng, tha hồ mà phát lên mon mơn. Dọc hàng rào kẽm gai theo mái concertina, tôi xía vào đấy mười gốc mì, ăn đã hai mùa mà chưa thấy cần đất. Ở đấy những dây bầu mướp của tôi cũng vươn lên đủ cho mỗi bữa một lon canh qua ngày. Đất đai trồng trọt kỹ đám gia cầm phá phách: vịt rúc tía xơ xác, gà bới tróc cả gốc chổng chơ. Ở một góc tí ti vô cùng của nhân loại mà cũng thấy được sự mâu thuẫn thiên niên của hai sinh hoạt: nông nghiệp và chăn nuôi. Có điều trừ một vài trường hợp lẻ tẻ, ai cũng cố giữ để bớt rầy rà nhau.

Mùa mưa năm ấy nước ngập tràn trại. Nghe nói bên ngoài lụt nặng, lũ to và nhà nước đang cuống quýt. Lại được dịp cho mấy anh tôn giáo quá khích dẫn chứng: “Đã cố chối trời thì Trời ra oai cho biết tay!” Thói quen mê tín thống kê mới lại được dịp đưa ra những con số thiệt hại phần trăm nơi này nơi khác. Thực ra sự hoảng hốt và tai hại có phần đến từ sự điều hành kinh tế, sản xuất hơn là từ thiên tai. Năm nào lại chẳng có lụt, có to hơn một chút cũng chẳng hề gì cho lắm. Có điều sự thay đổi quy trình canh tác ở Nam Bộ được đưa ra mà thiếu yếu tố giao kết với ông Trời: Mương đào lung tung thì đất canh tác theo quy trình cũ đã thu hẹp mà đường nước lại chưa đủ tác dụng cho hai mùa trong khi nắng nôi hay mưa lũ còn là yếu tố quyết định trên diện tích sản xuất của châu thổ. Bộ đội nhờ có học câu: “Nước sông, công cải tạo” mà sử dụng người xách từng gàu nước tưới lúa chứ dân chúng bùi tai nghe lời Đảng cấy hai vụ thì có mà “đổ thóc giống ra...” gieo mạ cho lúa héo! Lúa cấy lại chưa vững cây thì chịu sao nổi làn nước bạc? Người ta sinh hoạt nhiều ngành nghề, mất cái này còn cái khác bốc bỏ vào miệng, mình chỉ độc một món lúa của cái quan niệm mới cũ biện hộ cho nhau: “Dĩ nông vi bản”, “Nông thôn là thành trì của Cách mạng”, thì bảo sao lụt lội, hạn hán không làm cho cuống cuồng lên!

Chẳng sao. Đó là chuyện của người chủ mới. Chúng tôi có nhiều chuyện khác phải làm hơn. Sáng ra tôi vội xuống nhà bếp lãnh lon bột phần mình của buổi trưa, đem về nhào nặn sẵn. Tôi đi dọc bờ cỏ chặn bắt mấy chú nhái mừng nước. Nhưng cũng khó mà tóm được chú. Lại cung không nhiều lắm. Ngang qua vũng nước thấy cặp ếch ương uềnh uệch một cách trang nghiêm, tôi vội túm lấy mang về. Sao chúng mày lại có ý nghĩ ngu dân là loài người không ăn thịt mày nên không chịu trốn lánh? Phải phân biệt có những loài “người” chứ! Nhưng đòi hỏi như thế thật quá đáng với bọn ếch ương thực. Chính chúng tôi muốn phân biệt mà cũng đành nói hùa theo, không để trí làm việc mà chỉ để miệng phản ứng: phản động, cách mạng, tư bản, tay sai... Dù sao thì cái ngu vì tự thị của hai con ếch ương cũng giúp cho mấy chiếc bánh bao nhỏ của tôi hôm đó có thêm phần thịt nhun.

Thế rồi những biện pháp loại trừ các sinh hoạt ngoại khoá ấy cứ từng đợt đưa xuống. Lệnh đầu tiên là phá các giàn bầu mướp chung quanh trại,

quanh các căn nhà. Chẳng hiểu để làm gì. Hoi lạ là lệnh ấy mâu thuẫn với việc khuyến khích chúng tôi tăng gia, và ngầm ý cho “cải thiện” để cho sinh hoạt thoải mái hơn. Chuyện không đáng nói thêm nếu không dính dáng đến anh bạn giáo viên “phát nhân ngôn” của chúng tôi. Anh được đề bạt làm khối trưởng (đội có ba khối). Với tính cách nhiệt thành thái quá, vừa nghe lệnh xong là anh đã tự mình ra lột dỡ các giàn, dứt các dây leo không những ở khối mình mà còn làm đùa qua các khối khác nữa. Tất nhiên nếu anh không tự làm lấy thì còn lâu các giàn mướp mới hạ xuống. Anh thi hành lệnh một cách nhanh chóng không phải vì tận tụy, sốt sắng với công việc mà vì... sợ quá. Điều ấy thấy rõ ràng. Bởi vì theo kinh nghiệm, một lệnh theo loại đó có thể từ từ mà làm, và trong lúc giao ban nếu có bị chặn hỏi thì cũng có thể dùng nhiều lời quanh co, dằng dai cho tới khi quản giáo nổi giận thực sự hay bỏ lơ không nhắc tới nữa. Nhưng chỉ với cái sợ mới vài ba năm trong đó có những trì nứu chung quanh thì chắc cũng chưa đủ thúc đẩy anh. Phải nói đến thói quen tập tành phục tùng cả đời anh. Anh là một giáo viên (cấp 1), và cũng chẳng phải là giáo viên đứng lớp mà là nhân viên kế toán hành chánh của một ti tiểu học, một mẫu người công chức cấp thấp trong một tập thể cầu an nhất xứ.

Tôi bị nạn vì anh khi có người chê bai bằng câu hỏi: “Sao nhà giáo chúng mày có nhiều thằng hèn thế?” Phải mở dấu ngoặc mà cải chính rằng tôi cứ bị tiếng oan là thầy giáo, vì trong đời chỉ ăn lương giáo chức có hai năm rưỡi thôi. Tuy nhiên tôi cũng phải chống chế có chừng mực: “Mày thử nghĩ xem giáo giới nó sống bị dư luận bao vây nghiêm khắc như thế nào? Dân thư lại lười nhác ở các ngành khác còn được buông lỏng để họ có thể tuôn vào một số hành động ngoài khuôn khổ. Có những điều người khác làm được mà nhà giáo không được làm. Tao đã bị một chỉ huy trưởng nhắc nhở như vậy ngay lúc tao chỉ ăn lương lính và chẳng biết ngày nào trở lại làm giáo. Cấm đoán của dư luận quá nhiều đến nỗi làm tê liệt những đầu óc đã tê liệt sẵn vì nhịp sống đều đặn hàng ngày. Con mày hoang đàng, lưu manh du đãng không bao giờ mày tự trách mình mà cau đầu lười mắng con là: ‘Thầy, cô mày dạy thế hả?’ Phải chịu ẩn trốn trong vòng chữ nghĩa bất lực không đủ bảo vệ cho nhà giáo thoát khỏi thực tế hàng ngày – tất nhiên không nói đến cái câu “Ở

đâu cũng có anh hùng...” phải sống như một thứ thiên thần bụng đói được cúng tế nhưng chỉ hít được hương, ngửi được hoa không ăn được đồ lễ mà cấm chày nước dãi! Gặp lúc đảo lộn bất thường, bọn nhà giáo tìm đâu ra cơm gạo từ trong ngôi nhà ọp ẹp, tìm đâu ra công việc làm từ một thân xác trống trơn thực tế từ lâu? Thế mà trong cuộc cách mạng này vốn từ lí thuyết là một sự đảo lộn xã hội có căn bản ở sự phát triển kinh tế, lại chuyển nghịch thường qua một sự cố công cùng sức nạo gọt tư tưởng, anh nhà giáo trở thành một nguyên nhân tác hại đào tạo ‘con người cũ’, ‘con người phản động, nô lệ, tay sai...’ Cái tội không nước biển Đông nào rửa sạch, chạy vào chỗ nào, trốn vào chỗ nào? Thói quen, quá khứ đè nặng, sự bất an của con vật-người bị săn đuổi... không cho phép số đông nhà giáo kịp có chút phản ứng nào mà chỉ biết tuân theo, sợ trước cái điều sợ phải xảy đến – hay có thể không xảy đến, trong lúc những người thuộc giới khác hoặc liêu lĩnh phản kháng vượt thoát hoặc tỉnh bơ cười hì hì im lặng, ‘nghe như đế kêu’ để cho mọi sự rồi cũng qua!” Bào chữa như thế nhưng thấy thái độ cuống quýt của anh, và cũng mắc nạn ít lần vì sự cuống quýt ấy, tôi cũng phải bực mình nhờ người khác nhắc anh: “Làm người nhát sợ thì cũng có thể coi là bình thường, nhưng đừng làm người nhát sợ nhất thế giới!”

Lệnh thứ hai là giết gà vịt. Điều này thì quá khả năng thực hiện của anh khối trưởng dù anh cuống quýt đến là tội nghiệp. Anh chỉ có thể dỡ các chuồng rải rác ngoài sân, ngoài hàng rào nhưng không thể ném đi các hộp, các lồng bên chỗ nằm, trong hè chái và nhất là không thể bắt gà ra vật lông! Lệnh bị giằng co khá lâu. Nó trở thành một trò chơi cút bắt với quản giáo của một đám nguy đang quá rảnh việc. Tất nhiên những kẻ nhát gan tỏ ra ngoan ngoãn trước hết. Nhưng phần lớn là tìm cách giấu. Sự việc cũng khá dễ dàng trong lúc người ta làm việc một cách cục bộ. Cùng ở một L mà T này cấm T kia không cấm – hay chưa cấm. Nên gà vịt bên này hàng rào run sợ thì ở bên kia chúng đua nhau quang quác như chọc tức “chính quyền”. Cũng có thể giấu ngay trong T bằng cách bỏ chúng nhét vào các gầm xe cũ đang nằm ụ ở một khu riêng. Lỡ bị khám phá thì “xù”. Ăn gian không được thì bỏ. Có anh cột gà bo vào giỏ để ngay đầu chỗ nằm trong lúc ngoài sân có kiểm nghiệm, quản giáo và vệ binh đang lùng sục, chú gà chắc là bị ngộp quá bỗng vùng

lên la! Cứ la đi rồi sẽ được giải thoát! Anh chủ hoảng quá bèn vặn cổ gà ngay. Có cả một bầy gà con bỏ vào thùng đạn đại liên đây kín lại, lúc xong việc mở ra thì thấy im lìm...

Quản giáo nhần: “Cái thời các anh nuôi gà vịt bán lấy lời đã qua rồi. Mau thịt chúng đi!” Quả thực từng có điều đó. Nhiều người khá dư tiền – nhất là tiền từ đánh bạc, nên lòng sục mua gà vịt với giá cao để nấu nồi cháo khuya. Thường thường thì với giá trung bình chênh lệch với bên ngoài 10, 15 đồng cũng có người bắt ngay. Gà không được phép nuôi thì chuyển từ ngoài vào qua các người vợ bộ đội bán cho tù nhân làm tạp dịch quanh đấy. Nhưng cũng có người mát tay nuôi hết lứa này đến lứa khác, bán gởi tiền về nhà và gởi luôn cả con gà mái già rụng lông nữa! Con càn... gà qua đi, gà tản cư trở về lớn lên, giá còn cao hơn nữa để những tay nhát gan tiếc hùi hụi. Cũng có người làm-giá quá, lại gặp con càn quyết liệt cuối cùng, trong một ngày xuống giá vài ba lần cũng không tìm được khách đành đem ra làm thịt.

Trận càn cuối cùng ấy xảy ra vào khoảng tháng 10 khi lời đồn về việc di chuyển đã càng rõ rệt. Đã nói tin tức di chuyển tiết lộ từ những quản giáo có đệ tử gò vali, vật dụng riêng. Cho nên cứ vào đêm, thấy mặt tên cần vụ ấy mang dụng cụ chôn giấu, cột cả đám nồi niêu soong chảo thả xuống giếng là chúng tôi biết hôm sau có kiểm nghiệm, có bố ráp. Tin di chuyển nói rằng chỗ chúng tôi sẽ dành cho một trung tâm huấn luyện, một căn cứ hoả tiễn bảo vệ Sài Gòn. Chúng tôi sẽ được giao cho Công an quản lý để bộ đội rảnh tay đánh giặc. Một thợ gò nổi danh thân cận với quản giáo về rỉ tai anh em: quản giáo cho biết có dự tính dời đi. “Đất của huyện Hóc Môn đòi thì phải trả, nhưng có trả cũng còn lâu!” Chúng tôi cho rằng đó là một cách bắn tin để đánh tan lời đồn di chuyển chúng tôi đã vọng lên tới họ.

Song dù có giấu diếm thì công việc sửa soạn của chính họ cũng không tránh khỏi tiết lộ ý định. Ở với nhau ba năm quen quá nhiều rồi mà! Đang chia đất từng khu để trồng rau theo đội, tổ bỗng nhiên có lệnh cuốc hết lên vun trồng khoai lang. Dây giống bứt ngang từ các giồng tư, thiếu thì mua từ ngoài vào. Nghe nói tiền giống khá mắc. Thôi rồi, đây là cách sử dụng đất không cần người chăm sóc thường xuyên nữa. Hãy chuẩn bị mà đi thôi!

Các đồng dép râu, thứ được phát, thứ tự tạo, thứ mua từ ngoài vào bỏ đến mốc thếch nay đem ra o bế lại, đồn dây thành đôi. Các bao cát lồi ra, các bao bột mì từ đâu đưa về đối nhau được đem tháo tung, đánh sợi làm vũng. Sân bóng chuyền bên cạnh hội trường thấy bày ra cảnh vui mắt: Người xe dây bằng xa-quạt năm, ba sợi một lúc, hiên ngang ồ ạt với kẻ căng người kéo, kẻ xe từng sợi một với cái vòng lượn từ một bộ phận cơ khí nào đó, từng sợi khiêm tốn, thấp thỏi sát đất, chậm chạp một mình...

Chuẩn bị lên rừng mà!

Ngày đi gần kề cũng được nghe đồn đãi. Một buổi sáng thượng tuần tháng 10 có lệnh tập hợp với đủ đồ đạc mang theo. Trời kêu ai nấy dạ, Đảng kêu ai nấy “có mặt!” Chỗ nằm của người đi chưa ai buồn đẩy tấm ván của mình nhích ra một chút. Như bầy gà quáng lúc chạng vạng thấy mình ngo ngác.

Chẳng ai chơi bóng ngoài sân. Và hét mãi cũng không ai ra tập thể dục. Ngay cả cờ bạc cũng chẳng mấy người hưởng ứng. Chỉ còn độc cái món domino và mạt chược như tiêu biểu cho hai khuynh hướng ồn ào đồn dập và trịnh trọng từ tốn, co rút được trong căn phòng chật hẹp.

Những người quản giáo vẫn tìm cách ngọt ngào bình tĩnh để trấn an nhưng chính sách thay đổi đã hiện rõ rồi. Cái thế đối kháng có tính chất tập thể trong những ngày nhộn nhịp người về đã dịu đi nay nổi lên trở lại. Tất nhiên ở bọn người yếu thế thì nó chỉ có tính cách tiêu cực. Có “ban nhạc” lưu động thành lập để đàn hát theo ý thích – tất nhiên là không có bài “Như có Bác Hồ...” Hình như ban đầu chỉ là một trong những nhóm tập hợp đêm đêm uống cà phê, chè cháo rồi xoay qua hát xướng. Nhưng sau nhóm lớn dần, vững chắc hơn nên được các khối, đội mời biểu diễn uống trà, ăn kẹo. Nổi hứng lên và gặp chỗ hơi xa trung đoàn một chút thì cũng có nhảy nhót, đâm đĩa. Tất nhiên ồn ào như vậy thì bị dập tắt không mấy chốc. Hăm he, ruồng duỗi liên tiếp thì xong ngay!

Dễ dàng hơn là các ban vọng cổ. Có vẻ cái mác “dân tộc” của vọng cổ cũng là lá bùa hiệu nghiệm, không thể chụp cho nó cái mũ ngoại lai, đòi truy được. Nhưng cái giọng ảo não sầu bi của nó thì cũng có thể bị kết vào tội tiêu

cực, bạc nhược làm suy yếu tinh thần dân tộc, cản trở bước đường tươi vui thẳng tiến phải có của tương lai xã hội chủ nghĩa. Đó là điều người ta viện dẫn để không công nhận vị thế cải lương trong dân tộc trong một đại hội văn nghệ họp ở Việt Bắc, nghĩa là một nơi rất xa xứ sở cải lương để phán đoán trở thành quyết định. Thế nhưng cũng may nhờ cái bùa-chữ “dân tộc” mà cải lương – thêm tinh thần địa phương ủng hộ, lại tìm được chỗ đứng hiên ngang trong chế độ mới, được nhà nước ủng hộ, cho lập tường bản, tạo thành thói quen thưởng thức ở người muốn tìm một thứ hương xa trong một khung cảnh bịt bùng kiến thức, tâm tình: Anh bộ đội mang cái đài đầu tiên trong đời, nghênh ngang vắn to bài cải lương vọng cổ cho cả người đi đường nghe, anh công an quản giáo thăm tù nhân của mình, yêu cầu: “Anh nào biết vọng cổ, ca chơi!” Cái uỷ mị suýt soát mang lột dân tộc nên trở thành một thứ được ham thích không sợ một cuộc truy quét văn hoá đời truy nào hết. Ca nhạc kể chuyện chiến đấu lao động chỉ có cái vỏ lao động chứ vẫn là con đẻ của lối đặt lời nhun nhị kéo dài từ một bản tân nhạc của thời cũ. Nhưng chính vì sự hoà hợp ấy của vọng cổ mới mà nó con được bọn nguy vốn chẳng khi nào hát “Vàm Cỏ Đông” tân nhạc – trừ khi biểu diễn ở hội trường, lại có thể ngân nga chuyện cô giao liên bằng vọng cổ. Sự quy phục ấy giải thích tại sao các nhóm vọng cổ có thể dàn ra giữa sân với thuốc Lào, trà tàu kéo dài đến tận giờ ngủ, hay có khi nán lại với một vài người ri rí khe khẽ đến hồi trăng lặn!

Kín đáo, lâu dài hơn sự phản kháng thế tục trên là tập hợp của các nhóm tôn giáo. Thật ra là Thiên Chúa Giáo – với Công Giáo đóng vai trò chính. Trong trại cũng có vài nhà sư. Tôi vốn có cảm tình với sư tăng, có lẽ vì thái độ ngông nghênh đặc thắng của Công Giáo thời cũ, nhưng phần lớn lại có vẻ vì kỉ niệm thời tuổi thơ đánh cờ với ông sư chùa làng, được thua gì cũng có chén chè cúng Phật thưởng công giải buồn cho người trụ trì cô đơn thời đạo giáo bị bao vây. Nhưng những nhà sư trong trại không được kiên tín cho lắm vì phần lớn họ là những thanh niên trốn quân dịch đội áo nâu sồng làm tuyên úy. Hay có thể bởi tính chất của đạo mà họ không có quần chúng thúc đẩy, họ phải giấu kín tâm tư, không lộ ra chút gì phản kháng để giữ đạo. Những người Thiên Chúa thì lại khác. Bề ngoài hình như sự phân biệt Tin Lành, Công Giáo lúc này không trở thành quan trọng nữa. Tân ước phổ biến trong

trại có nhiều loại của Tin Lành. Và tôi thấy có tạp chí Tháp Canh (*The Tower*) trong đồng sách của một người Công Giáo. (Anh dạy lý thuyết về Cộng sản ở trường Đại học Chiến tranh Chính trị nên có người nói đùa: “Hắn ta sẽ hoàn thành luận án về phần thực nghiệm còn thiếu trước kia.”) Thiên Chúa Giáo quyến rũ được cả người không đạo. Lễ Noel đầm ấm, trang nghiêm và có tính cách bi thống nữa, từ bên ngoài đã thành cuộc lễ thế tục của người dân Sài Gòn – với người nghèo, trung lưu là một hội lễ, với người giàu là một dịp khoe mẽ, bây giờ ở trong trại trở thành một nhu cầu, một cùng đích lôi cuốn mời gọi giải thoát. Nghe nói có người đã được nhận rửa tội.

Họ tụ tập đọc kinh ở các nơi lưu động. Ban đầu cũng chỉ là những nhóm lẻ tẻ, sau càng đêm càng đông trong đó không thiếu kẻ tò mò thèm trái cấm. Tất nhiên chẳng thể nào không bị lộ. Vệ binh quân giáo úp chụp được một hai người chậm chân, bắt họ làm kiểm điểm. Tất nhiên họ chỉ nhận là những người tham gia vì tò mò. Các cuộc tập hợp đọc kinh ngưng ít ngày rồi lại tiếp tục với chiến thuật họp nhanh rút nhanh.

Nói chung chẳng có sự kiện trầm trọng nào xảy ra trong trại nhưng những người đi hôm thang 10 đã chứng kiến ở nơi mới một cuộc nổi loạn và đàn áp thật sự. Năm ấy trại của họ tổ chức Noel trọng thể – chuyện khó thể có được dưới quyền công an theo kinh nghiệm chúng tôi sau này. Công an ra lệnh cấm nhưng không được. Có lẽ đêm Noel đầu tiên không có giới hạn 3 năm làm mối hi vọng khiến họ trong sào muện, tuyệt vọng đã trở nên cứng cỏi liều lĩnh hơn. Công an mang súng đến giải tán không được liền bắt người dẫn đi. Thế là có cuộc tranh đấu tập thể thực sự: la ó, đập thùng, gõ cây, hưởng ứng ở các trại khác... Súng chĩa vào từ tứ phía, đạn bắn vèo vèo trên đầu... Tù binh đòi thả các bạn, công an dẫn dụ giải tán rồi sẽ thả sau. Cung đã giương thì không thể hạ. Cuối cùng công an thả những người bị bắt trở về, tù binh hết mục đích tranh đấu cũng giải tán.

Nhưng tất nhiên chuyện chưa hết. Công an triệu tập được đám ăngten báo cáo từng tên chủ động – thường là bất chợt tại chỗ, của cuộc tranh đấu đó. Độ vài chục người về nằm khám Chí Hoà chen chúc trên bề ngang bốn tắc vuông gạch. Những người các trại đối nhau, dòi đi xa. Câu chuyện ròi ròi vào quên lãng, với tôi con là chuyện một anh bạn được mệnh danh “trường lưới”,

bị cái mũ sắt đập vào đầu, tất nhiên là không biết của ai!

Một khía cạnh khác nổi lên, chuyện khá dễ mà ít ai nghĩ đến trong thời gian còn hi vọng mang túi xách đi thẳng ra cổng chính: chuyện trốn trại. Hình như từ vụ trốn trại 1975 cho đến hai năm sau không có vụ trốn trại nào khác – ít ra là của T5. Người từ Long Khánh về đây trốn trại là một sĩ quan Thủy quân Lục chiến, còn trẻ và vì thành phần binh chủng xuất thân nên khá hung hăng, xốc nổi và ít chịu ràng buộc. Ở Long Khánh anh đánh lộn với một người bạn, bị phạt mang hai tấm PSP bắt cầu qua mương nên có biệt danh là “X. Cầu Mương”. Về Hóc Môn, một lúc thiếu củi nhiều người hòa nhau lôi các khúc gỗ làm kệ ngồi ở hội trường về chụm, anh tham lam, lì lợm khuôn nhiều nên chậm chân bị bắt. Phải kiểm điểm một ngày, buổi tối anh thản nhiên vác balô ra đi. Một anh bạn khác thuộc loại tiếng đồn ăngten, tối nào cũng nhâm nhi cà phê, trốn vào một lúc gần sáng, sau này nghe có người thăm nuôi vào nói: “Thấy thằng X đứng chợ trời Huỳnh Thúc Kháng!”

Thực ra, như tên gọi Thành Ông Năm, khu đất thật sát với nhà dân. Dấu tích Bộ chỉ huy của viên trung tá thời Tây là những căn nhà ngói bây giờ thuộc Bộ chỉ huy L19. Phần của Liên đoàn 5 Công binh cũ còn dấu vết ở T5 chúng tôi ở. Chung quanh là một bức tường đất thấp có hàng rào dây kẽm gai thưa thưa, đứng bên trong nhìn ra thấy được đường đi, vườn, nhà đất. Từ chỗ bếp nấu của chúng tôi, quan sát động tĩnh, vụt ra đến mười bước là có thể lẫn đến mô đất, chạy sấn cũng mười bước chui vào vườn khoai mì rậm lá, men theo dây tầm vông ra quốc lộ đón xe xuôi ngược là tha hồ...

Thật ra việc di chuyển ban đêm trong trại cũng từng có lệnh cấm. Nghe nói ở T2 bắt buộc ai đi tiêu tiểu đều phải lên tiếng: “Báo cáo anh gác, tôi đi đại... tôi đi ỉa!” Câu trên được thi hành đúng nguyên văn, chỉ khác có cách ngắt quãng: “Báo cáo anh, gác tôi đi đại... gác tôi đi ỉa!” Nhưng suốt thời gian chúng tôi ở T5, việc đi cầu – ở một khu vực riêng sát hàng rào, không cần phải trình báo lời thôi gì cả. Trái lại còn có tên biếng nhác ngại đi xa, phệt ngay góc hè cho tiện! Cho nên sự vượt trại có thể nói là tương đối dễ dàng. Cái giữ chúng tôi lại chính là bản tính ngại khó từ trước, sự uể oải biếng lười của cuộc sống thung dung trong trại – cuộc sống vừa đủ no để khỏi bất mãn, nổi loạn, cuộc sống cho hé mở thấy sự khó khăn bên ngoài để chùng bước phiêu lưu.

Cái giữ chúng tôi lại là niềm hi vọng được mang túi xách ra về, tuy hồn xác uế oải, rã rời nhưng còn tin là được tự do, khỏi chui nhủi trốn tránh.

Niềm hi vọng ấy dứt đi sau ba năm, sau những chuyển dời đổi. Sự biếng nhác dằng dai đã thành thói nên phản ứng tích cực thật không nhiều – nếu không nói là ít. Nhưng lẻ tẻ những vụ trốn trại cũng khiến cho những người canh giữ chúng tôi phải tìm cách đề phòng. Đầu tiên là việc dời cau tiêu vào đến sát khu trại ở, không đặt ngoài hàng rào như trước nữa. Các thùng phuy được cắt làm đôi, để trong conex có đà gác lên trên. Lúc thùng đầy thì hai người được cắt, xỏ đòn vào quai sắt làm sẵn đem đi đổ.

Chúng tôi gọi là “đi Apollo”.

Câu chuyện tìm ngữ nguyên thật là lí thú. Từ “bo bo” soạn đoạt địa vị của kiều mạch, không phải vì ý thức khôi hài mà chắc vì người ta hô hào trồng bo bo, nói nhiều đến bo bo như một thứ lương thực thay cho gạo. Các lon nhôm có tên một hiệu sữa, vì gọn nhẹ, kín và sạch nữa nên trở thành thông dụng để chuyển gỏi và giữ gìn đồ ăn ướt khô đủ cả. Chữ Guigoz được nói gọn là “gô” lại tổng quát hoá lại thành thứ hộp bằng kim khí hình viên trụ, có nắp hay không. Bây giờ lại tới “apollo”. Một chuyến đổ thùng được ví von nên thơ là một “phi vụ”. Nhưng chất thơ chắc không đánh bật được mùi hôi nồng nặc, không che lấp được bầu dòi loi nhoi, lúc nhúc lan ra bên ngoài thành thùng, rớt lộp độp dưới đất. Nhưng dù sao sự đùa bỡn – trước và sau lúc “bay”, cũng khiến người ta mạnh dạn thi hành công tác để rồi sau vài lần sẽ thấy là tự nhiên. Tuy nhiên cái thắc mắc là sự chọn lựa cái tên cho chương trình, kế hoạch dài ngày này.

Ghét hay là ưa thì cũng bảo đấy là vết tích của quá khứ gọi lại một thời có cuộc chạy đua lên mặt trăng. Nhưng những người “luyện tiếc quá khứ” ấy có điều hãnh diện là không chọn Lunakhốt, Xoidu. Xa lạ quá, không quen biết đã đành. Apollo gần gũi, thân mật, dễ trêu chọc và nằm trong tuyến thống không sợ bị kị huý, chứ không như ông bạn mới vĩ đại nghiêm túc đến găm gù.

Cầu vào gần nhà thì ruồi càng nhiều. Không hề gì. Có anh bạn đi cầu, ngồi quan sát thật lâu cái tư thái của con chuột vò từng viên... ném vào miệng,

rung rung sợi râu đặc chí. Về phòng anh ta la lên là từ rày về sau không dám bẫy chuột để ăn nữa. Không hề gì, ít thầy đầy đây. Con chuột đó không chui vào bẫy anh thì vào bẫy bạn, cũng xong thôi! Muốn bắt ruồi thì phải diệt trừ tận gốc, nghĩa là diệt dòi. Hãy làm cái lưới vục vào thùng cầu, đem ra lac lắc ở các vũng nước để còn lại tuyến là dòi rồi cho gà, cho vịt ăn, nhất cử tam tứ tiện. Qua cái máy lọc của bao tử gà vịt, cũng như qua bộ rễ rau muống, cắt trở thành món ăn cho người, có dòi nhồi lên tận mắt gà hay có chút gì vàng vàng bám vào ngách lá rau cũng chẳng hề gì. Còn hơn là tiêu thụ trực tiếp như con chuột kia.

Phần đất dọc theo hàng rào được đào thành hào rộng cả hàng mười thước, sâu lút đầu. Chẳng sao, cái vòng di chuyển có hẹp thêm vài bước cũng còn rộng chán. Nhưng cái tức cười nằm ở việc suy đoán của người đặt kế hoạch ngăn tù vượt ngục: Chắc anh ta tưởng tên tù trốn trại rơi xuống cái hào ấy sẽ không nơi bám víu rồi cứ trèo lên tụt xuống như con cóc con ếch trong chậu chờ anh vệ binh sáng mai đến lượm về bỏ vào giỏ conex? Hào đào được một khoảng khá dài thì có tên chơi trò thách đố: Hẩn trốn trại. Vượt ngay nơi góc T5 và T6, hẩn ta đã tỏ ra am hiểu chiến thuật truyền thống, xài đúng vị trí biên khu nhập nhằng giữa hai khu vực trách nhiệm để thành công!

Hào đào chưa xong nên chúng tôi chưa rõ hiệu quả tối đa của nó nhưng vụ trốn trại báo hiệu một điều khác, là người ấy biết sẽ ra đi trong toán chúng tôi.

Trong Vòng Tay “Công Cụ Vô Sản Chuyên Chính”

(Bản thảo không có mục này. Ý định cắt là từ 1994 ở Oklahoma City khi nhận được bản in. Để bớt lệch quân bình của quyển sách, đúng với hai giai đoạn ở tù khác nhau. Lúc viết bản thảo, theo đà, quên mất điều này.)

Ngày gần cuối năm, tin đồn càng có vẻ vững chắc. Giữa tháng Giêng 79, chúng tôi biết mình phải ra đi. Gà vịt vốn đã vắng bóng từ lâu nên không có chuyện làm thịt ăn cho kì hết nữa. Chỉ có mấy giò lang cụt ngùn ở mé rào được moi lên. Và moi những giò lang tập thể, ở những chỗ đất nứt. Khởi

mất công tìm kiếm. Cũng chẳng ai rầy ra gì nhau. Biết ai đi ai ở mà giành giữ để ăn? Tôi có dây mì trồng lẫn cỏ giữa mái nhà kẽm gai đã có củ khá lớn nhưng không nhổ. Một người ra về thành thạo nhắc: “Này, đào lên đi, mai đã ròi Hóc Môn rồi đấy!” Chẳng có gì để thèm thuồng hay tiếc rẻ công lao.

Trồng ở đây để mỗi bữa chen vào cái bụng, lấp lỗ trống của miếng bột quá mỏng chứ thích thú gì mà ăn!

Không bồn chồn cuống quýt như nhiều người khác, tôi vẫn có một chút xao xuyến trong lòng. Cuộc đời đầy bất trắc đã trôi qua từ tháng 6-75, có gần hai năm ở sát Sài Gòn dù sao cũng là những ngày thung dung trong lòng. “Khoanh tay...” như Tạ Kí nói là nhìn nhận bất lực, nhưng được khoanh tay cũng là điều may. Tuy nhiên một chút bồi hồi không lộ ra cũng làm anh em ngạc nhiên. Tôi phải bào chữa: “Bối rối là khi ở thể phân vân chứ còn tôi đã đặt lên giàn phóng rồi thì còn có gì phải lo lắng nữa đâu!” Tôi biết mình thuộc những người đi vì một phát giác tình cờ. Những người đi làm ở trung đoàn trong khi quét dọn vườn tược đã bắt gặp một danh sách của những người đi đợt trước. Danh sách có kèm theo nhận xét của trung đoàn về những người được nêu. Có loại nhận xét như là chép nguyên văn từ một tên ăngten nào đó: “Nóng nảy lúc chơi cờ.” Trong bảng phong thần đó có tên tôi với nhận xét: “Kín đáo.” Chẳng hiểu tại sao lại là “kín đáo” trong lúc tôi ăn nói oang oang như thói quen thường ngày không bỏ được. Có vẻ người giám sát đã không cho đấy là bản tính của tôi mà lại nghĩ rằng đó là một lối giả vờ thần tình. Cảm ơn về sự coi trọng. Cũng chẳng hiểu tại sao tôi không đi vào hồi tháng 10 năm trước. Chỉ biết chắc rằng ngày mai sẽ phải đi.

Nhưng ngày mai không có xe tới. Và lệnh chờ đợi không cần giấu diếm gì nữa. Khăn gói đã sẵn sàng. Có người thà nằm lăn dưới đất, trên sàn xi măng còn hơn là mở chiếu ra. Có những tiếng cười ồ – rồn rảng nữa, nhưng khi dứt thì không còn chút dư vang. Tiếng cười như chặt vào không gian chứ không tuôn vào đấy. Đứng ngồi nhấp nhồm, và tin tức có phần bi quan hơn lần người đi trước. Trung đoàn đã cho làm sẵn 200 ổ bánh mì, phát mỗi người 3 bánh, nghĩa là ít ra cũng gần hai ngày một đêm trên đường di chuyển. Không biết hồi ấy có ai nghĩ đến con đường lên cao nguyên hay không – chắc không, nhưng tương lai quả là không sáng sủa.

Chuyện buổi sáng ngồi nghe kêu tên không cần phải nói. Chuyện di chuyển ra ngoài bãi đậu xe, ồn ào chen chúc, mồ hôi nhễ nhại, cái cực khổ của phút lên đường sau ba năm tà tà cũng chẳng cần phải nói. Chuyện đáng nhớ đầu tiên là quản giáo lục lợi đồ dùng hơi kĩ, tịch thu nhiều thứ có vẻ khá vô lí từ cái vớng đến quyển sách, tiểu thuyết “Cách mạng”, “xã hội chủ nghĩa”, tiếng Nga... Một cú vơ vét chợ chiều. Một vệ binh nhìn được người đồng hương chờ đợi: “Anh cũng phải đi ư?” Tiếng kêu giật mình nho nhỏ ấy nói lên trước số phận của chúng tôi.

Mấy cây gậy gộc dùng làm đòn gánh cũng phải vứt lại. Tôi nhớ lại chuyện kể hồi hai năm trước.. Đợt người ở Cà Tum về tháng 3-77, có một toán được giao cho Công an. Quen với cung cách luộm thuộm, xuề xòa của quân quản, người cải tạo thấy điếng hồn trước sự trình diễn uy hiếp của công an. Họ ẩn kín trong bìa rừng, chờ đám cải tạo đến mới tràn ra, một loạt màu vàng đất đặng đặng sát khí. Và hành động đầu tiên là chụp các cây đòn gánh ném đi. Y như chúng tôi lúc này. và chúng tôi lúc này cũng y như người trước, chen chúc trong các xe buýt bùng, có tấm bùng phía sau với một nửa chấn song dựng bên trên, có móc xích khoá chặt. Không biết có phải nên nhớ tới mấy chiếc xe chở tội nhân trong phim, mấy cái chuồng cọp của những người nhân đạo la ó, hay giản dị hơn, nhớ mấy chiếc xe chở bò heo chạy dọc đường số 4 với cái khác chút ít là lúc đó tôi lại ngồi trong quán bình thân ngược nhìn chúng đi qua? Nhưng heo hay bò chen chúc nhau còn có chỗ đặt chân. Đàng này một nửa xe là đồ đạc nằm dưới sàn, chưa kể cái thùng tiêu tiêu có nắp nằm góc ngoài. Khoảng trống còn lại dành cho hơn 40 người (?) Mồ hôi chảy ra. Chỉ khoảng thời gian vài tiếng đồng hồ chờ đợi mà mỗi người đã tiêu thụ gần hết phần nước dự trữ của mình. Tha hồ uống nhưng chỉ lúc đầu. Về sau thì xin nước và cho nước đều xảy ra chuyện giằng co.

Xe chuyển bánh khi mặt trời xế bóng. Xe bon bon trên xa lộ trong khoảng không gian ngút ngàn bởi tâm hồn hư ruỗng, nhìn thấy cảnh trời lãng đãng, chập chờn, vô định. Lại Hồ Nai, lại Trảng Bom. Lại Long Khánh với rừng cao su úp chụp vây quanh, nhưng xe không dừng lại. Dù sao cũng xin gửi một lời chào!

Đã bắt đầu có những thì thầm bàn tán về nơi đến. Tuy đã mang đến ba ô

bánh mì cho ba bữa ăn mà có người vẫn hi vọng là chỉ đến Hàm Tân – nghe đâu như là của toán đi trước. Tôi đã chỉ cho mọi người con đường nhựa rẽ xuống Bình Tuy, con đường đất xuống Hàm Tân và ngọn Trà Cú u linh với một lần nào cái đạo Thầy Thím ở đó mời gọi mà tôi “kiêu ngạo” không thèm tới!

Xe đến Phan Thiết. Vừa đủ buổi chiều còn ánh sáng để nhận được mặt cảnh cũ – mà không thấy người xưa. Không cả cây đào cười mếu đón những ngày cuối năm lên đèn chỉ vừa sáu năm mà như xa lắc xa lơ. Cảnh không được nhìn theo cách bình thường mà theo chiều hướng viễn cảnh mau tan biến: Chỉ có thể nhìn qua khung song sắt phía sau để thấy người đi giật lùi, thật lạ đến không kịp nhìn rõ mặt. Cổng chữ Y chỉ còn dấu cát – nhà còn đó nhưng các khối gạch gần với cát hơn với người. Phía phi trường vắng lặng. Mồ mả đã chiến thắng chặt vật nhưng chiến thắng thật sự sau những năm tháng vùng đồi-nghĩa trang-thành phố này bị đồn, trại, sân bay, xe cộ tràn lấn. Sự sống chận cái chết không thành thì hoàn cảnh xui tôi trở về trong buổi hoàng hôn âm khí nặng nề này tuy có làm tâm hồn xúc động nhưng không gây nổi phản ứng nào mà chỉ còn là sự chịu đựng cam go.

Xe đi qua cầu Trần Hưng Đạo. Người đông cũng như những buổi chiều cũ. Chỉ thiếu chiếc honda chạy vòng lên vòng xuống, lồng lộn, có vẻ tự do nhưng vẫn là dấu hiệu bất lực không chấp nổi đôi cánh ước mơ. Ấy thế mà bây giờ, cảnh đã không có, chân lại tê chồn, không khí thờ thiếu đến muốn đổi lấy hơi mát lan vào thì phải dùng hai cánh tay níu song sắt, chân bám vào thành xe bằng các đầu ngón, người rã rời để chỉ sau vài phút đầu là phải tự hỏi chút không khí trong lành ấy có đáng để đem thân xác ra hành hạ không?

Chắc không ai dưới đường nhìn lên chúng tôi. Người qua lại đối với chúng tôi vẫn chỉ như trong phim ảnh. Thế mà ở tôi vẫn có một khát khao vô lí đến lạ lùng là muốn nhìn ra trong cảnh mập mờ chạng vạng ấy, trong cảnh lắt lư ấy một hình bóng quen thuộc. Không chờ người ta nhận mặt để kêu lên. Chỉ mong một mình nhận ra, để thấy lòng mình ấm áp. Cái thú tình yêu đơn phương bi đát hơn tình trai gái ấy sao mà đến tuyệt vọng. Phan Thiết! Người không biết tôi buổi chiều hôm ấy đã đi qua! Cho nên không cần từ già. Chiếc xe lôi tôi đi. Khoảng cách ngăn chúng ta. Bóng tối, thời gian hòa vào che

khuất chúng ta.

Đêm kéo dài trên quốc lộ 1 của hôm ấy không còn gì để gọi nhớ. Chỉ có mịt mù và mịt mù. Có nhớ mang máng đến khúc đường mới qua Ninh Hoà mà không xuống thành phố Nha Trang. Có nhớ đến hàng cây, hàng nhà tôn im lìm bên bờ cát Đại Lãnh trong khung cảnh trời mờ sáng. Trời đất, đồng ruộng, con người rõ rệt khi xe đổ vào địa phận Phú Yên. Và nổi lên lời phỏng đoán của anh phi công chánh gốc xứ này: “Có lẽ mình lên A30.” Nhưng xe cứ bon bon chạy dọc quốc lộ ra hướng bắc.

Xe qua cầu Đà Rằng. Cũng lại chút kỉ niệm gọi nhớ. Con đường đi qua, ngã nào là ngã rẽ vào Phước Bình nơi các bạn dẫn tôi đi tìm tiền điều năm xưa? Con đường qua các vùng đất cháy mang đầy thương tích chiến tranh, dẫn tới khu xóm yên vang chỉ có vài người đàn bà, một ông già chuyển một lời nói qua một thi sĩ thành câu tự hào: “Làng mạc còn riêng có lũ quạ.” Không biết ở đây có nhà nào còn giữ được râu tiền cổ, có người nào đào mương lấy được tiền xưa cất giấu để chờ làm vui lòng khách tò mò năm xưa không? Câu chuyện còn phảng phất bên tai, trong không khí ban mai mát lạnh, của chỉ một người.

Thành phố Tuy Hoà vẫn còn đấy nhưng chắc nhiều người đã đi xa. Trong đó có một người tôi không muốn tưởng nổi khuôn mặt vì chỉ gặp qua ban đêm, buổi tối mời tôi ăn cháo khuya trong chuyến săn tiền điều. Anh có tên họ như một văn sĩ tiền chiến, là dân biểu thuộc khối Đối lập của Hạ nghị viện Miền Nam, và cũng là dân biểu cũ độc nhất trong Quốc hội thống nhất 1976. Không phải là một sự kiện phá bỏ nguyên tắc giai cấp đấu tranh, chịu ngồi chung với “bọn bán nước”. Nghe nói anh có người cha – hay bà con, tập kết, chuyện cũng là thường ở xứ này thôi – đã móc nối từ trước. Lại cũng là chuyện thường nếu có sự nhiệt thành ở người cựu giáo sư lí hoá này đã hằng hái tưởng là mình phải tham gia Cách mạng cho đúng với lí tưởng của tuổi trẻ, cho đúng với xu thế phải có của tương lai. Báo *Tin Sáng* có một mảnh gói bọc quà đưa vào trại thuật chuyện anh tham gia cướp chính quyền ở Mỹ Tho. Nhiệt tình có đấy nhưng không chắc sự việc đã lớn lao hơn nhiệt tình tô vẽ của anh thợ viết. Dù sao cũng là có một chút tin cậy để người ta mở cửa Quốc hội mới đón người đại biểu ở Quốc hội nguy cũ ấy vào. Chẳng có gì nguy hại

cho chế độ mới lắm mà còn được tiếng là bao dung, tập hợp rộng rãi được nhiều thành phần xã hội. (Cũng như chẳng có gì đáng mỉa mai hay gây nguy hại khi đăng tấm ảnh Đại hội Mặt trận Tổ quốc với lời chú thích: “Các sĩ quan nguy yêu nước (?) tham dự Đại hội.”)

Và chỉ có tính chất lí tưởng tiềm tàng sôi sục ấy mới cắt nghĩa được sự “trở cò” của anh. Chỉ có tôi là bị tên tò. Hôm về nhà, nhân nhắc đến Nguyễn Công Hoan, một người nào đó đã suyt... suyt: “Đừng nói! Y đi rồi. Và tuyên bố” ‘Ở Quốc hội mới tôi chỉ có hai quyền vỗ tay và nói tiếng nhất trí thôi.’ Và y dẫn dân di tản đi biểu tình đòi hỏi nhân quyền ở Việt Nam...” Thôi cung là kỉ niệm, dù của một đêm bỏ ngõ dưới ánh đèn dầu buổi cúp điện ở ngoại ô Tuy Hoà.

Xe đi qua thành phố một chút thì ngừng lại cho tài xế nghỉ xả hơi. Chúng tôi vẫn ở trong chuồng. Người ta đã dùng chữ “chiến dịch” để chỉ cuộc chuyển tù. “Trong chiến dịch này, các anh phải tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của ban chỉ huy hành quân.” Người đi lại trên đường buổi sáng cũng đã khá đông. Xe chúng tôi rõ ràng là xe hàng đã bị trưng dụng vì cách ngồi nghỉ phân biệt được người mới, cũ. Tài xế, lơ xe ngồi lẩn lóc, bộ đội ngồi chum nhum kiểu nước lụt.

Gần đấy hình như có công trường. Chúng tôi tò mò ngấm nhìn những người đàn bà con gái lẫn thùng phuy, khiêng cái gì bây giờ không nhớ rõ, lặng lẽ, không có tiếng nói tiếng cười. Cái thói quen mà người ta gọi là “truyền thống” cần cù hay là sự thất vọng nào nê? Dù thế nào thì quả chẳng có dấu vết của điều ca tụng tính chất “hồ hởi” của những người đang làm việc “quang vinh”. Một người đàn ông cụt chân đi lần đến chỗ đám tài xế, bộ đội ngồi, miệng la lối những gì không rõ. Anh ta cứ quanh quẩn bên xe chúng tôi lăm bằm, sừng sộ. Đám người ngồi vẫn yên lặng cho đến khi một quân giáo lưng giắt súng lục đến quát đuổi anh ta đi. Chúng tôi nghe loáng thoáng một người địa phương nói to: “Hắn ta là thương binh nguy.” Anh ta chắc biết những người trong chuồng là ai. Anh có sừng sộ vì chúng tôi không? Chẳng biết, nhưng cứ hi vọng điều phỏng đoán ấy là đúng để cảm thấy lòng ấm áp vì tình đồng đội đã đậm nét lên trong sự tan nát đổ vỡ chung.

Xe lại chuyển bánh. Có cái may là trong chúng tôi không ai ỉa đái gì cả. Có lẽ vì lối sống trong hộp tuy ngăn ngủi nhưng cũng đã quen. Có thể là ban ngày ban mặt sự mắc cỡ tự nhiên cũng kèm hăm được những rối loạn tiêu hoá. Đêm hôm qua mới thật là khổ. Co anh bạn đau bụng suốt đêm. Không ai dám để anh đi tiêu trong cái thùng nơi góc. Thùng xe có một chỗ ván mục đậy, mọi người kêu nhau đến tiêu tiểu nơi ấy. Mà mỗi lúc có người đến “lỗ hăm cầu” thì thật là khổ: Hắn ta vet những người khác – cũng chỉ có thể nghiêng mình một chút mà không xê dịch, hai ba người ngồi chỗ lỗ cầu trong đó có tôi, phải nhóm dậy nhường chỗ, chân đứng cheo leo trên các gói đồ đạc, tay bám chắc vào thành xe nghiêng ngả, nóng ruột chờ người kia làm xong nhiệm vụ. Cái anh bạn đau tiêu chảy kinh niên, rên rĩ, than thở, cầu nhàu mãi về cái bụng tối dạ của mình. Một anh bạn người Hoa cứ rên rĩ vì “mắc đái”. “Thì đái đi!”, anh em la len. “Nhưng ngộ lái không lược.” “Xỏ cu vào song sắt mà đái xuống đường!” “Ngộ lái không lược. Lông người quá ngộ lái không lược!” Anh em phì cười mà không khỏi tức mình. Xe đi trong buổi sáng dịu mát của trời tháng chạp, cứ bon bon về hướng bắc. Những phỏng đoán về nơi đến lại tung ra. Nhưng lần này lại thiếu vẻ quả quyết vì người ta sợ lời phỏng đoán trở thành sự thật. “Có lẽ phen này ra Cồn Tiên, A Sầu, A Lưới, Khe Sanh...” Mấy cái địa danh khủng khiếp vùng biển lửa. Anh bạn Phú Yên thủ thỉ: “Hi vọng gia đình tôi biết tin. Lúc nãy có người anh họ đi ngang, tôi không kêu được...” Hi vọng thật mỏng manh vì có gì làm anh ta nhìn qua khung chắn song mà nhận ra được con vật quen thuộc của bầy thú hỗn độn khuất trong bóng xe?

Qua đèo Cù Mông. Bao nhiêu lần qua tôi đã ghi nhận tính chất cũ xưa của con đèo này. Không phải chỉ là ấn tượng mà những diễn tả của sách sử đã cho tôi ý nghĩ như thế.

Đèo là một con dốc dài chỉ có một đoạn ngoằn ngoèo nơi đỉnh phía bắc. Tính chất đó làm tôi nghĩ – hơi méo mó nghề nghiệp, rằng con đường từ xưa chắc không khác lối, và tất nhiên nay đã mở rộng ra. Là đường đeo nhưng hai bên vẫn có người cuốc bộ. Bước chân nào của họ đạp lên vết của người xưa?

Dưới dốc phía Bắc đã là của xứ sở quen thuộc. Quen thuộc gần cận là mấy cái làng bắt đầu bằng chữ Phú, những làng ồn ào tấp nập của một thời

Sư đoàn 22 đóng quân, nơi có trại giam tù binh Việt cộng, mỗi ngày chi phí 1 đôla, có lính Mỹ trông coi thật kỹ một cách khá đẽ vưng để hi vọng các người của họ bị tù ở phương Bắc cũng được đối xử tương ứng. Lầu Năm Góc và Nhà Trắng chắc không nghe được lời thề quyết tâm của một tên nguỵ trẻ: “Tao có con nhứt định cho nó đi lính thuộc phe xã hội chủ nghĩa.” Chuyện chưa xảy ra hay chưa nghe nói về trường hợp bị phe xã hội chủ nghĩa “phản cách mạng” bắt, Pol Pot hay Đặng Tiểu Bình chẳng hạn.

Các làng Phú Tài, Phú Thạnh ấy tôi biết từ khi còn là những dãy nhà lụp xụp tôi thoáng thấy mỗi khi đi tắm sông, leo lên bờ hướng về phía đó, nhìn các luồng khói trong núi bốc lên, của những người đốt than gánh xuống chợ Cây Gia bán. Không có gì gọi cho tôi chú ý nơi họ ngoài cái việc than của họ tuy có phủ lên mặt những cục to nhưng rõ ràng vẫn nhỏ và xộp hơn các thứ than to, hầm trong lò nhà ở Tăng Vinh. Cho đến khi bà tôi thuật chuyện tên cướp Dư Đành bị truy nã, đói khát, chờ xâm tối ra đường kiếm ăn, chỉ thấy có bà bán than bèn xin ăn hết cả gánh của bà này. Từ đó tôi nhìn những người lam lũ với đôi gánh có be thêm lớp lá coi cho chứa nhiều than hơn đó, nhìn những người như biểu tượng của sự cùng cực đó mà thấy có hơi hướng thần bí của rừng núi đã che chở những người như tên cướp Dư Đành, chắc có mang sức mạnh huyền thoại từ các con rít khổng lồ sáng rực, bò lên xuống qua lại trên núi. Đêm đêm nhìn từng nhóm lửa bốc cháy, trí óc tôi đã định ninh rằng đó là lửa đốt than mà tâm linh vẫn không kèm được nổi ớn lạnh, sợ hãi về các viên ngọc rít sáng bừng...

Xe đậu tại Phú Tài khá lâu. Những người bán hàng men đến chúng tôi đều bị xua đi. Cả đêm nhịn tới khoảng 10 giờ này chúng tôi đã thấy đói. Và có muốn “săn sóc” chúng tôi kĩ đến đâu thì bộ đội, công an cũng cần phải nghỉ ngơi. Nhưng chỉ có những cái bánh chưng mỏng từng chiếc một mới có thể nhét qua lỗ song sắt. Lại khát nước.

Chúng tôi có người giữ riêng được một phần bình nhỏ chia nhau thoa môi cho ướt thì đến lúc này cũng không còn gì nữa. Đành phải van vỉ kêu xin người quản giáo quen thuộc để mua nước dưới đường, xin chú lơ xe lấy từ thùng phuy làm nguội máy. “Họ” đề phòng cũng là đúng. Người lơ xe mắt láo liêng, thăm thì: “Đòi các anh tàn rồi, bọn nó đem các anh lên tận Pleiku,

Kontum... Chúng tôi hợp đồng chở các anh rồi sẽ còn đi thêm chuyến nữa.”

Cái bối rối về đói và khát làm cho viễn ảnh sống ở Tây Nguyên chưa ra nét bi đát. Nhưng có người đã vội rút cây viết, tấm giấy ghi ít chữ ném xuống đường. Cô bé bán bánh lấy chân giẫm lên, nhìn quanh rồi đặt thúng bánh xuống đất khều tờ giấy vào tay. Nhưng cũng có người thất bại. Chúng tôi thấy hai người mặc đồ dân sự, chạy honda rề rề tới rề rề lui – chắc là công an địa phương ra yểm trợ, hai người đó giằng miếng giấy nơi tay một cô bé khác. Một anh gặp người học trò cũ lảng vảng nơi ấy. Khác với anh bạn ở Long Khánh trước kia, anh gọi giật học trò lại, nhưng cũng khác với chuyện cũ, anh học trò lảng đi ngay. Cái cảnh chen giẫm lên nhau trong xe súc vật có cái gì ghê rợn hơn để người học trò Quy Nhơn phải e ngại, trong khi người học trò Sài Gòn còn cảm thấy được chút vui đùa ngạc nhiên khi chỉ trở người thầy cũ vác lóng củi cao su lăm lăm trên đường đi.

Xe lại tiếp tục. Từ đường số 1 tách qua đường 19, nơi đến đã gần như rõ rệt. Dấu vết điêu tàn thấy rõ. Những ngôi nhà gạch hai bên đường có một vẻ gì lạc lõng với khung cảnh vắng lặng, bụi đường tung bay trên mặt lộ rác rưởi. Hình như cái màu gạch này đang tiến gần tới màu gạch của tháp Chàm đứng trơ trọi xa bên đường. Chẳng phải là nuối tiếc nhưng những người dù dậm dọa cái ý tưởng “nuối tiếc chế độ cũ” ấy cũng phải bắt buộc nhận rằng không có sự “hồ hởi” dưới chế độ mới chút nào.

Xe ngoằn ngoèo tiến lên đèo An Khê. Hơi nóng hầm hập hạ dần xuống. Khí lạnh bắt đầu len vào trong xe và nhìn ra ngoài chúng tôi thấy rõ hơi mù, khí núi lảng đãng nơi khe đá, lùm cây. Những người Thượng mang gùi, địu con, cầm rựa đi trên đường, chậm chạp mà vững vàng.

Không biết xe bỏ đường 19 vào lúc nào, ở khoảng nào. Chỉ thấy xe lắc càng dữ, cây cành hai bên đường gần sát lại rồi xe cứ ì ì lắc lư, đến một khu đồi quang đãng có nhà mái ngói, mái tôn, và đậu ngay trước một sân rộng có những người công an dợt banh buổi chiều.

Xuống xe, vào cổng gác. Dù trong hoang mang, ngỡ ngàng chúng tôi cũng thấy được cái hàng rào trại giam đặc biệt làm bằng các cây tre nhỏ – sau này chúng tôi mới biết đó là *le*, ken dày đặc, cao vút trật ốt như một thông điệp

không lời về bản chất rừng rú đe dọa mà chúng tôi sắp phải chịu đựng. Chúng tôi đứng chen chúc trong một cái sân chật mà sau này biết đó là sân tập hợp đi làm. Sân ngổn ngang gạch cát xi măng với những người gầy ốm, hốc hác, mặc bộ đồ ba ba xám tro có in dấu CT (cải tạo) đang khiêng xách, lát nền cho cái hội trường bên trong. Thấy đám người xơ xác ấy – phần nhiều là trẻ con, thanh niên trẻ liếng xiêng khiêng cái giỏ hồ, nhiều anh em chạy vào đỡ họ bước lên các bậc cấp. Một phản ứng tự nhiên của người mạnh trước kẻ yếu đuối, một phản ứng văn minh không hề có ý khoe khoang tài sức, chỉ có điều là chưa gây nên câu hỏi: “Rồi ai sẽ đỡ mình đây?”

Cái hội trường tiếp với sân tập hợp làm thành dãy ở giữa. Hai bên, qua khung rào le đơn giản là các dãy nhà tôn nằm ngang, thuộc khu giam cầm. Mãi phía đằng sau là khu nhà bếp. Một hàng cây mít còn non sum sê lá, cao vượt đầu người dọc theo hai hàng rào ngăn các khu. Nhiều loại hoa nở rực rỡ đem lại chút đáng êm dịu cho sắc màu đe dọa của le khô, của tường vôi vách đất loang lổ, của nền đất còn lờm chớm đá.

Đó là khung cảnh của K1, trại Gia Trung, nơi tôi phải ở gần một năm trước khi biết đến một phân trại khác, K3.

Trời xẩm tối. Người ta vội vã tập hợp chúng tôi vào nhà phía mặt, khu A. Bốn năm chục người sắp hàng trước một cánh cửa có thanh sắt nặng nề gác ngang, đầu móc ổ khoá to tổ bố, hiệu Viro. (Nhà sản xuất nên điều đình với chính quyền mới chụp hình cảnh này để quảng cáo cho sự hiệu nghiệm vững chắc của món hàng mình.) Lầu lượt từng phòng một, một cán bộ công an và hai ba người tù Trật tự đếm người, mở cửa phong, lùa chúng tôi vào. Lùa, xua quả là danh từ gần đúng – bên dưới sự thật. Cửa hẹp, đồ đạc kèn càng, quen thói huồn đãi, thể xác mệt nhọc, chúng tôi cứ phải len nhau, thúc nhau dưới tiếng quát của những người trật tự, và những người đi sau cùng đã phải bị xô chúi hẳn vào bên trong để nghe cách cửa đánh sầm sát gót, tiếng cây then sắt kéo rột qua, ổ khoá bóp lại và tiếng chân chạy rầm rập qua buồng khác làm lại cảnh vừa qua.

Phòng tối om vì chưa đến giờ bật đèn, vì mắt chưa quen. Mọi người hình như khựng lại một chút. Ai nấy chỉ cần mò đến một chỗ trống, đặt túi xách

của mình xuống rồi im lặng nhìn quanh. Mùi ẩm mốc xông lên. Mùi hôi xông ra từ cánh cửa ngăn cầu tiêu bên cạnh dành cho ban đêm mà một người tò mò đứng sát bên ấy đã đẩy ra, dòm vào rồi lật đặt đóng lại. Cái “phút ban đầu” ấy gây nên ấn tượng mạnh mẽ. Lờn những người quản giáo, vệ binh ở Hóc Môn chập chờn trở lại: “Cải tạo mà ở đây là tiên rồi, lại còn đòi hỏi!” Bao nhiêu năm qua chúng tôi chỉ gặp những tay mơ, coi nghề giam giữ chỉ là “nghiep dư”. “Làm sao chúng mày đừng trốn là được. Chúng ông bận lam rồi, bây giờ việc gì phải gay gắt để ông khổ thêm?” Và chẳng cũng phải nghĩ đến sự đồng tình giữa những người phải xông pha lửa đạn, đã ném cái thực tế cay đắng, trần trụi của con người trước cái chết, đủ để biết mĩa mai nhạo báng các khẩu hiệu, giáo điều của những bài diễn văn, bài báo, của radio, tivi, của cán bộ tuyên truyền theo khuôn mẫu “nói như vô sản, sống như tư bản, nghĩ như phong kiến...” Bây giờ chúng tôi đã gặp những tay nhà nghề, đã mắc vào trong cái trụ cột của nền vô sản chuyên chính. Cho nên không lấy làm lạ về cách cư xử của họ đối với chúng tôi, nghĩa là cũng như mọi phạm nhân khác. Suy nghĩ như vậy nên lời thư viết về nhà có câu: “Ở đâu cũng cùng một chính sách nhà nước thôi. Gia đình đừng bận tâm.” Câu đó được công an đánh giá là “tiến bộ”. Nhưng với phần lớn thì cái cảnh lừa người, đóng cửa đánh rầm đã gây nên những xúc động dữ dội, để ra những phản ứng to lớn mà chúng tôi sẽ phải chứng kiến.

Sáng hôm sau mới là chính thức cuộc thanh lọc. Đồ đạc dàn ra để kiểm nghiệm. Đồ ăn sống, chút bo bo để dành từ những hời làm bếp không cần “com”, bột mì, đậu xanh, mì gói... đều bị tịch thu ráo. Tất nhiên theo thói quen làm việc tùy hứng, theo cách khéo léo giấu diếm, có người cũng còn một ít gì đó. Cảnh hỗn độn diễn ra khi chúng tôi tranh nhau dấm dúi cho đám trẻ con thương phạm, khi đám người bất thành nhân dạng đó gọi sự thương cảm, đã ào ạt xin xỏ chúng tôi từ miếng thuốc lá đến lon thực phẩm sống. Những người trông xa đã phát biểu: “Rồi vài tháng nữa, chúng mình cũng như chúng nó thôi.” Dù sao thì “vài tháng nữa” cũng chưa đến với ngày hôm nay nên chúng tôi tha hồ ban phát không chú ý đến tính chất lưu manh của bọn nhỏ.

Tiền bên ngoài đều phải gửi lại. Đổi lại là những miếng tích kê sử dụng

nội bộ. Người ta đã đề phòng để chúng tôi không có bất cứ phương tiện nào liên lạc được với bên ngoài, đặt chúng tôi vào cái thế trần trụi khi trốn trại, dễ dàng cho họ tóm lại. Tất nhiên cũng có kẻ giấu được tiền nhưng thực khổ cho họ, phải nhét chỗ này, diêm chỗ kia.

Không phải là một mưu đồ trốn trại như công an nghĩ. Cả bọn chưa có đủ tính toán xa như vậy. Chỉ là một cách tiếc của, sợ mất. Chỉ là một cách tìm dịp để may ra có cái mua ăn – như hồi ở quân quản.

Công việc cũng kéo dài suốt ngày. Cái hạn chế đầu tiên mà chúng tôi phải chịu là nước. Nước của ngày nào kéo từ dưới giếng lên nên tha hồ tắm, tha hồ giặt giũ, ban ngày cũng như ban đêm, nước nấu trên bếp than đá phùng phùng cháy lúc kéo lò ra, lúc ủ lò còn chưa lỗ thông hơi bốc màu xanh biếc, nước sôi pha trà, uống lạt (vì không có gì khác), nấu chè, tha hồ cung cấp cho nhu cầu phức tạp. Bây giờ nước uống phát từng ca để mấy tên quen thói lưu manh nhảy ra ăn chặn. Nước tắm tấp hay giặt giũ không nói làm gì, đến nước súc miệng cũng không có nốt. Bên cạnh phòng tôi có một chỗ sắp dài những thùng tôn đầy nước, sáng ra anh em cần súc miệng ban đầu còn vác ca nhỏ nhẹ xin xỏ những cựu đồng phạm mặc áo xám ở đây, sau đó xô vào, lấy thế số đông hỗn độn trút hết nước của người ta. Phạm nhân cũ chạy đi kêu trật tự.

Trật tự tới bị đánh đòn. Dẫn người đánh đi để báo cáo thì người ấy lại trở về thông thả. (Người ta thừa kiên nhẫn để trừng trị theo lối siết đinh ốc.) Cả đám xô vào trút hết các thùng nước khác. Mãi sau này chúng tôi mới biết đó là nước dành cho người làm vệ sinh, trong đó có các thùng vừa chuyển nước đái xong đem về ngâm chờ sử dụng lần sau. Chắc người làm vệ sinh cản trở chúng tôi vì chút lòng lân tuất, còn những người công an thì cười mũi: “Chúng mày tập uống nước cứt, nước đái cho bớt ngông nghênh đi.”

Chuyện uống phải kèm chuyện ăn. Buổi sáng chúng tôi được phát một cauống-nước khoai lang khô nấu lại. Ca khá đầy. Nhưng có người ăn không hết vì không quen. Trưa được chùng ấy com, chiều trội hơn vài muống nhưng là com trộn khoai. Dù sao cũng là com, còn hơn bo bo ngán ngẩm và bột mì tan vèo nhanh biến vào trong dạ dày.

Buổi chiều hôm kiểm nghiệm chúng tôi được phát thêm một chén lẫn lộn gạo nếp, bo bo, đậu, bột, nui... hầm bà lằng của tịch thu. Tất cả như bằng cớ của một sự sung túc mà chúng tôi chưa kịp thấy tính chất phù du của chúng. Chưa kịp thấy rằng khoai, com đã được phát nhiều hơn tiêu chuẩn một ít, trong ngày đầu, để đãi khách tù, rồi những ngày sau giặt lại, chẳng lỗ lã gì đâu mà sợ!

Chúng tôi đến ngày 19-1 để hôm sau thấy là ngày đưa ông táo về trời. Gần Tết chẳng có việc gì làm. Khám nghiệm một ngày, làm bản khai lí lịch một hai ngày gì đó. Rồi tập hợp nghe giải thích chính sách. Kéo dài thêm vài ngày để học tập. Chẳng có gì mới lạ. Cũng bấy nhiêu chữ khoan hồng nhân đạo mà quên mất rằng vượt qua lời hứa hẹn thực hiện khoan hồng là sự bức bách không lí lẽ đạo đức (bởi vì ở đây đang nói chuyện đạo đức) cũng như trí tuệ nào có thể biện minh được. Và chỉ còn lại những câu nói.

Với không khí đằng đằng sát khí mà chúng tôi nhìn thấy thì không ai cười khi người công an thuyết trình về chính sách. Nhưng rõ ra họ cũng biết ngượng ngùng khi thấy mình thất hứa. Và nói như thói quen xuýt xoa để che đậy mũi súng quyền bính: “Các anh thông cảm cho tình hình đất nước khó khăn...” Cái bùa hộ mạng cho sự sai lệch của chính quyền. Cái “tình hình đất nước khó khăn” này không phải và không thể do người cầm quyền gây ra. Tất cả đều là tại bọn phản động quốc tế, bon tay sai... thôi. Và nói nhỏ nhẹ như thế để làm ảo tưởng cho người mất tự do chứ thử phản ứng xem, sẽ thấy ngay hậu quả!

Tất nhiên gần mực thì đen gần đèn thì sáng. Trong cuộc thảo luận có những tay nhắc lại các điệp khúc tưởng đã quên từ hai năm qua: “tay sai bán nước, phản bội tổ quốc, nhân dân, đồng bào... được Cách mạng khoan hồng, nhân đạo giáo dục để trở nên người lương thiện...” Nhưng cũng có người mỉa mai một cách mềm mỏng y như những bậc thầy đang giảng dạy chúng tôi. Anh bày tỏ sự tin tưởng kiên trì ở chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, của Nhà nước Cách mạng trong ba năm rưỡi cải tạo, qua các trại giam khác nhau: “Tôi ở Cà Tum học tập lao động với tất cả nhiệt tình, được chuyển đi để nhà nước thực thi chính sách... Lúc ra đi, trung đoàn trưởng đích thân bảo chúng tôi sẽ về ‘trong một tuần, nửa tháng là chậm nhất’. Đi Phú Quốc,

qua Đồng Pan cũng chỉ là ‘tạm chò chính sách giải quyết’. Trong mọi trường hợp, dù người có chức phận hứa hẹn sai lời, tôi vẫn luôn luôn tin tưởng vào lượng khoan hồng... Trước khi về Hóc Môn cũng lại có lời dẫn dụ về một tương lai tươi sáng. Hơi mệt mỏi, nhưng tôi cũng cố gắng không chịu mất lòng tin. Rồi chính sách ‘ba năm’ đã qua, tôi lại được đưa lên nơi rừng núi này với lời nhắc lại sự kiên trì tin tưởng. Có biết bao nhiêu người – đối với chúng tôi là co thâm quyền – đã hứa hẹn, đã không cho tôi thấy lời hứa thực hiện được. Bây giờ ở trại giam mới, chúng tôi lại phải tin tưởng vào chính sách.

Tất nhiên là không thể không tin tưởng nhưng qua bao nhiêu kinh nghiệm bản thân, tôi phải tự hỏi: ‘Chúng tôi phải tin ở ai? Phải dựa vào đâu để tin tưởng?’ Rốt lại tôi cũng tìm được giải đáp: Phải tin ở tinh thần chính sách nói chung, phải tin ở những người thi hành chính sách ấy tại đây cũng như đã từng tin những người thi hành chính sách ở các nơi khác. Có những yếu tố khách quan để lời hứa không thực hiện được, nhưng phải luôn luôn tâm niệm rằng chính sách sẽ được thi hành đến nơi đến chốn để sự tin tưởng khỏi trở thành mất tin tưởng...” Có những tên nhát gan “suyt, suyt” vẫn không ngăn được lời anh ta, và âm vang của những ý tưởng đè nặng lên cả phòng hội. Chỉ có bấy nhiêu đó là đáng nói mà thôi còn thì chuyện học tập chỉ là thủ tục thông thường. Lời phát biểu hình như có âm vang trong buổi giải đáp ở hội trường tuy rằng thói quen tránh né và thực tế cần tránh né khiến người quản lý không thể đề cập thẳng vấn đề.

Cũng lại tình hình đất nước khó khăn. Nhưng không phải chỉ có sự đòi hỏi thông cảm một chiều. Có cả sự thông cảm từ cai tù đến tù nhân: “Các anh đi xa Sài Gòn lên miền rừng núi này tất nhiên phải hoang mang, lo sợ. Nhưng phải nên nghĩ rằng Tây Nguyên tuy là xa xôi nhưng không phải là cách biệt hẳn với đường giao thông, thành phố. Các anh đi đâu thì cũng chỉ là ở bên trong nước Việt mà nước ta có vùng xa xôi hẻo lánh nhất thì chỉ có miền cao này chứ đâu phải như Liên Xô có Tây Bá Lợi Á, Trung Quốc có Tân Cương, Tây Tạng!” Không dừng được phải có một nụ cười mỉa về cái lối làm tài-khôn của anh cán bộ muốn khoe khoang kiến thức mà quên việc động chạm đến chế độ.

Nhưng ngọn roi vẫn dứ dứ trên miếng khoai lang khô hằm: “Các anh

đừng hòng trốn thoát. Nếu có ý nghĩ trốn trại thì nên dẹp ngay từ bây giờ. Có anh vừa mới lên đã hỏi đường đi nước bước, vị trí mình ở, để làm gì?” Không ai trả lời. Nhưng tôi chợt nhớ đến phút chờ vào lớp. Mấy người quen biết tôi là người ngoài này – chính cái miệng mình cũng hơi bép xép – nên hỏi thăm nơi ở cách xa Sài Gòn bao nhiêu, con đường đã đi qua là theo lối nào... Tôi đang dí dí ngón chân trên đất bùn để vạch cái sơ đồ gian truân thì chợt ngừng lên bắt gặp một cặp mắt trên khuôn mặt vàng sạm hơn bộ quần áo vàng đang chăm chú nhìn chúng tôi từ bên kia bờ rào, trong khu cư trú. Người ta muốn chứng tỏ khả năng làm việc nhậm lệ, hiệu nghiệm đã khiến cho họ được thưởng hết huân chương này đến huân chương khác trong việc bảo vệ chế độ, bảo vệ nền chuyên chính, dưới nhãn hiệu bảo vệ Tổ quốc!

Sự đe dọa đó không phải chỉ thực hiện bằng lời nói. Tối hôm đó, sau khi vào phòng một lúc, chúng tôi nghe những tiếng nổ từ bên ngoài vọng vào. Một vài tiếng đầu làm cho câu chuyện đấu láo vụt tắt. Những tiếng nổ râm rang như gọi hứng cho câu chuyện trở lại. Một hai ngày đến trại cũng có những tay tinh ranh bắt liên lạc hỏi dò những người cũ về các chuyện đã xảy ra nơi đây, trong trại, trong vùng. Theo đó chúng tôi biết rằng đã có những hoạt động Fulro trong những năm vừa qua. Người ta đã nhốt trong trại khoảng 100 nhân viên Fulro, trong đó có viên đại tá tỉnh trưởng Gia Lai – Kontum. Họ rất đoàn kết. Từ những chuyện lật vật, không ai tố cáo ai cả. Có lẽ vì tính chất của một khối dân tộc riêng, những sự kiểm soát từ trên xuống dưới không có hiệu quả nên sinh hoạt của họ ít chịu ràng buộc như chúng tôi. Với đám tù Việt họ vẫn cảm thấy tính cách đồng cảnh để nảy ra sự đồng tình, quên bằng vai trò đối kháng với dân tộc lớn của họ. Đào khoai sắn, họ giấu cả đồng lớn rồi chỉ cho đồng phạm Việt đến lấy lên. Trước khi chúng tôi đến khoảng vài ba tháng, họ đã bị đưa đi đâu không biết, nghe nói ra ngoài Bắc. Vùng này quen thuộc với họ quá, khi họ sẩy ra rồi thì không có cách gì tóm lại được.

Bên ngoài tiếng nổ càng lúc càng giòn. Có cả tiếng chân chạy. Bên trong sự ồn ào mỗi lúc một tăng. Hứng khởi nổi lên, đã có tiếng hò bắt chước giọng khách xe dò: “Tới đi, bác tài! Tới đi, bác tài!” hay các câu nói ngày 30-4: “Tới rồi! Tới rồi!” Thật chẳng thể đòi hỏi đám người này một ý tưởng nghiêm túc

nào cả. Ước mơ, hi vọng lẫn với đùa bỡn, phá phách. Cho nên tiếng đùa bỡn vụt im bất khi có giọng quát, trầm mà dữ, từ sát vách bên ngoài vọng vào: “Im đi không! Đem bắn hết cả bây giờ!” Nín thin thít, y như bầy trẻ bị người lớn bắt gặp phá phách.

Thật ra chắc đêm ấy chẳng có cuộc tập kích nào ráo. Người ta chỉ làm một cuộc thị uy với chúng tôi. Còn đối với người ta, đó là một cuộc tập trận đề cao cảnh giác. Chúng tôi đã mềm như bún, mềm hơn bún trong bao năm qua, điều ấy người ta không biết, hay chẳng cần biết. Tuy là một lũ chiến bại nhưng chúng tôi vẫn là những cựu chiến binh. Còn những người giam giữ chúng tôi, có huênh hoang kiêu hãnh nhưng vẫn là một lực lượng bán quân sự, và tất nhiên phải e dè, ứ kị chúng tôi. Sẽ có những biểu lộ ở họ để chúng tôi quả quyết được điều ấy. Cuộc tập trận là một bằng chứng đầu tiên.

Về phần chúng tôi, tiếng nổ được coi như là một trận tấn công nhỏ bị thất bại, se phối hợp với tiếng cánh cửa đóng sầm buổi đầu tiên gây nên cuộc bạo hành liều lĩnh sau này.

Chẳng có gì lạ hơn trong những ngày kế tiếp. Chúng tôi được học những quy định của trại cải tạo. Đã nói, ở Long Khánh thì chẳng bao giờ động đến chuyện này. Ở Hóc Môn thì bảng nội quy treo ở hội trường không ai đọc, chẳng ai nhớ trừ câu : “Cấm buông thả, chơi bời...” Ở đây thật là rắc rối: Bốn điểm tiêu chuẩn cải tạo, bắt buộc khai thật, khai hết, tố cáo đồng bọn, không được nhen nhúm gây loạn, thêm 38 điều nội quy cũng khai thật khai hết, cải tạo tư tưởng, chịu đựng lao động như là mục đích tốt đẹp – hoá giải được sự căm thù chĩa vào nhà nước – ăn ở sạch sẽ, vệ sinh, có “văn hoá”... Chính hai chữ sau được nhắc tới mà có thêm “Hai mươi điều lệnh nếp sống văn hoá mới” nhắc lại với câu văn hơi khác phần lớn những quy định trước để núp bóng từ “văn hoá mới” / văn minh, đa khiến chúng tôi ngoan ngoãn tự trói mình theo lệnh người giam giữ, theo những chi tiết hành động thật nhỏ nhặt. Tuy nhiên tầm quan trọng của các điều quy định này chúng tôi chỉ mới thoáng thấy, và giữ được chừng mực lưu tâm ấy không tăng trong khoảng thời gian ở đây vì những bận rộn mới che khuất, chỉ mãi đến khi qua K3 mới thấy những phiền nhiễu từ nó gây ra.

Chúng tôi vẫn quanh quẩn trong trại đến bốn năm ngày sau thì được lệnh cho đi tắm. Khu đất trại giam, nhiều K khác cũng vậy, là ở trên các sườn đồi, chỉ có thể đào một cái giếng cho nhà bếp nấu ăn, còn thì việc giặt giũ tắm rửa phải ra con suối ngoằn ngoèo uốn khúc dưới các chân đồi – không biết tên nó là gì. Mới đầu cái tên Gia Trung khiến mọi người nghĩ đến một âm thanh quen thuộc trong chiến tranh: Ya Youn, Ya Dung, nhưng rõ là không phải. Chắc nó là lỗi ghép chữ Ya địa phương với tên quận Lệ Trung ngày trước mà ra. Con suối vô danh chảy về phần ở trại K3 qua một cầu gỗ có bảng tên rõ rệt: cầu Suối Tám.

Trông ngóng mấy ngày được đi tắm khỏi ngứa ngáy, được ra ngoài trại rộng chân rộng cẳng hơn, nổi vui mừng khiến chúng tôi trở lại cái bản tính ồn ào, hỗn loạn. Và để thấy cách sử dụng quyền uy đầy mặc cảm của công an. Từng toán người, tất cả chia làm ba đợt sắp hàng dọc hướng về phía cổng, báo cáo lên vọng gác xin ra. Tiếng xô đẩy của người sắp hàng bị lấp sau giọng quát tháo từ trên vọng xuống: “Im lặng. Sắp hàng ngay ngắn xem nào! Các anh đi lính trong bao nhiêu năm mà không có kỉ luật. Sắp như thế nào để chúng tôi bắn một phát từ mép tai của người đứng đầu không phải chạm đến tai của người nào đứng sau. Các anh cười à? Muốn thử không?”

Trông đợi được đi tắm nhưng đến lúc lại ngần ngại. Vì trời quá lạnh. Từ buổi sáng đầu chúng tôi đã biết được cái lạnh ấy khi chiều hôm trước nóng bừng người vì lắc lư trên xe, buổi tối còn chui vào cái hộp nhét hơi thở của 60 người, thế rồi thoát cái bước ra sân giữa trời lồng lộng. Lạnh thổi ra hơi khói. Lạnh thu tay vào túi. Lạnh mang tất cả quần áo ra mặc. Lạnh để nhìn kiểu mũ như người Esquimau gài nút choàng xuống má, mang tai của người công an. Và mau mắn thay là tính bất chước: chỉ vài hôm sau là chúng tôi có người đội mũ esquimau.

Cho nên những người đi sau nhìn toán đi trước lúc hơn 8 giờ sáng, đã tự thấy mình là may mắn. Nhưng nhìn toán đi tắm về mặt mày hớn hờ, dáng đi vững vàng trong lúc nước còn đầm mái tóc, còn chảy trên bộ quần áo chưa vắt hết nước thì sự ngần ngại bỗng tiêu tan hết. Sự ngần ngại chỉ trở lại khi đứng bên bờ suối nhìn nước cuồn cuộn chảy. Suối cạn thấy cát sỏi dưới lòng, nước chỉ vừa đến đầu gối. Có một nhịp cầu loại tiền chế bắc ngang qua. Bò

bên này la chuối cây nối tiếp các dãy nhà cán bộ công an ở. Phía trái, trên đường ra là một khu lò gạch bốc khói, có những người lui cui làm đất, đập khuôn.

Nhưng không thể ngần ngại mãi khi thấy nước chảy mời gọi quyến rũ, khi mọi người đã nhảy xuống tung tăng đùa nghịch. Vài ba quân giáo binh thân đứng trên bờ. Các vệ binh – ở đây gọi là quân chế, đứng xa hơn vì đó là những vị thế cao để có thể nhìn bao quát các mặt. Trời thì lạnh nhưng nước thì ấm. Chuyện rất giản dị mà cứ mỗi lần đi tắm sau này vẫn phải là một lần bặm gan một phút trước khi nhảy ào xuống.

Những ngày tiếp theo trong trại thật là rảnh rang. Khu chúng tôi ở, khu A, toàn là bọn Hóc Môn lên hết. Một vài lần có cuộc đổi chỗ, có cuộc sắp xếp lại theo ý định nào không biết được của công an khiến chúng tôi cũng chạy vòng quanh, và một đội, đội 11, lại bắn sang bên cạnh, khu D, của đám thường phạm, đầu đuôi trộm cướp, xì ke – chẳng biết có đúng hay không nhưng thấy bọn trẻ rách rưới, ốm o gầy mòn, ghẻ lở đầy mình chúng tôi gọi như vậy. Và cũng có ý định gọi cả đám người lớn bên kia sân, khu B và C mà sau này chúng tôi biết là tù chính trị, cảnh sát và cả quân nhân đồn đến từ lâu nữa. Hai phòng của hai đội 23, 24 chúng tôi có cửa sổ sát ngay rào ngăn cách với khu D thật lí tưởng để hai bên liên lạc với nhau. Ban đầu chỉ có chúng tôi là bị thiệt – thiệt vật chất nhưng cứ tự khoác cho mình cái áo hào hùng để mà hãnh diện suông.

Thuốc Lào, thuốc lá, gói đường, miếng bánh cứ chuôi qua cửa sổ để đến “các cháu” khốn khổ vốn không nề hà gì mà không thưởng như máy đồ đạc của “các chú”. Người đội trưởng bên ấy cứ xua chúng như xua tà, vác gậy đánh đuổi chúng và cảnh cáo chúng tôi: “Coi chừng lại ở trường bây giờ!” Anh ta luôn luôn đội nón cối, phong cách ung dung không có vẻ gì là rụt rè trước công an hết. Anh tự xưng là đại úy, phụ tá cho Cao Đăng Chiếm, chui vô hộp chỉ vì bảo lãnh (bao nhiêu?) cho hai thiếu tá nguy mà công việc không suôn sẻ sao đó. Chẳng có gì có thể tin được thì không tin cũng chẳng sao. Chỉ biết rằng cái thế đội trưởng xì ke khiến anh oai lắm: Đi làm về có đưa gánh nước tắm – anh không tắm ngoài suối – áo quần có đưa giặt giũ.

Nhưng dù không tin lắm ở lời cho là khoác lác của anh thì cũng không giám nghi nhiều vì cái phong thái đỉnh đạc của anh và thái độ không hạch sách của đám công an đối với anh. Có điều phải phì cười là lời khoe khoang của một anh trật tự tên H. (2004: *không nhớ tên*). Anh ăn nói bộp chộp, không ra lời, mặt mày đầy vết sẹo chứng tỏ một quá khứ đẫm máu. Có lẽ thấy những biểu lộ ấy chưa đủ có oai, anh còn khoe rằng cha anh là một “tướng Cách mạng” mà anh không thèm nhìn nhận. Tất nhiên bọn chúng tôi khinh thường anh nhưng những nhóm người khác bị anh lên gối xuống gối vẫn có vẻ “chịu” anh. Một đứa bé khi thấy chúng tôi phải “học tập” đã nói: “Thà đem cháu ra đánh đòn còn hơn bắt cháu phải học chính trị...” Mà có ai bắt chúng phải học đâu!

Khu bên kia cách biệt cả một cái sân và hội trường nên chúng tôi không biết gì nhiều. Có anh bạn trong cảnh nhóng qua nhóng lại thấy có cha anh bên ấy. Dân học luật thấy được Vũ Quốc Thông lùn xị, dân học Việt văn trung học thấy thầy Nguyễn Sỹ Tế mặt dài. Người ta còn nói có Doãn Quốc Sỹ, có những tay thầy giáo này nọ... Có anh chàng họa sĩ nổi danh một thời vì vẽ hình Kissinger, Nixon. Anh chàng hạ sĩ chiến tranh chính trị đó nghe nói một lần bị vào casô cho rệp thui cả tháng trời, rồi lại được thả, bất ngờ như khi bị nhốt, ù ù cạc cạc không hiểu nguyên cớ tại đâu. Có người tìm ra lí do rằng hồi ấy bên Mỹ người ta làm cuộc trưng bày mớ tếu-họa của anh. Gió thổi tai vạ bay thật quá xa!

Một nhân vật dễ thấy hơn là bác sĩ nha khoa Phạm Huy Cơ, người cùng ứng cử Tổng thống với Lí Quốc Sung. Ngày đầu phải khám đồ đạc, chúng tôi thấy một ông người tròn trịa, hơi thấp, tóc bạc trắng, mặc áo blu đi theo cán bộ công an coi mặt thuốc, chúng tôi đã xầm xì với nhau: “Bác sĩ nguy hay Cách mạng đấy?” Nhưng câu hỏi được giải đáp nhanh chóng sau đó khi thấy dáng bộ khúm núm của ông trước nhân viên công an. Có thật nhiều chuyện kể gây thất vọng về ông bác sĩ chinh trị gia này. Thực ra cũng có điều quá đòi hỏi ở ông, ví dụ về cách chữa bệnh (2004: *mà ông chỉ là nha sĩ!*) mà để cho quá nhiều người chết trong lúc miệng vẫn nói: “Không sao! Không sao!” Cũng là dân cải tạo, ông có thể làm gì hơn với một phòng lao 3 người một giường?

Không được may mắn làm thân chủ của ông lần nào nên không thể tiếp

xúc với ông, nhưng tôi cũng có thể thấy cái típ của những người làm chính trị salon ở nơi ông – và suy ra có thể thấy ở khá nhiều người làm chính trị chống đối đế quốc nữa, trong môi trường sinh hoạt “đế quốc”. Tin phong thanh có người về làm ông nhấp nhòm không yên. Sau này khi thấy có những người trả đồ đạc, ông đứng thần thờ, lóng ngóng. Cái tội không nằm ở con người yếu đuối tinh thần như ông. Cái tội nằm ở cuộc sống lạc loài xúi giục ông làm việc quá phận!

Sáng sáng chiều chiều chúng tôi đứng bên trong hàng rào ngấm người đi làm. Các cậu bé đã phân bì chúng tôi giùm cho người khác: “Mấy toán khác mới nhập trại hôm trước sáng hôm sau vác cuốc đi làm. Các chú ở yên cả mười ngày, sướng quá!” Chẳng có gì lạ. Chúng tôi đến vào ngày ông Táo châu trời, Tết đến rồi. Với số đông, công việc thu xếp bề bộn chắc người ta phải dành thì giờ nhiều hơn để tổ chức nắm chặt chúng tôi cái đã, vả lại cũng nên nương tay chút ít cho “gà quen chuồng”. Nói gà quen chuồng cũng là để nhắc tới một cuộc xung đột tập thể phát sinh từ lối sống của tù khác với cai tù mới. Cảnh trời chạng vạng lửa người vào phòng, mỗi người vào chỗ nằm, có kẻ leo lên sập trên đầu người khác, nhốn nháo, lu bu thật giống cảnh gà vào chuồng. Cũng như vậy, cái cảnh buổi sáng mở cửa, chúng tôi ủa ra sân, có người tung tăng nhảy múa cho giãn gân cốt, có kẻ lừ đừ bước đi mặt ngo ngác như còn đang choáng váng trước tầm mắt vụt giãn ra, ánh sáng chói lòa, thật cũng giống như bày gà vịt trên sân của ngày mới. Cho nên mỗi liên tưởng thật là tự nhiên khiến khi leo lên chỗ nằm không ai bảo ai mà đều cất tiếng “cúc cu rúc”... Sự đùa bỡn đó không được chấp nhận, nhất là đối với những người được huấn luyện tin chết rằng lẽ phải về mình, nhân đạo về mình, coi hành động đó như một sự mỉa mai cả nền tảng luân lý của chế độ, cả chân lý chế độ đang nắm vững: “À, các anh không muốn làm người phải không? Các anh muốn làm súc vật thì tùy ý các anh!”

Cửa mở, trật tự đứng ngoài sân kêu lãnh phần ăn sáng của nhà bếp nấu sẵn từng chảo gang từ hôm trước, trước khi họ vào chuồng – muộn hơn chúng tôi. Thế rồi keng đánh báo đi làm. Từng toán người – đội, túa ra sắp hàng ngồi làm hai lớp trên sân, quay mặt ra ngoài. Mỗi người xách một bình nước hay lon guigoz, đáng uể oải. Phía sau bao giờ cũng có người gánh cặp

thùng để ra chỗ làm nấu nước cho đội uống, gắp mùa khoai sắn, hay xin được gì đó thì nấu ăn – tất nhiên có phần riêng cho người coi tù. Theo đội là một quán giáo, có hai vệ binh quản chế đứng chờ sẵn bên ngoài. Phía góc hội trường, theo lối xuống bếp là chỗ chụm nhum những người khai bệnh. Cái cảnh ồn ào nơi góc nhỏ này bao giờ cũng nổi bật lên mỗi sáng. Người tù y tế đến ghi từng người một với tên họ, chứng bệnh, thỉnh thoảng lại cúi gắt xua đuổi trong tiếng van vỉ của tên tù bệnh – phần lớn là đám trẻ gầy nhom thảm hại đứng ngồi co rút. Có khi đội trưởng đến lôi đi, quán giáo đứng đằng xa ra lệnh. Trật tự cũng can thiệp vào đám đá, xô đẩy miếng giẻ rách biết cử động ấy ra tới hàng quân (tù).

Lại hồi kèng khác. Mỗi đội trưởng – hay đôi phó, thư kí, ra đứng nơi chỗ dành sẵn, báo cáo về tổng số người trong đội, số người không đi làm với các lí do (bệnh, công tác trong, họp hành) và số người đi làm. Sau tiếng quát của viên trực trại trên đài cao “Đi!”, đoàn người lũ lượt ra phía sân ngoài, có viên quản chế đứng đếm số tù nhận trong ngày. Ở đó quán giáo sẽ báo đi hẩn hay còn chờ mượn dụng cụ chứa trong kho trên sân gạch phía phải. Mấy ngày gần cuối năm chúng tôi cũng phải sắp hàng báo cáo, ngồi tại chỗ rồi chờ các toán khác đi xong mới lần lượt vào bên trong khung hàng rào le mỏng manh có tấm biển “Đến gần rào thì bắn”, hay một câu tương tự.

Buổi trưa, chiều lúc người đi làm về, chúng tôi khởi ra báo cáo như người “đi làm trong” (vòng rào) của các đội. Nhưng đứng để ngắm đám người lôi thôi, nhếch nhác bơ phờ đi về cũng thấy được phận mình. Thực ra người về không giống nhau. Một mỗi nhất là các đội thủy lợi (đào ao), nông nghiệp, lò gạch nhưng tương đối có vẻ thanh thoi hơn chút là các đội mộc, đan lát làm trong mát. Có đội đi về sớm hơn như đội “Ho lao” – tôi không nhớ số hiệu mà chỉ biết rằng đó là số người bị bệnh lao nhưng còn đi đứng được, không thể nằm ở bệnh xá đang tràn ngập mấy bộ xương, nên được cho về trại thành đội riêng ra ngoài trông tĩa lặt vặt. Cái ưu thế của đội này là có con vi trùng Koch: Quán giáo quản chế có hối thúc làm thì họ khắc ra một bãi đờm có lẫn chỉ đó rồi buông cuốc nằm vật ra! Cũng thuộc loại về sớm là những người đi làm “thông tầm”, đi rừng cắt tranh. Tất nhiên họ thuộc vào những người được cho là tương đối đáng tin cậy. Sáng sớm họ đi, tuy có quán

giáo quản chế theo nhưng tới nơi, những người này tìm một chỗ ngồi quen thuộc còn họ tung vào rừng cắt tranh đến xế chiều thì bó gánh về. Trong khoảng thời gian ấy, tuy nội quy cấm nhưng họ vẫn bẻ măng, đào củ, nấu nướng, đi rộng hơn thì cũng có thể liên lạc với những người Thượng ở đây mua con gà, bình rượu – tiền ở đâu thì có trời biết! – ăn xong, chùi mép sạch rồi ra về. Họ được gọi là những người đi làm tự-giác. Những hành động vượt ngoài khuôn khổ như vậy, cán bộ có thể biết mà vẫn làm lơ vì chẳng cần thêm việc chi cho mệt. Họ chỉ phạt khi chính mắt bắt gặp, khi những người kia bị đồng bọn tố cáo. Va tính chất trừng trị cũng giống như bao chuyện ở đời khác: Bao nhiêu lần, bao nhiêu người chùi mép sạch thì thôi, còn khi bị bắt gặp thì tội muôn năm cũ đồn lại với những hình phạt thật kêu. Họ bị đổi đi đội khác, không được “tự giác” nữa, hoặc vào nhà giam kín cho rệp chích, cho công an trực, trật tự loi!

Cũng vào loại tự giác mà thuộc vào một nhóm nhỏ hơn là toán người được lựa chọn để trông coi việc đề xuất, thi hành kế hoạch trồng trọt, xây dựng trong trại. Gọi là đội Kỹ thuật, họ chỉ gồm vốn vẹn có 5, 6 người, ra vào chỉ cần báo cáo ở công trại là đủ.

Tương đối thoải mái, chắc có lúc họ cũng thấy thích ứng được với cuộc sống nơi đây. Sau này, lúc đi làm trở về, tôi thường gặp họ ngồi tùm ở bìa sân, nón lót đất, chân xoạc ra, bàn tán về mùa màng, cây cỏ, gọi lại cho tôi hình ảnh ở quê khi các ông cậu, ông chú ông bác đi thăm ruộng về. Nhưng thân phận chung của họ vẫn như chúng tôi: Người đội trưởng sau này dính vào một vụ tố cáo tức cười về việc tổ chức phái đoàn đón quân đội Trung Quốc đã phải nằm hộp, bê bết như tấm tã!

Những người trật tự sau khi theo cán bộ trực trại điểm danh xong thì cũng trở về phòng mình để ở ngoài khoá trái cửa lại. Chỉ có hai, ba người không những ở ngoài ban đêm mà còn ở cả ngoài trại nữa: Đó là những người giữ nhiệm vụ đốt lò nung gạch. Tất nhiên họ cũng có quản chế kèm theo nhưng ra ngoài đó tù cai một cỏi, họ được quản chế dẫn đi luồng tuồng, đào củ mì, củ lang, bẻ bắp. Tất nhiên là cho người quản chế nhưng cũng là cho họ nữa. Cho quản chế, bởi vì họ cũng kha đói. Sau này chúng tôi mới chứng kiến cảnh mì Nhật đắng nghét, ăn say đến nôn oẹ mà anh bạn hậu cần phải đều

đều sáng chiều mài ra, quần lá hấp cho quần chề, quần giáo mỗi người vài nắm bột, không có muối, lật đen độ tanh muốn nhợn lên! Trại cũng có cắt đặt một vài tên tù trông coi các nương sắn, bắp, đậu. Tên tù nguy ăn trộm thấy có người canh thì không dám xáp tới nhưng công an thì cứ vật tĩnh bơ. Tên tù canh năn nỉ thì bị quạt trả: “Của gì của ông nội mày mà mày giữ?” Bắp bị vật thật tàn nhẫn, củ bị moi bừa bãi làm sao che giấu được? Hỏi, tên tù ấp úng mà quả quyết không có tên nào lấy thì người ta cũng hiểu ai là thủ phạm. Chuyện năm này qua tháng nọ mà các tên tù cứ bị la rầy hoài. Thật cũng giống như ở Hóc Môn khi người ta nghĩ ra chuyện bắt chúng tôi gác đêm, đỡ cực cho vệ binh. Nhưng với bọn nguy ăn no ngủ kĩ lâu ngày quen thói thì việc quái gì ma canh với gác! Chỉ có các anh vệ binh ban đêm mò mẫm đi tháo gỡ mấy tấm che bằng nhôm, bằng tôn để về làm “hòm” thôi. Chúng tôi phải làm sao?

Đang con hăng tiết một quản giáo trả lời như đùa: “Giữ lại!” Trời đất! Một quản giáo khác chữa: “Các anh lên lên báo cáo cho chúng tôi hay.” Trời đất! Lại xúi dại. Gặp tên vệ binh nó tương cho một phát rồi hô trốn trại thì bỏ mẹ!

Vào lúc này ban ngày còn rảnh rang như thế thì ban đêm hẳn càng lắm chuyện. Xúm nhau mà đấu láo. Dân tứ xứ, tuy rằng chỉ trong một cụm Hóc Môn nhưng nhập lại cũng đủ chuyện để mà nói. Ác hại thay, thật ít chuyện của vài năm qua mà toàn là chuyện đời xưa. Cái đó, các anh công an gọi là “luyện tiếc quá khứ”. Mà đúng thật, tuy chỉ là để vui đùa, không phải để ôn tập, tôi luyện hận thù, âm mưu như các anh lo đề phòng. Chuyện nhiều nhất là của các anh giặc lái. Phong cách ăn chơi khiến họ có nhiều chuyện để nói, và còn đủ sức vui đùa lúc này. Đấu liên miên mà không ngờ – và cũng chẳng cần ngờ, người ta đứng rình bên ngoài hóng chuyện. Trong một lúc ngậm ngậm nước, tôi thoáng thấy một bóng người ở góc tường ngoài, giả tảng mù mờ đi đi, tôi phun ngay về hướng ấy rồi lảng đi thật nhanh. Hình như hẳn có né sang một bên rồi lên tiếng gọi trưởng buồng: “Anh hãy kiểm điểm thái độ của cái anh vừa nhổ nước đó.” Trong cái ồn ào hơn tạp của lúc mới đầu, trưởng buồng cũng chẳng biết làm gì ngoài việc vâng dạ. Phần tôi, tôi nhớ tới câu chuyện lúc nhỏ nghe mẹ tôi kể cha tôi cũng đã giả tảng cầm luôn thau nước rửa mặt tạt vào tên mật thám Tây núp dưới lùm cây bên nhà. Thời thế

đổi khác cho kết cục: Anh mật thám nín thinh chịu nhục, còn người công an ngày nay gầm gừ đòi trừng trị. Nhân danh lẽ phải chiến thắng trong tay.

Ngày Tết đến. Ngày thường chỉ com trộn khoai và chén mắm nước. Chưa cảm thấy thiếu thốn vì đồ ăn mang theo giấu được vẫn còn. Trại cho giết bò heo để vui Xuân. Chúng tôi được cho biết nhà nước nuôi phạm là 12 đồng một người hình sự, 13 đồng một người cải tạo – nghĩa là cái giá cải tạo không hên ngày về hơn một đồng đối với người có quy định năm tháng ở tù. Ít ra là trên mặt những con số, bởi vì tiền được nhập chung lại, mua gì ăn nấy, mỗi ngày rút một ít để dành ngày lễ lạt đem ra vật con heo, con bò cho mỗi người có một miếng để thấy thế nào là thịt. Mà ngày lễ chính thức của xã hội chủ nghĩa thật hiếm hoi: Tết Dương lịch, Âm lịch, 1-5, 2-9. Ngôi đền mới lập mà! Thần cũ phá đổ, thần mới chỉ lựa thừa.

Tết có những trò vui xuân. Chúng tôi không dự vào chuyện bàn thảo vì chẳng biết mô tê nào mà mò. Việc tổ chức đã có đám người cũ và một ban thi đua được đặt sẵn ở mỗi phân trại. Dù sao bọn 429 (người) này cũng thuần nhất hơn nên đá bóng, kéo co, đánh vôlây gì cũng được giải nhất hết. Cái bọn còn hơi thịt, ăn no ngủ kĩ ở Hóc Môn lại đem độ sức với bọn ốm đói trên rừng! Đứng kéo co, hai tên Django, Kingkong quàng dây, một tên đứng đầu, một tên ở cuối khệnh khạng chàng hảng ra để bên địch hò hét như thần lẩn lay cột đình. Có ai ngờ một tên kingkong sau đó biến thành bộ xương biết đi, luôn luôn ỉa chảy, kiết lị, phù thũng, gập gì ăn nấy: củ khoai, con mối, con trùng cây, con kiến gương, chín có sống có, không chưa thứ gì cả!

Ngày vui qua mau. Mồng ba Tết chúng tôi được lệnh đi làm. Chúng tôi cũng không kịp lưu ý đến cái giọng hò hét, hô hào thi đua lập công dâng Đảng, mừng năm mới, thắng lợi mới... của anh trưởng ban thi đua. Anh người Bình Định, là một trung sĩ cảnh sát nhưng vì ở nơi khỉ ho cò gáy này nên được làm Trưởng cuộc, và vì thế vào hộp tù hồi tháng 3, 4-75 gì đấy. Trại này trực thuộc trung ương nên đã dồn chứa người tứ xứ, phần lớn từ Sài Gòn chuyển ra như trường hợp chúng tôi, như của một số thuộc diện chính trị dân sự của T20 Gia Định (Phan Đăng Lưu), những đứa trẻ bụi đời được đưa đến khá lạc lõng, và cũng có một phần không nhỏ những người quanh vùng của các trại địa phương: Plei Bon của Gia Lai - Kontum, Kim Sơn của Bình Định

dồn ứ giải toả ra. Cho nên tôi cũng cảm thấy một chút gì khá quen thuộc khi nghe lại cái giọng Nam Ngãi Bình Phú vắng từ lâu.

Đội tôi được dẫn ra ở một vùng đất trũng có dáng một cái ao hình vuông đào lỗ dở. Nhưng phía đáy là những tảng đá to lôm chôm, và có chỗ là một nền đá liền lạc.

Không biết như thế này thì làm sao đào thành ao? Nhưng như những người con dâu mới, chúng tôi chẳng cần phải thắc mắc. Hãy tạm lấy xẻng hốt lớp cát bồi, chắc của mùa mưa năm trước đem đổ vào ki chuyển lên bờ.

Hơn mười ngày ở không, ngày đầu làm việc phần lớn đều tỏ vẻ khá hăng hái. Chẳng chờ thúc bách. Chẳng đợi ảnh hưởng về sau vì người cán bộ quân giáo đã nhấn nhẹ trước khi bắt tay vào việc: “Các anh trước kia ngồi không ăn bám, nay ra lao động phải làm việc với nhiệt tình để chuộc tội với nhân dân, để có một nghề lương thiện sau này.” Cái điệp khúc quen thuộc đã bớt nghe mấy năm rồi, nay nghe lại cũng gọi nên một chút bực mình nhưng chẳng được coi là quan trọng. Có điều cái thành kiến chúng tôi là dân biếng nhác cũng đưa đến một cách sửa sai tức cười. Đã nói phía dưới lớp đất là nền đá tảng nên người xúc đất phải ngồi xuống để mặt xẻng nằm ngang mới hốt được đất đầy, quân giáo ngồi trên bờ nóng tiết quát: “Anh kia, đứng dậy mà làm việc, đừng ngồi thế!” Chẳng hề gì, đây chỉ mới là món ăn chơi đầu.

Món ăn chơi thứ hai là cách xưng hô. Quen với ở quân quản, trong buổi tập hợp sinh hoạt, một người giơ tay: “Thưa anh...” liền bị nạt: “Anh gọi gì đấy? Anh học nội quy chưa? Xưng hô với cán bộ làm sao?” Có học nội quy thật nhưng chẳng cần nhớ, anh ta còn lúng túng thì người bên cạnh đã huých vào mình: “Thưa cán bộ...” Cũng chẳng hề gì. Chính vì khi một khuôn mẫu lí tưởng được cố theo cho sát lại trở nên xa rời thực tế thì sự cao đẹp tất nhiên đã không thể hiện mà cả sự gắng công cũng trở nên khô hài, lố bịch. Làm việc xong chúng tôi được tập hợp lại nghe giảng đạo đức xã hội chủ nghĩa. Những đội khác kéo nhau ra suối tắm rửa đi ngang qua chúng tôi. Có toán, quân chế đã dắt về trại. Đang thao thao bất tuyệt say sưa đem lại niềm tin mới cho bọn lạc đạo chúng tôi, viên quân giáo bị một người đeo súng dài ngắt ngang: “Thôi, cứ nói phét mãi, đi rửa đi rồi còn về!” Chẳng biết anh quân giáo

có ngượng hay không chứ chúng tôi thì không dám nhếch mép. Rồi chúng tôi cũng sẽ quen nói không biết ngượng.

Chúng tôi được tắm thường xuyên mỗi buổi đi làm về. Tuy trên nguyên tắc là mỗi tuần chỉ được tắm hai lần nhưng khi ra suối thì cởi quần áo nhảy xuống suối kì cọ mình mấy còn mau hơn là vốc nước rửa chân tay lau cái mặt, vuốt cái đầu dính đầy bùn đất.

Chúng tôi mới tới còn biết ngượng và ở cái thế còn có cái quần đùi để sự ngượng ngùng có lí lẽ biện hộ. Chứ những người khác, những đứa trẻ thật chẳng cần che giấu gì cả. Và vì thế chúng tôi mới được thấy những bộ xương khô, những cái đít tóp hằn lại, những làn da xám xịt đầy ghẻ lở, những hình ảnh mà ngày trước chúng tôi chỉ mới thấy trong sách vở, báo chí nói về các trại tập trung Do Thái. Để hiểu thêm rằng làm sao con người có thể sống được trong những hoàn cảnh đó: Không có cách nào khác ngoài chút sinh khí còn lại bắt buộc người ta phải ăn uống, ỉa đái, tắm rửa.

Những đứa trẻ phần lớn không có người thăm nuôi. Chúng là những trẻ bụi đời, ăn cắp vặt, xì ke lang thang rồi bị hốt. “Ở trong còn lắm điều hay” về những tội danh gán cho chúng. Nhưng cứ bằng vào tội đã ghi thì thật cũng khó trả lời – tất nhiên là đối với chính quyền mới – là tại sao tội buôn bán chợ trời, ăn cắp xe đạp, không có giấy tờ lại có thể vào trại tập trung đến 5, 6 năm mà chưa thấy ngày về. Có nhóm trẻ mang tội danh của người lớn: tội chính trị. Đặc biệt là một nhóm vài ba đứa bị bắt vì đã mở phiên toà ngay trong lớp để xử tội Hồ Chí Minh. Cả quan toà, cả bị cáo – chẳng biết làm sao có bộ râu dài để làm biểu tượng Cha già dân tộc – cả biện lí, cả luật sư bên bị... một vài quần chúng dự khán đều bị nắm chóp hết, đứa trẻ nhất mới 15 tuổi! Một tội trọng không thể tha thứ được. Nhưng chắc lũ trẻ này tuy chỉ có thể lấy thân xác và tương lai để làm gương nhưng không thể dạy cho người cộng sản về một nếp sống dân chủ. Trong khi công tố buộc tội Hồ Chí Minh bán nước cho Nga, Tàu nhân danh một lí tưởng xa vời để ghìm nước Việt trong một cuộc chiến dẫn đất nước đến suy sụp, kéo dài trong 30 năm thì luật sư bên bị hùng hồn bào chữa về tinh thần yêu nước của bị can, về công lao chiến đấu cho nền độc lập của nước nhà... đại khái lặp lại những điều nghe thấy từng làm bối rối cho cả thế hệ đàn anh. Cái trò chơi nho nhỏ thật quá nguy hiểm này tuy kết

thúc bằng bản án xử tử Hồ Chí Minh, vẫn không đem lại chân lí sáng tỏ vì sự ngập ngừng thể hiện trong diễn tiến của phiên toà nhưng ít ra nó cũng tỏ được một thứ truyền thống sinh hoạt dân chủ mà những đứa bé nọ đã lưu giữ được trong quá khứ gần gũi vừa qua của chúng. Thế giới Tây Phương mãi đến những năm 60 mới nghe được một phiên toà (nội bộ) trong xứ xã hội chủ nghĩa mà bị cáo là thủ tướng Khrouchtchev, không nhận tội và cực lực bênh vực quan điểm của mình.

Bây giờ, ở đây, còn lâu mới có một hình ảnh sinh hoạt như vậy. Ôi các em bé trong sự tin tưởng ngây thơ ở một sinh hoạt dân chủ, các em đã trả giá đắt cho công việc mà đáng lẽ người lớn phải làm!

Quản giáo hay gọi riêng nhiều người trong bọn để “làm việc.” Chữ “làm việc” cũng có nghĩa thật co dãn. Đó có thể là một buổi điều tra gay gắt nhưt đến một cách dò hỏi nhẹ nhàng gần như có tính cách chăm sóc cho đời sống riêng tư, cá nhân của tù. Bởi vậy chỉ có ở chủ nghĩa xã hội mới có nhân viên an ninh sắp cùng loại với cán bộ văn hoá giáo dục. Chuyện ở ngành công an thì cách xếp đặt như vậy cũng là hợp lí tuy có chút mỉa mai khi nhiệm vụ văn hoá được coi không khác nhiệm vụ điều tra. Những câu chuyện trong các buổi “làm việc” như vậy thường là hỏi về sinh hoạt cá nhân, gia đình trong quá khứ, nguyện vọng cần nêu ra, xen vào đó là những lời mớm hỏi về sinh hoạt của bạn bè trong đội để gợi ý tố cáo. Nhưng có khi cái tò mò của quản giáo chỉ có tính cách riêng tư. Qua K3 có một quản giáo kêu người này người nọ để hỏi chuyện xưa với lời mào đầu trấn an: “Đừng coi là một buổi điều tra, tôi ở Miền Bắc vào cần biết xưa kia các anh sống thế nào thôi.” Quả đúng như vậy, công an phần rất lớn là người Miền Bắc. Có người đã hỏi tôi: “Anh có bao nhiêu nhà lầu, xe hơi?” Và khi được trả lời là tôi chỉ có một chiếc honda phải “mại” vào thượng tuần tháng 5-75 thì người ấy không tin. Có gì lạ. Họ được giáo dục là bọn sĩ quan nguy hiểm chuyên bắn giết, đốt nhà cướp bóc đồng bào mà với sinh hoạt “phồn vinh giả tạo” họ còn thấy thì tin sao được người có “Giải thưởng Tổng thống” nhờ viết sách ủng hộ chương trình Việt Nam hoá của Mĩ như tôi mà lại chỉ có chiếc honda? Giá như là chuyện bạn bè thì tôi có thể lôi ra để dẫn chứng ông trung tá ở Tổng tham mưu chỉ có chiếc mobylette xập xệ, không dám đeo lon ngoài đường, đợi vào cổng số 2 (cổng

dành cho xe hai bánh) mới móc lên làm.

Quân cảnh phải lễ phép xin coi giấy tờ.

Quản giáo đội tôi nói rõ: “Người trong này đủ tiêu chuẩn làm công an rất ít. Chỉ có độ 10% là dân địa phương.” Chẳng có gì lạ ở điều đó. Trong khi đi làm tôi đã móc ra một bản đánh máy, dấu phân đã khô. Đó là một bản báo cáo nhận xét về một số nhân vật công an không đủ tiêu chuẩn, được đề nghị chuyển ngành. Một người Bình Định có lí lịch thật tốt với cha, anh là dân tập kết, chưa hề làm việc dưới chế độ cũ nhưng chỉ có chút tì vết là người anh rể vốn là trung sĩ bộ binh! Một ngành trụ cột cho việc giữ gìn chuyên chính vô sản không thể chứa chấp những người như vậy được. Có cái bất tiện từ đó mà ra là dưới tình hình cơ cấu nhân viên như vậy thì tính cách chiếm đóng, chinh phục của Miền Bắc thật không thể che giấu được dưới mắt người dân bình thường. Một người đàn bà đã nhảy lồng lộn trong xe đồ khi nghe một cán bộ ke ơn “hạt gạo cắn làm tư” (cho Miền Bắc, Miền Nam, Lào, Kampuchia): “Các ông, tới cái xì líp cũng chở về Bắc...!” Không hề gì, chính quyền vững mạnh cái đã.

Chỉ loay hoay ít ngày, chúng tôi lại nhảy qua một cái ao khác đã thành hình. Việc đầu tiên là vét các thứ bùn đất đổ xuống trong các mùa mưa trước. Nhưng ao phải được đóng cọc ngay ngắn, vét theo một kiểu mẫu định sẵn, có “kĩ thuật” theo đúng tiêu chuẩn “lao động có kỉ luật, có kĩ thuật, có năng suất”. Đành rằng “nước sông sông cải tạo”, không làm nơi này thì cũng phải làm nơi khác, không có việc phải kiểm ra việc mà làm, cái có làm cho đúng kĩ thuật, cho có kĩ thuật (một yếu tố của kĩ thuật đúng) là để kéo dài công việc ra. Nhưng qua cái cách làm việc này, người ta thấy được một thứ ám ảnh của từ kĩ thuật mà người ta coi là phải cố đạt tới để có danh hiệu văn minh.

Bậc thang bờ ao chẳng dây cho thẳng, miết đi miết lại cho sít từng phân từng li, luống khoai cũng chẳng dây hai đầu để vun lại sao cho ngút một đường, hai đầu đắp bè ra hình thang sao cho cân, cho khéo. Nhưng rõ ràng cái mục đích chứng tỏ – khoe khoang văn minh, đã làm hại cả mục đích kĩ thuật tuy rằng nhân danh kĩ thuật mà làm việc: Mấy cái bờ đất xắn theo hình bậc thang chống xói mòn, có bao nhiêu cỏ mọc lên lại cũng đều giẫy, nhổ cho

tiết, cho sáng sửa một công trình văn minh của loài người! Ở cái ao mới, nền đá lởm chởm không có cách gì đào sâu cho được nhưng chúng tôi cũng phải đục tới nó khi vét hết lớp bùn lấp ao. Đành phải đổi ra nghề thợ đá. Lấy xà beng nạy các tảng đá nhỏ vừa đủ khiêng, ném lên bờ. Các tảng đá lớn thì dùng búa đập, nhờ đội rèn làm các con “cá” chèn vào để chẻ chúng ra. Hai tháng vật lộn với những hòn đá ở cái ao này, tôi đã trở thành một tay đập đá lành nghề, biết cách lựa chiều cầm búa, biết cách kê phía dưới sao cho nhát búa làm tức đá, biết cách tìm các số nứt có sẵn để chèn con nêm vô. Hình như có ông cựu nho nào đấy – Huỳnh Thúc Kháng? – đã làm bài thơ “đập đá ở Côn Lôn”, không biết có đang tay phang mạnh như mình không?

Tôi vốn không làm thơ vì thấy không có khiếu, vì sợ tình chất tình cảm lẫn át sự quân bình của tâm trí hại cho việc nghiên cứu, nhưng biến động to lớn trong đời cũng khiến cho mình vương chút uỷ mị mà cầm bút. Thời gian cũ ở quân quản cũng có chút rảnh rỗi để có hơi phát tiết. Còn ở đây, đừng hòng. Cả ngày quay cuồng mệt đuối, đêm về ngồi hợp kiểm điểm muốn đứt cái lưng, nằm xuống là ngủ ngay chẳng còn thì giờ để suy nghĩ. Các cách kiểm soát bất thần, liên tiếp, tỉ mỉ đến không còn chỗ giấu một dòng chữ viết. Sau bao nhiêu lần thoát để giấu mấy bài thơ viết gọn trong tờ giấy bằng lòng bàn tay, tôi phải nghĩ đến một cách giấu vĩnh viễn trong thời gian ở đây – may mắn vào trong quai của một túi xách, lúc về nhà giờ ra chữ nhoè vì năm tháng, vì dấu kim dập lên! Nghĩ cho cùng thì các bài thơ ấy chẳng có gì là hay, là quý nhưng hành động ấy có nghĩa như một thứ thách đố, chẳng ra gì, nhưng cũng là một thách đố – thành công!

Tôi liên tưởng đến xứ Sibérie của Nga hoàng khắc nghiệt đến thế nào đề ông Lénine có thể có tài liệu viết quyển sách dày com, có các con số thống kê chi tiết? Đưa trường hợp này ra thì người ta lại có dịp huênh hoang về khả năng làm việc của bậc Thầy vĩ đại, về tinh thần đồng chí của người Cách mạng, về năng lực tổ chức của Đảng, kể luôn cả tính chất bất lực của một chế độ suy tàn không đủ sức ngăn một phong trào nổi dậy, vân vân và vân vân. Đúng một chút, và tôi nghĩ thêm một điều: Người cộng sản rút được kinh nghiệm nóng hổi của bản thân để đi vào chi tiết đề phòng những âm mưu còn trong trứng nước, đề phòng có hiệu quả nhờ các phương tiện mới trong tay,

nhờ kinh nghiệm đàn áp để giữ chính quyền của các bậc đàn anh xuất thân từ các nước tổ sư đàn áp đến cả thế giới cũng nghiêng mình bái phục!

Một chút may mắn đầu tiên đến với tôi. Người em rể họ đã ở đây từ 10-76. Chúng tôi gặp nhau trong buổi tổng kết thi đua 6 tháng cuối năm. Ngày tổng kết lần qua năm mới có kế hoạch thi đua ngắn mừng ngày thành lập Đảng 3-2. Chúng tôi không làm gì trong những ngày qua nhưng cũng phải tham dự như là một cách học tập sinh hoạt. Một nề nếp sinh hoạt mới trong tiếng trống thật hô hào thúc quân. Và kì lạ thay là tâm tính của con người. Một sinh hoạt rõ ràng không gây hứng khởi chút nào trong hoàn cảnh bức bách hàng ngày, trong cái cách mỉm cười chế nhạo lời hô hào của người trưởng ban thi đua, trong cái nắm tay uể oải gio lên tụt xuống ngoài sân theo khẩu hiệu: “Quyết tâm.., Tích cực...”, cái sinh hoạt ấy lại trở nên ồn ào, sống động trong cuộc bầu bán kèn cựa nhau ở đây. Đội này kém, đội kia trung bình, đội nọ khá, thật cũng chật vật trong vị thứ ngai lên, trụt xuống của mình.

Tôi ngồi đấy với tính cách đội phó, lắng nghe và nhìn một sinh hoạt mà tính cách rụt rè, sợ sệt dưới mắt người cán bộ quản giáo cũng không đề nổi ý muốn cạnh tranh, gìm nhau hơn kém. Và khi nhìn lên tôi bắt gặp cặp mắt tròn vo ốc bươu của người em rể.

Một chút bơ ngỡ và một chút ấm áp buồn rầu. Nó đã ở đây từ năm 1976, từ lúc trại viên – hãy gọi như vậy cho tốt đẹp, còn phải mắc võng trên cây để nằm, lần lần cất nhà để tự nhốt mình, rồi xây trại để nhốt bạn bè, đồng loại. Chúng tôi nhìn nhau đau xót. Quá khứ gia đình với những ngày yên vui cũ đối kháng với cuộc sống vô vọng rách nát hiện tại. Đồi đất trọc chung quanh, cây mùa đông tàn tạ khẳng khiu, hàng tre le khô mục, trong cái gương gạo đỏ, tiếng trống lân nào khơi dậy được niềm vui?

Biến động Trung Quốc đánh biên giới phía Bắc đến với chúng tôi thật bất ngờ. Trại có ống loa hàng đêm truyền tin tức, chính sách để “học tập theo báo Đảng, theo đài...” Ống loa quá nhỏ không đủ công suất để vang khắp nơi, chỉ có một vài gian ở đầu là nghe được thôi. Các gian phía trong chỉ nghe tiếng nhiễu âm, tiếng vọng lại từ trên đồi nên chẳng ai chịu khó chú ý. Cái

thói quen mở đài theo lệ như vậy khiến người giữ máy không biết trước được tính chất tin tức để tính xem phải phổ biến cái nào. Cho nên tin Trung Quốc xâm lược đã tung ra vài dòng mới bị tắt đi. Đủ cho vài người nghe nhưng chừng ấy cũng đủ rồi. Và từ đây chỉ có tin miệng. Radio im bật cả mười ngày. Bọn nhỏ lén nói với chúng tôi: “Năm ngoái các chú không có ở đây để nghe chiến thắng Nông Pênh. Ra rả suốt ngày đêm. Mở vôluym đến lói cả đầu!”

Có lẽ có chỉ thị qua hồi hoang mang nên người ta mở đợt học tập phản tuyên truyền, và radio bắt đầu lên tiếng lại. Thực ra cũng thói quen đã thành hình là các cuộc học tập, các đồ bản chứng minh không thừa một chữ, không thiếu một nét của các thứ từ tờ *Nhân Dân*. Họ không thể làm hơn. Nhưng cũng chẳng có gì để tuyên truyền nổi một dúm người tuyệt vọng. Người ta cũng biết thế và tăng rình rập. Người ta nói bắt bóng dè chừng vẫn trúng. Không biết ở đâu có tin rằng Trung Quốc từ năm ngoái đã tràn qua biên giới hốt luôn một trại tập trung, mang một mớ tướng tá mở mieng cho họ tổ cáo chế độ. Lòi rỉ tai đó rõ ra có một ước vọng được giải thoát từ cái miền xa xôi hẻo lánh này. Cái ước vọng ngây thơ khiến quên hẳn những chuyện có thể xảy ra trong thực tế: Trước khi quân đội chiếm đóng đồ bộ, người ta có thể dời chúng tôi đi càng ngày càng xa trong hang cùng núi thẳm. Và giả dụ có một cuộc càn quét bất ngờ thì trước khi bỏ chạy, những người canh giữ chúng tôi tiếc gì mà không tặng một loạt đạn để họ yên tâm ra đi?

Đó cũng là chuyện còn xa. Chuyện gần gũi hơn, là một âm mưu bị phát giác. Một buổi sáng trong lúc chờ đợi đi làm, chúng tôi thấy viên cán bộ văn hoá giáo dục bước vào đứng phía trước, tay cầm cuốn sổ. Đã quen lệ, chúng tôi biết thế nào cũng có một vụ thi hành kỉ luật. Thường thường thì đó là một vụ đánh nhau, liên hệ trái phép với bên ngoài, đào khoai, bẻ trộm chuối... Một khuôn mẫu văn thư công an được đọc lên chỉ khác có tên và lí lịch người phạm tội được điền khuyết: “Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam... tên X, sinh ngày... quê quán... trú quán... tội danh... án phạt... mặc dù được cán bộ giáo dục nhiều lần, y vẫn ngoan cố không chịu cải tạo... (tội danh mới)... quyết định phạt 15 ngày giam ở trại kỉ luật, cùm một chân, cắt thăm nuôi 3 (/6) tháng. Đồng chí A là cán bộ trực trại có nhiệm vụ thi hành quyết định này.” Đọc xong thì bị cáo đã đứng dàn hàng ngang châu trước mặt mọi

người, lui thủi theo trật tự về phía phòng giam.

Điều khác đối với chúng tôi là số người phạm tội hôm nay có vẻ đông hơn. Điều rõ rệt nữa là lúc người ta đọc tội danh. Đến cả chục người liên luy đến âm mưu lập một chính phủ lâm thời, lập một phái đoàn đón tiếp quân đội Trung Quốc. Đối với khu A của chúng tôi thì đó là những người xa lạ, những chuyện xa lạ. Với khu B, C thì chắc họ đã biết tư lâu vì là chuyện có liên quan đến nhiều đội ở đây.

Phần lớn họ là những người ở T20 trại Lê Văn Duyệt Gia Định bị bắt vì tội “phản động” đưa lên đây – phần lớn là dân văn nghệ sĩ, làm báo, thầy giáo, kể cả một anh giáo đến chơi nhà bạn bị vạ lây! Một cái tên quen biết đối với lớp học trò là Nguyễn Sĩ Tế. Một cái tên làm giựt mình – chút ít thôi, cho những ai thích bon chen, cứ tưởng làm được “tự giác” là chỉ ở tù một-nửa: anh Đ. đội trưởng đội Kỹ thuật. Hình phạt đến tối đa: “Cùm một chân vô thời hạn.” Người ra trước vành móng ngựa trại thì dưới số 10 nhưng người nằm ấp ra vô hàng mấy tháng thì không dưới 30!

Những người này vào đầu năm 80 sẽ là bạn đồng hành qua K3 với tôi. Và rì rầm rì rầm từng chút một, câu chuyện được sáng tỏ. Âm mưu đó là cả một thiên tiểu thuyết đầy đủ chi tiết hấp dẫn, sản phẩm của một đầu óc bệnh hoạn, một anh thầy pháp ngoài đời quen lối biến không thành có, nhưng bằng vào bản năng, kinh nghiệm nghề nghiệp anh đem những chi tiết có thực ghép lại thành một câu chuyện như thực, cuốn hút được đám công an đang hoang mang bối rối. Nhưng dù sao tiểu thuyết cũng không phải là thực nên nên chính người chủ mưu tố cáo và đồng bọn cũng đi nằm ấp vì bị nghi ngờ có âm mưu gây rối khác khi đưa ra lời tố cáo kia. Và giản tiện nhất đối với công an là nhốt cả hai phía!

Trên 20 người dính dáng đến nội vụ sẽ qua K3 với tôi đầu năm 80 – té ra mình cũng quan trọng quá! Có người từ trong trại biệt giam ra, có người đang nằm ở bệnh xá, có người đã về với đội nhưng phần lớn đều đi không nổi phải có người đỡ, nét mặt chưa hết vẻ kinh hoàng, ngơ ngác. Những người tố cáo cũng bị giam nhưng thỉnh thoảng được lôi ra cho ăn riêng, tạm no đủ. Họ được chuyển đi giam ở phân trại khác, chắc là để đề phòng sự trả thù lúc đó.

Nhưng ở các nhà giam ấy họ cũng bị coi như những tội phạm đã vào khu kỉ luật, điều này tôi được biết khi nhìn thấy thái độ của công an K3 vào thời gian chúng tôi được chuyển sang với một người trong bọn đã từng “lánh nạn” ở đây.

Tù biệt giam theo quy chế chỉ được hưởng 9kg gạo mỗi tháng. Cái tiêu chuẩn 9kg này chúng tôi đã biết được rằng chẳng phải là 9kg đâu! Trật tự xúc bao nhiêu thì hay bấy nhiêu. Cơm hay khoai được phát ăn vào khoảng 2 giờ chiều, trước mặt cán bộ trực trại. Phải ăn dồn cả ngày, và cho lệ. Chậm chạp thì bị đòn, một cú đá không thương tiếc trong khi tù còn vướng cái cùm. Họ phải uống nước đá như chuyện bình thường nhất. Rệp trong cùm chưa đủ, cứ bắt đầu bị khoá tại chỗ, nằm cũng không cục cựa được thì họ phải nhìn từng đoàn rệp từ trong vách giống trống mớ cò tiến về cái xác hôi thúi còn nóng của họ. Nghĩ về cái hình phạt cho kiến cắn nói về một xứ sở nào đó. Trời Tây Nguyên lạnh buốt mà chỉ có một manh áo trong căn nhà đá cất riêng biệt bằng đá tảng cho chắc chắn. Cuộc đời trôi qua trong chịu đựng, lời kể lại có đôi chút kêu cầu xót thương, tuy có nhận được sự chia xẻ nào đấy nhưng vẫn có sự cách biệt lớn lao giữa cái biết và cái sống. Chuyện chính mình trải qua, được hồi tưởng lại có đậm nét xúc cảm hơn nhưng sự bất lực của tâm trí cũng không cho phép thịt da to lộ hết, hay cảm nhận lại đầy đủ cái quá khứ nhục nhằn bị thương.

Có gì lạ lùng đâu khi bọn nhà binh khá thuần nhất của chúng tôi đã tổ chức một cuộc cướp súng, trốn trại táo bạo độc nhất trong lịch sử nơi đây? Một hành động tuyệt vọng nhưng cũng đúng với bản chất con người từng cầm súng.

Chiều hôm ấy chúng tôi đi làm về đang ngồi ngoài cổng trại chờ các đội khác báo cáo vào, như thường lệ. Bỗng có tiếng súng nổ dồn dập phía bên phải. Mọi người nhóm dậy nhưng bị quát bảo ngồi yên. Thế rồi cán bộ trực trại vội vã vác số leo lên chòi hấp tấp cho các đội vào trong khi những người lính khác vác súng chạy xầm xầm về hướng hỗn loạn. Trên đường vào chúng tôi vẫn còn nghe súng nổ dồn tan. không biết ai đã kêu lên nho nhỏ: “Đội 11!” Đội 11 là của nhóm chúng tôi đã di chuyển riêng biệt qua khu D lẫn lộn với các đội cũ.

Một giờ đi lấy cơm ăn trước khi lên chuồng đủ để người ta thu thập tin tức. Chúng tôi cũng thấy đội 11 lữ đi vào cổng, về phòng, cửa đóng sập sau lưng họ. Quả thực có cuộc cướp súng trốn trại với chủ mưu là ban tự quản đội: đội trưởng, đội phó, thư kí, 4 tổ trưởng. Họ chuẩn bị khá kĩ. Trong hai tháng qua họ đã để dành phần khoai của mình, đem phơi khô làm lương thực dự phòng. Thường lệ đi tắm có mang theo túi đựng quần áo thay đổi, đến ngày khởi sự họ mang số lương khô ấy theo mình. Họ không khởi sự vào buổi trưa mà đợi lúc chiều tối. Lúc keng báo thu xếp cuộc xêng, họ chia nhau ôm vật hai quân chế, một quân giáo để giết súng. Họ không thành công chớp nhoáng được vì dây súng mắc vào người các quân chế nên sinh giằng co. Thấy động lâu người đội trưởng hô anh em chạy trước còn mình ở lại cùng cản trở với đội phó. Tất nhiên khi buông chạy thì họ lãnh loạt đạn trước tiên. Xác họ nằm úp trên bờ đất, óc tung tung toé. Năm người khác biến mất vào bìa rừng.

Tôi hình dung lại những người gan góc. Họ đều là những người trẻ. Đội trưởng là người Bắc gốc Hoa. Tôi vẫn nhớ nổi ngạc nhiên khi bắt gặp anh “trâm” một hồi tiếng Tàu. Anh nói được mà không vi phạm nội quy vì có lẽ chúng tôi là dân mới, một phần khác ở đây dân Nùng, Hoa khá đông, họ nói tiếng “mẹ đẻ” thật đúng chữ của nội quy. Đội phó là dân Sài Gòn. Trước đấy mấy ngày, đi tắm ở suối, tôi bắt gặp anh đứng “chào cò” trước mặt quân chế, tay còn nắm mấy cây cải trời, cải tàu bay lấy về “cải thiện”. Tôi còn hình dung được cái dáng lui thủi của anh khi trở về đội. Không biết nổi nhục nhã phải chịu ấy có thêm phần kích thích nào trong hành động quyết liệt của anh không. Chỉ biết hai cái xác chết để lại đã chứng tỏ được giá trị của hai anh: xung phong làm đầu, cản trở phút chót, làm tròn nhiệm vụ đàn anh của mình. Mớ óc vỡ tung toé trên bờ đất thối vài ngày rồi cũng phai nhưng câu chuyện còn kéo dài giữa những người đồng cảnh dù rằng con người thật mau quên.

Hôm sau, buổi đi làm nghe tiếng gầm gừ của viên cán bộ giáo dục. Lại “bẻ nạng chống trời”, lại “Hãy nhìn mấy cái xác nằm đó mà làm gương, mà suy nghĩ...” Người ta cho đi nhìn để làm gương thực. Kết quả cũng là thừa. Người nào người nấy đi về câm như thóc. Cũng chẳng có biện pháp gì siết

chặt hơn. Đội 11 có một ban tự quản mới với những người già bạc tóc. Những người trốn cũng không thoát được. Một tháng sau có hai người bị bắt về, thương tích đầy mình. Họ bị truy nã và vây bắt trong một khóm rừng nhỏ. Không có súng trong tay họ hô xung phong và trốn chạy. Ba người ngã gục. Những người bị bắt nằm nhà đá, chữa khỏi vết thương và ra đi làm như mọi người khác. Một người ở lại, một người qua K3 với tôi (2004: *Nguyễn Mạnh Hùng*) “Cứ mỗi lần gặp tôi là có đưa gờ ngón tay cái lên. Mặc cỡ quá!”

Một trường hợp phản ứng cá nhân cũng được giải quyết ngắn gọn. Từ Hóc Môn chúng tôi đã được nghe đồn về anh V. ở một T khác. Anh là dân nhà có tiền, tất nhiên đã từng du học, tiếng đồn khá gàn bướng. Trong hoàn cảnh o ép, cái gàn ấy được coi như một biểu lộ chống đối oai hùng, giải toả được cái mặc cảm rụt rè nhút nhát của những người khác. Nội quy cấm “nói (chuyện bằng) tiếng ngoại quốc”, anh lảm nhảm đi qua đi lại nói một mình. Bị hạch hỏi, anh trả lời tỉnh bơ: “Tôi nói với tôi chứ có nói chuyện với ai đâu!” Ở gần mới biết anh bất bình thường tuy ngày thường tỏ ra rất tốt, quá tốt để thấy rằng đó cũng là một biểu hiện bất bình thường. Điều đó hình như đã có từ trước, ngay ở gia đình. Ở Gia Trung, cái cảm giác kinh hoàng, sự uất ức ai cũng có nhưng phải để một người bất bình thường như anh mới bộc lộ được. Nửa đêm ngủ dậy, anh nổi cơn la hét.: “Tao chịu đi tới Hoàng Liên Sơn, tao sẽ tố cáo tội ác của chúng mày trước thế giới...” Cách xử trí của công an giản dị như thói quen của họ: Đem nhốt một đêm, tắm quất một ngày rồi thả. Một buổi chiều đi làm về, chúng tôi thấy anh bị bắt đứng im nơi gốc mít, dáng thảm hại trong cái áo tự đan bằng bất cứ sợi bố nào anh nhặt được trên đường đi làm, trong hố rác, mắt khò khạo sau đôi kính đeo treo trên sống mũi, trông như mù phù thủy trong các tranh của Tây. Và có lúc tôi nghĩ đến nhân vật Đông Phương Bất Bại của Kim Dung. Chỉ ở cái dáng hình thôi. Cái dáng đàn bà ấy có ngay trong bản thân anh, chúng tôi biết được nhờ nghe lỏm anh nói một mình. Và vì mọi cái yếu tố bức bách hồ lớn ấy mà anh làm cho mọi người không ưa.

Anh mè nheo, sần sượng, chửi bới tất cả – kể cả những người tưởng là thân – có khi lan ra nằm vạ như người đàn bà nhà quê chính hiệu mà tôi chỉ biết trong tiểu thuyết phong tục Miền Bắc. Cái bất thường khiến anh hành

động vừa có lí vừa bất hợp lí, và vẫn thường lí sự chống chế cho cái vô lí của mình, cái lí sự có khi đặt cơ sở từ căn bản kiến thức rất cao, từ một quan niệm sống rất văn minh. Anh nhặt tất cả các rẻo vải dày, tháo ra rùng sợi có lúc không đầy gang tay mà ngồi tỉ mỉ xe, kết, đan từ cái vớ, mũ đội đầu đến cái áo lòi mỗi chỉ bù xù, rồi mặc như con mẹ ăn xin góc chợ. Anh lượm các xương cá, xương bò heo để làm collection, lựa cái này để làm cái nĩa, cái kia làm cái muỗng, thích thú với những hình thù kì quái của nó, và có khi đưa lên gặm nếu thấy chút mẩu gân hay thịt còn dính vào đấy.

Cái đói bực lộ ở anh theo mức độ quá quắt nhất và cũng đã làm khó cho nhiều người. Quản giáo trong lúc tập hợp đã nói với chúng tôi: “Các anh được 15 cân chứ chúng tôi làm việc cũng chỉ 16 cân thôi và nay mai sẽ chỉ còn 13 cân... Theo tiêu chuẩn chúng tôi có $\frac{1}{2}$ cân thịt mỗi tháng mà hai năm nay có gì đâu!” Có lẽ hồi ấy nếu hiểu biết về tình trạng bên ngoài chúng tôi sẽ bớt khắc nghiệt với sự so vì đó.

Nhưng làm sao đem cân các hoàn cảnh khác nhau trong đó cái thiệt thòi của mình thì nêu ra còn cái ưu thế của mình thì giấu biến đi? Chúng tôi sẽ hiểu thật nhiều cái khổ cực của họ qua thời gian chung sống nhưng cũng có ngay một minh chứng lẻ tẻ: Một người vừa được thăm nuôi ban chiều thì đến tối một quản chế đến gần cửa sổ khều ra xin tí mỡ! Cả một chính quyền hăm hở với một lí tưởng xa vời, rốt lai bất lực không giải quyết được sự cùng cực của dân chúng bèn lấy tiêu chuẩn là những đức tính thật đáng buồn của quá khứ khốn cùng triền miên: kiên nhẫn, chịu đựng, an bình lạc đạo (đạo cộng sản) – và có sẵn trong tay tất cả mọi khí cụ đàn áp của thế giới văn minh để giữ lại cả một thời xưa cũ mà mắt hướng về tương lai. Nhưng chúng tôi thì không biết chứ những nhân viên này sao lại không thấy cảnh xa hoa ở đô thị, cảnh các đồng chí của họ một bước lên xe xuống ngựa nhờ các cách làm ăn không xã hội chủ nghĩa chút nào? Lại trở về với bản tính con người thụ động, họ chỉ có thể nín nhịn để suy bì, ganh tị – cả với bọn tù!

Đói vào lúc này thì gắng gượng cũng chẳng có gì ăn. Kinh nghiệm cho biết sau Tết mùa màng đã xong, mì bắp cất vào kho, ngoài đồng chỉ lựa thưa những cây cải tàu bay, cải trời lẻ tẻ, chúng tôi bứt những thứ ấy đưa ra suối rửa, bỏ vào lon, lấy có uống nước đến bếp đội mức nước sôi đổ vào cho dập

dập một ít rồi ăn. Tất nhiên phải khéo léo lắm – hay ít ra là khéo léo để quản giáo đừng thấy quá lộ liễu. Tiện hơn cả là bứt các lá sung, lá com nguội bỏ ngay vào miệng.

Tôi vẫn nhớ mãi hình ảnh xúc động nhất trong thời gian ở đây. Một ông đại uý quê ở Tây Ninh bị lao nặng. Tính chất người ở tỉnh, lại là tỉnh Cao Đài, lớn tuổi, ăn sâu vào tâm tính thực thà, trong cách nói chuyện căn cứ trên các nguyên tắc đạo đức khiến ông tách rời chúng tôi một ít, ngoài cái nguyên có bệnh lao đã làm chúng tôi phải dè dặt. Ông vốn đã giải ngũ từ lâu, nhưng có bắt đi học tập cũng chẳng hề gì, đi ba năm không về cũng chẳng hề gì, mang thân ho lao có lên đất Gia Trung lạnh buốt, đói khát cũng chẳng sao nổi, lỗi không ở địa phương cũng không ở trung ương, với bọn chiến bại thì không có chữ “lỗi” ở người chiến thắng. Vậy thì ông đã lên đây để bứt cỏ ăn cầm hơi. Lúc đó chúng tôi đang lấy dây kẽm cột hàng rào – lớp hàng rào kẽm mới, phủ thêm bên ngoài lớp le cho chắc từ khi có biến động do chúng tôi gây ra. Kẻ đứng cột trên cao, người ngồi cột dưới thấp. Và ông ta cũng ngồi. Chúng tôi phải đứng hơi xúm lại để che bớt tầm mắt của người quản chế từ phía sân phơi của nhà kho. Ông bứt lá tàu bay, lấy tay phui vài cái, không phai để cho sạch mà là để bụi cát rời đi, rồi ăn ngon lành. Tôi cứ nhớ mãi cái dáng lom khom của ông, đôi mắt sáng rực lên khoái trá trong khi hai bắp thịt gò má hõm phía dưới lưỡng quyền, nhúc nhích cử động theo nhịp miệng. Không phải một con vật! Tôi đã thấy bò ăn cỏ, lừ đừ chậm chạp khoan thai lúc nhai lại, tôi đã thấy dê tung tăng chồm lên bụi cây nhai nhóp nhép mà nghênh ngang.

Nhưng tôi không thấy một con vật lấm lét ăn lá cây mà mắt sáng rực lên, sợ bị bắt gặp mà tiếng nhóp nhép cứ tuôn ra không giấu nổi. Ông bạn già hơn mười tuổi đã giảng cho tôi về sự thiện lương đó, ông có thấy đạo đức biến thành lá tàu bay không? Và hôm ấy nếu bị bắt gặp, bị gọi là hành động thiếu văn hoá mới, thiếu đạo đức mới, ông có ý nào đem so sánh trong khi dỗ giấc ngủ với đạo đức cũ của ông không?

Nếu nói đây là trại cải tạo, nơi đây là khuôn mẫu một tổ chức làm ăn với tính cách xã hội chủ nghĩa thì điều chúng tôi học tại đây, biết từ đây là tính cách quân sự hoá của lối sống tập thể. Tổ chức thành từng đội, ăn ngủ theo

tiếng keng và làm chung thì cũng ăn chia chung. Cái ăn chung đó chúng tôi đã thấy trong trại. Và còn thấy ngoài trại với những bữa “cải thiện” chung mà hình như không được đảng hoàng công khai lắm.

Như đã nói, chẳng có gì ăn sau những ngày Tết. Trong lúc làm đất ao chúng tôi moi được một buồng chuối giấu sau đồng lá. “Của bọn tự giác đem giấu đó.” Nấu ăn, chia nhau, tất nhiên có phần dành cho quân giáo đem về chờ chín hơn. Số vỏ bỏ ra ít hơn số trái chia nhau. Chẳng có gì lạ: Có người ăn cả vỏ. Số vỏ bỏ ra lại hao hụt lần nữa: Có người lén đem về trại, lấy nước sôi được phát, quậy chút bột ngọt giấu được, làm canh ăn ngon lành. Còn hơn là tàu bay đặng hay là cái trời nham nháp trong lưỡi như bò ăn lá tre! Cũng là cái thói quen mà cũng có thể vì tình lân tuất đồng loại, quân giáo, tùy người co dãn, có thể đi tìm nguồn cải thiện cho chúng tôi. Họ cho phép vài người đang làm việc tách ra hái rau lá, xoài rừng nấu canh chua, đi xin củ mì ở một khu nào đó, hay dẫn đội trưởng đi mua bánh tráng mì bán ở cǎngtin...

Chính vì còn có sức mạnh ở Hóc Môn tích trữ nên chúng tôi đã làm việc mạnh hơn những người ở đây. Lí do cũng còn vì là “dân mới” nên e dè, người trông coi cũng thúc bách nghiêm khắc hơn. Chúng tôi chưa học được và có người mãi mãi chưa học được cách sống ù lì cần thiết để bảo vệ đời sống của mình. Cái tính chất tiểu tư sản mà lí thuyết bài bác – tự ái vật – tất nhiên là cả sự sợ hãi nữa, được khai thác để thúc đẩy chúng tôi làm việc. Các cậu bé làm chung với chúng tôi đã kêu lên: “Các anh làm vừa vừa chớ. Ăn 18 kí khó lắm các anh ơi!” Tình thật lúc đầu quả không ai nghĩ tới chuyện đó. Có 3 mức ăn được quy định: 15 kí một tháng là trung bình, 18 kí cho những người làm việc xuất sắc, 13 kí rưỡi cho người biếng nhác, bê bối, vi phạm nội quy. Nhà nước cũng chẳng thiết thời gì khi cho một người ăn 18 kí vì số 3 kí trội lên đó là lấy của hai người bị đánh tuột xuống 13 kí rưỡi!

Ở các trại cũ có lần chúng tôi đã thoáng nghe chuyện này nhưng không thấy thực hiện. Ở một trại, nghe nói bộ đội có ý thi hành nhưng không được vì trong các cuộc bầu bán, mọi người đồng ý cho nhau ăn 15 kí không phân biệt. Ở công an, cái không khí khủng bố đã làm rã lớp sơn đoàn kết mỏng manh đó. Sự no đủ dễ làm cho người ta bao dung, như thêm một chất trang điểm cho đời sống, ở đây thiếu thốn, người ta kèn cựa nhau, tranh giành từng

miếng ăn, và chỉ cần một vài người như thế là đủ cho người cầm quyền có cơ can thiệp để thực hiện nguyên tắc và khiến cho sự sợ hãi của bọn tù tăng lên. Tháng hoặc còn có đội bầu bán cho ăn đều hết thì trước khi đi làm phải chịu tập họp nghe “giữa” và được nghe quyết định của quản giáo. Người ăn 18 kí được khá nhiều vì gộp lại phần sứt của hai người. Người 13 kí rưỡi chẳng sứt bao nhiêu, chỉ khoảng một muống cơm thôi, nhưng là cả một đại họa vì có thể hiểu thắm thía cái ý tưởng biên tế của kinh tế gia Keynes – muống cơm trong cơn đói! Điều đáng ngại hơn là sự đe dọa đè nặng lên tâm trí người xấu số, lúc họp hành được nhắc nhở tới tên – phải có một con dê tế thần để tỏ ra buổi họp sâu sát. Quản giáo chỉ tay nạt: “Anh có thấy nhục khi ăn 13 kí không?” Bị một lần phai nghe suốt cả trong tháng đến bình bầu cuối tháng, đến bình bầu hàng quý, hàng nửa năm, hàng năm! Thế mà cũng như các trường hợp vấp ngã khác, chưa ăn 13 kí (nói gọn cho 13 kí rưỡi) thì cứ tưởng chắc là chết mất, nhưng đã vào vòng rồi thì thấy cũng chẳng nhằm nhò gì (kinh nghiệm bản thân đấy!) “Nhục” là thật mà! Nhẫn nhục trong lúc thiếu thịt này thì cũng có hơn chứ! Có người còn tìm được ý nghĩa vui đùa: “Lãnh cơm 13 cân phát riêng, tao trút gọn vào chén, tém một cái là hết, leo lên sạp ngủ trong lúc chúng mày lu bu chia chác, cãi cọ!” Thực ra biện pháp chia mức ăn mang mục đích đe dọa nhiều hơn, để quản lí người chặt chẽ hơn. Mức ăn tính theo đội chứ không phải theo toàn thể trại bởi vì cuộc bầu bán diễn ra trong đội và do quản giáo đội quyết định. Thành thử cái anh ăn 13 kí của đội này có thể còn làm việc giỏi hơn anh ăn 18 kí ở đội khác. Đã lấy một anh ăn 18 kí vì lí lẽ này nọ – mà lúc nào cũng phải có một anh như vậy để giữ tinh thần cạnh tranh, kèn cựa trong đội, thì phải móc ra hai anh bết bát. Vô phúc cho anh nào những ngày cuối tháng chống cốc ngó trời hay chán nản vứt cuốc bị quản giáo bắt gặp! Còn về phần chia cơm cũng có chuyện tức cười. Đội nào, tháng nào có nhiều người ăn 13 kí thì khổ vì cơm của những người này thật ít, nhưng nếu chỉ có một người thôi thì hầu như chẳng thấy gì sứt cả vì cấp dưỡng – cũng là tù, làm biếng cân cơm, đã xúc độ chừng, cơm có thêm mấy milligram thương cảm nên chẳng có gì là ít, “không coi được”. Vì thế mới có lời huênh hoang của anh bạn trên.

Và điều anh bạn phê bình đám ăn 15 kí lu bu kể cũng đúng. Đã nói bần

cùng sinh đạo tặc mà! Thói quen chia cơm đã có từ Hóc Môn. Ở đây viên Phó giám thị – dân Bình Định, người đòi bắt suất mang tai mà không trúng đầu – có lần lò dò đến chỗ chia cơm xem cung cách làm ăn của chúng tôi, đã hỏi: “Các anh để chung mà ăn, đừng chia có được không?” Không có tiếng trả lời, một phần vì chẳng biết làm sao đành chỉ cười trừ, phần khác vì mắc lom lom nhìn vào thúng chia cơm xem nó có bớt của mình, thêm phần của nó không. Có thật nhiều “sáng kiến” về việc chia sao cho “công bình” nhưng chẳng có biện pháp nào lâu dài và cũng chẳng có ai thoả mãn. Luân phiên nhau chia. Phần còn lại không thể đong bằng chén phải chia nhỏ, hay phần mắm, thì đánh số rồi bắt người đứng ngoài xa xướng lên số cho người nào đó. Thứ tự luân phiên tương ứng là theo chỗ nằm, theo hàng chén sắp, nhưng theo lối này còn phải định cho chén hay miếng cơm cái thứ tự đầu, cuối. Chia cơm trên chén cũng không được tùy tiện úp đồ vào ai cũng được. (Com đong nặng hay nhẹ cũng có thể giành phần mình hơn một muỗng). Có người giám sát chỉ vào chén nào phải đồ. Cũng chưa được vì người chỉ có khi sơ hở xướng sớm hay muộn hơn làm ảnh hưởng đến lối xúc cơm. Có đội, người kiểm tra giấu chén sau lưng, chờ đong cơm xong mới đưa cho trút vào.

Than ôi tinh thần công bình xã hội chủ nghĩa trong nghèo đói! Cãi cọ, kiện cáo, họp hành mỗ nhau đến khuya. Nhiều lúc quản giáo đâm bực mắng mỏ om sòm, nhưng đó là mục đích của họ mà! Chính sách “bao tử” ngoài đời đã thành công thì lí gì trong trại không thành công hơn?

Thành ra chỉ trong mấy tháng chúng tôi đã vào khuôn vào khổ hơn cả những người đến trước. Những chống đối, bất mãn vẫn chỉ có tính cách lẻ tẻ, riêng tư xoay quanh miếng ăn của những người không đủ sức làm việc, hay biếng nhác quen thói không thể thấy phải làm việc hùng hục như đòi hỏi. Những dịp tập họp ở hội trường, dù là để kiểm điểm một đợt thi đua nào đấy hay để phổ biến tin tức thắng bọn Trung Quốc bá quyền, thì chúng tôi cũng la đề tài chính của lời thông nói thêm của cán bộ. Họ vẫn nhắc nhở đến tội ác đối với dân, với nước, với Đảng, vẫn mỉa mai cung cách lao động không xứng hợp với lí tưởng mới: “Giơ cuốc lên trời, trời nín, hạ cuốc xuống đất, đất trì.”

Ấm chỉ đến một vài lời bực bõ đối với chính sách lừa dối, họ thành thực khuyên nhủ mà không bỏ ý đe dọa: “Các anh nói như thế ích gì? Chỉ hại cho

các anh thôi. Cứ im lặng đi rồi đợi chính sách giải quyết một khi tình thế sáng sủa, đợi ngày về...” À thì ra con người thư lại làm công một phút trời dậy lất át con người lí tưởng lên gân, giúp họ chịu bày tỏ thông cảm với những kẻ dưới tay. Chúng tôi biết nhà nước giữ các anh lại là có phần trái đũa – nói chuyện khoan hồng trước sau như một mãi cũng chán – nhưng tha hồ các anh nghĩ gì thì nghĩ, miễn đừng nói ra, đừng để chúng tôi nghe báo cáo, chúng tôi sẽ để yên cho các anh. Nhưng vượt lên cái tầm mức cá nhân, bỏ ra ngoài cái tính chất tay sai, làm công, thiên lôi ra, còn có lí lẽ nào biện hộ nữa không?

Chiến tranh vừa qua, ừ thì chúng tôi có tham gia, thua là giặc, có tội chẳng nói làm gì, nhưng cuộc chiến mới, tội ở ai? Đánh nhau 30 năm, đất nước điêu tàn còn lấy cái danh nghĩa phết sơn hoa hoè ra bào chữa, còn có thể đem về sự thán phục từ bọn người bên ngoài, phát triển, sung sướng – có khi là nhờ cuộc chiến đó – nên sinh mặc cảm, ca tụng bọn người húc điên cuồng để giải tỏa mặc cảm, điểm trang chân lí, hay tầm thường hơn, để khỏi chết, khỏi cực... Nhưng húc thù rồi húc bạn – dù sao cũng là bạn hôm qua, còn nóng hổi, con người, thế giới, lương tri, trí tuệ đang chứng kiến cái gì thế? Trả lời cho một anh bạn ngây thơ, mềm yếu, hỏi: “Tại sao nước mình có chiến tranh mãi thế?” một người nửa đùa nửa thật trả lời: “Hàng xóm sống với một thằng du côn, huênh hoang khoác lác thì có thể ở yên không? có chịu cho nó yên không? Cứ từ kết quả suy ra nguyên nhân. Sống mà ai cũng ghét, húc hặc với cả bạn bè hôm qua, cứ cho mình là trung tâm của cả vũ trụ thì bị đòn tứ phía là phải rồi. Lại quên mất rằng được tiếng khen ho hen chẳng còn!” Tất nhiên sai lầm không ở chỗ suy luận theo tình cảm, ở tầm mức hạn hẹp riêng tư nhưng ác một cái, người ta không chịu nhận có sai lầm nơi tính chất lí tưởng đến thành không tưởng và thô sơ mà người ta đeo đuổi. Từ cái câu hãnh diện rằng “khối đế quốc tan rã từng mảng” có người chêm vào: “Ừ, khối xã hội chủ nghĩa càng ngày càng củng cố để rồi tan rã từng lục địa!”

Có người tưởng có thể nhân cơ hội này tìm được ra lối thoát riêng. Họ viết thư hay nói với quân giáo xin cho họ đi đánh “quân Trung Quốc xâm lược”. Tội nghiệp cho anh bạn tìm tự do trong cái chết. Và tôi nghĩ là đã hiểu được tâm trạng của người tù binh xưa, nay thuộc hàng ngũ này, mai ở hàng ngũ đối kháng, xoay mãi mà không chóng mặt. Nhưng toan tính của anh bạn

tôi đã thất bại. Việc cứu chuộc bản thân như vậy không thể xảy ra trong một hoàn cảnh dù sao cũng là bình thường ở cách xa mặt trận hàng ngàn cây số. Chúng tôi nghe có người cải tạo ở mặt trận Tây Nam được thả về vì đã tham gia chống địch, hi vọng rằng đó chẳng phải như câu chuyện cứu kho gạo ở Long Khánh, nhưng họ phải chịu đựng như thế nào trước sự tấn công dồn dập từ bên ngoài để bản năng tự vệ trỗi dậy, để những người canh gác họ sợ hãi cho họ có được vũ khí, hay mất tinh thần đến phải kêu cầu tới họ? Chuộc một thân xác phải bằng thân xác. Dù sao anh bạn cũng được một lời tán dương – lời nói chẳng mất tiền mua mà Việt cộng vốn lại không tiền! Chúng tôi cũng được thom lây vì “sự việc đã chứng tỏ rằng nguy binh dù sao cũng có tinh thần yêu nước tiềm tàng”, và được khuyến khích củng cố tinh thần cao đẹp ấy bằng cách tiếp tục học tập cải tạo. Ở tù là thực hiện một lí tưởng cao đẹp cho cả với người nhốt mình! Ai dám bảo dân tộc ta không văn minh, không là “luong tâm của nhân loại”, “đỉnh cao của loài người” mà người cộng sản là tinh hoa toát ra từ đấy?

Cái đói, trong một thời gian, ở một số người có bồi dưỡng, được làm dịu bằng những gói quà thăm nuôi. Nội quy không nói đến chuyện gói quà có vẻ vì nơi xuất phát nội quy ấy không quen với lối chuyển gói gián dị cho dân chúng mà gây phiền phức cho nhà nước này. Vì thế phải thêm vào quy định của riêng trại là mỗi người hai tháng được một gói bưu phẩm 3kg. Mỗi liên lạc gián tiếp với bên ngoài này cho chúng tôi biết một chút về khả năng tổ chức, điều hành của chính quyền mới. Nguyên tắc đã ra nhưng chẳng phải ai cũng được hưởng đồng đều. Các tỉnh Miền Trung chỉ có Nha Trang là nhận đồ gói, các nơi khác không có liên lạc bưu điện với Gia Lai - Kontum.

Các tỉnh Miền Nam lác đác có gói nhưng cũng từ Sài Gòn toả đi nên có người mang đồ lên Sài Gòn gói thẳng. Và cũng chẳng phải Sài Gòn nhận hết và nhận bất cứ lúc nào. Có nhà viết thư nói rằng bưu điện không nhận hàng vì không có tên Gia Trung trong danh sách giao tiếp. Thế mà có lúc người cải tạo của gia đình ấy lại nhận được bưu phẩm! Nguyên tắc là 3kg mà có người nhận được cả gói 5kg. Nguyên tắc hai tháng một lần mà có người nhận liền 5, 6 gói từ các nhà bưu điện khác nhau bên trong Sài Gòn hay có thể cũng từ một chỗ mà thôi.

Trại gầm gừ với những người này, đe dọa gìm bưu phẩm lại nhưng rốt cục ai cũng nhận được hết. Chuyện thật ra cũng khá dễ hiểu. Tất nhiên Gia Trung không có một bưu cục riêng, hàng hoá thư từ đều nhận từ Mang Yang về do xe của trại một tháng hai chuyến. Và đã về trại thì đành phải phát thôi.

Chế độ gởi quà này không kéo dài được lâu, chỉ vài ba tháng là chấm dứt. Có lẽ việc này xảy ra vì chúng tôi, bọn quân mới lên. Bởi vì quy định gởi quà vẫn có từ trước, một số người ở khu B, C cũng nhận được quà (khu D toàn bọn cầu bơ cầu bất), nhưng chỉ khu A là nhận quà ồ ạt, chồng chất mà thôi. Một xe đi chở hàng hai lần trong tháng thật không đủ. Cũng có thể vì chiến tranh đã xong nhưng đôn lâu mới thăm, xăng dầu hao hụt, người ta cắt đứt không nhận quà nữa. Thôi hết đi, những ngày người lớn “trông mẹ về chợ”.

Chuyện gởi quà cũng ảnh hưởng đến chuyện thăm nuôi. Thực là thiên nan vạn nan cho những người tận Miền Nam đi thăm chồng con ở đây. Cũng có những người đều đều hai tháng đến thăm một lần, sau này chúng tôi biết đó là những người có nhận quà từ ngoại quốc hay còn có thể lam ăn được. Còn rơi rớt là những người sáu tháng, một năm một lần. Những người ở Bình Định, Quảng Ngãi cũng đều đều hai tháng vì tương đối tiện đường đất. Những người này mang tính chất tỉnh lẻ, đem những đồ tiếp tế sát với thực tế của trại: một chồng bánh tráng vài trăm cái đủ no trong hai tháng, những khúc thịt, cá muối để dành ăn lần, gói thuốc rê to tổ bố... Có khi họ mang cả những thứ phạm quy định, nếp đậu gì đó nhưng cũng lọt vì câu trả lời hợp lý cùng sự chân thật của họ thuyết phục được viên cán bộ văn hoá trông coi thăm nuôi: “Nhà làm được cái gì thì mang lên cho nó cái nấy, mùa này cấy được công nếp ngon quá...” Và hầu như họ được nhan hết vào – khoảng mười kí vừa sức mang của gia đình. Đám dân Sài Gòn lại khác. Cũng theo thói quen cũ, họ vừa khiêng vừa vác, vừa lôi vừa thuê người, xe đẩy chồng chất những thứ phức tạp mì gói, mì vắt, bột Bích chi, bot đậu nành, bánh kẹo chuối, dừa, cam, những đồ hộp đủ nhãn hiệu, những gói đường đủ cấp bậc... Cái sang trọng dễ làm cho người ta ghét khi ý niệm đấu tranh giai cấp được thực tế gọi lên, cái phức tạp khó kiểm soát khiến chuyên môn nghề nghiệp kêu gào cảnh giác...

Người cải tạo do đó chỉ được nhận đúng 3 kí theo quy định (với con mắt ước lượng). Tôi đang đào đất trước nhà thăm nuôi, ngược mặt nhìn lên thấy anh bạn ỉu xiu bước ra, đoán ngay cơ sự, liền nói với người đứng bên: “Thằng C. thua rồi!” Anh ta chỉ nhận được bộ áo quần, một kí xà bông và một gói mắm ruốc khô!

Nhà thăm nuôi được lập bên ngoài khu trại ở, riêng biệt một mình trên sườn đồi. Nghe nói có lần người nhà đi thăm bị hiệp dân ở đấy, chẳng biết kiện tụng với ai. Thôi cũng là chuyện thường tình mà chỉ những con người quen thần thánh hoá mới không nhận mà thôi. Chung quanh nhà thăm nuôi có trồng đủ thứ hoa màu sắc sặc sỡ. Hoa của xứ lạnh thật đẹp. Cứ nghĩ tới những chậu hoa cần cỗi của Sài Gòn mà khi về đó phải phát thèm. Chăm sóc cho vườn hoa tươi tốt là phận sự của các phạm nhân thuộc tổ văn hoá giáo dục. Người ngoài, người mới đến thoáng qua nhìn thấy cảnh hoa rực rỡ ven đồi, ai không thấy dịu lòng, ai không nảy lên ý thán phục những người đã tổ chức một trại tù văn minh nơi đèo heo hút gió này? Có ai gọi đến những khốn cùng của tù nhân, có ai chỉ những bộ xương ốm đói, có ai vạch cho xem những chân cùm đến rửa thịt thì người ta dễ dàng gạt đi ngay, lấy luận cứ của mình “điều cần thiết bắt buộc của một trại giam” gộp với lời phân trần của chủ nhân “đất nước ta còn nghèo” để tự dối lòng mình đang hăng say với cái lí tưởng vừa khám phá kia. Mọi sự đối xử ở nhà thăm nuôi đều được tính toán sao cho không có gì kích động, không có gì méch lòng gia đình phạm nhân. Chỉ có chuyện tức cười là chỗ ngồi tiếp người nhà có cái bàn rộng đến hai tầm tay với. Không phải sợ người chồng xa vợ qua lâu ngày “làm bậy” trước thanh thiên bạch nhật. Mà chỉ là để câu chuyện trao đổi qua lại có thể kiểm soát được. Cho nên lời dặn trước là phải nói to lên cũng thành thừa. Chúng tôi đào ao dưới chân đồi mà nghe tiếng nói của các cặp vợ chồng, anh em vang vọng xuống, như đám cãi lộn, vang khắp núi rừng. Ở đấy đồ thăm nuôi không bị khám. Bên K3, sau khi người nhà mang đồ ra bày lên bàn, phạm nhân được tự do hốt vào túi của mình. Chỉ khi đến trước cổng trại, khi gia đình đã yên trí chồng con mình sẽ no nê vài tháng thì người cán bộ mới bắt bày ra, với con dao tổ bố chặt cái này, bổ cái kia, vọc cái nọ để khám xem có giấu gì trong ấy không. Bánh chưng, bánh tét dù theo dự định có thể ăn vài

ngày cũng phải tiêu thụ hết trong ngày. Đồ hộp đục lủng đáy ra xem có cái thư, khẩu súng nào nhét vào đấy từ các xưởng máy bên tây bên u của người công nhân trưởng giả (chữ của Lénine đấy!) gọi cho bọn phản động không. Bột, đường lẫn với thuốc Lào thuốc rê. Tất cả phải được hốt, được dọn hết cho gấp để tránh cái dao gổ trên đầu nên những người có kinh nghiệm bao giờ cũng mang theo miếng vải nilông để xô tất cả vào đấy rồi về phòng lựa sau.

Mỗi người mỗi lần thăm nuôi được cho lãnh 10 đồng. Tiền đó cũng như số tiền chúng tôi đem từ Sài Gòn, đều được thu hết trong biên nhận cùng với đồng hồ, nhẫn... Trên nguyên tắc được đổi ra phiếu có đóng dấu của trại, Nhưng thực ra các phiếu cũng không nhiều nên chỉ phát mỗi người một ít thôi. Tôi nhớ lời người quản giáo cũ khi thấy chúng tôi giành giật mua bánh chung ở ngã ba Phú Tài: “Để dành tiền mai kia lên cầngtin trại mà mua. Khỏi gì!” Thực ra chỉ có khối đá là nhiều. Trung tâm, tức là bộ chỉ huy cả trại Gia Trung mà chúng tôi là một phân trại gần hơn cả, trung tâm ở ngay trên ngọn đồi trước mặt, lâu lâu cũng có bánh tráng, kẹo bánh đem về nhưng ngoảnh đi ngoảnh lại trong ngày, chậm chân là không còn gì cả. Bánh tráng bột mì nướng lên vẫn còn nồng mùi hôi chua, nhưng không hề gì, có thứ để nhét vào bụng là được.

Mỗi K cũng có tổ chức mua bán riêng để lấy tiền chia nhau, lấy danh nghĩa gây quỹ cho Đoàn (thanh niên CS). Ít khi có bánh tráng nhưng thường xuyên hơn là hạ bò nấu phở. Thỉnh thoảng nửa tháng, ba tuần có một lần như vậy. Cũng không dễ có bò, có lúc phải đi mua lậu, “công an trốn công an” một quan giáo đã nói như vậy khi từ hỏi sao lâu quá không thấy bán phở. Bò hạ xong, thịt hơi ngon được xắt ra làm món gọi là tái lăn, một đĩa 7, 8 miếng thịt giò bay như vậy giá 2 đồng. Lòng xào với bầu bí, su, su hào cũng 2 đồng một đĩa. Da bò đem thui nấu cho rục với nghệ, gừng được gọi tên văn minh là “sốt vang”. Bốn cái chân bò bán riêng. Phần còn lại đem nấu phở. Mỗi tô một nhúm bún bột mì, hai miếng thịt bằng ngón tay với nước dùng, một ít ớt, rau trong các đợt đầu, đó là những gì đáng giá 1 đồng, 1 đồng ruồi rồi sau là 2 đồng! Thường trưa thứ bảy có phở hay không là đã biết được tin. Buổi chiều vừa về đến cổng là cán bộ trực trại nhắc với theo: “Co ai mua phở thì ra mà mua!” Phở bán chủ yếu là chủ nhật nhưng không đợi được. Người xách lon,

kẻ xách tô ra sắp hàng. Lần đầu tổ chức mua chung, mang theo cái thùng vắn gánh nước cho đội uống, đem về cùng chia. Sau lại cho phép đi lẻ tẻ. Độ 10, 20 người làm một toán, hay đội nào có quản giáo nấy ra nhận đệ tử cho ra trại, chỉ bằng chéo khúc sân tập trung bên ngoài là tới quán phở. Chen chúc đưa “tiền” qua một song cửa trét đất: “Cán bộ cho tôi tô phở... cho tôi đĩa xào...”, lãnh cái vé in dấu “Phở” hay “Xào” hay “Tái lăn” trên giấy báo Nhân Dân, qua chen chúc bên hàng liền căn kế cận đưa lon, gà mèn của mình ra trút tô phở làm sẵn đem về ăn chung với cơm cho có hơi thịt. Tiện hơn cả là bụng tô ấy ra xó hè ngồi húp. Trộn bên ngoài hay trộn bên trong bao tử cũng vậy thôi. Tiền cải tạo, có bao nhiêu cũng ăn hết, đất bao nhiêu cũng ăn. Có người khoe từng “làm” cả 10 tô! Ngồi chờ một chút, tập trung lại, báo cáo nhân số trở về cho toán khác sang.

Chưa lúc nào thấy người cán bộ công an dễ thương đến như thế. Quy luật hàng hoá dù của thời chuyển tiếp, thời quá độ vẫn đánh tan được quy luật giai cấp – dù là trong chốc lát. Người cán bộ nhăn mặt phân trần, và trong cái đà hăng say bày tỏ công việc làm ăn của mình đã thú nhận một cách tức cười: “Nhà nước cấm xẻ bò để nuôi dưỡng sức kéo nên chúng tôi phải mua của bọn buôn lậu, và có chuyện tức cười là công an phải tránh công an, chúng tôi phải tránh né, lẩn lút mới đem được bò về hạ thịt đấy!” Đến tháng 6-80 lại có chuyện xáo trộn đội ngũ. Đã thành thói quen nên chẳng ai buồn nhắc làm gì. Tôi chuyển qua đội 23 bên cạnh. Có điều lạ là những ban tự quản mới đều là dân không quân. Những người giám thị có bị hấp dẫn bởi danh từ binh chủng, bởi cái dáng hào hoa cao ráo của cái đám ăn chơi nổi tiếng này như những người thời cũ không? Cũng chẳng cần phải thắc mắc thêm. Công việc gần như suốt mùa là xây cái hội trường cho cán bộ K. Không cần phải đi đâu xa, chỉ bước qua cái sân banh đối diện là tới. Nhưng đó là điều tai hại trước nhất cho chúng tôi. Làm gần nơi cơ quan nên không thể về sớm. Suốt cả mấy tiếng đồng hồ cứ loay hoay trong công việc cho đến khi keng báo thôi mới buông dụng cụ xuống, đi tắm rửa trong khi các đội khác đã về châu chực trước sân rồi.

Người cán bộ coi đội cũ trong khi trách mắng biếng lười đã nói: “Tiếng là ngày làm 8 giờ, nhưng giờ ra, giờ vào, giờ nghỉ, các anh thử xem đã làm

được bao nhiêu của cải xã hội để bù đắp cho sự tiêu phí mà nhân dân cấp cho các anh?” Phải công nhận là những câu thiệu như thế này thực khá chặt chẽ và hấp dẫn. Nhưng nó chỉ chặt chẽ khi lời nói chỉ có một chiều. Chúng tôi may mắn gặp ở K3 một cán bộ thành thật hơn: “Chúng tôi trông coi các anh là trông coi về mặt tư tưởng, chính trị chứ không quan tâm mấy về mặt lao động. Có làm thêm của cải cũng tốt, không làm được nhân dân cũng phải nuôi các anh...” Đổi đi một danh từ sáo “Nhà nước cũng phải nuôi các anh...” sự thành thật còn gần hơn. Thực ra ở dưới tay cái đám tham công tiếc việc này, chúng tôi không làm đủ ngày 8 giờ là ngoài ý muốn của họ. Sắp hàng, tập hợp, báo cáo cả trại đi hết cũng mất mười, mười lăm phút. Lấy dụng cụ, ra đến chỗ làm, trả dụng cụ cũng lấn vào 8 giờ vàng ngọc nhiều. Nhưng họ có chịu để cho chúng tôi ào ra, xô nhau vào trại không? Và lại sao cứ tính thời gian làm việc kể từ lúc giờ cây cuộc lên? Mà thực tình cũng có sự ăn lấn vào 8 giờ vàng ngọc thật: chuyện của tù mà! Về phía chúng tôi là sự uể oải, là sự rình mò những sơ hở của người trông coi để làm chậm công việc. Về phía người trông coi thì cũng có những anh muốn về sớm, dẫn đội đi xa mà không có đồng hồ để tính đúng đường đi cho đội tắm rửa, giao cho trại lệ đi rồi còn về buông cây súng đá trái banh, ăn miếng cơm cho rồi.

Tôi sa vào một đội hắc. Viên quản giáo thuộc loại gương mẫu, một hình thức pha trộn giữa cái típ đầu tắt mặt tối và cái lí tưởng để tô điểm cho đời. Lừ đừ dẫn đội ra, lừ đừ nhìn từng người làm việc, lừ đừ dẫn đội về theo tận đến suối – trong lúc các quản giáo khác mặc cho quản chế, rẽ ngang vào nhà – lừ đừ nhìn người cuối cùng vào trại rồi mới về phòng, chắc lại lừ đừ nghiên cứu lí lịch chúng tôi đối chiếu với báo cáo nhận được để trị thẳng nào cho thích hợp, đó là hình ảnh của viên quản giáo đội 23. Đội 23 cũ chỉ còn lại vài ba người, thủ thi: “Chán cái anh chàng quản giáo này quá. Nghe bảo khai chuyên môn ngành nghề bèn khai là biết xây cất để đi qua đội khác, ai ngờ đội 23 là đội xây cất. Đúng là chạy trời không khỏi nắng!”

Không phải chạy ông quản giáo mà tính chạy cả viên đội phó nữa. Đây quả là một đội phó gương mẫu, khó cho những người cai tù tìm ra. Một mẫu người mà tính chất Huế - tính chất cựu đồ – tính chất coi việc tuân thủ quy củ đặt để như một niềm hãnh diện để mình phải theo, để bắt người khác phải

theo, hoạnh hoẹ gay gắt bắt người khác phải theo, một đầu óc ưa bày tỏ quyền uy dù ở bất cứ hoàn cảnh nào. Theo đúng quy định, mỗi buổi đi làm hẳn đều nhất nhất báo cáo cho quản giáo mọi việc xảy ra trong đội. Trong buổi họp đội mỗi tối, hẳn gọi đích danh người phạm lỗi trong ngày. Ngoài hiện trường hẳn lẫn át đội trưởng, đích thân đôn đốc công việc. Nhanh nhẩu hơn cả đội trưởng: Cuộc cò tranh, hẳn đi sau móc từng còng tranh sót – tranh rùng đây! – rồi dí vào mặt kẻ sơ hở quát mắng rầm rĩ. Giờ giải lao kẻ ngồi người đứng – có thể vì vào giờ làm việc phải lom khom xây móng đập nền nên đau lưng, hẳn gằm gù bắt mọi người ngồi xuống, làm như ở vị thế đứng tù dễ chạy thoát tầm súng của quản chế hơn là ngồi vậy! Chuyển đá hẳn đến từng sọt nhắc xem nặng nhẹ, bắt chất thêm không kể đoạn đường dài, xe chở đá vẹo cả trục hẳn vẫn chưa vừa lòng. Hẳn được tiếp tế đầy đủ, mặt mũi hồng hào nên tha hồ chỉ trích việc vi phạm nội quy của những người thiếu thốn, kiếm ăn lặt vặt. Danh tiếng hẳn đã nổi từ Hóc Môn: Làm tổ trưởng, trong công việc trồng rau muống, để giành giật phân khan hiếm, hẳn bắt cả tổ bỏ ngủ trưa đi lấy phân về – vì chỉ thời gian ấy mới còn phân! Hẳn nổi danh là “Phước cút” từ đây và danh hiệu ấy được mang lên tới đây. Nơi công rào, chờ trật tự kêu tới phiên đi lãnh cơm, hẳn vừa ló đầu ra là đã có tiếng ồn ào tới tấp: “Cút kia! Cút kia! Thúi quá! Ai ăn gì mà có mùi thúi dữ vậy?”

Tôi thật đã bỏ khá nhiều công để suy nghĩ về những con người này. Để tuyên truyền thì những chủ nhân mới có thể kéo ra một lô những danh từ “giác ngộ”, “tiến bộ” để từ đo hãnh diện về chân lí không chối cãi được của phe mình. Nhưng trong thâm tâm họ có tin những người này không? Trong quá khứ đã có một “anh Tư cải tạo” bỏ trốn rồi, còn bao nhiêu anh Tư khác tôi không được biết nhưng hẳn công an có thừa hồ sơ. “Sử dụng giai đoạn thôi chứ cần gì!”, tay nấu nước cho đội đã nghe lén các quản giáo quản chế nói với nhau về anh Cút như vậy. Nhưng cứ từ phía chúng tôi thì thấy hẳn hành động có vẻ rất thành thật, tự nhiên. Đầu óc ngẩn không thể suy nghĩ sâu xa hay đối trá tài tình đến không lộ ra một chút gì không thành thật? Có lẽ phải nghĩ rằng hẳn sống như đã sống: Một thói quen gia đình, địa phương un đúc cho hẳn một tinh thần chịu đựng theo khuôn khổ – cái khuôn khổ tuy mới mà vẫn giống như mình, thay cho cái của mình – một chút ý thức đoái tới

lập công đã đem lại quyền uy sai phái, hách dịch, nạt nộ làm thỏa mãn bản chất của hắn, để hắn bám vào vị thế cặp ràng, chấp tay sau đít đi qua đi lại, bót cực nhọc thân xác... tất cả tổng hợp thành một mẫu người thực hiện đúng 4 tiêu chuẩn cải tạo. Nhưng tôi vẫn chưa hết thắc mắc. Tại mình đem cái phức tạp của mình chụp lên hắn hay chính hắn phức tạp đến nỗi mình không đủ khả năng tìm hiểu?

Suốt cả hai ba tháng chúng tôi loay hoay nơi cái nền. Đất đắp nền cuốc từ sân bên cạnh. Mùa nắng đất cứng như đá, gang thẳng cánh tay quất xuống chỉ thấy cuốc dội lên, vài ba lần mới nứt ra từng tảng, lại phải quất mạnh lôi ra. Muốn đất nền dễ lại phải gánh nước từ suối lên tưới, gánh lên dốc thờ phỉ phò mà đổ xuống thì chẳng thấy tằm hơi đâu cả. Đá nện chân cột thì chuyển từ các ao cá lôn ngổn, bằng xe cải tiến, bằng sọt gánh. Chuyện chuyển đá mệt hơn, đi xa hơn nhưng lại thấy cảm giác thích thú là được rộng chun rộng cẳng hơn tuy vẫn có người quản chế kè kè bên cạnh, đằng sau. Ôi tự do!

Một khoảng thời gian ngắn, chúng tôi rào dây thép gai quanh trại. Các đùm dây cũ từ nơi xa do bọn tự giác gánh về, chúng tôi tháo dỡ cho bung ra rồi đem tấp vào các chân le đã cũ. Từng cuộn còn mới tinh lấy trong kho ra, chắc chờ từ nhà máy của ông...

Đám người bên B, C từng biết ông ta ở T20 Lê Văn Duyệt. Tôi đọc báo nghe ông ta bị 20 năm tù, chắc chỉ trả ở dương thế vài năm thôi, số còn lại sẽ nhờ cụ Hồ tính.

Lại vác cuốc ra đồng lên giồng lang. Trời bắt đầu mưa, mùa màng phải chuẩn bị. Ban đầu chúng tôi chỉ có nhiệm vụ đến các khu đất trồng lang giống bên suối để cắt dây. Công việc nhẹ ở tay nhưng nặng ở chân và ở lưng: Ngồi cả ngày trên gan bàn chân tê điếng cái lưng, rã rời bắp chân, bắp vế. Vậy mà đứng dậy là không xong đâu. Cán bộ “nhận xét”, tối về anh đội phó thân mến của tôi lại găm gù giảng giải, khuyên nên quên cái quá khứ ngồi không ăn bám của mình đi. Anh không có dịp biết lời tán dương của những người đàn ông ở quê tôi: “Mấy mụ đàn bà giỏi thiệt, suốt ngày khom cái lưng cấy...”

Cắt xong, chúng tôi ra đồng. Đó là những khu đất đồi thấp trồng lang, gieo bắp, đậu. Nhưng chủ yếu là lang, bắp và đậu cần nhiều vốn hơn. Đất bặt

ngàn và người cũng đủ so với kiến. Chỉ dẫn công việc có những tù nhân thuộc tổ kỹ thuật nhưng chẳng nhiều tác dụng lắm. Viên quản giáo vẫn là hơn, tất nhiên. Giồng phải làm theo đường thẳng bằng theo kỹ thuật chống xói mòn nhưng quản giáo bắt làm theo cách khác. Có thể là trong chốc lát anh ta đã quên, đã bảo đội làm theo hướng một con đường phân lô nhưng lại không sửa đổi vì chẳng lẽ để tù thấy cái sai của mình? Trời nắng, đất cuốc lên chỉ một hai ngày là khô, đáng lẽ vun giồng tới đâu cắm dây tới đó để dây còn hưởng hơi ẩm mà bén rễ chờ trời mưa – phạm nhân kỹ thuật nói như vậy, nhưng quản giáo bảo vun hết cả khu rồi mới đồng loạt trồng sau. Chẳng có gì lạ, cách làm ấy tiện cho việc kiểm soát hơn vì lớp người cuốc, lớp khiêng dây về trồng, lộn xộn rắc rối hơn nhiều. Chẳng hề gì, viên quản giáo của tôi không cần thú nhận với tù rằng vấn đề an ninh phải đặt lên trên hết, tù đói có nhà nước lo, hoặc ráng mà chịu!

Mùa mưa ở đây bắt đầu thường sớm hơn trong Nam, mưa cũng theo gió mùa tây nam. Gió mùa đông bắc chỉ đem đến bão mà ít thấy mưa, có lẽ tuy ở gần biển nhưng nước đã trút hết dưới miền xuôi rồi. Chúng tôi lại ở dưới một thung lũng nên gió quây lộn xộn không theo một hướng nào rõ rệt, và mưa cũng thật thất thường, từng khu vực nhỏ – chữ khu vực để chỉ một hai sườn đồi. Cho nên tính toán theo “lối làm ăn lớn” như ước mong của kế hoạch, trở thành điều khôi hài. Có vài giọt mưa ướt đất là phải tung người hết ra để cắm cây, gieo hạt ngay. Để mưa thêm nữa, đất sít khó làm. Trời mù thì ngưng nghỉ – lỡ tù nó trốn thì sao? – và lại cán bộ đâu có thể đứng ngoài mưa được? Nhưng oái oăm, trời lại nắng! Ở đây, nắng chỉ một ngày, rau thuộc loại ăn sống, héo; nắng hai ngày, ớt cà rũ lá. Chất ẩm của đất mới cuốc lên ôm dây lang, hạt đậu, bắp vừa đủ thúc chúng nảy mầm. Vừa vươn ra không khí, gặp nắng là chúng héo rũ tàn lụi trong một tuần. Chẳng sao, lại gieo giống khác. Công tù thì không kể nhưng giống thì chạy đứt hơi và chẳng biết chi phí cho giá vốn là bao nhiêu. Mưa đều, bắp đậu lên vùn vụt, mon mơn ra bông, trổ cò, đậu trái. Nắng nửa tháng vào độ ấy đã làm tiêu tan kì vọng ở hơn 100 mẫu bắp, chỉ trừ mười mẫu trồng sớm hơn ít ngày hay được nằm sát bờ nước, hóc đồi im bóng. Lờn kháo nhau: “Năm nay tha hồ ăn bắp” im bật khi nhìn thấy màu úa vàng phủ kín đồi. Cán bộ văn hoá giáo dục, tù nhân thi đua không hả

miệng hô hào nữa. Cũng chẳng sao. Đất chỉ còn một lớp màu rất mỏng, các nơi dọc bờ nước lộ ra dày một hai tấc, mưa lũ, nước cuốn âm âm lôi xuống suối đục ngầu, chúng tôi van phải biến sỏi đá (thật) thành lang, bấp.

Trong mùa thu hoạch chúng tôi cũng đỡ đói cả tuần. Mấy trận mưa muông cũng cứu được vài chục mẫu bấp. Còn hơn 80 mẫu khác nghe nói phải đập xuống lấy đất trồng lang. Thu hoạch ít nên chẳng cần nhiều đội. Chúng tôi được đưa cả vào nhà kho lựa bấp cùng với ba bốn đội khác. Bấp chất đồng lên chỉ mới một hai ngày mà đã xông hơi nồng nặc. Chúng tôi khiêng từng giỏ ra ngoài sân lựa bấp giống, bấp phơi ăn dần và loại ra bấp sâu non để về luộc ăn ngay hàng ngày. Theo nguyên tắc, sản phẩm thu hoạch là tài sản của trại sẽ tính vào khẩu phần của chúng tôi để rút bớt chi phí cho chính quyền, nghĩa là bấp đậu phải được bảo vệ triệt để. Nhưng các đội ở ngoài nương thường vẫn nấu riêng từng bữa một hai thùng sất để bồi dưỡng. Các đội trong kho khó lấy hơn vì sản phẩm đã thuộc về kho nhưng nếu quản giáo chịu khó nói một tiếng thì cung có cái ăn. Để tránh tiếng một ít, đội nào chịu làm thông tầm, ở lại trưa bên ngoài trông coi việc phơi phóng, một mình một cối còn được hưởng nhiều hơn.

Nhưng cũng vì tính chất nguyên tắc kia quá hợp với người quản giáo đội mà ít khi chúng tôi được hưởng ân huệ.

Song về chuyện nguyên tắc này thấy có hai điều đáng ngạc nhiên, một được giải toả ít lâu sau và một mãi mãi vẫn là điều bí mật. Điều ngạc nhiên thứ nhất là sản phẩm thu hoạch được đem ra nấu gần như công khai, thế mà khi nói chuyện bảo vệ mùa màng, người cán bộ văn hoá giáo dục cứ hăm chúng tôi mề rằng về việc phá hoại tài sản xã hội chủ nghĩa. Có một vài kẻ bẻ trộm bấp, lén lut lúi vài củ khoai nhưng có nhằm nhò gì với số lương thực nấu trên bãi, sau nhà kho? Tù nào dám nấu bấp, luộc khoai trước mặt quản giáo, quản chế? Sở dĩ họ cho chúng tôi được bồi dưỡng một phần vì thông cảm, vì thói quen nhưng chính họ cũng nhân dịp này bù đắp thêm khẩu phần hàng ngày. Điều này cũng là có sự đồng ý bên trong của họ. Ở K3 có một khu trồng lang hơi cách biệt, dễ canh chừng giấu đút khi cán bộ giáo dục (an ninh), tuần tiểu đi đến nên các đội dỡ khoai ở đây tha hồ... Điều đáng lưu ý là khi làm ở nơi khác, quản chế được thay hàng tuần, còn nơi đây quản chế đổi

hàng ngày: Người ta muốn quản chế được thay phiên hưởng lộc Đảng! Hăm he trung trị là biện pháp phòng ngừa xảy ra cái tệ hơn nơi bọn tù không bao giờ hết biết đói. Còn tác dụng lời cảnh cáo không ăn nhập gì với nhóm cán bộ, họ thuộc về một đẳng cấp khác, chẳng ai bảo được ai, như chúng tôi còn thấy cả hệ thống ngoài đời.

Thắc mắc thứ hai nhắm vào anh đội phó thân yêu của tôi. Tuân theo nội quy “bảo vệ tài sản hoa màu của trại”, anh không màng đến việc xin bồi dưỡng. Nội quy có câu tiếp “Tổ cáo kẻ nào xâm phạm tài sản...”, anh nhìn sang bên cạnh thấy bạn vừa lật bắp vừa nhóp nhép, đội trưởng bạn bê cả thùng bắp ra sau hè nấu, anh chạy đi báo cáo với cán bộ giáo dục. Anh có thành thực tin vào lí tưởng trong sáng mà nội quy nêu ra không? Anh có khờ dại tin rằng thực hiện nội quy – vốn chỉ dành cho tù – một cách đúng đắn thì anh có thể vượt lên vị thế tù của mình để sửa lưng quản giáo đội khác, những người thuộc cấp bậc khác, cấp bậc chiến thắng, cấp bậc lãnh đạo không? Đã nói anh vẫn là một bí mật đối với tôi.

Bắp nấu theo khẩu phần trong ngày chúng tôi chẳng hưởng được bao nhiêu. Chỉ thấy nhỉnh lên chút ít trong vài ngày là hết. Các thứ bắp sâu chỉ ăn trong hơn tuần. Bắp đều hạt, dù nhỏ cũng không thấy tằm hơi trong các rỗ mang về phân chia. Trở lại với mì khô. Bắp phải để làm giống cho mùa sau. Vì mất mùa nên giống phải dự trữ đã lặn qua bắp dùng để ăn. Lại còn có tin buồn: Bắp phải lựa, phải chặt bóp để có giống giúp đỡ cho Kampuchia. Điều này thì cũng là dịp cho người ta khoe khoang tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, nhưng cũng thật đáng buồn: “Quốc tế” nào đây? Cái quốc tế cứ co dần như miếng da lừa đó có còn ý nghĩa lí tưởng gì nữa không? Cứ đâm đầu vào trong sự tranh chấp liên miên như vậy, người ta còn gì để biện hộ cho lí tưởng còn lại là “vì dân tộc”? Mà “vì dân tộc” đâu có nghĩa là đâm đầu húc càn bởi quá mất với hào quang chiến thắng? Chuyện phi thường của cơn mộng du chính trị mà Đảng dắt dẫn qua 30 năm đến bây giờ chỉ còn làm lác mắt những kẻ bệnh hoạn mà thôi chứ trên cái thân thể đau như dần này làm sao hướng được về tương lai?

Chúng tôi lại trở về với cái hội trường. Đội 3 đã dựng sườn gỗ xong. Bây giờ đến lượt đội tôi xây. Cát, đá được những đội khác chuyển về đầy đủ rồi.

Vôi cũng thành đông từ đời nào. Một vài bao xi măng với nước gánh dưới suối là hồ vừa đủ bộ. Gạch phải chuyên từ đội 13 tới. Lại có chuyện anh đội phó tôi. Đi về, đi về liên miên, 8 chuyến, 10 chuyến rồi 12 chuyến. Người quản chế thay mỗi chân, cho nghỉ dọc đường, chưa ngồi nóng đít hẳn đã đứng dậy lễ phép “xin cho được đi tiếp”. Bực mình, con bò vàng khoát tay: “Ừ, muốn thì đi!” Gạch đê lên vai chúng mày chứ vai tao đâu mà sợ! Hà tiện vôi vữa, chúng tôi được lệnh lấy đất sét về làm hồ. Đất sét lấy nơi vùng làm gạch, lấy cả lớp đất đội 13 đạp rã chân đế vào khuôn. Muốn cho đám này khỏi ngăn cản thì đội làm thông tâm buổi trưa trong lúc đội 13 nằm trại, tha hồ mà hốt. Được việc thì thôi!

Chẳng gì thì đi ra ngoài khu vực mình cũng biết thêm được đội 13, đội làm việc nung gạch để xây cất trong trại. Không phải chỉ riêng K1 mà K3 cũng qua chỗ về nữa. Cứ cái cách này thì người ta có thể vẽ ra cái tương lai xán lạn của một “công nông trường xã hội chủ nghĩa” trên vùng đất cằn cỗi hoang vu này. Tất nhiên không phải chỉ chúng tôi mà những người khác cũng không thể bỏ qua các bức tường thành vây quanh trại, có vọng gác cao để trông chừng tù trốn, cái hình ảnh không chối cãi được của sự phát triển nhà tù. Nhưng nếu còn ngoan cố cãi thì cái hình ảnh điển thế là công nông trường xã hội chủ nghĩa mới bị thảm làm sao! Có đủ khâu từ làm đất, đóng khuôn đến xếp gạch, ra lò. Đất đạp bằng chân người, có lúc thêm hai con trâu ghé phụ giúp quây quần dưới hố. Cái hình ảnh biểu hiện đúng một số phận chung: Người và trâu cuống quýt quay cuồng trong cái vòng không có dây kẽm gai của đồng đất nhão mà không bước ra được.

Nghe nói cái lò gạch này là do cha một phạm nhân thiết kế. Ông ta là dân Phú Phong, cái đất làm gạch ngói ở Bình Định, ngay dưới đèo An Khê về phía đông. Trông coi việc xây lò, theo dõi việc làm gạch, nung lò cho thuần thực cả hàng hai ba tháng trời mới trở về quê, cái ông già tội nghiệp này bỏ công ra để mong chuộc tội cho con mình, mong con mình đỡ khổ. Lối lợi dụng người tinh vi đó của thời “phong kiến”, yêu thì gọi là truyền thống hợp tác tốt đẹp, hợp tác mở rộng đến cả với những người bị xã hội xấu bỏ rơi, yêu là vì chính của “ta” làm, ghét thì gọi là bóc lột, bóc lột lợi dụng một trường hợp khốn cùng, bóc lột theo liên hệ họ hàng, tru di tam tộc người có tội. Cũng

chẳng sao miễn là trại giam có một lò gạch để xây cho chắc chắn hơn, cán bộ sống được tiện nghi hơn, hợp với cuộc sống văn minh xã hội chủ nghĩa.

Gạch làm ra không được tốt lắm, méo mó, viên to viên nhỏ, sần sùi cát sỏi, đã nung rồi mà gặp cơn mưa là rã. Chẳng sao, của ta ta dùng mà. Vả lại tù cũng chẳng muốn làm tốt hơn. Có điều đội làm gạch có vẻ ít bị ràng buộc hơn. Giống như một sinh hoạt đã trở thành đều đặn thì ít được chú ý hơn. Khu vực hoạt động rộng hàng mẫu nên đi đâu đi ỉa khỏi cần xin phép. Góc đất còn dư nào cũng có thể trồng rau sống thêm chút chất tươi. Lò nóng có sẵn tha hồ đun nấu. Tất nhiên chẳng có gì riêng nên có người lấy phần canh của mình để trên lò cho cạn đến thành kho! Kẻ nào bạo – mà ở đâu lại không có? – thì cũng lúi đợc củ lang, củ mì. Nghe nói nhà văn Doãn Quốc Sỹ lãnh phần đãi cát để áo gạch, suốt ngày ở dưới bờ mương nên tôi không đợc gặp. Kinh nghiệm mới có làm anh nầy tứ nào để sửa đổi bộ truyện *Khu rừng lau* không? (2004: *Ban gốc viết là “Thần tháp Rùa”, chắc là NM Giác đã sửa cho đúng hơn.*)

Trong năm 1979, tôi chỉ thấy có một người về. Nhiều anh em cũ nói rằng hai năm qua họ cũng mới thấy một người về. Chẳng có gì lạ. Anh là một người đặc biệt. Từ hồi tháng 5 chúng tôi đã biết có một trường hợp thăm nuôi đặc biệt. Không phải ra nhà thăm nuôi mà lên phòng cán bộ ở. Nghe nói người vắc đồ ăn cho anh là một trung úy – người Phó K ở đây là một trung úy – anh trung úy kia là cần vụ của ông Già đến thăm anh. Anh vắc về è cổ, không phải chỉ 3 kí mà trong đó có một kí xà phòng và áo quần. Thân nhân vừa rút ví vừa hỏi: “Cho nó đợc bao nhiêu?” Người cán bộ văn hoá giao dục khúm núm: “Dạ, Bác cho anh ấy bao nhiêu cũng đợc...” Người anh cả của phạm nhân là một cán bộ ngoại giao cao cấp, từ nước ngoài chuyển sang bộ Nội vụ, nghĩa là tổ sư của công an.

Anh ta thăm thì với bạn thân là đến 2-9 thì anh ta về. Ngày 2-9 đã qua mà anh vẫn chưa về, trông anh hơi buồn. Cũng trong đội nên tôi biết rõ điều ấy. Anh trông ngóng không phải chỉ vì ngày về là ngày thoát khỏi trại giam mà vì người anh hứa hẹn sẽ cho đi Pháp ngay để gặp vợ con đã qua bên ấy trước rồi. Giấy tờ đã chuẩn bị sẵn, chỉ chờ anh về là chuyển đi ngay – ít ra thì đó cũng là lời anh thăm thì.

Thế rồi một sáng tháng 10, trong lúc chờ đi làm, anh được kêu ra ngoài công. Anh trở vào, mặt mày tái mét: anh đã được phóng thích. Chúng tôi lại tiếp tục đi làm.

K3

Anh đi thì tôi cũng đi. Qua K3 ngày 20 tháng 12 năm 1979.

Cuộc di chuyển nào cũng thực hiện lúc cả trại đi làm. Đang lên luống khoai, đang ì ạch khiêng đá lên xe, ngược mắt nhìn lên đường cái thấy đoàn dài người lê lết mang xách: họ chuyển trại. Có khi chẳng thấy ai mà anh bạn đang cuốc bên cạnh bỗng thăm thì: “Hôm nay đội 13 qua K4”. Không hiểu vì sao anh biết. Từ đó tôi biết thêm tên một trại. K2 ở trên đường rẽ lúc chúng tôi vào K1. K4 ở sau lưng chúng tôi. K5 cũng hướng ấy mà có khu ruộng vừa vỡ xong. K6 tận đầu tốt ngoài đường cái. Và K3 nơi chúng tôi sắp tới thì ở xéo nơi ngọn đồi trước mặt. Toàn khu rộng khoảng 10 cây số vuông, có K cách nhau vài cây số. Vừa đủ đất để làm một thứ Côn Đảo trên Tây Nguyên.

Cũng như thường lệ, hôm ấy chúng tôi chuẩn bị đi làm. Cũng như thường lệ, cán bộ giáo dục cầm cuốn sổ đứng trước mặt. Cũng như thường lệ, người trưởng ban thi đua nhắc, có trật tự phụ họa: “Anh em giờ mũ nón ra.” Lại có tên nào nhỡ mĩ trộm bị bắt đây. Không phải. Một lô tên được đọc ra. Ban đầu lấy ở các khu khác lạ hoặc trừ các tên Vũ Quốc Thông, PĐN (2004: *Phạm Đình Nghị*), Nguyễn Sỹ Tế... Chà, thật đáng rùng mình. Toàn các tay tở bị tuyên án lập phái đoàn đón rước Trung Quốc. Tên người chuyển qua khu A. Có tên mình. Thôi đủ rồi.

Lại túi xách mang ra. Lại lổn ngổn trước sân. Lại kiểm soát người thiếu đủ. Có tên đọc lên thì có tiếng trả lời: “Bệnh xá”. Có vài ba tên như vậy khiến tôi ngạc nhiên. Mấy cái tên sắp chết này mà còn tổng đi đâu, bộ họ đùn cho người khác chôn chằng? Quả như vậy, qua bên ấy có một người không biết đến cảnh trần thế nữa. Ông ta là một người Tàu, lồm bồm vài tiếng Việt, nghe nói là Quốc Dân Đảng, bị ho lao. Các người khác là nhân viên của phái đoàn (tưởng tượng) đón quân Trung Quốc. Liên can đến vụ này qua K3 có đến 15,

20 người. Một vài người trong phái đoàn bộ trưởng này được ở lại, trong đó có anh Đ. đội trưởng kỹ thuật. Các tay tổ cáo cũng đi theo chúng tôi. “Người ta” biết rõ mà! Không phải họ bức tức vì sự lừa phản ấy nhưng là vì cái cách bịa chuyện viết tiểu thuyết ấy khá hay khiến họ phải đi vào mê trận, uống công. Một số phải đi với chúng tôi là các người Hoa, nhân viên sứ quán Đài Loan, thương buôn, một cựu phó tỉnh trưởng người Thượng, một cựu tỉnh trưởng Quảng Ngãi, hai ông giáo sư Đại học Vũ Quốc Thông và Mai Văn Lễ – Khoa trưởng Luật khoa Huế, một anh cướp súng trốn trại bị bắt lại, anh V. khùng khùng điên điên đã nói, một cựu Tổng thư ký Việt tấn xã, Tổng thư ký báo Hoà Bình, 15, 16 người của khu A từ Hóc Môn lên. Tất cả là 61 người.

Nhưng còn lại 60 người. Giờ chót một người không đi, đó là anh đội phó của tôi. Quân giáo đội đã giữ lại. Nhưng rõ rệt là người ta đã chọn – rõ ràng là chọn anh ta trong số hàng mấy trăm người để đi theo bọn hủi chúng tôi, Họ đã ghép anh ta vào với chúng tôi dù anh ta cố ngoi lên, cố với lấy cái danh hiệu tiến bộ. Anh không thể nghe được lời một bạn khác nói: “Tội gì người ta không dùng những người như vậy, nhưng chẳng có coi trọng đâu. Ít ra thì cái sự phân biệt đạo đức bình thường cũng gọi cho người ta ý nghĩ: Bạn bè của nó – đừng nói gì đến quá khứ, ngay trong hiện tại đang khốn khổ sờ sờ trước mắt mà nó còn tố cáo thì chuyện bội phản nào khác nó không làm được? Và lại, sao nó ‘tiến bộ’ dữ vậy? Có âm mưu gì không?” Có lẽ anh ta cũng tự an ủi được nhân dịp khỏi qua K3 này. Nhưng thành quả thu hoạch đó thật là ít so với sức cố gắng của anh.

K3 gần với K1 nhất so với các K khác. Qua cái cầu của dòng suối tắm thường xuyên, lên cái dốc là tới khu vực K3 tuy rằng còn phải trồi lên trụt xuống một quãng nữa mới vào trại. Vậy mà phải nghỉ tới hai chặng đường. Người già, người bệnh chẳng làm sao hơn được tuy rằng họ đã dồn hết sức để chống đỡ sự mệt mỏi thể xác cộng thêm sự rã rời tinh thần: Một chuyển đổi đời nào của tù nhân lại không có tính cách của một chuyển đi vô vọng?

Ở K1 chúng tôi đã nghe danh tiếng K3. Không những nghe danh mà còn phải học tập nữa. Học thuộc lòng 4 tiêu chuẩn cải tạo, 38 điều nội quy, 20 điều nếp sống văn hoá mới. Mỗi người có một quyển sổ ghi nhớ những điều ấy, lúc rảnh rỗi ngồi lẩm nhẩm, bất chợt có ai (?) hỏi đến phải trả lời vanh vách,

buổi tối trong đội có giờ kiểm tra học thuộc nội quy. Học cách trang hoàng chung quanh nhà ở bằng việc trồng hoa, mỗi đội theo một đồ hình, quy mô, nghĩ ra theo đặc tính của đội. Ngoài biểu tượng chung (ngôi sao) còn có những trang trí nêu bật tính chất của đội (tượng người cưỡi đất, đập lúa cho đội nông nghiệp, mô hình nhà cửa cho đội xây cất...) Nghĩa là, bây giờ không phải chỉ nghe mà còn phải sống ở K3.

Cái rắc rối hơn mà chúng tôi phải gánh chịu là thuộc vào một lớp cận bã của K1 thải ra. Chúng tôi được lấy danh hiệu số 18 của một đội hình sự đã giải tán, chuyên làm nông nghiệp. Cho nên chúng tôi bị canh giữ gắt gao. Ở đây đi làm cũng xa hơn, qua nhiều dốc hơn K1. Đến nơi là thở cái đã. Công việc của những ngày cuối năm là đào mương tháo nước cho vào khu canh tác của đội 2. Xong rồi lên mé đồi phát hoang, đào các gốc le chẳng chịt, hạ các gốc cây đứng lưa thưa mà sừng sững nơi ấy. Để lấy chỗ cho đội 7 mở rộng khu canh tác.

Thực ra những ngày cuối năm chưa phải là những ngày khó khăn nhất. Những sự nghi ngờ của công an, dòm ngó của quản giáo, quản chế có gay gắt cũng chỉ mới ở vòng ngoài. Chúng tôi thấy những điều đó ở những trường hợp có biến động. Có một tiếng súng nổ báo hiệu một tên trốn trại là cán bộ trực trại và một lô quản chế xách súng chạy về phía đội 18 đang dọn cỏ, định ninh rằng phải đề phòng từ phía này. Cái vòng ngoài muốn siết được đến bên trong phai qua ban tự quản đội. Không phải quyền hành của ban tự quản là lớn – chuyện khô hài – nhưng người ta phải có tay chân mới làm việc được. Trong lúc đó ban tự quản lúc đầu lấy từ những người của K1 không được sốt sáng cho lắm. Một anh nhà binh cầm đầu – ý là chọn một anh có tính cách quân sự - con thượng nghị sĩ Huỳnh Văn Cao. Đội phó là anh thi sĩ Trần Dạ Từ / Lê Hà Vĩnh. Thư kí là anh thầy giáo (bỏ nghề) CPS của bộ Dân vận: Hà Tường Cát. Cả cái bộ tam sênh lò đồ đó chỉ có đội trưởng là mang máu nhà binh, tuổi trẻ lóc chóc, muốn lồng lên chứng tỏ chút quyền uy. Còn thì bởi bản tính co rút, V. lừ đừ không nói không làm, C. khôn ngoan tránh né. Cho nên việc chia ra thì được thi hành ngay theo kiểu khiến quản giáo ngứa mắt: “Tôi đã trông coi nhiều đội mà chưa thấy đội nào như đội này!” Trách làm sao được cái đội già lão, bệnh hoạn từ trong phòng giam ra, có người đi không

nổi, cái đội thừa của K1 thải ra. Họ làm để chứng tỏ họ còn sống mà còn không làm nổi hưởng chi bảo phải làm để “sản xuất thật nhiều của cải cho xã hội, cho trại”, “làm để có một nghề làm ăn lương thiện (?)”, “làm để lấy lao động cải tạo tư tưởng”?

Tất nhiên là phải có đổi thay bộ sậu. Đầu tiên chỉ đổi có đội trưởng, lấy của K3. Một anh thầy giáo, NK. (2004: *Nguyễn Kì?*), thấy có tên trong Kỉ yếu Đại học Sư Phạm Huế 1960-61 thuộc danh sách người có chứng chỉ lí hoá gì đấy. Thầy giáo dạy toán lí hoá ở tỉnh tha hồ hốt bạc với trường tư, của riêng, bán của. Tại anh giàu, đủ để tạo nên ganh ghét nên chưa được về? Tại là dân Quảng Ngãi nên có máu Đại Việt, Quốc Dân Đảng gì đấy? Hay giản dị hơn, chuyện ở tỉnh, chuyện gì cũng có thể xảy ra? Chỉ biết anh làm đội trưởng chẳng có gì khe khắt nhưng đã tập cho chúng tôi một bước tiến về khuôn khổ của K3. Ra bãi trước khi đi làm, điểm sổ trình diện quản giáo. Tập hợp về điểm sổ, tắm xong điểm sổ, đứng trước cổng trại chờ vào điểm sổ... thiếu điều điểm sổ trước khi đi ngủ thôi. Có điều như cá quen trong nước (K3), anh ung dung nhanh nhẹn làm chức phận đội trưởng với tư thế thoải mái quen thuộc khiến chúng tôi cũng thấy mình quen thuộc theo. Có anh đỡ dần chúng tôi thấy mình đỡ bị o ép hơn, và có vẻ bởi là người của K3, người ta phải nhìn qua anh mà điều khiển đội nên chắc là cũng thấy chúng tôi có đáng quen thuộc hơn.

Bản chất thầy giáo lộ ra trong cách thủ thế của anh. Trong các buổi họp đội anh nhắc chừng chúng tôi đừng vi phạm nội quy. Không kể riêng ra điều nào, nhưng anh nhấn mạnh đến các cách sinh hoạt ăn nói, đối với chúng tôi là tự nhiên, không ẩn ý nhưng qua cái lò lọc công an nó có thể trở thành tội chết như thế nào: “Đừng nói một lời có thể hai ý (cái ý bẻ queo có thể là ý thứ hai không?) Đừng nói nhỏ dù đó là thói quen của mình. (Điều này từng áp dụng ở một chỗ – nhà tắm nuôi – mà không biết ‘nhân rộng’ để đội anh phải nhắc.) Tốt hơn là đừng có nói. (Chà, những buổi họp tối của chúng tôi đều có quản giáo hay quản chế đứng ngoài nghe, có ăngten báo cáo từ bên trong, anh nói kiểu này có khác nào xúi giục chúng tôi giấu giếm tư tưởng phản động của mình, không chịu thành thật cải tạo? Ghét thì chụp cho tội chết, chứ công an đã từng dạy chúng tôi: Nghĩ gì thì nghĩ, đừng nói lời phản động, có ích

gì?) Phải để ý đến từng cử chỉ hành động của mình. Như hồi chiều có anh đội 7 đến chùa miếu giấy xin thuốc, may có tôi làm chứng rằng anh ta chỉ xin thuốc rồi đi, chứ người đứng xa chấp choạng bắt tội anh nhận thông tin của người khác, thì sao?” Chà, với dụng ý nào đi nữa thì những lời nói ra cũng chứng tỏ anh là dân Liên khu V. Bốn nam cải tạo để người dân Miền Nam làm quen với xã hội chủ nghĩa cũng có tác dụng khác đối với hai hạng người khác địa phương. Đám dân chưa biết đến cộng sản (Bắc Kỳ tàu há mồm, Trung Kỳ trừ Liên khu V, Nam Kỳ Quốc) nhận lay bài học về đời sống mới với tính cách của một người tiếp xúc lần đầu, theo nhiều hướng khác nhau: Phản ứng cam chịu mà âm ỉ bùng nổ, trong thâm tâm cái tự phụ riêng tư của cuộc sống cũ vẫn còn, lấy sự im lặng của khinh miệt làm đòn trả để tự an ủi; phản ứng khác là sự a dua vô vập làm quen, xin được nhận vào hàng ngũ mới với tất cả những mảnh khoé học được trong cuộc sống cũ. Người Liên khu V cũng có một số giống như các bạn ngoài vùng nhưng chỉ riêng ở đây, xuất phát từ đây mới có những người tiếp thu chế độ mới với tính cách gập lại một khuôn mặt cũ quấy rầy, đáng ghét, quyền uy lấn lướt, không bằng lòng mà vẫn phải gập nên phản ứng lúc đầu có thể chỉ là phiền bức cam chịu nhưng mau chóng trở thành chịu đựng bình tĩnh, phản ứng chuyển thành thích ứng tuy vẫn ý thức được sự cam chịu buồn phiền của mình. Nhưng anh K. ơi, sao hình như tôi thấy cái độ phiền bức trong tôi nhiều hơn của anh?

Anh ở với chúng tôi chỉ được khoảng nửa tháng. Trung tuần tháng Chạp ta anh được gọi ra về. Lần đầu tôi được thấy một đám người về đông như thế đó. Họ được tập hợp thành hai đội 29, 30, phiên hiệu chót trong trại. Họ ở riêng trong những căn nhà vừa xây cất xong, chuẩn bị để ra về. Chuẩn bị những gì thì chúng tôi không được biết. Trại có tất cả ba khu theo ba tầng cấp của ngọn đồi: khu nhà tôn vách đất ngay cổng, khu nhà gạch khá khang trang ở bậc giữa và khu gạch nửa xây lỗ dờ ở cao nhất, sát bức tường gạch có vọng canh. Họ ở khu đó. Buổi sáng họ vẫn phải tập hợp, chúng tôi đi làm họ lại vào. Chiều cũng thế. Nhưng chỉ được vài ngày. Thường thì đọc tên, chỉ trong vài ngày làm xong thủ tục, tù thả được ra về ngay. Ở lại lâu không tránh được móc nối, nhả nhe lời thôi ra. Nhưng không hiểu sao họ vẫn phải ở lại cả nửa tháng. Vì thế họ phải đi làm. Áo quần họ lành sạch vì bao nhiêu thứ đã vứt lại

cho người quen, hay không quen mà chịu khó xin xỏ. Có người chỉ giữ lại cái ca uống nước và cái chén đôi đũa nên phải đi xin lại bình đựng nước. Chẳng hề gì, đó là những vấp vấp mừng vui.

Rồi một buổi chiều đi làm về sân, nghe anh em kháo nhau: “Họ đi rồi!” Trong một trại đông nghịt cả ngàn người, chỉ về khoảng 80 người mà sao thấy trống vắng quá nhiều, nhưng điều ấy chỉ thoáng qua trong một phút, một ngày. Thực tế vẫn đập mạnh vào tâm trí mọi người hơn. Và còn phải lo Tết nữa.

Quả thực ở đây người ta đã tổ chức khéo hơn K1. Chương trình không phải chỉ có ăn mà còn có chơi. Khu tập trung đi làm biến thành một khu chợ Tết với hai đội chung nhau làm một gian hàng. Làm sườn thì tre, cây rừng có sẵn. Mền chiếu làm vách mái – chuyện sử dụng cũng gay go vì hãy nhớ mùa lạnh nơi đây. Một ít sơn, một ít giấy, cành la trong rừng là đủ cho trang trí bởi những tay thật “nghề” trong cuộc sống cũ.

Vẫn mỗi đội, mỗi gian hàng phải nêu đặc điểm hoạt động của mình: Đội nông nghiệp nhổ cả một bụi mì hàng chục kí lô, khoe khoang đặt trước cửa, đội mộc có những hình mẫu tủ bàn tí hon, đội rau xanh tràn ngập bầu bí, bắp cải... Mỗi đội cũng bày những trò chơi hấp dẫn người tới thăm – cũng tù thôi: đi máy bay, ném vòng, phóng tên... Vật thưởng là của góp từ kẹo bánh phát cuối năm, từ quà thăm nuôi, từ sản phẩm trong vùng phụ trách của đội. Gian hàng đội rau xanh hấp dẫn nhất vì quà thưởng. Một vài trái bầu, bắp cải có hạn chế nhưng rau, cải củ thì ê hề. Gọi là cải củ nhưng chẳng có củ, chỉ để ăn lá, cuối năm không nhổ hết, ra giêng héo úa cũng vậy thôi. Quán giáo có ơn ban phát mà anh em trong đội cũng vui được chia sớt với đồng bọn.

Ở đây có một đội văn nghệ không phải chỉ riêng K3 mà cho cả toàn trại. Đội trưởng, đội phó không phải là dân nguy quân nguy quyền mà là dân làm ăn, lều gạt, gặp lúc tranh tối tranh sáng làm một cú gì đó, may thì làm tiếp, rủi thì khăn gói vào trại. Họ là những ông bầu (cố nào?) của các ban nhạc lưu động quanh các nhà hàng, trại lính xưa kia. Ở đây họ lại có đất dụng võ. Các cậu thanh niên lang bang ngày trước ai lại không cầm cây ghita? Vào đây năm ba năm trời nắm lại cây đàn, cau nào có nghề sẵn thì tiếp tục nhuần nhuyễn,

cậu nào tài tử thì trở thành chuyên nghiệp. Năng khiếu cũng phát triển ở một số người. Có tay không hề biết kí âm, chỉ học lóm thế mà không chỉ học Tây ban cầm còn có the xài đàn tr'ưng, đàn bầu, lúc tấu lên có cả cái dáng của nhạc jazz ồ ạt, sôi nổi...

Họ thuộc vào một đội riêng, đội 21, có lô đất trồng trọt riêng, có nhà lô để tập luyện. Đất trồng trọt thực ra chỉ giao riêng cho 5, 7 người không mấy văn nghệ, còn bao nhiêu là tập tuồng. Họ được cung cấp một mớ vở kịch, nhiều bản nhạc để làm chất liệu diễn. Nhưng rõ ra là cái ý hướng biểu diễn – hát, múa, đóng kịch đều căn cứ vào mớ kiến thức kinh nghiệm của những ngày làm ăn ở các trại lính, vũ trường cũ. Họ được khá tự do – một phần vì người ta chắc chắn rằng họ không trốn chạy (?). Đi biểu diễn ở các K khác họ ra vào các cổng trại lẻ tẻ, mò ra tận ngoài xóm đàn hát làm mê mẩn các cô khiến các cô này quên mất hẹn hò với người yêu, thường là du kích xã, để các anh đâm đơn tố cáo. Chỉ lúc này họ mới bị phạt – sơ sơ. Còn thì nếu một công an gặp cán bộ của Đội, noi: “Này tù của anh nó ra ngoài đường đông lắm” thì được trả lời bằng tiếng cười: “Đừng lo, chúng nó sẽ về.” Mà quả thực, đi về không thiếu một con!

Đây là những trẻ bụi đời nên cái trò đồng tính luyện ái ở đội này bộc lộ hơn đâu hết. Họ còn trẻ, dễ nhạy cảm với chuyện tình dục. Ở Hóc Môn chỉ có bọn trẻ mới nghĩ ra cái danh hiệu cho ông Tổng bí thư đảng Nhân dân Cách Mạng Lào: “Xây-xâm-sau-khi- hãm” (2004: *chữ Anh là Kayson Phomvihane*). Không có nữ, họ giả trang. Và tất nhiên có đào thì có kếp. Ghen tuông, hờn dỗi, đánh lộn giành “gái”. Quy luật “cận lân” giữ ưu thế: Tới đến họ buông mừng làm trò đến nỗi có lần quản giáo cấm treo mừng! Nhưng quy luật giang hồ của nhà tù giành ưu thế cho kẻ mạnh. Một “đào” của đội văn nghệ có kếp ở đội khác là một tướng cướp mới có hai mươi mấy tuổi mà đã có tuổi nghề năm bảy năm, bụi đời từ lúc 12 tuổi. Anh này được trong coi đàn gà vịt của quản giáo nên thông thả ra vào, lấy có theo gà vịt mà đi đứng khá tự do – người ta chỉ sợ chúng tôi trốn mà không ngại về phía thường phạm, đó là chuyện không ngược ngạo tí nào của kẻ lo chăm chăm bảo vệ chính quyền vừa giành được sau bao nhiêu gian truân vất vả. Trở lại anh cựu tướng cướp. Một hôm trên đường đi đến trước cửa kho, anh bỗng nhìn thấy cái ổ khoá. Sự

tình cò hay bản năng nghề nghiệp thức dậy? Không biết. Cửa kho không người trông coi. Ngay trên lối về có vài cán bo đang đứng nói chuyện. Anh nhìn xuống dưới chân, lại có khúc dây kẽm nằm đấy. Anh nhặt lên chọc vào ổ khoá, Khoá bật ra. Nghề chưa lụi, mau mau vác lấy bao gạo 50kg. Anh đi ngay trên đường lớn có những người công an đang đứng đấy. Lại cũng là tính toán theo nghề nghiệp.

Bị bất ngờ gọi lại anh vẫn bình tĩnh đi tiếp. Người công an chụp lấy anh chưa kịp lên gối thì anh đã buông bao gạo ra, bỏ chạy vung cả đôi dép bên lề đường. Quản giáo đội lật đật đi cứu lãnh về, sợ “Thằng nhỏ bị đánh chết mất” và hôm sau còn lượm cả đôi dép về cho anh. Anh lãnh bản án “cùm một chân, ăn 9kg” nhưng chỉ ở vài ngày. Dân chính trị bị tuyên án như thế thì có hi vọng nằm ấp đủ vài tháng, lúc ra có người công! Tội chuyển về đội để phê bình hành động sai trái của anh. Tù hình sự không có cái lối hơ hành lang nhằng, mà quản giáo cũng không bắt bẻ họ. Buổi họp kẻ năm người ngồi. Chuyện dây dưa không phải chỉ vì anh ăn cắp mà bị bắt quả tang. Được dịp trả thù, bọn trẻ móc thêm, bắt anh nhận tội lấy gạo để nuôi “tình nhân”. Câu trả lời kèm thêm cái vênh mặt: “Thích thì làm chơi, coi có quên nghề hay không chớ bấu gì mấy chục kí gạo? Ở đây tôi nuôi một chục người thì không được chớ một người thì thừa sức, việc gì phải mất công đi ăn cắp?” Rồi anh chui vào mùng để đội ngo ngo một lúc rồi mạnh ai nấy ngủ.

Ngoài đội văn nghệ diễn chính, các đội khác đều có tiết mục riêng tham gia, gọi là “Hội diễn văn nghệ quần chúng”. Các buổi tập diễn ở bên ngoài bãi lao động, trong lúc mọi người cuốc, đốn thì nhóm văn nghệ được đứng riêng tập tành. Tập các bài hát của thời đại nhưng cũng có các sáng tác “tự biên tự diễn”. Các tác giả có người đã nổi danh theo chiều hướng này hay chiều hướng khác. Họ nghĩ gì khi sáng tác những bài “thi đua với mưa với nắng”, những vở kịch “tự kiểm quá khứ”? Thực ra cũng mỗi người một vẻ. Nhà thơ Trần Dạ Từ trở thành nhạc sĩ vì bị khích tướng, có lời ca đáng thơ.

Soạn giả cải lương Mộc Linh làm sao từ chối cho đội một tuồng ngắn kiểu Hai Bà Trưng cac bùm? Nhà thơ Mặc Thu ề à ngâm nga một vở kịch thơ dài trên sân khấu – người ta ngáp, và sau này có lời dọa: “Mày vi phạm nội quy, tao bắt nghe Mặc Thu đóng kịch thơ!”

Có điều phải từ đó mà nhìn nhận sự thành công của những người canh giữ chúng tôi, nhất cử tam tứ lưỡng tiện. Cả tốp công an sống trên rừng chẳng có gì giải trí thì có một vài buổi diễn kéo nhau đi xem cũng thấy đòi đồ cực nhọc – cứ coi như đi xem hát đình! Bọn nguy phải ngồi phệt xuống đất, mình có ghế ngồi đằng hoàng hơn hay có đứng bám dựa cọc tre bờ đất cũng là sang rồi. Buổi biểu diễn phải có ý vị ca tụng chế độ dù có khoác chút ít cái “giật” của tiếng trống. Chi tiết này về lâu về dài mới trở thành một thứ ưa thích để được chấp nhận chứ lúc đầu sự chấp nhận chỉ là một bước rút lui chiến thuật để sử dụng người cũ ca tụng chế độ mới. Sự nhượng bước này cũng phải có giới hạn – giới hạn ở độ nào thì lại tùy tính khí của người cán bộ, nghĩa là có trời mà biết. Dù sao thì bọn nguy cũng được dịp khoe tài mà nhà nước được tiếng làm cho nhà tù có cái không khí của một chuyến picnic dài hàng năm mười năm – hay vô tận không biết chừng. Không hơn là để chúng tổ chức ca nhạc tự phát bao biếm chế độ, chính quyền sao? Bao kinh nghiệm ở tù còn mới quá cho nên người cộng sản đủ ý thức và mưu lược bóp chết những phản động đang con trong trứng nước.

Tết năm ấy chúng tôi được nghỉ thêm ngày mồng ba vì chưa dọn khu chợ, dành để đón phái đoàn các K khác tham quan, thăm cung cách tổ chức kiểu mẫu của K3. Chỉ là một cách khoe khoang vì không chắc các K khác chịu mất công bắt chước, thêm mệt! Quan trọng đối với chúng tôi là nghỉ thêm một ngày. Ở đây nghỉ được ngày nào hay ngày nấy. Nhất là đối với tôi, năm sắp tới, nửa năm sắp tới là cả một đoạn đường gian lao nhát trong cuộc đời cải tạo. Cuộc sống nào cũng dẫn đến mỗi mòn hưởng chỉ là cuộc sống nơi đây.

Đã nói mùa nắng qua Tết là mùa điều đúng nhất vì chẳng trồng trọt được gì, không còn gì để ăn. Đất rắn như đá mà còn phải cuốc vỡ lật đất chờ mưa. Cuốc hết từ mẫu này sang mẫu khác. Cuốc lên đồi rồi lại xuống dốc, đầu cứ chúi xuống theo đà cuốc bỏ. Cuốc dội ran ngực mà đất ngút ngàn chưa thấy hết. (2004: *Có người nhạo báng anh Nguyễn Việt Khánh, cựu Tổng thư ký Việt Tân Xã: “Ai biểu anh lấy biệt hiệu là Sơn Điền chi để lên đây làm ruộng núi?”*)

Điều đúng vì đội lại thêm một “nhân vật” mới. Anh thuộc vào lớp nguy

quân của đồng bằng Cửu Long đưa lên hồi tháng 4-79. Hồi đó, một bữa đi tắm suối, một cậu bé hình sự thăm thì với tôi: “K3 nó mới về 413 người từ Quân khu 9 đưa lên.” Chú chẳng biết tôi là ai ngoài cái biết là “dân Hóc Môn”. Đám hình sự dễ có tin tức nhiều hơn chúng tôi vì đi làm rộng, vì ít bị canh giữ. Chú bé tưởng ngoài cái ý khoe khoang biết chuyện của chú, còn là làm ơn cho biết về số phận những đồng bọn của chúng tôi: “Từ đại úy đến đại tá...” Tội nghiệp cho chú. Chúng tôi còn dính dáng gì với nhau nữa đâu ngoài sợi dây mỏng manh của cái phiên hiệu của quá khứ mà hơn ai hết người cộng sản cố tình chấp lại, lấy keo, lấy hồ của nước dãi tuyên truyền nổi lại, để còn có cớ mà nhốt chúng tôi lâu hơn, để họ được an toàn hơn? Như mối tình của chúng tôi với anh bạn này vậy. Những người ở Quân khu 9 lên đều ở khu nhà ngói kang trang mới cất, không tiếp xúc với chúng tôi ở dãy dưới. Sự cấm đoán nghiêm khắc là một phần, chúng tôi bị canh chừng kỹ quá nên không biết anh cho đến khi anh K. được phóng thích, anh được điều qua làm đội phó. Đội trưởng mới cũng ở đội 2 trồng rau qua, người Bình Định. Anh ít hoạt động hơn anh K. tuy là ở lâu thành quen, anh cũng nhanh nhẹn, ung dung như không có gì phải bận tâm – hay ít ra tôi đã tưởng như vậy. Anh làm khá đủ bốn phận bình thường nhưng không bói chuyện truy bức người khác.

Trái với anh đội phó. Lại cũng một anh đội phó hò hét lấn quyền đội trưởng nữa. Hơn anh phó trước ở chỗ anh rất thâm hiểm. Không hiểu vì chức vụ cũ là một sĩ quan an ninh quân đội mà anh cố tìm cách xoá sạch quá khứ hơn mọi người không. Chỉ biết anh đã sống rập khuôn, hơn nữa, khuôn thật đúng lí tưởng sách vở. Ngồi nghe anh điều khiển buổi họp với những lời “giáo huấn” – đừng nhìn chúng tôi, đừng thấy cái cửa khoá trái bên ngoài, người ta cứ tưởng đây là một buổi họp Đảng, của những đảng viên dự bị gốc paria sắp được nhận thẻ.

Có cái gì trong con người ấy? Hình như là một cái gì tinh ranh rất mực. Thua anh đội phó K1 cũ, anh không được thăm nuôi nên sử dụng sự “giác ngộ” của anh, công cán làm việc đội để mong được hưởng 18 kí. Rủi ro có lần một tên ghét anh nghe anh năn nỉ với quản giáo về việc đó! Anh lập cả 20 điều nội quy riêng – gọi là của đội! để cai trị riêng trong đội với những hình phạt thật nặng nề. Còn anh thì tha hồ. Đã nói đôi ăn vụng túng làm càn – mà

anh thì lại cho mình có quyền làm càn. “Nó hái ớt của đội 3 mà cứ thon thót dầy và tố cáo người xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, nó đi xin rau riêng mà viện dẫn liên hệ công tác...” Người ta xâm xì nhưng chẳng ai nói ra miệng vì ai cũng lo thủ thế. Cái chất hống hách, muốn quyền uy ở thời cũ được vực dậy từ cách anh học nhuần nhuyễn chính sách nên rất thành công với chiến thuật nhún nhường, núp bóng nội quy, lí luận mới thuộc lâu lâu, áp dụng tron như mỡ.

Hơn anh đội phó cũ, nghề nghiệp của quá khứ giúp anh thật nhiều. Anh “cấy” người rất lanh, rất tài, đã sử dụng không phải chỉ cái tên tố cáo người lập phái đoàn đón Trung Quốc đang bị cô lập – vì sợ hơn là vì ghét – mà cả những tên điềm chỉ bất ngờ nhất, thuyết phục được cả những người rõ rệt căm ghét anh – không phải giả bộ – để xoay ra tố cáo người khác, hay cung cấp cho anh một tin tức nào đó, một lời nói, một hành động của một người không nghi ngờ gì đến người có thể tố cáo. Siêu!

Anh K. về rồi, và đến lúc này chúng tôi mới có kinh nghiệm để không dám cho rằng cái khôn ngoan của anh ấy dù sao cũng có vẻ hèn nhát thảm hại quá. “Tốt hơn là đừng nói gì cả để người ta có thể suy diễn, chụp mũ mình.”

Người chịu đòn đầu tiên là anh Thắng, sau này ra về một lượt với tôi. Buổi họp thường lệ tối thứ sáu tưởng là cũng dễ trôi qua cho đến khi anh đội trưởng – anh đã lên chức – phát biểu “để xây dựng những kẻ sai trái trong ý nghĩ, trong việc làm, có hại cho cuộc đời cải tạo...” Chuyện bắt đầu từ một câu vụt-nói-ra tuy cũng tỏ một ý khinh thường, bức bối. Một người được thăm nuôi khi vào được hỏi, trả lời một cách phân trần: “Bị chặn cái này... gác lại món nọ...” Cũng thật có nhiều nguyên nhân gây ra sự việc này: Có người bị chặn vì đồ mang vô quá nhiều, vì người nhà mang cả đồ cấm (thứ can đun nấu, muối...), bị chặn lại vì một món đồ tưởng tượng – anh chẳng có món ấy đâu nhưng được đi thăm nuôi mà mang đồ lèo tèo quá phải nói khoe cho đỡ mắc cỡ. Và tất nhiên cũng có những lí do không giải thích được ngoài lí do là sự bất thường của người cán bộ thăm nuôi, tính khí khác nhau của người cán bộ văn hoá dẫn đi. Nhưng những người góp chuyện với anh kia lại quên cả dè dặt vì không khi “hồ hởi” sau buổi thăm nuôi. Và rủi ro cho anh T. khi nói một câu cô đọng: “Ừ, bàn tán làm khỉ gì, trời có hồi mưa hồi nắng mà!” Đúng

là không được xúc phạm đến ông trời. Nhưng ông trời ở xa quá – hãy cứ coi là có ông ấy đi – không làm sao nghe được con dân phê bình, nên không thể nổi trận lôi đình... Chỉ có ông cán bộ ở sát bên cạnh. Lại thêm có anh đội trưởng của tôi, tự đặt vào hàng ngũ những người giam giữ, anh phải nêu “cái sai trái để anh em thảo luận trong tinh thần xây dựng lẫn nhau”. Đám “anh em” đó có những kẻ sẵn sàng giết chết đồng bạn để tỏ ra mình tiến bộ – không có thì còn phải bịa huống chi đã có thằng đưa sẵn đầu cho đập. “Anh em” là những kẻ thấy có dịp để khoe tài biện biệt của mình trong việc phân tích những quanh co, ẩn ức tâm lý đã phát sinh lầm lỗi. “Anh em” là những người chậm chạp mồm miệng nhưng ngồi lâu cũng thấy phải nảy ý góp phần để khỏi mang tiếng tiêu cực, lại khó sống. Họp càng lâu thì loại “anh em” này càng nhiều, nhất là khi anh đội trưởng muốn “dành cho anh em thì giờ phân tích thật kỹ, thật sâu, thật sát” nên thúc người này, hỏi người nọ khi thấy buổi họp chìm lắng. Buổi họp sơ bộ hôm đó kết thúc với cái án phạt đầu tiên của đội trước khi trình quản giáo: Anh T. phải quét nhà trong một số ngày. Không biết người khác nghĩ gì khi chui vào mùng, nhưng tôi chắc rằng cho đến lúc thiếp đi, mọi người – trừ anh T. – đều thở thối hân hoan. Đau lưng, tức thở, nặng đầu vụt thoát ra như chiếc bong bóng xì hơi khi được nghe tuyên bố giải tán buổi họp.

Lại một nạn nhân khác, lần này dữ dội hơn. Đó là một kẻ “phát biểu linh tinh” vào một hôm cuộc võ trên khu đất tròng lang các mùa trước. Từng dải lang nhỏ phơi trên đất được gom lại để nấu chung cho đội “cải thiện”. Lang đen cả hai đầu, mầm mọc bò lan mất cả chất ngọt chỉ còn lại một khối sập sình, lạt lạt. Nhưng có còn hơn không. Anh nuôi cắt đầu cắt đuôi chẳng còn bao nhiêu nhưng ăn xong vẫn thèm thèm. Lại cũng là chuyện nhàn cư vi bất thiện: Ngồi nghỉ giải lao, tôi bỗng nảy ý đề nghị đừng cắt gì hết, cứ rửa sạch đem nấu, ai kỹ thì cắn bỏ phần hư, ai cần thốn thật nhiều vào bụng thì có sẵn để thoả mãn. Ý kiến phản đối khá nhiều trong đó có một tên “há mồm” vụt nói: “Đâu có được, chúng ta ăn no mặc ấm rồi đến lúc phải ăn ngon chớ!” Chuyện không phải động đến ông thổ địa, bà chúa xứ mà động đến Ngọc Hoàng Thượng đế đang nằm trong Lãng. Và họp. Có cái đà của buổi họp trước, buổi họp này bắt đầu tron tru hơn. Nhưng tội nặng quá thành nguoi ta

chùn tay, chùn miệng, trừ cái tên sát nhân quen thuộc. Có thể vì một chút lương tâm còn lại nên người ta không mạnh miệng kết án. Cũng có thể vì phạm vi giải thích tội lỗi phải to rộng theo mức độ phạm nên người ta không dám xông vào, sợ lỗ mồm lỗ miệng, sợ “đầu chẳng phải lại phải tai” cho nên anh đội trưởng cứ phải kéo dài để “anh em nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của vấn đề”, “nhận thức về cái sức mạnh tàng ẩn của quá khứ nhơ nhớp, phản động vẫn đợi cơ hội để ngóc đầu dậy.” Thế mà cuộc họp về cuối vẫn ở mức độ nhì nhằng đến khi giải tán.

Anh đội trưởng không bằng lòng với lối “đấu tranh tiêu cực, bao che” của anh em. Chưa kể không khí cuộc họp như vậy là động tới quyền uy của anh: Anh muốn nó phải sôi nổi dòn dập mà nó cứ rề rề... Được báo cáo, quân giáo cũng đồng ý với quan điểm của anh: Vệ binh Hóc Môn chẳng đã từng đập chết một tên nguy hiểm đến lãnh tụ đấy ư? Cho nên phải họp lại, bàn bạc thêm để đấu tranh tư tưởng cho anh bạn kia thấy sai trái của mình mà “thành thực ăn năn hối cải”. Mệt quá!

Lại đợt thứ ba. Như sóng hội tụ giao thoa, lần này bùng nổ dữ dội hơn. Mở đầu cuộc thảo luận, “hoạ sĩ” Bê (2004: *tên đúng đấy, không phải vần chữ cái B đâu!*) từ tốn phát biểu: “Chúng ta được vào đây học tập là nhờ lượng khoan hồng của Đảng, của Nhà nước... được sự tận tình chỉ dạy của ban giám thị, của cán bộ quản giáo trực tiếp của chúng ta... Nhằm mục đích cùng giúp đỡ nhau học tập tiến bộ để có ngày về với gia đình vợ con, tôi xin nêu ra đây câu nói tôi nghe được... không biết vì anh ta vô tình hay đã cố ý âm mưu xuyên tạc chế độ, luyến tiếc quá khứ, khích động người khác để âm mưu làm chuyện tà trời hơn...”

Cái anh tiểu thuyết gia cỡ lớn này là tác giả của thiên trường hận “Âm mưu lập chính phủ lâm thời và phái đoàn đón tiếp quân đội Trung Quốc.” Tôi cũng từng thắc mắc nhiều về con người này. Lúc mới ở cùng chung đội, anh ngồi riêng biệt một chỗ, mặt buồn thảm hại, dễ quyến rũ người nhiều tình cảm – vô ích. Anh lân la đến bên tôi, đến anh ban dạy sinh ngữ trường Quân đội để xin thuốc hút, đồ ăn... Thế mà một hôm anh kết tội anh bạn kia lấy cây bút quý của anh, cây bút được anh kể lịch sử như là một kỉ vật yêu quý ngang tầm “mối tình đầu”. Lịch sử có viện dẫn nhân chứng từ bên K1.

Đáng tiếc cây bút ấy lại không có thật, các nhân chứng anh mời gọi đều ngo ngoe hay nói trái lại. Quản giáo đã nói bâng quơ là trong đội có những kẻ “mat người da thú, phản trắc không chừng” vì bức tức đã phải đọc tiểu thuyết của anh mà theo nghề nghiệp thì phải coi là thật. Một nạn nhân của anh đã cảnh cáo tôi và anh bạn kia, thấy không được bèn bỏ mặc nhưng cũng khoe khoang dịp phát giác xuất thần của anh về nội vụ ở K1: “Tao thấy nó đang ngồi im lìm, ừ rữ bỗng mắt nó sáng lên, loé ra dữ dội... Tao biết có chuyện chẳng lành. Quả đúng. Nó “vê” chuyện thật khéo. Không khai vào danh sách Phục quốc những kẻ nổi danh nhưng chết nhất thấy rõ: Vũ Quốc Thông, Phạm Huy Cơ... Chỉ khai những tên vừa mắc tội ‘phục quốc’ ngoài đời vào thôi...” Đan cho cái sườn ấy vững chắc và núp vào đó, lôi thêm những kẻ co âm oán giang hồ tí chút, hay những người không bằng lòng. Anh nào bên ngoài có chức vụ ở ngành tổ chức thì được phong làm Bộ trưởng Nội vụ, anh biết ngoại ngữ được làm Bộ trưởng Ngoại giao, trưởng phái đoàn đón tiếp, anh quân sự được phong Tư lệnh này nọ... Tôi cũng từng nhiều lần có hân hạnh là nạn nhân của anh. Trong buổi họp anh nêu thắc mắc là không hiểu tôi có suy nghĩ âm mưu gì mà khi đi cứ cúi gầm đầu xuống đất? thắc mắc không hiểu sao khi đài báo tin Trung Quốc đánh chỗ này chỗ nọ, tôi lại rung đùi đắc chí? Tôi chẳng hiểu làm sao trong buổi chờ ngủ, mọi người bận việc riêng nhỏ bé của mình, tiếng loa tạt theo hơi gió tiếng được tiếng mất mà anh lại biết tôi đang lắng nghe đài và lại rung đùi đắc chí?

Đây cũng là một mẫu người đặc biệt. Anh không có lợi gì lắm khi làm như vậy. Thực ra cũng có người muốn yên thân, mỗi khi có thăm nuôi cũng đem đến cho anh chút đỉnh viên kẹo, vốc thuốc lá nhỏ. Nhưng anh không sinh sự thì người được thăm nuôi nào cũng thấy có bốn phận được mời bạn bè chia vui với mình, và có khi cho người xấu số nhiều hơn kẻ khác nữa. Còn tai nạn thì anh lạnh quá đủ với “công lao” của anh. Anh cũng bị nằm ấp gần bằng thời gian của người bị tố cáo. Chưa kể sự khinh khi. Có lẽ phải hiểu đó là do thói quen sống, điều mà tôi học được ở một danh từ mới: bản chất. Anh có anh đội trưởng để ra công phục dịch. Anh đội trưởng có anh để làm tay chân và có người để thi ân, để thỏa mãn cái đòi hỏi quyền uy trong hoàn cảnh tưởng không thể nào có được quyền uy này. Hình như anh bị bắt cũng vì cái

tật bám vào những người có quyền uy nào đó trong chế độ cũ để sống cuộc đời chỉ phải tồn có nước miếng dẫn dắt từ cái đầu bịa chuyện vốn cũng phải làm việc thật dữ. Nghe nói anh có nhiều nghề nằm trong cung bậc hoạt động có thể được của trí óc: thầy tướng số, thầy lang, thầy pháp.

Nhưng chuyện tố cáo sau này là chuyện thật. Chẳng là trong phong trào thuốc dân tộc đang lên, người ta nghe được rất nhiều chuyện thần kì. Chuyện toa thuốc can bản để kiểm chỉ có mười vị mà gia giảm thứ này thứ kia chút ít là trị đủ bá bệnh. Chuyện món giấp cá chữa được bệnh trĩ cho một chuyên viên của nước bạn vĩ đại đã mắc kinh niên mà cả nền khoa học tiên tiến của xứ sơ hình ảnh của tương lai nhân loại vẫn không chữa được. Trong hoàn cảnh tù đầy thiếu thốn người ta cũng phải chú ý đến những thứ cây lá để chữa bệnh, để tắm bồ, hoặc có thể cầm cự cơn bệnh (anh được sĩ trồng riêng một mớ cây sống-đời để chữa trĩ), có lúc đưa đến hậu quả tức cười: Nghe sâm hành là thuốc bồ, có bữa quơ được của đội trồng thuốc nam, cả bọn xúm lại ăn tới tấp để rồi ngạc nhiên thấy choáng váng, nôn oẹ, có kẻ leo lên chỗ nằm đắp mền run... Với dân thành phố thì các tên thuốc nam thật lạ lùng, không ai ngờ đó là các món rau thông thường của dân nhà quê: tía tô, tần... Truyện kiếm hiệp làm nổi danh cây hà thủ ô, cứ tưởng là chúng phải ở tận núi Thiếu Thất, Trường Bạch... không ngờ mọc đầy trên đất, leo đầy hàng rào. Trong vườn có một tên rau định mệnh cho hai người bạn của chúng tôi: cây mã đề.

Buổi chiều đi ra suối tắm, ngang qua vườn rau của đội văn nghệ, tuy đang hấp tấp nhưng anh H. (?) lại nhớ đến nỗi thắc mắc thường trực của các bạn trẻ hơn nên chỉ vào vạt rau tràn trề mà nói: “Cây mã đề đây này.” Rồi lại cũng bỗng nhiên anh Thắng của tội trạng kì trước, lại ứng khẩu: “Mã đề dương cước anh hùng tận”. Trong bước đi gần như chạy về suối, trong nỗi ước mong vui vẻ được nhảy xuống nước để gột lớp bụi đất cả ngày, chẳng ai chú ý đến câu nói thoáng qua ấy. Trừ anh Bê.

Anh H. thì cứ phân trần rằng mình chỉ muốn chỉ tận mắt cho anh em nào không biết cây mã đề mà thôi. Anh Thắng thì nói rằng chỉ vì tên cây gọi lại một câu sấm quen thuộc mà anh buột miệng đọc ra chơi thôi chứ trong lúc ào ào chạy ra suối ai mà kịp nghĩ một lời xúi giục, ai mà nghe lời xúi giục ấy? Nhưng cái “chết” của anh là đụng tới một câu sấm truyền mà giá trị lời ản

ngũ đó không ai biết rõ hơn anh thầy pháp: “Không thể nói là vô tâm được. Anh muốn dùng lời sấm Trạng Trình để kích động mọi người chờ đợi...” Trong mớ kiến thức mù mờ của anh, anh không thể nào nói ra suôn sẻ cái âm mưu trong lời nói cho là có dự tính ấy, nhưng nội một chữ “âm mưu” với cái không khí gọi nên bởi chữ “lời sấm” là đủ cho anh bạn Thắng tôi chết một hố với anh H. rồi.

Quản giáo cũng chẳng biết Trạng Trình là cái mô tê nào – đất nước 4000 năm văn hiến chỉ mới bắt đầu từ ngày 3-2-1930 thôi mà! nhưng bảo rằng có âm mưu dùng lời sấm để kích động thì là chuyện quá loạn đi rồi. “Làm việc” cả đội. Họp ở đội để đấu tranh tìm thêm chi tiết. Chuyện kéo ra chuyện. Người ta quả quyết tội nặng là ở anh H. người nói câu ngắn hơn: “À, đây rồi!” (không phải nôi cơm National). Chính ông già gần 60 tuổi này đã thâm trầm gợi ý cho anh bạn trẻ kia đang uất ức trong cảnh “anh hùng tận”. Và quá khứ từ đời kiếp nào nay được lôi ra, đặt vào kính hiển vi xem có sơ hở nào không. Với câu hỏi “Anh bị tội gì?” mà trả lời “Tôi không biết” là chồng thêm một tội trọng nữa. Anh bị bắt vì người ta đã bắt hai người anh em phản động đang ở nhà anh. Hai người hiện ở K3, một người trong đội, người kia ở đội văn hoá thi đua vì có hoa tay vẽ, nặn tượng đủ thứ hằm bà lằng. Tội che giấu phản động. Cũng có thể thật anh không biết rằng hai người trú ở nhà anh có tội nặng hơn những kẻ khác vào lúc trời sụp này không. Nhưng trả lời như thế là phạm một lỗi lầm trong 4 tiêu chuẩn cải tạo: Không “thành thật thú hết tội lỗi của mình”. Phạm thượng nữa. Nhà nước không bắt lầm ai bao giờ. Chế độ hàm chứa tinh hoa của nhân loại, sao có sự lầm lẫn được?

Vụ việc này có thể làm anh đội trưởng thoải mái hơn là chuyện của anh V. tàng tàng đã nói. Vì tính khí bất thường, anh đã gây thật nhiều rắc rối cho đội, gần như không chưa một người nào. Ở nơi này, mỗi quan tâm về những rắc rối cá nhân, về ăn uống tuy vẫn phải để ý nhưng không quan trọng lắm. Cái đáng để người ta theo dõi và để người lập công có dịp báo cáo, là những biến động có tính cách chính trị và về điều này, anh V. cũng gây ra rất nhiều. Tính khí bất thường hình như khiến anh quên thực tại để phạm những tội chính trị rất ngây thơ. Anh thản nhiên ồn ào kể chuyện sống trong các đại học Mỹ, phân tích rất chính xác và có những ý kiến riêng rất đặc sắc, chẳng điên

khùng tí nào về sinh hoạt của người Tây Phương, không màng đến lời buộc tội là tuyên truyền cho đế quốc. Anh thực thà nói chuyện gia đình và lần lần theo câu chuyện, anh mất bình tĩnh qua giọng nói đứt đoạn, kéo dài, lảm nhảm hay quát tháo, anh tuôn ra một lô chuyện riêng kín để thành với anh bây giờ không còn biên giới giữa bên trong và bên ngoài thân xác, không còn phân biệt mình với người nữa. Anh là một loại người như tự anh xác định “thinking in high” – nghĩ ra lời, nói huyền thiên, không gì ngăn lại được.

Với anh đội trưởng ưa thích quyền uy thì một nhân vật như vậy là một cái gai trước mắt, một sự thách đố quyền bính của anh nên đúng là một tay chống đối có hệ thống, một tay nguy hiểm giả đại. Có điều cái biên giới mập mờ giữa cái tỉnh và cái khùng của anh V., khả năng lí luận cao đồ cho lúc tỉnh, dấu vết bất thường rõ rệt đồ đòn cho lúc anh loạn quạng khiến anh thoát được rất nhiều lần bị kỉ luật. Sự sợ hãi khiến cho anh thành rất tỉnh – có lẽ bản năng sinh tồn trỗi dậy xua đuổi sự bất thường. Bị gọi lên quán giáo anh biện bác rất cừ, mạch lạc mà mềm mỏng, bị trật tư thoi trong nhà kỉ luật lúc anh nổi cơn la hét rầm rĩ, anh im lìm rất lâu, ê ẩm vì đòn, nói thác là “té đau quá” và nói thẳng với quán giáo: “Đừng đánh tôi, tôi biết đau, biết sợ. Ban giám thị chắc không muốn làm mất chính sách...”

Cái mập mờ giữa biên giới tỉnh điên ấy cũng giúp anh đủ can đảm, quên sợ bị đòn, để nói móc đội trưởng nhiều câu đau điếng. Cho nên suốt một hai tháng trời, hầu như sáng nào ra bãi, đội trưởng cũng hạ nón chấp tay trước mặt quán giáo, báo cáo chuyện của anh V. đêm qua, ngày qua. Nhưng chẳng làm gì được anh, người ta đã “quen” anh rồi. Và anh đội trưởng chỉ còn có cách hậm hực tính chuyện lâu dài: “Nó cứ chống đối, tôi cứ báo cáo, xem ai hơn ai!”

Anh có cái bụng rất tốt hiểu theo nghĩa nào cũng được. Hiểu theo nghĩa lòng dạ thì cái tốt có khi vì thiếu kiểm soát mà anh không tự kiềm chế, có bao nhiêu cứ tuôn hết cho mọi người. Rồi khi giật mình ý thức được thì lại trở nên cau có, nói lộ ra ý định bất chợt có toan tính khi tuôn của cho người. Lúc đó anh trở thành nhân vật gây rối, không chừa một ai. Sự thúc bách của tính phàm ăn là một nguyên nhân khác. Gần như anh ăn gì cũng không bị đau bụng. Lợi dụng bị phạt quét nhà, anh vợ lấy đồng vỏ khoai nằm trên cái hốt

rác tuồn lẹ vào miệng. Chẳng sao. Củ lang sống, củ mì lên men nằm từ mùa trước ngoài bãi, cũng chẳng sao. Giải thích của anh có vẻ khoa học lắm: “Nó thối là lên men ethylic, cũng như mình ăn hèm thối.” Nhưng đó là lí luận trừu tượng, lí luận của phòng thí nghiệm – gần giống như lí luận (nghe nói) của ông Phạm Hoàng Hộ cho rằng ớt mì chứa vitamin C nhiều nên bao nhiêu kí ớt mì thì có thể bổ ngang với một kí thịt bò vậy. Chúng tôi đã có kinh nghiệm về ớt mì, củ mì rồi. Còn muốn trả lời anh V. thì hãy cứ nhìn đồng củ mì còn sót lại của mùa trước nằm dưới đồng lá mục ẩm ướt, mỗi kiến bò quanh, anh moi lên, phui phui cát, lá bám vào đấy rồi bóp cho phần rữa bên trong phọt ra, mút mút! Cái ông già ăn la tàu bay bên K1 có hàm răng cái rụng cái lung lay gọi một dáng kinh hoàng khác, còn anh V., lủi lủi như con cóc quá khổ, mang cặp kính như con mụ phù thủy Tây, hít hít cái nước lầy nhầy đục đục ấy, nhồm nhoàm miếng xơ chưa rã hết ấy, cảnh này chồng chất với cảnh trước, khơi thêm nỗi kinh hoàng khác, chỉ có hai mà sao cứ triền miên không dứt trong cảnh mưa mù cao nguyên bất tận này!

Cái đói thúc đẩy tính phàm ăn khiến anh đủ sức vượt qua cái sợ bị bắt gặp, các hình phạt liên miên, anh nợ đội cả hàng vài ba tháng quét nhà theo “luật” của anh đội trưởng đặt ra. Có lần anh bị quản giáo bắt đứng nhai sống nguyên cả bụi mì vừa mới nhổ lên. Đương cuộc, tôi liếc thấy anh ngấu nghiến hết khúc này đến khúc khác, không có dáng gì thích thú. Đến một lúc anh hơi ngừng lại, rồi tiếp tục nhai nhưng lần này các nhịp ngưng nghỉ nhiều hơn, nhịp nhai chậm hơn. Cuối cùng còn một khúc, anh vứt xuống đất. Người đứng giám sát hất cục đất phủ lên rồi đi báo cáo anh ăn đã xong.

Sau này có một lúc vui đùa, anh nói nhỏ nhẹ, ngọt ngào: “V. thấy ngán quá đi. Mà đắng chi lạ. Cố nuốt vào, cái vị đắng đắng lạt lạt ấy cứ muốn cưỡng cái cuống họng để vọt ra. May mà không sao hết.”

Đúng là bụng anh tốt thật. Cái thứ củ mì sống ấy, luộc lên rồi chúng tôi ăn còn thấy say dật dờ, có kẻ ói mửa, hướng chi là ăn sống. Nhưng đói là phải ăn. Củ mì của mùa trước nằm dưới đất chẳng còn chút bột, ăn sục sục như nhai củ năn mà vẫn xúm nhau nhai. Qua đêm có kẻ oẹ mửa, một cái cầu độc nhất trong phòng dành cho 5, 60 người lúc nào cũng có kẻ chầu chực... Thế mà sáng hôm sau còn vờ ngó ngán: “Hồi hôm trận gió gì độc quá hẻ?” Bởi vì

còn phải chờ đường đi nước bước: ngoài bãi, dưới đất còn nhiều thứ có thể dần bụng như vậy nữa.

Sắn tươi lại có nổi khổ khác. Ăn sống nhai rau ráu sau bụi cây hay ụ gò mồi, có cái vị ngọt của chất tươi nhưng cũng có vị nhẩn của chất đắng. Ăn chín theo cách cải thiện của đội được cái ngon hơn vì sắn mới đào nên còn chất ngọt nhưng không có chút muối cũng thật khó nuốt. Người ta không trồng, hay nói đúng hơn, trồng rất ít loại mì- gòn củ nhỏ nhưng bụi hơn, ít độc hơn. Loại mì trồng đây gò chặt bãi là mì H34, cho năng suất cao, thu hoạch dễ (củ sát gốc trong khi mì gòn củ ở đầu một sợi rễ dài nằm sâu dưới đất). H34 vì say nên bảo tồn được thu hoạch. Có người chịu không nổi, ăn một củ chín cũng say.

Say nhẹ gây một cảm giác nhức đầu, ngầy ngật. Nặng hơn một chút là lão đảo tay chân bủn rủn, giờ cuộc không lên. Tôi đã phải xin ngồi nghỉ, trải áo mưa nghiêng trên một ụ gò mồi, cứ tưởng ngồi mà lại nằm, trời mưa lất phất trong cơn nắng, trở mình không nổi dù gió lạnh cần cử động. Nặng hơn nữa là ói mưa, đi tiêu. Nhưng chưa ai chết. Phải còn sống để ăn củ mì. Cái bụng chứa toàn củ mì nóng ran (củ mì cả trong các bữa ăn chính), lúc đầu không biết cứ tưởng là đói bụng, cổ nóng lại cứ tưởng là tị thuốc lao.

Vì thế người ta phải đi kiếm mì gòn mà ăn. “Người ta” đây là các cán bộ. Tên hậu cần đội có bốn phận phải phục dịch. Nhưng có khi chỗ làm xa nơi có mì gòn, mì gòn cũng lẫn vào với mì H34, thuộc loại các gốc vút đi không trồng nữa, nay theo mùa cũng ngoi lên. Việc thu nhặt nhổ trộm như thế phải giao cho các tay tin cần – hay tạm gọi là tin cần, để có thể đi xa mà không sợ trốn chạy, phải lanh lẹ để nếu bị tuần tra bắt gặp thì biết đường lẩn trốn. Nhưng mì gòn với số lượng ít thì chỉ vật được ít bữa là hết. Phải ăn H34. Cái thứ này, các người, các đội no (đội rau xanh, đội văn nghệ) chẳng màng tới. Trảng mì lan từ đồi này qua đồi khác mà heo rừng không phá một cây! Ấy thế mà giữa đám mì xanh có một cây mì gòn là có heo rừng ủi gốc hỏi thăm. Còn các ông cán bộ nhà tôi, sáng chiều hai vắt mì xanh hấp – bột mì chà từ miếng tôn đục lỗ – cứ ăn đều đều chẳng có dấu hiệu nào ngưng nguẩy như heo rừng.

Đặc biệt anh V. có ăn bậy gì đi nữa cũng không ngoài giống thực vật. Còn chúng tôi thì làm tuốt! Khẩu hiệu là: “Lá nào xanh là ăn, con nào nhúc nhích là ăn!” “Nhúc nhích” có nghĩa là ăn sống nữa. Con chuột, các ké, kì nhông là món ăn tầm thường. Rắn là món ăn quý, nhưng con rít như được phát hiện là một thứ tôm núi, có vẻ còn ngon hơn một vài thứ tôm biển như tôm he hôi mùi vôi chẳng hạn. Con đuông trong gốc le được mệnh danh là con “lạp xường” vì khi nướng lên nó ưỡn mình phồng to như khúc lap xường, có điều là trắng hếu. Đây là món ăn ưa thích và dễ kiếm vì đất toàn gốc le. Cho nên khi không có dịp lại gần bếp lửa thì bỏ ngay vào miệng, cắn bộp một cái, sữa thịt có nhả ra mép cũng chẳng sao. Cũng thuộc loại ăn sống khi chẳng có lửa là đám dế.

Dù có lửa cũng không ăn chín là mối chúa. Có kẻ còn chê rằng đuông mà đem nướng là đại, mất bổ đi. Ở hoàn cảnh này thì bổ thêm chút nào hay chút nấy. Để còn giữ thân may ra có ngày về. Vì muốn bổ như vậy mà có người ăn luôn cả sâu đất lông lá xồm xoàm, bụng đầy đất là đất. Con đuông non ăn được thì hoá thân của nó đã bọc vào trong lớp vỏ lõi hai cái cánh ra, cũng ăn được. Và kiến gương chân tay kền càng, sừng cong queo góm ghiếc cũng ăn được tuốt luốt! Ít thịt như vậy mà còn ăn thì con cóc sao lại bỏ? Đội 18 hình sự tiền thân của chúng tôi có hai tên ăn thịt cóc chết không kịp ngáp. Điều này làm anh bạn cựu giáo sư cấp ba của tôi phải thắc mắc: “Thế sao tôi nuốt mấy con cóc con không sao hết á?” Và anh giải thích thêm: “Nào đâu có biết! Hồi giờ có ở nhà quê đâu mà biết cóc con, đâu mà biết ăn cóc có thể bị chết? Thấy nó nhảy, chụp bỏ vào miệng nuốt luôn, chẳng sao cả!” Rồi anh tần ngần: “Ờ, hay là ở cóc con mật chưa phát triển nên không sao?”

Chẳng hề gì, đôi là chuyện kinh niên. Đôi ám ảnh đến nỗi mở miệng là nói chuyện món ăn, dạy nhau các cách nấu món ăn, ăn hàm thụ, ăn trong mơ khoái trá đến độ tiết tinh! Đôi đến nỗi ăn không biết no. Đã có người buổi tối đem đồ thăm nuôi bày ra trước mặt, trình diễn một màn làm kinh ngạc mọi người. Anh lấy ràng bánh tráng ra (độ 100 bánh?) nhúng vào bát nước, cuốn phần com có trộn lon thịt của nhà rồi ăn hết, ăn khá mau. Anh “tráng miệng” với nải chuối chưa được chín lắm. Anh liếc nhìn quanh. Với lúc thường thì như vậy cũng là khá no rồi. Nhưng không, anh trút lon đường và lon bột trộn

vào nhau, từ tốn ăn hết. Chưa uống nước, bột chưa nở. Trong lúc chờ đợi, anh lấy hai cái bánh tổ (bột nếp khuấy với đường cô lại) cắt ra từng miếng nhỏ. Bánh tổ dẻo quánh nhai mãi cả răng nhưng ăn chậm chậm thì cũng hết. No rồi đấy nhưng vẫn thòm thèm. Chẳng còn gì ăn cho ra bữa nữa. Thôi đành là tráng miệng với lon chà bông. Trời ơi! Cái chuyện đáng lưu truyền hậu thế để trở thành thần thoại! “Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt”, anh vẫn nói đùa để bào chữa khi năm bảy tháng sau xác xơ đi gặm củ khoai sống, đi tìm con lạp xưởng.

Mùa mưa đã đến. Nhạc sĩ bất chợt TDT có đặt bài hát dựa theo khẩu hiệu “Nắng ta thi đua với nắng, mưa ta thi đua với mưa”, thực ra cũng khó mà thi đua. Phải nói rằng bị chúng thuc vào đít thì đúng hơn. Buổi sáng ra ngoài sân chờ đi làm, run lập cập vì hơi lạnh của núi. Nghĩ tới mấy cái dốc, nghĩ tới đất cuốc đội tay mà ngán nhưng vẫn mong trực trại gọi đi cho rồi. Buổi xế trưa ra sân ngồi, nắng loá mắt, hơi nóng bốc lên hằm hập cũng muốn đi cho xong. Trời mưa có thể khoái hơn chút ở chỗ được ngưng nghỉ. Nhưng phải đúng lúc tập hợp, phải khá nặng hạt để được cho giải tán, còn nặng hơn lâm râm một chút thì ngồi đấy mà chịu ướt, chịu lạnh. Và phải mưa kéo đến sau giờ tập hợp khoảng hơn nửa tiếng, sau đó thì không được nắng trở lại mà phải vùn vủ âm u như có đe dọa mưa tiếp theo. Ra ngoài bãi, mưa lất phất thì phải đứng chịu trận.

Mưa to thì vào nhà lô nếu là ở gần, vào tụ dưới gốc cây, bụi le. Nước mưa thấm vào, bao nhiêu áo cũng ướt. Hình như có nhiều văn sĩ tả cảnh gà vịt heo chó mắc mưa.

Chưa có ai tả cảnh người tù mắc mưa.

Mùa mưa năm ấy chúng tôi được chuyển đi trồng trà. Người ta dự định trồng vài ba mẫu trên triền đồi dần trải trước mặt khu Trung tâm. Hình như người ta muốn mặt tiền của trung tâm được trồng các cây công nghiệp lưu niệm dài ngày để đem lai về khang trang cho nơi chỉ huy toàn trại, theo thiết kế của các kiến trúc sư tội nhân. Tôi chỉ nghe đến hai người: một ông già (hình như là Quốc Dân Đảng) và một anh nguy quân từng đi Mỹ.

Đầu mùa mưa vừa ướt đất, chúng tôi chẳng dây đào lỗ chờ sẵn. Trà con

ươn từ các các vườn của Biển Hồ, Bầu Cạn gì đấy do đội hình sự chuyển về. Trà ươn hột, trà chiết cành, đủ cả. Nhưng có chuyện gì để nói trong việc này? Mưa gió ướt run cầm cập. Thuộc lảo không đủ ấm. Từng bước ki khiêng chuyển cỏ, nhèm nhẹp lên dốc xuống dốc. Cái rãnh chỉ rộng có ba tấc mà bước không qua, quỵ xuống gượng lên không nổi. Đói và mệt. Còn gì để nói thêm trong những ngày tháng này? Không, không có gì để nói. Không có lời. Không đủ sức.

Trà chỉ là một nốt thêm trong bản nhạc 4 nốt bình thường: lang mì bắp đậu, đậu bắp mì lang. Cái cuộc cứ rê từ đời này sang đời khác, mảnh đất này qua mảnh đất khác theo một sự tuần hoàn lặng lẽ mà các chiến dịch mở ra với khẩu hiệu hô hào, với trống với lân, chỉ trỗi lên nhịp điệu buồn tẻ, chỉ gây ảo tưởng với người bàng quang, không có tác động gì với người trong cuộc.

Sinh khí trong trại bắt nguồn từ một sự kiện khác: Hi vọng về nhà. Cứ mỗi dịp gần đến ngày lễ là một lần trông ngóng. Mừng một tháng Năm (19-5 bao gồm vào đấy), 2-9 (19-8 cũng gộp làm một), Tết (dương lịch và âm lịch). An huệ theo ngày kị chạp, thánh lễ của tôn giáo mới. Tự do được coi là một thứ ban phát chứ không phải là một thủ đắc tự bản chất của nó. Không phải chỉ bọn cải tạo chính trị trông ngóng những ngày tháng này mà bọn hình sự cũng vậy. Không phải đến hết ngày thọ phạt thì họ đi ra theo như giao ước của bản án định rõ (hay nói cho người cầm quyền bằng lòng: theo như lời hứa bằng văn bản của người có quyền). Họ chỉ ra về trong các dịp lễ. Chẳng ai thắc mắc làm gì về những ngày mất tự do thêm mà không có án đó.

Trong năm 1980 trại có độ 200 người về, và tất nhiên có những điều nổi lên có hại cho chính sách. Các anh chàng bị bình bầu “kém”, hành tội đội họp lên họp xuống đều thơ thới hân hoan ra về. Các anh giành được “tiên tiến”, cái mặt bí si. Lại được dịp cho các nạn nhân trả thù, chúng nó quay mình điên cái đầu: “Các anh phải ở lại làm đầu tàu gây phong trào chó!” Tất nhiên cuộc sống dù ở đâu cũng không giản dị như người ta tưởng. Nhưng trong một phạm vi nhỏ, có xộc xệch thì phải có điều chỉnh – ở đây là phân trần. Cán bộ văn hoá giáo dục ra trước hàng tù giải thích: “Đừng nhìn vấn đề ở chỉ một khía cạnh. (Đúng quá rồi.) Đề nghị ở đây vẫn có, nhưng quyết định là ở bên trên. Người kém có thể được người tốt trong gia đình Cách mạng giáo dục

tiếp...” Càng đúng hơn nữa, mà lại càng có ý vị thành thật, gần gũi con người hơn. Có chút mỉa mai trong sự khéo léo trình bày đó, nhưng nghe dễ thông cảm hơn là huênh hoang khoác lác lí thuyết. Có điều chẳng phải vì sự giải thích đó mà bọn tù không thắng thế về lí lẽ. Tất nhiên không thể đem cái thắng ấy gior cho cán bộ xem mà chỉ có thể đem thui ngằm mấy tên o ép thôi.. Và lại là một chiến thắng nữa cho người cầm quyền: Bọn chúng càng thui nhau càng dễ trị.

Đội 18 K3 có người về đầu tiên là ba người Trung Quốc, nhân viên toà đại sứ Đài Loan. Chắc chẳng phải là dân Tàu chính hiệu mà là Tàu Chợ Lớn vì họ nói tiếng Việt không theo như huấn luyện chính quy mà như một người Tàu bản thổ. Dân chính hiệu han đã bỏ chạy từ trước. Chắc lại là dân cứ tưởng mình là tư chức, tuy rằng cũng có thể lợi dụng cái chức ấy mà áp phe làm giàu, chưa kể bằng cách hù dọa thiên hạ nữa. Lỡ có tiền chút ít đâu có dễ mà bỏ đi. Xét tha cho họ rõ ràng có lộ trọng tâm. Một số nguy quân gốc Hoa ở K1 cũng được về, lớn so với tỉ lệ trong trại của họ. Một anh trước khi tha còn được cái thơ của vợ, có kiểm duyệt. Đứa con viết: “Ba ơi, má có chạy cho ba mà họ đòi mắc quá, tới bốn cây lận...” Ba nhà ngoại giao này chỉ ở Sài Gòn có ba tháng là được phép xuất cảnh. Lại cũng chuyện ông già Tàu Quốc Dân Đảng kể chuyện tức cười (?). Họ đi tới nơi về tới chốn. Trừ một người gặp trắc trở. Chuyện xảy ra có vẻ như là một dấu hiệu của bệnh hình thức nhưng rõ ràng là kết quả của một toan tính chính trị sâu sắc. Hai người trong bọn mặc veston ra sân bay. Người thứ ba xuề xoa chỉ có áo sơ mi. Nhân viên công an chặn lại: “Ông mặc áo vét đi.” Chẳng biết tờ giấy thông hành có làm anh ta mạnh dạn hơn không mà anh dám cãi lại cán bộ: “Như thế này đủ rồi...” Nhân viên công an: “Chúng tôi có bộ đồ vét sẵn trong kia (?), ông lấy mà mặc.” “Thôi, lại phiền các ông...” Anh chưa kịp suy nghĩ rằng phiền lụy trước hết là đến với anh... Anh bị giữ lại đến 9 tháng sau mới được đi. Bà vợ đã qua bên ấy trước, đứng đón ở phi trường Đài Bắc, xui đi khi không thấy chồng cùng đi với các bạn. Tôi cứ nghĩ không biết anh ta có xui không như lúc còn ở K3, đang cuộc vun giồng lang, thoát cái nằm lẫn lộn, mặt mày tái mét. Anh có bệnh sa ruột. Làm tôi hoảng hồn cũng muốn xui theo!

Mười mấy tên ở Hóc Môn lên của đội tôi cũng được về 5, 6 tên, trong đó

có đội trưởng cũ lúc mới qua. Anh đi đi cho tránh nợ ân oán giang hồ với đội trưởng mới. Vì kèn cựa nhau, cộng thêm mớ chút máu anh hùng cá nhân, anh đã tố đội trưởng lạm quyền, tố những chuyện lật vặt – ăn chặn, có người phục dịch – để bị tố ngược với cái tội tầy đình: Có lần anh thuật chuyện “ngày xưa” có nghe tên nào qua Đài Loan gặp anh các - chú nào đó còn giữ lại làm kỉ niệm một chiếc áo rách tả tơi thời cải tạo ở lục địa nhưng anh không tin và nay mặc áo chằm, đắp vá mới thấy thấm thía. Chẳng sao, cuộc đấu tố nào cũng có ích.

Mùa mưa rồi qua mùa lạnh, người ta dọn nhà để đón kẻ về. Chúng tôi bấy giờ đã chuyển lên nhà gạch từ tháng 8, đến cuối năm lại tản lạc. Dồn người. Từng đội riêng biệt. Rồi hai đội làm một. Mỗi người chỉ còn năm tấc ngang. Dành chỗ đón toán người Miền Bắc trở về. Trại Nam Hà. Nó có một danh xưng khác quen thuộc hơn mà ghê rợn hơn: trại Đầm Đùn, nổi danh ngang với Lí Bá Sơ ở Thanh Hoá.

Trại lại ngập người. Trong cái ồn ào hỗn độn của những ngày giao tiếp đó, ai muốn đếm và căn cứ vào lượng người để tính ra con số mà hi vọng về thì sẽ phải thất vọng. Người rút đi rồi người ùn ùn tới, cái tỉ lệ hi vọng về tăng lên rồi lại phải chia sớt cho những người mới tới. Cho nên họa sĩ TT (2004: *ai?*) khi cầm tờ giấy phóng thích còn chưa hết ngạc nhiên: “Nhìn số người ở đây, cứ nghĩ giá mình thiếp đi như nàng tiên trong rừng, ngủ cho quên những thắc thỏm chờ đợi, rồi thức dậy cũng không nghĩ rằng mình có thể ra về!”

Tất nhiên người ta cấm chúng tôi liên hệ với những người mới tới. Phần lớn đều là cấp tá. Hình như họ cũng giống như chúng tôi ở Hóc Môn. Chẳng làm gì nhiều, khác cái là họ bị nhốt vào phòng như quy chế tù giam. Đúng như một nội quy nhận định, bắt buộc “lấy lao động cải tạo tư tưởng”, tính chất lao động khổ sai – có cải chính gì đi nữa cũng vậy thôi – đã là sức ép hiệu quả nhất để trị con người, biến đổi họ. Bị nhốt trong bốn bức tường từ năm này qua năm nọ, họ cũng nhờ bốn bức tường ngăn chặn một phần cái quyền uy mới, cho họ một chút tự do bên trong bốn bức tường ấy. Vệ binh trên chòi gác không bắt buộc họ “báo cáo cán bộ tôi đi đâu, đi ỉa”, súng ống có đó mà không tiếp cận tù nhiều. Quản giáo có đó mà chỉ đến với tù những lúc điểm danh, những cuộc hội họp. Chưa kể quản giáo đến với những thức ăn mua

bán kiếm thêm lợi tức cho gia đình. Tù nhân tụ thành một khối lẫn lộn vô danh, hoặc mơ hồ trong óc quản giáo. Còn ở trại lao động khổ sai, tù nhân tản lạc trên miếng đất, hiện ra cụ thể, rõ rệt trước mắt quản giáo hàng ngày không bắt buộc cũng phải nhìn ngắm, dò xét. Trong không gian tù tội mở rộng, cá nhân trần trụi bất lực hơn. Và do đó sợ hãi, co rút hơn. Chưa kể rằng từng trại khổ sai một, chênh mực trần trụi bất lực cũng có khác. Những ngày ở K1, gặp đám nguy ở Quân khu 4 của K3 qua tải gạch, chúng tôi thấy họ lăm lăm, không nói tiếng nào suốt cuộc hành trình – chỉ trừ tiếng nói hiểm hoi của đội, tổ trưởng, có hỏi họ một hai câu băng quơ cũng chỉ được trả lời bằng cái nhếch mép.

Cho nên không lấy làm lạ rằng 200 con người mới về kia có dáng tung tăng thoải mái – “hiên ngang” nữa, của những con chim cột chân nay được thả vào lồng. Lấy thái độ K3 dạy để đối đáp – nghĩa là im lặng tránh né, chúng tôi đã được họ trả lại bằng những lời mắng chửi dẫn dụ. Họ kiêu ngạo ở tinh thần vững vàng của họ hay còn giữ thái độ đàn anh, cấp trên? Chẳng biết. Có điều họ cũng chứng tỏ một tinh thần chống đối khá đồng bộ, khá cứng rắn. Có lẽ đám cán bộ ở đây cũng không ngờ gặp phải phản ứng như vậy. Một bữa đi làm về chúng tôi thấy một anh vùng chân múa tay, sấn sổ với viên cán bộ trực trại. Nhưng chuyện trầm trọng xảy ra là họ đã xúm lại đánh một trật tự viên.

Biến động đến mức quan trọng khiến người ta không thể lùi bước. Đám công an đi vào khu mới tìm bắt người và điều tra liền gặp sự phản kháng tập thể nên rút lui. Đám hình sự được giao phó cùng đám trật tự dò xét nhìn mặt những người hô hào chống đối, khích động nâng đỡ tinh thần mọi người. Chỉ vài ngày sau là bắt được vài ba người đủ để cho phong trào xẹp xuống. Lại mấy bản án “cùm một chân trong nhà kỉ luật 15 ngày, mức ăn 9 cân, cắt viết thư, gặp người nhà... tháng.” Hơn tháng sau có một người về đội tôi, phải nhờ người cõng. Trả về đội cũ trong tình thế đó chỉ tổ gây khích động, đưa sang đội tôi có anh đội trưởng tiên tiến đủ sức kèm kẹp. Và anh ta đã không phụ lòng cán bộ. Một người mới vào hộp vài bữa là có tiếng xầm xì: “Bị đánh chết rồi”. Không thể biết rõ hơn. Mà cũng chẳng ai quan tâm tới. Ở chỗ này chỉ có thể mà thôi. Người ta nhốt người vì người ta bất lực với bên ngoài, với chính

họ chứ không phải vì đám người tản lạc này.

Tết năm ấy, và cả tháng Giêng, tôi nằm bệnh xá nên biết được một ít về đám người này. Trước khi về Đầm Đùn họ cũng được dắt đi tứ phương. Quân Trung Quốc đánh cũng là một nguyên nhân khiến họ đồn về đây. Tất nhiên những người dân bản thổ căm thù họ nhiều hơn dân Miền Nam. Giáo dục tinh ranh trong độc quyền phải mang lại hiệu quả. Chỉ đến khi có sự kiện lạ ngoài đường lối chung, sự thực khác đến mới làm lung lay hệ thống. Không có ý thức tích cực nhưng đám nguy thu nhanh, cùn vuốt – dù là nhanh vuốt cá nhân – cũng trở thành yếu tố tiêu cực làm rạn nứt hệ thống. Ủ, đám người mà sách báo, đài của Đảng, bài nói của cán bộ đều chỉ rõ ràng đó là những tên ác quỷ ăn gan uống máu người không tanh, hiếp dân từ trẻ lên ba, cắt vú đàn bà, quăng ông già vào lửa rồi rú lên cười man rợ, đám người ấy sao cũng áo rách tả toai, sao lù đù mà sao cũng có kẻ xốc vác, vui đùa, sao cũng biết thưa hỏi, sao cũng biết nói tiếng cảm ơn, tiếng nói mà dưới chế độ mới người ta đã quên? Hoan cảnh cũng giúp họ một ít. Dân Miền Nam tiếp xúc với thần tượng mới, gặp những sự kiện bất bất không có một hệ thống truyền thông vĩ đại nào đủ sức cải chính, bèn quên ngay rằng bọn binh lính, viên chức cũ đã làm phiền họ nhiều, từng hoành hoẹ, nhậu nhẹt phá phách họ, cũng từng vác khẩu súng ra giải quyết chuyện kinh cãi lật vật trong xóm làng, từng mặc bộ rằn ri bắt con gà đá ưa thích... Cái biến đổi của dân Miền Nam xảy ra mau hơn vì còn mối liên hệ ruột thịt với những tên bị làm dẽ tể thần cho chế độ sụp đổ. Nhưng tình cảm vốn là chung của con người. Cho nên bọn tù nguy cũng lần lần biến cải thành kiến của nhóm dân Miền Bắc tiếp cận với họ, chưa vướng víu sâu đậm vào “lí thuyết” của Đảng ta. Những người đi làm gần các vùng Mường, Thái... vẫn thường được cho ăn, tuy chỉ là khoai củ – họ còn có gì hơn để cho?

Nhưng vết dầu còn rất ít. Nó loang quá gần trên một tờ giấy quá khô nhuộm màu cánh kiến. Hệ thống kèm kẹp còn vững chắc với thói quen tập thành vẫn chuyển động đều hoà như cái máy đang đà. Người trốn trại rất ít hi vọng thoát vòng vây của dân quân. Phi trường ở đo, con bò lọt vào ăn cỏ được nhưng con người khó mon men đến dò thám. Quyền uy rải ra ở thôn xóm theo một sợi dây điều khiển từ trên, nên muốn kiến hiệu thôn xóm cũng

có thật nhiều quyền vượt ngoài phạm vi nhỏ của nó: Những người trốn bị dân quân bắt lại có khi không còn sống nữa. Không phải phép vua thua lệ làng mà vua cần lệ làng để giữ ngôi vị của mình sau khi nhồi nhét được ý thức trung quân vào tầng lớp quản trị làng xóm.

Trại Nam Hà cũng có nhiều khu trên một vùng rộng từ trong hốc thung lũng ra đến ngoài đồng bằng. So với thời Pháp, nhà tù cũng không nhiều hơn trường học đâu vì bây giờ trường học vô khối, lan đến tận thôn xã. Nhưng ở một chỗ chật như nhà tù này thì chẳng có đất đai gì nhiều để tù có công việc – Dân còn không có đất để trồng khoai củ, có đâu dành đất cho tù? Cho nên chỉ có một bộ phận trồng rau còn bao nhiêu thì lao động lơ mơ. Hình như khác với đám cán bộ vào Nam mang tính thanh niên, mang đà chiến thắng truyền giáo, đám cán bộ tại chỗ có sức ịch của người làm việc nhà nước với những bồi rồi sinh kế nên không mấy hăng hái thúc đẩy công việc hàm chứa “vinh quang”. Chúng tôi thật lấy làm lạ khi nghe nói ở đây sáng ra đi làm có người tụt lại sau, lẫn trong phòng mà cũng chẳng sao hết.

Nhưng cái mâu thuẫn của cuộc đời thật lạ! Lại có trường hợp tranh nhau đi làm. Đó là lúc có khách đến thăm. Phái đoàn này, phái đoàn nọ, thanh tra nội bộ, thăm viếng từ nước ngoài (của ai?). Tất nhiên có khách thì có trò đãi khách, tiếp khách. Có người chán với vai trò phải đóng nên giành cầm cây cuốc – cũng chẳng thành thật hơn nào nhưng thà mỗi bắp tay còn hơn một cái đầu!

Cuộc sống bên trong là cả một hỗn độn cao độ. Không nghe nói đến số phận của những người không có thăm nuôi. Bởi vì lúc nào những người này cũng chẳng có gì đáng nói trừ phi để bao biếm, như anh bạn ở K1 ngồi nhai từng hột cơm một, từng-hột- cơm-một, liếm từng hột muối mà mắt sáng lên trong khi phù thũng đầy mình. Còn người có thăm nuôi dồi dào thì có rất nhiều chuyện vui. Nghe nói phòng giam biến thành cái chợ trời. Hàng bán cho nhau phát sinh hạng người môi giới mà bản lĩnh phát triển đến mức cao siêu. Dân áp phe cũng chuyên hoá theo từng loại hàng: thuốc tây, thuốc Lào thuốc lá, thịt, cá, đồ hộp... Họ bắt đường dây từ bên ngoài, qua những người đi làm, và công khai hơn là từ các cán bộ muốn cho vợ con kiếm chác chút ít gì cho gia đình. Nhà nước ta tha hồ mà nuôi, gia đình tha hồ còng lưng chạy

tiền...

Bệnh xá sau Tết khá trống trải. Bởi vì đây là số lượng tuyến mộ khi ăn Tết xong. Đám bệnh nhân trong năm được trả về đội ăn Tết cho trống nhà thương. Từ hôm mồng 4 chỉ có độ mười lăm người nằm trong phòng đủ cho một đội. Đây là những người được tuyến lựa. Cùng cực mới cho vào đây. Người mới vào được người ở trước chỉ dẫn cho tăng kiến thức: “Góc kia là của thằng X., phía góc đầu là của ông già Tàu, mới nói leo leo đó mà mấy lúc sau đã cứng đơ rồi.”

Bệnh cảm sốt thông thường, kiết lỵ kinh niên nhưng chưa ngã ra, lở loét chân tay nhưng còn đi được, tất cả đều tụm lại một góc hè mỗi buổi sáng đi làm để y tá ghi tên phát thuốc – hay không được phát thuốc. Người ta đi làm xong thì toán người này theo lệnh trật tự về một phòng nào đó, cửa khoá trái lại. Mỗi người ôm mền chiếu của mình mang theo, kiếm một chỗ trải ra nằm co. Tất nhiên cũng đủ vẻ: Người im lìm, người rên rĩ, người rầm rì nói chuyện, đi tới đi lui trông mạnh hơn lúc xếp hàng khai bệnh, náo nhiệt nhất tuy không ồn ra tiếng là lúc xúm lại hút thuốc lào.

Chỉ ở bệnh xá tôi mới thấy gần được các cau bé hình sụ. Thực ra có khi tuổi họ cũng đã lớn (trên 20) nhưng hình như thời gian đã ngừng lại từ khi vào tù nên họ có vẻ vẫn còn tuổi 16, 17. Một cậu trắng trẻo như con gái, nét mặt còn vẻ ngây thơ ngơ ngếch.

Cậu là một cựu nhân viên công an, học lớp 11 ở chế độ cũ – làm công an chắc vì thành tích gia đình. Nghe nói bị kêu 8 năm tù vì xông vào nhà người cướp của. Tuổi trẻ, có khẩu súng, có quyền trong một thời ai cũng nơm nớp lo thân, còn chính quyền thì cũng dựa vào cái sợ ấy mà vững vàng “đánh bại bọn phản động ngóc đầu dậy” thì cậu có đi quá giới hạn chút ít cũng là chuyện thường. Cái án 8 năm đằng đẳng cũng chỉ là chút biểu lộ quyền uy để chứng tỏ sự trong sạch của nhà nước mới thôi, không để ai thắc mắc về trách nhiệm của người cầm quyền cả. Cậu là “ghệ” của anh tướng cướp thử lại tay nghề đã nói.

Chuyện anh này thật liên miên bất tuyệt. Chuyện bụi đời. Chuyện đi biệt kích Mĩ và xì ke. Chuyện ôm thằng bạn chích lăm thuốc “Tao không xong rồi,

mây à” nơi góc một khu gò mả, vừa thương bạn vừa hủ hồn mình đã không choác trước nó. Chuyện cầm đầu các băng xung đột trong các trú khu quanh trại Mĩ. Chuyện đi làm thám báo tình với ông chuẩn úy giắt cây cò Việt Cộng trong lưng, đến chỗ nào vắng đem ra cắm giữa đường, mời hành khách xe đồ vào rừng để tuyên truyền lí tưởng vô sản, khuyên chẳng nên giữ tiền bạc trong mình làm gì. Chuyện làm tướng cướp tung hoành một thời, với các chuyện tình chắc cũng tô điểm thêm chút đậm đà. Chuyện bao nhiêu năm không chích, không phi nữa nhưng nghe ai nhắc đến thì vẫn thay nhớ, yếu đuối một chút thì ngáp, chảy nước mắt dù rằng những người như anh, bằng cách nào không biết, cũng có một mớ thuốc ngủ, uống vào 7, 8 viên mà người vẫn tỉnh.

Cánh Cửa Trại Hé Mở

Cổng trại không từ chối mở khi chúng tôi đi ra, khi chúng tôi đi làm về. Với riêng tôi, cái cổng trại như muốn hé mở ngày 3-3-1981. Chiều hôm ấy đội đi làm về bỗng dừng lại trước sân khấu nghe người cán bộ văn hoá giao dục đọc một loạt tên. Chẳng phải cho về đâu vì diễn tiến bình thường không có như thế. Dù sao biến chuyển nho nhỏ nào cũng gây hi vọng, hụt giơ nhiều lần cũng cứ hi vọng, để cho có thể sống được. Người ta đọc tên, mỗi đội vài người. Có tên tôi. Chẳng có gì đáng quan tâm. Mỗi người về làm bảng lí lịch và bảng thành tích học tập trong năm. Thành tích của tôi là “kém”. Số người phải làm giấy không ít: 112 người gì đó. Chuyện ngờ ngợ là số lượng có vẻ vừa đủ cho một lượt người về. Tờ danh sách của người cán bộ đọc lên được ghi: “Bảng danh sách trích ngang đợt III.” Có ai đấy không dừng được kêu lên: “Về! Về!” bị người cán bộ trừng mắt: “Về đâu ma về!” Nhưng giọng điệu không gay gắt lắm.

Rồi với ngày tháng hi vọng cũng nguội dần. Có người đã làm giấy như vậy, vài ba ngày thì về. Có vẻ người ta đã làm lạc giấy tờ của anh ta ở đợt trước. Nhưng cũng có người cười nhạo: “Tôi đây đã làm thứ giấy đó hồi tháng 11 năm ngoái rồi! Anh X ở đội nhà bếp làm mấy lần rồi đó!” Chẳng sao. Cộng thêm cái tính câu thả về giấy tờ mà chúng tôi đã thấy quen bao nhiêu

năm, là sự gian truân trèo đèo lội suối, leo lên xe lửa, tụt xuống xe hơi của hồ sơ chúng tôi từ đây vào Sài Gòn, ra Hà Nội...

Tuy bụng nôn nao tôi vẫn muốn không suy luận vô căn cứ. Chữ “đợt 3” là căn cứ của tôi. Tất không phải là đợt 3 của tất cả các lần phóng thích trước. Có hi vọng rằng đó là đợt 3 của năm 1981. Thế mà từ Tết chúng tôi chỉ mới về có một đợt. Đợt 2 chắc là 1-5. Đợt 3: 19-8, 2-9! Còn phải nửa năm cầm cán cuốc, cán xẻng nữa.

Trong những ngày nằm bệnh, đội 18 đã giải tán, tôi được chuyển sang đội 8 nhưng không rời anh đội trưởng của tôi. Sức khỏe bình phục dần, tôi lại trở về đội. Không khí khá khác. Những người trong đội khi lên tạt vào bệnh xá để xin mớ mắm ruốc chúng tôi không ăn – dân bệnh có quà nhà không ăn – họ đã cho tôi biết ít chuyện làm quà về tình hình trong đội. “Hắn đổi tính rồi. Có lẽ vì có tên trong danh sách về. Có lẽ vì hắn vào đội mới chưa nắm kịp tình hình. Lại quản giáo không gay gắt. Đội khá thoải mái.” Lí do chính có lẽ do hắn đổi tính. Hắn thấy gắng công “tiến bộ” lâu nay đã mang lại kết quả nên buông tay. Năm bảy ngày sau bữa làm giấy, có người bạn hỏi tôi: “Đã sửa soạn cha? Thằng Đ (đội trưởng) nó cho hết cả đồ đạc rồi, chỉ còn giữ lại cái chén đôi đũa ăn cơm thôi!”

Dịp về tháng 5 không có tên người nào trong danh sách kia cả. Chúng tôi vẫn phải cắm cúi san mặt bằng cho sáng sửa khu phía trước Trung tâm. Khu đồi quá rộng, nhà cao nhất chỉ có hai tầng, những nhà trệt chung quanh thấp ngấp dưới các bậc cấp nên làm các bậc cấp chỉ khiến cho khu nhà thêm nhỏ lại. Có lẽ đẹp hơn là trồng các cây to có tàn độn thêm vào khung cảnh tro trụi để cả vùng ấm cúng hơn. Chắc vì tính thế nên người ta mang dừa về trồng, đem dừa con về chuẩn bị đến mùa mưa thì đào hốc.

Chưa thấy trồng đâu mà hao hụt đã rõ. Mì tươi mài trên tấm tôn đục lỗ lạt, tanh, đắng như đã nói, nay rải thêm chút dừa nạo thì ngon hơn nhiều, dù là cơm dừa loại đã mọc mộng rồi cũng chẳng sao. Anh hậu cần lại có việc làm.

Thêm một rắc rối nho nhỏ. Trong đồng rác bươi ra tôi thấy lòi cái đầu bò to tướng, chắc là của mấy cái nồi phở sót lại. Tôi lấy xẻng xúc đặt nó lên trên đồng củi nhóm để hút thuốc Lào, cho mũi quay về hướng thung lũng, định ý

rằng người đi đường nhìn lên sẽ thấy như một dấu hiệu tô tem – đời sống có những cái vui bất chợt, chẳng có ý nghĩa gì sâu đậm, qua con rồi mới thấy tính cách vô lối của nó. Người dưới đường chưa thấy đâu, anh V. đã thấy trước. Cái đầu được bửa ra, mấy sợi gân tuỷ nhờ trời nắng gắt nên khô quắt lại. Có chút mùi hôi nhưng nấu lên làm nước cốt cho canh gồm mấy cộng rau tàu bay, các thứ củ mì để chua tán nhỏ. Cho có hơi thịt! Lại màn kiểm thảo về vệ sinh, nếp sống văn hoá mới... May mà anh đội trưởng tôi đã thí phát quy y.

Bếp nấu được dễ dãi, củ mì được dịp tiêu thụ. Mì H34 buổi sáng phát lèo tèo vài miếng mà vẫn có người chê. Mì say đã đành, người đói càng không dám an vì càng say dữ. Mì cứng, sượng người ta chê, đồ. “Người ta” đây là những người có chút thăm nuôi để cái tính khảnh ăn của mình có dịp phối hợp nhuần nhuyễn với sự chịu nhịn bụng mà loại nó ra. “Người ta” đây là những người kiểm ăn bên ngoài được. Bởi thế ở đội chúng tôi, sáng trưa vẫn có người lảng vảng ngoài hè để chặn mấy người ở các đội đi trả soong. Có khi không cần ngoắc kêu, họ rề tới, không nói tiếng nào, giở nắp ra để chúng tôi trút phần mì có khi còn nguyên vẹn của đội họ. Có đội đem đặt soong bên hàng rào, gõ cạch cạch vài tiếng ... Lấy mì rồi chịu khó đi trả soong ở nhà bếp cho người ta. Luật giang hồ sơ sơ là như vậy. Đám hình sự có dịp làm ân nhân chúng tôi. Buổi tối chẳng có công việc gì làm – lúc này hợp hành nháy mắt là xong – thì đem mì tán nhỏ, xin chút đồ ăn ở đâu đó chờ sáng mai ra hiện trường nấu. Chẳng có gì thì lấy nước mắm kho nêm, ra bãi quơ mớ rau tàu bay, rau diệu nhét vào cho có chút chất ngọt. Lại cũng có thể để lên mồi sau vài ba ngày cho có món canh chua, vừa có món mới ngon miệng vừa bớt say mì. Tên nào nghĩ ra chuyện này đáng được hưởng giải thưởng của FAO – nếu có giải thưởng đó. Người giỏi, khéo tay hơn thì làm tương, chao đem khoe nhau tài nội trợ của mình. Tôi chẳng cần lôi thôi, cứ để cho nó lên mồi, làm chua, đến bữa đổ vào canh nhà bếp là có canh chua. Cũng no được một thời.

Nhưng từ hồi Tết ra, cái náo nức được tha đã tạo ra một nếp sống mới. Mọi người bàn tán về ngày “đọc tên”. Tin tức vẫn là từ đám hình sự. Đã nói, đám này làm khuôn vác, tạp dịch ở khu Trung tâm, nhà cán bộ nên thu lượm tin tức có khi chính xác: “Ông X. đi Sài Gòn, ông X. trở về mang danh sách...

Ông Y đi Pleiku lãnh tiền..." "Thứ sáu này kêu tên..." Chẳng thứ sáu thì thứ ba. Chẳng đầu tháng thì cuối tháng. Không có gì lạ.

Thứ hai mắc kiểm điểm hàng tuần, có "kêu" thì để dành thứ ba. Thứ sáu "kêu" để có về ngày thứ bảy thì chủ nhật người ta còn nghỉ ngơi. Tin tức trật và càng lúc càng nhiều vì cái ranh ma của các cậu. Bon chúng biết đám chính trị trông ngóng ngày về nên tung tin để lợi dụng. Kẻ nào cả tin, bốc đồng thì chúng có thể có ngay gói đồ ăn, cục thuốc to. Nếu là đúng thì ngày đàn anh về có hi vọng đeo theo kiểm áo quần, đồ dùng của đàn anh để lại. Chẳng được gì nhiều thì một lần rề lại tán chuyện, đàn anh phải mời bi thuốc Lào. Gặp lúc một bi hai người hút rồi mà có người thứ ba rề lại xin "cái xái" thì làm việc được trả công như thế cung là hời lắm rồi.

Những người có tin để chờ đợi thì phải ngóng vào một buổi sáng. Những người muốn trí óc không căng thẳng mà vẫn ngóng đợi thì cũng phải chờ một buổi sáng. Buổi sáng có cái bàn để sẵn, có bình hoa, có ghế dài một vài cái. Điều sau khá quan trọng vì nó phân biệt với một buổi sáng cán bộ văn hoá nhận xét về tình hình cải tạo trong tuần, hay phổ biến một tin tức nào đó. Một buổi sáng tốt đẹp như vậy thường hay có sự dùng dằng trễ nãi giờ làm. Buổi sáng mà theo tin tức dò hỏi trước rằng sẽ có "đọc tên" là một buổi sáng hời hợt, nhất là khi có những triệu chứng chậm chạp. Trễ nãi lại có khi vì trời mưa, có khi vì tập hợp cán bộ chưa xong, có khi chỉ vì ăn sáng nhanh quá nên thời gian chờ đợi kéo dài ra. Vậy mà vẫn là điểm tựa để hi vọng bầu vịu. Cho đến khi có hồi keng tập hợp mà không thấy bàn ghế đâu hết.

Ngày 19-5 qua rồi mà vẫn còn không khí chờ đợi tuy có hơi xẹp xuống. Hình như người ta quên cả cái thời điểm tuần hoàn là công việc tổng kết sáu tháng đầu năm. Mùa mưa bắt đầu cũng thay đổi cái nhịp buồn tẻ của công việc. Sáng ra có thể mưa không đi làm, có thể hời hợt chờ mưa, thất vọng thấy tạnh, ngồi sân rét run, chốc xỏ áo mưa sồn sột, chốc cởi ra cho đỡ bức. Ngoài bãi trời mù mây thấp, có thể về sớm vì một trận mưa đổ xuống. Buổi trưa có thể đánh một giấc ngon lành trong tiếng mưa ào trút xuống, thức dậy theo tiếng keng, thấy trời tạnh phải than: "Ông trời được cải tạo rồi!"

Sáng 8-6 kéo ra sân, trời mưa, chạy vào nhà, cứ tưởng ông trời "lấn cấn"

ủng hộ cải tạo. Dung một cái lại đi. Tay không, lên hội trường làm lễ tổng kết 6 tháng đầu năm. Không thể ngồi yên được đâu. Hay nói đúng hơn, lên hội trường sẽ được ngồi yên. Ngồi xem diễn xuất. Diễn văn tổng kết, diễn văn nhận xét tình hình có những đoạn nhập đề dài lê thê về Bốn ngàn năm văn hiến, về đánh Pháp, đánh Mỹ, đánh Trung Quốc xâm lược, đánh Pôn Pốt, Ieng Sary (chùng nào đánh Liên Xô?)... Màn tổng kết có danh sách các phạm nhân cải tạo tốt. Rồi đến màn phát động thi đua 6 tháng cuối năm, đợt thi đua ngắn ngày mừng Cách mạng tháng Tám, 2-9. Cái nhịp đều đều đó hoà với cơn mưa bụi bên ngoài, dưới nền trời xám xịt, thúc đẩy thêm cái mỏi mê của những ngày trước, cơn đau lưng từ trong buổi họp. Đầu óc tê dại, cơn mắt nhướng không lên. Ngày 2-9 năm ngoái tôi bị bắt gặp ngủ gục và bị kết tội chống đối Cách mạng.

Thôi chuyện đã qua rồi. Lâu lâu cũng phải có một màn hấp dẫn để thay đổi không khí. Viên giám thị trưởng bỗng bước ra bục vào lúc vai trò bình thường của ông tưởng đã xong. Dáng cười cười của ông gây xôn xao bên dưới. Không cần nghe ông ta đùa bỡn gì nữa. Không cần thấy ông ta cố làm dáng ý nhị, thông minh gì nữa. Có “đọc tên” là được rồi. Tên tôi ở hàng thứ hai. Trong cái vui mừng, tôi thấy phải chia xẻ mà không biết nói sao với anh chàng giáo giác ở Bình Dương bị tố cáo là CIA: “Thôi, khỏi cần nghe nữa, không có tao!” Danh sách toàn là tên nguy quân của ngày 3-3. Trừ tên anh đội trưởng của tôi.

Nỗi vui mừng của chúng tôi còn được người khác chia xẻ. Chia và xẻ. Người ở lại xin thứ này thứ nọ. Chẳng sao. Cuộc đời bấp bênh bên ngoài chắc vẫn còn để cho những người có hai tay hai chân sống được. Chia xẻ từ lúc ở đội. Chia xẻ ở cả nơi căn nhà mới. Cho những người khách trẻ tuổi.

Tiếng đồn về những người này quả thực không ngoa. Mới xách đồ đạc chuyển phòng có người đã mất bị, túi trong đó có hình ảnh, thư từ củavợ con. Đi qua phòng mới là họ ào tới. “Chú, chú cho con cái này... chú về rồi giữ mà làm cái gì, tụi con ở lại không có gì, tội nghiệp...” Lời van vỉ nghe cũng tội nghiệp thật nhưng chẳng có ai tội nghiệp giùm cho mấy ông “chú” vừa nói chuyện quay qua quay lại thì đã bị rút cái này cái nọ, bước xuống đất không thấy đôi dép của mình đau hết, chỉ thấy mấy ông cháu đang tỉnh bơ van vỉ

“Chú, chú...” Họ đến tự nhiên, họ về không bị phiền nhiễu gì hết. Thôi, ngày vui, chẳng ai nặng lời, có mất mát chút ít cũng chẳng sao, cả anh bạn đứng ngày gọi tên được thăm nuôi, không nhận gì hết (về rồi mà!) chỉ mang vào có lon thịt, gói kẹo, bị mấy ông cháu nặng mặt.

Trái với sự chờ đợi, hôm sau chung tôi cũng chưa được về. Tưởng ở lại trại thông thả một ngày té ra lại phải đi nhỗ cỏ. Ăn cơm chúa của nhân dân thì phải múa vậy. Múa một ngày cuối không gặp khán giả khó tính. Không thấy bóng quân giáo, quân chế đâu cả. Làm việc chẳng nặng mảy mảy mặt – tuy cũng thấy mệt, đau lưng và mưa lạnh.

May con dế, mấy con ếch nhái, bụi rau tàu bay cũng được hưởng ân huệ của nhà nước, lượng khoan hồng của Đảng, chẳng sợ ai chụp bắt chúng cả. Nổi vui còn dính bùn, còn nặng mây mù, còn chập chờn lãng đãng nhưng là nổi vui thật sự. Lòng ích kỉ cũng không tránh được. Những người bên kia hàng rào, mới gần đây, còn thấy được, còn cười với họ mà bây giờ sao như xa lạ. Lỗi nào ở chúng tôi.

Đêm đó mưa. Vẫn còn nỗi lo âu không biết bao giờ mới được chào già từ cái nơi quỷ quái gớm ghiếc này, tuy không chắc rằng không có thể trở lại nữa, nhưng dù sao bây giờ cứ mong ra khỏi nơi này cái đã. Buổi tối có người thăm thì: “Mai về, đã gọi bọn (tù) văn hoá len viết giấy rồi.” Nhưng đã biết bao lần đoán như thế rồi. Có điều cái không khí ẩm cúng bừa bãi trong phòng cũng ngăn chặn những ý nghĩ bi quan. Lại thêm cái triết lí chịu đựng: Thì mong đợi bao nhiêu năm rồi, còn vài ngày nữa có là bao.

Buổi sáng được lệnh ra về. Thôi chẳng còn gì phải lo nữa. Dàn đồ đạc ra cho các anh trật tự văn hoá khám xét (còn cái gì mà khám?) cũng chẳng thắc mắc. Lôi ra rồi lại cất vào. Thấy thiếu một món mà nhìn vào hai cậu thường phạm, một cậu đứng trước một cậu ở sau tay chẳng có gì, dưới chân, gần đó không chỗ nào có thể giấu được, vậy mà mất tiêu! Thôi dọt lệ! Tôi cuốn một ít đồ ăn ngang qua đội cũ đưa cho anh em làm chút quà ân nghĩa của nhà nước. Đường ra công chẳng ai chặn, quên báo cáo cán bộ gác cũng cho qua. Đường lên hội trường bon bon, mưa lất phất.

Cái hội trường chứa được cả 800 người mấy bữa có họp nay chỉ lỏng

chồng 60 con người ta. Thủ tục trả tiền gói, phát tiền xe, cho áo quần, kí giấy phóng thích cũng lười thôi đấy nhưng mà sao khác với lúc vào! Cũng một ngày mưa lúc đến, cũng một ngày mưa, ra. Nhưng cổng trường Taberd cao vút, hanh lang Taberd kín bung. Ở đây, hội trưởng Gia Trung mở rộng cửa trên đời lộng gió.

Tuy nhiên vẫn có một chút trục trặc. Trục trặc tập thể. Người ta dùng dằng để phát áo quần trễ, cho phép ai lãnh giấy rồi về trước cũng được nhưng chỉ độ mười tên xăng xái đội mưa gió ra đi còn thì ở lại. “Chờ bao lâu rồi, một chút nữa đã sao. Nghe nói bộ đồ bán được 50 đồng, thêm vào tiền xe về nhà, bỏ cho bọn cán bộ nó lấy, uống.” Trục trặc cá nhân: Tôi được kêu lên trong lớp người đầu kí giấy nhưng lại có lệnh bảo về chỗ chờ. Có những điều không thể không tự phụ: “Cây càng cao gió càng lay.” Tôi hiểu lơ mờ lí do đó. Còn lần thi ôran chót tuy hứng, không có trong chương trình nhà nước nào. Lần này về, trại chẳng có “đãi đãi” như những lần trước, chỉ có nước mắm (còn hơn là nước muối), mà cơm lại tới trễ, đành ngồi ăn chút bột trộn đường của các tay khác vậy. Lo lắng chuyện ăn tới phút chót cũng không phải là điều sai lầm.

Cuối cùng rồi Tạ Chí Đại Trường cũng được gọi lên. “Anh có được giải thưởng gì... năm... phải không?” Chẳng phải là thánh đế đi trong bụng người khác nhưng sống với nhau bao nhiêu năm “anh em mình” chẳng lẽ không hiểu tình tình, suy nghĩ của nhau sao? Không biết có phải cái dở, cái kém của mình là gặng rồi lại thụt không? Hay tại cái thế bắt buộc? “Qua bao nhiêu năm cải tạo, anh có nhận thấy anh đã viết sai lầm không?” Không, về chuyên môn. Làm sao giải thích cho cậu bé biết “chuyên môn” là cái quái gì? Khi quyền lực cho nó đúng thì nó đúng. Chỉ đáng tiếc là các “học giả” nhà mình không ngờ rằng lí lẽ của họ muốn được gọi là đúng phải kêu cầu đến cùm xích yếm trợ. Mà đến đây thì tôi thua rồi. Thua đi để màn tuồng cương này chấm dứt vào buổi trưa ngày 10-6-1981. (2004: *Bản thảo viết vội quên nhắc câu đe dọa của người cán bộ kia khi trao tờ giấy phóng thích cho tôi: “Anh có khả năng sẽ vào lại đây nữa đấy!” Cho nên, nhát nhúa mà nghe nói được đi Mỹ là tôi phải dọt lệ!*)

Đường Trở Về Trần

Một buổi tối ở bệnh xá, một người được đi làm-rộng – tự giác, kể chuyện ra ngoài đường cái gặp “bà con” mới mở cuộc “phỏng vấn” cấp tốc: “các ông các bà thấy chúng tôi ra làm sao?” – “Ngó sao chẳng giống con giáp nào hết.” Người ở ngoài ít nhiều gì cũng kinh khiếp, cũng có lí với sự kinh khiếp về cuộc sống của những người bên trong vòng rào có lính mang súng đi kèm. Chẳng giống với cuộc sống của người lớn vì phải đi thưa về trình, chang giống ai với lối “lá gì xanh thì ăn, con gì nhúc nhích thì ăn”, chẳng giống ai với cuộc đời không phải chỉ mất tự do mà còn phó thác sinh mạng trong tay người khác. Chẳng giống ai ở chỗ biết rằng có nói gì đi nữa – dù là nói với mình – thì cũng bằng thừa. Cái mặt ngơ ngẩn nào có giống ai?

Nhưng những người nói rằng có thể nhận ra một con giáp nào đó, những người ấy có tự nhận rằng mình cũng chỉ là một con giáp thôi? Mong rằng họ còn muốn là hơn, tuy thực tế trong cuộc đời mới họ cũng chỉ được tới chừng ấy mà thôi. Còn tôi bây giờ đang có dáng hình của một con giáp, và còn phải học tập nữa để thành một con giáp đích thực.

Cảm giác đầu tiên là một cảm giác choáng váng. Con đường lợi bộ ra quốc lộ 19 dầm nước mưa, hơi dính chân nhưng sao cứ muốn hất cả người lên. Con đường 19 đen loang loáng, chồm lên, nhúi xuống ngút ngàn, ngợp người dù rằng có núi đồi, rừng cay ngấn chặn tầm mắt. Đứng bên đường vẫy xe xuôi ngược vẫn thấy có gì làm chùn tay. Sao? Chưa tiếp xúc thẳng với con người, chỉ mới qua trung gian những khối sắt có bánh lăn mà vẫn chưa vượt qua được sự ngần ngại. Cho nên vẫn không dám nhận ánh mắt lạ lùng thương hại của những người đàn bà trên xe – đàn bà dễ biểu lộ tình cảm không phải chỉ bởi bản chất mà bởi vì có biểu lộ “sai lầm” cũng ít gặp nguy hiểm hơn đàn ông. Một điểm để thông cảm với đàn ông bên ngoài. Mặt khác vẫn tranh né ánh mắt của đám bộ đội trên xe, đám công an chặn đường khám xét – phần vì e dè sợ hãi, phần khác có lẫn chút coi thường từ chút tự do vừa có được.

Một chuyến xe đò xuống Diêu Trì, một chuyến xe lửa vào Sài Gòn còn mang tâm trạng hoang mang nhưng cũng thu được nhiều hiểu biết. Hiểu biết

bởi có sự phối hợp của không gian và thời gian nên mang mang thêm tính đa diện. Trên đoạn đường dài, những lộng hành của người có quyền thật đa tạp. Những trạm kiểm soát lưu động hay cố định dọc đường ăn hối lộ công khai, nhỏ nhặt. Người công an kiểm soát nghĩa vụ quân sự “xin chút tiền” qua người trung gian. Nhân viên đường sắt mỗi người một toa tàu chia nhau ranh giới quyền hạn nhận người đi chui, người buôn lậu... Trên đoạn đường dài cũng thấy được nỗi chịu đựng sự nghiệt ngã của người dân và sự khinh miệt không giấu diếm của họ đối với quyền lực mới.

Trong chuyện riêng tư, giữa đoạn đường dừng lại thăm nội ngoại, già từ người mẹ nằm dưới đất 26 năm cách biệt, tôi cũng nghe biết về mình. Em. cháu đua nhau tới xem mặt “anh T. / Bác T.”, xem mặt con người tâm thường của dòng họ mà sao bọn chúng cứ nghe “thiên hạ” chửi bới từng cấp một: ở lớp 12 trong giờ sử hiện đại, ở trường sư phạm của chuyên khoa sử, của những giờ chính trị, ở các lớp tu nghiệp giáo viên mà người chửi là một ông Thứ trưởng, một ông chức chương nào đó chưa chắc đã bỏ công đọc quyển sách của tôi. Dù sao cũng là tội nghiệp cho tầng lớp trí thức ít nhiều còn nuôi cái hóm hỉnh trái mùa của lớp sĩ lâm nhằm kinh sách, quay quắt với mớ chữ trích cú tầm chương mà thực tế thì đói nghèo xơ xác, mà danh vọng thì vẫn còn là ảo vọng.

Ghi lại những điều đã học được, đã hiểu được, đã vỡ ra được, còn lại trong trí óc quay cuồng như thế này cũng thật là nhiều. Nhưng vẫn còn một điều canh cánh bên lòng.

Với số lượng người bị nhốt và nhịp độ thả người dè xén như thế này, chừng nào những người bạn của chúng tôi cảm thấy ngợp người trên con lộ 19 nhựa đường, ánh nước loang loáng? Chừng nào họ trở thành người khi những kẻ nhốt họ vẫn không hiểu đầy đủ về chữ “người”?

Sài Gòn tháng 9-1981 – 5-6-1982.

Tết Giáp tí (1984) rảnh rang đọc Le 1er cercle của Soljenitsyne thấy giá có đọc trước thì đỡ mất công viết nhiều phần của hồi kí này. Cũng một phương cách tỉ mỉ về việc làm tê liệt ý chí phản kháng cá nhân, sự chú tâm về bọn tù chính trị gay gắt hơn bọn thường phạm. Sự lừa dối tinh vi với bên ngoài – vẫn đề thăm nuôi, cách viết thư buộc

gia giành phải lạc quan... So sánh lại thì hiệu quả cũng thật rõ ràng, sự thành công không cần chứng minh nữa – cả phạm vi không riêng ở trại tập trung.

Hồi kí cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi kí cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào Văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi kí mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

Một khoảnh Việt Nam Cộng hoà nổi dài của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi kí cải tạo. Tuy nhiên bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi kí theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao.

Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi kí cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời, chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dần giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi kí có những phân tích tâm lí sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi kí này hiện ở Việt Nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường đã không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể xảy đến. Ông muốn mình danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi kí này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu của một người chép sử.

CHUYỆN VNCH NỔI DÀI

Tháng 3-2004 về VN, đi Huế định lấy bản thảo cũ về, cốt ý là bản “VNCH nổi dài” để về Mỹ đánh vào máy. Cần nó bởi vì những bản khác như Thần, người và đất Việt đã in rồi, chỉ “nổi dài” là chưa, mà lại nhiều chỗ lộn xộn, nhất là chữ tắt. Cầm 2 bản của Phú, không mở ra (bối rối vì những toan tính khác, không làm kịp, nhất là lại còn bí đái?!), hôm kia (13-8-2004), lục lại để bắt đầu thì ra chỉ có hai bản Thần, người và đất Việt, Những bài đã sử! Ngu chi lạ! Suy nghĩ lại, không đưa VNCH nổi dài cho Phú vì sợ hấn ta liên lụy, chưa kể sợ mất đi! Thế thì bản đánh máy con lại ở đâu? Trong tủ thờ giữ đồ của mình chỉ có bản viết tay giấy tái chế đen điu, mà hình như cũng chỉ còn một nửa.

Sang năm nếu về được coi kỹ lại xem sao. Lại đã giựt tờ đầu mang qua Mỹ, chép lại đây để thấy cái run hồi đó, với lại cũng sợ mất nó (bỏ lung tung trong đồng sách vở lộn xộn, tìm được một quá):

Nouveaux mémoires d’outre-tombe

(2004: cũng vui, còn nhớ chữ Tây!)

Chuyện xưa kể rằng: Một quyền thần giết vua, nhìn thấy viên sử quan ghi “Tên X giết vua!” liền giết đi. Người sau cũng vậy và cũng chịu chung số phận. Đến người thứ ba thì X run tay. Tha. Đi ra cửa gặp viên sử quan bên cạnh vac bút tới “Nghe nói bên này giết hết sử quan sợ không ai viết sử nên vội sang thay.” (Ngoài sách, hình như chuyện này ông Bửu Cầm kể trong lớp.)

Chuyện “Tàu” chi lạ! Nhưng chuyện dù không có thực mà đã được kể ra tức cũng nêu được một lý tưởng. Có điều khoảng cách giữa lý tưởng và khả năng thực tế sao mà chông chênh cách khoảng ngợp sâu hun hút! “Thịt da ai cũng là người”, vừa viết vừa run. Ý thức bốn phận, đòi hỏi chân xác được lưu giữ, có làm cho tôi thắng được sự hèn nhát thông thường của thịt da không?

Tự phê 2004: SỢ, dĩ nhiên rồi. Cũng tưởng là chế độ không đến muôn đời con cháu mai sau thì cũng dài dài một chút theo mực cũ để mình (hay bài) không thể thoát ra ngoài nên nhớ ông Chateaubriand! Lại cũng hơi ngù ngò về “sách vở”, cũng một thứ “chữ nghĩa để đời” ngông nghênh dính vào thịt da run sợ, tội nghiệp!